



TÁC GIẢ HAI LẦN ĐOẠT GIẢI
GONCOURT

ROMAIN GARY

L Ờ I H Ứ A
L Ú C
B Ì N H M I N H

.....
NGUYỄN DUY BÌNH *địch*

 **nh**
nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ROMAIN GARY

Nguyễn Duy Bình dịch



LỜI MƯA
LÚC
BÌNH MINH

• PROMISE AT DAWN •

NHÃ NAM & NXB VĂN HỌC

ebook©vctvegroup | 06-12-2020

TÁC GIẢ

Romain Gary, tên thật là Romain Kacew, sinh năm 1914 tại Vilnius, ông đến Pháp vào năm mười bốn tuổi và cùng mẹ định cư tại Nice. Sau khi theo học ngành Luật, ông đăng ký gia nhập Không quân Pháp và tham gia đoàn quân của tướng de Gaulle năm 1940. Ông biết đến thành công đầu tiên trong sự nghiệp viết lách với cuốn tiểu thuyết đầu tay *Giáo dục Châu Âu*, xuất bản năm 1945, và báo trước một tài năng kể chuyện lớn với văn phong gai góc mà giàu chất thơ. Cũng trong năm ấy, ông chính thức trở thành nhân viên Bộ Ngoại giao Pháp. Sự nghiệp đối ngoại giúp ông được đi rất nhiều nơi, lưu lại rất nhiều chôn, Sofia, La Paz, New York, Los Angeles. Năm 1948, ông xuất bản *Phòng thay đồ lớn* và năm 1956 nhận giải Goncourt cho tác phẩm *Cội rễ bầu trời*. Là lãnh sự tại Los Angeles, ông kết hôn với nữ diễn viên Jean Seberg, viết kịch bản và đạo diễn hai bộ phim, ông giã từ sự nghiệp ngoại giao năm 1961; và viết *Lũ chim sẽ chết ở Pérou* cùng một tiểu thuyết hài hước mang tên *Quý bà L*, sau đó bắt tay vào sáng tác theo thể loại saga với các tác phẩm như vở hài kịch nước Mỹ, *Người anh em Đại Dương*. Năm 1979, vợ ông qua đời, các tác phẩm của ông trở nên thâm trầm nỗi hoang mang về sự suy tàn và tuổi già: *Phía bên kia giới hạn tám vé của anh không còn giá trị nữa*, *Sự thật về phụ nữ*, *Những cánh diều*. Năm 1980, Romain Gary tự vẫn ở Paris, để lại một chúc thư nêu rõ ông từng ẩn mình dưới cái tên Émile Ajar để viết các tác phẩm *Kẻ dìm dằm thô kệch*, *Nỗi u buồn của vua Salomon* và *Cuộc sống trước mặt* - tác phẩm đạt giải Goncourt năm 1975.

Romain Gary trưởng thành trong sự dạy dỗ và yêu thương của người mẹ hết sức đặc biệt, người đặt vào ông toàn bộ niềm tin và hy vọng đời mình, người được ông miêu tả, kể lại cũng không kém phần đặc biệt trong chính tác phẩm này, *Lời hứa lúc bình minh*.

Tặng René và Sylvia Agid

PHANT

CHƯƠNG I

HẾT RỒI. Biển Big Sur không một bóng người, còn tôi vẫn nằm trên cát, đúng chỗ tôi đã ngã xuống. Sương mù biển khơi làm cho mọi vật trở nên dịu dịu; phía chân trời không một cánh buồm ló dạng; trên một chỏm đá, trước mặt tôi, hàng nghìn con chim đang đậu; trên một chỏm đá khác là một gia đình chim hải cẩu: hải cẩu bố cứ dấp dềnh trên mặt sóng, bóng nhảy và đầy vẻ tận tâm, miệng ngậm một con cá. Thi thoảng, những con nhạn biển hạ xuống gần đến mức tôi phải nín thở, và nhu cầu xưa cũ trỗi dậy trong tôi: một lát nữa thôi, chúng sẽ đậu lên mặt tôi, nép mình vào cổ tôi, vào vòng tay tôi, một lát nữa thôi, chúng sẽ phủ khắp người tôi... Ở tuổi bốn mươi bốn, tôi vẫn còn mong được âu yếm thực sự. Tôi đã nằm trên cát lâu lắm rồi, nằm bất động như thế trong khi những con bồ nông và chim cốc đậu thành vòng tròn quanh tôi và lúc này, một con hải cẩu đã thả mình theo sóng đến tận chân tôi. Nó ở đó một lúc lâu và ưỡn mình trên hai vây nhìn tôi, nhìn xong lại quay về với đại dương. Tôi mỉm cười với nó, nhưng trông nó có vẻ nghiêm nghị và đượm buồn, như thể nó biết điều gì đó.

Mẹ tôi đã đi taxi suốt năm tiếng đồng hồ để đến chào tạm biệt tôi sắp đến đợt huy động tại Salon-de-Provence, nơi bây giờ tôi đang là trung sĩ huấn luyện tại Trường Đào tạo Phi công.

Taxi là một chiếc Renault cổ tôi tàn: trước đây, chúng tôi đã từng sở hữu năm mươi, sau đó là hai mươi lăm phần trăm quyền khai thác thương mại chiếc xe. Từ nhiều năm nay, nó trở thành tài

sản riêng của tài xế Rinaldi, người từng hùn vốn với chúng tôi; tuy vậy, mẹ tôi vẫn có vẻ tin rằng bà luôn sở hữu một quyền tinh thần nào đó đối với chiếc xe, và vì Rinaldi là người hiền lành, nhút nhát và mẫn cảm nên mẹ tôi ít nhiều có lợi dụng thiện ý của ông. Chính vì thế, bà đã nhờ ông lái xe đưa bà từ Nice đến Salon-de-Provence, quãng đường dài ba trăm cây số - tất nhiên là không trả tiền - và sau khi chiến tranh kết thúc khá lâu, ông Rinaldi đáng yêu vừa gội mái đầu hoa râm vừa hồi tưởng lại với vẻ hiềm thù thán phục cách mà mẹ tôi “huy động” ông.

“Bà ấy lên taxi rồi chỉ nói với tôi: Tới Salon-de-Provence, ta đi chào tạm biệt con trai tôi. Tôi cố phòng thủ: cả đi lẫn về mất mười tiếng đồng hồ. Thế là bà ấy lập tức cho tôi là một người Pháp xấu tính, bà dọa sẽ báo cảnh sát bắt tôi vì tôi đang có tổng động viên mà định trốn. Bà ấy ngồi vào taxi của tôi, với tất cả những cái gói mang cho anh - xúc xích, giăm bông, mứt - bà ấy nói đi nói lại với tôi rằng con trai bà là một người anh hùng, rằng bà muốn ôm hôn nó một lần nữa, rằng tôi không được cãi lại. Sau đó bà ấy thút thít khóc. Bà già của anh ấy mà, bà ấy luôn khóc như một đứa trẻ vậy, và sau bao nhiêu năm quen biết nhau, giờ lại thấy bà ấy ngồi đó, trên chiếc taxi của tôi, lặng lẽ khóc, vẻ thiếu não như con chó bị đánh - xin lỗi anh Romain, nhưng anh biết rõ là lúc đó mẹ anh như thế nào - tôi không nở từ chối. Tôi không có con, dù sao thì cũng chẳng ra gì, đây lại không giống một cuộc taxi, cho dù có là một cuộc taxi năm trăm cây số. Tôi nói: ‘Được ta đi, nhưng bà phải thanh toán tiền xăng đấy’, nói cho có lệ vậy thôi. Bà ấy luôn cho là mình có quyền sử dụng taxi, chỉ vì trước đó bảy năm, chúng ta đã từng góp vốn với nhau. Nhưng không sao. Anh có thể yên tâm là bà ấy rất thương yêu anh, bà ấy có thể làm tất cả vì anh...”

Tôi thấy mẹ tôi bước xuống taxi, trước cửa nhà ăn, tay bà cầm chiếc gậy, miệng ngậm một điếu Gauloise dưới cái nhìn nhạo báng của bọn lính trơn, với một cử chỉ như đóng kịch, bà mở rộng vòng tay đón tôi, chờ cho con trai bà nhảy xổ vào đó theo lễ nghi, phép tắc.

Tôi tung tẩy đi về phía bà, vai hơi ngúc ngắc, mũ cát kết sụp xuống mắt, tay rút trong túi áo vest bằng da, cái áo đã làm được khối việc trong lần tuyển thanh niên trai tráng vào không quân, lúc đó tôi vừa tức tối vừa bối rối vì mẹ mình đột ngột xuất hiện, sự xuất hiện khó mà chấp nhận nổi giữa cái thế giới đàn ông nơi tôi đang tận hưởng cái danh tiếng về một người “cứng”, “xứng” và “bặm trợn”, danh tiếng mà tôi đã rất vất vả mới có được.

Ra vẻ lạnh lùng, tôi ôm hôn mẹ, tìm cách kéo bà ra phía sau chiếc taxi để người ta khỏi nhìn thấy nhưng vô ích, bà chỉ lùi một bước để nhìn rõ tôi hơn, rồi, mặt rạng rỡ, mắt sáng ngời, tay đặt lên ngực, bà hít hà thật mạnh, ở bà việc hít hà như thế là biểu hiện của niềm vui sướng cực độ, bà reo lên với cái giọng Nga rất nặng, ai cũng nghe thấy:

– Guynemer*! Con sẽ là Guynemer thứ hai! Con sẽ thấy, mẹ con lúc nào cũng nói đúng!

Tôi thấy mặt mình nóng bừng, tôi nghe tiếng người ta cười sau lưng, và thế là, với vẻ dọa dẫm, mẹ tôi giờ cái gậy về phía toán lính cười cợt đang tụ tập trước quán cà phê và tuyên bố đầy quả quyết:

– Con sẽ là một người hùng, con sẽ trở thành một vị tướng, Gabriele d’Annunzio*, Ngài Đại sứ Pháp - bọn thanh niên mất dạy kia không biết con là ai đâu!

Tôi nghĩ chưa bao giờ một đứa con trai lại ghét mẹ mình như tôi lúc ấy. Nhưng, trong lúc tôi cúi kính thì thầm giải thích là bà đang làm hỏng hết uy danh của tôi trong mắt lính Không quân và thêm một lần nữa cố đẩy bà ra sau chiếc taxi thì bỗng chốc bà tỏ ra bối rối, môi bắt đầu run lên, một lần nữa, tôi lại nghe thấy câu nói không khoan nhượng ấy, câu nói từ lâu đã trở thành kinh điển trong mối quan hệ giữa mẹ tôi và tôi:

– Thế nào, anh xấu hổ về bà mẹ già của anh à?

Đùng một cái, vẻ hào nhoáng nam tính giả tạo, lòng kiêu căng, sự cứng rắn mà tôi đã tìm mọi phương cách khoắc lên mình tự nhiên rơi tuột xuống đất. Một tay ôm lấy mẹ, tay kia tôi ra hiệu cho các bạn, ngón cái tì vào ngón giữa rồi đưa lên đưa xuống, ý nghĩa của cử chỉ ấy, như sau này tôi mới hay, anh lính nào trên thế giới cũng biết, có mỗi điểm khác là ở Anh người ta giơ hai ngón tay trong khi ở các nước Latin người ta chỉ cần một ngón - vấn đề khí chất mà thôi.

Không còn nghe tiếng cười, không còn thấy những cái nhìn châm chọc, tôi ôm mẹ và nghĩ đến tất cả những cuộc chiến mà tôi sẽ lao vào vì bà, nghĩ đến những gì mình đã tự hứa vào lúc bình minh của cuộc đời, là sẽ trả lại công bằng cho mẹ, là làm cho sự hi sinh của mẹ có ý nghĩa, là một ngày nào đó sẽ trở về nhà sau khi đã chiến thắng trong cuộc tranh giành quyền làm chủ thế giới với những kẻ mà, ngay thuở chập chững biết đi, tôi đã biết đến sức mạnh và sự tàn ác.

Đến tận ngày hôm nay, sau hơn hai mươi năm, khi mọi sự đã được nói hết rồi, khi đang nằm thượt trên tảng đá ở Big Sur bên bờ đại dương, khi chỉ còn nghe tiếng hải cẩu kêu trong sự cô đơn

mênh mang của biển cả nơi những con cá voi thì thoảng lại bơi qua với những tia nước bắn lên nhỏ nhoi và mong manh giữa không gian rộng lớn khôn cùng - đến tận ngày hôm nay, khi tất cả dường như trống rỗng, tôi chỉ việc ngước mắt lên là nhìn thấy quân thù đang cúi xuống người tôi, hòng tìm ra một dấu hiệu thất bại hoặc quy phục.

Lần đầu tiên mẹ cho tôi hay sự tồn tại của chúng là khi tôi còn nhỏ; trước cả Nàng Bạch Tuyết và Chú Mèo Đi Hia, trước cả Bảy Chú Lùn và bà tiên Carabosse, chúng đến vây quanh tôi và không bao giờ rời xa tôi nữa; mẹ chỉ cho tôi từng tên một, bà ôm tôi vào lòng mà thầm thì tên bọn chúng; chưa hiểu gì nhưng tôi có linh cảm rằng, một ngày nào đó, vì mẹ mà tôi sẽ nghênh chiến với chúng; mỗi năm qua đi, tôi lại nhìn rõ hơn bộ mặt của chúng; mỗi lần bị chúng tấn công, tôi lại thấy thiên hướng bất khuất lớn dần trong mình; giờ đây, sau khi đã từng trải nghiệm, ở cuối chặng đường đời, tôi vẫn thấy chúng rất rõ trong bóng hoàng hôn Big Sur, tôi vẫn nghe tiếng chúng bất chấp tiếng gầm rú của đại dương; tôi buột miệng nhắc đến tên chúng và đề đôi đầu với chúng, đôi mắt đang lão hóa của tôi tìm lại cái nhìn của đứa trẻ lên tám.

Trước hết phải kể đến Totoche, thần ngu dốt, đít đỏ như đít khi, bản mặt trí thức rởm, tim lại say mê những điều viển vông; vào năm 1940, vị thần này là nhà lý luận cổ chấp rất được người Đức tôn thờ; bây giờ hắn có xu hướng trốn vào khoa học thuần túy, người ta thường thấy hắn cúi xuống nhìn qua vai các nhà bác học của chúng ta; mỗi lúc có bom nguyên tử nổ là bóng hắn lại cao hơn một chút so với quả đất; mảnh khốe sở trường của hắn là mang lại cho sự ngu dốt một vỏ bọc thiên tài và tuyển chọn trong số chúng ta những bậc vĩ nhân để bảo đảm cho sự hủy hoại của chính chúng ta.

Sau đó là Merzavka, thần chân lý tuyệt đối, một tay lính Cô đặc đứng trên những đồng xác người, roi ngựa trong tay, mũ lông đội sụp xuống mắt và điệu cười hớn hở; vị thần này là chúa tể lâu đời nhất của chúng ta; hắn ngự trị số phận chúng ta, trở nên giàu có và được trọng vọng từ bấy lâu nay; mỗi khi hắn giết chóc, tra tấn và áp bức nhân danh những chân lý mang tính chất tuyệt đối, tôn giáo, chính trị hay đạo đức, thì một nửa nhân loại lại âu yếm liếm giày cho hắn; điều này làm hắn rất thích thú, vì hắn biết rằng các chân lý tuyệt đối không tồn tại, đó chỉ là một cách để biến chúng ta thành nô lệ, và ngay cả lúc này, trong không khí trắng đục của Big Sur, vượt lên trên cả tiếng gầm gừ của lũ hải cẩu và tiếng kêu của chim cốc, tiếng cười đắc thắng của hắn vẫn dội đến tai tôi từ rất xa, thậm chí tiếng của người anh em đại dương cũng không thể nào át được tiếng cười của hắn.

Còn có Filoche, thần ti tiện, thần định kiến, khinh bỉ và hận thù - thường từ nhà gác cổng thế giới loài người ló đầu ra mà kêu “Tên Mỹ bản thủ, tên Ả-rập bản thủ, tên Do Thái bản thủ, tên Nga bản thủ, tên Trung Quốc bản thủ, tên Da Đen bản thủ” - hắn cừ khôi trong việc tổ chức các phong trào tập thể, các cuộc chiến tranh, các vụ hành hung, các hành động trấn áp, hắn là một nhà biện chứng tài tình, cha đẻ của tất cả các hình thức đào tạo ý hệ, một quan tòa vĩ đại và một kẻ ưa thích các cuộc thánh chiến, bất chấp bộ lông gẻ lở, cái đầu linh cẩu và mấy cẳng chân còi cọc cong queo, hắn vẫn là một trong những vị thần có thế lực nhất, được nhiều người nghe theo nhất mà người ta luôn thấy trong mọi phe phái, một trong những kẻ nhiệt tình bảo vệ Trái đất của chúng ta, tranh giành với chúng ta quyền làm chủ Trái đất với nhiều mảnh khóc nhất và bằng cách thức khéo léo nhất.

Còn có các thần khác, huyền bí hơn, mờ ám hơn, thâm hiểm hơn và kín đáo hơn, rất khó nhận diện; đội quân của chúng hùng mạnh, và trong số chúng ta, có rất nhiều người tiếp tay cho chúng; mẹ tôi biết chúng rất rõ; hồi tôi còn nhỏ, bà thường vào phòng tôi, ôm tôi trong lòng rồi thì thầm kể cho tôi nghe về chúng; dần dà, đối với tôi, những vị thần bạo ngược nhong nhong khắp thế gian này đã trở nên thật hơn, dễ thấy hơn cả những đồ vật quen thuộc nhất và cho đến bây giờ, bóng dáng không lồ của chúng vẫn nghiêng xuống tôi; khi ngẩng đầu lên, tôi ngỡ mình trông thấy áo giáp và ngọn thương sáng choang của chúng như đang chĩa về phía tôi theo từng tia sáng.

Bây giờ chúng và tôi đã trở thành thâm thù và tôi muốn kể ra đây cuộc chiến của tôi chống lại chúng; mẹ tôi từng là một trong số những đồ chơi ưa thích của chúng; từ khi còn nhỏ, tôi đã hứa là sẽ che chắn cho mẹ thoát khỏi cảnh phục tùng này; tôi đã lớn lên trong sự thấp thỏm chờ đợi cái ngày tôi có thể đưa tay gỡ tấm màn đang phủ bóng đen lên toàn vũ trụ rồi sẽ bắt chợt nhận ra gương mặt của đạo lý và tình thương: tôi muốn tranh giành quyền làm chủ thế giới với các vị thần phi lý và đam mê quyền lực, muốn trả lại Trái đất cho những ai bao bọc nó bằng tất cả tình thương yêu và lòng quả cảm.

CHƯƠNG III

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI LINH CẢM về thiên hướng của mình là lúc tôi mười ba tuổi, tôi nghĩ vậy.

Hồi đó tôi đang học lớp đệ tứ tại trường Trung học Nice còn mẹ tôi thì có một “gian hàng cửa kính” hành lang tại khách sạn Négresco, nơi bà bày bán những mặt hàng mà các cửa hàng hạng sang giao cho; bán được mỗi chiếc khăn, mỗi chiếc thắt lưng hoặc mỗi chiếc áo sơ mi thì bà được mười phần trăm hoa hồng. Thỉnh thoảng, bà ăn gian bằng cách nâng giá lên chút ít rồi bỏ túi phần chênh lệch. Cả ngày bà trông ngóng khách hàng, bực dọc hút không biết bao nhiêu thuốc mà kể, vì hồi đó, bữa ăn hàng ngày của chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào công việc buôn bán bữa được bữa chẳng này.

Từ mười ba năm nay, trong cảnh cô đơn, không chồng, không bạn tình, mẹ tôi can đảm chiến đấu kiếm từng đồng để nuôi sống hai mẹ con, để mua bơ sữa, giày dép, trả tiền thuê nhà, mua sắm quần áo, thanh toán món bít tết buổi trưa - ngày nào mẹ cũng cho món này vào đĩa rồi dọn ra trước mặt tôi với vẻ hơi trịnh trọng như để thể hiện chiến thắng của mình trước khó khăn vất vả. Đi học về là tôi ngồi vào bàn ăn món này. Mẹ đứng nhìn tôi ăn, vẻ hả hê như chó cho con bú.

Mẹ tôi không chịu ăn bít tết, mẹ quả quyết với tôi là bà chỉ thích rau quả, còn thịt và mỡ thì bà tuyệt đối không được ăn.

Một hôm, rời bàn ăn, tôi xuống bếp uống nước.

Tôi thấy mẹ đang ngồi trên một chiếc ghế đầu; bà đặt cái chảo đã rán hết cho tôi lên đầu gối, lấy bánh mì vét kỹ lưỡng phần mỡ sót lại rồi ăn ngấu nghiến. Mặc dù bà nhanh tay lấy khăn che cái chảo nhưng tôi đã bất ngờ biết hết sự thật về những lý do ăn kiêng của bà.

Tôi đứng bất động, sững sờ và kinh hãi nhìn cái chảo không được giấu kín cùng nụ cười lo lắng, tội lỗi của mẹ, rồi tôi bật khóc nức nở và bỏ chạy.

Tại đầu đại lộ Shakespeare, nơi chúng tôi ở thời đó, có một cái dốc gần như thẳng đứng trên có đường sắt chạy qua và đây chính là nơi tôi chạy đến trốn. Tôi chợt nảy ra ý định đâm đầu xuống tàu để không còn phải tủi hổ và bất lực, thế nhưng, gần như ngay lập tức, lòng tôi bỗng tràn đầy nhiệt huyết, quyết tâm uốn nắn thế giới sao cho hạnh phúc hơn, công bằng hơn, xứng đáng hơn với mẹ tôi, để một ngày nào đó đặt nó dưới chân người. Tay ôm lấy mặt, tôi để mặc mình bị cuốn theo nỗi đau, nhưng lần này, nước mắt, vốn vẫn hết sức khoan dung với tôi, lại không thể mang đến cho tôi chút an ủi nào. Cảm giác thiếu thốn, nhu nhược, gần như yếu đuối cứ dai dẳng xâm chiếm lấy tôi; càng lớn, cảm giác uất ức hồi nhỏ và khát vọng mơ hồ không những không mất đi mà ngày càng tăng thêm, biến thành một nhu cầu mà đàn bà hay nghệ thuật hẳn cũng không bao giờ đủ sức xoa dịu.

Đang gục đầu xuống cỏ khóc thì tôi thấy mẹ xuất hiện phía trên sườn dốc. Tôi không hiểu sao mẹ lại tìm ra chỗ này: có ai đến đây bao giờ đâu. Tôi thấy bà cúi người chui qua hàng rào dây thép gai rồi tiến về phía tôi, mái tóc hoa râm của mẹ ngập tràn ánh nắng và bầu trời. Mẹ lại ngồi cạnh tôi, tay vẫn cầm điếu thuốc Gauloise quen thuộc.

– Đừng khóc.

– Để con yên.

– Đừng khóc. Mẹ xin lỗi con. Giờ con là người lớn rồi. Mẹ đã làm con buồn.

– Con bảo là để con yên!

Có tàu đi qua. Chợt tôi nhận thấy dường như chính nỗi buồn của mình đã gây ra toàn bộ tiếng ồn này.

– Mẹ sẽ không bao giờ làm như thế nữa đâu.

Tôi tĩnh tâm hơn một chút. Hai mẹ con tôi ngồi ôm gối trên dốc, mắt nhìn về phía bên kia. Có một con dê bị buộc vào một cái cây, một cây trinh nữ. Cây trinh nữ đang nở hoa, bầu trời rất xanh và mặt trời khoe nắng. Tôi chợt nghĩ tạo hóa thật khéo trên người. Đó là suy nghĩ người lớn đầu tiên mà tôi còn nhớ.

Mẹ chìa gói Gauloise cho tôi.

– Con hút thuốc không?

– Không.

Mẹ cố đối xử với tôi như với một người lớn. Có lẽ bà vội vàng quá. Bà đã năm mươi một tuổi rồi. Cái tuổi vất vả, nhất là khi người ta chỉ có một đứa con làm toàn bộ chỗ dựa trong đời.

– Hôm nay con có viết không?

Từ hơn một năm nay, Tôi viết. Nhiều cuốn vở của tôi chi chít những bài thơ tôi làm. Để có ảo tưởng là được xuất bản, tôi chép lại những bài thơ đó từng từ một bằng chữ in.

– Vâng. Con đã bắt đầu viết một bài thơ triết lý vĩ đại về sự hóa kiếp và quá trình luân hồi.

Mẹ tôi gạt đầu ra ý “tốt”.

- Thế việc học ở trường thì sao?
- Con đã bị một điểm không môn toán.

Mẹ tôi nghĩ ngợi.

- Họ không hiểu con, bà nói.

Tôi phân nào đồng ý với mẹ. Việc các thầy cô giáo dạy tự nhiên ngoan cố cho tôi điểm không khiến tôi nghĩ họ hoàn toàn dốt đặc.

- Họ sẽ phải hối hận, mẹ tôi nói. Họ sẽ phải bẽ mặt. Một ngày nào đó tên con sẽ được khắc chữ vàng trên các bức tường của trường. Để mai mẹ đi nói với họ...

Tôi run lên.

- Mẹ! Con cấm mẹ làm như vậy! Mẹ lại biến con thành trò cười cho mà xem.

- Mẹ sẽ đọc những bài thơ con mới làm cho họ nghe. Mẹ từng là một nghệ sĩ lớn, mẹ biết ngâm thơ mà. Con sẽ là một d'Annunzio! Con sẽ là Victor Hugo, sẽ là một nhà thơ đoạt giải Nobel.

- Mẹ, con cấm mẹ đi nói với họ.

Mẹ không nghe tôi nói. Ánh mắt bà mất hút trong không gian, môi nở một nụ cười hạnh phúc, vừa ngâm thơ vừa tin tưởng, như thể bà đã nhìn xuyên thấu màn sương mù tương lai để chợt thấy con trai mình ở tuổi trưởng thành từ từ bước lên bậc thang của điện Panthéon, trong bộ lễ phục phủ đầy vinh quang, thành công và danh dự.

- Đàn bà con gái sẽ phủ phục dưới chân con, mẹ tôi kết luận một cách dứt khoát, tay bà quệt điếu thuốc ngang trời.

Chuyến tàu đến Vintimille lúc một giờ kém mười đi qua trong đám khói. Hành khách từ cửa sổ tàu nhìn ra hẳn đang tự hỏi là cái bà có mái tóc hoa râm và đứa trẻ thiếu nảo đang chùi nước mắt này có thể nhìn thấy gì trên bầu trời mà chăm chú như vậy.

Bỗng mẹ tôi tỏ vẻ bận tâm.

– Phải nghĩ cho ra một bút danh, bà quả quyết nói. Một nhà văn Pháp nổi tiếng không thể mang tên một người Nga. Giả dụ con là một nghệ sĩ violon tài hoa thì được, nhưng đối với một người không lò của nền văn học Pháp thì không nên...

Lần này thì “người không lò của nền văn học Pháp” hoàn toàn nhất trí. Từ sáu tháng nay, không ngày nào tôi không bỏ ra hàng giờ để “thử” các bút danh. Tôi lấy bút đỏ nắn nót viết chúng vào một cuốn vở đặc biệt. Ngay sáng nay thôi, tôi đã định chọn “Hubert de la Vallée”, nhưng nửa tiếng đồng hồ sau tôi đã không cưỡng lại được vẻ duyên dáng hoài niệm của “Romain de Roncevaux”. Tên thật của tôi, Romain, thì tôi cho là khá khả quan. Tiếc là đã có Romain Rolland rồi, mà tôi không muốn chia sẻ vinh quang của mình với bất cứ ai khác. Việc này quả rất khó. Bút danh có cái dở là không bao giờ thể hiện được hết những gì mình cảm thấy trong lòng. Tôi gần như đi đến kết luận là với tư cách phương tiện biểu đạt văn chương, bút danh là chưa đủ, mà còn cần phải viết sách nữa.

– Nếu con là một nghệ sĩ violon tài hoa thì tên Kacew sẽ rất hợp, mẹ tôi thở dài nhắc lại.

Vụ “nghệ sĩ violon tài hoa” đối với mẹ từng là một thất vọng quá lớn và tôi cảm thấy rõ là mình có lỗi. Ở đây có một sự lầm lẫn với số phận mà mẹ tôi không hiểu chút nào. Vốn trông chờ tất cả

vào tôi và vẫn tìm một đường tắt diệu kỳ nào đó khả dĩ đưa hai mẹ con đến với “vinh quang và sự ngưỡng mộ của đám đông” - mẹ không bao giờ ngại ngùng trước bất cứ sáo ngữ nào, điều này bắt nguồn từ việc phục tùng thời đại, phục tùng những giá trị và bản vị vàng của nó thì nhiều hơn là bắt nguồn từ vốn ngôn từ nghèo nàn - giữa các sáo ngữ, các cách nói có sẵn và trật tự xã hội hiện hành, tồn tại một sợi dây kết nối sự đồng tình với chủ nghĩa theo thời vượt qua cả ngôn ngữ - vì vậy, thoát tiên mẹ tôi nuôi hy vọng là tôi sẽ trở thành một thần đồng, một sự kết hợp giữa Yacha Heifetz* và Yehudi Menuhin*, những người thời đó đang ở đỉnh cao vinh quang của tuổi trẻ. Mẹ tôi từng luôn ước mơ trở thành một nghệ sĩ lớn; hồi tôi gần bảy tuổi, hai mẹ con tôi đang ở tạm Wilno, phía Đông Ba Lan, mẹ vào một cửa hàng mua cho tôi một cây đàn violon cũ, rồi trình trọng dẫn tôi đến nhà một người đàn ông điệu bộ mệt mỏi, vận đồ đen và để tóc dài mà mẹ thầm thì gọi là “thầy”, vẻ kính cẩn. Sau đó, cứ hai lần mỗi tuần, tôi một mình lấy can đảm đến nhà thầy với cây đàn violon được đặt trong một chiếc hộp màu son, phía trong hộp có lớp lót nhung tím. Về “bậc thầy” này, tôi chỉ còn nhớ đó là một người luôn rất đỗi ngạc nhiên khi tôi cầm cây vĩ và luôn lấy hai tay bịt tai mà kêu “ôi! ôi! ôi!”, tôi nghĩ đây là một người hết sức đau khổ về sự thiếu tính hài hòa tổng thể trên trần gian này, trong ba tuần lễ học đàn, tôi phải đóng vai xuất chúng trong hỗn tạp âm thanh đó. Hết tuần lễ thứ ba, ông thầy dạy nhạc giật đàn và vĩ khỏi tay tôi, bảo là ông ta sẽ nói chuyện với mẹ tôi rồi đuổi tôi về. Tôi không biết ông ta đã nói với mẹ tôi những gì nhưng mẹ tôi thở dài trong nhiều ngày liền và nhìn tôi vẻ trách cứ, thỉnh thoảng mẹ ôm tôi vào lòng, một cái ôm đầy thương cảm.

Một giấc mơ lớn đã tan thành mây khói.

CHƯƠNG III

HỒI ẤY, mẹ tôi may mũ gia công cho các khách hàng mà ban đầu mẹ liên lạc qua thư từ; tờ quảng cáo được viết bằng tay, thông báo rằng “để mua vui, cựu giám đốc một nhà may mặc lớn ở Paris nhận may mũ tại gia cho một số khách hàng hạn chế và có chọn lọc”. Vài năm sau, ít lâu sau khi chúng tôi đến Nice vào năm 1928, mẹ tôi định tiếp tục nghề này trong một căn hộ hai phòng ở đại lộ Shakespeare, và vì công việc khởi sự lâu - đúng ra là nó không bao giờ được khởi sự - nên bà đã làm nghề chăm sóc sắc đẹp trong phòng sau cửa tiệm cắt tóc phụ nữ; buổi chiều mẹ làm công việc tương tự cho chó cảnh trong một chuồng chó ở đại lộ Victoire. Sau này mới đến việc trông coi các tủ kính bày bán hàng trong các khách sạn, rồi đến việc rao bán đồ trang sức tận nhà, trong các khách sạn hạng sang, việc bán rau ở chợ Buffa, việc làm cho các công ty bất động sản hay kinh doanh dịch vụ khách sạn - tóm lại là tôi không bao giờ thiếu gì hết, bữa trưa luôn có món bít tết và không ai ở Nice thấy tôi ăn mặc nhếch nhác bao giờ. Tôi giận mình rất nhiều vì đã làm mẹ chung hững khi không chịu có chút tài năng âm nhạc nào, cho tới lúc này, mỗi lần nghe đến những cái tên như Menuhin hay Heifetz là hồi hận lại giày vò lòng tôi. Khoảng ba mươi năm sau, khi đang làm tổng lãnh sự Pháp tại Los Angeles, run rủi thế nào mà tôi lại có vinh dự trao Huân chương Bắc đầu Bội tinh cho Yacha Heifetz, hồi ấy đang cư trú ở đó. Sau khi đính huân chương lên ngực nghệ sĩ violon và phát biểu: “Thưa ông Yacha Heifetz, thay mặt Tổng thống Cộng hòa, căn cứ các quyền hạn đã

được giao phó, chúng tôi trân trọng trao cho ông Huân chương Bắc đẩu Bội tinh”, bỗng tôi nghe tiếng mình nói to và rõ, mắt nhìn lên trời:

– Biết làm thế nào chứ, chuyện đó là bất khả mà!

Bạc thầy violon tỏ vẻ hơi ngạc nhiên.

– Ngài nói gì cơ, thưa ngài Tổng Lãnh sự?

Tôi vội hôn lên hai má Heifetz theo thông tục để hoàn thành buổi lễ.

Tôi biết rõ mẹ tôi thất vọng kinh khủng về việc tôi hoàn toàn không có năng khiếu âm nhạc, vì bà không bao giờ ám chỉ điều đó trước mặt tôi nữa, ở mẹ, người phải thừa nhận là thường thiếu tế nhị, dè dặt như vậy hẳn là dấu hiệu rõ ràng của nỗi buồn sâu lắng. Tham vọng nghệ thuật của riêng bà chưa bao giờ được thực hiện nên bà kỳ vọng nơi tôi. Còn tôi, về phần mình, tôi quyết tâm làm những gì có thể để mẹ nhờ tôi mà trở thành một nghệ sĩ có tên tuổi, được nhiều người hâm mộ và, sau khi đã lưỡng lự rất lâu giữa hội họa, sân khấu, ca hát và khiêu vũ, cuối cùng tôi đã chọn văn chương, với tôi văn chương là nơi nương tựa cuối cùng trên cõi đời cho những ai không biết nấu mình vào đâu nữa.

Như vậy, mẹ con tôi không bao giờ nhắc đến giai thoại về đàn violon nữa mà tìm một con đường khác khả dĩ đưa chúng tôi cập bến vinh quang.

Cứ ba lần mỗi tuần, tôi đi đôi giày lụa và được mẹ dắt tay đến phòng tập của Sacha Jigloff, ở đó, trong hai tiếng đồng hồ liền, tôi chú tâm giơ chân lên xà, trong khi mẹ ngồi một góc, thỉnh thoảng vỗ hai tay, nở nụ cười tán phục rồi thốt lên:

– Nijinsky ! Nijinsky! Con sẽ trở thành Nijinsky! Mẹ biết mẹ đang nói gì!

Sau đó mẹ dẫn tôi vào phòng thay đồ, mẹ canh chừng khi tôi cởi quần áo, vì, như mẹ đã giải thích cho tôi, Sacha Jigloff có “lời sống bệnh hoạn”, lời kết tội ngay lập tức được kiểm chứng: khi tôi đang tắm, Sacha Jigloff nhón chân đi vào và toan cắn tôi, tôi hoàn toàn ngây thơ cho là thế, tôi khiếp sợ hét to lên. Tôi vẫn còn nhìn thấy cảnh Jigloff khốn khổ bị mẹ tôi hung dữ cầm gậy đuổi khắp phòng tập thể dục - và sự nghiệp múa đỉnh cao của tôi kết thúc tại đó. Ở Wilno vào thời ấy còn có hai trường dạy múa khác, nhưng mẹ tôi sau khi biết được chừng ấy cũng không dám liều nữa. Mẹ tôi không thể chấp nhận việc con trai bà không phải là ai khác ngoài một thằng đàn ông biết yêu phụ nữ. Tôi mới tám tuổi thôi mà mẹ đã kể cho tôi nghe về những “thành công” tương lai của tôi, gọi cho tôi nào là những tiếng thở dài và những ánh mắt, nào là những bức thư tình và những lời thề thốt; nào là bàn tay âm thầm siết lại bên hiên, dưới ánh trăng; nào là bộ quân phục sĩ quan màu trắng và điệu valse xa xa; nào là những tiếng thì thầm và những lời cầu khẩn; mẹ ngồi ôm tôi vào lòng, đôi mắt nhìn xuống, môi nở một nụ cười hơi tội lỗi và trẻ trung đến lạ lùng, mẹ ban cho tôi tất cả các niềm vinh dự và sự ngưỡng mộ, với vẻ đẹp của mẹ, hẳn mẹ đã được vinh dự như thế và hẳn mẹ chưa hoàn toàn quên mà vẫn luôn ước ao được như vậy; tôi vụng về dựa vào người mẹ; vừa lơ đãng liếm mứt trên bánh mì vừa nghe mẹ nói với điệu bộ uể oải nhưng thực ra là rất tập trung; tôi còn quá nhỏ, chưa thể hiểu được là mẹ đang tìm cách thoát khỏi cảnh thân gái vò vố một mình, thoát khỏi nhu cầu được âu yếm và quan tâm.

Đàn violon và múa ba lê thì đã bị loại trừ, lại dốt đặc về toán nên không thể trở thành một “Einstein thứ hai”, cuối cùng tự tôi tìm cách khám phá trong mình để xem có khả năng nào đó đang bị giấu kín khả dĩ biến những khát vọng nghệ thuật của mẹ tôi trở thành hiện thực hay không.

Từ nhiều tháng nay, tôi đã quen nghịch với hộp màu, một trong những đồ dùng học tập tôi được sắm.

Tôi ngồi hàng giờ lấy bút lông say sưa vẽ xanh đỏ tím vàng. Một hôm - hồi đó tôi mới mười tuổi - thầy giáo dạy hội họa đến gặp mẹ tôi và nói: “Thưa bà, con trai bà có năng khiếu hội họa, phải bồi dưỡng cho cháu”

Tiết lộ này có tác động hoàn toàn bất ngờ tới mẹ. Hẳn là bà mẹ tội nghiệp của tôi đã quá thấm nhuần những giai thoại và định kiến của tầng lớp tư sản vào đầu thế kỷ, vì lý do này hay lý do khác, hội họa và tai họa vẫn luôn đi kèm nhau trong tâm trí bà. Hẳn là bà chỉ biết đúng những gì cần biết về số phận bi đát của Van Gogh hay Gauguin nên mới khiếp như vậy. Tôi còn nhớ bà vào phòng tôi với nét mặt sợ hãi thế nào, chán nản ngồi trước mặt tôi, nhìn tôi lo lắng và tỏ vẻ van xin câm lặng ra sao. Toàn bộ hình ảnh trong vở nhạc kịch La Bobème và lời đồn đại về những họa sĩ bất tài phải sống trong men say, khổ cực và bệnh lao hẳn đã diễn đi diễn lại trong tâm trí bà. Rốt cuộc bà tóm tắt tất cả những điều đó trong một câu nói xúc động và, suy cho cùng, không đến nỗi sai:

– Có thể con có tài, nhưng như thế họ sẽ làm con chết đói mất thôi.

Tôi không biết mẹ muốn ám chỉ ai khi nói đến “họ”. Có thể chính mẹ cũng không biết. Nhưng kể từ ngày đó, tôi tuyệt nhiên

không được phép động đến hộp màu của mình. Không thể tưởng tượng con mình chỉ đơn giản có chút năng khiếu trẻ con, mà có thể đúng là tôi có năng khiếu thật, cảm hứng của mẹ lập tức đi quá đà, và, dù không muốn thấy tôi là ai khác ngoài một người hùng, nhưng lần này mẹ lại thấy ở tôi hình ảnh người hùng bị nguyên rửa. Hộp màu nước của tôi có cái thiên hướng đáng bực là cứ biến đâu mất, và cứ khi nào tôi cầm lấy được nó để bắt tay vào vẽ là mẹ lại ra ra vào vào phòng, rình rập tôi như một con vật đầy lo âu, dõi theo nét vẽ của tôi với vẻ ngao ngán đau khổ, cho đến khi tôi chán quá, không màng vẽ vờ gì nữa, cách đến già.

Tôi giận mẹ khá lâu và ngay cả bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn đột ngột có cảm giác là thiên hướng của mình bị lỡ dở.

Chính vì thế mà từ lúc mười hai tuổi, bị thúc đẩy bởi một nhu cầu mờ ám nhưng mãnh liệt nào đó, tôi bắt đầu viết, dội những quả bom thơ, truyện, bi kịch năm hồi theo thể thơ mười hai âm tiết vào các tạp chí văn học.

Khác với hội họa, mẹ tôi không có định kiến gần như mê tín nào với văn chương cả, trái lại, mẹ nhìn nhận văn chương một cách thiện chí, như một phu nhân quyền quý được tiếp đón trong những căn nhà sang trọng nhất. Goethe là người vinh dự đầy mình, Tolstoi là một bá tước, Victor Hugo là tổng thống Cộng hòa - tôi không biết mẹ lấy đâu ra thông tin này, nhưng bà cứ khẳng khẳng bảo lưu ý kiến - và rồi, bỗng nhiên, bà sa sầm nét mặt:

– Nhưng con phải chú ý đến sức khỏe đấy, phải coi chừng bệnh hoa liễu. Guy de Maupassant thì chết điên, Heine thì bị liệt...

Mẹ tôi tỏ vẻ lo âu, lặng lẽ ngồi hút thuốc một chốc. Dĩ nhiên văn chương có những mối hiểm nguy của nó.

- Bắt đầu chỉ là một cái nhọt mà thôi, mẹ nói với tôi.
- Con biết.
- Hứa với mẹ là con sẽ cẩn thận.
- Con xin hứa.

Đời sống tình cảm của tôi vào thời đó chưa vượt qua những cái nhìn đăm đúi xuống dưới váy Mariette, giúp việc của gia đình tôi, khi chị ta trèo lên thang.

- Tốt hơn hết là con lấy vợ thật sớm, lấy cô gái nào đó tốt bụng và hiền hậu, mẹ tôi ngán ngẩm nói.

Nhưng cả hai mẹ con tôi đều biết đó không phải là những gì mẹ chờ đợi ở tôi. Những cô gái đẹp nhất trên đời, những nữ diễn viên ba lê nổi tiếng, những prime donne, những Rachel*, những Duse*, những Garbo* - trong suy nghĩ của mẹ tôi, tôi được dành cho những điều như thế. Tôi muốn vậy lắm chứ. Giá cái thang đáng nguyên rửa cao hơn một chút, hoặc giá Mariette hiểu việc khởi nghiệp ngay tức thì quan trọng với tôi đến mức nào... Tôi mười ba tuổi rồi, mà lại có quá nhiều việc phải làm.

Thế là sau khi âm nhạc, khiêu vũ và hội họa lần lượt bị bỏ qua, chúng tôi đành chọn văn chương chữ nghĩa, bất chấp nguy cơ bệnh hoa liễu. Bây giờ, để cho giấc mơ của chúng tôi có khởi đầu toại nguyện, chúng tôi chỉ còn việc tìm ra một bút danh tương xứng với các kiệt tác mà người ta đang chờ ở chúng tôi. Tôi ngồi suốt ngày trong phòng để ghi kín những cái tên lạ hoắc lên giấy. Thịnh thoảng, mẹ tôi ló đầu vào xem thử cảm hứng của tôi đến đâu rồi. Chưa bao giờ chúng tôi mảy may nghĩ rằng những giờ hao công tốn sức này đáng nhẽ nên dành cho việc viết ra các kiệt tác thì hữu ích hơn.

– Thế nào?

Tôi cầm tờ giấy lên đưa cho mẹ xem kết quả tác nghiệp văn chương trong ngày. Không bao giờ tôi thỏa mãn với những cố gắng của mình. Không có cái tên nào, dù nó đẹp và kêu đến mấy, đúng tầm với những gì tôi hằng mong làm được cho mẹ tôi.

– Alexandre Natal. Armand de La Torre. Terral. Vasco de La Fernaye...

Tôi cứ tiếp tục viết như vậy từ trang này qua trang khác. Sau mỗi hàng bút danh, chúng tôi lại nhìn nhau và cả hai cùng lắc đầu. Không phải thế - hoàn toàn không phải thế. Thật ra, cả hai mẹ con đều biết rất rõ những bút danh cần chọn - khôn nổi là những bút danh đó người ta dùng cả rồi. “Goethe” đã có rồi, “Shakespeare” cũng vậy, rồi “Victor Hugo” cũng thế. Tuy nhiên, vì mẹ mà tôi muốn trở thành những người như vậy, đó là điều tôi muốn dâng tặng bà. Đôi khi, mặc quần cộc ngồi sau một cái bàn, tôi ngược mắt nhìn mẹ và chợt thấy dường như thế giới này không đủ rộng lớn để chứa đựng hết tình thương yêu tôi dành cho bà.

– Phải là cái gì đó gần giống như Gabriele d’Annunzio ấy, mẹ tôi nói. ông ta đã khiến Duse tột cùng đau khổ.

Mẹ nói điều đó với vẻ kính nể và ngưỡng mộ. Mẹ cho rằng việc những con người vĩ đại làm khổ phụ nữ là lẽ thường tình, mẹ hy vọng về khoản này, tôi sẽ không chịu thua kém ai. Mẹ thiết tha mong muốn tôi gặt hái được nhiều thành công trong việc chinh phục phụ nữ. Rõ ràng mẹ tôi coi đó là một trong những phương diện chủ yếu của sự thành công trên đời. Đối với mẹ tôi, đó là thứ đi kèm với những vinh dự chính thức, với những huy chương cao quý, với những bộ quân phục cấp cao, với rượu sâm banh và những

buổi lễ tiếp đón tại tòa đại sứ, và khi nói về Vronski và Anna Karenine, mẹ hãnh diện nhìn tôi, vuốt tóc tôi rồi thở dài thườn thượt, môi nở nụ cười biểu lộ sự viên vông hồn nhiên. Trong tâm thức người phụ nữ này, người vốn rất đẹp nhưng lại phải sống cô đơn lâu như thế, hẳn đang có nhu cầu phục thù về thể chất và tình cảm mà bà đòi hỏi con trai thay mình thực hiện. Mẹ tôi đã từng xách va li từ nơi này sang nơi khác cả ngày trời để gặp những người Anh quốc giàu có trong các khách sạn hạng sang, tự giới thiệu mình là một người đàn bà khôn khéo vốn xuất thân từ tầng lớp quý tộc Nga nay phải bán những “đồ trang sức gia đình” cuối cùng - những đồ trang sức này thực ra là do các ông chủ cửa hiệu đưa cho mẹ tôi bán, nếu bán được mẹ sẽ được hưởng mười phần trăm hoa hồng, sau một ngày trời mệt nhọc và tủi nhục như thế, thường là cả tháng không thành công được hơn một vụ, mẹ chỉ kịp cất mũ và cởi chiếc áo khoác màu xám, châm một điếu thuốc rồi lại đến ngồi bên thằng con trai đang mặc quần cộc, nụ cười hạnh phúc nở trên môi, thằng con trai này, bị giày vò vì không thể làm gì cho mẹ, suốt ngày nát óc nghĩ bằng được một cái tên thật đẹp, thật kêu, thật hứa hẹn để có thể nói ra những gì mình nghĩ trong lòng, để rung chuông giống nhạc bên tai mẹ, cho mẹ nghe thấy âm vang vinh quang của mình trong tương lai, vinh quang mà mình sẽ dâng lên mẹ.

– Roland de Chantecler, Romain de Mysore...

– Có lẽ tốt hơn hết là lấy một cái tên không tiểu từ, phòng khi lại có thêm một cuộc cách mạng nữa, mẹ nói.

Tôi ngâm nga từng bút danh rất kêu và rất hùng hồn, những bút danh có khả năng diễn tả cảm nhận của tôi, diễn tả những gì tôi muốn tặng mẹ. Mẹ chăm chú nghe tôi, vẻ lo âu, tôi có cảm giác là

không bút danh nào trong số đó làm mẹ vừa lòng, không bút danh nào làm tôi vừa ý. Có lẽ mẹ chỉ tìm cách mang lại cho tôi can đảm và niềm tin vào số phận. Có lẽ mẹ biết tôi đang khổ sở đến nhường nào vì vẫn là một đứa trẻ con, chưa thể làm gì cho mẹ, và có thể mẹ đã từng bắt gặp cái nhìn lo lắng của tôi khi tôi đứng trên ban công nhìn mẹ đi xa dần trên đại lộ Shakespeare, với điều thuốc, cây gậy và chiếc va li nhỏ chứa đầy “đồ trang sức gia đình”; hai mẹ con tôi thường tự hỏi liệu lần này có ai mua cái ghim cài, cái đồng hồ, cái hộp đựng thuốc bằng vàng không.

– Roland Campeador, Alain Brisard, Hubert de Longpré, Romain Cortès.

Nhìn mắt mẹ, tôi thấy rõ là như vậy chưa được, tôi nghiêm túc tự hỏi liệu mình có bao giờ làm được cho mẹ hài lòng không. Mãi sau này, khi lần đầu tôi nghe tên Tướng de Gaulle trên đài phát thanh, lúc ông đọc lời kêu gọi lừng danh của mình, phản ứng trước tiên của tôi là tức giận bởi tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện lấy cái tên đẹp đẽ này mười lăm năm trước đó: Charles de Gaulle, cái tên hẳn sẽ làm mẹ tôi vừa lòng, nhất là khi tôi chỉ dùng một chữ “l” thay vì hai*. Cuộc đời đầy những cơ hội bị bỏ qua.

CHƯƠNG IV

VÀO THỜI ĐÓ, tình mẫu tử mà tôi được bao bọc đã mang lại một kết quả bất ngờ và vô cùng mỹ mãn.

Khi việc buôn bán khá khẩm và việc bán được một “đồ trang sức gia đình” nào đó giúp mẹ tôi tương đối yên tâm về các khoản chi tiêu trong thời gian một tháng, thì điều trước tiên mẹ tôi làm là đến tiệm làm đầu; sau đó đi nghe ban nhạc Di gan bên sân hiên khách sạn Hoàng Gia và thuê một người giúp việc để dọn dẹp, lau chùi căn hộ - mẹ vẫn luôn kinh hãi mỗi lần phải tự mình lau nhà, và khi một hôm, trong lúc mẹ đi vắng, tôi thử tự mình lau, rồi mẹ về nhà bắt gặp tôi trong tình trạng bò lổm ngổm với chiếc giẻ trên tay, bà liền méo mòi méo mặt, nước mắt tuôn trào, và tôi phải mất ngót một tiếng đồng hồ để an ủi mẹ, để giải thích với mẹ rằng tại một đất nước dân chủ, những công việc nội trợ nhỏ nhen này hoàn toàn đáng tôn trọng và ai cũng có thể làm việc ấy mà không phải hạ thấp mình.

Mariette là cô gái có cái bụng dưới nổi chắt với xương chậu nở nang, đôi mắt to tròn ma mãnh, cặp giò rắn chắc và cái mông gợi cảm mà trên lớp học, tôi vẫn thường thấy, thế chỗ cho bộ mặt thầy giáo dạy toán của tôi. Cái ảo giác đầy hưng phấn này là lý do đơn giản duy nhất khiến tôi cứ chằm chằm soi bộ dạng của thầy tôi với sự tập trung đặc biệt. Tôi thường há hốc miệng nhìn khuôn mặt đó trong suốt buổi học, thầy nói gì tôi không nghe nổi đến một câu - rồi khi ông thầy tốt bụng quay lưng lại phía chúng tôi và bắt đầu

gạch lên bảng những ký hiệu đại số, tôi cố gắng chuyển ánh mắt kinh ngạc của tôi lên bảng, và ngay lập tức thấy cái mà tôi hằng mơ ước in đậm trên nền đen - từ đó màu đen trở thành màu gây cho tôi cảm giác sung sướng nhất. Thấy tôi chăm chú nhìn như bị mê hoặc, thầy giáo sướng quá bèn đặt cho tôi một câu hỏi, thế là tôi giãy nảy, mắt ngơ ngác đảo ngược đảo xuôi rồi nhìn cái móng của Mariette bằng ánh mắt trách cứ nhẹ nhàng cho đến khi giọng nói bất bình của thầy Valu buộc tôi phải trở về với thực tại.

– Tôi thực sự không hiểu! ông thầy kêu lên. Trong số các học trò của tôi, anh là người có vẻ chăm chú nhất, thậm chí đôi khi có thể nói là mắt anh như dán vào mặt tôi. Ấy thế mà anh lại như ở trên cung trăng vậy!

Điều đó hoàn toàn chính xác.

Tuy nhiên, tôi không thể nào giải thích chuẩn xác cho ông thầy tuyệt vời này cái mà tôi vẫn thấy thay vì gương mặt ông.

Tóm lại, Mariette ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời tôi - điều này bắt đầu lúc tỉnh giấc và kéo dài suốt cả ngày. Mỗi lần nữ thần Địa Trung Hải này xuất hiện ở phía chân trời, trái tim tôi lại phi nước đại đi gặp nàng trong khi tôi vẫn nằm yên trên giường, cảm thấy mình vướng víu kinh khủng. Cuối cùng, tôi nhận ra Mariette cũng nhìn tôi với đôi chút tò mò nào đó. Đôi lúc nàng quay về phía tôi, chống nạnh, tươi cười chăm chú nhìn tôi, vẻ hơi mơ mộng, sau đó thở dài, lắc đầu và nói:

– Không sao đâu, anh có thể khẳng định là mẹ anh thực sự yêu thương anh. Khi anh đi vắng bà ấy thường nói chuyện về anh. Rồi những cuộc phiêu lưu kỳ thú đang chờ đợi anh, những người phụ

nữ xinh đẹp sẽ phải lòng anh, vân vân và vân vân... Tất cả những cái đó cuối cùng cũng đã tác động đến em.

Tôi cảm thấy hơi phật ý. Vào lúc đó, mẹ tôi là thứ cuối cùng trên đời tôi để tâm tới. Nằm vắt ngang giường, trong tư thế rất gò bó, hai đầu gối co lại, chân gác lên tấm chăn, đầu dựa vào tường, tôi không dám cử động.

– Bà ấy nói với em về anh như thể anh là một chàng hoàng tử duyên dáng, thế nào nhỉ... Romain nhà tôi thế này, Romain nhà tôi thế kia... Em biết rõ rằng đơn giản anh là con trai của bà ấy, nhưng cuối cùng, em cảm thấy mình rất kỳ...

Giọng Mariette gây cho tôi một ấn tượng khác thường. Đó là một giọng nói rất đặc biệt. Thứ nhất, nó dường như không thoát ra từ cổ họng. Tôi không hề biết nó thoát ra từ đâu. Nó cũng không đến chỗ mà các giọng nói khác thường đến. Nó không đến tai tôi. Lạ thật.

– Thậm chí là khó chịu, người ta tự hỏi anh có gì mà đặc biệt thế.

Mariette chờ một lúc, rồi thở dài và tiếp tục lau nhà. Tôi hoàn toàn bất động, người tôi từ đầu đến chân trở nên cứng đờ. Chúng tôi không ai nói với ai nữa. Thỉnh thoảng, Mariette quay lại nhìn tôi, thở dài rồi tiếp tục lau nhà. Tôi nhìn sự lãng phí kinh hãi này với trái tim tan nát. Biết là phải làm gì đó, thế mà tôi lại cảm thấy mình như bị chôn chân một chỗ. Mariette xong việc và bỏ đi. Tôi nhìn nàng ra đi với cảm giác một ký thật vừa dứt khỏi người mình và lìa xa mãi mãi. Tôi có cảm tưởng đời tôi vừa lỡ dở. Roland de Chantecler, Artémis Kohinore và Hubert de La Roche Rouge kêu gào thảm thiết, vừa gào vừa đám tay lên mặt. Nhưng vào thời đó,

tôi không biết câu ngạn ngữ lừng danh “Nhất Chứa nhì đàn bà”. Mariette tiếp tục nhìn tôi một cách kỳ lạ, sự tò mò đặc trưng nữ giới và có thể là chút ghen tuông lơ mờ nào đó đã được đánh thức bởi những lời tán dương của mẹ tôi và những hình ảnh mỹ miều mà mẹ vẽ lên về tương lai xán lạn của tôi. Cuối cùng thì điều kỳ diệu cũng đến. Tôi hãy còn nhớ gương mặt tinh nghịch ấy cúi xuống người tôi, còn nhớ cái giọng hơi khàn ấy nói với tôi, vừa nói nàng vừa vuốt má tôi, trong khi tôi đang lang thang ở đâu đó, trong một thế giới tốt đẹp hơn, trút bỏ mọi gánh nặng trên đời.

– Đừng có nói với mẹ anh đấy. Em không cưỡng lại nổi. Em biết rõ đó là mẹ anh, nhưng dù sao thì tình yêu thương ấy cũng rất đẹp. Rồi tình yêu thương ấy sẽ đem lại ham muốn cho anh thôi... Trên đời này sẽ không bao giờ có một người phụ nữ khác yêu thương anh như mẹ anh. Chắc chắn rồi.

Chắc chắn là như thế. Nhưng tôi lại không biết. Chỉ đến khi xấp xỉ tứ tuần tôi mới bắt đầu hiểu. Được yêu thương nhường ấy lúc người ta còn quá trẻ thì không hay ho gì. Điều đó tạo cho người ta những thói quen xấu. Người ta nghĩ là điều đó đã xảy ra. Người ta nghĩ là điều đó tồn tại ở nơi khác, là người ta có thể tìm lại được. Người ta tin tưởng. Người ta nhìn, người ta hy vọng, người ta chờ đợi. Với tình mẫu tử, vào lúc bình minh của đời người, cuộc sống hứa với bạn điều mà nó không bao giờ thực hiện. Rồi thì bạn phải ăn nguội ăn lạnh cho đến hết đời. Sau đó, mỗi lần một người phụ nữ ôm chầm lấy bạn, siết bạn vào lòng, đó chỉ còn là chia buồn thương tiếc mà thôi. Bạn luôn trở về kêu gào bên mộ mẹ như một con chó bị bỏ rơi. Không bao giờ nữa, không bao giờ nữa, không bao giờ nữa. Những vòng tay tuyệt diệu choàng quanh cổ bạn, những cặp môi dịu dàng nói với bạn về tình yêu, nhưng bạn đã tỏ

tường cả. Bạn đã đến bờ suối từ rất sớm và đã uống cạn nước. Khi cơn khát lại tóm được bạn, bạn có chạy tứ chạy tung nơi này nơi khác thì cũng hoài công mà thôi. Không còn nước uống, chỉ còn ảo ảnh. Ngay những thời khắc đầu tiên trong đời mình, bạn đã nghiên cứu rất kỹ về tình yêu và bạn có đầy đủ tư liệu. Đi đâu bạn cũng mang trong mình liều độc được chế bằng những so sánh, và bạn luôn mong đợi những gì mà bạn đã nhận được.

Tôi không có ý là phải ngăn cản các bà mẹ yêu thương con cái mình. Tôi chỉ muốn nói là các bà mẹ cần có ai đó khác nữa để mà yêu thương. Nếu như mẹ tôi có một người tình thì tôi đã không suốt đời cứ phải chết khát bên bờ mỗi cơn suối. Thật không may cho tôi, tôi biết mình được làm bằng kim cương đích thực.

CHƯƠNG V

CHUYỆN MARIETTE KẾT THÚC một cách bất ngờ. Một buổi sáng, tôi ung dung cấp cặp đi học rồi vội vã chạy về để gặp người đẹp, nàng sẽ đến nhà tôi lúc tám giờ rưỡi. Mẹ tôi thì đã xách va li đi Cannes, nói định chào hàng “trả lại sức gia đình” cho những người Anh đang lưu trú tại khách sạn Martinez. Chúng tôi không việc gì phải sợ, thế nhưng, số phận, với khía cạnh run rẩy của nó, đã chơi xỏ chúng tôi bằng cách bày ra một cuộc đình công xe buýt - mẹ bất ngờ trở về nhà. Vừa mở cửa căn hộ, nghe tiếng kêu gào và chắc chắn là tôi đang bị cơn đau ruột thừa hoành hành - cơn đau ruột thừa luôn ở trong tâm trí mẹ như hóa thân khiêm nhường và hạ cấp cuối cùng của bi kịch Hy Lạp - mẹ vội chạy đến cứu tôi. Tôi vừa mới trấn tĩnh lại và đang đắm mình trong cơn cực lạc vô tình vô cảm, đây đúng là một trong những thành công lớn nhất của chúng ta trên cõi đời này. Mười ba tuổi rưỡi, tôi có cảm giác đã thành công tuyệt đối trong cuộc đời, đã hoàn thành số mệnh của mình, và chễm chệ với các vị thần linh, tôi ung dung chiêm ngưỡng những ngón chân mình, những ngón chân này là vật duy nhất gợi nhắc tôi những chốn những nơi trên thế gian mà tôi từng lai vãng. Tâm hồn tôi, vốn ưa sự thăng hoa và thanh thản, đã thường thúc đẩy tôi đi tìm những khoảnh khắc tĩnh tâm triết lý như vậy trong suốt tuổi trẻ trầm tư của mình, đó là một trong những khoảnh khắc nơi tất cả những học thuyết bi quan yếm thế về nghịch cảnh và nhược điểm khi phải làm một người đàn ông đều đổ sụp xuống như những căn nhà tồi tàn trước vẻ đẹp sinh tồn, rạng rỡ sự viên mãn, sự khôn

ngoan yà hạnh phúc vô bờ. Trong cơn mê, tôi tiếp đón sự xuất hiện bất ngờ của mẹ như đã từng tiếp đón biểu hiện của các yếu tố đầy kích động: với lòng bao dung. Tôi mỉm cười hiền lành. Phản ứng của Mariette thì hơi khác. Nàng thất thanh kêu lên rồi nhảy ra khỏi giường, cảnh tượng tiếp theo khá lạ mắt và từ trên đỉnh Olympe của mình, tôi quan sát cảnh đó với vẻ mặt bàng quan. Mẹ tôi vẫn cầm chiếc gậy trên tay, và, sau khi đã chứng kiến hết thảm họa, bà giơ tay hành động ngay lập tức. Bà quất gậy vào bộ mặt của ông thầy dạy toán với sự chuẩn xác tuyệt đối. Mariette kêu rống lên và tìm cách che chắn khía cạnh nhân cách tuyệt vời của mình. Căn phòng nhỏ đầy tiếng ồn ào kinh hãi, mẹ tôi hét từ tiếng Nga *kourva** bằng giọng to vang hết mức bi thảm, bao trùm lên cảnh nhốn nháo đó.

Tôi phải nói rằng, mẹ tôi có năng khiếu chữ ở trình độ cao nhất; chỉ với vài từ ngữ có chọn lọc, bản chất mơ mộng và hoài niệm của bà đã tái tạo được một cách tuyệt vời không khí *Dưới đáy* hay khiêm tốn hơn là *Những người chèo thuyền trên dòng sông Volga* theo kiểu Gorki. Không cần gì to tát, người phụ nữ lịch sự với mái tóc bạc trắng, luôn được những khách hàng mua “trang sức gia đình” tin tưởng, bỗng gọi lên cho cử tọa đang sững sờ đơ đại hình ảnh cả nước Nga thánh thiện của những người coi ngựa say rượu, của những người nông dân và những thượng sĩ; mẹ tôi đúng là người có biệt tài tái tạo lịch sử bằng lời nói và cử chỉ, và những cảnh tượng này dường như chứng minh rằng, hồi còn trẻ, bà từng là một diễn viên kịch tài hoa như bà đang cố thể hiện.

Dù sao chăng nữa, tôi cũng chưa bao giờ làm sáng tỏ được điểm này. Tôi vẫn luôn biết rằng mẹ tôi đã từng là một “diễn viên kịch” - bà phát âm những từ này với giọng điệu hãnh diện biết bao! - tôi

thấy mình như vẫn đang ở cạnh mẹ, lúc năm hay sáu tuổi gì đó, hai mẹ con lang thang lưu diễn khắp nơi vào những thời khắc cô đơn đầy tuyết trắng, trên những chiếc xe trượt tuyết có gắn những cái chuông buồn bã đưa hai mẹ con trở về từ một nhà máy băng giá nào đó, nơi mẹ vừa “diễn Tchekov” cho các công nhân Xô Viết địa phương, hay từ một trại lính nào đó, nơi mẹ “ngâm thơ” cho binh lính và thủy thủ Cách mạng. Không mấy khó khăn, tôi cũng thấy lại mình trong căn phòng diễn viên nho nhỏ của mẹ, ở Matxcova, đang ngồi bệt và chơi với những mẫu vải nhiều màu bằng cách xếp lại sao cho chúng trở nên hài hòa: đó là nỗ lực biểu diễn nghệ thuật đầu tiên trong đời tôi. Thậm chí tôi còn nhớ tên vở kịch mà mẹ tôi diễn hồi đó: *Con chó của người làm vườn*. Những kỷ niệm tuổi thơ đầu tiên của tôi là một phối cảnh sân khấu, là mùi vị tuyệt vời của gỗ và sơn, là quang cảnh trống vắng nơi tôi dò dẫm đi trong một khu rừng giả rồi bất chợt lặng người vì kinh hãi trước một gian phòng rộng thênh thang, há hốc và đen tối; tôi hãy còn gặp lại những khuôn mặt hóa trang, phủ màu be lạ hoắc, đôi mắt viền trắng đen; những gương mặt đó cúi xuống mỉm cười với tôi; những người đàn ông và phụ nữ ăn mặc kỳ quặc giữ lấy đầu gối tôi, trong khi mẹ tôi đang diễn trên sân khấu; tôi còn nhớ có một thủy thủ người Liên Xô nhắc bổng tôi lên, cho tôi ngồi lên vai để tôi có thể thấy rõ mẹ sắm vai nhân vật Rosa trong vở *Hy vọng đắm chìm*. Thậm chí tôi còn nhớ cả nghệ danh của mẹ tôi: đó là những từ tiếng Nga đầu tiên mà tôi tự đọc được, những từ ấy được đề trên cửa phòng diễn viên của mẹ: Nina Borisovskaia. Thế nên, có vẻ như trong thế giới hạn hẹp của kịch nghệ Nga, vào khoảng những năm 1919-1920, vị trí của mẹ tôi khá vững chắc. Mặc dù thế, Ivan Mosjoukine, một diễn viên điện ảnh gạo cội, người đã biết mẹ tôi

thời ông ta còn chập chững vào nghề, vẫn luôn tỏ ra khá lảng tránh về chủ đề này. Ông ta nhìn tôi bằng đôi mắt xanh xao nằm dưới hàng lông mày như của Cagliostro rồi nói với tôi ở thêm quán “Grande Bleue”, nơi thỉnh thoảng ông ta vẫn đưa tôi tới mỗi lần đến Nice đóng phim, để xem thử “tôi đã như thế nào rồi”: “Nhẽ ra, mẹ cậu nên đi học ở Nhạc viện; thật không may là nhiều việc đã không cho phép mẹ cậu phát triển tài năng của mình. Hơn nữa, từ lúc cậu ra đời đến nay, không còn gì làm cho mẹ cậu thực sự quan tâm nữa.” Tôi cũng biết mẹ tôi là con gái của một thợ đồng hồ người Do Thái sống ở Nga trong một miền thảo nguyên rộng lớn, cụ thể là Koursk; mẹ tôi rất đẹp và đã phải rời xa gia đình lúc mười sáu tuổi; mẹ từng kết hôn, ly hôn, tái hôn rồi lại ly hôn lần nữa - những gì còn lại đối với tôi là bờ má áp lên má tôi, là giọng nói du dương, thường thì thầm, cười nói, hát ca - một nụ cười vô tư, một niềm vui là lạ mà đến giờ tôi vẫn thường mong ngóng, chờ đợi, kiếm tìm vô vọng quanh mình; một mùi hương huệ chuông, một mái tóc sẫm xoa xuống mặt tôi, những câu chuyện kỳ lạ thì thầm về xứ sở sau này sẽ trở thành quê hương tôi. Nhạc Viện hay không thì mẹ tôi hẳn phải có tài đã, vì mẹ bắt đầu gọi cho tôi hình ảnh nước Pháp bằng nghệ thuật kể chuyện tài tình của người phương Đông và tạo cho tôi một niềm tin vững chắc mà tôi không bao giờ có lại được. Cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn còn có lúc đợi chờ nước Pháp, một đất nước thú vị mà tôi đã từng nghe nói đến rất nhiều, mà tôi chưa bao giờ và không bao giờ biết - vì rất cuộc, đối với tôi, nước Pháp mẹ kể qua những miêu tả trữ tình và ngẫu hứng từ thuở tôi còn thơ dại đã trở thành một huyền thoại diệu kỳ, hoàn toàn trốn xa thực tại, một kiệt tác thơ ca không ai có thể với tới hay diễn đạt được. Mẹ tôi nói tiếng Pháp rất giỏi - với giọng Nga rất nặng mà tôi

ít nhiều chịu ảnh hưởng - mẹ chưa bao giờ cho tôi hay là mẹ học tiếng Pháp ở đâu, như thế nào và ai dạy. “Mẹ đã từng ở Nice và ở Paris” - đó là tất cả những gì mẹ chịu tiết lộ với tôi. Trong căn phòng diễn viên lạnh giá ở Nhà hát, trong căn hộ mà hai mẹ con tôi ở chung với ba gia đình diễn viên khác, có một cô giúp việc trẻ tên là Aniela, người thường chăm sóc tôi. Sau này, trong những toa tàu chở gia súc đưa chúng tôi về miền Tây cùng bệnh sốt chấy rận, Aniela quỳ gối trước mặt tôi, xoa xoa những ngón tay cứng đờ của tôi và tiếp tục kể cho tôi nghe về miền đất xa xôi nơi những chuyện tốt đẹp nhất thế gian đều thực sự tồn tại; nào là mọi người sống tự do và bình đẳng; nào là văn nghệ sĩ thường được các gia đình giàu có nhất tiếp đón; nào là Victor Hugo đã từng là tổng thống Cộng hòa; mùi vòng long não tôi đeo ở cổ, dường như đây là liệu pháp siêu việt để chống lại chấy rận, xông vào mũi tôi hăng hắc; tôi sẽ trở thành một nghệ sĩ violon vĩ đại, một diễn viên danh tiếng, một nhà thơ lớn; một Gabriele d’Annunzio người Pháp, một Nijinsky; một Émile Zola; chúng tôi phải sống cách ly ở Lida, thuộc vùng biên giới Ba Lan; tôi bước đi trên tuyết, dọc theo đường sắt, một tay được mẹ dắt, tay khác ôm khư khư cái bô mà tôi nhất quyết không rời suốt từ Matxcova, cái bô bấy lâu đã trở thành người bạn của tôi: tôi là một người rất dễ gắn bó; người ta cạo đầu cho tôi; mẹ tôi nằm trên nệm rom, ánh mắt mắt hút vào xa xăm, bà tiếp tục nói về tương lai rạng rỡ của tôi; tôi cố chống lại cơn buồn ngủ, mở to mắt ra để cố nhìn thấy những gì mà mẹ tôi thấy; Kỵ sĩ Bayard, Trà Hoa Nữ; trong cửa hàng nào cũng thấy bơ và đường; Napoléon Bonaparte; Sarah Bernhardt - cuối cùng tôi ngủ thiếp đi, đầu dựa vào vai mẹ, hai tay ôm chặt cái bô. Sau này, mãi sau này, sau mười lăm năm tiếp xúc với thực tế nước Pháp, ở thành phố Nice, nơi

chúng tôi từng đến ở, khi da đã nhăn nheo, tóc đã bạc phơ, nói đúng ra là đã già đi nhưng vẫn chưa hay biết gì, chưa nhận ra điều gì, luôn với nụ cười tin tưởng, mẹ tiếp tục gọi lại xứ sở tuyệt vời ấy, xứ sở mà bà đã mang theo trong chiếc ba lô của mình; còn tôi, được nuôi nấng trong viện bảo tàng tưởng tượng, một viện bảo tàng trưng bày tất cả những sự cao thượng và lòng đức hạnh, nhưng vì không có năng khiếu tuyệt vời như mẹ tôi, là ở đâu cũng chỉ thấy sắc màu của chính con tim mình, trước tiên tôi sẽ sờ nhìn quanh và tỏ vẻ hài lòng, sau đó, khi đến tuổi trưởng thành, tôi lao vào chiến đấu với thực tế trong một cuộc chiến mang màu sắc sử thi Homère và tuyệt vọng vô bờ, để vực cả thế giới dậy và làm cho nó trùng khớp với ước mơ ngây thơ luôn ám ảnh người mà tôi rất mực thương yêu.

Đúng, mẹ tôi là người có tài - và tôi chưa bao giờ phủ nhận điều đó.

Mặt khác thì có Agroff hung dữ, kẻ chuyên cho vay nặng lãi, sống ở đại lộ Gambetta, lão quản gia tởm lợm Odessa, một kẻ phò phạc, nhây mỡ, mềm nhão, đã bị từ chối mười phần trăm lãi suất hàng tháng của khoản tiền mà lão ta cho chúng tôi vay để mua “quyền tham gia” chiếc taxi Renault: “Mẹ mày làm ra vẻ phụ nữ quý tộc, nhưng tao biết mẹ mày khi bà ta còn hát trong các tiệm cà phê ca nhạc bình dân, trong các tửu điểm dành cho lính tráng. Ngôn ngữ của mẹ mày từ đó mà ra. Tao đâu thấy bị sỉ nhục. Một mụ đàn bà như thế không thể sỉ nhục một thương gia đáng kính.” Vào thời đó, tôi mới mười bốn tuổi, chưa thể chu cấp được gì cho nhu cầu của mẹ tôi, trong khi đây lại vốn là mong muốn lớn nhất của tôi, vì vậy tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi tát cho gã thương gia khả kính ấy hai cái tát đẹp đẽ vô cùng, đó là hai cái tát đầu tiên trong sự nghiệp

đi tát lâu dài và xuất sắc của tôi, nhờ vậy mà tôi sớm trở nên nổi tiếng trong khu phố. Đúng là từ ngày hôm đó, mê li trước chiến công này, mẹ tôi bắt đầu có thói quen đến phàn nàn với tôi mỗi khi bà cảm thấy bị chửi, sai đúng gì không biết, lúc nào bà cũng kết luận sự cố mình gặp phải, mà không phải bao giờ cũng chính xác, bằng điệp khúc sau: “Hắn tưởng mẹ không có ai bảo vệ nên cứ chửi mẹ vô tội vạ như thế. Hắn nhầm rồi, con đi tát cho hắn hai cái đi.” Tôi biết là trong mười lần thì có đến chín lần, việc người ta chửi chỉ là tưởng tượng ra thôi, mẹ tôi đi đâu cũng thấy người ta chửi, bà là người đầu tiên chửi người ta vô cớ thì có, vì đầu óc quá căng thẳng mà. Nhưng tôi chưa bao giờ thoái thác. Tôi kinh hãi những cảnh đó, tôi không thể chịu nổi những tiếng đập kinh tởm liên hồi ấy, nhưng tôi cứ tát. Mẹ tôi sống và chiến đấu một mình từ mười bốn năm nay rồi, không gì làm cho mẹ vui sướng hơn là cảm thấy mình “được bảo vệ”, cảm thấy sự hiện diện của một người đàn ông bên mình. Thế nên dù sợ nhưng tôi vẫn quyết tâm, tôi cố nén sự xấu hổ và đi tìm gặp một người bán kim cương, một người bán thịt, một chủ cửa hàng thuốc lá hay một người buôn đồ cổ khôn khéo nào đó mà mẹ đã chỉ cho tôi. Thế là người ta thấy một cậu bé run rẩy bước vào quán, đứng trước mặt mình, tay lăm lăm nắm đấm, nói với mình bằng giọng run lên vì phẫn nộ - một sự phẫn nộ rất hợp với biểu hiện của sự bất nhã mà tình mẫu tử buộc cậu ta phải dấn thân vào: “Thưa ông, ông đã chửi mẹ tôi, thì đây!” Nói xong, tôi cho kẻ khôn khéo một cái tát. Như vậy, tôi sớm nổi danh là một tên du đãng quanh khu vực đại lộ Gambetta, và không ai hiểu là chính tôi đã ghê sợ những cảnh đó như thế nào, tôi đã đau khổ ra sao và những cảnh đó đã làm tôi cảm thấy nhục nhã đến nhường nào. Một vài lần, biết là lời buộc tội của mẹ không có lý do chính đáng, tôi định

phản đối thì bà già lại ngồi trước mặt tôi, như thể chân bà bỗng khụy xuống trước sự vô ơn ấy, mắt bà đầm lệ, và bà ở đó, sững sờ nhìn tôi, trong trạng thái hoàn toàn buông xuôi mọi sức mạnh cùng lòng can đảm.

Thế là tôi lặng lẽ đứng dậy và đi đánh nhau. Tôi chưa bao giờ chịu đựng nổi khi nhìn một người bị giày vò bởi cái mà tôi không biết tả như thế nào khác ngoài tình trạng không hiểu thân phận mình trong khi vẫn sáng suốt. Tôi chưa bao giờ chịu nổi cảnh một sinh vật bị bỏ rơi, cho dù đó là con người hay con thú, và, trong thái độ của mình, mẹ tôi có một năng khiếu không thể chấp nhận được, đó là năng khiếu hiện thân cho tất cả những gì câm lặng một cách bi thương ở cả người và thú. Đến nỗi mà Agroff chưa nói xong đã nhận một cái tát, bị tát nhưng ông ta chỉ đáp lại đơn giản: “Đồ du đãng. Tao không ngạc nhiên vì mày là con của ả làm trò ở chợ với một thằng phiêu lưu.” Nhờ thế, tôi bỗng nhiên tỏ tường nguồn gốc thú vị của mình, nhưng điều này không tác động đến tôi chút nào, vì tôi không hề để tâm tới việc mình có thể là con người thế này hay con người thế kia một cách tạm thời và giao thời, bởi lẽ tôi biết mình đang được hứa hẹn những đỉnh cao chói lọi nhất, từ trên đó tôi sẽ cho nguyệt quế tuôn mưa lên người mẹ, để bù đắp cho cuộc đời của mẹ. Bởi lẽ tôi luôn biết rằng tôi không có sứ mạng nào khác; rằng trong chừng mực nào đó, tôi chỉ sống gửi; rằng sức mạnh bí ẩn và công minh đang ngự trị số phận con người đã ném tôi lên bàn cân để tái thiết sự cân bằng cho một cuộc đời đầy hi sinh và quên mình. Tôi tin tưởng vào một logic bí mật và hân hoan, logic đó được giấu kín trong những ngõ ngách đen tối nhất của cuộc sống. Tôi tin vào một thế giới đáng tôn kính. Tôi không thể thấy nét mặt bối rối của mẹ mà không cảm thấy niềm tin

mãnh liệt vào số phận đang lớn dần trong ngực mình. Vào những giờ khắc ác liệt nhất của chiến tranh, tôi luôn đối diện với hiểm nguy trong cảm giác mình là một kẻ bất khả chiến bại. Không gì có thể xảy đến được với tôi bởi tôi là *kết thúc có hậu** của mẹ. Trong hệ thống cân đong đo đếm mà con người tìm cách áp đặt cho thế giới một cách tuyệt vọng, tôi vẫn luôn thấy mình như chiến thắng của mẹ tôi.

Niềm tin này không phải tự nhiên mà đến với tôi. Có thể nó chỉ phản ánh niềm tin mà mẹ tôi đã đặt vào người vốn ngay từ khi mới sinh ra đã trở thành lý do duy nhất để bà sống và hy vọng. Khi tôi lên tám tuổi, hình như thế, việc mẹ tôi nhìn tương lai của tôi với niềm tin lớn lao đã tạo ra một cảnh tượng mà sự khôi hài và kinh khủng mãi mãi hiện hiện trong ký ức tôi.

CHƯƠNG V

THỜI ĐÓ CHÚNG TÔI Ở TẠM TẠI WILNO, Ba Lan, “chỉ ghé qua”, như mẹ tôi thích nhấn mạnh, trong khi chờ đến định cư ở Pháp, nơi mà tôi phải “lớn lên, học hành và trở thành một ai đó”. Mẹ tôi kiếm sống bằng việc gia công mũ cho các bà các cô, với sự giúp đỡ của một chị công nhân, trong căn hộ đã biến thành “Gian hàng thời trang cao cấp Paris” của chúng tôi. Những cái nhẵn giả tự tạo một cách khéo léo khiến các bà các chị khách hàng tưởng mũ chúng tôi bán là sản phẩm của nhà tạo mẫu nổi tiếng Paris thời đó, ông Paul Poiret. Mẹ tôi vác những thùng hàng đi từ nhà này sang nhà khác không mệt mỏi, một người phụ nữ còn trẻ, có đôi mắt to màu ve, gương mặt rạng rỡ ý chí kiên cường của một người mẹ, một ý chí mà không sự nghi ngờ nào có thể chạm tới được chứ đừng nói là làm tổn thương. Tôi ở nhà với dì Aniela, người đã đi theo chúng tôi khi chúng tôi rời Matxcova một năm trước đó. Vào thời ấy, điều kiện vật chất của chúng tôi rất thê thảm, những “đồ trang sức gia đình” cuối cùng - những đồ thật ấy - đã được đem đi bán từ lâu rồi, và ở Wilno thời tiết lạnh kinh khủng, tuyết dần dần tập đóng trên đất, dọc theo những bức tường bẩn thỉu và xám xịt. Mũ bán không chạy lắm. Khi mẹ tôi đi chợ về, ông chủ nhà thỉnh thoảng có chờ ở cầu thang, để báo cho mẹ tôi biết là ông ta sắp sửa đuổi chúng tôi ra phố nếu tiền thuê nhà không được thanh toán trong vòng hai mươi tư giờ tới. Nhìn chung, tiền thuê nhà luôn được thanh toán trong vòng hai mươi tư giờ. Thanh toán như thế nào thì tôi không biết. Tất cả những gì tôi biết, đó là tiền thuê nhà

lúc nào cũng được thanh toán, lò sưởi lúc nào cũng cháy và mẹ tôi thường ôm hôn tôi, nhìn tôi với ánh mắt rục lên niềm hân diện và đắc thắng mà tôi nhớ rất rõ. Thời ấy chúng tôi thực sự ở dưới đáy hồ - tôi không nói “vực thẳm” vì từ hồi đó tôi đã biết là vực thẳm không có đáy, và tất cả chúng ta dù có lập những kỷ lục về chiều sâu kinh khủng đến đâu thì cũng không bao giờ khai thác hết tiềm năng của cái dạng địa hình thú vị này. Mẹ tôi băng qua thành phố đầy tuyết về nhà, đặt các thùng mũ vào một góc, ngồi xuống, châm một điếu thuốc và nhìn tôi với nụ cười rạng rỡ.

– Có việc gì vậy mẹ?

– Không có gì. Con lại ôm hôn mẹ đi.

Tôi ôm hôn mẹ. Má mẹ tôi lạnh giá. Mẹ ôm tôi vào lòng, qua vai tôi nhìn cái gì đó rất xa xăm, với vẻ mặt rạng rỡ. Rồi mẹ nói:

– Con sẽ là Đại sứ Pháp.

Tôi không hề biết đó là cái gì, nhưng tôi đồng ý. Tôi mới tám tuổi nhưng tôi đã quyết định rồi: tất cả những gì mẹ muốn, tôi sẽ mang lại cho mẹ.

– Được ạ, tôi uể oải nói.

Dì Aniela ngồi gần lò sưởi nhìn tôi kính cẩn. Mẹ tôi lau những giọt nước mắt hạnh phúc. Bà ôm chặt tôi trong tay.

– Con sẽ có xe ô tô.

Mẹ tôi vừa đi bộ khắp thành phố, trong nhiệt độ âm mười độ C.

– Chỉ cần kiên nhẫn một chút, thế thôi.

Củ tí tách trong lò sưởi bằng sành. Ngoài kia, tuyết khiến thế giới trở nên dày đặc kỳ lạ và mênh mông im lặng, đôi khi, tiếng chuông phát ra từ một chiếc xe trượt tuyết nào đó càng nhấn mạnh

thêm vẽ dày đặc và mênh mông ấy. Dì Aniela đang cúi đầu khâu nhãn “Paul Poiret, Paris” lên chiếc mũ cuối cùng trong ngày. Gương mặt mẹ tôi lúc này rất hạnh phúc và thanh thản, không hề vương chút bận tâm. Những dấu hiệu mệt mỏi đã biến mất; ánh mắt mẹ lang thang giữa một xứ sở kỳ diệu, và, tôi bất giác quay đầu về phía mẹ để tìm cách nhìn thấy miền đất đó, miền đất của sự công bằng được lập lại và của những bà mẹ được bù đắp. Mẹ nói với tôi về nước Pháp như những người mẹ khác nói về nàng Bạch Tuyết và về Chú Mèo Đi Hia, và, dù cố gắng đến mấy tôi cũng không bao giờ hoàn toàn thoát khỏi hình ảnh thần tiên về một nước Pháp của những người anh hùng và của những đức hạnh gương mẫu. Có thể tôi là một trong những người hiếm hoi trên thế giới vẫn luôn trung thành với một câu chuyện của vú nuôi.

Khốn nỗi, mẹ tôi không phải là kiểu phụ nữ khi nào cũng ôm khư khư giấc mơ an ủi của mình. Ở mẹ, cái gì cũng được phô diễn ngay tức thì, cái gì cũng được tuyên bố, được ngâm nga, được kêu vang, được ném ra ngoài, và kèm theo đó thường là dung nham với tro tàn.

Chúng tôi có lảng giềng nhưng họ không ưa mẹ tôi. Tầng lớp tiểu tư sản Wilno không có gì phải đố kỵ với tầng lớp tiểu tư sản nơi khác, việc người đàn bà ngoại quốc ấy đi đi về về cùng những chiếc va li hay thùng các tông bị xem là bí ẩn và mờ ám và nhanh chóng được báo cho cảnh sát Ba Lan, thời ấy rất hay nghi ngờ người Nga tị nạn. Mẹ tôi bị kết tội tàng trữ đồ ăn cắp. Mẹ không gặp khó khăn gì trong việc làm cho những kẻ gièm pha bẽ mặt, nhưng sự xấu hổ, buồn rầu, phần nộ, như mọi khi, đã biến dạng thành hung hăng, bạo ngược. Sau khi nức nở khóc vài tiếng đồng hồ giữa những chiếc mũ bị xáo tung - cho đến bây giờ tôi vẫn mắc

chúng sợ mũ phụ nữ, trong số các chúng sợ lật vạt khác - mẹ dắt tay tôi, rồi sau khi nói với tôi là “Chúng không biết đang gây sự với ai đâu”, mẹ kéo tôi ra khỏi căn hộ và đi xuống cầu thang. Những gì tiếp theo là một trong những khoảnh khắc cơ cực nhất đời tôi - tôi đã từng trải qua vài khoảnh khắc như thế.

Mẹ đi từ nhà này sang nhà khác, bấm chuông, gõ cửa, rồi mời tất cả những người thuê nhà ra thêm nghỉ cầu thang. Mới chửi nhau được mấy câu - về khoản này, tất nhiên là mẹ tôi luôn hơn hẳn - mẹ kéo tôi lại rồi vừa chỉ tôi cho những ai có mặt đều thấy vừa nói, thật to thật hãnh diện, bằng một cái giọng đến tận bây giờ vẫn còn vang bên tai tôi:

– Đồ rệp con tư sản bẩn thỉu! Các người không biết đang được hân hạnh nói chuyện với ai đâu! Con trai tôi sẽ là Đại sứ Pháp, sẽ được tặng Huân chương Bắc đầu Bội tinh, sẽ là một kịch gia nổi tiếng, sẽ là một Ibsen, một Gabriele d’Annunzio! Con tôi...

Mẹ tôi tìm cái gì đó thực sự có trọng lượng, cái gì đó là minh chứng tối cao và mang tính quyết định đối với thành công trên đời.

– Con tôi sẽ mặc đồ London.

Tôi hãy còn nghe tiếng cười to của “những con rệp tư sản” bên tai. Tôi vẫn còn đỏ mặt khi viết những dòng này. Tôi nghe rất rõ và như nhìn thấy những bộ mặt châm chọc, hận thù và khinh bỉ - tôi nhìn thấy những gương mặt đó mà không hề cảm thấy hận thù: đó là những gương mặt người, ai cũng biết thế. Có lẽ tốt nhất là nên nói ngay, để cho câu chuyện này được rõ ràng, rằng giờ đây tôi là Tổng Lãnh sự Pháp, đã được tặng Huy chương Giải phóng, Huân chương Bắc đầu Bội tinh, và nếu như tôi không trở thành Ibsen hay d’Annunzio, thì không phải là do tôi không thử sức.

Và không sai: tôi mặc đồ London. Tôi ghê sợ kiểu cắt may của người Anh, nhưng tôi không được lựa chọn.

Tôi tin rằng trong đời mình, không có sự kiện nào đóng vai trò quan trọng hơn là tiếng người ta cười tôi trong cầu thang của tòa nhà cũ kỹ ở Wilno, tại số 16 phố Grande Pohulanka. Tôi được như bây giờ là nhờ tiếng cười đó: xấu tốt gì không biết nhưng tiếng cười này đã trở thành chính tôi.

Mẹ tôi hiện ngang trong tiếng chửi rửa dòn dập, đầu bà ngẩng cao, tay bà siết ôm tôi vào lòng. Trong bà không có chút gì gọi là ngượng nghịu hay nhục nhã. Mẹ tôi biết.

Trong những tuần lễ tiếp theo đó, cuộc sống của tôi không mấy dễ chịu. Tôi mới tám tuổi cũng chẳng sao, ý thức về trò cười của tôi vẫn rất phát triển - và tất nhiên phần nào là vì mẹ tôi. Tôi quen dần. Chậm mà chắc, tôi học cách mất quân trước ba quân thiên hạ mà không hề cảm thấy ngượng nghịu. Đó là một phần trong sự giáo dục của tất cả những ai có thiện chí. Đã từ lâu tôi không còn sợ trò cười nữa; bây giờ tôi biết rằng, phàm là người thì không thể bị làm trò cười cho thiên hạ.

Nhưng trong những phút giây mà hai mẹ con chúng tôi ở trên thềm nghỉ, giữa tiếng chế nhạo, mỉa mai và chửi rửa, ngực tôi biến thành một cái lồng trong đó một con vật xấu hổ và hoảng hốt đang tuyệt vọng tìm cách thoát ra.

Trong sân tòa nhà có một kho chứa củi, và chỗ ẩn náu thích nhất của tôi là ở giữa đống củi đó; tôi cảm thấy mình an toàn tuyệt đối khi mà, sau những động tác nhào lộn khéo léo - củi chất cao đến hai tầng nhà - tôi cũng chui được vào, những bức tường gỗ ẩm ướt và thơm tho bảo vệ tôi mọi phía. Tôi ở trong đó nhiều giờ liền cùng

những đồ chơi ưa thích nhất của mình, tôi cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc và bất khả xâm phạm. Những ông bố bà mẹ cấm con mình lại gần cái dinh cơ bấp bênh và nguy hiểm này: một bó củi bị lệch, một cái xô đẩy lỗ tay đều có nguy cơ làm tắt cả đồ sụp xuống và chôn vùi người ta. Tôi đã học được cách luôn lách nhanh nhẹn qua những hành lang chật chội của thế giới đó, nơi mà tôi ngự trị như một ông chủ tối thượng, nơi mà chỉ cần sẩy chân chút xíu thôi cũng đủ gây ra một vụ sạt lở nhưng lại là nơi mà tôi cảm thấy như ở nhà mình. Bằng cách di chuyển các khúc củi một cách khéo léo, tôi đã tự tạo cho mình những hành lang, những lối đi bí mật, những hang ổ kín đáo, cả một thế giới thân thiện và an toàn, một thế giới hoàn toàn khác với thế giới kia, nơi tôi len lỏi như một con chồn sương, và nơi tôi có thể ẩn náu, cho dù hơi ẩm dần làm ướt đũng quần và khiến tôi lạnh sống lưng. Tôi biết chính xác cần rút những mảnh gỗ nào để mở ra một lối đi, sau đó tôi cẩn thận xếp củi lại sau lưng mình để tăng thêm cảm giác bất khả xâm phạm.

Vậy là hôm đó, tôi chạy thẳng đến cơ ngơi bằng củi của mình ngay khi có thể đàn ông chạy đi, tức là không đem lại cảm giác tôi bỏ mẹ một mình trước kẻ thù - hai mẹ con chúng tôi đã ở lại hiện trường đến cùng và cũng là những người cuối cùng rời đi.

Bằng một số động tác khéo léo, sau khi đi qua những hành lang bí mật, xếp lại từng thanh củi trên lối đi, tôi vào chính giữa dinh cơ, với bề dày năm hay sáu mét bảo vệ phía trên, và tại đây, trong cái vỏ bảo vệ đó, khi chắc chắn là không ai trông thấy mình, tôi bật khóc nức nở. Tôi khóc rất lâu. Sau đó, tôi chăm chú nhìn những khúc củi phía trên và xung quanh mình hòng chọn đúng những khúc củi cần rút để kết thúc dứt điểm, để cho cả pháo đài bằng gỗ đổ sụp xuống người tôi và cho tôi thoát khỏi cõi đời. Tôi sờ từng

khúc củi một, đầy biết ơn. Tôi còn nhớ cảm giác thân thiện và yên tâm khi chạm vào những khúc củi đó, tôi còn nhớ cái mũi sứt sùi của mình, còn nhớ sự thanh thản lúc ấy bỗng hình thành trong lòng khi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ bị làm nhục hay khổ sở nữa. Phải đẩy đồng củi cả bằng chân và lưng.

Tôi vào vị trí.

Rồi tôi chợt nhớ trong túi mình còn một miếng bánh pavot mà lúc buổi sáng tôi đã ăn cắp ở phòng sau cửa tiệm bánh ngọt trong khu nhà, ông chủ tiệm bánh cứ để thế mà không trông coi gì vì có khách. Tôi lấy bánh ra ăn. Sau đó tôi lại vào vị trí. Thở dài một cái rõ to, tôi chuẩn bị đẩy.

Một con mèo đã cứu mạng tôi.

Cái mõm của nó bỗng xuất hiện trước mắt tôi, giữa các khúc củi, thế là mèo và tôi ngạc nhiên nhìn nhau một lúc. Đó là một con mèo đực kỳ cục trụi lông, màu mứt cam, hai cái tai tả tơi, bộ mặt lông lá, hung dữ và lồi đời mà những con mèo đực già thường có được sau khi đã dạn dày kinh nghiệm.

Con mèo chăm chú nhìn tôi, sau đó, không ngần ngại, nó bắt đầu liếm mặt tôi.

Tôi không hề có ảo tưởng về động cơ của biểu hiện tình cảm bất ngờ này. Lúc đó, vì nước mắt nên má và cằm tôi vẫn còn dính những mảnh vụn bánh pavot. Sự vuốt ve ấy là hoàn toàn vụ lợi. Nhưng tôi không quan tâm. Cảm giác khi lưỡi mèo nham nhám và ấm áp liếm lên mặt làm tôi mỉm cười sung sướng - tôi nhắm mắt lại và cứ để thế - vào khoảnh khắc đó cũng như sau này, trong suốt cuộc đời mình, tôi không tìm cách hiểu xem chính xác cái gì đang được giấu kín đằng sau những biểu hiện yêu thương của ai đó đối

với tôi. Điều quan trọng là lúc ấy có một cái mồm thân tình và một cái lưỡi ấm áp đang liếm láp mặt tôi với tất cả những biểu hiện của sự âu yếm và lòng cảm thông. Tôi không cần gì hơn để cảm thấy hạnh phúc.

Khi con mèo thổ lộ tâm tình xong tôi cảm thấy đỡ hơn nhiều. Trên đời này có những cơ hội và những tình bạn không được bỏ qua. Bây giờ con mèo vừa cọ cọ người vào mặt tôi vừa gầm gừ. Tôi thử bắt chước tiếng gầm gừ của nó, thế là cả hai chúng tôi vui vẻ bên nhau, thi nhau gầm gừ thoải mái. Tôi vét những mẩu bánh trong túi cho mèo ăn. Chú mèo có vẻ quan tâm, nó dựa người vào mũi tôi, cái đuôi của nó cứng đờ. Nó cắn tai tôi. Tóm lại là cuộc đời lại đáng sống. Năm phút sau, tôi trèo ra khỏi dinh cơ bằng gỗ của mình, rồi tay bỏ túi quần, miệng huýt sáo, tôi trở về nhà, chú mèo bám ngay sau.

Từ đó, khi nào tôi cũng nghĩ rằng trên đời này, tốt hơn hết là luôn có trong người vài mẩu bánh nếu muốn được yêu thương một cách thực sự vô tư.

Dĩ nhiên là hai chữ *frantzuski poslannik* - đại sứ Pháp - đã đeo đuổi tôi khắp nơi mọi chốn trong nhiều tháng trời, và khi anh thợ bánh Michka bắt quả tang tôi đang nhón chân lên đi, tay cầm một miếng bánh pavot cực to, thì tất cả những người có mặt trong sân được mời xác nhận rằng quyền miễn trừ ngoại giao không được mở rộng cho một phần nào đó trong con người tôi mà ai ai cũng biết.

CHƯƠNG VII

KHÔNG PHẢI MỌI KHÁN GIẢ ở số 16 phố Grande-Pohulanka, những người được chứng kiến lời tiết lộ lâm ly của mẹ tôi về tương lai vĩ đại của tôi, đều có thái độ cười nhạo.

Trong số những người này, có một người tên là Piekielny - tiếng Ba Lan có nghĩa là “Quý quái”. Không biết tổ tiên của con người tuyệt vời này đã lấy đâu ra cái tên kỳ dị ấy, nhưng chưa bao giờ lại có một cái tên không tương thích với người mang nó như vậy. Piekielny trông giống một con chuột nhắt buồn bã, sạch sẽ một cách tỉ mỉ và luôn luôn lo lắng, ông ta có vẻ kín đáo, xa vời, và có thể nói là lơ đãng như một người vì bị o ép nên gần như tách rời với mặt đất. Đó là một người mẫn cảm, bị bối rối vô cùng trước sự tự tin tuyệt đối của mẹ tôi, khi bà đặt tay lên đầu tôi rồi đưa ra lời tiên đoán của mình với phong thái mang tính kinh thánh thuần túy. Mỗi lần gặp tôi ở cầu thang, ông ta đều dừng lại và nhìn tôi rất trang nghiêm, kính cẩn. Một vài lần ông ta mạnh dạn vỗ vào má tôi. Rồi ông ta tặng tôi vài chục chú lính chì cùng một pháo đài bằng các tông, ông ta còn mời tôi vào nhà, cho tôi ăn kẹo và loukoum thỏa thích. Trong khi tôi đang đánh chén - ai biết mai sau sẽ như thế nào đâu - con người nhỏ thó đó ngồi đối diện tôi, tay vuốt vuốt bộ râu đã bị thuốc lá làm cho ngả màu hung. Rồi cuối cùng cũng đến cái ngày của sự thỉnh cầu thống thiết, của tiếng gọi con tim, của sự thú nhận về một ham muốn cháy bỏng và thái quá mà con chuột người dễ thương này giấu kín dưới chiếc áo gi lê.

– Khi nào cháu lớn...

Ông ta nhìn quanh nhìn quất với vẻ mặt hơi ngượng ngùng, chắc là nhận thức ra sự thơ ngây của mình nhưng lại không biết cách kiềm chế.

– Khi nào cháu... được như điều mẹ cháu đã nói.

Tôi chăm chú nhìn ông ta. Hộp loukoum mới được mở ra. Theo bản năng, tôi đoán là tôi có quyền được ăn chỉ vì tương lai sáng ngời mà mẹ tôi đã tiên đoán cho tôi.

– Cháu sẽ là Đại sứ Pháp, tôi nói, vẻ chắc chắn.

– Thì ăn một chiếc loukoum đã nào, ông Piekielny vừa nói vừa đẩy cái hộp về phía tôi.

Tôi ăn. Ông ta đằng hắng.

– Các bà mẹ thường cảm nhận được những thứ đó, ông ta nói. Có thể cháu sẽ trở thành một người thực sự tầm cỡ. Thậm chí có thể cháu sẽ viết báo, viết sách.

Ông ta cúi xuống và đặt tay tôi lên đầu gối tôi rồi hạ giọng.

– Thế này nhé! Nếu mà cháu được gặp những nhân vật nổi tiếng, những ông to bà lớn thì cháu hãy hứa là sẽ nói với họ...

Một ngọn lửa tham vọng cháy bỏng bỗng lóe lên trong đôi mắt chuột nhắt.

– Cháu hãy hứa là sẽ nói với họ: ông Piekielny đã từng sống ở số 16, phố Grande-Pohulanka, Wilno.

Ông ta nhìn sâu vào mắt tôi với vẻ van xin câm lặng. Ông ta đặt tay lên gối tôi. Tôi vừa ăn loukoum, vừa nhìn ông ta một cách nghiêm trang.

Cuối cuộc chiến tranh ở Anh quốc, nơi tôi đã đến để tiếp tục cuộc chiến bốn năm trước đó, Nữ hoàng Elizabeth, mẹ của nữ hoàng bây giờ, duyệt phi đội tôi ở sân bay Hartford Bridge. Tôi đứng nghiêm cùng phi đội bên cạnh một chiếc máy bay. Nữ hoàng dừng lại trước mặt tôi và, với một nụ cười hiền hậu, nụ cười khiến bà được nhiều người biết tới, bà hỏi tôi đến từ vùng nào tại Pháp, tôi hồi hộp trả lời “Từ Nice”, để không làm mọi chuyện trở nên quá phức tạp với Nữ hoàng. Và rồi... Lúc đó tôi ngỡ như mình thấy người đàn ông nhỏ thó ấy đang hoa chân múa tay, giậm chân thành thịch, vò đầu bứt tai, cố làm sao để tôi nhớ đến ông ta. Tôi gắng nén mình lại nhưng ngôn từ vẫn tự động buột khỏi miệng tôi, thế là tôi quyết định thực hiện ước mơ điên cuồng của một con chuột nhắt, tôi thông báo với nữ hoàng, bằng giọng to và rõ ràng:

– Ông Piekieny nào đó đã từng sống ở số 16 phố Grande-Pohulanka, Wilno...

Nữ hoàng duyên dáng nghiêng đầu và tiếp tục duyệt binh. Chỉ huy đội bay “Lorraine”, ông bạn thân Henri de Rancourt của tôi vừa đi qua vừa nhìn tôi hần học...

Nhưng không sao: tôi đã được ăn kẹo loukoum kia mà.

Giờ đây, con chuột nhắt dễ thương ở Wilno đã kết thúc cuộc đời nhỏ nhoi của mình từ lâu rồi, trong lò hỏa táng của Đức Quốc xã cùng với vài triệu người Do Thái ở châu Âu khác.

Mặc dù thế, tôi vẫn tiếp tục thực hiện lời hứa của mình một cách chu đáo khi tôi có dịp gặp gỡ những người nổi tiếng trên thế giới này. Từ bục của Liên Hợp Quốc đến Tòa sứ London, từ Cung điện Liên bang Berne đến Điện Élysée, trước mặt Charles de Gaulle và Vichinsky, trước mặt các quan chức cao cấp và những người kiến

thiết nghìn năm, tôi đã không quên nói về sự tồn tại của con người nhỏ bé ấy, thậm chí tôi còn vui vẻ khi có thể thông báo nhiều lần trên các kênh truyền hình lớn của Mỹ, trước hàng triệu khán giả, rằng ở số 16 phố Grande-Pohulanka, Wilno, từng có ông Piekielny nào đó sinh sống, cầu Chúa cứu vớt linh hồn ông.

Nhưng rốt cuộc thì chuyện gì phải xảy ra đã xảy ra, bộ xương của con người nhỏ bé ấy đã biến thành xà phòng khi ra khỏi lò hỏa táng và từ lâu đã đáp ứng nhu cầu vệ sinh của phát xít Đức.

Tôi vẫn thích món loukoum như thế. Mặc dù vậy, vì mẹ tôi luôn nhìn thấy ở tôi sự hòa quyện giữa Lord Byron, Garibaldi, d'Annunzio, d'Artagnan, Robin Hood và Richard Sư Tử Tâm, nên bây giờ tôi buộc phải quan tâm đến vòng eo của mình. Tôi đã không thể thực hiện tất cả các kỳ tích mà mẹ trông chờ ở tôi, nhưng dù sao tôi cũng không để bụng mình quá phệ. Ngày nào tôi cũng chăm chỉ tập những bài làm dẻo chạy bộ và hai lần mỗi tuần. Tôi chạy, tôi chạy, ôi, tôi chạy! Tôi cũng tập múa kiếm, bắn cung, bắn súng, nhảy cao, nhảy sào, cử tạ và tôi còn biết tung hứng ba bóng nữa. Dĩ nhiên, khi bạn ở độ tuổi bốn mươi hay năm mươi, tin vào tất cả những gì mẹ nói là hơi ngây thơ, nhưng tôi không tài nào từ bỏ niềm tin đó được. Tôi đã không thành công trong việc vực thế giới dậy, trong việc chiến thắng dốt nát và ác độc, trong việc mang lại công bằng và phẩm cách cho con người, nhưng ít ra tôi cũng đã đoạt giải vô địch bóng bàn tại Nice năm 1932, và bây giờ, sáng nào cũng thế, tôi vẫn có thể vừa nằm vừa chống đẩy mười hai lần, thế thì không có lý do gì để thất vọng cả.

CHƯƠNG VIII

VÀO QUẢNG THỜI GIAN ẤY, công việc làm ăn của chúng tôi có khấm khá hơn. Những “mẫu kiểu Paris” hồi đó rất thành công và một nữ công nhân mới đã sớm được tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Mẹ tôi không còn phải mất thời gian chạy từ nhà này sang nhà khác nữa: khách hàng đến nườm nượp. Rồi một ngày nọ, mẹ tôi đã có thể loan tin trên báo rằng, kể từ bây giờ, ngôi nhà của bà, “thông qua sự thỏa thuận đặc biệt với ông Paul Poiret”, sẽ là văn phòng đại diện độc quyền về mũ và cả váy, “dưới sự giám sát của đích thân ông chủ”. Một tấm biển đóng ngoài cổng với dòng chữ “Nhà Mới, Thời trang Cao cấp Paris” được khắc bằng tiếng Pháp, chữ mạ vàng. Mẹ tôi không bao giờ làm cái gì đó nửa vời. Mới ăn nên làm ra nên vẫn còn thiếu yếu tố siêu việt, diệu kỳ, thiếu một *quái giới* khả dĩ biến thành công đầu tiên của chúng tôi thành một chiến thắng dứt điểm và đẽ bẽp nghịch cảnh. Mẹ tôi ngồi khoanh chân trên chiếc đi văng nhỏ màu hồng trong phòng khách, một điều thuốc hững hờ trên môi, đôi mắt đầy cảm hứng nhìn vào khoảng không, dõi theo một dự án táo bạo, trong khi gương mặt bà từ từ chuyển sang một trạng thái mà tôi bắt đầu biết rất rõ, đó là sự pha trộn giữa mưu mẹo, chiến thắng và ngây thơ. Tôi nép mình trong cái ghế bành đối diện mẹ, tay cầm chiếc bánh pavot, lần ấy thì đã lấy một cách hợp pháp. Thỉnh thoảng, tôi ngoái đầu nhìn theo hướng nhìn của mẹ nhưng chẳng bao giờ thấy gì. Cảnh tượng mẹ lập dự án đối với tôi thật kỳ diệu và xao động. Tôi quên bém cả việc ăn bánh và cứ ngồi câm lặng, lòng rất đổi tự hào và thán phục.

Phải nói rằng, trong một thành phố nhỏ như Wilno, cái thành phố vốn chẳng thuộc Litva, Ba Lan hay Nga này, nơi ảnh ột báo chí còn chưa tồn tại, thứ mẹo mà mẹ tôi đã tưởng tượng ra thật vô cùng táo bạo và lại một lần nữa đưa chúng tôi đi trên con đường lớn, ba lô con cóc trên vai.

Quả vậy, chẳng mấy chốc mà có thông báo gửi “toàn thể thị dân lịch thiệp” của Wilno rằng đích thân ông Paul Poiret từ Paris đến sẽ khánh thành các gian hàng “Thời trang Cao cấp Nhà Mới”, số 16 phố Grande-Pohulanka vào lúc bốn giờ chiều.

Như tôi đã nói, mẹ tôi đã quyết là làm đến cùng, thậm chí còn tiến xa hơn nữa. Vào ngày đã hẹn, khi các bà các chị đẹp đẽ và béo tốt chen chúc nhau trong căn hộ, mẹ tôi không thông báo: “Ông Paul Poiret có việc đột xuất nên xin lỗi không đến được.” Mẹ không phải hạng người có cách xử trí vật vãnh như thế. Quyết tâm đánh lớn, mẹ tạo ra một ông Paul Poiret bằng xương bằng thịt.

Hồi còn đeo đuổi “sự nghiệp đóng kịch” ở Nga, bà có quen một diễn viên kiêm ca sĩ người Pháp, một người thường lang thang lưu diễn ở các vùng ven, một người không tài cán cũng chẳng có tương lai tên là Alex Gubernatis. Anh ta sống leo lắt đâu đó ở Vacsava, đây cũng là nơi anh ta trở thành thợ làm tóc giả phục vụ diễn viên kịch, sau khi đã thất lung buộc bụng cho tham vọng của mình bằng cách chuyển từ một chai Cognac sang một chai Vodka mỗi ngày. Mẹ tôi gửi cho anh ta vé tàu hỏa và tám ngày sau, Alex Gubernatis sắm vai Paul Poiret, ông chủ tầm cỡ của ngành Thời trang Cao cấp Paris, trong những căn phòng của “Nhà Mới”. Vào dịp này, anh ta thể hiện hết mình. Mặc chiếc áo choàng lạ thường bằng vải ê cốt, chiếc quần dài kẻ ca rô nhỏ bó sát chặt vào người, mỗi lần anh ta cúi xuống hôn tay các bà, cặp mông nhọn hoắc của anh ta lại lộ ra.

Anh ta còn thất chiếc cà vạt Lavallière dưới cái yếm hầu quá khổ. Đắm mình trong chiếc ghế bành, đôi chân dài ngoằng duỗi trên sàn ván bóng loáng, tay cầm ly rượu nho sủi bọt, bằng chất giọng kim của mình anh ta kể về những vinh quang và những niềm vui say đắm trong cuộc sống Paris, kể về những cái tên nghệ sĩ tài hoa đã giải nghệ từ hai mươi năm nay, thỉnh thoảng lại khéo léo luồn tay vào bộ tóc giả của mình như một Paganini về tóc. Khốn nỗi là vào cuối buổi chiều, khi đã ngấm rượu vang sủi bọt, anh ta yêu cầu mọi người im lặng và ngâm cho họ nghe hồi hai của tác phẩm *L' Aiglon*, sau đó bản năng trời dậy, anh ta bắt đầu gào lên, giọng hân hoan tột độ, những trích đoạn trong vốn tiết mục tủ điểm của mình, trong đó có một điệp khúc khá hay và hơi bí hiểm mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ: “À, anh muốn thế, anh muốn thế, anh muốn thế đấy, Pomponnette ơi, anh muốn gì có nấy!”, kèm theo là tiếng đệm của gót chân và tiếng vỗ của đôi bàn tay xương xẩu, thi thoảng lại liếc mắt tinh ranh nhìn bà vợ của ông chỉ huy giàn nhạc thành phố. Lúc đó, mẹ tôi thấy tốt hơn là đưa anh ta vào phòng dì Aniela, cho anh ta nằm lên giường và khóa cửa hai lần; cũng tối hôm ấy, trong chiếc áo choàng vải ê cốt và với tâm hồn nghệ sĩ bị nhạo báng, anh ta đi tàu về Vacsava, miệng vẫn kịch liệt phản đối thái độ vô ơn và không hiểu biết những năng khiếu mà trời đã ban cho anh ta.

Mặc bộ com lê nhung đen, tôi dự buổi lễ khánh thành, mắt không rời anh chàng Gubernatis tuyệt vời, và, khoảng hai mươi lăm năm sau, tôi lấy cảm hứng từ con người này để viết nên nhân vật Sacha Darlington trong tiểu thuyết *Phòng thay đồ lớn*.

Tôi không tin là chỉ vì mục đích quảng cáo mới có cái mẹo này. Mẹ tôi cần điều tuyệt diệu. Suốt đời mẹ ước mơ một sự phô diễn tuyệt đối và tôi thương, vậy chiếc đĩa thần một cái là sự phô diễn

đó sẽ trộn lẫn những người nhẹ dạ cả tin với những kẻ ma mãnh, sẽ đưa công lý đến với những người có địa vị thấp hèn hay cùng khổ. Những tuần lễ trước ngày khai trương gian hàng, mắt mẹ tôi mất hút trong khoảng không, gương mặt đầy hào hứng và rạng rỡ, bây giờ thì tôi biết bà đã thấy gì; bà thấy ông Paul Poirot xuất hiện trước đám đông khách hàng của bà, ông giơ tay lên yêu cầu mọi người im lặng và chỉ bà cho mọi người thấy, ca ngợi rất lâu thị hiếu thẩm mỹ, tài năng và cảm hứng nghệ thuật của người đại diện duy nhất của mình tại Wilno. Nhưng dẫu sao bà vẫn biết là những điều kỳ diệu ít khi xảy ra và ông trời còn có những việc khác để làm. Khi đó, với một nụ cười hơi tội lỗi, bà đã tạo ra điều kỳ diệu có trong tất cả các vở kịch và mạnh tay đâm vào số phận - dù thế, phải thú nhận là số phận có tội hơn bà và số phận có nhiều việc phải xin lỗi hơn.

Dù gì đi nữa, theo tôi được biết, trò lừa đảo đó chưa bao giờ bị bại lộ và “Nhà Mới, gian hàng Thời trang Cao cấp Paris” đã được khai trương thành công rực rỡ. Trong vòng vài tháng, toàn bộ khách hàng giàu có trong thành phố đều đến mua đồ ở chỗ chúng tôi. Tiền đổ về như nước. Căn hộ được sơn sửa lại; những tấm thảm nhuyển mịn phủ kín sàn ván, còn tôi thì tha hồ chén loukoum, vừa ăn kẹo vừa ngồi ngoan ngoãn trên ghế bành mà ngắm nhìn các bà các chị xinh đẹp cởi quần cởi áo trước mặt. Mẹ tôi rất muốn tôi ở đó, mặc đồ nhung lụa. Tôi trưng mình ra trước những người này, người ta còn dẫn tôi lại gần cửa sổ, mời tôi ngước mắt lên trời để khách hàng có thể nhận ra màu xanh da trời hợp với đôi mắt tôi đến nhường nào; người ta xoa đầu tôi, người ta hỏi tuổi tôi, người ta ngây ngất trong khi tôi liếm đường trên chiếc kẹo loukoum, mắt

chăm chú nhìn tất cả những điều mới lạ mà cơ thể phụ nữ phô ra cho tôi.

Tôi còn nhớ một nữ ca sĩ Nhà hát kịch Wilno, tên hay nghệ danh là cô La Rare. Thời đó chắc tôi mới hơn tám tuổi.

Mẹ tôi và người thiết kế trang phục đã ra khỏi phòng khách mang theo “mẫu thời trang Paris” để chỉnh sửa gì đó quan trọng. Tôi ở lại một mình với cô La Rare. Cô ăn mặc rất mát mẻ. Tôi vừa chiêm ngưỡng từng phần một trên người cô vừa mút kẹo. Hẳn là có cái gì đó trong cách nhìn của tôi quen quen với cô bởi tôi thấy cô vội vàng vơ váy mặc vào. Vì tôi vẫn tiếp tục ngắm nhìn chăm chú, cô chạy trốn ra đằng sau tấm gương ở bàn trang điểm. Tôi điên tiết lên, đi xung quanh cái bàn và kiên quyết đứng giạng chân trước cô La Rare, bụng ưỡn ra, bắt đầu mút kẹo một cách mơ mộng. Khi mẹ tôi về, bà thấy chúng tôi đứng bất động như thế, trong sự im lặng giá băng.

Tôi còn nhớ là mẹ tôi, sau khi đã lôi tôi ra khỏi phòng, ôm hôn tôi với một niềm tự hào khác lạ, như thể cuối cùng tôi cũng chứng minh được những hy vọng mà bà đặt vào tôi.

Thật không may là từ đó tôi bị cấm vào phòng khách. Bây giờ tôi vẫn thường tự nhủ nếu mình khéo léo và kém thành thực hơn trong ánh nhìn thì đã có thể kiếm thêm ít nhất sáu tháng nữa.

CHƯƠNG IX

THÀNH QUẢ CỦA SỰ THỊNH VƯỢNG bắt đầu trút như mưa xuống người tôi. Tôi có một quán gia người Pháp riêng, tôi mặc những bộ quần áo nhung lịch sự được may đo cho riêng mình, quàng những chiếc khăn bằng ren lụa, và để phòng khi trái gió trở trời thì tôi có một chiếc áo lông sóc kỳ dị, với hàng trăm cái đuôi nhỏ màu xám hướng ra ngoài khiến ai đi qua cũng phì cười. Tôi được học cách ăn mặc, được học cách hôn tay phụ nữ, được học cách vừa chào họ vừa kê một chân lên chân khác, được học cách tặng hoa. Về hai điểm hôn tay và tặng hoa, mẹ tôi rất cố chấp:

– Con sẽ chẳng đạt được gì nếu không được học những thứ đó, mẹ bảo tôi, vẻ mặt đầy bí ẩn.

Mỗi tuần một hoặc hai lần, khi một vài khách xịn nào đó đến mua hàng, bà quản gia của tôi, sau khi đã chải tóc, xịt keo, chỉnh lại đôi tất và thắt lại cẩn thận chiếc khăn lụa to tướng dưới cằm cho tôi, đưa tôi vào thế giới thượng lưu.

Tôi gặp gỡ từ quý bà này sang quý bà khác, cúi chào, kê chân, hôn tay, mắt ngược hết cỡ lên phía cái đèn theo lời mẹ dặn. Các quý bà phấn khích một cách lịch sự, những bà nào biết cách reo lên phấn khởi thì khi mua “mẫu thời trang mới nhất Paris” sẽ được giảm giá rất nhiều, về phần mình, tôi không có tham vọng gì khác là làm đẹp lòng người mà tôi yêu thương nhất, người ta chưa nhủ tôi đã giương mắt lên đèn rồi, tôi còn tự cho phép mình vẩy tai thư giãn, cái tài vật mà tôi vừa học mót được ở lũ bạn cùng lớp trong

giờ ra chơi. Sau đó, khi đã hôn tay các quý bà lần nữa, khi đã kính cẩn cúi chào, kê chân, tôi hớn hở chạy ra sau kho củi, ở đây, đầu đội chiếc mũ vành ba múi gấp bằng giấy, tay cầm cái gậy, tôi ra sức bảo vệ vùng Alsace-Lorraine, diễu hành trên đường phố Berlin và chinh phục toàn thế giới cho đến giờ ăn chiều.

Trước khi tôi đi ngủ, mẹ thường vào phòng tôi. Mẹ cúi xuống và cười, vẻ mặt đượm buồn. Mẹ nói:

– Con ngược mắt lên...

Tôi ngược mắt lên. Mẹ cúi xuống nhìn tôi rất lâu. Rồi mẹ ôm chặt tôi vào lòng. Tôi cảm thấy những giọt nước mắt mẹ chảy dài trên má tôi. Tôi nghi ngờ là có điều gì đó ẩn khuất và những giọt nước mắt lay động lòng người này không phải do tôi. Một hôm, tôi hỏi dì Aniela về việc ấy. Gia đình tôi khâm khá về vật chất nên dì Aniela cũng được thăng chức “phụ trách nhân sự” và được trả lương hậu hĩnh. Dì ghét bà quản gia của tôi, cho bà là kẻ chia rẽ tôi và dì nên dì cố gắng làm sao để cuộc sống của “bà mẹ” ấy - dì gọi bà như vậy - trở nên không chịu đựng nổi. Vậy là một hôm, tôi lao vào vòng tay dì mà hỏi:

– Dì Aniela, sao mẹ lại nhìn vào mắt cháu rồi khóc thế?

Dì Aniela có vẻ lúng túng. Dì ở cùng gia đình tôi từ khi tôi mới chào đời, ít có chuyện gì mà dì không biết.

– Vì màu mắt cháu đấy.

– Mắt cháu làm sao vậy?

Dì Aniela thở dài náo ruột.

– Chúng làm mẹ cháu mơ mộng, dì Aniela nói bằng quơ.

Tôi mất nhiều năm suy nghĩ về câu trả lời này. Rồi một hôm, tôi cũng hiểu. Khi ấy mẹ tôi đã sáu mươi tuổi còn tôi hai mươi tư,

nhưng đôi lúc mẹ vẫn nhìn vào mắt tôi với nỗi buồn mênh mông vô định, nên tôi hiểu ra là tiếng thở dài căng phồng ngực mẹ không phải do tôi. Tôi cứ để mặc cho mẹ như thế. Cầu Chúa thứ lỗi cho tôi, khi đã lớn tuổi, tôi vẫn có lần cố tình ngược mắt lên nhìn đèn và cứ nhìn mãi thế để giúp mẹ tôi nhớ: tôi đã vì mẹ mà luôn cố gắng hết sức mình.

Không có gì bị bỏ sót trong kế hoạch của mẹ tôi hòng đào tạo tôi trở thành người thuộc giới thượng lưu. Mẹ tự mình dạy tôi rất nhiều các bài nhảy polka và valse, hai điệu nhảy duy nhất mà mẹ biết.

Sau khi khách hàng ra về, phòng khách lại lên đèn trông vui mắt, thắp được cuốn lại, một chiếc máy hát được đặt trên bàn và mẹ tôi ngồi trên một cái ghế bành Louis XVI mới tậu. Tôi lại gần mẹ, cúi xuống, cầm tay mẹ rồi một-hai-ba! một-hai-ba! chúng tôi lao lên sàn dưới cái nhìn bất thuận của dì Aniela.

– Con hãy đứng thẳng người! Nhớ chú ý tới nhịp! Ngẩng cao cằm lên một chút và vừa kiêu hãnh nhìn phu nhân vừa nở nụ cười quyến rũ!

Tôi kiêu hãnh ngẩng cao cằm, tôi nở nụ cười quyến rũ và rồi một! hai-ba, một! hai-ba - tôi nhảy lò cò trên sàn nhà bóng loáng. Sau đó, tôi đưa mẹ đến ghế bành, hôn tay mẹ rồi cúi xuống, mẹ cảm ơn tôi bằng một cái gật đầu duyên dáng, tay phe phẩy chiếc quạt. Mẹ thở dài, rồi, đôi khi, mẹ tin tưởng lấy hơi và nói:

– Con sẽ đoạt các giải thưởng đua ngựa.

Chắc là khi ấy mẹ thấy tôi trong bộ quân phục màu trắng của sĩ quan cận vệ, đang nhảy qua một vật cản nào đó dưới đôi mắt rực lửa yêu đương của Anna Karenine. Trong tưởng tượng của mẹ có

cái gì đó lỗi thời một cách đáng ngạc nhiên và xưa cũ một cách lãng mạn. Tôi tin là mẹ tôi đang tìm cách tái tạo quanh mình một thế giới mà bà chỉ biết qua các tiểu thuyết Nga trước năm 1900, thời điểm mà cả nền văn học đáng giá ấy đã dừng lại vì bà.

Mỗi tuần ba lần, mẹ dắt tôi đến trường luyện ngựa của Trung úy Sverdlovski, nơi đích thân trung úy dạy tôi những bài học đầu tiên về bí mật của thuật cưỡi ngựa, đấu kiếm và bắn súng. Trung úy là một người to lớn và khô khốc, dáng vẻ trẻ trung, khuôn mặt xương xẩu, bộ ria mép rậm bạc trắng để theo kiểu Lyautey. Tám tuổi, tôi chắc hẳn là học trò trẻ nhất của trung úy và tôi cảm thấy rất khó khăn khi nâng khẩu súng to bự mà ông đưa cho. Sau nửa giờ tập kiếm, nửa giờ tập bắn súng, nửa giờ tập cưỡi ngựa là tập thể dục và tập hít thở. Mẹ tôi ngồi hút thuốc trong một góc, khoái chí chứng kiến sự tiến bộ của tôi.

Trung úy Sverdlovski có giọng nói vang như chuông và dường như không có đam mê nào khác trong cuộc sống ngoài “bắn trúng hồng tâm” và “nhắm thẳng trái tim”, như ông vẫn nói, Sverdlovski ngưỡng mộ mẹ tôi vô cùng. Việc chúng tôi đến sân tập bắn bao giờ cũng gây được rất nhiều cảm tình. Tôi đứng trước barie cùng những tay súng khác, những sĩ quan dự bị, tướng tá về hưu, những thanh niên lịch thiệp và vô công rồi nghề, tôi chống nạnh, dựa khẩu súng rất nặng lên tay trung úy, hít vào, nín thở và bắn. Sau đó người ta đưa cho mẹ tôi kiểm tra bìa bắn. Mẹ nhìn lỗ đạn, so sánh với kết quả của lần bắn trước rồi hít hà khoái chí. Sau một lần bắn đặc biệt chính xác, mẹ nhét tấm bìa bắn vào túi và mang về nhà. Mẹ thường nói với tôi:

– Con sẽ bảo vệ mẹ, phải không nào? Vài năm nữa thôi thì...

Mẹ phác một cử chỉ mơ hồ và mạnh mẽ, một cử chỉ Nga. Còn Trung úy Sverdlovski thì vuốt bộ ria mép rậm rạp cứng cáp, hôn tay mẹ tôi, đánh gót và nói:

– Ta sẽ biến cậu ấy thành một kỵ sĩ.

Đích thân trung úy dạy tôi múa kiếm và cho tôi hành quân về vùng nông thôn, ba lô đeo trên lưng. Tôi cũng được học tiếng Latin, tiếng Đức - thời ấy tiếng Anh chưa có hay ít nhất là mẹ tôi xem ngôn ngữ này là một thứ dễ dãi mang tính thương mại dành cho những kẻ tầm thường. Tôi cũng học các điệu shimmy và fox-trot với cùng một cô tên là Gladys, và khi mẹ tiếp khách, tôi bị lôi ra khỏi giường, bị mặc quần áo và bị kéo vào trong phòng khách, tôi được mời đọc ngụ ngôn La Fontaine, sau đó, khi đã ngược mắt nhìn đèn, hôn tay các bà, các chị và kê chân, tôi được phép lui ra. Với một chương trình như thế, tôi không có thời gian đến trường, vả lại, ở đó người ta không dạy bằng tiếng Pháp mà bằng tiếng Ba Lan, thứ tiếng vốn chẳng có ích lợi gì trong mắt chúng tôi. Nhưng tôi có học tính toán, lịch sử, địa lý, văn học với một loạt các ông thầy mà tên tuổi và mặt mũi để lại dấu ấn trong ký ức tôi cũng ít như những môn học mà họ đã dạy vậy.

Thi thoảng mẹ bảo với tôi:

– Tối nay chúng ta đi xem phim.

Và thế là buổi tối, hoặc tôi mặc bộ áo lông sóc hoặc nếu thời tiết đẹp thì tôi mặc chiếc áo choàng không thấm nước màu trắng và đội chiếc mũ vành dành cho thủy thủ, tôi đi loăng quăng trên các vỉa hè bằng gỗ của thành phố, mẹ dắt tay tôi. Mẹ rất chú trọng đến kiểu cách đàn ông của tôi. Tôi luôn phải chạy trước, mở cửa ra, giữ cửa để mẹ bước qua. Một hôm, ở Vacsava, khi xuống tàu điện, chợt

nhớ là các phu nhân luôn phải được đi trước nên tôi lịch sự tránh ra cho mẹ đi. Ngay lập tức mẹ to tiếng ngay với tôi trước khoảng hai mươi người đang chen chúc nhau ở bến đò: tôi được nói cho biết là ky binh phải xuống trước rồi mới đưa tay đỡ phu nhân. Còn về việc hôn tay thì mãi đến bây giờ tôi vẫn không tài nào bỏ qua được. Ở Mỹ, với tôi đó luôn luôn là nguồn gốc của sự hiểu nhầm. Mười lần có chín, sau một cuộc vật lộn cơ bắp nho nhỏ tôi đưa được tay một cô gái Mỹ lên hôn, thế là cô ta nói *Thank you!* về rất ngạc nhiên, hoặc cho đó là biểu hiện của một mối quan tâm rất riêng tư, cô ta lo lắng giật tay ra, hoặc kinh khủng hơn nữa là khi hôn tay một quý bà đứng tuổi, bà ta ranh mãnh mỉm cười với tôi - các bạn hãy đi mà giải thích với họ là tôi chỉ làm theo lời dặn của mẹ tôi thôi nhé!

Tôi không biết là bộ phim mà chúng tôi xem hay thái độ của mẹ tôi sau khi xem đã để lại cho tôi một kỷ niệm kỳ lạ và khó quên đến thế. Tôi còn nhớ diễn viên chính, anh ta mặc bộ quân phục màu đen của người Tcherkesse và đội chiếc mũ lông, từ trên màn hình, anh ta nhìn tôi bằng đôi mắt xanh xao dưới hàng mi xòe ra như đôi cánh, trong khi nghệ sĩ piano chơi một đoạn khúc náo nùng và loạn nhạc. Khi ra khỏi rạp chiếu phim, hai mẹ con tôi khoác tay nhau đi qua những con phố vắng người. Thỉnh thoảng, tôi cảm thấy mẹ siết chặt tay tôi, làm tôi hơi đau. Lúc quay lại nhìn mẹ, tôi thấy mẹ đang khóc, về đến nhà, sau khi giúp tôi cởi quần áo và cho tôi nằm lên giường, mẹ nói:

– Con ngược mắt lên đi!

Tôi ngược mắt lên nhìn đèn. Mẹ cúi xuống nhìn tôi rất lâu, rồi với một nụ cười chiến thắng khác lạ, một nụ cười của chiến công và chinh phục, mẹ kéo tôi lại và ôm tôi vào lòng. Rồi, một thời gian

sau khi chúng tôi đi xem phim với nhau, người ta tổ chức vũ hội hóa trang dành cho trẻ em con nhà khá giả trong thành phố. Tất nhiên là tôi được mời: mẹ tôi ngự trị toàn bộ giới thời trang trong khu vực và người ta ai cũng muốn cầu cạnh chúng tôi. Khi nhận được giấy mời, cả xưởng may tập trung vào việc may quần áo cho tôi.

Có lẽ tôi cũng cần phải nói rằng tôi đã đi khiêu vũ trong bộ quân phục sĩ quan Tcherkesse với dao găm, mũ lông, đạn dược và đủ thứ khác.

CHƯƠNG X

MỘT HÔM TÔI NHẬN ĐƯỢC một món quà bất ngờ, một món quà từ trên trời rơi xuống. Đó là một chiếc xe đạp trẻ em, rất vừa với vóc dáng của tôi. Tên của người tặng quà bí hiểm không được tiết lộ cho tôi và tất cả những câu hỏi mà tôi đặt ra đều không có câu trả lời. Dì Aniela, sau khi ngắm chiếc xe rất lâu, chỉ nói với tôi về ác ý:

– Từ xa gửi đến đây.

Mẹ tôi và dì Aniela thảo luận rất lâu để xem thử nên chấp nhận món quà hay trả lại cho người gửi. Tôi không được phép tham gia thảo luận nhưng tim tôi thất lại, sợ toát mồ hôi vì nghĩ rằng cái xe đạp tuyệt vời này có thể sẽ vượt khỏi tầm tay mình. Tôi hé mở cửa phòng và nghe trộm đúng một đoạn trao đổi bí ẩn:

– Chúng ta không cần ông ta.

Dì Aniela nghiêm khắc nói như thế. Mẹ tôi khóc ở góc phòng. Khi ấy, dì Aniela lại nói thêm:

– Ông ta nhớ về sự tồn tại của chúng ta hơi muộn.

Rồi giọng nói của mẹ, vỗ về van lơn một cách kỳ lạ - mẹ vốn không có thói quen van lơn - dè dặt vang lên:

– Dù sao thì ông ta cũng tử tế.

Đến đây, dì Aniela kết luận:

– Nhẽ ra ông ta phải nhớ đến chúng ta sớm hơn.

Việc duy nhất mà tôi quan tâm lúc đó là biết liệu mình có thể giữ chiếc xe đạp hay không. Cuối cùng, mẹ cho phép tôi sử dụng nó. Và rồi, với thói quen thuê rất nhiều “giáo sư” cho tôi - giáo sư luyện chữ - Chúa rũ lòng thương ông ta! Nếu thấy chữ viết của tôi thì hẳn con người tội nghiệp đó sẽ phải giãy nảy trong quan tài mất - giáo sư hùng biện, giáo sư vệ sinh - ở điểm này nữa, tôi lại càng không chứng tỏ được mình là người có khả năng gì nhiều, học xong tôi chỉ còn nhớ là không được chĩa ngón út ra khi cầm tách trà - giáo sư kiếm thuật, giáo sư dạy bắn súng, dạy đua ngựa, dạy thể dục, dạy... Một người cha chắc đã làm tốt hơn. Tóm lại, khi đã có xe đạp, tôi có ngay một giáo sư dạy đi xe đạp, và sau một vài lần bị ngã hay chật vật thì người ta đã có thể thấy tôi hãnh diện đạp chiếc xe đạp tí hon của mình trên những phiến đá lát to bụi ở Wilno, đạp theo một người đàn ông cao kều buồn bã đội mũ rom và là một “vận động viên” nổi tiếng trong khu phố. Tôi bị cấm tuyệt đối không được đạp xe một mình trên phố.

Một buổi sáng đẹp trời, lúc đi dạo với huấn luyện viên của mình về, tôi thấy một nhóm người tụ tập tại lối ra vào tòa nhà tôi ở, mồm miệng họ há hốc đầy thán phục trước một chiếc ô tô lớn, màu vàng, để mui trần, đậu trước nhà xe. Một tài xế mặc chế phục ngồi bên vô lăng. Tôi há hốc mồm, tròn mắt, đứng như trời trồng trước kỳ quan này. Thời đó, trên đường phố Wilno, ô tô còn rất hiếm, những chiếc xe có ở đây thì còn rất lâu mới được như tuyệt phẩm của tài năng con người mà tôi đang thấy. Một đứa bạn, con trai của ông thợ đóng giày, kính cẩn rỉ tai tôi: “Đến nhà cậu đây!” Tôi để xe đạp đó rồi chạy đi hỏi.

Dì Aniela mở cửa cho tôi và, không một lời giải thích, dì cầm tay tôi kéo vào phòng. Ở đó, dì lao vào vệ sinh thân thể cho tôi. Cả

xưởng may đến phụ giúp, dì Aniela chỉ đạo tất cả các cô gái xoa xà phòng cho tôi, kỳ cọ cho tôi, xúc nước hoa, mặc quần áo vào, cởi quần áo ra rồi lại mặc quần áo vào, đi giày, chải tóc, xịt keo với sự sốt sắng mà tôi chưa bao giờ thấy, bây giờ tôi vẫn luôn mong chờ ở những người sống với tôi một sự sốt sắng như thế. Đi làm về là tôi thường ngồi vào ghế hút một điếu xì gà và chờ đợi ai đó đến chăm sóc mình. Tôi chờ đợi trong vô vọng. Tôi cứ uống công tử an ủi bằng cách nghĩ rằng thời buổi bây giờ không có ngai vàng nào vững chãi cả, thì chàng hoàng tử bé trong tôi vẫn tiếp tục ngạc nhiên. Rốt cuộc, tôi đứng lên và đi tắm. Tôi buộc phải tự mình tháo giày và cởi quần áo, cũng chẳng có ai kỳ lưng cho. Tôi là một kẻ không được ai thấu hiểu.

Trong khoảng nửa tiếng, dì Aniela, Maria, Stefka và Halinka hỏi hả quanh tôi. Sau đó, tai tôi đỏ ửng lên vì những nhát chải, một chiếc nơ lụa to bụi màu trắng thắt quanh cổ, áo sơ mi màu trắng, quần xanh, giày buộc dây trắng xanh, tôi được đưa vào phòng khách.

Vị khách lúc đó đang ngồi trên ghế bành, chân duỗi ra. Tôi bị ấn tượng bởi ánh mắt kỳ lạ của ông, sáng và chăm chú, hơi khiến người ta lo lắng và gây cảm giác thú tính, hàng mi làm cho đôi mắt ấy như có cánh. Một nụ cười mỉa mai như lướt trên đôi môi mím lại của ông. Tôi đã từng thấy ông hai ba lần ở rạp chiếu phim và tôi nhận ra ông ngay lập tức. Ông nhìn tôi rất lâu, vẻ lạnh lùng với chút gì đó như là tò mò dừng đọng. Tôi rất lo lắng, tai ửng đi, nóng ran và mùi nước hoa Cologne mà tôi đã xúc rất nhiều khiến tôi hắt hơi. Tôi bối rối cảm thấy có điều gì đó hệ trọng mà mình không biết. Tôi mới chập chững bước chân vào thế giới thượng lưu. Tóm lại là tôi hoàn toàn ngây người và mất phương hướng trước những khuôn chuẩn bị để bước vào phòng khách, bối rối cực độ trước ánh

mắt chăm chú và nụ cười bí ẩn của vị khách và càng lúng túng hơn nữa trước sự im lặng đón tiếp tôi và thái độ khác lạ của mẹ tôi, chưa bao giờ tôi thấy mẹ xanh xao, căng thẳng như thế, mặt mẹ bất động như một chiếc mặt nạ, vì thế, tôi đã bị hớ một cách vô phương cứu chữa. Như một con chó được huấn luyện bài bản không thể ngừng tiết mục biểu diễn của mình, tôi tiến tới người phụ nữ đi cùng vị khách rồi cúi xuống, kê chân, hôn tay bà, sau đó tôi lại gần vị khách, hoàn toàn lúng túng không biết làm gì, tôi cũng hôn tay ông ta.

Sự vụng về của tôi đã có kết quả mỹ mãn. Không khí gò bó và lạnh giá trong phòng khách lập tức tan biến, mẹ ôm tôi vào lòng. Người phụ nữ xinh đẹp tóc hung mặc váy màu mơ cũng đến ôm hôn tôi. Vị khách bồng tôi ngồi lên gối, rồi, khi mà tôi đang nức nở khóc vì biết là sự hớ hênh của mình rất quái gở, ông ta đề nghị tôi lên ô tô đi dạo, thế là tôi hết khóc ngay tức thì.

Tôi sẽ thường xuyên gặp lại Ivan Mosjoukine trên bờ biển Côte d'Azur, trong quán “Grande Bleue”, nơi tôi uống cà phê với ông. Ông là một ngôi sao điện ảnh nổi tiếng cho đến khi phim nói lên ngôi. Vào thời điểm đó, cái giọng Nga rất nặng mà ông chưa bao giờ thử từ bỏ đã khiến sự nghiệp của ông gặp nhiều khó khăn và kết quả là ông bị lãng quên. Nhiều lần, ông giúp tôi đóng vai phụ trong những bộ phim của mình, lần cuối cùng là vào năm 1935 hay 1936 gì đấy, trong một bộ phim về những kẻ buôn lậu và những chiếc tàu ngầm, kết thúc bộ phim ấy là cảnh ông trút hơi thở cuối cùng giữa một đám khói, tàu của ông bị Harry Baur nã pháo và đánh chìm. Bộ phim tên là *Nitchevo*. Tôi được trả năm mươi quan mỗi ngày: cả một gia tài. Vai diễn của tôi là dựa vào thành tàu và ngắm nhìn biển khơi. Đó là vai diễn đẹp nhất đời tôi.

Mosjoukine chết ít lâu sau chiến tranh, trong sự quên lãng và túng thiếu. Cho đến cuối đời, ông vẫn giữ được ánh mắt kỳ lạ và vẻ ngoài trang nghiêm độc đáo, trầm lặng, hơi kiêu ngạo, mĩa mai và tinh táo một cách thâm kín.

Thỉnh thoảng, tôi thỏa thuận với các thư viện điện ảnh để xem lại phim cũ của ông.

Ông thường đóng vai anh hùng lãng mạn và lãng tử quý tộc; ông cứu các đế chế, lập các chiến công bằng kiếm hay súng đạn; ông thường mặc bộ quân phục sĩ quan cận vệ; phi ngựa bắt cóc những nữ tù nhân xinh đẹp, cầm nín chịu đựng sự tra tấn để phục tùng Sa hoàng; những người phụ nữ chết vì yêu trên con đường ông đi qua... Mỗi lần xem xong tôi lại rùng mình khi nhớ tới tất cả những gì mẹ tôi từng trông chờ ở tôi. Và lại, tôi vẫn tiếp tục tập thể dục thể hình chút ít vào buổi sáng để luôn được sảng khoái.

Ngay tối hôm ấy, vị khách tạm biệt chúng tôi, nhưng trước đó ông có cử chỉ rất hào phóng với chúng tôi. Trong vòng tám ngày liền, chúng tôi được chiếc Packard màu vàng hoàng yến và người tài xế mặc chế phục mà ông để lại phục vụ. Thời tiết rất đẹp, và thật dễ chịu khi rời những viên đá lát cũ kỹ nặng nề của thành phố để dạo chơi trong rừng Litva.

Nhưng mẹ tôi không phải là kiểu phụ nữ dễ cuống cuống hay chệnh choáng vì hơi thở mùa xuân. Bà có khiếu làm ra vẻ ta đây, có sở thích trả thù và quyết tâm làm cho kẻ thù bẽ mặt. Vì vậy, chiếc xe được sử dụng với mục đích duy nhất và đặc biệt này. Sáng nào cũng thế, vào khoảng mười một giờ, mẹ cho tôi mặc những bộ quân áo đẹp nhất. Bản thân mẹ thì ăn mặc theo lối kín đáo chuẩn mực - ông tài xế mở cửa và chúng tôi lên xe. Trong hai tiếng đồng hồ,

chiếc xe mui trần từ từ lăn bánh băng qua thành phố, đưa chúng tôi đến tất cả những nơi công cộng mà “xã hội thượng lưu” thường lai vãng: tiệm cà phê Rudnicki, vườn bách thảo, đến đâu mẹ tôi cũng không quên chào, miệng nở nụ cười ban ơn, những kẻ đã lạnh nhạt với bà, đã làm tổn thương bà hay đạo mạo với bà vào cái thời bà phải ôm những thùng các tông đi hết nhà này sang nhà khác.

Tôi thực lòng muốn khuyên bảo các em nhỏ tám tuổi đã đọc đến đoạn này và có thể đã trải qua môi trường lớn nhất của các em quá sớm như tôi. Giả dụ tất cả họ cũng phải chịu rét như tôi và phải phơi mình hàng giờ ngoài nắng hồng tìm lại chút hơi ấm nào đó mà họ đã từng biết. Họ cũng nên sống nhiều ngày ở miền nhiệt đới. Không nên bỏ qua ngọn lửa ấm áp bốc lên từ lò sưởi và trong chừng mực nào đó, rượu cũng là một sự cứu rỗi. Tôi cũng khuyên họ nên theo giải pháp của một đứa trẻ tám tuổi khác trong số đám bạn của tôi. Cậu ta cũng là con trai độc nhất và là đại sứ của nước mình ở đâu đó trên thế giới. Cậu ta đã đặt may một bộ pyjama làm ấm bằng điện, chăn đệm cậu ta nằm cũng được sưởi ấm bằng điện. Nên thử cho biết. Tôi không có ý là điều đó làm cho các bạn quên tình mẫu tử, nhưng dẫu sao cũng nên làm thế.

Có lẽ đã đến lúc tôi phải giải thích thẳng thắn về một điều tế nhị có thể làm thất vọng và gây sốc một số độc giả, và khi đề cập đến điều này, tôi có nguy cơ bị xem là một thằng con trai biến chất đối với những người theo trường phái phân tâm học hiện hành: với mẹ tôi, tôi chưa bao giờ có xu hướng loạn luân. Tôi biết là khi từ chối nhìn nhận các vấn đề một cách trực diện, tôi sẽ khiến các chuyên gia cười vào mặt tôi ngay, tôi cũng biết là không ai có thể bảo đảm cho tiềm thức của mình. Tôi muốn nói thêm rằng ngay cả kẻ thô lỗ như tôi cũng nghiêng mình kính cẩn trước mặc cảm Oedipe, sự

khám phá và quá trình minh chứng phức cảm này đem lại danh dự cho cả phương Tây và, cùng với dầu mỏ ở sa mạc Sahara, chúng chắc chắn là một trong những khám phá dồi dào nhất các tài nguyên thiên nhiên dưới lòng đất. Tôi nói thêm: nhận thức rõ nguồn gốc hơi hướng Á châu của mình, và để tỏ ra xứng đáng với sự đón tiếp nồng hậu mà cộng đồng phương Tây phát triển dành cho mình, tôi đã thường xuyên cố gắng gợi lên hình ảnh mẹ tôi dưới góc độ dục tính để giải phóng mặc cảm của chính tôi, tôi chưa bao giờ mạo gan nghi ngờ mặc cảm đó, để soi rọi nó bằng tia sáng văn hóa và nói chung là để chứng minh rằng tôi hoàn toàn quả quyết và khi cần giữ vị thế của mình trong số những người soi sáng tâm linh, văn minh vùng Đại Tây Dương có thể tin tưởng tôi đến cùng. Điều đó đã bất thành. Mặc dầu vậy, tôi vẫn chắc chắn mình nằm trong số những kỹ sĩ nhanh nhẹn thuộc phía các tổ tiên Tác ta của tôi, những người chưa bao giờ biết run sợ, nếu thanh danh của họ được xác thực, trước trò hiếp dâm, trước nạn loạn luân, hay trước bất cứ một điều cấm đoán kiêng kỵ to lớn nào khác của chúng tôi. Ở điểm này nữa, không phải để phân bua, nhưng tôi tin mình có thể giải thích. Nếu đúng là tôi chưa bao giờ có thể ham muốn mẹ tôi về mặt thể xác, thì đó không phải là vì mối quan hệ máu mủ giữa hai mẹ con tôi mà là vì mẹ tôi là một người đã có tuổi, và vì ở tôi việc làm tình luôn gắn liền với một điều kiện trẻ trung tươi mát nào đó về thể chất. Tôi thú nhận là dòng máu phương Đông luôn chảy trong tôi đã làm cho tôi trở nên đặc biệt nhạy cảm với tuổi thanh xuân và, cùng với năm tháng trôi qua, xu hướng này, xin lỗi các bạn, đã luôn bộc lộ rõ trong tôi, người ta bảo đó gần như là quy luật ngàn đời ở những kẻ xa hoa bạo ngược châu Á. Vậy nên, đối với mẹ tôi, một người tôi chưa bao giờ thấy trẻ trung, tôi chỉ có

những tình cảm thương yêu và thuần khiết. Tôi thừa thông minh để biết rằng, khẳng định như vậy sẽ bị diễn giải đúng quy luật của nó, tức là diễn giải ngược, bởi những kẻ ăn bám hút liếm tâm hồn, những kẻ chiếm tới ba phần tư các nhà tâm lý trị liệu giờ hiện ở trong tình trạng sa lầy. Những kẻ kỳ thị này đã giải thích với tôi rằng nếu chẳng hạn bạn tìm kiếm quá nhiều phụ nữ thì trên thực tế bạn là những kẻ đồng tính đang chạy trốn; nếu bạn e sợ sự tiếp xúc gần gũi với cơ thể đàn ông - tôi có thú nhận đó là trường hợp của tôi không nhỉ? - thì đó là vì bạn có phần nào thích thú được như thế, và, để đi đến cùng cái logic sắt đá này, nếu bạn cảm thấy ghê tởm vô cùng khi tiếp xúc với một xác chết, thì đó là vì trong tiềm thức của bạn, bạn bị mắc chứng loạn dâm tử thi, bị lôi cuốn mà không thể cưỡng lại được trước hình hài cứng đờ đẹp đẽ ấy, cho dù bạn là đàn ông hay đàn bà. Ngày nay, như các loại hình tư tưởng khác, phân tâm học mang một hình thức lệch lạc và cửa quyền, nó tìm cách giam hãm chúng ta trong sự đồi bại của chính nó. Nó đã chiếm vùng đất mê tín dị đoan còn để trống, nó khéo léo trốn mình trong biệt ngữ ngữ nghĩa học, chuyên tạo ra những yếu tố phân tích của chính mình và lôi cuốn khách hàng bằng cách hăm dọa và phát giác tâm thần, gần giống như những kẻ tổng tiền người Mỹ, những kẻ luôn áp đặt cho chúng ta vòng vây bảo vệ của chúng. Vậy tôi sẵn sàng để những kẻ chuyên chỉ đạo chúng ta trong nhiều lĩnh vực giải thích tình cảm của tôi đối với mẹ tôi bằng sự sung phòng bệnh lý nào đó: cứ xét những gì mà tự do, bình đẳng và những khát vọng cao cả của con người đã bị biến thành trong tay họ, tôi không thấy có lý do gì mà lòng hiếu thảo giản dị lại không bị biến dạng trong bộ óc bệnh hoạn của họ như những thứ khác.

Tôi càng chấp nhận sự chẩn đoán của họ hơn nữa vì tôi chưa bao giờ được chiêm ngưỡng thói loạn luân bằng ánh sáng gớm ghiếc của hầm mộ và của sự đọa đầy vĩnh cửu mà thói đạo đức giả, sau khi suy đi tính lại, đã tập trung rơi vào dự tính dồi dào, sự dồi dào này đối với tôi chỉ chiếm một vị trí vô cùng khiêm tốn trong bậc thang nguy nga của truy lạc. Sự cuồng nhiệt nào của loạn luân cũng có vẻ dễ chấp nhận hơn nhiều so với sự cuồng nhiệt mang tên Hiroshima, Buchenwald, so với sự cuồng nhiệt của những đội hành quyết, của khủng bố hay tra tấn hình sự, nghìn lần dễ thương hơn so với căn bệnh máu trắng hay những hậu quả đẹp đẽ về gen mà các nhà bác học của chúng ta đã cố gắng để lại. Chẳng ai cho tôi thấy tiêu chí của cái ác và cái thiện trong thái độ dự tính của con người. Diện mạo xấu xa của một nhà vật lý danh tiếng nào đó đã khuyến cáo thế giới văn minh nên tiếp tục cho nổ vũ khí hạt nhân đối với tôi còn đáng ghê tởm hơn so với ý nghĩ về một thằng con trai ngủ với mẹ nó. Bên cạnh những lệch lạc về trí tuệ, khoa học và tư tưởng trong thời đại chúng ta, tất cả những lệch lạc tình dục thường đánh thức trong tôi sự tha thứ nhẹ nhàng nhất. Một cô gái làm tiền bằng cách giạng háng cho mọi người đối với tôi là một bà xơ kính Chúa và là một người phát bánh trung thực khi ta so sánh việc buôn bán khiêm tốn của họ với việc làm điểm của các nhà bác học, những kẻ tập trung trí lực cho việc thực hiện quá trình đầu độc gen và khủng bố nguyên tử. Bên cạnh sự tha hóa tâm hồn, trí tuệ và lý tưởng của những kẻ phản bội đó, các hoạt động tình dục, dù mang tính mua bán hay không, dù loạn luân hay không, đều mang vẻ ngây thơ thiên thần của nụ cười trẻ thơ trên ba cơ thất khiêm tốn của chúng ta.

Cuối cùng, để khép lại hoàn toàn cái vòng luẩn quẩn, tôi muốn nói thêm rằng không phải tôi không biết là cách xem nhẹ sự loạn luân này có thể dễ dàng được hiểu như là một mảnh khóc của tiềm thức, mảnh khóc vốn tìm cách thuần phục cái gì đó vừa ghê sợ vừa cuốn hút, và sau khi đã co chân xoay vòng trên điệu nhảy valse thành Viên quen thuộc, tôi lại trở về với tình yêu khiêm tốn của mình.

Vì tôi gần như có nhu cầu được nói rằng điều khiến tôi viết lên câu chuyện này, đó là tình cảm của tôi, một tình cảm phổ quát, thân tình và dễ nhận thấy: tôi đã yêu thương mẹ mình không hơn, không kém và không khác bất cứ ai trên cõi đời. Tôi cũng thành thật tin rằng ý định của tôi hồi nhỏ, đặt cả thế giới dưới chân mẹ tôi, trong chừng mực nào đó là một ý định phi cá nhân, cho dù - ai muốn đánh giá ra sao là tùy chuẩn mực và con tim của họ - quan hệ giữa hai mẹ con tôi có bản chất phức tạp hay cơ bản thì giờ đây, ít nhất có một điều tôi đã rõ, vào lúc tôi nhìn cuộc đời mình lần cuối: đối với tôi, đó là quyết tâm soi rọi huy hoàng số phận của con người hơn là số phận của riêng một người được yêu.

CHƯƠNG XI

TÔI YÊU LẦN ĐẦU TIÊN KHI MỚI GẦN CHÍN TUỔI. Tôi bị cuốn theo một mối tình mãnh liệt, trọn vẹn, mối tình đó đầu độc toàn bộ cuộc sống của tôi và suýt khiến tôi phải trả giá bằng tính mạng mình.

Cô bé ấy tám tuổi, tên là Valentine. Tôi có thể tả cô bé rất lâu, tả đến đứt hơi, và nếu có giọng thì tôi sẽ không ngừng hát ca ngợi vẻ đẹp và sự dịu dàng của cô bé. Đó là một cô bé tóc nâu, mắt sáng, vóc người thanh mảnh, mặc váy trắng, tay cầm quả bóng. Tôi thấy cô bé hiện ra trước mặt tôi trong kho chứa củi, ở chỗ những cây tầm ma mọc lên phủ kín mặt đất cho đến tận chỗ bức tường ngăn vườn cây ăn quả bên cạnh. Tôi xúc động khôn tả: tất cả những gì tôi biết, đó là chân tay tôi bủn rủn và tim đập mạnh đến mờ cả mắt. Quyết tâm quyến rũ cô bé ngay, và mãi mãi, quyết tâm để trong đời cô bé không còn chỗ cho một người đàn ông nào khác, tôi làm theo lời dặn của mẹ, và, hờ hững dựa người vào đồng củi, tôi ngược mắt lên nhìn ánh nắng để chinh phục người đẹp. Nhưng Valentine không phải tuýp người dễ gây ấn tượng. Tôi đứng đó, mắt nhìn mặt trời cho đến khi khuôn mặt mình đầm đìa nước mắt, thế nhưng trong suốt thời gian ấy, cô bé bất nhần cứ chơi bóng mà không hề tỏ ra chút xiu quan tâm. Mắt tôi lồi cả ra, xung quanh tôi tất cả đều rực lửa, còn Valentine thì chẳng hề đoái hoài gì đến tôi. Tôi trở nên hết sức lúng túng trước sự thờ ơ này, khi mà bao nhiêu phụ nữ đẹp, trong phòng khách của mẹ tôi đã phải mê hồn trước đôi mắt xanh của tôi. Gần như mù lòa và chưa gì đã hết cách, tôi lau nước mắt

rồi đầu hàng vô điều kiện, tôi đưa cô bé ba quả táo xanh mà tôi vừa hái trộm ở vườn bên. Cô bé nhận lấy và nhân tiện báo cho tôi hay:

– Janek đã vì mình mà ăn hết bộ sưu tập tem của cậu ấy.

Thế là nổi thống khổ của tôi bắt đầu. Trong những ngày tiếp theo, vì Valentine mà tôi đã ăn nhiều năm giun đất, một số lượng bướm rất lớn, một cân anh đào cả hạt, một con chuột nhắt và, để kết thúc, tôi muốn nói rằng năm chín tuổi, nghĩa là còn trẻ hơn Casanova rất nhiều, tôi đã được xếp vào hàng ngũ những người tình vĩ đại nhất mọi thời đại khi lập được một kỷ tích yêu đương mà theo tôi biết, chưa ai có thể sánh bằng. Vì người tôi yêu mà tôi ăn cả một chiếc giày bằng cao su.

Ở đây tôi xin mở ngoặc.

Tôi biết rằng, về những chiến công trên tình trường, đàn ông thường có xu hướng khoe khoang. Nghe họ nói thì những chiến công tình yêu không bao giờ có giới hạn và họ không chừa một chi tiết nào.

Nên tôi không yêu cầu ai tin mình khi khẳng định rằng, vì người yêu, tôi còn ăn cả một chiếc quạt Nhật, mười mét sợi bông, một ký hạt anh đào - Valentine còn chuẩn bị sẵn cho tôi, nói vậy cũng không sai, bằng cách ăn hết thịt anh đào rồi đưa tôi hạt. Tôi cũng đã ăn ba con cá vàng mà chúng tôi vớt được trong bể cá của thầy dạy nhạc.

Có Chúa mới hay phụ nữ đã cho tôi ăn gì trong đời, nhưng tôi chưa bao giờ quen người phụ nữ nào tham lam đến thế. Đó là một Messaline cộng thêm một Theodora xứ Byzance. Sau kinh nghiệm này, có thể nói là tôi đã biết hết về tình yêu. Quá trình tập dượt của

tôi coi như xong. Từ đó trở đi, tôi chỉ việc tiếp tục theo đà của mình thôi.

Messaline đáng yêu của tôi mới tám tuổi, nhưng đòi hỏi sinh lý của cô ấy vượt qua tất cả những gì tôi từng biết trong đời. Cô bé chạy trước tôi, trong sân, chỉ cho tôi khi thì một đồng lá khô, khi thì cát hoặc một cái nút cũ rách, tôi thực thi mà không than vãn nửa lời. Lại còn sung sướng vô vàn vì được là người có ích. Có lần, Valentine hái một bó hoa cúc, tôi e sợ nhìn bó hoa lớn dần trong tay cô bé - nhưng tôi cũng ăn hoa cúc trước cái nhìn chăm chú của cô - cô bé biết rằng đàn ông luôn tìm cách gian lận trong những trò chơi đại loại. Tôi cố tìm trong đôi mắt đó một tia khâm phục nhưng vô ích. Không có gì biểu lộ sự mến thương hay biết ơn, cô bé nhảy nhót đi xa, rồi một lúc sau quay lại với vài con ốc sên trên tay. Tôi khúm núm ăn ốc sên, vỏ vê gì ăn hết.

Vào thời đó, người ta chưa bày vẽ gì về các bí mật giới tính cho trẻ em và tôi tin chắc là người ta làm tình như thế. Có thể tôi có lý.

Buồn nhất là tôi không tài nào gây được ấn tượng với cô bé. Tôi ăn gần hết ốc sên thì cô bé hồ hững cho tôi hay:

– Josek đã vì mình mà ăn mười con nhện, và chỉ thôi ăn khi mẹ gọi bọn mình về uống trà.

Tôi rùng mình. Thừa lúc tôi không để ý, cô bé đã lừa dối tôi bằng cách cặp kè với người bạn thân nhất của tôi. Nhưng tôi cũng bỏ nhện vào miệng nuốt hết. Tôi bắt đầu quen rồi.

– Mình có thể hôn cậu không?

– Được, nhưng đừng làm ướt má mình đây. Mình không thích.

Tôi hôn Valentine, cố gắng không làm ướt má cô bé. Chúng tôi ngồi quỳ gối sau bụi tầm ma và tôi hôn cô bé, hôn nữa, nữa. Cô bé

lơ đãng xoay xoay cái vòng quanh ngón tay. Câu chuyện đời tôi.

- Được mấy lần rồi?
- Tám mươi bảy, mình hôn đến nghìn cái nhé!
- Một nghìn là bao nhiêu vậy?
- Mình không biết. Mình có thể hôn vai cậu chứ?
- Được.

Tôi cũng hôn lên vai cô bé. Nhưng không phải thế. Tôi cảm thấy hình như mình quên cái gì đó khác, cái gì đó rất quan trọng. Tim tôi đập rất mạnh, tôi hôn mũi, hôn tóc, hôn cổ cô bé, và tôi càng lúc càng thấy thiếu cái gì đó, tôi cảm thấy chưa đủ, cần phải đi xa hơn nữa, và cuối cùng, say đắm yêu đương và tột đỉnh cuồng nhiệt dục vọng, tôi ngồi xuống cỏ rồi tháo một chiếc giày cao su ra.

- Vì cậu mình sẽ ăn hết chiếc giày này, nếu cậu muốn.

Nếu cô bé muốn! A ha! Tất nhiên là cô bé muốn! Đó là một người đàn bà nhỏ bé đích thực.

Cô bé đặt chiếc vòng xuống đất và ngồi lên gót chân. Tôi tin mình đã nhìn thấy trong mắt cô bé chút cảm mến nào đó. Tôi không đòi hỏi gì hơn. Tôi lấy dao nhíp ra và bắt đầu cắt cao su thành mẩu. Cô bé nhìn tôi.

- Cậu ăn sống à?
- Ừ.

Tôi nuốt một miếng, rồi miếng khác. Trước ánh mắt ngưỡng mộ của cô bé, tôi cảm thấy mình trở thành một người đàn ông thực thụ. Và tôi có lý. Tôi vừa tập tành xong. Tôi cắt miếng cao su sâu hơn nữa, vừa ăn vừa thở, tôi cứ tiếp tục ăn như thế một lúc lâu cho đến khi trán ướt đầm mồ hôi lạnh toát. Thậm chí tôi còn ăn quá, vừa ăn

vừa nghiền răng, vừa ăn vừa cố cưỡng lại cơn buồn nôn, lấy hết sức bình sinh để có thể đứng vững, như tôi đã phải đứng vững như thế biết bao lần nữa, từ đó trở đi, trong cái nghề đàn ông của mình.

Tôi bị ốm rất nặng, phải đi bệnh viện, mẹ tôi khóc nước nỡ, dì Aniela thì gào lên, các cô gái làm ở xưởng may thì rên rỉ khi người ta đặt tôi lên cáng đưa lên xe cứu thương. Tôi rất hạnh diện về bản thân.

Hai mươi năm sau, mỗi tình trẻ thơ của tôi là nguồn cảm hứng cho tôi viết tiểu thuyết đầu tay *Giáo dục châu Âu* và một số đoạn trong *Phòng thay đồ lớn*.

Suốt một thời gian dài, trong những chuyến đi xa tôi luôn mang theo mình một chiếc giày cao su trẻ em đã bị khoét bằng dao. Tôi hai mươi lăm, ba mươi rồi bốn mươi tuổi, nhưng chiếc giày vẫn luôn ở đó, trong tầm tay. Tôi luôn sẵn sàng ngồi vào bàn ăn, sẵn sàng cố gắng hết mình một lần nữa. Nhưng có được đâu. Cuối cùng, tôi đã bỏ lại chiếc giày ở đâu đó. Nào có ai sống hai lần bao giờ.

Quan hệ giữa tôi và Valentine kéo dài gần một năm. Cô bé làm tôi thay đổi hoàn toàn. Tôi đã phải kiên trì ganh đua với các tình địch, khẳng định và chứng tỏ sự vượt trội của mình, tôi đã đi bằng hai tay, ăn cắp đồ đạc ở các cửa tiệm, đánh nhau, tỏ ra khéo léo trên mọi lĩnh vực. Nỗi khôn khổ lớn nhất của tôi là một cậu bé nào đó mà giờ tôi đã quên tên, cậu ta biết tung hứng năm quả táo - và có những lúc ngồi trên một tảng đá, đầu cúi gằm sau nhiều giờ thử sức bất thành, táo la liệt quanh mình, tôi cảm thấy cuộc đời không thực sự đáng sống. Tuy nhiên, tôi vẫn đương đầu, và đến bây giờ, tôi vẫn còn biết tung hứng với ba quả táo. Trên đồi Big Sur, trước đại

duyên và mệnh mông mây trời, tôi thường đưa một chân ra trước và lập được kỳ tích này, để chứng tỏ mình không thua kém gì ai.

Mùa đông, khi đi xe trượt tuyết lao từ trên đỉnh đồi xuống, tôi đã bị trật khớp vai lúc nhảy ở độ cao năm mét xuống tuyết trước mắt Valentine, đơn giản là vì không thể xuống dốc trong tư thế đứng trên xe trượt tuyết như tên Jan du đảng. Tôi đã từng ghét và bây giờ vẫn còn ghét tên Jan này! Tôi chưa bao giờ biết cụ thể giữa hấn và Valentine có gì, tới tận bây giờ tôi vẫn không muốn nghĩ đến điều đó nữa, nhưng hấn hơn tôi gần một tuổi, ở tuổi lên mười, hấn rành phụ nữ hơn tôi và tất cả những gì tôi biết làm, hấn đều làm tốt hơn tôi nhiều. Hấn có vẻ mặt hung tợn của một con mèo hoang, hấn nhanh nhẹn đến khó tin và cách năm mét hấn vẫn có thể vừa ghi bàn vừa khạc nhổ.

Hấn biết bỏ hai ngón tay vào miệng huýt sáo rất hay, trò này đến giờ tôi vẫn không tài nào học được: tôi chỉ biết có mỗi ông bạn Đại sứ Jaime de Castro và bà công tước Nelly de Vogüé là có thể huýt sáo kêu như thế. Valentine đã giúp tôi hiểu rằng tình yêu của mẹ tôi và tình thương yêu bao bọc tôi ở nhà không liên quan gì đến những thứ chờ đợi tôi bên ngoài, rằng chẳng bao giờ có gì là đạt được mãi mãi, thắng được mãi mãi, bảo đảm được và lưu giữ được mãi mãi. Với năng lực chữ thề bẩm sinh, Jan đã mệnh danh cho tôi là “Tiểu Xanh” và để thoát khỏi biệt danh mà tôi thấy rất đụng chạm này, dù không biết giải thích tại sao, tôi đã phải tăng cường chứng tỏ lòng dũng cảm và chất nam tính của mình, tôi rất nhanh chóng trở thành nỗi khiếp sợ của các thương gia trong khu phố. Tôi có thể nói mà không huênh hoang là tôi đã đập vỡ kính, ăn cắp chà là và khalva, bấm chuông bảy bả nhiều hơn bất kỳ cậu bé nào trong sân; tôi cũng đã bắt đầu học cách liều mạng một cách vô tư lự, và về sau sự vô tư

lực này đã giúp ích cho tôi rất nhiều trong chiến tranh khi mà điều đó được chính thức chấp nhận và khích lệ.

Tôi nhớ nhất là “trò chơi chết chóc” mà Jan và tôi cùng chơi bên gờ cửa sổ tầng năm khu nhà, trước con mắt thần phục của bạn bè.

Valentine ở đó hay không không quan trọng - trong cuộc đối đầu này Valentine là nhân vật chính và không ai trong chúng tôi làm lẫn điều đó.

Trò chơi này vô cùng đơn giản, và tôi thực sự tin rằng, so với nó, “trò chơi may rủi kiểu Nga” trứ danh chỉ là trò giải trí quá hiền của bọn học sinh trung học.

Chúng tôi leo lên tầng trên cùng của tòa nhà, vào trong phòng cầu thang, mở cửa sổ trông xuống sân, rồi ngồi khoảng không hết mức có thể, chân thò ra ngoài, cửa sổ có một bờ rìa bằng kẽm rộng không quá hai mươi phân. Luật chơi là bất ngờ xô đối thủ từ phía sau, nhưng phải tính toán thế nào đó để cho người chơi trượt từ cửa sổ xuống lan can và ngồi trên mép gờ bên ngoài chật chội, chân buông thõng trong khoảng không.

Chúng tôi chơi trò chết người này không biết bao nhiêu lần.

Đang chơi trong sân, hễ xảy ra tranh luận hoặc thậm chí không có lý do gì rõ ràng, lúc mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm và sau khi im lặng gườm gườm nhìn nhau, chúng tôi lên tầng năm tòa nhà để “diễn trò”.

Tính chất vừa tuyệt vọng vừa trung thực đến kỳ lạ của cuộc đối đầu này bắt nguồn từ chỗ bạn hoàn toàn phó mặc vào kẻ thù lớn nhất của bạn, vì chỉ cần một cú đẩy tính toán sai lệch đôi chút, hoặc có ý xấu cũng khiến đối thủ chết chắc khi rơi từ tầng năm xuống.

Tôi còn nhớ như in đôi chân mình lơ lửng trong không trung, nhớ bờ rìa kim loại và nhớ đôi bàn tay của tình địch đặt vào lưng sẵn sàng xô tôi xuống.

Giờ đây, Jan là một yếu nhân trong Đảng Cộng sản Ba Lan. Tôi đã gặp lại hắn cách đây mười năm tại Paris, ở phòng khách Đại sứ quán Ba Lan, trong một buổi chiều dài trọng thể. Tôi nhận ra hắn ngay, thật ngạc nhiên là thằng nhóc đó lại thay đổi ít đến thế. Ở tuổi ba mươi lăm, hắn vẫn giữ nguyên vẻ xanh xao, thân hình gầy gò, dáng đi như mèo và đôi mắt lơ đãng khắc nghiệt và tinh quái. Vì ở đó cả hai chúng tôi đều có tư cách là đại diện ngoại giao của nước mình, nên chúng tôi rất lịch sự với nhau. Không ai nhắc đến Valentine. Chúng tôi uống rượu vodka. Hắn ta kể đã chiến đấu như thế nào trong kháng chiến, và tôi cũng kể vắn tắt cho hắn tôi đã chiến đấu như thế nào trong không quân. Chúng tôi uống thêm một ly nữa.

- Mình đã bị Gestapo tra tấn, hắn nói với tôi.
- Mình đã bị thương ba lần, tôi nói với hắn.

Chúng tôi nhìn nhau. Rồi, bằng một sự ăn khớp từ cả hai phía, chúng tôi đặt ly xuống và đi về phía cầu thang. Chúng tôi lên tầng ba, Jan mở cửa sổ cho tôi: suy cho cùng thì tôi đang ở Đại sứ quán Ba Lan và tôi là khách mời. Tôi đã đặt một chân qua cửa sổ - nhưng bà đại sứ, một người đàn bà duyên dáng và xứng đáng là nàng thơ cho tất cả những bài thơ tình đẹp nhất - bất thành linh từ trong phòng khách bước ra. Tôi rút chân lại ngay và vừa cúi chào vừa mỉm cười hiền lành. Bà đại sứ nắm lấy tay chúng tôi rồi dẫn chúng tôi tới bữa tiệc đứng.

Tôi đã từng tò mò suy nghĩ thử xem báo chí thế giới sẽ nói gì nếu người ta thấy trên vỉa hè, đang giữa thời kỳ chiến tranh lạnh, một quan chức cấp cao Ba Lan hay một nhà ngoại giao Pháp rơi xuống từ cửa sổ Đại sứ quán Ba Lan tại Paris.

CHƯƠNG XIII

CÁI SÂN Ở SỐ 16 PHỐ GRANDE-POHULANKA khiến tôi nhớ đến một đấu trường mệnh mông, nơi tôi thường luyện võ nhằm hướng đến những trận đấu tương lai. Người ta vào sân qua chiếc cổng xe cũ kỹ, ở giữa sân có một đồng gạch lớn trước đây vốn là nhà máy sản xuất đạn dược mà quân du kích đã cho nổ tung trong những cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc giữa quân đội Litva và quân đội Ba Lan; xa hơn nữa là kho chứa củi mà tôi đã kể; rồi một khu đất rộng mọc đầy cây tầm ma, những cuộc chiến với cây tầm ma là những thắng lợi duy nhất trong đời tôi; phía cuối sân là hàng giậu tươi tốt vươn cao từ vườn cây ăn quả kế bên, các tòa nhà của hai con phố quay lưng lại với cái sân này. Phía bên phải là các vựa lúa lớn, tôi thường trèo lên mái, gỡ ra vài thanh gỗ rồi chui vào. Những vựa lúa này được những người thuê sử dụng như kho đồ gỗ, trong đó có rất nhiều va li và rương hòm mà tôi vẫn nhẹ nhàng phá khóa mở ra; chúng tuôn xuống đất toàn bộ cuộc đời kỳ lạ của các đồ vật cũ kỹ và lỗi thời, bốc mùi long não. Những giờ phút ở đó thật là tuyệt vời, hết như trong bầu không khí tìm được kho báu và đắm tàu; mỗi chiếc mũ, mỗi chiếc giày, mỗi hộp cúc hay huy chương đều nói cho tôi nghe về một thế giới bí ẩn và lạ kỳ, thế giới của những kẻ khác. Một chiếc khăn quàng bằng lông thú, những đồ trang sức mỹ ký, những bộ quần áo của diễn viên kịch, một chiếc mũ không vành của võ sĩ đấu bò tót, một chiếc mũ cao thành, một chiếc váy xòe của vũ nữ đã ó vàng và rách rưới, những cái gương sút mẻ, khi nhìn vào như thấy hàng nghìn đôi mắt sâu hoắm, một

cái áo dài hẹp tà, những cái quần dài bằng ren, những tấm khăn trùm rách rưới, một bộ quân phục quân đội Sa hoàng có đính những chiếc huy hiệu màu đỏ, đen, trắng, những tập ảnh màu nâu đen, bưu thiếp, búp bê và ngựa gỗ - toàn những đồ cũ linh tinh mà loài người để lại phía sau mình khi đang cố sức trôi đi, cố sức chết, những dấu ấn của một thời đã qua, xoàng xĩnh và dị dạng, từ cả nghìn trại đã biến mất. Tôi ngồi mơ màng trên nền đất, mông lạnh buốt, trước những tấm bản đồ cũ kỹ, những chiếc đồng hồ đeo tay sút mẻ, những chiếc mặt nạ nhung đen, những món đồ trang điểm, những bó hoa tím bằng lụa trơn, những bộ quần áo dạ hội, những đôi găng tay cũ kỹ như những bàn tay bị bỏ quên.

Một buổi chiều, khi đang leo lên mái nhà và lôi tấm ván ra để nhảy xuống vương quốc của mình, tôi thấy một đôi tình nhân bận bịu nằm giữa đồng kho báu của tôi, giữa chiếc khăn quàng lông thú, chiếc áo dài hẹp tà và cô ma nơ canh bằng gỗ. Tôi không chút lưỡng lự nhận ra ngay bản chất chính xác của hiện tượng mà mình đang quan sát: mặc dù thế, đó là lần đầu tiên tôi mục kích trò nô giỡn kiểu này. Tôi kín đáo đẩy tấm ván lại chỉ để một khe hở nhỏ để có thể nắm tình hình. Người đàn ông là anh thợ làm bánh ngọt Michka, còn cô gái là Antonia, một trong những người làm phục vụ ở tòa nhà. Tôi phải nói rằng mình là một người vô cùng hiểu biết, song vẫn rất ngạc nhiên. Việc hai người đó đang làm vượt quá những khái niệm có phần đơn giản hóa quá mức lưu truyền trong đám bạn bè tôi. Tôi suýt ngã từ trên mái nhà xuống nhiều lần vì cố sức tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra. Sau này, khi tôi kể cho bạn bè tôi thì chúng hùa nhau bảo tôi là kẻ nói dối, những đứa độ lượng hơn thì giải thích với tôi rằng, từ trên cao nhìn xuống thì tôi nhìn ngược hết cho nên tôi nhầm. Nhưng tôi thì đã thấy rõ mồn một và

tin tưởng lẫn hăng hái bảo vệ ý kiến của mình. Cuối cùng, chúng tôi cất cử người trực trên mái nhà, cầm theo một lá cờ Ba Lan mượn của người gác cổng: chúng tôi thỏa thuận với nhau rằng khi cặp tình nhân quay lại thì phát cờ cho cả hội biết và chúng tôi sẽ theo hiệu lệnh này mà lao về phía đài quan sát. Lần đầu tiên khi trình sát của chúng tôi, Marek Luka, một thằng nhóc thót chân và tóc vàng như lúa mì, trông thấy những gì đang diễn ra, nó lo xem cảnh tượng khác lạ ấy đến nỗi quên bém việc phát cờ, làm cả lũ tiu nghỉu. Bù lại, nó xác nhận toàn bộ những gì mà tôi đã kể về quá trình phi thường ấy - nó kể với điệu bộ rất hùng biện, say sưa hỏi chia sẻ kinh nghiệm đến nỗi hứng quá cắn đứt cả ngón tay - điều này càng khích lệ tôi tiếp tục hoạt động của mình trong sân. Chúng tôi hội ý rất lâu, cố giải thích những động cơ dẫn đến hành động kỳ lạ như vậy. Cuối cùng, chính Marek là người đưa ra giả thuyết mà chúng tôi cho là khả dĩ nhất:

– Có thể họ không biết làm sao nên mò mẫm lung tung thế.

Ngày hôm sau, đến lượt con trai ông được sĩ canh gác. Lúc ba giờ chiều, khi bọn trẻ đang dán mũi vào cửa kính hoặc đang chơi trong sân, không mấy tin tưởng, thì thấy lá cờ Ba Lan phát lên ngạo nghễ trên mái nhà. Vài giây sau, sáu hay bảy cậu bé cuồng nhiệt xông lên theo tín hiệu tập hợp, sẵn sàng tinh thần chiến đấu. Tấm ván được kín đáo kéo ra và cả lũ chúng tôi được học một bài học có giá trị giáo dục rất lớn. Michka, anh thợ làm bánh ngọt, hôm ấy đã vượt qua chính mình, như thể bản chất độ lượng của anh ta đã đoán ra sự có mặt của sáu thiên thần đang cúi đầu xuống xem anh ta làm. Tôi luôn mê bánh ngọt, nhưng kể từ ngày đó, tôi không còn nhìn bánh ngọt như trước nữa. Anh thợ làm bánh ấy đúng là một nghệ sĩ lớn. Pons, Rumpelmeyer và Lours nổi tiếng, từ thành Vacsava, hẳn

cũng phải ngả mũ thán phục. Đúng là hồi nhỏ, chúng ta không có cơ sở nào để so sánh cả, nhưng bây giờ, sau khi đã đi rất nhiều, nghe và thấy rất nhiều, sau khi đã lắng tai nghe những người từng nếm những hộp kem ngon nhất nước Mỹ, thưởng thức bánh nướng Florian nổi tiếng tại Viên, bánh *strudel* và *sachertorte* ngọt lịm thành Vienne, sau khi đã chính mình đến các phòng trà nổi tiếng nhất của hai châu lục, tôi vẫn tin chắc Michka là một người thợ làm bánh ngọt rất tài ba. Hôm đó, anh ta dạy cho chúng tôi một bài học có giá trị đạo đức rất lớn, anh ta đã biến tất cả chúng tôi thành những người khiêm tốn, không bao giờ tự cho mình là những kẻ thông minh nữa. Nếu Michka, thay vì lập nghiệp ở một thành phố Đông Âu nhỏ bé và heo hút mà đến mở tiệm bánh ngọt ở Paris thì chắc hẳn anh ta đã trở nên giàu có, nổi tiếng và vinh quang đầy mình. Những quý bà đẹp nhất Paris sẽ đến nếm bánh của anh ta. Trong giới làm bánh ngọt, anh ta không ngán ai cả, tôi thấy buồn là các thị trường lớn nhất đã không tiêu thụ sản phẩm của anh ta. Tôi không biết liệu giờ anh ta còn sống nữa không - có cái gì đó mách bảo tôi rằng anh ta đã chết yếu - nhưng dù sao tôi cũng mạn phép nghiêng mình kính cẩn trước người nghệ sĩ tài hoa này, với sự tôn trọng của một nhà văn quèn.

Cảnh tượng mà chúng tôi chứng kiến xét trên vài khía cạnh cũng xúc động và đáng lo đến nỗi thằng nhóc Kazik, đứa nhỏ nhất, chưa quá sáu tuổi, đã sợ phát khóc. Tôi công nhận là có lý do gì đó, nhưng chúng tôi sợ quấy rối anh thợ làm bánh và sợ anh ta biết chúng tôi đang ở đó nên lần lượt thay nhau mất mấy phút giây quý báu để lấy tay bịt miệng Kazik ngay thơ, ngăn để nó khỏi gào lên.

Khi cuối cùng Michka hết hứng thú và dưới đất chỉ còn cái mũ cao thành bẹp gí, chiếc khăn lông phẳng lì và cô ma nơ canh bằng

gỗ sừng sờ đơ đại - thì bọn con nít mệt mỏi và lặng thình tụt từ trên mái nhà xuống. Lúc bấy giờ chúng tôi đã được nghe kể về thằng Stas. Nó nằm lệt giữa hai thanh đường ray đúng lúc tàu chạy qua, và khi tàu chạy qua rồi thì tóc nó trở nên bạc trắng. Vì không ai trong chúng tôi thấy tóc mình bạc đi sau vụ Michka, tôi thấy câu chuyện này có vẻ nguy tạo. Xuống khỏi mái nhà, chúng tôi không ai bảo ai lấy một lời hỏi lâu, hơi rùng rờ nhưng tĩnh tâm, không hề nhăn mặt, không hề nháy nhót vui vẻ hay đùa giỡn như thường lệ. Vẻ mặt nghiêm trang, chúng tôi đứng thành vòng tròn nhỏ ngay giữa sân, nhìn nhau trong sự im lặng kỳ lạ và kính cẩn như khi đang ở trước lối ra của một nơi thiêng liêng nào đó. Tôi tin rằng, lúc ấy, chúng tôi thấy nghẹn ngào bởi một tình cảm gần như siêu nhiên đầy bí ẩn và thần thánh trước sự dâng trào của sức mạnh kỳ diệu ẩn sâu trong lòng con người: chúng tôi vừa trải qua kinh nghiệm tôn giáo đầu tiên của mình mà không hay biết.

Nhóc Kazik không phải là người ít bị tác động nhất bởi bí ẩn này.

Sáng hôm sau, tôi thấy nó đang ngồi xồm sau đồng củi. Nó tụt quần xuống rồi trầm ngâm chiêm ngưỡng của quý của mình, lông mày nhú lại còn vẻ mặt suy tư ghê gớm. Thỉnh thoảng, nó khéo léo kẹp chim giữa ngón cái và ngón trỏ, còn ngón út thì chìa ra y như thuở thầy giáo dạy lễ nghi của tôi đã cầm khi tôi cầm tách trà. Nó không biết tôi đến và khi tôi hừ một tiếng bên tai, nó nhảy căng lên, hai tay túm lấy quần đùi, đến bây giờ tôi vẫn như còn thấy nó ba chân bốn cẳng chạy ra khỏi sân như một con thỏ thoát bẫy.

Kỷ niệm về con người kỳ tài vĩ đại đang làm việc mãi mãi ghi sâu trong ký ức của tôi. Tôi thường nghĩ tới anh ta. Mới đây, khi xem một bộ phim về Picasso, thấy cây cọ vẽ của danh họa lướt trên

tâm toan đi tìm cái gì đó bất khả thì hình ảnh của anh thợ làm bánh ở Wilno lại hiện ra trong tôi không sao cưỡng lại được. Thật khó để làm một người nghệ sĩ, thật khó để lưu giữ cảm hứng của mình sao cho nguyên vẹn, thật khó tin vào một kiệt tác dễ hiểu. Sự thống lĩnh thế giới, luôn luôn ở trạng thái khởi đầu, sở thích lập kỳ tích, tạo phong cách và đạt đến sự hoàn hảo, ham muốn vươn tới đỉnh cao và ở trên đó mãi mãi, trong sự thỏa mãn tuyệt đối - tôi thấy nét cọ của danh họa say sưa theo đuổi cái tuyệt đối và một nỗi buồn khôn tả xâm chiếm lấy tôi trước thân hình của đấu sĩ bất diệt đó, không chiến thắng mới nào có thể ngăn cản anh ta trở thành người thua cuộc.

Nhưng nhần nhục chịu đựng còn khó khăn hơn nhiều. Đã bao lần, từ những buổi đầu trong sự nghiệp làm văn nghệ, tôi thấy mình bút cầm trên tay, người gập làm đôi, chân giờ lên, đầu cúi xuống, trong tư thế đu bay lao mình vào không trung, răng nghiến lại, toàn bộ cơ bắp căng ra, trán đầm mồ hôi, cạn kiệt trí tưởng tượng và ý chí, vượt qua giới hạn của chính mình, trong khi vẫn phải đảm bảo được phong cách, phải tạo ấn tượng thoải mái, dễ dàng, tỏ ra ung dung tự tại vào lúc tập trung cao độ nhất, nhẹ nhàng thanh thoát vào lúc cơ bắp co quắp nhất, mỉm cười thích thú, trì hoãn sự nghỉ ngơi và cú rơi không thể tránh, kéo dài thời gian bay bổng để cho từ “hết” không đến sớm như một sự hụt hơi, một sự thiếu táo bạo hay tài năng, và cuối cùng, khi trở về mặt đất, chân tay may mắn vẫn còn được nguyên vẹn, chiếc xà đu trả lại, trang viết trở lại trắng tinh và phải làm lại từ đầu.

Bất chấp những viện bảo tàng tôi đã thăm, những cuốn sách tôi đã đọc và những cố gắng trong trò đu bay của tôi, sở thích nghệ thuật, nỗi ám ảnh đeo đuổi kiệt tác đối với tôi đến bây giờ vẫn còn

là một bí ẩn đen ngòm như cách đây ba mươi lăm năm, khi từ trên mái nhà cúi nhìn xuống tác phẩm đầy cảm hứng của anh thợ làm bánh vĩ đại nhất thế giới.

CHƯƠNG XIII

TRONG KHI TỪ PHÍ MÌNH tôi đang lần đầu tiếp xúc với nghệ thuật thì từ phía mẹ tôi, bà say sưa dò tìm một cách có hệ thống để cố gắng phát hiện thứ quặng ngầm tài năng nào đó ẩn náu trong tôi. Sau khi đã lần lượt loại bỏ đàn violon và khiêu vũ, sau khi đã gạt hội họa ra khỏi cuộc đua, tôi được học hát, thế là các ông thầy danh tiếng ở nhà hát địa phương được mời đến nghe thử dây thanh quản của tôi để xem liệu trong tôi có mầm mống nào của một Chaliapine tương lai, hứa hẹn sẽ được người hâm mộ tung hô trong một khung cảnh đầy ánh sáng, đầy sắc tía vàng rực rỡ hay không. Dù tiếc nuối vô cùng, song giờ đây tôi vẫn buộc phải thừa nhận là, sau ba mươi năm lưỡng lự, giữa tôi và các dây thanh quản của mình có một sự hiểu lầm ghê gớm. Tôi không có tài thưởng thức mà cũng không có giọng. Tôi không hề biết vì sao lại thế nhưng tôi phải thừa nhận điều này. Đặc biệt, tôi không có cái giọng trầm mà tôi cho là rất hợp với mình: vì lý do này hay lý do khác, Chaliapine hôm qua và Boris Christoff ngày nay đã được trời ban cho giọng hát của tôi. Đó không phải sự hiểu lầm duy nhất trong đời tôi, nhưng đó là một sự hiểu lầm rất lớn. Tôi không thể nói là vào thời điểm nào, sau một trò ảo thuật tai hại nào mà sự tráo đổi đã diễn ra, nhưng mọi chuyện là thế đấy, ai muốn biết giọng hát đích thực của tôi thì chỉ cần mua một đĩa hát của Chaliapine. Đặc biệt họ chỉ cần nghe *Con ãi* của Moussorgsky: đó hoàn toàn là tôi chứ không phải ai khác. Họ chỉ cần tưởng tượng ra cảnh tôi đứng trên sân khấu, hát “Ha! Ha! Ha! Blokba” bằng chất giọng trầm của tôi, tôi tin chắc họ sẽ đồng ý với

tôi. Khốn nỗi, khi tôi đặt tay lên ngực, bước tới một bước, ngẩng cao đầu và tha hồ thả giọng thì âm thanh thoát ra từ cổ họng tôi lại là nỗi ngạc nhiên và sầu muộn không dứt. Cho dù việc tôi không có thiên hướng là không quan trọng mấy. Nhưng ở đây tôi lại có thiên hướng đấy chứ. Tôi chưa nói cho ai biết, kể cả mẹ tôi, nhưng giấu mãi trong lòng điều ấy để làm gì? Tôi là Chaliapine thực đây. Tôi là một giọng nam trầm bi vĩ đại không được đánh giá đúng mức và mãi mãi như thế cho đến hết đời. Tôi còn nhớ trong một buổi biểu diễn vở *Faust* ở Metropolitan tại New York, tôi ngồi bên cạnh Rudolf Bing trong lô dành cho đạo diễn, tôi khoanh tay, nhíu mày vẻ ma quái, môi nở nụ cười bí hiểm trong khi trên sân khấu người đóng thế tôi đang biểu diễn được chẳng hay chớ, tôi thấy hơi cay mũi khi nghĩ rằng bên cạnh tôi là một trong những ông bầu nhạc kịch vĩ đại nhất thế giới và ông ta không hay biết điều ấy. Nếu như tới đó Bing thấy ngạc nhiên trước vẻ mặt tỉnh quái và bí ẩn của tôi thì bây giờ và tại đây, ông ta có thể tìm ra lời giải thích.

Mẹ tôi rất mê nhạc kịch, sự ngưỡng mộ của bà đối với Chaliapine gần như mang màu sắc tôn giáo, còn tôi lại là một đứa con bất trị. Đã bao lần, lúc mới tám, chín tuổi gì đó, sau khi thấu hiểu ánh mắt dịu hiền và đầy ước ao của mẹ, tôi chạy trốn trong kho củi và ở đó, sau khi hít lấy hơi và lấy tư thế, từ sâu trong cõi lòng, tôi hát một tràng ha! ha! ha! blokba rung chuyển trời đất. Tiếc thay! Giọng hát của tôi lại ưa kẻ khác hơn chủ nhân của nó.

Chưa ai khao khát có được tài năng ca hát một cách cuồng nhiệt và bi thương như tôi hồi nhỏ. Giá như chỉ một lần, chỉ duy nhất một lần thôi, tôi được xuất hiện trong vai Boris Godounov trước mặt mẹ tôi, khi bà đang hãnh diện ngồi trong lô dành riêng cho mình tại Nhà hát kịch Paris hoặc khiêm tốn hơn là tại Nhà hát Scala ở

Milan, trước một sân khấu hoành tráng, thì tôi tin mình đã đem lại ý nghĩa cho sự hi sinh và cuộc đời của mẹ. Điều đó không xảy ra. Thành tích duy nhất mà tôi đạt được cho mẹ là đoạt cúp vô địch bóng bàn thành phố Nice vào năm 1932. Tôi đoạt cúp vô địch một lần nữa rồi từ đó thường xuyên thua cuộc.

Vậy là tôi đã nhanh chóng từ bỏ việc học hát. Một thầy dạy hát còn gian xảo cho tôi là “thần đồng”: ông ta bảo rằng trong sự nghiệp của mình, ông ta chưa bao giờ gặp một đứa trẻ nào thiếu khả năng thẩm âm và bắt tai đến vậy.

Tôi thường bật đĩa *Con đĩ* của Chaliapine rồi búi ngùi nghe giọng hát của chính mình.

Buộc phải thừa nhận tôi không có năng khiếu gì đặc biệt, cũng không có biệt tài gì tiềm ẩn, cuối cùng mẹ tôi cũng đi đến kết luận như bao người mẹ khác, là tôi chỉ còn duy nhất một con đường: ngoại giao. Khi ý tưởng này khắc sâu trong trí não, mẹ tôi tươi tỉnh ra nhiều. Mặc dù vậy, vì tôi luôn phải đạt được những gì đẹp đẽ nhất trần gian, nên tôi phải trở thành Đại sứ Pháp - mẹ tôi không chịu chấp nhận nghề nào thấp kém hơn.

Tôi phải nói rằng, tình yêu, sự hâm mộ mà mẹ dành cho nước Pháp luôn làm tôi ngạc nhiên vô hạn. Xin hiểu cho tôi. Tôi vẫn luôn là một người rất yêu nước Pháp. Nhưng tôi có tội tình gì đâu: tôi đã được nuôi dạy như thế. Bạn cứ thử nghe những truyền thuyết nước Pháp từ thuở nhỏ, trong những khu rừng Litva, cứ thử nhìn trong mắt mẹ bạn xứ sở mà bạn chưa bao giờ biết tới, cứ thử tìm hiểu đất nước đó trong nụ cười và trong giọng nói đầy vẻ thần phục của bà, vào buổi tối, bên bếp lửa tí tách, khi mà ngoài trời tuyết rơi tạo nên sự thinh lặng xung quanh bạn, hãy thử lắng nghe nước Pháp được kể với bạn qua Chú Mèo Đi Hia; thử tròn mắt trước mỗi

người chặn cừu và lắng nghe các giọng nói; thử báo với các chú lính chì của bạn rằng, từ trên đỉnh các kim tự tháp, bốn mươi thế kỷ vẫn chiêm ngưỡng họ; thử đội một chiếc mũ hai chỏm bằng giấy và chiếm ngục Bastille, thử mang lại tự do cho toàn thế giới bằng cách lấy kiếm gỗ tấn công cây cúc gai và tầm ma; thử tập đọc bằng ngụ ngôn của La Fontaine và thử cố rũ bỏ tập ngụ ngôn này lúc đã trưởng thành. Ngay cả quãng thời gian lưu trú lâu dài tại Pháp cũng sẽ chẳng giúp gì được bạn trong việc đó.

Chắc hẳn là đến một ngày nào đấy, hình ảnh đậm chất lý thuyết về nước Pháp được nhìn từ rừng Litva sẽ va đụng mạnh với thực tế đầy biến động và mâu thuẫn của đất nước tôi: nhưng quá muộn rồi, quá muộn rất nhiều rồi: tôi đã được sinh ra.

Cả đời mình, tôi chỉ nghe hai người nói về nước Pháp với cùng giọng điệu ấy: mẹ tôi và tướng de Gaulle. Họ rất khác nhau, về hình thức hay này khác. Nhưng khi nghe lời kêu gọi 18 tháng Sáu, tôi đã không ngần ngại hưởng ứng giọng nói của bà già bán mũ ở số 16 phố Grande-Pohulanka, Wilno cũng như giọng nói của tướng de Gaulle.

Năm tôi lên tám, nhất là khi mọi việc trở nên tồi tệ - và mọi việc trở nên tồi tệ rất nhanh - mẹ tôi thường ngồi đối diện với tôi, về mặt mặt mỗi, đôi mắt thâm quầng, bà nhìn tôi rất lâu, với sự cảm phục và hãnh diện vô bờ bến, rồi mẹ đứng dậy lấy hai tay giữ lấy mặt tôi, như để xem kỹ hơn từng chi tiết trên đó, rồi nói:

– Con sẽ là đại sứ Pháp, mẹ con nói với con thế đấy.

Dầu sao cũng có một điều ít nhiều khiến tôi phải suy nghĩ. Đã thế tại sao khi ấy mẹ lại không muốn cho tôi làm tổng thống Cộng hòa? Có thể là vì dầu sao trong lòng bà cũng dè dặt hơn, kín đáo

hơn tôi nghĩ. Cũng có thể bà cho rằng, trong thế giới của Anna Karenine và các sĩ quan cận vệ, tổng thống Cộng hòa hoàn toàn không thuộc “giới phong lưu”, và một ngài đại sứ mặc đồng phục thì danh giá hơn nhiều.

Thỉnh thoảng, nắp trong chỗ ẩn nấu được vẩy bằng củi thơm, tôi nghĩ đến những gì mà mẹ mong chờ ở tôi, rồi tôi khóc thầm, khóc rất lâu: tôi không biết là mình có thể quay về như thế nào.

Sau đó tôi về nhà, lòng nặng trĩu, rồi tôi đọc thêm một bài ngụ ngôn của La Fontaine nữa: đó là tất cả những gì mà khi ấy tôi có thể làm cho mẹ.

Tôi không biết mẹ tôi nghĩ gì về sự nghiệp và về các nhà ngoại giao, nhưng một hôm mẹ vào phòng tôi vẽ rất bận tâm; ngồi đối diện với tôi mẹ đọc ngay một bài diễn văn dài dòng về cái mà tôi chỉ có thể gọi là “nghệ thuật tặng quà phụ nữ”.

– Con phải nhớ là khi tự mình đến với bó hoa nhỏ trên tay thì sẽ gây xúc động hơn là gửi một bó hoa to bằng dịch vụ. Con hãy cảnh giác với những phụ nữ có nhiều áo choàng lông thú, đó là những người luôn chờ có thêm một chiếc áo choàng lông thú khác, chỉ nên đi lại với họ nếu con thực sự có nhu cầu. Con cũng nên chọn các món quà tùy theo đối tượng, phải chú ý đến sở thích của người mà con định tặng. Nếu cô ta không được học hành tử tế hay không yêu thích văn chương, hãy tặng cô ta một cuốn sách hay. Nếu con có việc cần lụy đến một người phụ nữ thân phận khiêm tốn nhưng có học và nghiêm túc thì hãy tặng cô ta một món quà sang trọng, một lọ nước hoa hay một chiếc khăn choàng. Nhớ là trước khi tặng cái gì đó để đeo hay mặc, con phải nhìn kỹ màu tóc và màu mắt cô ta. Những món quà nho nhỏ như cài áo, nhẫn, khuyên tai con phải mua thế nào cho hợp với màu mắt của cô ta, còn váy, áo choàng, khăn

thì con phải chú ý đến màu tóc. Phụ nữ mà tóc và mắt cùng một màu thì dễ ăn mặc hơn, cho nên quà cáp rẻ hơn. Nhưng đặc biệt, đặc biệt...

Mẹ lo lắng nhìn tôi rồi chấp tay lại:

– Đặc biệt, con yêu của mẹ ạ, đặc biệt con phải nhớ một điều: đừng bao giờ nhận tiền của phụ nữ. Đừng bao giờ. Nếu con nhận thì mẹ chết mất. Con hãy thề với mẹ đi. Lấy mạng sống của mẹ ra mà thề đi...

Tôi thề. Đó là điểm mà mẹ tôi nói đi nói lại nhiều lần và với giọng lo lắng lạ thường.

– Con có thể nhận quà, nhận các đồ vật, chẳng hạn như bút mực hoặc ví tiền. Thậm chí có thể nhận một chiếc Rolls-Royce, nhưng tiền thì đừng bao giờ!

Mẹ cũng không sao nhãng việc trau dồi cho tôi những kiến thức tổng quát dành cho người đàn ông thượng lưu. Mẹ đọc to tiểu thuyết Trà Hoa Nữ cho tôi nghe, khi thì mẹ rơm rớm nước mắt, khi thì giọng đọc của mẹ vỡ òa và bà buộc phải dừng lại, đến bây giờ tôi mới biết trong tâm trí bà ai là nhân vật Armand. Trong số những tác phẩm có giá trị đạo đức khác mẹ đọc cho tôi bằng giọng Nga rất dễ thương, tôi nhớ nhất là các tác phẩm của các ông Déroulède, Béranger và Victor Hugo; mẹ không chỉ đọc thơ mà, trung thành với “quá khứ nghệ sĩ kịch” của mình, mẹ còn đứng trong phòng khách, dưới ánh đèn chùm lộng lẫy, ngâm thơ cho tôi đầy cảm xúc và có kèm cử chỉ điệu bộ; tôi nhớ nhất câu *Waterloo, Waterloo, Waterloo, bình nguyên xám xịt*, câu thơ khiến tôi kinh hãi thực sự: ngồi trên thành ghế, tôi nghe mẹ ngâm thơ, mẹ đứng trước mặt tôi với tập thơ trên tay, một tay giơ cao; tôi cảm thấy lạnh sống lưng

trước sức gọi cảm đó; mắt tròn xoe, hai đầu gối khép lại, tôi nhìn bình nguyên xám xịt, và tôi tin chắc rằng nếu Napoléon ở đó, hẳn ông ta cũng vô cùng xúc động.

Một phần quan trọng khác trong chương trình giáo dục về nước Pháp của tôi tất nhiên là bài La Marseillaise. Mẹ tôi ngồi đánh đàn piano, còn tôi thì đứng trước mặt mẹ, một tay đặt lên ngực, tay kia giơ về phía chiến lũy, hai mẹ con nhìn vào mắt nhau rồi cùng hát; đến đoạn “Hỡi các công dân, hãy cầm vũ khí!” mẹ tôi đập mạnh hai tay xuống phím đàn, còn tôi thì giơ nắm đấm về hăm dọa; đến đoạn “máu tanh tươi đầm luống cày của chúng ta”, sau khi đã đánh nốt cuối cùng lên phím đàn, mẹ ngồi im, hai tay vẫn giơ lên cao, còn tôi thì giậm chân, vẻ mặt kiên quyết và da diết, tôi bắt chước cử chỉ của mẹ, tay nắm lại, đầu hát ra phía sau - rồi hai mẹ con giữ nguyên như thế một lúc, cho đến khi những hợp âm cuối cùng không còn ngân trong phòng nữa.

CHƯƠNG XIV

TÔI SINH RA ĐƯỢC ÍT LÂU thì cha tôi bỏ mẹ tôi và mỗi lần tôi nhắc đến tên ông, cũng chẳng mấy khi tôi nhắc, thì mẹ tôi và dì Aniela nhìn nhau rất nhanh sau đó câu chuyện được lái sang chủ đề khác. Dù vậy, nhờ nghe lỏm được mẹ tôi và dì Aniela nói chuyện với nhau vài lần, tôi vẫn biết có cái gì đó vướng mắc, thậm chí có phần đau xót, thế là tôi hiểu ngay rằng tốt hơn hết, tôi không nên nhắc đến cha mình nữa.

Tôi cũng biết cha đẻ của tôi đã có vợ con, thường đi đây đi đó, thường đi Mỹ, và tôi từng gặp ông nhiều lần. Ông có vẻ ngoài hiền lành, đôi mắt to độ lượng và đôi bàn tay rất sạch sẽ; đối với tôi, ông khi nào cũng hơi bối rối và rất tử tế, và khi ông nhìn tôi với vẻ mặt buồn rầu và hình như có phần trách móc, tôi luôn cúi nhìn xuống và không hiểu tại sao tôi có cảm giác là mình đã chơi ông một vố rất đau.

Cha tôi chỉ thực sự bước vào đời tôi sau khi ông mất và với cái cách mà tôi sẽ không bao giờ quên. Tôi biết rõ là cha tôi đã chết trong chiến tranh, trong phòng hơi ngạt, bị hành hình vì là người Do Thái, cùng vợ và hai đứa con khi ấy mới mười lăm mười sáu tuổi gì đó. Nhưng chỉ đến năm 1956 tôi mới biết một chi tiết đặc biệt khiến tôi phẫn nộ trong cái chết bi thảm của cha mình. Năm đó tôi còn là đại biện lâm thời tại Bolivia, tôi đi Paris nhận giải Goncourt cho cuốn tiểu thuyết vừa xuất bản, *Cội rễ bầu trời*. Vào

dịp này, trong số những bức thư tôi nhận được, có một bức kể cho tôi chi tiết về cái chết của người mà tôi ít biết đến như thế.

Không phải ông chết trong phòng hơi ngạt như người ta nói. Ông đã chết vì sợ, trên đường đi đến chỗ khổ hình, cách lối vào vài bước.

Người viết thư cho tôi từng là người đưa thư, nhân viên trực tổng đài - tôi không biết tên hay chức vụ của ông ấy.

Ông viết thư cho tôi chắc là để làm tôi vui lòng, trong thư, ông nói rằng cha tôi chưa đi được đến phòng hơi ngạt và trước khi vào, ông ngã xuống chết cứng vì sợ.

Tôi tần ngần cầm bức thư trên tay hồi lâu, sau đó tôi bước xuống cầu thang của trụ sở Tân San Pháp, dựa vào lan can và đứng đó, tôi không nhớ là trong bao lâu, trong bộ quần áo cắt may ở London, với cương vị Đại biện Lâm thời Cộng hòa Pháp, đeo Huân chương Tự do, Huân chương Bắc đẩu Bội tinh cùng giải Goncourt danh giá.

May cho tôi: Albert Camus lúc đó đi ngang qua, thấy tôi khó ở nên đưa tôi vào phòng ông ấy.

Trước đó, người chết như vậy với tôi là một người lạ, nhưng hôm ấy, ông đã trở thành cha tôi, mãi mãi.

Tôi tiếp tục đọc ngụ ngôn của La Fontaine, thơ của Déroulède và của Béranger, tôi tiếp tục đọc tác phẩm mang tên *Những cảnh đời mẫu mực của những con người vĩ đại*, một cuốn sách dày, bìa màu xanh, có in bức khắc mạ vàng cảnh đắm thuyền của Paul và Virginie. Mẹ tôi rất thích câu chuyện Paul và Virginie, theo bà đó là một câu chuyện mang tính giáo dục rất lớn. Bà thường đọc đi đọc lại cho tôi nghe đoạn cảm động, Virginie thà trầm mình tự sát còn

hơn là cời váy ra. Mỗi lần đọc xong đoạn này, mẹ tôi luôn hít hà sáng khoái. Tôi chăm chú lắng nghe nhưng đã nghi ngờ về điểm đó. Tôi tin là Paul không biết xoay xở thế nào, vậy thôi.

Để học cách giữ vững địa vị của mình một cách có phẩm cách, tôi cũng được mẹ cho đọc một cuốn dày cộp có nhan đề *Cuộc đời của những người Pháp nổi tiếng*, thậm chí mẹ còn đọc to cho tôi nghe, và sau khi đã kể về kỳ tích tuyệt vời nào đó của Pasteur, của Jeanne d'Arc và của Roland de Roncevaux, mẹ để sách lên đầu gối rồi nhìn tôi rất lâu, ánh mắt mẹ chan chứa tình thương yêu và hy vọng. Tôi chỉ thấy mẹ nổi giận một lần, tâm hồn Nga đã vượt lên tất cả khi mẹ thấy các tác giả bất ngờ bóp méo lịch sử ở một số chỗ. Đặc biệt, họ miêu tả trận Borodino như một chiến thắng của người Pháp, sau khi đọc đoạn này, mẹ tôi bối rối một lúc rồi gấp sách lại, giọng công phẫn, mẹ nói:

– Không đúng. Borodino là chiến thắng vĩ đại của người Nga. Không được phóng đại.

Tuy vậy, không gì có thể ngăn cản tôi ngưỡng mộ Jeanne d'Arc và Pasteur, Victor Hugo và Thánh Louis, Vua Mặt trời và Cách mạng - tôi phải nói rằng, trong cái thế giới hoàn toàn đáng ca tụng là nước Pháp, tất cả đều được mẹ tôi tán thưởng như nhau, bà bình phẩm cho rằng Marie Antoinette và Robespierre, Charlotte Corday và Marat, Napoléon và công tước Enghien đều như nhau cả. Bà kể cho tôi nghe tất cả với nụ cười hạnh phúc.

Tôi phải mất nhiều thời gian để rũ bỏ những hình ảnh khoa trương ngây thơ này và để chọn ra gương mặt đáng trân trọng nhất trong số hàng trăm gương mặt nước Pháp; vả lại, sự không phân biệt, không hiềm thù, không giận dữ, không oán hận, không nhớ nhung bấy lâu nay đã tạo nên nơi tôi cái đặc điểm điển hình không

thuần Pháp; tôi đã phải chờ đến tuổi trưởng thành mới có thể rũ bỏ tình yêu nước Pháp; chỉ vào những năm 1935, nhất là vào thời kỳ Hiệp ước Munich, tôi mới cảm thấy mình dần dần bức tức, phẫn nộ, ghê tởm, có đức tin, vô liêm sỉ, tin tưởng và muốn đập phá tất cả, và cuối cùng, một lần cho mãi mãi, tôi để lại đằng sau lưng câu chuyện trẻ con đó để tiếp cận một thực tế khó nhọc và thiết thân.

Ngoài việc tôi được dạy dỗ cẩn thận về đạo đức và tâm linh, những bài học mà sau này tôi khó khăn lắm mới rũ bỏ được, thì không gì khả dĩ mở rộng kinh nghiệm của một người đàn ông thượng lưu lại bị lãng quên hay bị xem nhẹ trong quá trình học tập của tôi.

Khi một đoàn kịch nói từ Vacsava đến tỉnh chúng tôi, mẹ tôi gọi một chiếc xe ngựa, và rất xinh đẹp tươi vui, đầu đội chiếc mũ to mới toanh, mẹ đưa tôi đi xem vở Góa phụ vui vẻ, Quý bà ở nhà hàng Maxim's hay vở Can-Can Paris, còn tôi mặc sơ mi lụa, vest nhung đen, ống nhòm xem kịch kẹp chặt trên mũi, tôi khoan khoái theo dõi những cảnh đời tương lai của mình, là một nhà ngoại giao tài ba, tôi sẽ uống rượu sâm banh trong giày của những phụ nữ xinh đẹp, trong các tử điểm đặc biệt, bên bờ sông Danube, hoặc khi chính phủ giao cho tôi nhiệm vụ quyến rũ công nương nào đó để ngăn cản một liên minh quân sự đang hình thành chống lại chúng tôi.

Để giúp tôi làm quen với tương lai của mình, mẹ thường ghé qua các tiệm đồ cũ và mua về cho tôi những tấm bưu thiếp cũ có in hình những địa điểm nổi tiếng đang chờ đón tôi.

Như vậy, tôi làm quen rất sớm với nội thất ở nhà hàng Maxim's và chúng tôi thỏa thuận là vào dịp đầu tiên đến đó, tôi sẽ đưa mẹ đi cùng. Mẹ tôi rất thích. Bà đã từng ăn tối ở đó một cách đàng hoàng

trong một lần đến Paris, trước khi thế chiến thứ nhất nổ ra, bà giải thích nhiều lần như vậy.

Mẹ tôi ưu tiên chọn những bưu thiếp có hình các cuộc duyệt binh với những sĩ quan đẹp trai cưỡi ngựa, kiếm sáng choang đang kiểm tra hàng ngũ; có hình các ngài đại sứ danh tiếng mặc đồng phục đại lễ, có hình những nhân vật nữ nổi tiếng thời đó, Cléo de Mérode, Sarah Bernhardt, Yvette Guilbert - tôi còn nhớ, trước tấm bưu thiếp có hình một ông giám mục đội mũ lễ và mặc áo tím, mẹ tôi tán thưởng: “Những người này ăn mặc rất đàng hoàng” - và, dĩ nhiên, trước cả những tấm bưu thiếp có hình “những người Pháp nổi tiếng” - tất nhiên là loại trừ những người không hoàn toàn thành công khi họ còn sống mà đến khi chết mới bước tới vinh quang. Chính vì thế mà tấm bưu thiếp có hình Aiglon sau khi không biết thế nào lại tìm được đường tới album đã bị gỡ ra ngay chỉ bởi lý do đơn giản “ông ta bị bệnh lao” - tôi không biết mẹ sợ lây nhiễm hay là vì số phận của vị vua thành Rome đối với mẹ không phải tấm gương đáng noi theo. Những họa sĩ thiên tài nhưng từng chịu cảnh nghèo khổ, những nhà thơ sinh thời không được nhìn nhận đúng mức - đặc biệt là Baudelaire - và cánh nhạc sĩ có số phận bi thảm được khéo léo loại ra khỏi bộ sưu tập, vì, theo thành ngữ nổi tiếng của người Anh, mẹ tôi would stand no nonsense - thành công là cái gì đó phải đến với bạn khi bạn còn sống. Bưu thiếp mà mẹ tôi thường mang về nhà nhất và tôi thấy khắp nơi là tấm có hình Victor Hugo. Dù gì đi nữa, mẹ tôi vẫn công nhận Pouchkine cũng là một nhà thơ lớn, nhưng Pouchkine đã chết lúc ba mươi sáu tuổi trong một cuộc đọ súng, trong khi Victor Hugo sống rất lâu và vinh hiển đầy mình. Trong căn hộ, khắp nơi tôi đều thấy Victor Hugo đang nhìn tôi, và khi tôi nói khắp nơi là tôi muốn nói với nghĩa đầy đủ

của nó: con người vĩ đại đó luôn luôn hiện diện, hiện diện ở bất kỳ đâu, lúc nào cũng dõi theo những cố gắng của tôi bằng ánh mắt nghiêm trang, cho dù nó đã quen nhìn những chân trời khác. Trong điện Panthéon tí hon chứa đầy những bư thiếp ố vàng của chúng tôi, mẹ tôi dứt khoát loại bỏ Mozart - “ông ta chết sớm”, Baudelaire - “sau này con sẽ hiểu”, Berlioz, Bizet, Chopin - “họ không may mắn” - điều kỳ lạ là cho dù mẹ rất sợ tôi mang bệnh, đặc biệt là bệnh lao và bệnh giang mai, nhưng Guy de Maupassant vẫn được bà chiếu cố đưa vào album, tất nhiên là có phần gượng gạo và sau khi đã lưỡng lự một lúc. Bà dành cho Guy de Maupassant một tình cảm âu yếm lộ liễu còn tôi thì rất mừng vì nhà văn này đã không gặp mẹ tôi trước khi tôi chào đời - đôi lúc tôi có cảm giác là mình đã may mắn thoát nạn.

Thế nên, tấm bư thiếp in hình nhà văn Guy đẹp trai mặc sơ mi trắng với bộ ria mép rất đẹp đã được đưa vào bộ sưu tập của tôi, ở một vị trí khá trang trọng là giữa Bonaparte thời còn trẻ và bà Récamier. Khi tôi lật giở album, mẹ tôi thường cúi xuống vai tôi và đặt tay lên hình Maupassant. Bà đắm mình trong suy tưởng rồi lặng lẽ thở dài.

– Phụ nữ yêu ông ấy lắm, bà nói.

Rồi bà nói thêm, vẻ như hơi lạc đề, với một chút tiếc nuối:

– Nhưng có lẽ tốt hơn là con lấy một cô gái con nhà khá giả và thanh nhã.

Có thể vì cứ nhìn hình ảnh của nhà văn Guy khôn khổ nên mẹ tôi nghĩ đã đến lúc phải long trọng cảnh báo cho tôi những cạm bẫy thường rình rập một người đàn ông thượng lưu. Một buổi chiều, tôi được mời lên xe ngựa và được đưa đến một nơi góm ghiếc tên là

“Panopticum”, một viện bảo tàng trưng bày những điều kinh khủng trong y học. Ở đó người ta có thể thấy những hình mẫu bằng sáp được trưng bày để cảnh báo học sinh trung học về một số lầm lỗi. Phải nói là viện bảo tàng này đã để lại cho tôi rất nhiều ấn tượng. Những cái mũi bị sệ xuống, chảy ra rồi biến mất dần trong sự ăn mòn của bệnh tật mà chính quyền trưng bày trong ánh sáng của hầm mộ cho học sinh suy nghĩ đã làm tôi sợ phát ốm. Vì hình như chỉ có cái mũi là bộ phận phải trả giá cho những niềm vui chết chóc ấy.

Lời cảnh cáo nghiêm khắc tại một nơi ghê rợn như vậy đã có ảnh hưởng rất tốt tới bản chất miễn cảm của tôi: suốt đời, tôi luôn chú ý đến cái mũi của mình. Tôi hiểu rằng đấm bốc là một môn thể thao mà các giáo sĩ Wilno khuyến cáo tôi không nên chơi, chính vì thế mà võ đài là một trong những nơi hiếm hoi tôi chưa bao giờ dám mạo hiểm trong sự nghiệp vô địch của mình. Tôi luôn cố gắng tránh những cuộc ẩu đả hay những quả đấm và tôi có thể nói rằng, ít nhất là trong khoản này, các ông thầy của tôi có thể hài lòng về tôi.

Mũi tôi không được như xưa nữa. Người ta đã phải làm lại mũi cho tôi ở bệnh viện Không lực Hoàng gia Anh trong chiến tranh, sau một tai nạn máy bay nghiêm trọng, nhưng không sao, mũi của tôi vẫn đang ở đây, tôi đã tiếp tục thở qua nhiều nền cộng hòa và, mãi đến lúc này, nằm giữa đất trời, khi nhu cầu có bạn có bầu xưa cũ trở dậy, khi tôi nghĩ đến chú mèo của mình tên là Mortimer đã được chôn cất trong một khu vườn ở Chelsea, khi tôi nghĩ đến những chú mèo Nicolas, Humphrey, Gaucho và đến Gaston, một chú chó không nòi không giống, những con vật đã rời bỏ tôi từ lâu,

tôi chỉ cần giơ tay lên và chạm vào chóp mũi của mình là đủ để
tưởng tượng rằng tôi hãy còn bầu bạn.

CHƯƠNG XV

NGOÀI VIỆC ĐỌC NHỮNG CUỐN SÁCH nêu gương đạo đức mà mẹ tôi đã khuyên, tôi còn ngấu nghiền tất cả những cuốn sách nào mình vớ được, hay nói đúng hơn là chôm được từ các cửa hàng sách cũ trong phố. Tôi mang chiến lợi phẩm về vừa lúa mì rồi ngồi xuống đất, đắm mình trong thế giới kỳ diệu của Walter Scott, Karl May, Mayn Reed và Arsène Lupin. Tôi đặc biệt mê Arsène Lupin và cố gắng hết cách để gương mặt mình có được vẻ nhẵn nhọt châm chọc, dọa dẫm và trịch thượng như gương mặt nhân vật chính trên bìa sách. Với điệu bộ tự nhiên của một đứa trẻ, tôi diễn rất đạt và đến tận bây giờ, thỉnh thoảng, trong nét mặt hay điệu bộ của mình, tôi vẫn như thấy lại dấu ấn mờ mờ tỏ tỏ của bức hình mà một họa sĩ minh họa tầm thường nào đó khi xưa đã vẽ ra trên bìa một cuốn sách rẻ tiền. Tôi rất thích Walter Scott và đến giờ tôi vẫn thỉnh thoảng nằm dài trên giường, lao mình vào cuộc tìm kiếm một lý tưởng cao đẹp nào đó, bảo vệ những bà quả phụ và cứu vớt những đứa trẻ mồ côi - những bà quả phụ thì thường rất đẹp và thường biểu lộ lòng biết ơn đối với tôi, sau khi đã nhốt những đứa trẻ mồ côi cha vào phòng bên cạnh. Một tác phẩm khác mà tôi ưa thích là *Đảo giấu vàng* của R. L. Stevenson, thêm một cuốn sách để lại cho tôi nhiều ấn tượng khó phai. Hình ảnh một chiếc rương gỗ chứa đầy tiền, hồng ngọc, ngọc lục bảo và ngọc lam - không hiểu sao tôi chẳng có cảm tình gì với kim cương cả - đã luôn làm tôi băn khoăn day dứt. Tôi vẫn tin chắc rằng kho báu này đang ở đâu đó, chỉ cần tìm là thấy thôi. Tôi còn hy vọng, còn chờ đợi, còn cảm thấy bị

giày vò bởi tin chắc rằng nó đang ở đâu đấy, chỉ cần biết câu thần chú, chỉ cần biết đường đi và biết chỗ. Một ảo tưởng như thế có thể chứa đựng những thất vọng, đắng cay như thế nào thì chỉ những kẻ ăn sao lão luyện may ra mới hiểu hết được. Linh cảm về bí mật kỳ diệu đó luôn ám ảnh tôi và tôi luôn rảo bước trên thế gian này với cảm giác mình vừa đi qua một kho báu bị chôn vùi nào đó. Khi thỉnh thoảng tôi lang thang trên những ngọn đồi thuộc San Francisco, Nob Hill, Russian Hill, Telegraph Hill, ít ai ngờ rằng cái ông có mái tóc hoa râm này đang đi tìm một Vùng ời, mở ra, rằng nụ cười đầy vẻ lọc lõi của ông ta đang che giấu lòng luyến tiếc một chủ từ nào đó, rằng ông ta tin vào bí mật, tin vào một ẩn nghĩa, tin vào một câu thần chú, vào một chiếc chìa khóa; mắt tôi thường trông ngóng trời đất, tôi thường chắt vắn, kêu gọi và chờ đợi. Tất nhiên là tôi biết giấu kín điều đó dưới vẻ hào hoa và xa cách của mình: tôi đã trở nên cẩn trọng, tôi vờ như đã trưởng thành, nhưng, một cách kín đáo, tôi luôn rình rập con bọ hung bằng vàng, và tôi chờ có con chim nào đó đậu lên vai, nói với tôi bằng tiếng người và cuối cùng cũng tiết lộ cho tôi nên làm sao và làm thế nào.

Mặc dầu vậy, tôi không cho rằng cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với trò ảo thuật là đáng khích lệ.

Tôi võ vẽ học ảo thuật trong sân và người dạy là một trong những thằng nhỏ tuổi hơn tôi, chúng tôi gọi nó là Dưa Hấu vì nó có thói quen quan sát mọi người qua một miếng dưa hấu đỏ chót mà cả răng lẫn mũi nó đều ngáp sâu vào, đến nỗi người ta chỉ còn thấy đôi mắt đăm chiêu của nó. Bố mẹ nó có một cửa hàng rau quả trong khu nhà, còn nó thì không bao giờ thò mặt lên khỏi tầng hầm là nơi ở của gia đình nó mà không có một miếng dưa hấu ra trò. Nó có cách cúi đầu cắn sâu vào miếng dưa mọng nước để làm cho chúng

tôi thềm nhỏ dãi trong khi đôi mắt to của nó vẫn chăm chú nhìn chúng tôi qua phía trên đối tượng thềm muồn của chúng tôi. Dưa hấu là một trong những loại quả phổ biến nhất nước nhưng cứ đến mùa dưa thì trong thành phố lại xuất hiện vài trường hợp mắc tả, thế là bố mẹ chúng tôi cấm ngặt chúng tôi đụng vào. Tôi tin chắc rằng những bất mãn tuổi thơ đã để lại trong tôi dấu ấn sâu đậm không dễ phai mờ và không bao giờ có thể bù đắp được; ở tuổi bốn mươi tư, mỗi khi cắn sâu vào một miếng dưa hấu, tôi có cảm giác được trút hận và hân hoan tột độ, hình như mắt tôi luôn tìm kiếm gương mặt thẳng bạn tôi phía trên miếng dưa thơm tho và mời gọi để nói với nó rằng cuối cùng chúng tôi cũng hết nợ, và rằng tôi cũng thế, tôi cũng đã đạt được điều gì đó trong cuộc sống. Mặc dù vậy, bây giờ tôi có ăn lấy ăn để loại quả ưa thích nhất của mình thì cũng vô ích thôi, không cần phải chối cãi rằng tôi sẽ luôn cảm thấy nỗi tiếc nuối cắn rút trong lòng mình, rằng tất cả dưa hấu trên đời này sẽ không bao giờ làm cho tôi quên những quả dưa hấu mà tôi đã không được ăn lúc lên tám, khi tôi thềm nhất, và rằng dưa hấu nguyên chất sẽ tiếp tục coi tôi không ra gì cho đến khi tôi từ già cõi đời, bởi nó luôn hiện diện, luôn được cảm thấy và luôn ở ngoài tầm tay.

Ngoài việc thách thức chúng tôi bằng cách thưởng thức sự chiếm hữu thế giới, Dưa Hấu còn có tầm ảnh hưởng khác rất quan trọng đối với tôi. Có thể nó thua tôi một hai tuổi gì đấy, nhưng tôi luôn chịu ảnh hưởng của những người thua tuổi mình. Người có tuổi chưa bao giờ có ảnh hưởng đối với tôi, tôi luôn xem như họ đứng ngoài cuộc và tôi thấy mấy lời khuyên bảo đạo lý của họ luôn tách rời chính họ như những chiếc lá rụng tách rời một ngọn cây, ngọn cây này có thể nguy nga nhưng không còn nhựa sống. Chân lý

thường chết yếu. Cái mà người già đã “học” thực ra là cái mà họ đã quên, sự thanh thản của những ông già râu tóc bạc phơ và có cái nhìn độ lượng đối với tôi cũng ít thuyết phục như vẻ hiền dịu của những con mèo thien, và, khi tuổi già bắt đầu đè nặng lên vai tôi với những nếp nhăn và tình trạng cạn kiệt sức lực, tôi không đánh lừa chính mình và tôi biết rằng, về cơ bản, cuộc đời tôi đã qua và không bao giờ trở lại.

Vậy thằng Dưa Hấu chính là người dạy cho tôi bài học đầu tiên về trò ảo thuật. Tôi còn nhớ mình đã ngạc nhiên đến nhường nào khi nó cho tôi biết rằng nếu tôi biết cách, tất cả những điều ước của tôi sẽ được thực hiện. Chỉ cần lấy một cái chai, đầu tiên là đá vào rồi lần lượt bỏ vào đó râu mèo, đuôi chuột, kiến sống, tai dơi cũng như hai mươi thành phần khác phải khó khăn lắm mới tìm thấy ở chợ, bây giờ tôi quên bég mất rồi, vì quên nên tôi sợ là những mơ ước của mình sẽ không bao giờ thành hiện thực. Thế là tôi đi tìm ngay các thành phần thần diệu không thể thiếu đó. Ruồi muỗi thì đâu cũng có, mèo và chuột chết thì không thiếu trong sân, dơi thì ở trong nhà kho còn đá vào chai thì không thành vấn đề. Nhưng các bạn thử cho kiến sống vào chai mà xem! Không thể cầm, giữ chúng được, vừa mới bắt được chúng đã trốn mất rồi, chưa kể việc phải bắt nhiều con, khi mà một con buộc phải đi vào theo lối cổ chai, trong lúc quyết định bắt con khác thì con trước đã chuồn mất rồi, thế là phải làm lại từ đầu. Đúng là nghề Don Juan dưới âm ti địa ngục. Dù vậy, cũng tới lúc Dưa Hấu, ngao ngán trước những nỗ lực của tôi và nôn nóng được thưởng thức chiếc bánh mà tôi phải cho nó để đổi lấy công thức kỳ diệu đó, tuyên bố là bùa hoàn chỉnh và sẵn sàng phát huy hiệu lực.

Tôi chỉ còn mỗi việc đưa ra một điều ước.

Tôi bắt đầu suy nghĩ.

Ngồi bệt xuống đất, hai chân kẹp lấy cái chai, tôi phủ đồ trang sức lên người mẹ tôi, tặng mẹ những chiếc xe Packard màu vàng cùng các tài xế mặc chế phục, tôi xây cho mẹ những cung điện bằng đá hoa cương và cả tầng lớp thượng lưu thành phố Wilno đều được mời đến quỳ trước mặt mẹ. Nhưng không phải thế. Vẫn luôn thiếu cái gì đấy. Những ước mơ vụn vặt đáng thương này làm sao sánh được với nhu cầu khác thường vừa thức dậy trong tôi, kích thước không hề tầm thường. Vừa mơ hồ vừa ám ảnh, vừa bạo ngược vừa kín bưng, một ước mơ kỳ lạ đang cựa quậy trong tôi, một ước mơ không gương mặt, không nội dung, không giới hạn, sự rung động đầu tiên của niềm khát khao chinh phục trọn vẹn nào đó, với niềm khát khao ấy, nhân loại đã nuôi dưỡng những tội ác động trời cũng như những viện bảo tàng, những áng thơ cũng như các đế chế, và nguồn gốc của khát khao đó có lẽ đã có sẵn trong gen của chúng ta như ký ức và nỗi nhớ nhung luyến tiếc sinh học của con thiêu thân đối với dòng chảy bất tận của thời gian và cuộc sống mà nó đã xa lìa. Tôi đã làm quen với cái tuyệt đối như thế. Tôi sẽ lưu giữ đến cùng vết thương sâu kín của cái tuyệt đối đó trong tâm hồn mình như sự vắng bóng của một con người. Thời ấy, tôi mới chín tuổi và chưa thể ngờ đó là lần đầu tiên mình cảm thấy vòng siết của cái mà hơn ba mươi năm sau, tôi gọi là “cội rễ của bầu trời” trong cuốn tiểu thuyết cùng tên. Cái tuyệt đối đột nhiên cho tôi biết sự hiện diện không thể hiểu thấu của nó và, tôi thì không biết phải lấy gì để xoa dịu cơn khát cháy bỏng của mình. Có thể ngày đó là ngày mà con người nghệ sĩ trong tôi đã thực sự sinh ra; bởi nghệ thuật luôn là một thất bại tuyệt đỉnh, con người, vốn mãi là kẻ lừa dối

chính mình, sẽ cố gắng để biến tất cả những gì bị quy kết là tồn tại như sự chất vấn bi kịch thành một câu trả lời.

Tôi có cảm giác như mình vẫn đang ở đó, mặc quần cộc ngồi giữa đám cây tầm ma, tay cầm cái chai kỳ diệu. Tôi cố gắng tưởng tượng trong hoảng sợ, bởi tôi linh cảm rằng thời gian của mình đang trôi qua từng phút từng giây; nhưng tôi không tìm được gì ngang tầm với nhu cầu kỳ lạ của mình, không có gì xứng với mẹ tôi, xứng với tình yêu của tôi, với tất cả những gì tôi muốn dâng mẹ. Ham muốn một kiệt tác đã đến với tôi và không bao giờ rời xa tôi nữa. Dần dà, môi tôi bắt đầu rung rung, mặt tôi nhăn nhó bực bội và tôi gào lên vì giận dữ, vì sợ hãi và vì kinh ngạc.

Từ đó, tôi quen dần với việc suy nghĩ, và, thay vì gào lên thì tôi viết sách.

Thỉnh thoảng, tôi cũng khao khát một cái gì đó cụ thể và đúng là trần thế thực sự, nhưng vì tôi không còn cái chai nữa nên không cần phải nói về khát khao ấy làm gì.

Tôi chôn cái bùa trong vựa lúa rồi đặt chiếc mũ cao thành lên để đánh dấu địa điểm, nhưng cơn tỉnh mộng nào đó đã xâm chiếm lấy tôi nên tôi không bao giờ tìm cách lấy lại cái chai ấy nữa.

CHƯƠNG XVII

MẶC DÙ VẬY, ngay sau đó, vì hoàn cảnh mà mẹ con tôi cần tất cả các sức mạnh thần kỳ có xung quanh mình.

Đầu tiên, tôi ngã bệnh. Mới bị tình hồng nhiệt xong tôi lại bị viêm thận, các bác sĩ giỏi được mời đến cứu chữa cho tôi đã bảo tôi sẽ không qua khỏi. Người ta bảo tôi không sống nổi nhiều lần trong đời rồi, có một lần, sau khi bảo phải làm lễ xức dầu cuối cùng cho tôi, người ta đã cử cả một đội danh dự mặc lễ phục, đeo gươm và găng tay trắng đứng trước thi thể tôi.

Những lúc tỉnh táo, tôi cảm thấy rất lo lắng.

Tôi nhận thức rất rõ trách nhiệm của mình và tôi không thể nào chịu nổi ý nghĩ để mẹ tôi một mình trên cõi đời mà không có chỗ nương tựa. Tôi biết mẹ mong đợi gì ở tôi và khi tôi nằm đó, nôn ra máu đen, ý nghĩ trốn tránh nghĩa vụ lại càng khiến tôi đau đớn hơn quả thận bị viêm nhiễm của mình. Mới mười tuổi, tôi đã cảm nhận rõ mình chỉ là một kẻ thất bại. Tôi chưa phải là Yacha Heifetz, cũng chưa phải là ngài đại sứ, tôi không có tài thẩm âm, không có giọng hát, thêm vào đó, tôi lại sắp chết một cách ngớ ngẩn mà chưa hề có thành công nào với phụ nữ, và thậm chí chưa phải là người Pháp. Mãi đến hôm nay, tôi vẫn còn rùng mình khi nghĩ rằng mình đã từng suýt chết vào thời đó mà chưa đoạt cúp vô địch bóng bàn thành phố Nice năm 1932.

Tôi cho rằng chuyện tôi từ chối trốn tránh nghĩa vụ với mẹ đã đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc chiến giành giật sự sống của

mình. Mỗi lần thấy mẹ cúi xuống nhìn tôi, gương mặt lộ vẻ đau đớn, già đi, hốc hác, tôi lại gượng cười và cố nói một vài câu cho ra hồn để chứng tỏ mình vẫn khỏe và mọi việc không đến nỗi tồi tệ như thế.

Tôi cố hết mình. Tôi cầu viện đến d'Artagnan và Arsène Lupin, tôi nói chuyện với ông bác sĩ bằng tiếng Pháp, tôi áp úng đọc ngụ ngôn của La Fontaine và với thanh gươm tưởng tượng trên tay, tôi lao mình về phía trước rồi gắng lên nào! gắng lên nào! gắng lên nào! tôi làm theo cách mà trung úy Sverdlovski đã bày. Trung úy Sverdlovski đích thân đến thăm tôi và ngồi bên giường rất lâu, bàn tay hộ pháp của ông đặt lên bàn tay tôi, ria mép ông giật giật liên hồi, và tôi cảm thấy được khích lệ trong cuộc chiến của mình với sự hiện diện của quân nhân này bên cạnh. Tôi cố nâng cánh tay lên và bắn trúng hồng tâm, cầm súng trên tay, tôi lầm rầm hát *La Marseillaise* và nói chính xác ngày sinh tháng đẻ của Vua Mặt Trời, tôi chiến thắng trong các cuộc thi đua ngựa, thậm chí không biết ngựa là gì, tôi còn tưởng tượng mình đang đứng trên sân khấu trong bộ quần áo bằng nhung, đeo một chiếc khăn lụa trắng dưới cổ và chơi đàn violon trước các khán giả đang ngất ngây thưởng thức còn mẹ tôi thì khóc vì biết ơn trong lòng riêng, tay đón nhận những bó hoa tươi thắm. Đeo kính một mắt, đầu đội mũ cao thành, với sự giúp đỡ của Rouletabille, cần phải thú nhận như vậy, tôi cứu nước Pháp khỏi những mưu đồ đen tối của Kaiser rồi lao ngay đến thành London để lấy trang sức của Nữ hoàng, trở về Nhà hát Wilno kịp thời để hát trong vở *Boris Godounov*.

Ai cũng biết câu chuyện con tắc kè hoa đầy thiện ý. Để trên thảm xanh thì nó thành màu xanh. Để trên thảm đỏ thì nó thành màu đỏ. Để trên thảm trắng thì nó thành màu trắng. Trên thảm vàng

thì nó thành màu vàng. Thế là người ta để nó trên thảm ê cốt và con tắc kè hoa tội nghiệp nỏ tung. Tôi không nỏ tung nhưng dù sao cũng ốm rất nặng.

Dẫu vậy, tôi chiến đấu rất dũng cảm, và đúng như một người Pháp phải làm, tôi đã thắng trận.

Trong đời mình, tôi đã thắng nhiều trận rồi, nhưng tôi cũng phải mất nhiều thời gian mới quen được với ý nghĩ người ta chỉ uống công thắng các trận đánh, chẳng ai thắng nổi cuộc chiến tranh cả. Để một ngày nào đó con người có thể đạt đến điều ấy, chúng ta cần có sự trợ giúp từ bên ngoài nhưng sự trợ giúp ấy vẫn chưa lộ diện.

Bởi vậy tôi có thể nói rằng tôi đã chiến đấu theo thuần phong mỹ tục của nước mình, với sự hy sinh hết mình, không hề nghĩ đến bản thân mà chỉ nghĩ đến việc cứu được góa phụ và đứa trẻ mồ côi.

Dù gì chẳng nữa, tôi cũng đã suýt chết, suýt để những người khác phải lo đại diện cho Pháp quốc ở nước ngoài.

Kỷ niệm kinh khủng nhất của tôi là thời điểm tôi bị bọc trong một tấm ga lạnh buốt trước mặt ba bác sĩ, trải nghiệm nhỏ mà tôi phải chịu đựng lần nữa ở Damas, vào năm 1941, khi tôi đang hấp hối vì chảy máu dạ dày sau một ca thương hàn đặc biệt nghiêm trọng, khi cả bệnh viện quyết định thử làm tôi vui lòng lần nữa.

Vì cách điều trị hay ho này không đem lại kết quả nào, người ta đồng loạt nhất trí “mở nắp” thận cho tôi, bất kể hai từ này có nghĩa gì đi nữa. Nhưng chính khi đó mẹ tôi đã có một phản ứng xứng đáng với những gì bà mong chờ ở tôi. Bà không chịu cho mổ. Bà điên tiết lên và dứt khoát phản đối, bất chấp ý kiến của vị bác sĩ chuyên khoa thận người Đức nổi tiếng mà bà đã bỏ nhiều tiền để mời từ Berlin đến. Sau đó tôi được biết là trong tâm trí bà, có một

mối liên hệ trực tiếp giữa thận và hoạt động tình dục. Các bác sĩ cố giải thích cho mẹ tôi là người ta có thể được phẫu thuật mà vẫn sinh hoạt tình dục bình thường nhưng uống công vô ích, tôi tin chắc là hai chữ “bình thường” đã khiến bà kinh hãi và làm cho bà càng quyết tâm hơn. Hoạt động tình dục “bình thường” không phải những gì bà mong đợi ở tôi. Mẹ tội nghiệp của con ơi! Con không nghĩ mình đã là một đứa con có hiếu.

Nhưng tôi vẫn giữ được quả thận của mình, còn bác sĩ chuyên khoa người Đức thì đi tàu về nước sau khi đã xử tôi án chết đến nơi. Tôi đâu có chết, cho dù kể từ ngày đó, tôi đã đụng độ với nhiều bác sĩ chuyên khoa người Đức khác.

Tôi khỏi bệnh thận. Hết sốt, tôi được đặt lên một chiếc băng ca và được đưa lên một toa tàu đặc biệt đi Bordighera thuộc Ý, nơi tôi được chăm sóc bởi ánh nắng mặt trời vùng Địa Trung Hải.

Lần đầu tiên tiếp xúc với biển đã có tác động lớn tới tôi. Đang giấc ngủ yên thì tôi cảm thấy một luồng gió mát ngát hương lùa qua mặt. Tàu vừa dừng lại ở Alassio mẹ tôi đã hạ cửa sổ xuống. Tôi chống hai tay ngồi dậy còn mẹ thì tươi cười dõi theo mắt tôi. Tôi nhìn ra ngoài và đột nhiên, tôi biết rõ là mình *đã đến*. Tôi thấy biển xanh, bãi đá cuội và những chiếc thuyền đánh cá nằm nghiêng trên đó. Tôi ngắm nhìn biển. Có cái gì đó diễn ra trong tôi. Tôi không rõ: sự yên bình bất tận và cảm giác về đích. Từ ấy, biển với tôi vẫn luôn là một khái niệm siêu hình tầm thường nhưng đầy đủ. Tôi không biết cách nói về biển. Tất cả những gì tôi biết là biển bỗng nhiên giúp tôi rũ bỏ tất cả những gò bó vướng víu. Mỗi lần nhìn biển tôi lại trở thành một kẻ chết đuối tràn trề hạnh phúc.

Trong khi tôi đang bình phục dưới những cây chanh và những tràng hoa trinh nữ xứ Bordighera, mẹ tôi tranh thủ đi Nice. Mẹ có ý

định bán tiệm may ở Wilno và mở tiệm khác ở Nice. Dù gì đi nữa, tính thực dụng đã mách bảo cho mẹ biết rằng ở một thành phố nhỏ tại Đông Ba Lan thì tôi chỉ có rất ít cơ hội trở thành Đại sứ Pháp.

Nhưng sáu tuần sau, khi chúng tôi trở lại Wilno thì thấy rõ ràng ràng là “gian hàng Thời trang Cao cấp Paris Nhà Mới” không thể bán hay cứu vãn được nữa. Bệnh tật của tôi đã khiến cả gia đình phá sản. Trong thời gian hai ba tháng gì đấy, các bác sĩ chuyên khoa giỏi nhất châu Âu đã được mời đến chữa bệnh cho tôi và mẹ tôi nợ nần chồng chất. Thậm chí ngay trước cơn bạo bệnh của tôi và cho dù trong hai năm trời, tiệm may của bà hiển nhiên là tiệm may hàng đầu trong thành phố, uy tín của nó vẫn vượt trội so với doanh thu của nó và cách sinh hoạt của gia đình tôi còn sang hơn cả khả năng tài chính của chúng tôi; công ty chỉ tồn tại trong cái vòng luẩn quẩn của hối phiếu, và từ tiếng Nga *wechsel*, hối phiếu, là điệp khúc mà tôi thường nghe. Ở đây cũng phải nêu lên sự ngông cuồng kỳ lạ của mẹ tôi mỗi khi có gì liên quan đến tôi, hàng loạt giáo viên được mời đến dạy dỗ tôi, và đặc biệt mẹ tôi quyết giữ bằng được vẻ ngoài thịnh vượng, quyết không để người ta bàn tán rằng việc làm ăn đang đổ bể, vì, trong một xã hội tồn tại thói đua đòi dờ dờ ương ương vốn đưa đẩy khách hàng đến chỗ ban ơn cho một tiệm may, thì sự thành công đóng vai trò cốt yếu: chỉ lộ ra một chút khó khăn vật chất nào đó thôi là các bà các chị bữu môi rồi chạy sang tiệm khác, hoặc nếu mua thì cũng kỳ kèo kéo giá cả xuống thật thấp, điều này khiến quá trình phá sản diễn ra nhanh chóng. Mẹ tôi biết rất rõ chuyện đó và mẹ chiến đấu đến cùng để cứu vớt vẻ bề ngoài. Khi nào mẹ cũng tài tình tạo cho khách hàng cảm giác rằng họ được “chấp nhận”, hoặc thậm chí “được chiêu cố”, rằng mẹ không *thực sự* cần đến họ, rằng mẹ chấp nhận việc đặt may của họ như

một sự ban ơn. Thế là các bà các chị giành nhau để được mẹ tôi quan tâm, không bao giờ bàn cãi về giá cả, run lên vì sợ váy mới sẽ không may xong để đi khiêu vũ, để đến cuộc gặp gỡ đầu tiên, để dự dạ hội - trong khi tháng nào lưỡi dao nợ nần cũng kề cổ mẹ tôi, bà phải mượn tiền của những kẻ cho vay nặng lãi, phải rút hồi phiếu mới để bù cho hồi phiếu thất thu, đây là chưa kể bà còn phải lo đảm bảo thời trang hợp mốt, không để các đối thủ cạnh tranh bỏ xa, phải đóng kịch trước khách hàng, cho các bà các chị thử đồ xả láng, không bao giờ để khách hàng có cảm giác là mình phụ thuộc họ, khi nào cũng tươi cười vui vẻ mỗi lần các bà các chị nói “Tôi mua, tôi không mua”, không để cho họ đoán ra được kết quả của điệu valse lưỡng lự đó đối với mình là vấn đề sống còn.

Mỗi lần có một khách hàng thử đồ đặc biệt khó tính, mẹ thường ra khỏi phòng khách và vào phòng tôi, ngồi trước mặt tôi, im lặng và mỉm cười nhìn tôi như để lấy lại sức mạnh từ lòng quả cảm và cuộc đời mẹ. Mẹ không nói gì với tôi mà chỉ hút một điếu thuốc rồi đứng dậy tiếp tục cuộc chiến đấu.

Thế nên không có gì đáng ngạc nhiên khi bệnh tình của tôi cộng với hai tháng vắng mặt buộc mẹ phải giao cho dì Aniela lo việc kinh doanh đã đánh cho *Nhà Mới* một đòn chí mạng khiến nó không phục hồi được nữa. Ít lâu sau khi chúng tôi trở lại Wilno, sau những nỗ lực bất thành để cứu vớt công ty, cuộc chiến đã hoàn toàn thất thủ và chúng tôi tuyên bố phá sản trước sự hả hê của các đối thủ cạnh tranh. Đồ đạc của chúng tôi bị tịch biên và tôi còn nhớ một người Ba Lan to béo hói đầu, râu cánh gián, đi đi lại lại trong cửa hàng cùng hai tên thuộc hạ giống như các nhân vật của Gogol, dưới nách kẹp một chiếc khăn, sờ soạng rất lâu những chiếc váy treo trong tủ tường, ghé bàn, vuốt ve những cái máy khâu, những

tầm vải và những con ma nơ canh bằng liễu giỏ. Nhưng mẹ tôi đã cẩn thận giấu các chủ nợ và canh sát báu vật của mình, đó là bộ sưu tập đầy đủ các dụng cụ nhà bếp cổ bằng bạc dành cho vua chúa mà bà mang từ Nga sang, những thứ dụng cụ nhà bếp rất hiếm với giá trị, theo mẹ tôi, rất lớn; bà chưa bao giờ dám đụng vào của để dành này, đó như thể là của hồi môn của tôi vậy; nó có nhiệm vụ bảo đảm tương lai của chúng tôi tại Pháp trong nhiều năm trời khi chúng tôi đến lập nghiệp ở đó, và để cho phép tôi “lớn lên, học tập, trở thành một ai đó”.

Lần đầu tiên, kể từ khi có tôi, mẹ đã tỏ ra tuyệt vọng và, với gương mặt nữ tính vẻ như bị khuất phục và không còn khả năng tự vệ, mẹ quay về phía tôi để xin được trợ giúp và được bảo vệ. Lúc ấy tôi đã gần mười tuổi và vì thế, tôi sẵn sàng đảm nhận vai trò đó. Tôi hiểu rằng nghĩa vụ trước tiên của mình là tỏ ra điềm tĩnh, bình thản, mạnh mẽ, tự tin, nam tính và ung dung tự tại. Đã đến lúc tôi phải cho tất cả mọi người thấy vai trò kỳ sĩ của mình, cái vai trò mà trung úy Sverdlovski đã chuẩn bị cho tôi rất công phu. Nhân viên thi hành án đã tịch biên bộ *jodpurhs* cùng cái roi ngựa của tôi, tôi buộc phải đương đầu với họ bằng tay không và trong chiếc quần cộc. Tôi đi đi lại lại trước mặt họ với vẻ kiêu ngạo, trong căn hộ nơi các đồ vật thân quen dần dần bị lấy mang đi. Tôi đứng như trời trồng trước tủ quần áo hay tủ com mốt mà đám canh sát đang nhắc lên, tay tôi rút túi quần, bụng ưỡn ra và huýt gió vẻ khinh bỉ, ranh mãnh quan sát những cố gắng vụng về của họ, nhìn họ vẻ coi thường, một chàng trai đích thực, vững vàng như bàn thạch, có khả năng chăm sóc mẹ và nếu ai dám khiêu khích thì sẽ nhổ vào mặt người đó. Điều bộ này không dành cho các nhân viên thi hành án mà dành cho mẹ tôi, để bà hiểu rằng không cần phải hoang mang

làm gì, rằng bà đang được bảo vệ, rằng tôi sẽ trả lại cho mẹ gấp trăm lần như thế, nào là thăm, nào là bàn chân quỳ kiêu Louis XVI, nào là đèn chùm và tranh khảm bằng gỗ gụ. Ngồi trên chiếc ghế bành cuối cùng, mẹ dõi theo tôi với ánh mắt thần phục và tỏ ra mạnh mẽ hơn. Khi tám thăm bị lấy đi, tôi huýt sáo điệu tăng gô, rồi, cùng một bạn nhảy tương tượng, tôi thực hiện một vài bước nhảy khéo léo mà cô Gladys đã dạy tôi. Tôi lướt trên sàn nhà, ôm chặt eo cô bạn nhảy vô hình, vừa nhảy tôi vừa huýt sáo điệu “Tăng gô Milonga, tăng gô của những ước mơ diệu kỳ”, còn mẹ tôi, điều thuốc lá cầm tay, bà nghiêng người bên này rồi nghiêng người bên kia, chân bà đánh nhịp, rồi khi phải rời chiếc ghế để người ta khiêng đi thì bà rất vui vẻ, mắt vẫn luôn nhìn tôi, trong lúc đó, tôi tiếp tục những bước nhảy khéo léo của mình trên sàn nhà bụi bặm để bà biết rằng tôi luôn ở đó, rằng tóm lại, báu vật lớn nhất của bà đã không bị tịch biên.

Sau đó chúng tôi hội ý rất lâu để quyết định nên làm gì và xoay xở ra sao. Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp để che mắt những kẻ vô lại đang đứng trong phòng khách trống rỗng trong khi chiếc đèn chùm được hạ xuống.

Chúng tôi không ở lại Wilno được nữa vì những khách hàng khá giả nhất của mẹ, những bà những chị trước đây từng nịnh bợ và van xin mẹ để được phục vụ đầu tiên, giờ đã khinh khỉnh quay đầu lánh mặt khi gặp mẹ trên phố, thái độ này càng phù hợp và dễ hiểu hơn khi mà một số người còn nợ tiền chúng tôi: như vậy lánh mặt cũng là cách bắn một mũi tên trúng hai đích.

Tôi không nhớ tên những con người quý tộc này nữa nhưng tôi rất hy vọng rằng họ vẫn còn sống, rằng họ đã không kịp cất giấu thịt da mình và chế độ cộng sản đã đến dạy cho họ một chút về

lòng nhân đạo. Tôi không phải là một kẻ hiềm thù, và tôi cũng không đi xa hơn nữa.

Thỉnh thoảng tôi vào các tiệm may lớn ở Paris, ngồi một góc và xem biểu diễn thời trang, bạn bè nghĩ rằng tôi hay đến những chỗ dễ thương này vì tôi có cái tật đáng yêu là ngắm nhìn các cô gái xinh đẹp. Họ nhầm.

Tôi thường hành hương tới những nơi này là để nhớ về bà giám đốc *Nhà Mới*.

Chúng tôi không có đủ tiền để đến định cư tại Nice còn mẹ thì không chịu bán bộ dụng cụ nhà bếp bằng bạc quý báu của mình vì tương lai của tôi đều dựa cả vào đó. Với khoảng vài trăm zloty vót vát được sau thảm họa, chúng tôi quyết định đi Vacsava đã, dù sao đây cũng là một bước đi đúng hướng. Ở đó mẹ tôi có người thân và bạn bè, nhưng trên hết, mẹ có một lý do mang tính quyết định cho dự định này.

– Ở Vacsava có một trường trung học Pháp, mẹ tôi vừa thông báo vừa hít mạnh về khoan khoái.

Không phải bàn cãi gì nữa. Chỉ còn mỗi việc là xếp va li, xếp va li cũng chỉ là một cách nói thôi vì va li nào cũng đã bị tịch biên rồi, bộ dụng cụ nhà bếp bằng bạc thì đã được cất cẩn thận, chúng tôi gói ghém những gì còn lại vào một chiếc ba lô con theo thông lệ.

Dì Aniela không đi cùng chúng tôi. Dì sẽ về sống với người chồng sắp cưới của mình một nhân viên đường sắt, ông sống trong một toa tàu không bánh cạnh nhà ga; chúng tôi để dì ở lại đó sau cảnh chia tay xé lòng xé ruột: chúng tôi ôm nhau nức nở khóc, đi rồi lại quay lại ôm hôn lần nữa; từ đó, tôi chưa bao giờ khóc gào như thế.

Tôi đã nhiều lần thử hỏi thăm tin tức của dì ấy, nhưng một toa tàu không bánh đầu phải là một địa chỉ cố định trong thế giới đảo điên. Tôi những muốn trấn an dì ấy, nói với dì ấy rằng tôi đã không mắc bệnh lao, điều mà dì lo nhất về tôi. Dì Aniela hồi đó là một phụ nữ trẻ trung xinh đẹp, cơ thể nở nang, mắt nâu to tròn, tóc đen dài óng mượt, nhưng đã ba mươi ba năm trôi qua rồi.

Chúng tôi rời thành phố Wilno không tiếc nuối. Tôi mang theo trong ba lô của mình cuốn ngụ ngôn La Fontaine, một tập truyện Arsène Lupin và cuốn *Cuộc đời của những người Pháp nổi tiếng*. Trong cơn thảm họa, dì Aniela đã cứu được bộ quân phục Tcherkesse mà trước đây tôi từng mặc đi dự lễ hội hóa trang và tôi cũng mang bộ đồ này theo. Nó đã quá chật với tôi và từ đó trở đi, tôi không bao giờ có cơ hội được mặc thêm một bộ quân phục Tcherkesse nào nữa.

CHƯƠNG XVII

Ở VACSAVA, chúng tôi sống rất khó khăn trong những gian phòng trọ có sẵn đồ đạc. Có người nào đó từ nước ngoài giúp đỡ mẹ tôi bằng cách đều đặn gửi tiền để chúng tôi có thể sống qua ngày đoan tháng. Tôi đi học và sáng nào cũng vậy, vào giờ ra chơi lúc mười giờ, mẹ lại mang sô cô la và bánh mì phết bơ cho tôi. Mẹ làm đủ mọi việc để chúng tôi hết khó khăn cực nhọc. Mẹ môi giới trang sức, buôn áo lông và đồ cổ, tôi nghĩ mẹ là người đầu tiên nảy ra ý tưởng khá sinh lợi này: mẹ đăng quảng cáo trên báo cho mọi người biết là mẹ mua răng, vì không có từ khác nên tôi chỉ có thể gọi là răng hạ giá; đó là những chiếc răng đúc bằng vàng hoặc bằng bạch kim, mẹ mua rồi bán lại kiếm lời. Mẹ lấy kính lúp để quan sát răng, nhúng răng vào một loại axít đặc biệt để chắc chắn những chiếc răng đó được làm bằng kim loại quý. Mẹ cũng làm quản lý chung cư, đi phát tờ rơi và làm hàng trăm hàng nghìn công việc vất vả khác mà giờ tôi không còn nhớ nữa; tuy nhiên, mỗi buổi sáng vào lúc mười giờ, mẹ đã đứng đó, tay cầm phích sô cô la và bánh mì phết bơ.

Mặc dù vậy, tại đây, chúng tôi đã phải chịu thêm một thất bại đáng cay khác: tôi không được vào trường trung học Vacsava của Pháp. Học phí ở đó rất cao vượt quá khả năng tài chính của chúng tôi. Thế là tôi học ở một trường Ba Lan trong thời gian hai năm, cho tới bây giờ, tôi vẫn nói và viết tiếng Ba Lan thành thạo. Đó là một ngôn ngữ thật đẹp. Mickiewicz vẫn là một trong những nhà thơ

tôi yêu thích nhất, tôi yêu đất nước Ba Lan rất nhiều - như tất cả những người Pháp khác.

Mỗi tuần năm lần, tôi đi tàu điện đến nhà một người thầy rất giỏi tên là Lucien Dieuleveut-Kaulek để học tiếng mẹ đẻ.

Đến đây, tôi xin thú nhận một điều. Khá ít khi tôi nói dối vì nói dối đối với tôi có mùi vị nhạt nhẽo của sự bất lực: nói dối khiến cho tôi quá xa rời mục đích. Nhưng khi người ta hỏi tôi từng học trường nào tại Vacsava, bao giờ tôi cũng trả lời: trường trung học Pháp. Đó là vấn đề nguyên tắc. Mẹ tôi đã cố gắng hết mình và tôi không thấy có lý do gì để tước mất thành quả lao động mệt nhọc của bà.

Dù vậy, đừng có tưởng tôi dự vào quá trình đấu tranh của mẹ mà không cố gắng giúp đỡ bà. Sau khi thất bại nhiều lần trong nhiều lĩnh vực, cuối cùng tôi tin đã tìm thấy thiên hướng đích thực của mình. Tôi đã bắt đầu tung hứng ở Wilno, khi còn yêu Valentine, để làm đẹp lòng cô bé. Từ đó, tôi tiếp tục tung hứng, và mỗi lần tung hứng tôi đều nghĩ đến mẹ, để xin lỗi mẹ là tôi không có tài gì khác. Trong hành lang ở trường học, trước cái nhìn khâm phục của bạn bè, tôi tung hứng một lần năm đến sáu quả cam, và đâu đó, trong sâu thẳm lòng mình, tôi ấp ủ một tham vọng điên cuồng, tham vọng có thể tung hứng đến quả thứ bảy và có thể là quả thứ tám như Rastelli vĩ đại, và thậm chí, ai mà biết được, đến quả thứ chín để cuối cùng cũng trở thành nhà tung hứng tài ba nhất mọi thời đại. Mẹ tôi xứng đáng được như vậy nên tôi dành hết thời gian rỗi để luyện tập.

Tôi tung hứng cam, tung hứng đĩa, tung hứng chai, tung hứng chổi, tung hứng tất cả những gì vớ được; nhu cầu nghệ thuật của tôi, nhu cầu tìm kiếm sự hoàn hảo, ham muốn có được kỳ tích tuyệt vời và độc nhất vô nhị, tóm lại là khát khao được làm chủ của tôi

đã tìm thấy trong trò tung hứng này một phương tiện diễn đạt khiêm tốn nhưng tràn đầy nhiệt huyết. Tôi cảm thấy mình ở bên một lĩnh vực kỳ diệu và tôi khao khát hết mình để đạt đến lĩnh vực đó: lĩnh vực của điều bất khả đã đạt tới và thực hiện được. Đó là phương tiện diễn đạt nghệ thuật có ý thức đầu tiên của tôi, linh cảm đầu tiên của tôi về một sự hoàn hảo có thể có và tôi hăng hái lao vào. Tôi tung hứng ở trường, trên phố, khi lên cầu thang, khi vào căn phòng thuê, rồi tôi đứng trước mẹ, sáu quả cam bay trên không, tung lên rồi lại bắt. Khốn nỗi, khi tôi tự thấy mình đang được hứa hẹn một tương lai xán lạn, cạy vào tài năng của mình để mẹ tôi được sống trong xa hoa giàu có thì một thực tế tàn nhẫn dần dần lộ rõ trước mắt tôi: tôi không thể vượt quá quả bóng thứ sáu. Mặc dù vậy tôi đã cố, Chúa thừa biết là tôi đã cố. Vào thời kỳ đó, tôi đã có lúc tung hứng bảy đến tám tiếng mỗi ngày. Tôi bối rối cảm thấy rằng trò được mắt này rất quan trọng, thậm chí rất hệ trọng, rằng tôi đang tung hứng cả đời mình, cả ước mơ của mình và cả bản chất sâu xa trong tôi, rằng đó là sự hoàn hảo khả dĩ đạt đến hoặc bất khả. Nhưng hoài công vô ích, quả bóng thứ bảy luôn luôn lẩn tránh những nỗ lực của tôi. Kiệt tác vẫn luôn luôn xa vời, luôn luôn tiềm ẩn, lúc nào cũng cảm thấy nhưng mãi mãi vượt khỏi tầm tay. Sự hoàn hảo luôn luôn bị chối từ. Tôi quyết tâm lắm, tôi trở hết sự khéo léo nhanh nhẹn của mình, những quả bóng khi tung lên đều tiếp đuôi nhau một cách chính xác, nhưng quả thứ bảy vừa tung lên là cả công trình bỗng dừng đổ sụp, và tôi đứng đó, rụng rời, không sao nhận nhận được, không sao từ bỏ được. Tôi lại tiếp tục. Nhưng quả bóng cuối cùng vẫn mãi xa rời tầm với. Chưa bao giờ, chưa bao giờ tôi nắm bắt được nó. Tôi đã cố sức cả đời. Chỉ đến lúc gần bốn mươi tuổi, sau khi đã lang thang qua khắp các kiệt tác, chân lý

mới dần dần hiện hữu trong tôi và tôi ngộ ra rằng quả bóng cuối cùng không hề tồn tại.

Đó là một thực tế đáng buồn và không nên tiết lộ nó cho trẻ em. Vì thế chẳng phải ai cũng đọc được cuốn sách này.

Bây giờ, tôi không còn ngạc nhiên với chuyện cũng có lúc Paganini ném cây đàn violon của mình và nhiều năm không đụng vào nó, rồi nằm đó, ánh mắt trống rỗng. Tôi không ngạc nhiên, *ông biết*.

Khi tôi thấy Malraux, người vĩ đại nhất trong số chúng ta, tung hứng với những quả bóng như không mấy người từng tung hứng trước ông, trái tim tôi thất lại trước bi kịch của ông, cái bi kịch đã được viết lên mặt ông, chính giữa những thành tích chói lọi nhất: quả bóng cuối cùng nằm ngoài tầm tay ông và cả sự nghiệp của ông được làm bằng niềm tin đầy lo sợ ấy.

Mặt khác, đã đến lúc nói lên sự thật về vụ Faust. Tất cả mọi người đều đã nói dối một cách trơ trẽn, trong đó Goethe là mạnh mẽ nhất và tài năng nhất, họ nói dối để ngụy trang vụ việc và che giấu thực tế phũ phàng. Ở đây nữa, có lẽ tôi không nên nói ra vì có một việc tôi không thích làm, đó là tước mất niềm hy vọng của con người. Nhưng rốt cuộc, bi kịch thực sự của Faust không phải là ông ta đã bán linh hồn cho quỷ dữ. Mà bi kịch thực sự là không có quỷ dữ để có thể mua linh hồn của bạn. Không có người mua. Chẳng ai đến giúp bạn bắt được quả bóng cuối cùng cho dù bạn ra giá thế nào. Cũng có vô số những kẻ khờ khạo ra vẻ ta đây, tự cho mình là người mua, tôi không nói rằng người ta không thể dàn xếp với họ, với một số lợi lộc gì đó. Người ta có thể. Họ cho các bạn sự thành công, tiền bạc và sự khâm phục của đám đông. Nhưng đó chỉ là một điều gì đấy mơ hồ, nhạt nhẽo không nuốt nổi, và khi người ta

tên là Michel-Ange, Goya, Mozart, Tolstoi, Dostoievski hay Malraux, người ta phải chết với cảm giác đã sản xuất ra gia vị.

Cho nên, tất nhiên là tôi tiếp tục luyện tập.

Thỉnh thoảng tôi vẫn ra khỏi nhà, lên đỉnh đồi, phía trên vịnh San-Francisco, và ở đó, ở chỗ dễ thấy, giữa thanh thiên bạch nhật, tôi tung hứng với ba quả cam, đó là tất cả những gì tôi có thể làm bây giờ.

Đó không phải là sự thách thức. Đó đơn giản chỉ là một lời tuyên ngôn về phẩm cách.

Tôi đã gặp Rastelli vĩ đại, chân ông đứng trên một cái cổ chai, chân kia gập ra sau xoay xoay hai cái vòng, mũi ông đỡ một chiếc gậy, trên chiếc gậy là một quả bóng, trên quả bóng là một ly nước trong khi hai tay vẫn tung hứng bảy quả bóng.

Tôi ngỡ mình đang thấy tận mắt thời điểm diễn ra sự điều luyện hoàn hảo và không thể chối cãi, khoảnh khắc tối thượng nơi con người chiến thắng hoàn cảnh của mình, nhưng vài tháng sau Rastelli qua đời trong tuyệt vọng vì rời sân đấu mà không thể bắt được quả bóng thứ tám, quả bóng cuối cùng, quả bóng duy nhất có giá trị đối với ông.

Tôi nghĩ là nếu tôi cúi xuống giường bệnh của ông, ông đã có thể giải thích một lần thật rõ ràng cho tôi điều này và vì khi đó tôi mới mười sáu tuổi, tôi đã có thể tránh được một cuộc đời đầy cố gắng và thất bại.

Tôi sẽ lấy làm tiếc nếu ai đó kết luận, qua những gì xảy ra ở trên, rằng tôi không phải là một người hạnh phúc. Đó là một nhầm lẫn hoàn toàn đáng tiếc. Tôi từng biết và tôi hãy còn biết những niềm vui kỳ lạ trong đời. Thí dụ từ thuở nhỏ, tôi luôn thích món

dưa chuột muối, không phải dưa chuột bao tử đâu mà là dưa chuột chính công, loại dưa chuột có một không hai mà người ta gọi là dưa chuột kiểu Nga ấy. Tôi đã luôn thấy dưa chuột khắp nơi. Tôi thường mua nửa ký rồi ngồi đầu đó dưới ánh nắng mặt trời, bên bờ biển hay ở bất cứ nơi nào khác, trên vỉa hè hay trên ghế đá, tôi cắn vào quả dưa chuột và cảm thấy hạnh phúc trọn vẹn. Tôi ở đó, dưới ánh mặt trời, lòng thanh thản, quan sát sự vật và con người một cách thân thiện và biết rằng cuộc đời thực sự đáng sống, và hạnh phúc là cái gì đó có thể đạt tới, chỉ cần tìm thấy thiên hướng sâu xa trong mình rồi hết lòng với những gì mình thích, hoàn toàn quên cả bản thân.

Mẹ tôi quan sát những cố gắng của tôi trong việc giúp mẹ với lòng biết ơn xúc động. Mỗi lần về nhà, tay kéo lê một tấm thảm cũ kỹ hoặc một cái đèn đã qua sử dụng nào đó mà mẹ định bán lại, mẹ thường thấy tôi đang tung hứng trong phòng và bà không nhầm về lý do khiến tôi say sưa như thế. Mẹ ngồi nhìn tôi tung hứng rồi nói:

– Con sẽ là một nghệ sĩ vĩ đại! Mẹ con nói với con thế đấy.

Lời tiên đoán của mẹ suýt trở thành hiện thực. Lớp tôi tổ chức biểu diễn kịch, và, sau những vòng loại rất nghiêm ngặt, vai chính trong vở kịch thơ của Mickiewicz, với tiêu đề *Konrad Wallenrod*, đã được giao cho tôi, dù tôi nói tiếng Ba Lan với giọng Nga rất nặng. Không phải vô tình mà tôi vượt qua được vòng loại.

Tôi nào cũng thế, sau khi đi chợ về và chuẩn bị xong bữa ăn tối, mẹ lại tập cho tôi diễn vai của mình trong thời gian một hai tiếng gì đấy. Mẹ đã thuộc lòng kịch bản và diễn trước cho tôi xem. Mẹ cố diễn hết mình còn tôi thì nhắc lại lời thoại và bắt chước các cử chỉ, thái độ cùng giọng điệu của mẹ. Vai diễn kịch tính như ý và, vào khoảng mười một giờ khuya, hàng xóm láng giềng hết chịu nổi bất

đầu bực bội yêu cầu chúng tôi giữ trật tự. Mẹ tôi không phải tay vừa, trong hành lang, diễn ra những cảnh đáng nhớ, mẹ vừa tiếp tục say sưa ngâm bài thơ bi kịch nổi tiếng của nhà thơ vĩ đại vừa không làm chủ được mình trong những lời chửi rủa, thách thức và những câu trường thoai nảy lửa. Kết quả không như mong đợi, và vài ngày trước khi biểu diễn, chúng tôi bị điệu đi tập nơi khác. Chúng tôi chuyển đến nhà một người họ hàng của mẹ, trong căn hộ của một luật sư và em gái ông ấy, một bác sĩ nha khoa: ban đầu chúng tôi ngủ trong phòng đợi, rồi sau đó ngủ trong phòng khám, và sáng nào cũng thế, chúng tôi phải trả phòng trước khi khách hàng và bệnh nhân đến.

Cuối cùng thì ngày biểu diễn cũng tới và tối hôm đó, tôi gặt hái được thành công lớn đầu tiên trong đời mình trên sân khấu. Sau khi buổi biểu diễn kết thúc, mẹ tôi, khi đó còn xốn xang trước những tràng vỗ tay nồng nhiệt và gương mặt còn đầm đề nước mắt, đã dẫn tôi vào một hàng bánh ngọt. Mẹ vẫn giữ nguyên thói quen cầm tay tôi khi đi trên phố và vì đã mười một tuổi rồi, tôi cảm thấy ngượng kinh khủng. Tôi luôn khéo léo tìm cách rút tay ra và sau đó lại quên đưa tay cho mẹ, nhưng mẹ luôn nắm tay tôi rất chặt trong tay bà.

Chiều vừa đến, những con phố gần đường Poznanska đã đầy gái điếm. Họ tụ tập rất đông, nhất là trên phố Chmielna. Đối với những cô gái tử tế này, sự hiện diện của tôi và mẹ tôi không có gì xa lạ. Khi hai mẹ con tôi cầm tay nhau đi qua thì họ luôn kính cẩn nhường đường và khen mẹ tôi có đứa con sáng sủa. Khi tôi đi qua một mình thì họ thường bắt chuyện với tôi, hỏi về mẹ tôi, hỏi tôi vì sao mẹ không đi bước nữa, cho tôi kẹo và có một cô tóc hung đáng người gầy nhỏ và chân vòng kiềng thường hôn lên má tôi, bảo tôi

đưa khăn mùi soa cho cô rồi cẩn thận lau má cho tôi. Tôi không biết tại sao cái tin mình sắp đóng một vai quan trọng trong vở diễn ở trường học đã lan ra vĩa hè, tôi nghi là do mẹ tôi chứ không ai khác, nhưng dù thế nào, trên đường đến tiệm bánh ngọt, các cô ấy cũng đã vây lấy chúng tôi rồi lo lắng hỏi tôi được chào đón như thế nào. Mẹ không tỏ ra khiêm tốn vô ích làm gì và, trong những ngày tiếp theo, mỗi lần tôi đi qua phố Chmielna, một cơn mưa quà lại đổ ập lên người tôi. Tôi nhận được những cây thánh giá nhỏ hay ảnh tượng các thánh, những tràng hạt hay những chiếc dao nhíp, những thỏi sô cô la hay tượng Đức Mẹ, các cô ấy còn nhiều lần kéo tôi vào một hàng thịt lợn nhỏ bên cạnh và, trước con mắt khâm phục của họ, tôi ních đầy một bụng dưa chuột muối.

Vào đến hàng bánh, sau khi ăn chiếc bánh thứ năm, tôi đã bắt đầu thờ, mẹ tôi trình bày ngắn gọn những dự định tương lai của mình. Cuối cùng, chúng tôi giữ lại cái gì đó cụ thể, tài năng thì chắc chắn rồi, con đường đã được vạch ra, chỉ còn tiếp tục nữa thôi. Tôi sẽ trở thành một diễn viên nổi tiếng, tôi sẽ làm cho phụ nữ khờ sở, tôi sẽ có một chiếc xe mui trần to màu vàng, tôi sẽ ký hợp đồng với U.F.A. Lần này thì chắc rồi, nắm bắt được rồi, đến nơi rồi. Thêm một cái bánh cho tôi, thêm một ly trà cho mẹ: hử mẹ phải uống từ mười lăm đến hai mươi ly trà mỗi ngày. Tôi lắng nghe mẹ nói - nói thế nào nhỉ? - tôi cẩn trọng nghe mẹ nói. Tôi phải nói mà không khoe khoang là mình hoàn toàn tỉnh táo. Mới mười một tuổi rồi nhưng tôi đã quyết tâm trở thành một thành phần luôn điềm tĩnh, thận trọng, một người Pháp trong gia đình. Bây giờ, cái cụ thể nhất mà tôi có thể nhìn thấy là những chiếc bánh trong khay, và tôi không tha cho bất cứ cái nào. Tôi đã làm rất tốt vì sự nghiệp sân khấu và điện ảnh vĩ đại của tôi chưa bao giờ được cụ thể hóa. Dù

thế, cố gắng đâu phải là việc gì đó tội lỗi. Trong nhiều tháng liền, mẹ tôi liên tục gửi ảnh của tôi cho giám đốc các nhà hát ở Vacsava, mẹ cũng gửi đi Berlin, gửi đến U.F.A, mẹ miêu tả rất cẩn kẽ thắng lợi rực rỡ mà tôi đã đạt được với vai chính trong vở *Kon-rad Wallenrod*. Mẹ tôi thậm chí còn xin gặp giám đốc Nhà hát Polski, một người lịch lãm và tao nhã đã lịch sự nghe tôi diễn, trong khi trong phòng ông ta, tôi giơ một chân ra trước, đưa một tay lên cao, lấy tư thế của Rouget de Lisle đang hát *La Marseillaise* rồi ngâm với giọng hào sảng và nặng âm điệu Nga những câu thơ bất hủ của nhà thơ Ba Lan. Tôi cố giấu nỗi sợ của mình bằng cách rướn cổ lên mà gào; trong phòng có nhiều người cùng xem tôi biểu diễn, họ tỏ ra hết sức kinh ngạc, chắc hẳn trong không khí có thể nói là thiếu hơi ấm đó, tôi không làm chủ được khả năng của mình nên bản hợp đồng tuyệt vời đã không được ký. Dù sao thì người ta cũng nghe tôi biểu diễn đến khi kết thúc, và sau khi đã uống thuốc độc xong theo như kịch bản, tôi ngã sập xuống chân ông ta và lên cơn co giật kinh khủng trong khi mẹ tôi nhìn những người có mặt với ánh mắt đặc thắng. Ông giám đốc đỡ tôi đứng dậy và sau khi yên tâm là tôi không bị đau gì, ông ta biến nhanh đến nỗi mãi đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi ông ta đã bỏ đi ra sao và qua cửa nào.

Mười sáu năm sau tôi mới lại lên sàn diễn, trước những khán giả hoàn toàn khác trong đó có tướng de Gaulle là nhân tố thú vị nhất. Chuyện này diễn ra ở giữa châu Phi xích đạo, tại Bangui, thuộc Oubangui-Chari, năm 1941. Tôi đã ở đó được một thời gian cùng hai phi hành đoàn trong phi đội, khi ấy chúng tôi nhận được thông báo là tướng de Gaulle sẽ đến thanh tra.

Chúng tôi quyết định đón chào người đứng đầu nước Pháp Tự do bằng một tiết mục kịch rồi bắt tay vào dàn dựng. Một vở tạp

kịch cực kỳ dí dỏm đã được sáng tác ngay nhằm mua vui cho vị khách nổi tiếng, theo như ý các tác giả. Lời thoại rất vui và nhẹ nhàng, đầy trí tuệ và thậm đượm tính hài hước vì vào năm 1941 nước Pháp đang chịu nhiều thất bại quân sự nặng nề nên trước lãnh đạo, chúng tôi quyết tâm thể hiện tinh thần bất khuất cùng ý chí hăng say.

Trước khi tướng de Gaulle đến, chúng tôi biểu diễn trước để duyệt lại vở kịch và buổi diễn đó đã thành công rất đáng khích lệ. Khán giả vỗ tay nhiệt liệt, và dù thỉnh thoảng một quả xoài rụng xuống rồi rơi lên đầu ai đó, tất cả vẫn diễn ra rất tốt đẹp.

Tướng de Gaulle đến vào sáng hôm sau rồi buổi tối, ông cùng các tướng lĩnh cao cấp và các chính khách khác đến xem biểu diễn.

Buổi diễn kịch hôm đó là một thất bại thảm hại - từ đó, tôi đã thề là không bao giờ diễn kịch hay hát hò gì trước mặt tướng de Gaulle nữa dù đất nước tôi có khó khăn, nguy kịch đến mấy. Nước Pháp có thể đòi hỏi ở tôi tất cả, nhưng không phải thứ ấy.

Tôi công nhận rằng đối với lớp trẻ chúng tôi, không có gì hạnh phúc hơn ý tưởng được diễn những vở tạp kịch hài hước trước con người luôn chống chọi một mình trong giông bão, có ý chí và lòng quả cảm khả dĩ chờ che được cho những trái tim yếu ớt ấy.

Nhưng tôi thật chẳng bao giờ ngờ được rằng chỉ một khán giả hoàn toàn đàng hoàng và điềm tĩnh lại có thể khiến cho cả diễn viên lẫn toàn bộ khán giả nghiêm trang đến thế.

Tướng de Gaulle, trong y phục màu trắng ngời rất ngay ngắn ở hàng đầu, chiếc mũ kê pi đặt trên đầu gối, hai tay khoanh lại.

Ông không hề động đậy, rung mình hay có phản ứng gì suốt buổi diễn.

Tôi chỉ nhớ là vào một lúc nào đấy, khi tôi giơ chân lên thật cao rồi bước một bước theo điệu nhảy cancan kiểu Pháp trong lúc một diễn viên khác kêu lên: “Ta là kẻ mọc sừng! Ta là kẻ mọc sừng!” theo kịch bản, thì hình như tôi có thoáng thấy bộ ria mép của người đứng đầu nước Pháp Tự do khẽ động đậy. Nhưng có thể là tôi nhầm cũng nên. Ông ngồi đó, lưng thật thẳng, tay khoanh lại và nhìn chúng tôi chăm chú lạ thường.

Mất ở trong phòng và nhìn ngắm Cain.

Nhưng hiện tượng lạ lùng nhất là thái độ của khoảng hai trăm khán giả. Mới hôm trước đó thôi, khán giả trong phòng ai ai cũng cười, vỗ tay ầm ầm và hết sức vui vẻ, thế mà lần này, từ phía khán giả không có tiếng cười nào vang lên.

Mặc dù thế, tướng de Gaulle ngồi hàng đầu nên khán giả không thể đọc được nét mặt ông. Với những ai khẳng định rằng tướng de Gaulle không biết tiếp xúc với đám đông và thể hiện tình cảm của mình, tôi đưa ra thí dụ này để họ suy ngẫm.

Ít lâu sau chiến tranh, Louis Jouvet dựng vở *Don Juan*. Tôi đến dự buổi diễn tập. Lúc tới cảnh tượng đá đến hẹn lòi kẻ phóng đảng xuống âm ti địa ngục, tự nhiên tôi có cảm giác đã xem cảnh này đâu đó rồi, có cảm giác là mình từng kinh qua điều ấy và thế là tôi nhớ Bangui, năm 1941, khi tướng de Gaulle chăm chăm nhìn tôi.

Hy vọng là ông đã tha lỗi cho tôi.

CHƯƠNG XVIII

VẬY LÀ THÀNH CÔNG SÂN KHẤU của tôi trong vở *Kon-rad Wallenrod* trôi qua rất chóng vánh và không giải quyết được bất cứ vấn đề vật chất nào mà mẹ tôi hàng ngày phải đối mặt. Chúng tôi không còn lấy một xu. Mẹ tôi chạy đôn chạy đáo khắp thành phố tìm việc kinh doanh buôn bán rồi trở về mệt nhoài. Nhưng tôi chưa bao giờ phải chịu đói, chịu rét và mẹ cũng không hề phàn nàn.

Một lần nữa, dầu sao thì cũng không nên nghĩ là tôi không làm gì giúp mẹ. Trái lại, tôi đã nỗ lực vượt bậc để cứu giúp bà. Tôi làm thơ và ngâm cho mẹ nghe: những bài thơ này sẽ mang lại cho chúng tôi sự vinh quang, sự giàu có và sự ngưỡng mộ của tất cả mọi người. Tôi dành năm, sáu tiếng mỗi ngày để trau chuốt những bài thơ của mình, vở tôi kín đặc những xtanxơ, alexandrin và xon nê*. Thậm chí tôi còn sáng tác một bi kịch năm hồi mang tiêu đề *Alcymène*, có đầy đủ cả đoạn đầu lẫn đoạn kết. Mỗi lần mẹ đi chợ về và ngồi lên ghế - những dấu ấn tuổi già đầu tiên đã bắt đầu xuất hiện trên gương mặt mẹ - tôi đọc cho mẹ nghe những câu thơ bất hủ khả dĩ đặt cả thế giới dưới chân mẹ. Mẹ luôn chăm chú nghe tôi ngâm thơ. Rồi mắt mẹ sáng dần lên, những dấu vết của sự mệt mỏi từ từ biến mất khỏi gương mặt mẹ, rồi với niềm tin tuyệt đối, mẹ thốt lên:

– Lord Byron! Pouchkine! Victor Hugo!

Tôi cũng tập môn vật Hy La với hy vọng một ngày nào đó sẽ đoạt giải vô địch thế giới, và rất nhanh, ở trường học, tôi trở nên

khá nổi tiếng với biệt danh “Gentleman Jim”. Tôi không phải là tay giỏi nhất, còn lâu mới là tay giỏi nhất, nhưng hơn ai hết tôi biết cách hành xử quý tộc, lịch thiệp và tỏ ra là một người có sức mạnh tiềm ẩn, có phẩm cách. Tôi có phong cách rất riêng. Gần như lúc nào tôi cũng bị hạ đo ván.

Ông Lucien Dieuleveut-Kaulek rất quan tâm đến những bài thơ tôi sáng tác. Vì tất nhiên là tôi không làm thơ bằng tiếng Nga hay bằng tiếng Ba Lan mà là bằng tiếng Pháp. Chúng tôi chỉ tạm dừng tại Vacsava thôi, còn đất nước của tôi vẫn đang chờ tôi, không có chuyện tôi lẩn tránh điều đó. Tôi rất ngưỡng mộ Pouchkine, nhà thơ viết bằng tiếng Nga và Mickiewicz, nhà thơ viết bằng tiếng Ba Lan nhưng tôi chưa bao giờ hiểu tại sao họ lại không viết các kiệt tác của mình bằng tiếng Pháp. Trong khi cả hai người đã từng được học hành bài bản và họ biết ngôn ngữ của chúng tôi. Với tôi, thật khó để giải thích sự thiếu tinh thần yêu nước này.

Tôi không bao giờ giấu giếm bạn bè người Ba Lan của mình là tôi chỉ tạm thời ở đó thôi và nếu có cơ hội chúng tôi sẽ về nước. Sự ngây thơ có phần bướng bỉnh này khiến cuộc sống của tôi ở trường không dễ dàng gì. Trong giờ ra chơi, khi tôi đang đi dạo ở hành lang với vẻ mặt quan trọng thì một nhóm học sinh vây lấy tôi. Họ nghiêm trang nhìn tôi rồi một người bước tới một bước, xưng hô với tôi ở ngôi thứ ba theo cách Ba Lan, hỏi tôi bằng giọng đầy kính cẩn:

- Hình như anh bạn đã hoãn việc sang Pháp thì phải?

Tôi vẫn tiếp tục đi.

- Cần gì phải đi giữa năm học, tôi giải thích. Phải đến đầu năm học kia.

Anh bạn phác một cử chỉ về đồng tình. Rồi nói:

- Hy vọng là anh bạn đã báo trước cho họ để họ không phải lo lắng?

Bọn chúng huých cùi chỏ nhau và tôi cảm thấy chúng đang chế giễu tôi, nhưng tôi coi thường những lời lăng nhục của chúng. Những lời lăng nhục đó không thể tác động đến tôi. Ước mơ của tôi còn quan trọng hơn lòng tự ái và cái trò mà chúng đang muốn tôi chơi nhằm biến tôi thành trò cười chỉ uống công vô ích, trái lại nó còn giúp tôi nuôi thêm hy vọng và ảo tưởng. Vậy nên tôi đương đầu với chúng và điềm tĩnh trả lời tất cả những câu hỏi mà chúng đặt ra cho tôi. Theo tôi thì việc học hành ở Pháp có khó hơn không? Khó hơn chứ, khó hơn ở đây rất nhiều. Ở đó người ta chơi thể thao rất nhiều và tôi định học chuyên về kiếm thuật và vật Hy La. Các trường trung học ở đó có bắt mặc đồng phục không? Có, bắt buộc phải mặc đồng phục. Những bộ đồng phục đó như thế nào? À! chúng màu xanh nhạt, cúc vàng và mũ kê pi màu xanh da trời, ngày Chủ nhật, học sinh mặc một chiếc quần đỏ và gắn thêm chiếc lông trắng vào mũ kê pi. Học sinh ở đó có đeo grom không? Chỉ đeo vào ngày Chủ nhật và vào năm cuối thôi. Ở đó học sinh có bắt đầu buổi học bằng việc hát bài *La Marseillaise* không? Có chứ, tất nhiên là sáng nào học sinh cũng hát *La Marseillaise*. Tôi có thể hát cho họ nghe *La Marseillaise* không? Chúa thứ lỗi cho tôi, tôi bước tới một bước, tay đặt lên ngực, giơ nắm đấm lên rồi hào hứng hát bài quốc ca của mình. Đúng là tôi theo ý họ nhưng tôi không dễ bị

lừa, tôi thấy rõ những gương mặt vui mừng đang cố giấu đi để phì cười nhưng lạ thay, tôi chẳng hề để tâm, giữa những kẻ cầm lao tôi vẫn hoàn toàn dửng dưng, tôi cảm thấy mình có cả một đất nước hùng mạnh hậu thuẫn nên không sợ những lời mỉa mai cay độc hay giễu cợt. Những trò này hẳn sẽ kéo dài rất lâu, nếu đám học sinh khiêu khích không đột nhiên đứng vào chỗ nhảy cảm nhất. Buổi hôm ấy đã tiếp tục như thường lệ khi năm hay sáu đứa gì đó lớn tuổi hơn tôi đến vây quanh tôi, về kính cẩn:

- Này, anh bạn vẫn ở đây à? Vậy mà bọn mình cứ tưởng anh bạn đã sang Pháp, nơi người ta đang nóng lòng chờ đợi anh bạn?

Tôi định giải thích như thường lệ thì thằng lớn tuổi nhất nhóm nói:

- Ở đó người ta không tiếp nhận những người đàn bà lẳng lơ.

Tôi không còn nhớ thằng ấy là ai, tôi cũng không biết hẳn lấy đâu ra thông tin lạ hoắc này. Tôi có cần phải nói là trong quá khứ của mẹ tôi chẳng có gì chứng thực cho lời vu khống đó không nhỉ? Có thể mẹ tôi chưa phải là “một nghệ sĩ sân khấu lớn” như mẹ thỉnh thoảng tự nhận, nhưng dù sao mẹ cũng từng đóng kịch ở một trong những nhà hát có tiếng của Matxcova, và tất cả những ai quen biết mẹ thời đó, tất cả những ai đã chứng kiến thời trẻ mẹ sống ra sao đều nói với tôi rằng mẹ là một người đỉnh đặc và sắc đẹp lạ thường của mẹ chưa bao giờ khiến hình ảnh của bà bị lu mờ hay con người bà bị lệch lạc.

Nhưng tôi ngạc nhiên đến mức thái độ ngạc nhiên của tôi có vẻ hèn nhát. Tim tôi bỗng nhiên bị chôn vùi trong hố sâu, nước mắt tôi giàn giụa và đó là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng, tôi quay lưng với kẻ thù của mình.

Tôi không bao giờ quay lưng với bất cứ cái gì và bất cứ ai, nhưng hôm đó, tôi đã làm như thế, có chồi cũng vô ích. Trong chốc lát, tôi đã trở nên bối rối.

Khi mẹ tôi về nhà, tôi chạy lại kể cho mẹ tất cả. Tôi chờ mẹ ôm tôi vào lòng và an ủi tôi như thường lệ. Nhưng những gì diễn ra lại khiến tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Đùng một cái, tất cả những dấu hiệu của thương yêu, âu yếm biến khỏi gương mặt mẹ. Mẹ không phủ lên tôi những cảm thương và triu mến mà tôi chờ đợi. Mẹ không nói gì, nhìn tôi rất lâu, gần như lạnh lùng. Rồi mẹ đứng tách ra, lại bàn lấy điều thuốc rồi châm lửa. Sau đó mẹ đi xuống căn bếp mà chúng tôi dùng chung với chủ nhà, rồi mẹ chuẩn bị bữa ăn tối cho tôi. Gương mặt mẹ lạnh lùng, khép kín, và thỉnh thoảng mẹ lại nhìn tôi với ánh mắt gần như thù nghịch. Tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tôi thấy mình thật đáng thương. Tôi cảm thấy bức tức, thấy mình bị phản bội, bị bỏ rơi. Mẹ chuẩn bị giường chiếu cho tôi mà vẫn không nói với tôi một lời. Đêm đó, mẹ không ngủ. Buổi sáng thức dậy, tôi thấy mẹ vẫn ngồi trên chiếc ghế bành cũ kỹ bằng da màu xanh lục, đối diện với cửa sổ, tay cầm một điều thuốc lá. Sàn nhà đầy mẩu thuốc lá: mẹ luôn vứt mẩu thuốc lá bừa bãi như thế. Mẹ nhìn tôi bằng ánh mắt vô cảm rồi lại quay về phía cửa sổ. Có lẽ giờ đây tôi đã biết mẹ nghĩ gì - ít nhất là tôi tưởng tượng được. Có lẽ mẹ tự hỏi liệu tôi có xứng đáng với công sức mẹ bỏ ra không, liệu tất cả những hy sinh, cố gắng, hy vọng của mẹ có ý nghĩa gì không - phải chăng tôi sẽ không tỏ ra là một người đàn

ông như bao người khác - phải chăng tôi sẽ không đối xử với mẹ như một người đàn ông khác đã đối xử với mẹ. Mẹ chân cho tôi ba quả trứng và pha cho tôi một cốc sô cô la. Mẹ nhìn tôi ăn. Lần đầu tiên, mắt mẹ lại ánh lên một chút trù mến, dịu dàng. Có lẽ mẹ tự nhủ là dù sao tôi cũng mới mười hai tuổi. Khi tôi sửa soạn sách vở để đi học thì mặt mẹ lại đanh lại:

- Con không đi học ở đó nữa. Kết thúc rồi.
- Nhưng...

Con sẽ đi học ở Pháp. Chỉ như vậy thôi... Con ngồi xuống.
Tôi ngồi xuống.

- Romain, con nghe này.

Tôi ngạc nhiên ngược mắt lên. Không còn là “Romantchik-Romouchka” nữa. Đó là lần đầu tiên mẹ không xưng hô thân mật với tôi. Tôi cảm thấy vô cùng lo lắng.

- Con nghe cho rõ. Nếu lần tới con bị như vậy, nếu người ta hạ nhục mẹ con trước mặt con, mẹ muốn người ta cáng con về nhà. Con hiểu chứ?

Tôi ngồi đó, miệng há hốc. Gương mặt mẹ hoàn toàn khép kín, đanh thép. Mắt mẹ không hề lộ ra chút gì gọi là thương hại. Tôi không thể tin được người đang nói chuyện với mình chính là mẹ mình. Chẳng lẽ tôi không phải là Romouchka của mẹ, là hoàng tử bé của mẹ, là báu vật của mẹ sao?

- Mẹ muốn người ta chở con về trong tình trạng máu me đầy mình, con nghe rõ chưa? Ngay cả khi con không còn cái xương nào nguyên vẹn, con nghe rõ chưa?

Mẹ lên giọng, cúi xuống tôi rồi hai mắt long lên, mẹ gần như gào thét:

- Nếu không thì không cần đi làm gì... Không cần đến đó làm gì.

Một cảm giác bất công cực độ xâm chiếm lấy tôi. Đôi môi tôi bắt đầu méo mó, mắt tôi ầng àng nước, miệng tôi ngoạc ra... Tôi không kịp làm thêm gì nữa. Một cái tát cực mạnh giáng vào mặt tôi, rồi một cái khác, rồi một cái khác nữa. Tôi sững sờ đến mức nước mắt bỗng nhiên biến mất một cách kỳ lạ. Đó là lần đầu tiên mẹ đánh tôi. Và như tất cả những gì mẹ làm, bà đã không đánh tôi nửa vơi. Tôi bất động, đờ người ra trước những cái tát của mẹ. Thậm chí tôi cũng không la không hét.

- Con hãy nhớ lấy những lời mẹ dặn. Kể từ bây giờ, con phải bảo vệ mẹ. Bọn chúng có đánh con hay không mẹ không quan tâm. Những gì còn lại còn đau hơn nhiều. Nếu cần con phải liều chết.

Tôi vẫn làm bộ không hiểu, làm bộ mình mới mười hai tuổi, làm bộ không thừa nhận, nhưng thực ra tôi rất hiểu. Tôi còn thấy rát ở má, mắt tôi còn nổ đom đóm, nhưng tôi hiểu. Mẹ tôi nhận ra điều đó và có vẻ bình tĩnh lại. Mẹ hít hà vẻ hài lòng rồi đi rót một ly trà. Mẹ uống trà, miệng ngậm một viên đường, ánh mắt mẹ đăm đăm

như đang tìm kiếm, trù liệu, tính toán. Rồi mẹ nhò viên đường ngậm dờ vào cái đĩa lót ly, cầm xà cọt rồi bỏ đi. Mẹ đến thẳng Lãnh sự quán Pháp và cương quyết làm các thủ tục để chúng tôi được công nhận là kiều dân nước này, trong lá đơn mà mẹ nhờ ông Lucien Dieuleveut-Kaulek thảo hộ, mẹ có nói “con trai tôi có ý định sinh sống, học tập và thành người nước này” - nhưng tôi tin chắc rằng cách nói đó vượt quá suy nghĩ của mẹ và bà không nhận thấy đầy đủ điều bà đang đòi hỏi ở tôi.

PHANT

CHƯƠNG XX

TÔI CÒN LƯU GIỮ, trong đầu tiên tiếp xúc với nước Pháp, kỷ niệm về một người làm nghề khuân vác ở ga Nice với chiếc áo bờ lu dài màu xanh, đầu đội mũ cát kết, mình quần đai da thuộc cùng nước da khỏe khoắn nhờ nắng, biển và rượu vang ngon.

Quần áo của phu khuân vác Pháp bây giờ vẫn gần như thế, và mỗi lần về miền Nam, tôi đều gặp lại người bạn tuổi thơ này.

Chúng tôi giao cho ông ấy chiếc rương trong đó chứa đựng tương lai của chúng tôi, tức là bộ dụng cụ nhà bếp cổ bằng bạc của Nga, nếu bán đi thì có thể bảo đảm cho chúng tôi sung túc trong vài năm, khoảng thời gian tôi cần để có thể xoay sở và đảm đương mọi việc. Chúng tôi thuê một phòng trọ ở phố Buffa, và sau khi hút vội điếu thuốc lá Pháp đầu tiên - một điếu Gauloise xanh - mẹ tôi mở rương lấy ra một vài phẩm vật trong bộ “gia tài” rồi bỏ vào chiếc vali nhỏ của mình, và về tự tin, mẹ đi khắp thành phố Nice để tìm người mua. Còn tôi thì nôn nóng không biết làm gì đành chạy ra làm bạn với biển khơi. Biển nhận ra tôi tức thì và đến liếm ngón chân tôi.

Khi tôi về nhà, mẹ đang chờ tôi. Mẹ ngồi trên giường và hút thuốc vẽ bực dọc. Gương mặt mẹ lộ vẻ vô cùng khó hiểu, một kiểu như cực kỳ ngạc nhiên. Mẹ đưa mắt gọi tôi, như thể mẹ chờ tôi giải thích một điều gì đó bí hiểm. Trong tất cả các cửa hàng đã đến cùng một số phẩm vật trong gia tài, mẹ chỉ nhận được sự đón tiếp hết sức lạnh nhạt. Họ đưa ra những cái giá không thể buồn cười hơn. Tất

nhiên mẹ đã nói cho họ biết mẹ nghĩ gì về họ. Tất cả cái đám chủ tiệm kim hoàn ấy là những tay kẻ cắp có môn bài định cướp không của mẹ những phẩm vật đó, vả lại không ai trong số họ là người Pháp cả. Họ đều là người Arménie, người Nga, thậm chí là người Đức. Ngày mai, mẹ sẽ đến các tiệm kim hoàn *Pháp*, do *người Pháp* xin quản chứ không phải những kẻ tị nạn đáng ngờ từ các nước Đông Âu đến, và lẽ ra trước tiên nước Pháp không nên để bọn họ sinh sống trên lãnh thổ của mình. Tôi không phải lo lắng làm gì, đâu sẽ vào đó, bộ dụng cụ nhà bếp hoàng gia trị giá cả gia tài, vả lại chúng tôi cũng đủ tiền để cầm cự thêm vài tuần nữa; trong lúc đó chúng tôi sẽ đi tìm người mua và tương lai của chúng tôi sẽ được bảo đảm trong vòng nhiều năm. Tôi không nói gì, nhưng mỗi lo sợ và sự khó hiểu lộ ra trong đôi mắt to và gần như bất động của mẹ đã thấm vào lòng tôi, khiến quan hệ giữa tôi và mẹ lại thiết thân hơn bao giờ hết. Tôi đã nhận ra rằng bộ dụng cụ nhà bếp đó sẽ không có người mua và rằng, mười lăm ngày nữa, chúng tôi sẽ lại không có lấy một xu ở nơi đất khách quê người. Đó đúng là lần đầu tiên tôi nghĩ đến nước Pháp như là ngoại quốc, điều này càng chứng tỏ chúng tôi một lần nữa đang ở quê nhà.

Trong vòng mười lăm ngày đầu tiên này, mẹ bảo vệ và gìn giữ bộ dụng cụ nhà bếp cổ bằng bạc của Nga trong một cuộc chiến đầy tính sử thi và mẹ đã thất thủ. Mẹ cố gắng dạy cho các tiệm kim hoàn ở Nice một bài học thực sự. Tôi thấy mẹ đứng trước một người Arménie tử tế ở đại lộ Victoire, người sau đó đã trở thành bạn của chúng tôi, bày tỏ niềm hưng phấn nghệ thuật thực thụ trước vẻ đẹp, sự quý hiếm và độ tinh xảo của lọ đường mà mẹ đang cầm trên tay và mẹ chỉ dừng lại để ngân nga bài hát tán tụng ấm đun nước, liễn xúp và lọ đựng mù tạc. Ông người Arménie nhướn mày,

khoe vàng trán rộng không vướng một sợi tóc nào và đầy những vết nhăn nếp lộ vẻ ngạc nhiên, ông sững sờ dõi theo chiếc kính lúp và lọ đựng muối đang chao lên liệng xuống trong không khí, rồi nói với mẹ là ông rất thích món hàng đó nhưng chỉ hơi phân vân về giá cả, ông thấy giá của chiếc lọ đựng muối này cao hơn mười hay mười hai lần giá một lọ đựng muối thông thường. Trước sự thiếu hiểu biết như vậy, mẹ tôi bỏ gia tài vào va li rồi rời tiệm mà không chào hỏi gì. Trong tiệm tiếp theo cũng không có gì khả quan, đó là tiệm của một cặp vợ chồng người Pháp tốt bụng, dòng dõi cao sang, đặt trước mặt ông già cái ấm đun nước nhỏ rất cân xứng cùng bài hùng biện theo phong cách Virgile, mẹ gọi lên hình ảnh một gia đình Pháp hạnh phúc ngồi quanh chiếc ấm đun nước gia đình, và ông Sérusier lịch thiệp, người sau này thường giao việc cho mẹ tôi, giao cho mẹ tôi bán một số đồ vật vừa lặt đầu vừa hờ hững đưa kính kẹp mũi quán băng lên mắt rồi trả lời:

– Thưa bà, ấm đun nước của Nga chưa bao giờ thích ứng với khí hậu của chúng ta - tôi rất tiếc phải nói với bà rằng hình như tôi đã thấy bộ ấm đun nước Nga cuối cùng hấp hối trong sâu thẳm cánh rừng nào đó của Pháp.

Được đón tiếp lịch sự như thế, mẹ tôi tỏ ra bối rối - lịch sự và tử tế thường khiến mẹ nguôi ngoai ngay lập tức - mẹ không nói gì, không nài nỉ nữa, mắt nhìn xuống rồi lặng lẽ lấy giấy gói từng phẩm vật cho vào va li - trừ cái ấm đun nước quá to nên tôi phải xách một cách cẩn thận và đi theo mẹ trước con mắt hiếu kỳ của những người qua đường.

Chúng tôi chỉ còn lại rất ít tiền và cứ nghĩ tới cảnh chúng tôi không còn xu nào nữa là tôi lo sợ phát ốm. Đêm đến, cả hai mẹ con đều giả vờ ngủ, nhưng tôi thấy chầm đở của điều thuốc chuyên

động rất lâu trong bóng đêm. Tôi dõi theo chầm đo đó, lòng cảm thấy thất vọng kinh khủng và thấy mình còn bất lực hơn một con bọ hung nằm ngửa. Mãi đến giờ, hể thấy bộ dụng cụ nhà bếp bằng bạc nào là tôi lại buồn nôn.

Ông Sérusier là người giải bí cho chúng tôi ngay sáng hôm sau. Là một thương gia khôn ngoan, ông đã nhận ra mẹ tôi có chút tài nào đó khi cần phải ca ngợi trước khách hàng vẻ đẹp và sự quý hiếm của những “đồ vật gia đình”, và ông nghĩ có thể sử dụng biệt tài này để đôi bên cùng có lợi. Tôi cũng nghĩ rằng chuyên gia sưu tầm khôn ngoan ấy đã rất ấn tượng khi thấy hai mẫu vật sống và khá quý hiếm mà ông có thể chiêm ngưỡng trong tiệm của mình bên cạnh các vật lạ khác. Vốn bản chất tử tế, ông quyết định ra tay giúp chúng tôi. Ông ứng tiền trước cho chúng tôi và ngay sau đó, mẹ tôi bắt đầu đi khắp các bãi biển ở vùng Côte, cho du khách tại khách sạn như Winter-Palace, Hermitage hay Négresco xem những “trang sức gia đình” mẹ mang theo mình khi nhập cư, đó là những món trang sức mà một đại công tước người Nga, một người bạn, đã buộc phải kín đáo nhượng lại vì “hoàn cảnh nào đó”.

Chúng tôi được cứu, được một người Pháp cứu - điều này còn đáng khích lệ hơn nữa khi nước Pháp có tới bốn mươi triệu dân, và do vậy, chúng tôi có quyền hy vọng mọi điều.

Các thương gia khác cũng giao đồ cho mẹ tôi bán, và dần dà, bằng cách buôn chải khắp thành phố, mẹ lo được nhu cầu của cả nhà.

Còn bộ dụng cụ nhà bếp bằng bạc nổi tiếng ấy, do phần nộ vì người ta trả giá quá bèo, mẹ tôi đã cất sâu trong rương, mẹ nói là hai mươi bốn bộ dao đĩa có hình con đại bàng hoàng gia một ngày

nào đó sẽ có ích cho tôi, khi tôi phải “đón tiếp” - hai tiếng này được mẹ tuyên bố hơi trang trọng, đầy bí ẩn.

Dần dà, mẹ tôi mở rộng quy mô hoạt động. Bà có những tủ kính hàng xa xỉ ở các khách sạn, bà làm môi giới mua bán nhà ở và đất đai, góp cổ phần trong hãng taxi, sở hữu hai mươi lăm phần trăm chiếc xe tải chuyên giao ngũ cốc cho những người nuôi gà trong vùng, thuê một căn hộ rộng hơn rồi cho thuê lại hai phòng, lo một phi vụ dệt kim - tóm lại là lo cho tôi không thiếu thứ gì. Kế hoạch của mẹ về tương lai của tôi đã được quyết định từ lâu rồi. Bằng tú tài, nhập quốc tịch, cử nhân luật, nghĩa vụ quân sự - với cương vị sĩ quan kỵ binh, dĩ nhiên rồi - trường Khoa học Chính trị và bước vào con đường “ngoại giao”. Khi nói ra hai từ này, mẹ hạ giọng một cách kính cẩn, một nụ cười dè dặt và thán phục xuất hiện trên gương mặt mẹ. Để đạt được mục đích đó - hồi ấy tôi mới học lớp chín - sau khi đã suy đi tính lại, chúng tôi phải có đủ tiền để sống trong thời gian tám đến chín năm, và mẹ tôi cảm thấy đủ khả năng cầm cự đến lúc đó. Mẹ hít hà khoái chí, nhìn tôi với vẻ khâm phục hơi sớm. Bí thư đại sứ quán, mẹ tôi cao giọng như để cảm nhận rõ hơn mấy từ tuyệt diệu này. Chỉ cần kiên nhẫn thêm một chút. Tôi đã mười bốn tuổi. Gần đến nơi rồi. Mẹ mặc chiếc áo choàng màu xám, xách va li rồi hồ hởi bước về phía tương lai tươi sáng đó, với cây gậy trong tay. Bây giờ mẹ phải chống gậy rồi.

Về phần mình, tôi thực tế hơn nhiều. Tôi không có ý định giậm chân tại chỗ trong vòng chín năm trời - ai mà biết trước chuyện gì sẽ xảy ra? Tôi muốn lập kỳ tích cho mẹ tôi, không chần chừ gì nữa, phải lập kỳ tích càng sớm càng tốt. Trước tiên, tôi cố gắng trở thành nhà vô địch thể giới môn bơi lội dành cho thanh thiếu niên - ngày nào tôi cũng luyện tập ở “Grande Bleue”, một bể bơi nay đã biến

mất - nhưng tôi chỉ đứng thứ mười một khi bơi qua Vịnh Anges - và, một lần nữa, tôi phải hạ mình theo đuổi nghiệp văn chương như những kẻ bất đắc chí khác. Trên bàn tôi chất đống toàn vở là vở, trong đó tôi ghi kín những bút danh càng ngày càng hùng hồn, càng ngày càng tuyệt diệu, càng ngày càng tuyệt vọng, và với ý muốn bắn trúng hồng tâm bằng một cú duy nhất, với ý muốn cướp được lửa thiêng không chậm trễ và long trọng rọi sáng toàn thế giới, tôi đọc những tên tuổi còn mới mẻ đối với mình trên những bìa sách, Antoine de Saint-Exupéry, André Malraux, Paul Valéry, Mallarmé, Montherlant, Apollinaire, và vì thấy những cái tên này rực rỡ hơn bất kỳ ánh sáng kỳ vọng nào, tôi cảm giác như bị phế truất, tôi nổi cáu lên vì mình không phải là người đầu tiên được trang hoàng những cái tên đó.

Tôi còn có những nỗ lực rụt rè khác để chiến thắng dưới biển, trên mặt đất và trong không trung, tôi tiếp tục tập bơi lội, tập chạy bộ, tập nhảy cao, nhưng chỉ duy môn bóng bàn mới là lĩnh vực tôi cố gắng nhất và mang vòng nguyệt quế về nhà. Đó là chiến thắng duy nhất tôi có thể tặng mẹ và tấm huy chương bằng bạc có khắc tên tôi được đặt trong hộp tư trang bằng lụa tím và giữ một vị trí danh dự trên bàn đầu giường mẹ tôi.

Tôi cũng thử tập tennis vì bố mẹ một người bạn tặng tôi một cây vợt. Nhưng để trở thành thành viên của Câu lạc bộ Công viên Hoàng gia thì tôi phải trả một khoản tiền vượt quá khả năng tài chính của gia đình tôi. Đây là giai đoạn cực kỳ khó khăn trong cuộc đời quán quân của tôi. Thấy tôi không có tiền để vào chơi ở Công viên Hoàng gia, mẹ tôi phẫn nộ một cách chính đáng. Bà dúi nát mẫu thuốc lá trong chiếc đĩa rồi với lấy gậy và áo choàng. Không thể để cơ sự như thế. Mẹ bảo tôi cầm vợt rồi dẫn bà tới Câu lạc bộ

Công viên Hoàng gia. Ở đó, viên thư ký Câu lạc bộ buộc phải đến tiếp chúng tôi, và khi nghe giọng nói của mẹ tôi, ông ta vãi đá cả ra quần, sau đó ông chủ tịch Câu lạc bộ có cái tên tuyệt vời là Garibaldi cũng tất tả chạy tới. Đứng ngay giữa phòng, mũ đội hơi lệch, hươ hươ chiếc gậy trong tay, mẹ tôi không tiếc lời nói mẹ nghĩ thế nào về họ. Sao chứ! Chỉ cần luyện tập thêm một chút thôi là tôi có thể trở thành nhà vô địch nước Pháp, có thể bảo vệ thành công màu cờ sắc áo của nước tôi trước đối thủ ngoại quốc, thế mà tôi lại bị cầm vào sân chỉ vì vấn đề tiền nong tầm thường và nhạt nhẽo! Tất cả những gì mẹ tôi nói với họ là họ không thiết tha gì đến quyền lợi của tổ quốc - mẹ cố tình cao giọng tuyên bố điều đó, với tư cách mẹ của một người Pháp - hồi ấy tôi chưa nhập quốc tịch nhưng dĩ nhiên đó chỉ là một tiểu tiết - mẹ đòi họ phải chấp nhận cho tôi vào sân Câu lạc bộ ngay. Tôi chỉ mới cầm vợt ba hay bốn lần gì đó và ý nghĩ rằng hai ông này có thể bỗng nhiên mời tôi ra sân thể hiện khả năng khiến tôi rùng mình. Nhưng hai người đàn ông lịch sự đó quá ngạc nhiên nên không hề để ý đến tài năng của tôi. Lúc đó hình như ông Garibaldi có ý định tai hại là xoa dịu mẹ tôi nhưng ý định đó trái lại đã dẫn đến tình huống mà bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn rối trí.

– Thưa bà, ông nói, xin bà làm ơn hạ giọng. Vua Thụy Điển Gustave đang ở sát ngay đây, tôi yêu cầu bà không được gây tai tiếng.

Câu nói này có tác động ngay lập tức đến mẹ tôi. Một nụ cười vừa ngây thơ vừa lộ vẻ vui thích, một nụ cười rất quen thuộc với tôi, bắt đầu xuất hiện trên môi mẹ rồi mẹ chạy ào về phía trước.

Một ông già đang dùng trà trên bãi cỏ dưới tán dù màu trắng, ông mặc chiếc quần dài bằng vải flanen trắng, chiếc áo vest màu

xanh đen, đầu đội hơi lệch chiếc mũ rơm đáy bằng. Quốc vương Thụy Điển Gustave V là khách quen của vùng Côte d'Azur và các sân quần vợt, chiếc mũ rơm đáy bằng của ngài thường xuất hiện trên trang nhất các tờ báo địa phương.

Mẹ tôi không lưỡng lự một giây nào. Bà kính cẩn cúi chào rồi vừa lấy gậy chỉ ông chủ tịch và viên thư ký Câu lạc bộ vừa kêu lên:

– Tôi đến xin Quốc vương bảo vệ công lý! Con trai tôi sắp tròn mười bốn tuổi và có năng khiếu quần vợt rất đặc biệt thế mà những người Pháp xấu tính này lại cấm nó đến luyện tập ở đây! Cả gia tài của chúng tôi đã bị bọn bọn sê vích tịch thu nên chúng tôi không có khả năng trả lệ phí! Chúng tôi đến xin Quốc vương giúp đỡ và bảo vệ.

Điều này được nói và làm theo truyền thống tốt đẹp nhất của những truyền thuyết Nga quen thuộc, từ Ivan Hung Bạo đến Pierre Đại Đế. Sau đó, mẹ bước về phía đám đông cử tọa xung quanh rồi đắc thắng nhìn họ. Nếu tôi có thể biến mất tăm trong không khí hay tiêu tan vào lòng đất mãi mãi thì khoảnh khắc nhận thức cuối cùng của tôi hẳn phải là khoảnh khắc cảm thấy niềm an ủi sâu sắc. Nhưng tôi đâu thoát thân được dễ dàng như vậy. Tôi phải ở lại đó, trước ánh mắt châm chọc của những quý bà xinh đẹp và các quý ông lịch thiệp.

Thời ấy, Quốc vương Gustave V nhiều tuổi lắm rồi, thêm vào đó là sự điềm tĩnh đặc trưng Thụy Điển nên ngài không hề tỏ ra ngạc nhiên. Ngài lấy điều xì gà khỏi miệng, nghiêm trang nhìn mẹ tôi rồi liếc mắt nhìn tôi một cái và quay sang huấn luyện viên của mình:

– Anh hãy chơi với cậu ta vài quả, ông nói giọng ồ ồ. Ta thử xem cậu ta chơi thế nào.

Giương mặt mẹ tôi sáng bừng. Việc tôi mới chỉ cầm vợt tennis ba hay bốn lần không hề khiến mẹ bận tâm. Mẹ rất tin tưởng ở tôi. Mẹ biết tôi là ai. Những tiểu tiết đời thường, những khó khăn vụn vặt thường nhật không còn quan trọng nữa. Tôi lưỡng lự một giây rồi, dưới ánh mắt đầy tin tưởng và tràn ngập tình thương đó, tôi nuốt sự xấu hổ cùng nỗi sợ hãi và cúi đầu vào sân.

Mọi việc diễn ra nhanh thôi - nhưng hình như đến bây giờ thi thoảng tôi vẫn cảm giác mình đang ở đó. Tất nhiên là tôi đã cố gắng hết mình. Tôi nhảy, lao mình xuống, nảy mình lên, xoay vòng, chạy, ngã, lại bật lên, bay, như con rối trật khớp nhảy nhót, nhưng đúng là thỉnh thoảng tôi cũng đánh sượt qua được một quả bóng, mà chỉ có cái cán gỗ của vợt sượt qua thôi - tất cả diễn ra dưới con mắt điềm tĩnh của ông vua Thụy Điển, ông lạnh lùng quan sát tôi, đầu vẫn đội chiếc mũ rơm đáy bằng nổi tiếng. Có lẽ người ta sẽ tự hỏi vì sao tôi lại chấp nhận dẫn thân đến lò mổ như thế, vì sao tôi lại phiêu lưu trên sân tập như thế. Nhưng tôi đã không quên bài học Vacsava cũng như cái tát mà tôi đã nhận, tôi cũng không quên câu nói của mẹ: “Lần tới, mẹ muốn người ta cáng con về nhà, con hiểu chứ?” Tôi không thể trốn tránh được. Cũng sẽ là nói dối nếu tôi không thú nhận rằng, dù đã mười bốn tuổi, tôi vẫn còn phần nào tin vào điều kỳ diệu. Tôi tin vào cây đuă thần và khi liêu mình trên sân, tôi không hề nghĩ là sức mạnh công bằng và độ lượng nào đó lại không đến trợ giúp chúng tôi, bàn tay quyền lực vô hình nào đó lại không đưa đường chỉ lối cho cái vợt của tôi, tôi cũng không nghĩ là bóng lại không tuân theo mệnh lệnh kỳ diệu của bàn tay quyền lực đó. Thực tế không diễn tiến như thế. Tôi buộc phải công nhận rằng việc điều kỳ diệu không xuất hiện đã để lại trong tôi một dấu ấn sâu đậm đến mức thỉnh thoảng tôi tự hỏi liệu chuyện *Chú*

Mèo Di Hia có phải là bịa đặt hay không, liệu có đúng là có những chú chuột đêm đến đem cúc áo cho ông thợ may của Gloucester hay không. Tóm lại, ở tuổi bốn mươi tư, tôi bắt đầu tự đặt cho mình một số câu hỏi. Nhưng tôi đã trải nghiệm được nhiều và không nên quá chú ý đến những khiếm khuyết nhất thời của mình.

Khi anh huấn luyện viên cuối cùng cũng rủ lòng thương hại tôi và tôi được trở lại bãi cỏ, mẹ đón tiếp tôi như thể tôi không làm bà thất vọng. Mẹ giúp tôi mặc áo len chui đầu, lấy khăn mùi soa lau mặt lau cổ cho tôi. Sau đó, mẹ quay sang những người có mặt ở đó và - làm sao có thể giải thích được cái cách mẹ tôi nhìn chăm chăm tất cả mọi người, vừa im lặng, vừa chú ý đến căng thẳng và tập trung như đang rình rập? Những kẻ cười cợt có vẻ hơi bối rối, các quý bà xinh đẹp thì cụp mắt xuống rồi tiếp tục say sưa hút nước chanh. Phải chăng họ nhớ đến câu sáo ngữ mơ hồ nào đó về một con cái bảo vệ con của mình. Dù thế, mẹ tôi không lòng lên. Vua Thụy Điển đã giúp chúng tôi hết bối rối. Ông già đưa tay chạm vào cái mũ rom rồi nói rất lịch sự và tử tế - thế mà người ta bảo ông không phải là người dễ dãi:

– Tôi nghĩ rằng các ông đây sẽ đồng ý với tôi: chúng ta vừa chứng kiến một cảnh khá xúc động... Ông Garibaldi ạ, - tôi còn nhớ từ “ông” vang lên từ môi quốc vương với giọng ồ ồ đặc biệt - tôi sẽ trả phí cho cậu này: cậu ấy rất dũng cảm và có tinh thần bất khuất.

Từ đó tôi luôn yêu đất nước Thụy Điển.

Nhưng tôi không bao giờ đặt chân đến Công viên Hoàng gia nữa.

CHƯƠNG XX

TẤT CẢ NHỮNG ĐIỀU KHÔNG MAY đó khiến tôi ngày càng giam mình nhiều hơn trong phòng và bắt tay vào viết văn thực sự. Bị thực tế tấn công trên mọi mặt trận, bị dồn nén tứ bề, ở đâu cũng đụng phải những hạn chế của mình, tôi bắt đầu có thói quen trốn trong thế giới tưởng tượng và, qua những nhân vật mình tạo ra, tôi sống một cuộc đời đầy ý nghĩa, công bằng và cảm thông. Theo bản năng, không chịu ảnh hưởng văn học nào cụ thể, tôi phát hiện ra tính hài hước như là phương cách khôn ngoan và rất khả quan để tháo kíp quả bom thực tế đúng lúc nó ập xuống đầu. Đối với tôi, trong suốt chặng đường của mình, tính hài hước là một người bạn thân thiết; nhờ nó mà tôi có được những khoảnh khắc chiến thắng nghịch cảnh thực sự. Chưa ai có thể tước mất của tôi thứ vũ khí này, tôi càng sẵn sàng hơn nữa trong việc dùng nó để chống lại chính mình qua ngôi “tôi”, qua “cái tôi”, nghĩa là qua thân phận sâu kín của chúng ta. Hài hước là cách tuyên bố phẩm cách, là cách khẳng định tính vượt trội của con người trước tất cả những gì xảy ra. Một số “bạn bè” của tôi, những kẻ hoàn toàn thiếu óc hài hước, cảm thấy rất buồn khi thấy tôi lấy thứ vũ khí lợi hại này chống lại chính tôi trong những câu văn hay trong lời ăn tiếng nói; những kẻ lỗi đời ấy nói về bạo dân, về sự hằn thù chính mình, thậm chí về thói phô bày tâm sự hay cách hành xử thô lỗ khi tôi gán những người thân của mình với những trò chơi giải phóng này. Tôi thấy ái ngại thay cho họ. Thực tế là “tôi” không hề tồn tại, “cái tôi” không bao giờ là đích bị nhắm đến mà nó chỉ được vượt qua khi tôi lấy vũ

khí thích nhất của mình chống lại nó; ở đây tôi chạm trán với thân phận con người, qua những biểu hiện nhất thời của nó, chúng ta bị ép vào một hoàn cảnh từ bên ngoài, chúng ta phải tuân theo một quy luật do những thế lực đen tối đề ra, chẳng hạn như quy luật Nuremberg nào đó. Trong quan hệ giữa người với người, đối với tôi, sự hiểu nhầm này là cội nguồn muôn thuở của nỗi cô đơn, bởi lẽ không có gì cô lập các bạn bằng việc chia bàn tay bác ái của hải hước cho những người còn cụt hơn cả chim cánh cụt về khoản này.

Vậy là tôi bắt đầu quan tâm đến những vấn đề xã hội và ước mơ một thế giới trong đó đàn bà con gái không còn phải một mình địu con trên lưng nữa. Nhưng tôi đã biết rõ rằng công bằng xã hội chỉ là bước đầu, chỉ là tiếng bập bẹ trẻ thơ, và điều mà tôi đòi hỏi đồng loại là họ phải làm chủ số phận mình. Tôi bắt đầu quan niệm con người giống như một mưu đồ cách mạng chống lại bản chất sinh học, tinh thần và trí tuệ của chính mình. Bởi càng nhìn gương mặt ngày một già đi và mệt mỏi của mẹ tôi, cảm giác về sự bất công và ý chí vực cả thế giới dậy và vinh danh cho nó càng lớn lên trong tôi. Tôi thường viết rất khuya.

Một lần nữa, tình hình tài chính của chúng tôi lại trở nên trầm trọng. Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929 giờ đã tác động đến vùng Côte d'Azur, và chúng tôi lại phải trải qua những ngày tháng khó khăn, vất vả.

Mẹ tôi biến một trong những gian phòng trong căn hộ của chúng tôi thành chuồng thú, chứa chấp nào là chó, nào là mèo, nào là chim chóc, bà còn xem bói, cho khách thuê trọ, quản lý khu nhà ở, tham gia vài vụ môi giới đất đai. Tôi cố gắng hết mình giúp mẹ, tức là cố gắng viết nên một kiệt tác bất hủ. Thỉnh thoảng tôi đọc cho mẹ nghe đoạn nào đó đặc biệt tâm đắc, còn mẹ thì bao giờ cũng tỏ

ra hết lòng thán phục như tôi mong đợi; mặc dù thế, một hôm, tôi còn nhớ là sau khi nghe tôi đọc thơ xong, mẹ ngập ngừng nói:

- Mẹ nghĩ là con sẽ không mấy thực tế trong cuộc sống. Mẹ không hề biết tại sao lại như vậy.

Quả thực, ở trường trung học, điểm các môn khoa học tự nhiên của tôi tệ hại cho tận đến khi thi tú tài. Khi thi vấn đáp môn hóa, phần đầu trong chương trình tú tài, thầy Passac yêu cầu tôi nói về thạch cao, nguyên văn tất cả những gì tôi có thể nói cho vị giám khảo này là:

- Thạch cao được dùng để xây tường.

Vị giám khảo kiên nhẫn chờ đợi. Chờ mãi không nghe tôi nói thêm gì, ông đành hỏi:

- Có thể thôi à?

Tôi nhìn ông ta vẻ kênh kiệu rồi quay về phía những người có mặt ở đó và nhờ họ làm chứng. Sao lại có thể thôi? Như thế là quá nhiều rồi ạ! Thưa thầy, nếu không có tường thì chín mươi chín phần trăm nền văn minh của chúng ta sẽ đổ sụp xuống đất!

Việc kinh doanh buôn bán ngày càng ế ẩm, và một buổi tối, sau khi đã khóc rất nhiều, mẹ tôi ngồi vào bàn rồi viết một lá thư dài cho ai đó. Ngày hôm sau, mẹ bảo tôi đến chỗ ông thợ ảnh, mặc chiếc áo vest màu lơ, mắt ngược lên, chụp ba phần tư người. Bức ảnh được đính kèm theo thư, rồi sau khi lưỡng lự nhiều ngày liền

và cất thư trong một ngăn kéo khóa kín, cuối cùng mẹ cũng mang đi gửi.

Sau đó, suốt buổi tối mẹ cúi xuống rương đọc lại một tập thư được buộc bằng một dải ruy băng xanh.

Hồi ấy mẹ khoảng năm mươi hai tuổi. Những lá thư đó đã cũ kỹ và rách nát. Tôi tìm lại được chúng trong hầm rượu vào năm 1947, và thường xuyên đọc đi đọc lại.

Tám ngày sau, chúng tôi nhận được một ngân phiếu năm trăm quan. Tờ ngân phiếu đó có tác động kỳ lạ tới mẹ: *bà nhìn tôi vẻ rất biết ơn*. Như thể bỗng nhiên tôi làm được điều gì đó lớn lao cho mẹ. Mẹ xấp lại gần tôi, ôm lấy mặt tôi, nhìn từng nét mặt tôi với vẻ chăm chú lạ thường rồi những giọt nước mắt bắt đầu long lanh trong mắt mẹ. Một cảm giác ngượng nghịu kỳ lạ xâm chiếm lấy tôi: bỗng nhiên tôi cảm thấy mình trở thành con người khác.

Trong suốt mười tám tháng trời, không đều đặn lắm nhưng chúng tôi tiếp tục nhận được những tờ ngân phiếu. Tôi được mua một chiếc xe đạp đua hiệu Thommann, màu da cam. Đó là giai đoạn yên ổn và sung túc của chúng tôi. Mỗi ngày tôi được hai quan tiền tiêu vặt, và nhờ thế, thỉnh thoảng đi học về tôi ghé vào chợ hoa mua một bó hoa thơm giá năm mươi xu tặng mẹ. Buổi tối, tôi dẫn mẹ đi nghe ban nhạc di gan Royal: chúng tôi đứng trên vỉa hè, tránh xa hàng hiên chỗ người ta bắt mua đồ uống. Mẹ rất thích những ban nhạc di gan; cùng với các sĩ quan cảnh vệ, cái chết của Pouchkine trong cuộc độ súng, rượu sâm banh uống trong những chiếc giày, các ban nhạc di gan đối với mẹ là cái gì đó đòi bại một cách lãng mạn nhất trần đời. Mẹ luôn cảnh báo tôi về những cô gái di gan, theo lời mẹ nói, những cô gái này là một trong những mối đe dọa lớn nhất đè nặng lên cuộc đời tôi, khả dĩ làm cho tôi lụn bại

về thể lực, tinh thần và vật chất, nếu tôi không cẩn thận thì sớm muộn gì cũng mắc bệnh lao phổi. Tôi cảm thấy nhột người một cách dễ chịu trước những viễn cảnh ấy, dù thực tế chúng không xảy ra. Cô gái di gan duy nhất mà tôi quan tâm hồi trẻ, nguyên nhân là do những miêu tả đầy cảm động của mẹ vài năm trước đó, chỉ dừng lại ở việc chôn của tôi ví tiền, cái khăn cùng chiếc đồng hồ đeo tay, và không để tôi kịp quay người chứ chưa nói đến chuyện mắc bệnh lao phổi.

Tôi luôn ước mơ được lặn bại cả về tinh thần, thể lực và vật chất vì một người phụ nữ: hẳn sẽ tuyệt lắm nếu làm được cái gì đó cho cuộc đời người phụ nữ này. Tất nhiên tôi còn có thể mắc bệnh lao, nhưng ở tuổi tôi, tôi không còn tin mọi chuyện có thể diễn ra theo cách ấy nữa. Đó là một trong những hạn chế của tự nhiên, và lại, có cái gì đó mách bảo tôi rằng những cô gái di gan và thậm chí các sĩ quan cảnh vệ không còn được như xưa nữa.

Sau buổi biểu diễn, tôi đưa tay cho mẹ rồi cả hai mẹ con cùng đến ngồi bên đại lộ Promenade des Anglais. Phải trả tiền ghế ngồi nhưng giờ đây, chúng tôi đã có thể tự ban cho mình điều xa xỉ ấy.

Chọn đúng chỗ ngồi là chúng tôi có thể tùy thế đổi hướng để được xem hòa nhạc ở Lido hay ở Casino mà chẳng mất xu nào. Mẹ tôi thường giấu kín dưới đáy túi xách bánh mì đen và dưa chuột muối là những món khoái khẩu của chúng tôi. Cho nên thời đó, vào khoảng chín giờ tối, quan sát những người đi dạo trên đại lộ Promenade des Anglais, người ta có thể thấy một quý bà lịch lãm, tóc bạc trắng và một thiếu niên mặc vest màu xanh kín đáo ngồi quay lưng lại lan can đang thưởng thức món dưa chuột muối kiểu Nga cùng bánh mì đen đặt lên một tờ báo được để trên đầu gối. Ngon tuyệt.

Chưa hết. Mariette đã khơi dậy trong tôi một cơn đói mà không có loại dưa chuột muối nào trên đời, thậm chí là loại mặn nhất, có thể xoa dịu. Mariette đã xa chúng tôi cách đây hai năm, nhưng nỗi nhớ cô ấy vẫn tiếp tục tuôn chảy trong từng mạch máu của tôi và khiến tôi hằng đêm không ngủ. Đến bây giờ, tôi vẫn còn thấy biết ơn sâu sắc cô gái Pháp tốt bụng đó đã mở cho tôi cánh cửa dẫn đến một thế giới tốt đẹp hơn. Ba mươi năm đã trôi qua nhưng tôi có thể nói thật còn thật hơn cả rượu Bour-bon rằng, kể từ đó, tôi không học hỏi được gì thêm mà cũng không quên bất cứ điều gì. Mong cho tuổi già cô ấy được an bình và hạnh phúc, mong cho cô ấy biết rằng thực sự cô ấy đã làm tốt nhất với những gì Chúa trời ban phát. Tôi cảm thấy nếu tiếp tục chủ đề này thì tôi sẽ mù lòng mắt, nên tôi dừng ở đây.

Nhưng có những lúc Mariette không ở đây để chia tay cho tôi, để cứu giúp tôi. Máu tôi phẫn nộ trong từng tĩnh mạch, nó hằng say đập dồn mãnh liệt đến nỗi ba cây số tôi bơi mỗi sáng cũng không thể xoa dịu nổi. Ngồi bên mẹ trên đại lộ Promenade des Anglais, tôi rình chờ tất cả những người bán bánh mì tuyệt vời đang đi lại trước mặt rồi thở dài náo ruột, và rồi tôi vẫn ngồi đó, bối rối, với trái dưa chuột trên tay.

Nhưng nền văn minh cổ nhất thế giới, với niềm cảm thông sốt sắng đối với bản chất con người và nguy cơ sai lầm của nó, với tinh thần thỏa hiệp và khả năng dàn xếp của nó, đã đến cứu giúp tôi. Miền Địa Trung Hải sống với mặt trời đã quá lâu nên không thể cư xử với nó như kẻ thù được, thế là nó cúi bộ mặt muôn trùng độ lượng xuống tôi.

Trường trung học Nice không phải là cơ sở giáo dục duy nhất nằm ở giữa quảng trường Masséna và bãi Paillon. Ít ra thì tôi và các

bạn cùng lớp cũng được đón tiếp một cách mộc mạc và thân thiện ở phố Saint-Michel, khi hạm đội Mỹ không đỗ lại Villefranche vào những ngày xấu, những ngày mà không khí chán nản bao trùm lớp học, bảng đen trở thành lá cờ sào muôn thực sự.

Nhưng với vài ba quan tiền tiêu vặt mỗi ngày thì thật khó có thể *lai vãng* tới đó, như người ta vẫn thường nói ở vùng miền Nam.

Vậy là ở nhà tôi, những điều kỳ lạ bắt đầu diễn ra. Một tấm thảm biến mất, rồi một tấm khác, rồi một hôm, trở về từ sông bạc thành phố, nơi người ta diễn vở *Bà Butterfly*, mẹ tôi hết sức kinh ngạc khi thấy bức tranh nhỏ bà mua của một người buôn đồ cũ để bán lại kiếm lời nay đã không cánh mà bay trong khi cửa chính và cửa sổ đều đóng cả. Một sự ngạc nhiên vô bờ bến hằn trên gương mặt mẹ. Bà xem xét thật kỹ căn hộ để kiểm tra có mất gì nữa không. Đúng là có mất thật: cái máy ảnh của tôi, cái vợt tennis của tôi, cái đồng hồ của tôi, cái áo khoác của tôi, bộ sưu tập tem của tôi, những tác phẩm của Balzac mà tôi vừa được thưởng sau khi đoạt giải nhất môn tiếng Pháp, tất cả cùng chung số phận. Tôi thậm chí còn bán được cái ấm đun nước cổ cho một người buôn đồ cổ thành Nice, với cái giá có thể là bèo nhưng dầu sao cũng tạm thời giúp tôi tránh khỏi cảnh túng quẫn. Mẹ suy nghĩ một lúc rồi ngồi xuống ghế nhìn tôi. Bà nhìn tôi rất lâu, nhìn chăm chú, rồi tôi rất ngạc nhiên khi thấy vẻ đặc trưng gần như nghiêm trang và đầy hãnh diện dần dần lan tỏa trên gương mặt mẹ chứ tình hình không bi đát như tôi chờ đợi. Mẹ hít hà sảng khoái rồi nhìn tôi một lần nữa vẻ biết ơn, cảm phục và xúc động: cuối cùng tôi cũng trở thành một người đàn ông. Mẹ đã không uổng công chiến đấu.

Tối hôm đó, mẹ viết một lá thư dài bằng nét chữ to cứng cáp, vẫn với vẻ đặc trưng và mãn nguyện ấy, như thể mẹ vội thông báo

cho người ta biết tôi đã là một đứa con ngoan. Ít lâu sau, tôi nhận được một ngân phiếu năm mươi quan và suốt năm đó còn tiếp tục nhận nhiều ngân phiếu khác. Tôi tạm thời được giải nguy. Mặt khác, mẹ bảo tôi đến nhà một bác sĩ già ở phố France và sau khi vòng vo một hồi lâu, ông bác sĩ này giải thích cho tôi rằng cuộc sống của một người đàn ông trẻ thường lắm chông gai, chúng ta rất dễ bị tổn thương, những mũi tên tẩm độc vẫn thường rít bên tai chúng ta và chính người Gaulois tổ tiên của chúng ta cũng không bao giờ xung trận nếu không có khiên bên mình. Sau đó, ông đưa cho tôi một gói nhỏ. Tôi lịch sự lắng nghe như người ta thường làm với một người già. Nhưng chuyến thăm *Viện bảo tàng vi trùng* ở Wilno trước kia đã thực sự giúp tôi sáng tỏ nhiều điều trong chuyện này và từ bấy đến nay, tôi vẫn quyết tâm giữ cho cái mũi của mình được nguyên vẹn. Tôi những muốn nói với ông rằng ông đánh giá quá thấp sự đáng kính và chu đáo của những con người trung hậu mà chúng tôi đang giao du. Phần lớn trong số họ là những người mẹ tận tụy, và không bao giờ, mãi không bao giờ chúng tôi được phép liêu minh trên những con đường biển cả mà không học trước các quy tắc cần trọng cần thiết dành cho người đi biển biết tôn trọng những điều cơ bản.

Địa Trung Hải mến thương ơi! Sự hiền triết Latin của Người, vốn vẫn dịu dàng với cuộc sống, đã từng ôn hòa và thân thiện với ta biết bao, đôi mắt già nua của Người đã nhìn lên bờ trán thiếu niên của ta bằng cái nhìn độ lượng biết bao! Ta sẽ luôn trở lại bên Người, bên bờ biển với những con thuyền chở ánh dương tà trong lưới của chúng. Trên bờ biển đầy đá cuội, ta đã từng rất đổi hạnh phúc.

CHƯƠNG XXI

CUỘC SỐNG CỦA CHÚNG TÔI XUÔI CHÈO MÁT MÁI. Tôi còn nhớ vào một tháng Tám nào đó, mẹ tôi đi núi nghỉ ba ngày. Tôi đưa mẹ ra xe, tay cầm một bó hoa. Cuộc chia ly đau xé ruột gan. Đó là lần đầu tiên mẹ con chúng tôi xa nhau. Mẹ khóc, linh cảm về những cuộc chia ly trong tương lai của chúng tôi. Ông tài xế, sau khi quan sát cảnh chia tay, rút cuộc đã hỏi tôi, bằng giọng Nice rất thích hợp với trạng thái xúc động:

- Có lâu *không*?
- Ba ngày ạ, tôi trả lời.

Ông ấy tỏ vẻ rất xúc động rồi nhìn mẹ con chúng tôi về quý mến. Rồi ông nói:

- Thế thì có thể nói hai *mẻ coong* là những người sống *rất từng* cảm.

Từ kỳ nghỉ trở về, mẹ có rất nhiều dự định và tràn trề nghị lực. Mẹ lại tiếp tục buôn bán ở Nice và lần này đi rao bán các đồ “Trang sức gia đình” cho những người nước ngoài đáng kính cùng một đại Công tước người Nga thực thụ. Vị đại công tước này chỉ mới tập tành trong nghề nên mẹ mất rất nhiều thời gian động viên tinh thần ông. Thời ấy ở Nice có khoảng gần mười nghìn gia đình người Nga, bao gồm tướng lĩnh, người Cô đắc, người *ataman* gốc

Ucraina, sĩ quan thuộc đội ngự lâm, vương công, bá tước, nam tước vùng Baltic, nói chung là đủ hạng người - họ đã tái tạo thành công một bầu không khí kiểu Dostoïevski bên bờ Địa Trung Hải. Vào thời chiến, họ phân chia thành hai phe, một phe ủng hộ người Đức và làm việc cho Đức Quốc xã, một phe tích cực tham gia Kháng chiến. Phe thân Đức bị thanh toán sau Giải phóng còn phe kia thì bị đồng hóa hoàn toàn rồi mãi mãi biến vào trong khối thân tình của xe Renault bốn mã lực, của các kỳ nghỉ được trả lương, của cà phê kem và của các lá phiếu trắng trong kỳ bầu cử.

Mẹ tôi đối xử với Đại Công tước và chòm râu cằm bạc trắng của ông với thái độ hạ cổ mĩa mai, nhưng trong lòng mẹ thực sự khoái việc cộng tác này, không bao giờ quên khoác cho ông cái danh hiệu “Công tử Điện hạ” bằng tiếng Nga và đưa va li cho ông xách. Đứng trước các khách hàng tiềm năng, “Công tử Điện hạ” thường rất ngượng nghịu và khổ sở, ông im lặng vẻ như có lỗi trong khi mẹ tôi miêu tả với khách hàng rất lâu quan hệ chính xác của ông với Nga hoàng, số cung điện ông có ở Nga, quan hệ mật thiết của ông với Hoàng gia Anh, đến nỗi khách luôn có cảm giác đó là một món hời, cảm giác được bóc lột một con người không còn khả năng tự vệ và gần như lúc nào họ cũng mua hàng. Với mẹ tôi, đó là một nhân tố tuyệt vời nên bà quan tâm rất chu đáo. Ông bị bệnh tim thế là cứ mỗi lần trước khi đi bán hàng mẹ tôi lại nhỏ hai mươi giọt thuốc của ông vào một cốc nước. Người ta có thể thấy hai người bàn tính tương lai bên thềm tiệm cà phê Buffa, mẹ tôi thì nói lên những suy nghĩ của mình về vai trò Đại sứ nước Pháp của tôi, còn Công tử Điện hạ thì nói ông thích kiểu sống như thế nào sau khi chế độ cộng sản sụp đổ và Romanoff trở lại ngai vàng nước Nga.

– Tôi muốn sống yên ổn trên mảnh đất của mình, tránh xa Triều đình và các hoạt động chính trị, Đại Công tước nói.

– Con trai tôi định làm nghề ngoại giao, mẹ tôi vừa uống trà vừa nói.

Tôi không biết ngài Điện hạ giờ ra sao. Đúng là có một Đại Công tước người Nga được chôn cất ở nghĩa trang Roquebrune-village, không xa nhà tôi mấy, nhưng tôi không rõ có phải là ông ấy không; dù sao thì tôi cũng nghĩ rằng, nếu không có chòm râu bạc trắng thì chắc tôi sẽ không thể nhận ra ông ấy được.

Chính vào thời kỳ ấy mẹ tôi có một vụ làm ăn lớn, đó là bán khu nhà ở bảy tầng tại đại lộ Carlonne cũ, nay là đại lộ Grosso. Đã nhiều tháng nay, bà chạy khắp thành phố không biết mệt mỏi để tìm người mua, bà biết rằng đó là một bước ngoặt quan trọng, rằng nếu bán được, năm học thứ nhất của tôi tại trường Đại học Aix-en-Provence sẽ được bảo đảm. Người mua nhà xuất hiện rất tình cờ. Một hôm có chiếc xe Rolls-Royce đậu trước nhà tôi, tài xế mở cửa, một người thấp béo xuống xe, theo sau là một phụ nữ trẻ đẹp cao gấp đôi nhưng tuổi đời thì chỉ bằng một nửa. Chị này là khách cũ tại tiệm may của mẹ tôi ở Wilno và người đi cùng là ông chồng chị mới tậu được, một người rất giàu và đang ngày càng giàu hơn. Chúng tôi thấy họ như từ trên trời rơi xuống. Không những ông Jedwabnikas nhỏ bé mua nhà mà như bao người khác, do vô cùng ấn tượng trước đầu óc kinh doanh và nghị lực của mẹ tôi, ông còn giao cho bà quản lý chính khu nhà ấy, chấp nhận biến một phần khu nhà thành một khách sạn-nhà nghỉ ngay hôm đó. Thế là Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts - “Mer” là biển và “Monts” là núi - được sơn lại mặt tiền và gia cố móng rồi mở cửa đón “khách quốc tế trong bầu không khí yên tĩnh, tiện nghi và sang trọng” - tôi trích nguyên

văn tờ rơi đầu tiên: tôi là tác giả mà. Mẹ tôi hồi ấy chưa biết gì về nhà hàng khách sạn nhưng ngay lập tức, bà đã tỏ ra bất kịp được hoàn cảnh mới. Từ đó, trong đời mình tôi đã ở nhiều khách sạn trên toàn thế giới, và nhờ kinh nghiệm này soi sáng, tôi có thể nói rằng với điều kiện vật chất rất hạn chế, mẹ tôi đã làm được một việc phi thường. Ba mươi sáu phòng, hai tầng căn hộ và một nhà hàng - cùng hai người hầu gái, một anh giúp việc, một quản lý và một người rửa bát, công việc làm ăn rất chạy ngay từ đầu. Còn tôi, tôi là nhân viên thừa hành nhiệm vụ lễ tân, hướng dẫn viên xe ca, ông chủ khách sạn, và nói chung là có trách nhiệm mang lại cho khách cảm giác dễ chịu. Hồi ấy tôi đã mười sáu tuổi nhưng đó là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với mọi người với tần suất dày đặc như vậy. Khách của chúng tôi đến từ khắp nơi trên thế giới, đa phần là người Anh. Thường thì họ đi theo nhóm, do các hãng du lịch gửi đến và phải tuân theo số đông, nên chỉ cần quan tâm chút ít là họ rất biết ơn. Đó là thời kỳ đầu của ngành “du lịch quy mô nhỏ” từ trước chiến tranh ít lâu đã trở thành quy luật chung. Trừ một số trường hợp đặc biệt, họ đều là những khách hàng rất hiền, dễ bảo, không mấy tự tin và dễ chiều lòng. Đa phần trong số họ là phụ nữ.

Mẹ tôi thường dậy lúc sáu giờ sáng, hút ba bốn điếu thuốc gì đó, uống một tách trà, thay quần áo rồi chống gậy đi chợ Buffa, nơi mẹ ngự trị thực sự. Chợ Buffa nhỏ hơn chợ phố cổ, là nơi các khách sạn hạng sang đến mua đồ dự trữ và là nơi phục vụ chủ yếu các quán trọ trong khu vực đại lộ Gambetta. Đó là nơi của những sắc giọng khác nhau, của những mùi vị và màu sắc, nơi những lời nguyên rủa quý tộc cất cao trên những lát cá, những miếng sườn, những rá tỏi tây hay mắt cá chết, giữa đám ấy, nhờ một điều kỳ diệu nào đó của miền Địa Trung Hải, những bó hoa cẩm chướng và

trình nữ to tướng luôn buống binh tìm cách nhô lên. Mẹ tôi sờ sầm một lát cá, do dự trước một quả dưa, khinh bỉ ném lại một miếng thịt bò với tiếng “bép” mềm nhũn mang âm hưởng nhục nhã, chỉ gậy về phía những bó rau xà lách mà người bán rau vội bảo vệ bằng câu nói tuyệt vọng “Tôi bảo bà đừng có đụng vào hàng của tôi! “, ngửi miếng pho mát bri, nhúng tay vào kem camembert rồi ném thử - khi đưa lên ngửi miếng pho mát, miếng thịt thăn hay một miếng cá, mẹ tôi có nghệ thuật *gây hồi hộp* khiến những người bán hàng luôn tái xanh mặt vì bức tức - và khi mẹ dứt khoát không mua hàng rồi ngẩng cao đầu bỏ đi, họ kêu ca, chửi rủa, thóa mạ, tạo nên xung quanh chúng tôi bản đồng ca cổ xưa nhất của vùng Địa Trung Hải. Chúng tôi như đang ở giữa tòa án phương Đông nơi mẹ vẫy vương trượng một cái rồi châm chước chất lượng đáng nghi cùng cái giá cao ngất ngưỡng của đùi cừu, xà lách và đậu Hà lan, nhờ vậy mà biến một thứ hàng hóa tầm thường thành “ẩm thực Pháp cao cấp” như đã ghi trong tờ rơi nói trên. Nhiều tháng trời, sáng nào mẹ cũng dừng chân trước hàng lão Renucci để sờ mó rất lâu mấy miếng giảm bông, không phải để mua mà chỉ để khiêu khích lão sau vụ cãi cọ không mấy ai biết đó, để giải quyết ân oán cá nhân gì đó, chủ yếu là để nhắc cho lão nhớ là lão đã mất một khách hàng hạng sang như thế nào. Ngay khi thấy mẹ tôi tiến về quán của mình, lão hàng thịt đã cao giọng như một cái chuông báo động, lão hét rướn người lên rồi lại cúi xuống, bụng đè vào quầy hàng, gờ nắm đấm dứ dứ, ra vẻ lấy thân mình bảo vệ hàng, buộc mẹ tôi phải đi qua và trong lúc người đàn bà bất nhẫn đưa miếng giảm bông lên ngửi một cách không thương xót, nhãn mặt vẻ không tin rồi nhãn mặt vẻ ghê sợ, bằng một điệu bộ nào đó ra ý có một mùi kinh khủng vừa xộc vào mũi bà, Renucci chấp tay ngược mắt lên trời cầu xin Đức Mẹ giúp

mình kiềm chế, ngăn mình khỏi việc giết người, rớt cuộc mẹ tôi khinh khỉnh bỏ miếng giấm bông xuống, tiếp tục đi làm mưa làm gió nơi khác trong tiếng cười, trong tiếng “Santa Madonna!” và tiếng chửi rủa.

Tôi tin lúc ấy mẹ đã sống những khoảnh khắc đẹp nhất đời mình.

Mỗi lần trở lại Nice, tôi đều đến chợ Buffa. Tôi đi lang thang rất lâu giữa đám tỏi tây, măng tây, dưa tây, thịt bò, hoa quả và cá. Những âm thanh, những giọng nói, những cử chỉ, những mùi vị và hương thơm không hề thay đổi, chỉ thiếu tí xíu thôi, gần như là không gì cả, để cho ảo tưởng trở nên trọn vẹn. Tôi ở đó nhiều giờ liền, cà rốt và rau diếp xoắn làm cho tôi những gì chúng có thể làm.

Lúc nào về đến nhà tay mẹ tôi cũng ôm đầy hoa và các loại quả. Bà hoàn toàn tin tưởng vào tác động tích cực của hoa quả đối với cơ thể nên chú ý cho tôi ăn ít nhất một ký mỗi ngày. Từ đó, tôi bị viêm ruột kết mãn tính. Tiếp đến, bà xuống bếp quyết định thực đơn, tiếp những người giao hàng, giám sát việc phục vụ ăn sáng ở các tầng, lắng nghe khách hàng, cử người chuẩn bị bữa ăn ngoài trời cho các khách đi chơi, kiểm tra hàm rượu, tính toán, theo dõi chi tiết công việc kinh doanh.

Một hôm, sau khi leo trên cái cầu thang đáng nguyên rửa dẫn từ nhà hàng tới nhà bếp khoảng hai mươi lần, bỗng nhiên mẹ tôi ngồi thụp xuống ghế, mặt và môi trở nên xám ngắt; bà hơi nghiêng đầu, nhắm mắt rồi lấy tay ôm ngực; cả người bà bắt đầu run lên. May mà bác sĩ chẩn đoán nhanh và chính xác: bà bị hôn mê do hạ đường huyết bởi đã tiêm insulin quá liều.

Nhờ vậy mà tôi biết được điều bà giấu tôi từ hai năm nay: bà bị bệnh tiểu đường nên sáng nào cũng thế, trước khi bắt đầu ngày mới bà luôn phải tiêm insulin.

Một nỗi sợ đê hèn xâm chiếm lấy tôi. Tôi không bao giờ quên gương mặt xám ngắt, cái đầu hơi nghiêng, đôi mắt nhắm nghiền và bàn tay đau đớn ôm ngực của mẹ. Ý nghĩ mẹ có thể qua đời trước khi tôi thực hiện những gì mẹ luôn mong chờ, ý nghĩ mẹ sẽ từ giã cõi trần trước khi biết đến *công lý*, biết đến cái việc bắn lên trời hệ thống cân đo mang tính người này, đối với tôi giống như lời thách thức lương tri, thách thức thuần phong mỹ tục, luật lệ, giống như kiểu thái độ của một tên lưu manh siêu hình, giống như cái gì đó cho phép bạn gọi cảnh sát, viện dẫn luân lý, quyền lực và uy thế.

Tôi cảm thấy mình phải khẩn trương lên, phải nhanh chóng viết kiệt tác văn học bất hủ. Kiệt tác đó, khi biến tôi thành Tolstoi trẻ nhất mọi thời đại, sẽ cho phép tôi bù đắp ngay những khó khăn vất vả của mẹ, tôn vinh ngay cuộc đời mẹ.

Tôi ráo riết bắt tay vào việc.

Được mẹ đồng ý, tôi tạm thời nghỉ học ở trường cấp ba, và một lần nữa giam mình trong phòng, lao vào chiến đấu. Tôi đặt trước mặt ba nghìn tờ giấy trắng, tức là tương đương với *Chiến tranh và Hòa bình*, còn mẹ thì tặng tôi một chiếc áo dài mặc trong nhà rất rộng, may đo theo mẫu chiếc áo đã làm Balzac nổi tiếng. Mỗi ngày năm lần, mẹ hé mở cửa phòng, đặt lên bàn một đĩa thức ăn rồi nhón chân đi ra. Hồi ấy tôi lấy bút danh là François Mermont. Tuy vậy, vì tác phẩm của tôi thường bị các nhà xuất bản trả lại, chúng tôi cho là bút danh quá dở nên quyền sau tôi viết với bút danh Lucien Brûlard. Bút danh này cũng không làm giám đốc các nhà xuất bản

thỏa mãn. Tôi vẫn nhớ một trong những con người tuyệt vời đó, hồi ấy còn tung hoành ở Tân San Pháp, vào lúc tôi đang chết đói tại Paris, đã trả lại bản thảo của tôi với câu sau: “Hãy tìm một người tình rồi mười năm nữa quay trở lại.” Quả thế, mười năm sau, vào năm 1945, khi tôi quay trở lại, thật không may là ông ta không còn đó nữa: ông ta đã bị bắn chết.

Đối với tôi, thế giới đã được thu nhỏ lại cho đến khi trở thành một tờ giấy, tôi lao đầu vào đó với tất cả cảm hứng trữ tình sâu đậm của tuổi thiếu niên. Dù vậy, bất chấp những ngây thơ ấy, đó vẫn là thời kỳ tôi ngộ ra tính nghiêm trọng của thách thức này và bản chất sâu xa của nó. Tôi bị giày vò bởi nhu cầu đem lại công lý cho tất cả mọi người, dù họ có những biểu hiện đáng khinh hay ác độc, cuối cùng thì nhu cầu đó cũng lần đầu tiên ném tôi trước tác phẩm tương lai, và nếu đúng là khát vọng ấy tìm thấy trong tình cảm của một cậu trai như tôi cội nguồn đớn đau của nó thì cả con người tôi dần dần bị siết chặt trong sự kéo dài của nó, cho đến khi với tôi, việc sáng tác văn chương, vào những thời khắc chân thực trọng đại của nó, trở thành thứ như nó vẫn luôn là, tức là một sự vờ vĩnh để cố gắng thoát khỏi điều không thể chịu đựng nổi, một cách trả lại linh hồn để tiếp tục sống.

Lần đầu tiên, khi thấy gương mặt xám ngắt và đôi mắt nhắm nghiền nghiêng hẳn về một bên ấy, khi thấy bàn tay ôm lấy ngực ấy, bỗng nhiên tôi tự hỏi cuộc đời có phải là sự cám dỗ vẻ vang không. Câu trả lời cho câu hỏi đó đến ngay tức thì, có thể vì bản năng sinh tồn buộc tôi phải trả lời, bằng cách sốt sắng viết câu chuyện có tiêu đề *Sự thật về vụ Prométhée*. Đối với tôi, cho đến bây giờ, đó vẫn còn là sự thật về vụ Prométhée.

Bởi không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta đã bị lừa về chuyến phiêu lưu thực sự của Prométhée. Hay nói chính xác hơn, chúng ta bị giấu phần kết của câu chuyện. Đúng là vì ăn cắp lửa của các vị thần mà Prométhée bị xích vào một hốc đá và một con chim kền kền bay đến ngón gan của chàng. Nhưng một thời gian sau, khi các vị thần liếc nhìn xuống đất để xem chuyện gì đang xảy ra thì họ thấy không những Prométhée đã tháo xích mà chàng còn vô lấy con chim kền kền rồi ngấu nghiến gan của nó để lấy lại sức và bay lên trời.

Dù sao bây giờ tôi cũng bị đau gan. Chính vì thế mà tôi đang vô con chim kền kền thứ mười nghìn của mình. Hơn nữa, dạ dày của tôi không còn được như xưa nữa.

Nhưng tôi cố gắng hết mình. Vào ngày lời châm chọc cuối cùng đuổi tôi ra khỏi hốc đá, tôi sẽ mời các nhà thiên văn đến quan sát một dấu hiệu mới đang xuất hiện trên Hoàng đới: hình ảnh một con chó hình người đang ngoạm cả hàm răng vào con chim kền kền thần thánh nào đó.

Đại lộ Dante kéo dài từ Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts đến chợ Buffa trải ra trước cửa sổ phòng tôi. Từ bàn làm việc của mình, tôi thấy bóng mẹ từ xa trở về. Vào một buổi sáng, tôi không thể cưỡng nổi mong muốn được hỏi ý kiến mẹ về tất cả điều đó, hỏi xem mẹ nghĩ gì. Mẹ thường vào phòng tôi mà không rõ lý do, chỉ để im lặng ngồi hút huốc bên cạnh tôi. Hôm đó tôi đang ôn thi tú tài, đang học đến sự điên rồ mơ hồ nào đó về cấu trúc của vũ trụ.

- Mẹ, tôi nói với mẹ. Mẹ nghe này.

Mẹ lắng nghe.

- Ba năm cử nhân, hai năm nghĩa vụ quân sự...
- Con sẽ là sĩ quan, mẹ ngắt lời.
- Được rồi ạ, nhưng như vậy mất đến năm năm. Mẹ thì lại đang bị bệnh.

Mẹ tìm cách trấn an tôi ngay lập tức.

- Con sẽ có thời gian để học hành xong. Con sẽ không thiếu gì đâu, yên tâm đi...
- Trời đất ạ, không phải thế... Con sợ không làm được... không thực hiện kịp...

Dù sao những gì tôi nói cũng khiến mẹ phải suy nghĩ. Mẹ suy nghĩ rất lâu, rất điềm tĩnh, hai tay đặt lên đầu gối:

- Còn có sự công bằng.

Rồi mẹ đi lo việc nhà hàng.

Mẹ tin vào một cấu trúc vũ trụ logic hơn, tối thượng hơn, chặt chẽ hơn tất cả những gì người ta có thể học trong sách vật lý của tôi về lĩnh vực đó.

Hôm ấy, mẹ mặc váy xám, quàng khăn tím, cổ đeo vòng ngọc và vắt trên vai áo choàng xám. Mẹ đã tăng thêm vài cân. Bác sĩ bảo mẹ còn có thể cầm cự nhiều năm nữa. Tôi lấy tay ôm mặt.

Giá như chỉ cần mẹ thấy tôi mặc quân phục sĩ quan Pháp thì ngay cả khi tôi không bao giờ trở thành đại sứ Pháp hay đoạt giải Nobel văn chương, một trong những ước mơ đẹp nhất của mẹ cũng đã được thực hiện. Mùa thu năm đó, tôi bắt đầu theo học ngành

luật, và nếu có thêm một chút may mắn thì... Ba năm nữa, tôi sẽ đường hoàng bước vào Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts, trong bộ quân phục thiếu úy không quân. Hai mẹ con tôi đã chọn không quân từ lâu rồi: chuyến bay vượt Đại Tây Dương của Lind-bergh khiến mẹ vô cùng xúc động và còn nữa, tôi hối hận vì đã không nghĩ đến điều đó trước tiên. Tôi sẽ đưa mẹ đi chợ Buffa trong bộ quân phục xanh vàng với hình cánh máy bay khắp nơi làm cho cà rốt, tỏi tây và những Pantaleoni, Renucci, Buppi, Cesari và Fassoli phải khâm phục, tôi vòng tay ôm lấy mẹ đi dưới ánh hoàn môn của xúc xích Ý và hành tây, tìm kiếm sự thán phục tận trong con mắt tròn của đám cá hét.

Sự tôn thờ ngây thơ của mẹ đối với nước Pháp luôn khiến tôi không khỏi ngạc nhiên. Khi có người bán hàng bức tức nào đó chửi mẹ là “mụ nước ngoài bản thủ”, mẹ vừa mỉm cười vừa giơ gậy lấy cả chợ Buffa làm chứng rồi tuyên bố:

- Con trai tôi là sĩ quan dự bị, và nó nói ông là “đồ cứt đá”!

Mẹ không phân biệt giữa “là” và “sẽ là”. Lon thiếu úy bỗng nhiên trở nên quan trọng và có ý nghĩa rất lớn đối với tôi, và tất cả những ước mơ của tôi tạm thời gói gọn trong giấc mơ khiêm tốn hơn nhiều, đó là điểu hành trong bộ quân phục thiếu úy không quân ở chợ Buffa, tay ôm lấy mẹ.

CHƯƠNG XXIII

ÔNG ZAREMBA LÀ MỘT NGƯỜI BA LAN có dáng vẻ lịch thiệp tao nhã, hay sâu muộn, ít nói, ánh mắt như chất vấn người ta với vẻ khế trách móc muốn hỏi: “Sao lại làm thế với tôi?” Một ngày đẹp trời ông bước xuống trước khách sạn từ một chiếc taxi, bộ ria màu vàng lốm đốm bạc để theo kiểu cổ điển, trên người mặc bộ đồ trắng thuộc địa, đầu đội chiếc mũ panama màu kem, tay xách nhiều va li đầy những nhãn mà tôi ngắm nghía rất lâu: Calcutta, Malacca, Singapour, Surabaya... Đó là những gì mình chứng có thể nói là chân thực và không thể bác bỏ cho sự hiện hữu của những đất nước hư ảo mà đến lúc đó tôi chỉ có thể nhận được bằng chứng về sự tồn tại của chúng qua các tiểu thuyết của Somerset Maugham và De Vere Stackpoole. Ông Zaremba thuê phòng ở “vài ngày” và ở lại đó một năm.

Trong bộ dạng hơi mệt mỏi, trong cung cách của một người thuộc giới thượng lưu đích thực, không gì có thể cho phép ta đoán được hình ảnh của một cậu bé mặc quần đùi ẩn chứa bên trong ông, được chôn vùi dưới cát bụi thời gian; thường có những vẻ bề ngoài trưởng thành giống như những cách ăn mặc khác, và về khoản này, tuổi tác là người thợ may khéo léo nhất. Nhưng tôi vừa mới tròn mười bảy tuổi và chưa biết gì về bản thân mình; cho nên tôi không hề nghi ngờ rằng có những lúc con người sống trên đời, giữ nhiều vị trí quan trọng rồi chết đi mà không bao giờ thoát khỏi hình ảnh đứa trẻ thơ đang núp trong bóng tối, khao khát được quan tâm, đợi chờ cho tới nếp nhăn cuối cùng một bàn tay dịu dàng đến xoa đầu

và một giọng nói đến thì thầm: “Đúng thế, con yêu, đúng thế. Mẹ mãi thương con hơn bất cứ người nào khác.”

Thoạt tiên ông Zaremba tạo được ấn tượng rất tốt với bà giám đốc khách sạn-nhà nghỉ Mermonts, bà nghĩ ông là một người hào hoa phong nhã. Nhưng khi ông cúi xuống sổ ghi của khách sạn và viết nghề nghiệp của mình lên đó, liếc thấy hai chữ *họa sĩ*, mẹ tôi vội yêu cầu ông nộp tiền trước cho cả tuần. Còn về vẽ tao nhã, về các điệu bộ chuẩn mực và tất cả những gì mà thời xưa người ta gọi là “đúng lệ” của vị khách mới, tôi cảm giác chúng như đi ngược với quan điểm tôi vẫn luôn nghe được từ nhỏ, theo đó, họa sĩ thường hay rượu chè và dễ suy sút cả tinh thần lẫn thể chất. Chỉ còn một cách giải thích nữa, mẹ tôi đề xuất cách giải thích này trước khi hạ cổ liếc nhìn những bức tranh của ông họa sĩ: chắc ông ta là một người hoàn toàn bất tài.

Kết luận này càng được xác nhận trong mắt mẹ tôi khi đúng là thành công vật chất của ông Zaremba đã cho phép ông ta sở hữu một ngôi nhà ở Florida và một nhà nghỉ mát ở Thụy Sĩ. Mẹ tôi bắt đầu thể hiện với vị khách trọ thái độ thương hại pha lẫn mỉa mai. Có lẽ mẹ sợ rằng tấm gương một họa sĩ sung túc sẽ ảnh hưởng xấu tới tôi; lạy Chúa, điều đó không những có thể khiến tôi quay lưng lại với sự nghiệp ngoại giao đang mở rộng vòng tay chờ đợi mà còn có thể khuyến khích tôi một lần nữa cầm bút vẽ.

Đó không phải là một mối lo âu thiếu căn cứ. Con quỷ bí hiểm vẫn luôn ám lấy tôi: có thể không bao giờ nó buông tha tôi. Tôi thường cảm thấy một nỗi nhớ mông lung, một nhu cầu gần như sinh lý về các hình dạng và màu sắc. Ba thập kỷ sau, khi mà cuối cùng tôi cũng quyết định thả lỏng cho “thiên hướng” của mình, kết quả thật kinh khủng. Tôi thường lao mình vào những bức vẽ như

lao vào một điệu vũ cuồng nhiệt, đổ trực tiếp lên “bức tranh” những hộp màu bột nhất mà tôi có được; vì bút không mang lại cho tôi cảm giác tiếp xúc trực tiếp nên tôi vẽ bằng tay. Tôi cũng vẽ tranh “theo đà”. Đâu đâu cũng có sơn màu. Không ai có thể vào gian phòng nơi tôi đang làm mưa làm gió mà không bị dính màu vào quần áo hay mặt mũi: tường, đồ đạc và trần nhà thu nhận hết những mảnh vỡ tài năng của tôi. Bởi nếu như cảm hứng của tôi là có thật, thì kết quả lại tệ hại kinh khủng. Tôi chả có tài cán gì về vẽ vời cả. Cứ vẽ một nét là nghệ thuật tối cao này lại khinh khỉnh trả tôi về với những cuốn tiểu thuyết thiết thân của mình. Từ đó, tôi bắt đầu hiểu những người bị mắc chứng ám ảnh viết: với kinh nghiệm xương máu của mình, tôi hiểu rằng thiên hướng hay cảm hứng sâu sắc không cường nổi có thể đi kèm với sự thiếu hụt năng khiếu hoàn toàn. Chưa bao giờ tôi lại có cảm hứng sáng tác ngây ngất như thế, dù vậy, cũng chưa bao giờ thất bại hiển nhiên của nghệ thuật lại phủ phàng hơn thế. Suốt một thời gian, tôi đã tiếp tục bóc cạy hàng trăm hộp màu như thể bóc cạy chính mình. Nhưng tôi chỉ có thể đạt đến sự trống rỗng trên vải vẽ. Trong hai năm trời, tôi chỉ vẽ xong một “bức tranh”. Tôi treo nó lên tường bên cạnh những bức khác, và khi nhà phê bình Grinberg nổi tiếng người Mỹ đến thăm tôi, ông dừng lại rất lâu trước tác phẩm của tôi với vẻ quan tâm đặc biệt. “Còn bức này là của ai thế?” Tôi nhanh trí trả lời: “À, đó là bức họa của một họa sĩ trẻ mà tôi đã phát hiện ra ở Milan.” Về mặt ông trở nên khâm phục hơn. “Này, ông ạ, nếu đó là một đồng cứt thì đó là một đồng cứt thực sự. *For a piece of shit, it's a real piece of shit!*” Tôi đã đoán trước rồi mà, nhưng tôi tiếp tục tin vào điều kỳ diệu. Mà điều kỳ diệu thì khi nào cũng có thể xảy đến. Bất cứ lúc nào, ông trời cũng có thể sấm sét cho tôi thành kẻ có tài. Dần dà, tôi bắt

mãn đến nỗi suýt bị bệnh thần kinh: có lẽ tôi là người duy nhất trên đời bị bác sĩ cấm vẽ tranh. Trên các “bức tranh” của tôi, có những lớp màu dày đến độ tôi phải mất nhiều công sức để bỏ chúng vào thùng rác. Một bà láng giềng đến cứu một trong những “tác phẩm” của tôi khỏi sọt rác rồi đưa về nhà. “Ai mà biết được”, bà phân bua.

Mặc dù vậy, nếu như tôi là vị khách hay lai vãng xưởng vẽ mà ông Zaremba thuê ở đại lộ Tsarevitch thì việc ấy chẳng có gì liên quan đến thị hiếu nghệ thuật của tôi cả. Vả lại, ông họa sĩ này chuyên vẽ những gương mặt thiên thần trẻ thơ mà tôi không hề quan tâm đến ý. Tôi quan tâm đến ông vì một lý do khác. Quả vậy, tôi đã nhận ra nhân vật hơi bị suy nhược thần kinh này bắt đầu tìm cách lấy lòng mẹ tôi với sự kiên trì thăm lặng nhưng chắc chắn. Nếu chắc tay, khéo léo nắm được tình hình, tôi có thể tận dụng được nhiều cơ hội và có thể làm cho cuộc sống của chúng tôi thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp nhất. Vốn là người thích phiêu lưu mạo hiểm, liêu lĩnh như tất cả những ai mà thói ưa hành động và ưa lập kỳ tích không tìm được chỗ bầu vịu, ý nghĩ có thể “gả chồng” cho mẹ và nhờ đó có thể tránh được cho mẹ những mối lo âu về vật chất khiến trong tôi nảy sinh thêm một hy vọng nữa: hy vọng có thể lao vào một cuộc sống phiêu lưu mà không phải tự trách cứ đã để người từng hy sinh tất cả vì mình vào cảnh không nơi nương tựa.

Ông Zaremba chưa bao giờ lấy vợ. Lúc còn bé ông sống một mình và đến tuổi trưởng thành ông vẫn ở vậy. Bố mẹ ông mất sớm, bị bệnh lao phổi mang đi một cách đáng thương. Họ được chôn cất ở nghĩa trang Menton, nơi ông thường đến đặt hoa lên mộ họ. Ông đã được một ông bác độc thân nuôi dưỡng mà không thực sự quan tâm, yêu thương trong một cơ ngơi giàu có ở miền Đông Ba Lan.

Ông không lần lữa mà tìm cách tiếp cận hết sức tế nhị.

– Cháu còn rất trẻ, cháu Romain thân mến.

Ông gọi tôi theo kiểu Ba Lan, *panie Romanie*, cháu Romain.

– Cháu còn rất trẻ. Đời cháu còn dài. Cháu sẽ tìm được một người phụ nữ tận tâm với cháu. Bác muốn nói là một người phụ nữ khác kia vì lúc nào bác cũng thấy mẹ cháu vô cùng chăm lo âu yếm cháu. Bác không có may mắn đó. Bác thú nhận là bác muốn gặp một người mà bác có thể yêu và người đó phần nào có quan tâm đến bác. Bác nói là: phần nào. Bác không phải người đòi hỏi. Bác bằng lòng với vị trí thứ yếu trong tình thương của một người phụ nữ.

Tôi nín cười khi nghĩ rằng ai khác chứ không phải tôi có thể có vị trí thứ nhất trong tình thương của mẹ tôi. Nhưng không được làm cho ông ấy hoảng sợ.

- Cháu thấy bác có lý khi lo cho tương lai của mình, tôi cần trọng nói. Mặt khác, cháu thấy là như thế bác sẽ phải gánh một số trách nhiệm. Tài chính chẳng hạn. Cháu không biết liệu một họa sĩ có khả năng chu cấp cho nhu cầu của một gia đình hay không.
- Về vật chất thì bác rất thoải mái, bác bảo đảm với cháu như vậy.

Ông vuốt râu.

- Và lại bác muốn chia sẻ thành công của mình với ai đó. Bác không phải là một kẻ ích kỷ.

Lần này tôi cảm thấy xúc động thực sự. Tôi ước mơ được học lái máy bay. Về mặt tiền nong điều đó nằm ngoài tầm với của tôi: tôi phải có ít nhất năm nghìn quan. Tôi có thể yêu cầu ông ứng trước cho chúng tôi, để chứng tỏ ông nghiêm túc. Ý nghĩ về một chiếc xe hơi nhỏ mà người cầm lái là tôi cũng thoáng qua đầu tôi với vận tốc trăm kilômét một giờ. Tôi cũng để ý thấy ông họa sĩ có một chiếc áo choàng bằng lụa tơ tằm Damas ánh vàng tuyệt đẹp.

Tôi cười thâm trong bụng. Hải hước với tôi đã là cái gì đó phải theo tôi suốt cuộc đời: một sự trợ giúp cần thiết, sự trợ giúp chắc chắn nhất. Sau này, mãi sau này, dù riêng tư hay công khai, trên truyền hình hay trong “thế giới thượng lưu”, những người nghiêm túc nhất vẫn luôn luôn hỏi tôi: “Ông Romain Gary này, sao ông cứ viết những câu chuyện chống lại chính ông thế?” Nhưng đâu chỉ riêng tôi. Đó là cái *tôi* của tất cả chúng ta. Đó là vương quốc nhỏ bé của cái Tôi chúng ta, rất buồn cười, cùng hoàng cung và thành quách của nó. Một ngày nào đó, có thể tôi sẽ trả lời kỹ hơn*.

Ý nghĩ có bố dượng là ông Zaremba khiến tôi rất nôn nao xao động. Có những lúc tình thương yêu vô bờ bến mà tôi là đối tượng vượt quá khả năng chịu đựng của tôi. Tôi luôn thấy mình hiện hữu trong một ánh mắt đam mê và say đắm, như một người độc nhất vô song có đủ mọi tố chất và hứa hẹn con đường hoạn lộ tươi sáng, điều này chỉ làm tăng thêm trạng thái bất mãn và ý thức vốn đã sáng suốt cũng như đau đớn rất nhiều của tôi về vực thẳm ngăn cách viễn tượng lớn lao đó và thực tế tẻ nhạt. Không phải tôi nghĩ đến việc trốn tránh những trách nhiệm mà sự tận tâm tận tụy cùng những hy sinh mình được hưởng buộc tôi phải gánh vác. Tôi quyết tâm thực hiện những gì mẹ mong chờ ở tôi, và tôi quá yêu mẹ nên không sao hiểu được những ước mơ của mẹ ngây thơ và thái quá

tới mức nào. Tôi càng khó kể đến sự ám ảnh hơn khi mà, bị ru ngủ bởi những hứa hẹn và những câu chuyện về tương lai xán lạn của tôi từ thuở ấu thơ, đôi khi tôi bị mất phương hướng, và không rõ lắm ước mơ của mẹ là gì còn tôi là ai. Nhất là vì quá mệt mỏi khi được ấp ủ như thế. Nếu ông Zaremba kéo về phía mình một chút gánh nặng thương yêu đang đè nặng lên tôi thôi, thì cuối cùng tôi cũng được hít thở tự do hơn.

Tôi không phải đợi lâu mới nhận ra rằng mẹ bắt đầu cảm thấy trong việc này có điều gì đó ắt khuất. Bà bắt đầu đối xử lạnh nhạt với ông, một sự lạnh nhạt gần như chống đối. Mẹ tôi đã bước sang tuổi năm mươi ba và dù tóc mẹ bạc trắng, dù nét mặt mẹ hư hao vì đã phải chống chọi ở ba nước khác nhau để tồn tại, bà vẫn giữ được trong vẻ nữ tính của mình sự rạng rỡ hân hoan khả dĩ làm cho một người đàn ông nào đó phải mơ ước. Tuy vậy tôi cũng không mất nhiều thời gian để hiểu rằng ông bạn rụt rè và lịch sự của mình không mê mẹ tôi như một người đàn ông yêu một người đàn bà. Zaremba giấu dưới vẻ ngoài ông lớn của mình hình ảnh một đứa trẻ mồ côi chưa bao giờ được hưởng tình thương yêu triu mến, một đứa trẻ từng cảm thấy hy vọng và có thể là thèm muốn khi thấy tình mẫu tử cháy bỏng như vậy trước mắt mình. Dĩ nhiên, ông đã quyết định là cả hai đều có chỗ.

Thường khi mẹ ôm tôi vào lòng theo cái đà “xu hướng biểu hiện” của bà, hoặc khi bà mang trà, bánh và hoa quả cho tôi vào lúc năm giờ, khi tôi đang ở trong khu vườn nhỏ trước khách sạn, tôi lại nhận ra trên gương mặt xương xẩu của ông Zaremba thoáng buồn, thậm chí là thái độ bức tức. Ông cũng thế, ông ước ao được chấp nhận. Ông ngồi trên chiếc ghế bành liễu giỗ, chân bắt chéo rất lịch sự, cây gậy có núm hình quả táo bằng ngà để ngang trên hai đầu

gối; ông vuốt râu rồi âu sầu quan sát chúng tôi như một kẻ bị khép tội biệt xứ đang ngấm nhìn ngõ cửa vương quốc cấm. Tôi phải thú nhận là mình còn quá trẻ con và mù tịt về những gì đang chờ đợi mình ở cuối con đường nên không hề cảm thấy thích thú trước sự bực bội của ông. Mặc dù thế, ông không ngờ rằng không những tôi không phải đối thủ của ông mà còn là một đồng minh chắc chắn nữa. Nếu một ngày nào đó tôi được thăng chức trong ngành ngoại giao thì đây chính là lúc tôi phải chứng tỏ điều đó. Cho nên tôi không đại gì mà động viên khích lệ ông.

Thỉnh thoảng ông Zaremba húng hắng vẻ phật ý khi mẹ đưa quà cho tôi, nhưng ông không nói một lời và chẳng bao giờ dám nhận xét kiểu: “Nina, chị đang làm hư con trai chị đấy và đang dành cho nó một tương lai đầy trắc trở trong các mối quan hệ của nó với phụ nữ. Sau này nó sẽ làm gì? Chị bắt con trai mình đi tìm tình thương bất khả nào vậy?” Không, ông Zaremba không bao giờ tọc mạch kiểu ấy; ông chỉ ở nguyên đó, trong bộ quần áo xứ nhiệt đới, vẻ hơi khổ tâm; thỉnh thoảng ông thở dài quay mặt đi, hơi khó chịu trước tình cảm dào dạt của hai mẹ con tôi. Tôi tin chắc mẹ hoàn toàn nhận ra là ông hơi đồ kỵ, bởi lúc nào bà cũng cường điệu cách thể hiện tình cảm của mình khi kẻ si tình rụt rè có mặt ở đó; thậm chí hẳn bà còn thấy đôi chút thích thú, trước hết là vì nữ diễn viên kịch hệt trong bà luôn có nhu cầu về khán giả, sau nữa là vì “kẻ bị đào thải” của chúng tôi có thái độ khiến tình cảm giữa hai mẹ con tôi càng tăng lên và chứng tỏ cho mọi người thấy tình đoàn kết cũng như sự an toàn tuyệt đối trong vương quốc bất khả xâm phạm của chúng tôi. Rồi một hôm, sau khi mẹ đặt mâm thức ăn lúc năm giờ cho tôi lên cái bàn trong vườn, ông Zaremba tự cho phép mình thể hiện một cử chỉ, và vì cử chỉ này là của một người rụt rè, ý tứ nên

nó tương đương với một sự cả gan cực kỳ và một lời thô lỗ tình cảm cam lạng nhưng mãnh liệt, ông rời ghế bành, dù không ai mời nhưng ông vẫn đến ngồi vào bàn tôi, chìa tay nhón một quả táo trong giỏ rồi ăn với vẻ quả quyết, mắt nhìn thẳng mắt mẹ tôi ra vẻ thách thức. Tôi không nói được lời nào. Chưa bao giờ chúng tôi nghĩ ông Zaremba lại có thể bạo gan đến thế. Mẹ tôi và tôi trao nhau ánh mắt bức dọc, sau đó chúng tôi lạnh nhạt nhìn ông họa sĩ, lạnh nhạt đến nỗi, sau khi cố gắng gặm táo một hai lần, con người tội nghiệp đó để lại quả táo vào mâm, đứng dậy bỏ đi, đầu cúi xuống, vai trĩu nặng.

Ít lâu sau, ông Zaremba tiếp cận vấn đề trực diện hơn.

Lúc ấy tôi đang ngồi trong phòng mình ở tầng trệt khách sạn, trước một cánh cửa sổ để mở, bận trau chuốt chương cuối cuốn tiểu thuyết của mình. Đó là một chương cuối tuyệt vời, và đến bây giờ tôi vẫn còn tiếc nuối vì chưa bao giờ viết được những chương trước đây. Thời đó, thành tích của tôi là đã viết được ít nhất hai mươi chương cuối.

Mẹ tôi thì đang uống trà trong vườn, ông Zaremba đứng cạnh bà, hơi nghiêng người, một tay đặt trên thành ghế. Ông chờ mẹ tôi mời ngồi nhưng không được. Vì câu chuyện hôm đó nói về một chủ đề mà mẹ tôi không bao giờ thờ ơ, nên ông không khó khăn gì để khơi gợi sự chú ý của mẹ.

- Nina ạ, có một điều mà lâu nay tôi muốn nói với chị. Về con trai chị ấy mà.

Mẹ tôi vẫn uống tách trà đang còn nóng rẫy của mình, và sau khi bị bỏng môi, bà có thói quen kỳ lạ là thổi tách trà cho nguội.

- Tôi nghe ông nói đây.
- Làm con trai độc nhất không tốt tí nào đâu, thậm chí có thể nói là rất nguy hiểm. Như thế người ta sẽ có thói quen nghĩ mình là trung tâm của thế giới, và chính tình thương yêu không chia sẻ với ai sau này sẽ khiến chị gặp nhiều thất vọng.

Mẹ tôi dúi điều thuốc Gauloise.

- Tôi không có ý định nhận con nuôi, bà đáp lại cụt ngắn.
- Ý tôi không phải vậy, ông Zaremba thì thâm, mắt vẫn không rời chiếc ghế dựa.
- Ông ngồi xuống đi.

Ông họa sĩ cúi người cảm ơn mẹ tôi rồi ngồi xuống.

- Điều tôi muốn nói đơn giản chỉ là việc đẻ cho cháu Romain cảm thấy ít... độc nhất hơn là rất quan trọng. Là người duy nhất trong cuộc đời chị thì không hay ho gì cho cháu nó đâu. Sự độc quyền tình cảm đó sẽ khiến cháu nó đòi hỏi cực kỳ cao trong quan hệ với phụ nữ.

Mẹ tôi đẩy tách trà ra rồi lấy một điều Gauloise khác. Ông Zaremba sốt sáng châm lửa cho bà.

- Chính xác là ông muốn gì, hả *panie Janie*? Người Ba Lan các ông thường hay vòng vo luẩn quẩn, điều này giúp các ông có những phẩm cách tuyệt vời nhưng đôi khi lại khiến các ông trở nên hết sức phức tạp.

- Tôi chỉ muốn nói với chị rằng nếu bên cạnh chị có thêm một người đàn ông thì điều đó sẽ giúp cháu Romain rất nhiều. Tất nhiên là với điều kiện người đàn ông đó là một người biết điều và không tỏ ra quá đòi hỏi.

Một mắt nhắm lại sau làn khói thuốc, mẹ tôi chăm chú nhìn ông Zaremba với vẻ mà tôi cho là khoan dung một cách nhạo báng.

- Chị phải hiểu rằng, ông Zaremba vừa nói vừa nhìn xuống chân, tôi không khi nào đánh giá tình yêu thương của một người mẹ là “thái quá”. Cá nhân tôi chưa bao giờ có được một tình thương như thế, bao giờ tôi cũng cân đong đo đếm những gì tôi đã thiếu. Tôi là một kẻ mồ côi, như chị biết đấy.
- Ông chắc chắn là kẻ mồ côi nhiều tuổi nhất mà tôi từng gặp, mẹ tôi nói.
- Tuổi tác có sao đâu, chị Nina. Con tim chẳng bao giờ già cỗi, chỉ có sự trống trải, xa vắng là ở lại và ngày càng lớn hơn. Tất nhiên tôi nhận thức được tuổi tác của mình nhưng quan hệ giữa người với người thường nở rộ ở tuổi chín mười một cách... Nói thế nào nhỉ? Rạng rỡ và thâm lặng. Và nếu chị chia sẻ được tình yêu thương con trai chị với người khác, tôi dám nói là cháu Romain sẽ trở thành một người tin tưởng vào bản thân hơn. Có thể nhờ vậy mà cháu nó không phải suốt đời dằn vặt vì một nhu cầu nội tại khẩn thiết về nữ tính toàn năng nào đó, nếu tôi có thể nói thế... Giá như tôi có thể giúp được chị, và qua đó giúp con trai chị trong việc...

Ông dừng lại rồi im lặng, hoàn toàn tiu nghỉu trước ánh mắt đang khiến ông chán ngán. Mẹ tôi hít một hơi dài, với một tiếng rít nhẹ nhẹ, theo cách những người nông dân Nga thể hiện sự sáng khoái của họ. Bà ngồi thẳng người, hai tay đặt nằm trên đầu gối. Rồi bà đứng dậy.

- Ông hoàn toàn mất trí rồi, ông bạn tội nghiệp của tôi ạ, bà nói. Và đối với tôi, người vốn biết hết vốn từ vựng của bà vào những lúc bà nổi khùng thì trong câu từ chọn lọc này có dấu hiệu của sự đúng mực, dấu hiệu không hoàn toàn dập tắt hy vọng. Sau đó mẹ tôi đứng dậy bỏ đi, đầu ngẩng cao rất đỗi trang nghiêm.

Ánh mắt tiếc nuối của ông Zaremba bỗng bắt gặp ánh mắt tôi. Ông đã không nhận ra sự hiện diện của tôi phía sau cửa sổ, vì thế ông càng bối rối hơn, như thể tôi đã bắt quả tang ông ăn cắp bi của tôi ấy. Tôi sẵn sàng trấn an ông. Cách tốt nhất là chứng tỏ tôi đã đối xử với ông như bố dượng tương lai. Tôi cũng cần phải biết liệu ông có tỏ ra xứng tầm không và ông đã sẵn sàng đối diện với những nghĩa vụ của ông đối với chúng tôi chưa.

Tôi đứng dậy rồi nghiêng mình qua cửa sổ.

- Bác có thể cho cháu vay năm mươi quan không, *panie Janie?* tôi hỏi.

Ông Zaremba lập tức đặt tay lên ví. Cách trắc nghiệm tâm lý ngày nay người ta hay sử dụng để tuyển ứng viên vào một vị trí nào đó thời ấy còn chưa được ai biết đến; có thể nói tôi là người đầu tiên có sáng kiến ấy.

Sau khi tấn công trực diện vào vương quốc của chúng tôi, ông bạn của tôi mới khôn ngoan hiểu ra rằng: cách tốt nhất để tán tỉnh mẹ tôi là phải chiếm được cảm tình của tôi.

Chính vì thế mà tôi nhận được một chiếc ví da cá sấu với mười lăm đô la được kín đáo luồn vào trong, tiếp theo là một máy ảnh Kodak, rồi một chiếc đồng hồ đeo tay, những món quà mà tôi coi như vật bảo lãnh, bởi vì khi đụng chạm đến tương lai của cả gia đình thì người ta không bao giờ cảm thấy mình đã đủ thận trọng, ông Zaremba hiểu rõ điều này. Thế nên ngay sau đó, tôi được sở hữu một chiếc bút Waterman, còn cái tủ sách khiêm tốn của tôi thì đã bước vào kỷ nguyên thịnh vượng của nó. Lúc nào tôi cũng có vé đi xem phim hay xem kịch, tôi còn miêu tả với bạn bè mình ở trường Grande Bleue ngôi nhà của chúng tôi mới tậu được tại Florida.

Sau đó, ông Zaremba nghĩ là đã làm tôi hoàn toàn yên tâm rồi, nên cũng đến lúc nhờ vả tôi.

Khi tôi đang bị cúm nhẹ và nằm lì trong phòng thì kẻ cầu hôn gõ cửa bước vào lúc bốn giờ rưỡi, đến trước cả mẹ tôi nữa. Ông mang theo một mâm hoa quả, trà, mật và những cái bánh tôi thích. Lúc ấy tôi mặc bộ pyjama và chiếc áo choàng đan cải hoa rất đẹp mà ông đã mua cho tôi. Ông đặt mâm thức ăn đồ uống lên giường tôi, rót cho tôi một tách trà, xem thân nhiệt tôi thế nào rồi kéo ghế ngồi xuống, tay cầm một chiếc khăn mùi soa, đáng ông cao cao vận đồ bằng vải tuyết xám. Ông lấy khăn mùi soa chấm chấm lên trán. Tôi động lòng thương trước sự căng thẳng của ông. Cầu hôn bao giờ cũng là thời điểm khó khăn nhất. Tôi bỗng hơi lo lắng nhớ ra là bố mẹ ông đã qua đời vì bệnh lao phổi. Có lẽ phải yêu cầu ông giấy chứng nhận sức khỏe mới được.

- Cháu Romain thân mến, ông nói, không phải là không có chút nghiêm trang, chắc chắn cháu biết tình cảm của bác với hai mẹ con cháu.

Tôi cầm một chùm nho.

- Chúng cháu rất quý bác, thưa bác Zaremba.

Tôi chờ đợi, tim đập thình thịch, trong lúc vẫn cố gắng tỏ ra thờ ơ. Mẹ tôi sẽ không phải lên xuống một trăm lần mỗi ngày trên cái cầu thang chết tiệt nối nhà hàng với nhà bếp nữa. Hàng năm bà có thể được đi nghỉ một tháng tại Venise, thành phố mà bà rất yêu thích. Thay vì chạy đôn chạy đáo vào lúc sáu giờ mỗi sáng để đến chợ Buffa, bà sẽ có thể đi qua đại lộ Promenade des Anglais trên một chiếc xe ngựa, mắt xa vời nhìn những kẻ mà bà thường “nhớ” đến. Cuối cùng thì tôi cũng sẽ có thể lên đường chinh phục thế giới và trở về đúng hẹn, mình đầy vinh quang để cuộc đời mẹ rạng rỡ ý nghĩa và để công lý được trả lại cho bà. Tôi cũng tưởng tượng ra vẻ mặt của mấy đứa bạn tắm biển cùng tôi khi thấy tôi xuất hiện trên chiếc du thuyền có buồm màu xanh lam - tôi rất thích màu này. Thời đó tôi quan tâm tới một cô bé người Péru tên là Lucita, tình địch của tôi không phải ai khác mà là Rex Ingram, một đạo diễn nổi tiếng, người đã phát hiện ra Rudolph Valentino. Cô bé người Péru mười bốn tuổi, Rex Ingram gần năm mươi còn tôi hơn mười bảy; thế nên buồm mới phải màu xanh lam.

Tôi cũng tưởng tượng mình đang ở Florida: một ngôi nhà màu trắng khang trang, một vùng biển ấm áp, những bãi biển sạch sẽ -

đúng là một cuộc sống đích thực. Chúng tôi sẽ nghỉ tuần trăng mật ở đó.

Ông Zaremba vỗ vỗ lên trán. Nhìn vào ngón tay ông, tôi thấy một chiếc nhẫn mặt đá có khắc những vũ khí của tổ tiên chúng tôi, dòng họ Zaremba. Chắc chắn ông sẽ cho tôi mang họ ông. Không những tôi sẽ có một thằng em mà tôi còn sẽ có tổ tiên nữa.

- Bác không còn trẻ nữa, *panie Romanie* ạ. Phải công nhận là bác thường cho thì ít mà đòi hỏi thì nhiều. Nhưng, bác hứa là bác sẽ lo cho mẹ cháu bằng tất cả khả năng của mình, như thế sẽ giúp cháu toàn tâm toàn ý với thiên hướng văn chương của cháu. Nhà văn trước tiên phải được bình tâm để có thể dốc hết khả năng. Bác sẽ để tâm đến chuyện đó.
- Cháu chắc chắn là chúng ta sẽ hạnh phúc bên nhau, *panie Janie* ạ.

Tôi hơi nôn nóng. Ông chỉ việc dứt khoát câu hôn chứ cần gì phải đứng đó mà căng thẳng vỗ trán.

- Vậy bác muốn nói gì ạ? tôi hỏi.

Lạ thật. Tôi chờ đợi thời điểm này từ mấy tháng nay, thế mà khi ông ấy câu hôn mẹ thì lòng tôi lại thất lại.

- Bác mong là Nina chấp nhận bác làm chồng, ông Zaremba nói với giọng không ngữ điệu, như thể ông đang chuẩn bị làm cái trò mà ở rạp xiếc người ta gọi là “cú nhảy chết người”. Cháu có nghĩ là bác có hy vọng không?

Tôi nhúu mày.

- Cháu không biết. Chúng cháu đã nhận được nhiều lời đề nghị rồi.

Tôi nhận ra là mình nói hơi quá, nhưng ông Zaremba chạm tự ái đứng bật dậy.

- Của ai? ông to tiếng.
- Cháu thấy kể tên ra thì không được hay lắm.

Ông Zaremba cố gắng lắm mới tự chủ được.

Tất nhiên rồi, bác xin lỗi. Ít nhất thì bác cũng mong được biết ý cháu thế nào? Vì mẹ cháu rất yêu thương cháu, bác hiểu cháu sẽ đóng vai trò ra sao trong quyết định của mẹ cháu.

Tôi nhìn ông vẻ thân thiện.

- Mẹ con cháu rất có cảm tình với bác, *panie Janie* ạ, nhưng tất nhiên bác phải hiểu rằng đó là một quyết định rất quan trọng. Chúng ta không nên thúc bách nhau. Mẹ con cháu sẽ suy nghĩ.
- Cháu sẽ nói hộ bác một tiếng chứ?
- Lúc nào thích hợp cháu sẽ nói... Cháu tin thế. Bác hãy để hai mẹ con cháu có thời gian suy nghĩ. Hôn nhân là một việc rất quan trọng. Chính xác thì bác bao nhiêu tuổi?
- Năm mươi lăm, ôi!...
- Cháu chưa đến tuổi mười tám, tôi đáp lại. Cháu không thể để cuộc đời mình lao theo hướng bất ngờ như vậy mà không

biết mình đi đâu về đâu. Bác không thể yêu cầu cháu quyết định ngay một việc hệ trọng như thế được.

- Bác nhận ra điều đó chứ, ông Zaremba nói. Bác chỉ muốn biết là ý định của bác có được cháu thông cảm tiếp nhận hay không thôi. Sở dĩ bác chưa bao giờ lấy vợ là bởi bác không phải hạng người trốn tránh trách nhiệm đối với gia đình. Cho nên bác phải tự tin ở mình. Bác không tin là cháu sẽ phải hối hận về quyết định của cháu.
- Cháu xin hứa là sẽ suy nghĩ, thế nhé.

Ông Zaremba đứng dậy, vờ nhẹ nhõm hẳn lên.

- Mẹ cháu là một người phụ nữ đặc biệt, ông nói. Bác chưa bao giờ được chứng kiến một sự tận tâm tận tụy như thế. Hy vọng cháu sẽ biết cách tìm ra lời lẽ để thuyết phục mẹ. Bác sẽ chờ cháu trả lời.

Tôi quyết định đề cập đến vấn đề này khi mẹ về nhà. Lần nào đi chợ về mẹ cũng rất vui vẻ, sau khi đã làm mưa làm gió ở các quầy hàng và ra oai với các thương gia trong hai giờ liền. Tôi ăn mặc tươm tất, cắt tóc, thắt chiếc cà vạt rất đẹp bằng lụa tơ tằm màu xanh nước biển có đính hình chàng lính ngự lâm bằng bạc do ông họa sĩ tặng, mua một bó hoa hồng đỏ - những “đóa nhung rạng đông” - và ngày hôm sau, vào khoảng mười giờ rưỡi, tôi chờ ở tiền sảnh, bị giày vò bởi trạng thái căng thẳng lo âu mà chỉ mỗi ông Zaremba hiểu được. Lúc ấy, ông đang ngồi chờ dài cổ trong phòng. Tôi biết rõ là kẻ cầu hôn có bộ ria mép xõa xuống này đang tìm kiếm một người mẹ hơn là một người vợ, nhưng ông là một người rất tử tế,

ông đối xử với mẹ tôi tôn kính hơn nhiều những gì cuộc sống từng đối xử với bà. Đúng là người ta có thể nghi ngờ tài năng hội họa của ông, nhưng suy cho cùng, một kẻ sáng tạo chân thực duy nhất trong gia đình là đủ lắm rồi.

Mẹ gặp tôi trong phòng khách, lúc ấy tôi đang vụng về ôm bó hoa của mình trong tay. Tôi im lặng trao hoa cho bà: cổ họng như thắt lại. Mẹ vui mặt vào bó hoa rồi nhìn tôi vẻ trách cứ:

- Con không nên thế.
- Con muốn nói chuyện với mẹ.

Tôi ra hiệu cho mẹ ngồi xuống. Mẹ ngồi lên chiếc trường kỷ hơi cũ đặt ở cửa.

- Mẹ nghe này, tôi nói.

Nhưng tìm ra lời lẽ quả thật không phải dễ.

- Con... Ờ... Đó là một người rất tốt, tôi thì thảm.

Thế là đủ. Mẹ hiểu ngay. Bà cầm lấy bó hoa ném mạnh qua tiền sảnh, vẻ khinh bỉ và dứt khoát. Bó hoa đập vào chiếc lọ làm nó rơi xuống đất vỡ vụn ra như nhận thức được một cách sâu sắc về tấn bi kịch. Lina, cô hầu phòng người Ý hót hơ hót hải chạy vào, thấy vẻ mặt mẹ tôi lại hót hơ hót hải chạy ra.

- Nhưng sao lại như thế! tôi hét lên. Ông ấy có một ngôi nhà rất đẹp ở Florida!

Mẹ khóc. Tôi cố giữ bình tĩnh, nhưng như thường lệ giữa hai mẹ con tôi, cơn xúc động của mẹ truyền sang tôi rồi lại từ tôi lan sang mẹ, và mỗi lần như vậy sự xúc động đó lại tăng thêm một nấc, như những cảnh triu mến thương yêu khác. Tôi những muốn hét lên rằng đó là cơ hội cuối cùng của mẹ, rằng mẹ cần một người đàn ông ở bên cạnh, rằng tôi không thể là người đàn ông này bởi sớm muộn tôi cũng sẽ ra đi để mẹ ở lại một mình. Đặc biệt, tôi những muốn nói với mẹ rằng không có gì mà tình yêu thương của tôi lại không thể thực hiện được vì mẹ, chỉ trừ một điều, đó là chối từ cuộc sống đàn ông của tôi, chối từ quyền có được cuộc sống ấy theo cách tôi muốn. Nhưng niềm xúc động cũng như những suy nghĩ mâu thuẫn càng thúc bách trong đầu tôi thì tôi càng nhận ra rằng mình đang cố gắng thoát khỏi mẹ, thoát khỏi tình thương yêu tràn ngập của mẹ, thoát khỏi những âu yếm của mẹ đang đè nặng lên tôi. Lúc nào tôi cũng có quyền nổi dậy và đấu tranh cho độc lập của mình nhưng lại không biết đâu là sự kết thúc của quyền tự vệ chính đáng và đâu là khởi đầu của sự tàn nhẫn.

- Mẹ nghe con nói này, bây giờ con không thể giúp gì được mẹ. Ông ấy thì có thể.
- Mẹ không hề có ý định nhận một đứa con nuôi tuổi ngũ tuần!
- Đó là một người rất lịch sự, tôi hét lên. Ông ấy có phong thái tuyệt vời. Ông ấy lại ăn mặc theo kiểu London! Ông ấy...

Và đó chính là lúc tôi phạm phải sai lầm tệ hại nhất và cũng là sai lầm cuối cùng. Không bao giờ tôi hiểu nổi vì sao mười bảy tuổi mà mình lại tỏ ra thiếu hiểu biết về phụ nữ như thế.

- Ông ấy tôn trọng mẹ, và mãi mãi tôn trọng mẹ, ông ấy sẽ cư xử với mẹ như một phu nhân quyền quý...

Mẹ tôi đầm đìa nước mắt rồi sau đó mỉm cười. Bà từ từ đứng dậy.

- Mẹ cảm ơn con, mẹ nói. Mẹ biết là mẹ đã già. Mẹ biết trong đời mẹ có những thứ mãi mãi mất đi. Chỉ có điều, Romouchka ạ, từng có một lần, duy nhất một lần thôi, mẹ yêu si mê một người. Cách đây đã lâu rồi và bây giờ mẹ vẫn còn yêu người đó. Ông ấy không tôn trọng mẹ cũng chưa bao giờ đối xử với mẹ như một trang nam tử. Nhưng đó là một người đàn ông chứ không phải một cậu bé. Mẹ là phụ nữ, tất nhiên đã già nhưng mẹ nhớ. Còn về ông họa sĩ xấu xa này... Mẹ có một người con trai và mẹ chỉ cần có thế. Mẹ không nhận ai khác làm con nuôi. Quý tha ma bắt ông ấy đi!

Hai mẹ con tôi im lặng hồi lâu, rất lâu. Mẹ nhìn tôi mỉm cười. Mẹ biết trong đầu tôi nghĩ gì. Mẹ biết tôi ước ao được giải thoát.

Nhưng không có sự giải thoát cho tôi. Tôi mãi mãi là tù nhân của ký ức. Tù nhân của một người phụ nữ có một không hai...

#

Tôi chỉ còn việc báo cho kẻ cầu hôn của chúng tôi về sự chối từ đó. Việc này không phải dễ. Nếu như việc báo cho một người đàn ông là một người đàn bà không thích ông ta đã khó khăn thì việc báo cho một cậu con trai rằng nó đã mất cơ hội cuối cùng để tìm được một người mẹ còn gay go hơn. Tôi ở trong phòng, ngồi lì trên giường rầu rầu nhìn tường nhà trong một giờ đồng hồ.

Tôi luôn luôn cảm thấy ghê sợ không sao chịu nổi khi làm người khác đau lòng, có thể đây là dấu hiệu yếu đuối và thiếu cá tính của tôi. Tôi biết rằng, trong khi mình sốt ruột chờ đợi và tìm kiếm cách tốt nhất để khéo léo báo tin dữ cho ông bạn của tôi thì ông lại lo lắng đợi tôi trong phòng. Cuối cùng, tôi tìm ra một cách có vẻ tế nhị và hùng hồn. Tôi mở tủ. Rồi tôi lấy ra cái áo choàng và chiếc cà vạt có thêu hình chàng lính ngự lâm, cái máy ảnh Kodak, bộ pyjama, cây bút và các “vật bảo lãnh” khác mà tôi đã nhận của người bố dựng tương lai. Tôi tháo đồng hồ ra khỏi tay. Rồi tôi lên thang máy. Tôi gõ cửa và được mời vào. Ông Zaremba đang ngồi chờ tôi. Da ông vàng vọt và nom ông có vẻ già đi trông thấy. Ông không hỏi câu gì. Ông chỉ đau đớn nhìn tôi để lên giường từng đồ vật một. Sau đó, chúng tôi im lặng, rồi chia tay nhau mà không nói một lời.

Ông đáp tàu đi Vintimille ngay sáng sớm hôm sau mà không từ biệt tôi. Ông để lại phía sau mình, sắp xếp rất cẩn thận trên giường, những món quà mà tôi đã mang đến trả, tất nhiên trong đó có chiếc cà vạt thêu hình chàng lính ngự lâm. Tôi còn giữ chiếc cà vạt này đâu đó nhưng không bao giờ đeo. Chàng d'Artagnan trong tôi đã hết thời rồi.

Thỉnh thoảng tôi có nhớ đến ông Zaremba khi nhìn mình trong gương. Tôi thấy tôi giống ông ấy, điều này không phải là không làm tôi buồn phiền chút ít, bởi vì cuối cùng thì bây giờ tôi vẫn kém ông vào thời đó vài tuổi, khi ấy ông đã là một người đang già đi.

CHƯƠNG XXIII

TÔI ĐĂNG KÝ VÀO ĐẠI HỌC LUẬT Aix-en-Provence và rời thành phố Nice tháng Mười năm 1933. Từ Nice đến Aix mất năm tiếng đi xe ca. Đó là một cuộc chia ly tan nát cõi lòng. Tôi cố sức tỏ thái độ đàn ông và hơi mĩa mai trước mặt hành khách, còn mẹ tôi, lưng bỗng còng xuống và người như bỗng nhỏ đi một nửa, đứng đó, mắt nhìn vào mặt tôi, miệng há hốc vẻ đau đớn, khó hiểu. Khi chiếc xe ca rung lên, mẹ đi vài bước rồi dừng lại òa khóc. Giờ tôi hãy còn nhớ bó hoa tím mẹ cầm trên tay mà tôi đã tặng mẹ. Tôi đứng sững người, hóa tượng, tôi cố gắng được như vậy là nhờ trong xe có một cô gái rất xinh đang nhìn tôi. Lúc nào tôi cũng cần khán giả để nỗ lực hết mình. Tôi làm quen với cô gái đó trong chuyến đi: cô làm nghề bán thịt ở Aix; cô thú nhận là cô đã suýt khóc khi thấy cảnh hai mẹ con tôi chia tay nhau, và một lần nữa, tôi nghe thấy điệp khúc mà tôi bắt đầu thuộc lòng: “Có thể nói là mẹ anh thực sự thương anh”, cô gái vừa nói câu này vừa thở dài, vừa nhìn mơ màng, với một chút hiếu kỳ nào đó.

Tôi thuê phòng ở Aix, phố Roux-Alphéran, với giá sáu mươi quan mỗi tháng. Vào thời ấy, mẹ tôi kiếm được năm trăm quan mỗi tháng; một trăm quan để mua insulin và chăm sóc sức khỏe, một trăm quan mua thuốc lá và chi tiêu lặt vặt, số còn lại thì dành cho tôi. Ngoài ra còn có cái mà mẹ tể nhị gọi là “thu xếp” nữa. Gần như ngày nào cũng thế, chiếc xe ca chạy từ Nice chuyển cho tôi đồ ăn mà mẹ trích ra từ đồ dự trữ của Khách sạn-Nhà hàng Mermonts, và dần dà, mái hiên bao quanh cửa sổ căn phòng áp mái của tôi bắt

đầu giống một quầy hàng ở chợ Buffa. Gió đưa đẩy những chùm xúc xích, còn những quả trứng thì xếp hàng kín máng nước khiến lũ bò câu cũng phải ngạc nhiên; pho mát gồng mình dưới mưa, giấm bông, đùi cừu, thịt quay tạo nên hiệu ứng tĩnh vật trên mái ngói. Không bao giờ có thứ gì bị lãng quên: dưa chuột muối, mù tạc ngải thơm, khalva Hy Lạp, chà là, vả, cam, hồ đào, đôi khi bà con bán hàng ở chợ Buffa còn thêm đồ ăn vào tùy theo cảm hứng của từng người: pizza pho mát và cá tròng của ông Pantaleoni; “ánh tối” nổi tiếng của ông Peppi, một đặc sản tuyệt ngon được trình bày dưới dạng một vỏ bánh đơn giản, bỏ vào miệng là ta liên tục cảm thấy nhiều vị bất ngờ: pho mát, cá tròng, nấm và kết thúc là vị tỏi đậm đà độc đáo mà tôi chưa từng biết đến - và những miếng thịt bò to tướng mà đích thân ông Jean gửi cho tôi, miếng thịt bò xịn duy nhất có trên mái hiên, khiến món thịt bò hộp Paris nổi tiếng cũng chẳng nhằm nhò gì. Tiếng tăm cái tủ đựng thức ăn của tôi nổi như cồn ở đại lộ Mirabeau và nhờ vậy tôi kết thêm được nhiều bạn: một nhà thơ-ngệ sĩ ghi ta tên là Sainthomme, một sinh viên-nhà văn người Đức, người có tham vọng ở đất Bắc mà có thể làm cho đất Nam phì nhiêu hay ngược lại gì đó mà tôi không nhớ nữa, hai sinh viên cùng theo học môn triết của giáo sư Segond - và tất nhiên, cô hàng thịt của tôi nữa, tôi đã gặp lại cô vào năm 1952, khi ấy là mẹ của chín đứa con, điều này chứng tỏ Thượng đế đã để ý đến tôi, bởi tôi chưa bao giờ có phiền hà gì với cô ấy. Có thời gian rảnh là tôi đến tiệm cà phê Deux Garçons, nơi tôi đã viết một cuốn tiểu thuyết dưới những tán tiêu huyền ở đại lộ Mirabeau. Mẹ thường gửi thư cho tôi, những lá thư ngắn ngủi, lời lẽ đầy cảm xúc, động viên khích lệ tôi phải kiên trì, dũng cảm; những lá thư đó giống như lời tuyên bố của các vị tướng với đạo quân của mình trước ngày bại

trận, những lời tuyên bố rung động lòng người vì các hứa hẹn thắng lợi và vinh quang, năm 1940, khi thấy trên tường người ta viết câu nổi tiếng của chính phủ Reynaud: “Chúng ta sẽ chiến thắng, bởi vì chúng ta mạnh nhất”, tôi nghĩ đến vị tổng tư lệnh của tôi với đôi chút mỉa mai. Tôi thường tưởng tượng mẹ tôi thức dậy lúc sáu giờ sáng, hút điều thuốc đầu tiên, đun nước sôi để tiêm, cắm xi lanh insulin vào đùi như tôi từng thấy rất nhiều lần, rồi cầm bút chì nguệch ngoạc viết nhật lệnh cho tôi và bỏ vào hộp thư trước khi chạy đi chợ. “Can đảm lên con trai của mẹ, con sẽ về nhà, đầu đội vòng nguyệt quế...” Đúng thế, đơn giản thế đó, mẹ luôn tìm ra những sáo ngữ xưa cũ nhất, ngây thơ nhất của nhân loại. Tôi nghĩ mẹ cần những lá thư này, mẹ viết ra chúng để tự thuyết phục mình, tự động viên khích lệ mình hơn là dành cho tôi. Mẹ cũng van xin tôi đừng đầu tay đôi, vì mẹ luôn bị ám ảnh bởi cái chết của Pouchkine và của Lermont trên đồng nội, và vì mẹ thấy tài văn chương của tôi ít nhất cũng sánh ngang tài văn chương của họ, mẹ sợ tôi là kẻ thứ ba, nếu tôi có thể nói như thế. Tôi không lơ là công việc văn chương của mình, ngược lại là đằng khác. Tôi đã nhanh chóng kết thúc một cuốn tiểu thuyết mới rồi gửi cho các nhà xuất bản, và lần đầu tiên, một trong số các nhà xuất bản ấy, Robert Denoël, đã hạ cố quan tâm và đích thân trả lời tôi. Giám đốc nhà xuất bản này viết cho tôi rằng ông nghĩ tôi nên nắm được nhận xét của một trong số các độc giả. Hẳn là sau khi đọc lướt qua một vài trang tiểu thuyết của tôi, ông ta đã đưa nó cho một bác sĩ phân tâm học có tiếng, cụ thể là công nương Marie Bonaparte, và bây giờ ông giao lại cho tôi công trình nghiên cứu dài hai mươi trang về tác giả cuốn *Rượu vang của những kẻ đã chết*. Rõ ràng rồi. Tôi bị chứng mặc cảm bị thiên, mặc cảm phân, có triệu chứng loạn dâm tử

thi và nhiều tật khác nữa mà tôi không biết, trừ mặc cảm Oepide, tôi cũng không biết tại sao. Lần đầu tiên, tôi cảm thấy mình đã “trở thành ai đó” và rốt cuộc tôi cũng bắt đầu chứng minh được những hy vọng và niềm tin mẹ tôi đặt nơi tôi.

Mặc dù cuốn sách của tôi đã bị nhà xuất bản từ chối nhưng tôi vẫn cảm thấy rất hãnh diện với tập tài liệu trong đó người ta nghiên cứu tôi dưới góc độ phân tâm học và không kiềm chế được mình, tôi có những dáng vẻ và thái độ dường như từ đó trở đi rất được mong đợi nơi tôi. Tôi khoe tập tài liệu với tất cả mọi người và bạn bè tôi rất ấn tượng, nhất là với mặc cảm phân của tôi. Vì mặc cảm này minh chứng cho một tâm hồn u tối và day dứt, họ thấy đó giống như đỉnh cao của sự trang nhã. Ở tiệm cà phê Deux Garçons, tôi nghiêm nhiên trở thành nhân vật quan trọng và có thể nói rằng, đó là lần đầu tiên, ánh sáng của thành công lướt qua bờ trán trẻ trung của tôi. Chỉ có cô bạn bán thịt là phản ứng một cách bất ngờ khi đọc tài liệu đó. Cô ấy chưa bao giờ nghi ngờ khía cạnh quý quái, siêu phàm trong con người tôi, nhưng khi được tiết lộ cho thiên hạ, bỗng nhiên nó thúc đẩy cô ấy biểu hiện một sự đòi hỏi vượt rất xa khả năng của tôi, dù khả năng này có quý quái hay không; cô còn cay đắng cho tôi là một người tàn bạo, trong khi tôi, vốn rất thanh bạch và khá mộc mạc, lại tỏ ra ngạc nhiên trước những gợi ý của cô. Nói chung tôi sợ không xứng tầm với danh tiếng của mình. Mặc dù thế, tôi vẫn bắt đầu rèn giũa mình thành một kiểu người tàn bạo, theo những suy nghĩ của tôi về một người có triệu chứng loạn dâm tử thi hay mặc cảm bị thiến; không bao giờ tôi xuất hiện trước công chúng mà tay không cầm một cái kéo nhỏ, vẻ mặt bức tức; và khi người ta hỏi tôi cầm kéo làm gì thì tôi nói: “Tôi không biết, tôi không thể kiềm chế được”, thế là bạn bè

tôi im lặng nhìn nhau. Ở đại lộ Mirabeau, tôi cũng có một kiểu nhếch mép rất đạt và đã nổi danh khắp Đại học Luật như một đệ tử của Freud, tuy tôi không nói gì về Freud nhưng tôi luôn cầm trên tay một cuốn sách của ông. Tự tay tôi đánh bản báo cáo thành hai mươi bản và hào phóng phân phát cho các cô gái trẻ ở Đại học; tôi gửi cho mẹ tôi hai bản, phản ứng của mẹ cũng giống hệt như phản ứng của tôi: cuối cùng thì tôi cũng trở nên nổi tiếng, tôi được đánh giá là xứng đáng với một công trình hai mươi trang, lại do một công nương viết nữa chứ. Mẹ cho khách ở Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts xem tài liệu này rồi sau năm học luật đầu tiên, tôi về Nice và được đón tiếp rất nồng hậu và có một kỳ nghỉ thật dễ chịu. Điều duy nhất làm mẹ hơi lo là mặc cảm bị thiếu, bởi mẹ sợ tôi đau.

Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts làm ăn khá khá và mẹ kiếm được gần bảy trăm quan mỗi tháng, thế nên bà quyết định rằng tôi sẽ phải học nốt những năm còn lại ở Paris để gây dựng quan hệ. Tại đó mẹ quen một ông đại tá về hưu, một quan chức thuộc địa đã bị đào thải và một phó lãnh sự Pháp tại Trung Quốc, ông này nghiện thuốc phiện và đã đến cai nghiện ở Nice. Tất cả họ đều tỏ ra quan tâm đến tôi, mẹ cảm thấy rằng cuối cùng chúng tôi cũng có cơ sở vững chắc để bước vào đời, rằng tương lai của chúng tôi đã được bảo đảm. Thế nhưng bệnh tiểu đường của mẹ càng ngày càng nghiêm trọng, và các liều insulin càng ngày càng cao vì thế nên mẹ hay bị hạ đường huyết. Nhiều lần từ chợ về mẹ bị ngã bất tỉnh ngay giữa đường vì insulin. Dù vậy, mẹ vẫn tìm được cách khá đơn giản để tạm thời giải quyết mối nguy này, vì bị ngất do hạ đường huyết nếu không chẩn đoán và điều trị kịp thời thì có thể dẫn đến cái chết. Thế là mẹ phòng ngừa bằng cách không bao giờ ra khỏi nhà mà

không dính vào áo choàng của mình câu sau: “Tôi bị tiêu đường. Nếu ai thấy tôi bị ngất thì làm ơn cho tôi uống những túi đường để trong túi xách. Cảm ơn.” Đó là một ý tưởng tuyệt vời, nhờ nó mà chúng tôi không phải lo lắng nhiều và nhờ nó mà sáng nào mẹ cũng có thể tự tin chống gậy ra khỏi nhà. Thỉnh thoảng nhìn mẹ rời nhà đi ra phố, tôi cảm thấy lo sợ kinh khủng, cảm thấy bất lực, xấu hổ, kinh hoàng, trán toát mồ hôi. Có một lần, tôi rụt rè gợi ý là tôi nên nghỉ học, tìm việc làm và kiếm tiền. Mẹ không nói gì, nhìn tôi về trách cứ rồi khóc òa lên. Tôi không bao giờ nhắc đến điều đó nữa.

Tôi chỉ nghe mẹ phàn nàn thực sự về chiếc cầu thang xoắn ốc nối nhà hàng với bếp mà bà phải lên xuống hai mươi lần mỗi ngày. Mặc dù thế, mẹ cho tôi hay là bác sĩ đã bảo tim của mẹ “tốt”, không phải lo lắng gì.

Hồi ấy tôi đã mười chín tuổi. Nhưng tôi vẫn chưa có được tâm hồn của kẻ chinh phục phụ nữ. Tôi rất khổ tâm. Cái cảm giác đầy ám ảnh là nam tính trong mình ngày càng giảm sút giằng xé tôi, tôi cố gắng chống chọi cảm giác này như tất cả những người đàn ông trước tôi, những người muốn yên tâm về nam tính của mình. Nhưng chưa hết. Tôi còn sống nhờ vào công việc của mẹ, sức khỏe của mẹ. Hai năm là khoảng cách ít nhất giữa thời điểm đó và thời điểm mà cuối cùng tôi cũng bắt đầu thực hiện lời hứa của mình, trở về nhà với lon thiếu úy, mang về cho mẹ vinh quang đầu đời. Tôi không có quyền lảng tránh hay chối từ sự giúp đỡ của mẹ. Lòng tự ái của tôi, nam tính của tôi, phẩm cách của tôi nhằm nhò gì đâu. Viễn cảnh tương lai của tôi chính là điều giúp mẹ tiếp tục sống. Tôi không thể phẫn nộ hay ra vẻ khó tính. Điệu đà và nhã nhặn, bên lên sợ sệt hay những cú hất hàm điệu nghệ hãy để sau. Cũng hãy để sau cả những kết luận triết học và chính trị, những bài học được rút ra

và những giá trị đạo đức, bởi vì tôi biết rõ là biểu hiện nhân tâm, vốn ngấm trong xương trong thịt trong máu tôi từ thuở ấu thơ đã bắt tôi phải đấu tranh vì một thế giới không có người bị bỏ rơi. Trong khi chờ đợi, tôi phải ngậm đắng nuốt cay để tiếp tục chạy đua với thời gian, để cố giữ lời hứa của mình và để cho một ước mơ phi lý và đầy tình thương yêu có lý do để sống.

Tôi còn hai năm học ở trường luật nữa, sau đó là hai năm nghĩa vụ quân sự, sau đó là... Mỗi ngày tôi viết văn mười một tiếng đồng hồ.

Có một lần, ông Pantaleoni và ông Bucci đưa mẹ tôi từ chợ về bằng taxi, mặt mẹ xám ngắt, tóc bù xù, nhưng môi đã ngậm thuốc lá và miệng đã nở nụ cười trấn an tôi.

Tôi không cảm thấy mình có tội. Nhưng nếu tất cả các cuốn sách của tôi đều tràn ngập những lời kêu gọi phẩm cách, công lý, nếu tôi có nói nhiều và nói mạnh về danh dự làm người trong những cuốn sách đó, thì có thể là bởi cho đến năm hai mươi hai tuổi, tôi vẫn sống nhờ vào công sức của một người phụ nữ già nua và làm việc quá sức. Tôi giận mẹ tôi rất nhiều.

CHƯƠNG XXIV

Một sự kiện bất ngờ đã xáo trộn cả mùa hè. Một buổi sáng đẹp trời, một chiếc taxi dừng trước Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts và người xuống xe là cô bé bán thịt của tôi. Cô đến chỗ mẹ tôi khóc lóc, nức nở, dọa tự tử rồi dọa tự thiêu. Mẹ hết sức hả dạ; đó là tất cả những gì bà mong chờ ở tôi. Cuối cùng tôi cũng trở thành một người thuộc giới thượng lưu. Ngay hôm đó, cả chợ Buffa biết chuyện. Còn quan điểm của cô bé bán thịt của tôi rất đơn giản: tôi phải lấy cô. Cô đòi nợ với một trong những lý lẽ kỳ lạ nhất mà tôi từng nghe thấy, kiểu gái chưa hoang bị bỏ rơi:

– Anh ấy đã cho cháu đọc Proust, Tolstoi và Dostoievski, cô gái khôn khổ tuyên bố với ánh mắt đau xé ruột gan. Giờ cháu sẽ ra sao đây?

Phải nói rằng mẹ rất ấn tượng trước bằng chứng hiển nhiên về những ý định của tôi và nhìn tôi ra vẻ khổ tâm. Rõ ràng tôi đã đi quá xa. Chính tôi cũng cảm thấy bối rối vì đúng là tôi đã cho Adèle ngón liên tục tất cả các tác phẩm của Proust, và đối với cô như thế chẳng khác gì cô đã may váy cưới rồi. Lạy Chúa! Tôi còn cho cô học thuộc lòng một số đoạn trong *Zarathoustra* đã nói như thế, và tất nhiên tôi không thể nào trốn được nữa... Nói đúng ra thì cô ấy chưa mang thai những tác phẩm của tôi, nhưng dù sao những tác phẩm này cũng đã đặt cô ấy vào một trạng thái rất thú vị.

Điều khiến tôi kinh hãi là tôi cảm thấy mẹ mềm yếu đi. Bỗng nhiên mẹ dịu dàng với Adèle một cách kỳ lạ và giữa hai người bạn

mới quen đó bỗng nảy sinh một tình đoàn kết vốn chỉ tồn tại giữa phụ nữ với nhau. Họ nhìn tôi trách cứ. Họ cùng nhau thở dài. Họ thì thầm. Mẹ mời Adèle uống trà, mẹ còn cho cô ấy nếm món mứt dâu mà mẹ tự tay làm, một cử chỉ của lòng độ lượng. Món ngon này tất nhiên mẹ không được ăn, mẹ chỉ mời một số khách đặc biệt, sau đó bảo họ miêu tả cảm giác món ăn đó mang lại. Cô hàng thịt của tôi rất khéo ăn khéo nói. Tôi cảm giác mình toi rồi. Uống trà xong, mẹ kéo tôi vào phòng làm việc.

- Con yêu nó vì tình chứ?
- Không. Con yêu cô ấy, nhưng không phải vì tình.
- Thế sao con lại hứa với nó?
- Con có hứa đâu.

Mẹ nhìn tôi, vẻ trách cứ.

- Proust có bao nhiêu tập sách cả thầy?
- Mẹ nghe này...

Mẹ lắc đầu.

– Như thế là không tốt, mẹ nói. Như thế là không tốt. Bỗng nhiên giọng mẹ run lên rồi bà bật khóc trước sự sững sờ của tôi. Mẹ nhìn tôi bằng vẻ chăm chú quen thuộc, ngắm từng chi tiết trên mặt tôi - bỗng nhiên tôi nhận ra mẹ đang tìm một điểm tương đồng nào đó, tôi gần như sợ mẹ yêu cầu tôi lại gần cửa sổ và ngước mắt lên.

Dù sao thì mẹ cũng không ép tôi cưới cô hàng thịt do vậy tránh cho cô ấy một số mệnh nghiệt ngã, thế nên hai mươi năm sau, khi Adèle hãnh diện giới thiệu tôi với chín người con của cô ấy, tôi không cảm thấy ngạc nhiên trước thái độ biết ơn nồng hậu mà cả gia đình họ dành cho tôi: họ mang ơn tôi trong mọi chuyện. Chồng Adèle đã không nhảm, anh bắt tay tôi rất lâu và dạt dào tình cảm.

Tôi nhìn chín gương mặt thiên thần đang ngược về phía mình, cảm thấy xung quanh là sự thoải mái bình yên của tổ ấm ấy, tôi liếc trộm tủ sách, chỉ thấy mỗi cuốn *Những cuộc phiêu lưu của các chàng lười*, và tôi cảm thấy mình đã có chút thành công nào đó trong đời, cảm thấy mình đã là một người cha tốt, bằng sự vắng mặt của mình.

Đã giáp thu và tôi sắp phải đi Paris. Tám ngày trước khi tôi lên đường đến Babylone, mẹ tôi nổi hứng mộ đạo. Cho tới lúc đó, tôi chưa bao giờ nghe mẹ nói về Chúa trời, mà nếu có thì mẹ chỉ nói với thái độ tôn trọng bình thường, như nói về một người nào đó đã rất thành công trong cuộc sống. Mẹ luôn tôn kính Đấng Sáng tạo, nhưng chỉ là sự tôn kín suông và chung chung như mẹ vẫn thường đối xử với những người có địa vị. Thế nên tôi rất ngạc nhiên khi mẹ mặc áo khoác, cầm gậy rồi bảo tôi đưa bà đến nhà thờ Nga ở Công viên Hoàng gia.

- Nhưng con tưởng chúng ta là người Do Thái?
- Không sao, mẹ biết ông giáo trưởng mà.

Tôi thấy lời giải thích này nghe được. Mẹ tôi tin tưởng vào các mối quan hệ cá nhân, ngay cả trong quan hệ với Đấng Toàn năng.

Thời nhỏ, tôi từng hướng về Chúa nhiều lần, thậm chí tôi đã cải đạo thực sự, dù là tạm thời, khi lần đầu tiên mẹ bị hạ đường huyết và tôi bất lực chứng kiến mẹ hôn mê vì insulin. Nhìn thấy gương mặt nhợt nhạt, mái đầu gục xuống, bàn tay ôm ngực, sự buông xuôi sức lực hoàn toàn trong khi còn bao nhiêu gánh nặng phải cáng đáng, tôi lao ngay vào nhà thờ đầu tiên trên đường và đó là nhà thờ Đức Bà. Tôi lén lút đi nhà thờ vì sợ mẹ thấy trong sự cầu viện trợ giúp từ bên ngoài này dấu hiệu của thái độ thiếu tin tưởng vào mẹ

cũng như dấu hiệu cho thấy tình trạng của mẹ trầm trọng như thế nào. Tôi sợ mẹ bỗng tưởng tôi không còn tin mẹ nữa, tưởng tôi trông chờ vào người khác và tưởng khi tôi hướng về một người khác là tôi đang từ bỏ bà. Nhưng rất nhanh, ý nghĩ của tôi về sự vĩ đại thần thánh tỏ ra không thể dung hòa với những gì tôi thấy trên mặt đất, và chính đây mới là nơi tôi muốn thấy gương mặt mẹ nở nụ cười hạnh phúc. Dù vậy, tôi không tài nào chịu nổi hai chữ “vô thần”; tôi thấy hai chữ này ngớ ngẩn, hẹp hòi, bốc mùi bụi bần của nhiều thế kỷ, xưa cũ, thiên cận một cách tầm thường và phản động thế nào đó mà tôi không thể xác định, nhưng hai chữ đó quảng tôi ra khỏi chính mình như những ai tự mãn nghĩ mình đã được giải phóng và có hiểu biết.

– Thôi được. Ta đi nhà thờ Nga ở Công viên Hoàng gia nhé.

Tôi đưa tay cho mẹ. Mẹ bước còn khá nhanh, với dáng đi quả quyết của những người có mục đích sống. Giờ đây mẹ đã phải đeo kính, cặp kính đôi mỗi càng khiến đôi mắt xanh của mẹ đẹp hơn. Mắt mẹ rất đẹp. Mặt mẹ đã có nhiều nếp nhăn, vóc dáng mẹ cũng không thẳng như trước nữa. Càng ngày mẹ càng tỉ mỉ lên cây gậy của mình. Thế mà mẹ chỉ mới năm mươi lăm tuổi. Mẹ còn bị bệnh eczema ở cổ tay. Người ta không có quyền đối xử với con người như vậy. Hồi ấy, tôi từng mơ mình biến thành một cái cây có vỏ rất cứng, hoặc thành một con voi có làn da dày gấp trăm lần làn da tôi. Tôi cũng từng cầm kiếm, đến bây giờ vẫn vậy, ra sân rồi không chào hỏi như thường lệ mà đấu kiếm với từng tia nắng. Tôi vào vị trí, gặp người lại, nhảy lên, xông vào, cố gắng đánh trúng, thỉnh thoảng kêu lên: “Này!” - tôi lao về phía trước, tôi tìm kẻ thù, tôi giả vờ, tôi thư giãn một chút như trước đây, trên sân tennis Công

viên Hoàng gia, tôi đã từng nhảy điệu vũ tuyệt vọng theo những quả bóng mà mình không bao giờ đánh trúng.

Trong số những người thích đấu kiếm khác, tôi rất khâm phục Malraux. Trên sàn đấu, ông là người tôi ưa thích nhất. Theo tôi, chính nhờ bài thơ về nghệ thuật của Malraux mà ông trở nên nổi tiếng là tác giả-diễn viên của tấn bi kịch của chính ông. Một diễn viên kịch câm, đúng hơn là một diễn viên kịch câm toàn năng: khi một mình tung hứng ba quả bóng trên đỉnh đầu, đối diện với trời cao để chứng tỏ khả năng của mình, tôi nghĩ đến Malraux. Cùng với Chaplin trước đây, ông chắc chắn là diễn viên kịch câm xót xa nhất về thân phận làm người mà thế kỷ này từng chứng kiến. Tư tưởng đón đầu bị sa vào nghệ thuật này, bàn tay chìa ra cho Thượng đế mà chỉ nắm được một bàn tay con người này, trí thông minh tuyệt vời bị buộc phải tự hài lòng với chính mình này, khát vọng được khám phá, được đoán ra, được vượt qua, được trở thành siêu việt nhưng cuối cùng chỉ đạt được sắc đẹp này, tất cả những thứ đó, với tôi, đã là một sự khích lệ thân tình trên sân đấu.

Chúng tôi đi dọc đại lộ Carlone, về phía đại lộ Tzare-vitch. Nhà thờ vắng bóng người nên mẹ tôi có vẻ hài lòng vì trong chừng mực nào đó, bà được nắm độc quyền.

– Chỉ có chúng ta, mẹ nói. Ta không phải chờ.

Mẹ nói như thể Chúa là một vị bác sĩ và chúng tôi may mắn đến vào giờ vắng bệnh nhân. Mẹ làm dấu và tôi cũng làm dấu. Mẹ quỳ trước bàn thờ còn tôi quỳ bên cạnh mẹ. Những giọt nước mắt lăn trên mặt mẹ, môi mẹ run run áp úng những lời cầu nguyện cổ bằng tiếng Nga, những từ như *Yessouss Christoss* lặp đi lặp lại nhiều lần. Tôi ngồi bên cạnh mẹ, mắt nhìn xuống. Mẹ đập đập ngực mình, và một lần, không quay về phía tôi, mẹ thì thào:

– Con hãy thề với mẹ là con không bao giờ nhận tiền của phụ nữ!

– Con xin thề.

Mẹ không hề mảy may nghĩ rằng chính mẹ cũng là phụ nữ.

– Lạy Chúa, xin Người hãy giúp con tôi đứng vững, xin Người hãy giúp con tôi đứng thẳng, đừng để con tôi mang bệnh mang tật.

Quay về phía tôi:

– Hãy thề với mẹ là luôn cẩn thận! Hãy hứa với mẹ là sẽ không mắc bệnh gì hết.

– Con hứa với mẹ.

Mẹ còn ở đó một lúc lâu nữa, bà không cầu nguyện mà chỉ khóc. Rồi tôi đỡ mẹ đứng dậy, đi ra phố. Mẹ lau nước mắt và bỗng tỏ ra rất mãn nguyện. Trên mặt mẹ thậm chí còn có nét gì đó giống như cái mếu hơi trẻ con, khi mẹ quay lại nhìn nhà thờ lần cuối cùng.

– Ai mà biết được, mẹ nói.

Sáng hôm sau, tôi lên xe khách đi Paris. Trước khi đi, tôi phải ngồi một lúc vì người Nga mê tín cho rằng đó là cách xua đuổi những điều không may. Mẹ đưa cho tôi năm trăm quan, bắt tôi phải để trong chiếc túi đeo quanh người, dưới áo sơ mi, chắc là để đề phòng trường hợp kẻ cướp bắt xe khách dừng lại. Tôi tự hứa với mình rằng đó sẽ là món tiền cuối cùng tôi nhận của mẹ, và dù không hoàn toàn giữ lời nhưng khi ấy tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm rất nhiều.

Ở Paris, tôi giam mình trong một gian phòng khách sạn chật chội và chênh mảng việc học hành tại Đại học Luật, tôi bắt đầu say

sua viết. Giữa trưa, tôi đến phố Mouffetard mua bánh mì, pho mát và tất nhiên là dưa chuột muối. Chẳng bao giờ tôi mang được dưa chuột về nhà trong tình trạng nguyên vẹn: tôi vừa đi trên phố vừa ăn ngấu nghiến. Trong nhiều tuần, đó là nguồn vui duy nhất của tôi. Vậy mà cũng đâu thiếu những cảm dỗ. Khi đang dựa lưng vào tường đứng ăn trên phố, nhiều lần mắt tôi hút theo một cô gái có vẻ đẹp lạ thường với đôi mắt huyền và mái tóc nâu, mượt mà có một không hai trong lịch sử mái tóc con người. Cô ấy đi chợ cùng giờ với tôi còn tôi thì có thói quen rình cô bước đi trên phố. Tôi tuyệt đối không mong chờ gì ở cô - thậm chí tôi không thể mời cô đi xem phim là đằng khác - tất cả những gì tôi muốn là có thể vừa ăn dưa chuột vừa thưởng thức cô bằng ánh mắt. Khi nào tôi cũng có nguy cơ đối trước màn trình diễn của sắc đẹp, trước cảnh vật, màu sắc và phụ nữ. Cuối cùng thì cô gái trẻ cũng nhận ra tôi đang nhìn cô với ánh mắt khác lạ, miệng ngiên ngẩu những quả dưa chuột muối. Sở thích rau quả vô độ của tôi, tốc độ ngấu nghiến của tôi chắc đã khiến cô khá ấn tượng cho nên mắt nhìn chăm chăm, cô vừa đi qua tôi vừa mỉm cười. Cuối cùng, một ngày đẹp trời nọ, vì tôi quá xuất sắc ngốn hết một quả dưa chuột to tướng, cô đi qua thấy thế không chịu được nữa bèn nói với tôi, giọng có chút gì đó như một sự quan tâm thật lòng:

– Này, cứ như thế thì rốt cuộc anh cũng toi mạng đấy.

Chúng tôi làm quen với nhau. May mà cô gái đầu tiên tôi yêu ở Paris là một người hoàn toàn vô tư. Cô là sinh viên và cùng với chị gái mình là hai người xinh nhất Khu Latin thời ấy. Thanh niên đi xe ô tô đến tán cô rất đều đặn, mãi đến bây giờ, hai mươi năm sau, khi tôi vô tình thấy cô ở Paris, tim tôi vẫn đập thành thịch, thế là tôi ghé

vào quầy thực phẩm Nga đầu tiên mình gặp trên đường để mua nửa ký dưa chuột muối.

Một buổi sáng, khi chỉ còn năm mươi quan và việc xin tiền mẹ lại lần nữa trở nên bức thiết thì lúc mở tờ tuần báo *Gringoire* ra, tôi thấy truyện ngắn *Con giông* của mình chiếm cả một trang, còn tên tôi được in đậm ở những chỗ cần thiết.

Tôi từ từ gấp tờ báo lại rồi về nhà. Tôi chẳng thấy vui vẻ gì, trái lại còn cảm thấy mệt mỏi và buồn bã một cách lạ lùng: tôi vừa chém nhát gươm đầu tiên xuống nước.

Thế nhưng, khó mà miêu tả được cảm giác của mọi người ở chợ Buffa khi truyện ngắn được in. Cả phường cả hội tổ chức uống mừng mẹ tôi, người ta đọc cả diễn văn bằng giọng miền Nam. Mẹ bỏ tờ báo vào túi xách để rồi không bao giờ rời xa nó nữa. Chỉ hơi xích mích với ai đó là mẹ rút tờ báo, giở ra, ấn trang có tên tôi vào mặt đối thủ rồi nói:

– Hãy nhớ là ông đang hân hạnh được nói chuyện với ai nhé! Nói xong, mẹ ngẩng cao đầu, hãnh diện rồi đấu trường, trước ánh mắt sừng sốt của những người có mặt.

Tôi được trả một nghìn quan cho truyện ngắn đó và lần này thì tôi thực sự cuống lên. Chưa bao giờ tôi thấy một khoản tiền như vậy và bỗng trở nên cực đoan như người mà tôi biết rất rõ, tôi cảm thấy mình được an thân cho đến hết đời. Việc đầu tiên tôi làm là đến quán bia Balzar thưởng thức hai suất dưa bắp cải và thịt bò hầm đậm muối. Tôi vẫn luôn là một kẻ phàm ăn và càng cố giảm thì tôi lại càng ăn nhiều. Tôi thuê phòng ở quận năm có cửa sổ hướng ra mặt phố, tại đó tôi viết cho mẹ một lá thư rất nhẹ nhàng, trong thư ấy tôi giải thích là từ giờ tôi đã ký hợp đồng thương

xuyên với *Gringoire* và một số tạp chí khác, nếu mẹ cần tiền thì chỉ cần cho tôi biết. Tôi gửi cho mẹ một lọ nước hoa rất lớn cùng một bó hoa qua đường bưu điện. Tôi tự mua cho mình một hộp xì gà và một chiếc áo vest thể thao. Xì gà khiến tôi đau tim nhưng lại giúp tôi quyết tâm sống tốt nên tôi hút đến tận điều cuối cùng. Xong đâu đấy, tôi viết ba truyện ngắn liền, cả ba truyện ngắn này sau đó đã bị trả lại, không những *Gringoire* mà tất cả các tuần báo Paris khác. Trong thời gian sáu tháng, không có tác phẩm nào của tôi được ra mắt công chúng. Chúng bị đánh giá là quá “văn chương”. Tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra với mình. Từ đó, tôi đã ngộ ra. Được thành công đầu tiên khích lệ, tôi thả mình theo nhu cầu giày vò tâm can là bắt được quả bóng cuối cùng bằng mọi giá, là giải quyết đến tận cùng vấn đề chỉ bằng một nét bút, và vì vấn đề không có điểm tận cùng và vì dù sao tay tôi cũng không đủ dài, nên một lần nữa, tôi lại rơi vào tình cảnh một thằng hề nhảy tung tung trên sân tennis ở Công viên Hoàng gia, cuộc trình diễn của tôi có bi hài đến mấy cũng chỉ có thể làm công chúng ngao ngán vì nó bất lực trong việc chế ngự cái mà chính bản thân tôi cũng không nắm bắt nổi, thay vì trấn an công chúng bằng sự thoải mái và bằng khả năng làm chủ của những tay chuyên nghiệp, những người biết cách làm chủ phần nào các khả năng của mình. Tôi đã phải mất nhiều thời gian mới chấp nhận được chuyện độc giả có một số quyền và như ở Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts, cần phải cho anh ta biết số phòng, đưa cho anh ta chìa khóa, dẫn anh ta lên tầng để chỉ cho anh ta đèn đóm và các vật dụng cần thiết ở đâu.

Tôi sớm bị lâm vào cảnh thiếu thốn vật chất một cách tuyệt vọng. Không những tiền của tôi đã bốc hơi với tốc độ khó tin, mà tôi còn luôn nhận được những lá thư của mẹ, những lá thư đầy tự

hào và biết ơn. Mẹ yêu cầu tôi thông báo trước cho bà ngày xuất bản các kiệt tác tương lai của tôi để bà khoe với cả khu phố.

Tôi không lòng dạ nào thú nhận nỗi với mẹ sự thất vọng của mình.

Tôi phải dùng đến một cái mẹo rất khéo mà đến giờ tôi vẫn rất lấy làm tự hào.

Tôi viết cho mẹ một lá thư giải thích rằng chủ bút của các tờ báo yêu cầu tôi viết những truyện ngắn đáp ứng thị hiếu thị trường một cách hết sức hèn hạ, rằng tôi phải từ chối làm bản danh tiếng văn chương của mình và không ký thẳng tên mình dưới những truyện ngắn đó. Thế nên tôi tâm sự với mẹ rằng với những tác phẩm hạ cấp này, tôi sẽ ký bằng các bút danh khác nhau - đồng thời tôi cũng xin mẹ đừng tiết lộ mưu mẹo của tôi để không làm buồn lòng bạn bè tôi, các giáo viên trường trung học Nice của tôi, tóm lại là tất cả những ai kỳ vọng vào tài năng và đức tính chính trực trong con người tôi.

Sau đó, tuần nào tôi cũng thảo nhiên cắt các tác phẩm của đồng nghiệp đã được in trên những tờ tuần báo Paris rồi gửi cho mẹ, trong cảm giác lương tâm thanh thản và hoàn thành nghĩa vụ.

Giải pháp này giải quyết được vấn đề đạo đức, nhưng vấn đề vật chất vẫn nguyên đó. Tôi không còn tiền để trả tiền nhà và nhiều ngày tôi không có gì ăn. Tôi thà chết đói còn hơn là tước đoạt của mẹ những ảo tưởng chiến thắng.

Mỗi lần nhớ đến thời kỳ ấy, đầu óc tôi lại hiện ra khung cảnh một buổi tối đặc biệt u buồn. Từ hôm trước đó, tôi đã không ăn gì rồi. Thời ấy tôi hay đi thăm một người bạn đang sống cùng bố mẹ ở

gần ga tàu điện ngầm Lecourbe, tôi để ý là nếu tính toán đúng thời điểm tới nhà anh ấy thì thẻ nào cũng được mời ở lại ăn tối.

Bụng đói meo, tôi quyết định đi thăm họ. Thậm chí tôi còn mang theo một bản thảo để cho ông bà Bondy đọc, trong lòng cảm thấy rất có thiện cảm với họ. Tôi đói bụng khủng khiếp nên ước lượng thời gian thật cẩn thận để đến đúng lúc ăn món canh. Mới tới quảng trường Contrescarpe, chỗ mà từ đó tôi phải đi bộ bốn mươi lăm phút nữa mới đến phố Lecourbe - tôi làm gì có tiền đi tàu điện ngầm - tôi đã ngửi thấy mùi vị thơm ngon của món canh khoai tây nấu với tỏi tây rồi. Tôi nuốt nước bọt, mắt tôi có lẽ ánh lên vẻ dâm dục điên rồ vì những phụ nữ đi một mình nhìn thấy tôi đều lạng lẽ tránh ra rồi rào bước. Tôi gần như chắc là sẽ có cả món xúc xích Hungary và bánh sô cô la nữa, vẫn luôn như thế mà. Tôi tin rằng chưa bao giờ mình đi gặp người yêu mà trong lòng lại hồ hởi hơn.

Khi tôi đến nơi, lòng ngập tràn tình bằng hữu thì không ai trả lời hỏi chuông tôi bấm: bạn bè tôi đã đi khỏi cả rồi.

Tôi ngồi ở cầu thang rồi chờ một tiếng, hai tiếng. Nhưng vào khoảng mười một giờ, ý thức tối thiểu về phẩm cách - bất cứ ai cũng luôn có ý thức này đâu đó - đã ngăn tôi chờ họ về đến tận nửa đêm, để xin ăn.

Tôi đứng dậy rồi quay về phố Vaugirard chết tiệt, lòng cảm thấy bất mãn, sự bất mãn mà bất cứ người nào cũng có thể hình dung ra.

Và đó là lúc cuộc đời quán quân của tôi đạt tới đỉnh cao khác.

Đến vườn Luxembourg, tôi đi qua quán bia Médicis. Run rủi thế nào mà vào giờ muộn thế này, qua tấm rèm cửa bằng vải tyn trắng tôi lại thấy một nhà tư sản trung hậu đang ăn món bít tết táo hấp.

Tôi dừng bước, liếc nhìn món bít tết táo hấp một cái rồi ngất xỉu.

Không phải tôi ngất vì đói. Đúng là hôm trước đó tôi không ăn gì, nhưng thời ấy tôi bèn sức lắm, thường hai ngày không ăn mà vẫn chẳng thoái thác bất cứ việc gì.

Tôi đã bất tỉnh vì giận, vì phần nộ và nhục nhã. Tôi không chấp nhận nỗi chuyện một con người lại có thể sa vào tình cảnh như thế, đến giờ vẫn không chấp nhận nỗi. Tôi đánh giá các chế độ chính trị theo lượng thức ăn mà các chế độ này mang lại cho mỗi người, và khi họ buộc vào đó một sợi dây nào đấy, khi họ đặt vào đó các điều kiện thì họ chỉ gây cho tôi cảm giác buồn nôn: con người có quyền được ăn vô điều kiện.

Cổ họng tôi thắt lại vì điên tiết, tay co lại thành nắm đấm, mắt tôi dần rồi tôi ngã sõng soài trên vỉa hè. Chắc hẳn tôi đã nằm đó một lúc lâu vì khi mở mắt ra thì tôi thấy nhiều người đang vây quanh. Lúc ấy tôi ăn mặc chỉnh tề, tay thậm chí còn đeo găng, may mà không ai nghi ngờ về lý do làm tôi bất tỉnh. Người ta đã gọi xe cứu thương cho tôi, tôi rất muốn để mặc người ta làm gì thì làm: tôi chắc chắn rằng ở bệnh viện, tôi sẽ có gì đó để lót dạ bằng cách này hay cách khác. Nhưng tôi không để mặc một cách dễ dãi như thế. Xin lỗi vài câu, tôi thoát khỏi sự chú ý của đám đông rồi về nhà. Thật lạ là tôi không còn thấy đói. Cú sốc nhục nhã và cơn bất tỉnh đã khiến cái dạ dày của tôi không còn là đối tượng nổi bật nữa. Tôi bật đèn, cầm bút rồi bắt đầu viết truyện ngắn mang tiêu đề *Người đàn bà nhỏ bé* mà *Gringoire* cho in vài tuần sau đó.

Tôi cũng tự vấn lương tâm. Tôi phát hiện ra mình luôn tỏ vẻ quá quan trọng và thiếu đức tính nhún nhường cùng khiêu hài hước. Tôi

cũng thiếu tin tưởng ở đồng loại và đã không cố gắng khám phá đầy đủ những khả năng có thể tồn tại trong bản chất con người, thứ bản chất dù sao cũng không thể hoàn toàn thiếu tính độ lượng. Ngay sáng hôm sau, tôi đã thử làm một việc và những quan điểm lạc quan của tôi được khẳng định hoàn toàn. Tôi bắt đầu bằng việc mượn anh chàng phục vụ một quan, lấy có đã mất ví tiền. Sau đó, tôi đến quán Capoulade gọi một tách cà phê, thọc tay vào giỏ bánh sừng bò. Tôi ăn bảy cái. Tôi gọi thêm một tách cà phê nữa. Rồi tôi nghiêm trang nhìn vào mắt anh hầu bàn - anh chàng tội nghiệp đó không ngờ rằng cả nhân loại đang soi xét con người anh ta.

– Hết bao nhiêu tiền?

– Máy cái bánh?

– Một, tôi nói.

Anh hầu bàn nhìn giỏ bánh đã vơi gần hết. Rồi anh ta nhìn tôi. Rồi anh ta lại nhìn giỏ bánh. Rồi anh ta lắc đầu.

– Khi thật, anh ta nói. Cậu đang đùa thì có.

– Có thể là hai cũng nên, tôi nói.

– Được, được rồi, thế là hiểu rồi, anh hầu bàn nói. Không chậm hiểu đâu. Hai cà phê, một cái bánh, cậu phải trả bảy mươi lăm xu.

Ra khỏi quán, tôi hoàn toàn thay đổi. Có gì đó reo lên trong lòng tôi: có thể là bánh sừng bò cũng nên. Từ hôm đó, tôi trở thành vị khách trung thành nhất của quán Capoulade. Thỉnh thoảng anh chàng Jules khốn khổ, đó cũng là tên của người Pháp vĩ đại ấy, la lên rụt rè, không được tự tin cho lắm.

– Cậu không thể đi chỗ khác nhậu à? Cậu sẽ làm ông chủ chửi tôi đấy.

– Tôi không thể, tôi nói với anh ta. Cậu là cha là mẹ tôi.

Thỉnh thoảng anh ta lao vào những bài toán số học mập mờ, tôi thì lơ đãng nghe.

– Hai cái bánh à? Cậu dám nhìn vào mắt tôi mà nói câu đó không? Cách đây ba phút trong giỏ còn những chín cái kia mà.

Tôi lạnh lùng đón nhận câu nói đó.

– Kẻ cắp thì đâu chả có, tôi nói.

– Mẹ kiếp! Jules thán phục nói. Cậu cả gan thật đấy.

Thế đúng ra là cậu học gì?

– Luật. Tôi sắp tốt nghiệp cử nhân luật.

– Thế à, thằng đều! Jules nói.

Chúng tôi trở thành bạn bè. Khi truyện ngắn thứ hai của tôi xuất hiện trên báo Gringoire, tôi đề tặng cậu ta một tờ.

Tính từ năm 1936 đến năm 1937, tôi ăn hết từ một nghìn đến một nghìn năm trăm cái bánh sừng bò ở quán Capoulade mà không trả tiền. Tôi coi đó như một loại học bổng mà quán này cấp cho tôi.

Tôi vẫn luôn vô cùng yêu mến bánh sừng bò. Tôi thấy hình dạng, độ giòn cùng độ nóng của loại bánh này có cái gì đó rất thân thiện và dễ thương. Tôi không ăn nhiều như trước đây nữa và quan hệ giữa tôi với bánh sừng bò ít nhiều đã trở nên thuần khiết hơn. Nhưng tôi muốn biết là chúng vẫn luôn ở đó, ở trong giỏ trên quầy. Chúng làm được nhiều điều cho thế hệ sinh viên trẻ hơn là cho nền Cộng hòa thứ ba. Như tướng de Gaulle hẳn sẽ nói, đó là những người pháp tốt.

CHƯƠNG XXV

Truyện ngắn thứ hai của tôi trên tờ *Gringoire* xuất hiện rất đúng lúc. Mẹ vừa viết cho tôi một lá thư đầy phần nộ, bà kể đã cảm gậy định làm bẽ mặt một người ở khách sạn vì ông ta tự cho mình là tác giả của câu chuyện mà tôi đăng với bút danh André Corthis. Tôi hoảng quá: André Corthis đúng là có thật và quả thực ông ta là tác giả của truyện ngắn đó. Việc giúp mẹ tôi về mặt vật chất lúc này đang trở nên cấp bách. *Người đàn bà nhỏ bé* được in đúng thời điểm và kèn trống vinh quang lại tiếp tục vang lên ở chợ Buffa. Nhưng lần này tôi đã hiểu ra là mình không thể sống với ngòi bút không thôi, vì thế tôi bắt đầu đi tìm “việc làm”, hai từ mà tôi quả quyết nói lên với hơi chút bí hiểm.

Tôi lần lượt làm hầu bàn trong một quán ăn tại Montparnasse, giao hàng bằng xe ba bánh ở nhà hàng “Ăn trưa - Ăn tối - Những Bữa ăn Ngon”, tiếp tân cho một khách sạn hạng sang trên Quảng trường Ngôi sao, đóng vai phụ trong các bộ phim, rửa bát đĩa ở Larue, Ritz và ghi chép sổ sách ở Khách sạn Lapérouse. Tôi đã làm việc ở Rạp Xiếc Mùa đông, ở “Mimi Pinson”, tôi đã đi bán quảng cáo du lịch cho tờ *Le Temps*, tôi cũng làm việc cho một phóng viên tuần báo *Voilà* bằng cách đi điều tra thật kỹ về khung cảnh, không khí và nhân viên của hơn một trăm nhà thổ ở Paris. Tuần báo *Voilà* không bao giờ in cuộc điều tra đó và tôi phần nộ khi được biết mình đã góp công vào việc viết nên cuốn sách hướng dẫn mật dành cho khách du lịch của Gai-Paree mà không hề hay biết. Thêm vào đó, tôi lại không được trả công, tay “nhà báo” ấy đã biến mất không

để lại dấu vết. Tôi còn làm công việc dán nhãn lên hộp và có lẽ tôi là một trong những người hiếm hoi đã vẽ hươu cao cổ, một công việc rất tinh tế trong xưởng sản xuất đồ chơi, tại xưởng này tôi cầm bút lông vẽ ba giờ mỗi ngày. Trong tất cả những nghề tôi làm thời đó thì công việc lễ tân ở một khách sạn hạng sang cỡ lớn trên Quảng trường Ngôi sao đúng là vất vả nhất. Tôi luôn bị lão trưởng quầy lễ tân đối xử trịch thượng bởi lão ta ghét “trí thức” - người ta biết tôi là sinh viên luật - trong khi nhân viên phục vụ thì đều pê đê cả. Tôi ghê tởm những đứa trẻ mười bốn tuổi chuyên tự tìm đến khách để đề nghị cung cấp những dịch vụ cụ thể nhất, bằng loại ngôn từ không thể nhầm lẫn được. Hóa ra, việc tới thăm các nhà chứa cho tạp chí *Voilà* chẳng khác gì một chuyến đi hóng mát.

Đừng tưởng ở đây tôi gạt bỏ những người đồng tính luyện ái. Tôi không việc gì phải chống lại họ - mà tôi cũng chẳng có gì cho họ. Những nhân vật đồng tính luyện ái cao siêu nhất thường kín đáo khuyên tôi đi khám phân tâm để xem tôi có thể vót vát được nữa không và để tìm hiểu xem tình yêu của tôi đối với phụ nữ phải chăng là do hồi nhỏ tôi bị chấn thương tinh thần nào đó mà giờ có thể chữa được. Tôi phải tính hay trầm tư, hơi buồn, tôi khá hiểu là vào thời chúng tôi, sau tất cả những gì đã xảy ra, từ các trại tập trung đến chế độ nô lệ dưới hàng nghìn hình thức rồi bom khinh khí, thì không thực sự có lý do gì để con người không... thêm. Sau khi chấp nhận những gì chúng ta đã chấp nhận, chẳng hạn như sự hèn nhát và nhục nhã, con người ta không hiểu nổi vì lẽ gì mà bỗng nhiên mình lại tỏ ra vẻ khó tính, làm cao. Nhưng phải nhìn xa trông rộng. Tôi nghĩ tốt nhất là con người thời đại chúng ta ít ra thì cũng nên gìn giữ nguyên vẹn một góc nhỏ nào đó trong mình, để dành chút gì đó cho tương lai, để còn lại cái gì đó cho con cháu.

Việc tôi thích nhất là giao hàng bằng xe ba bánh. Tôi luôn thích nhìn thức ăn nên khoái chở những món ăn ngon chạy khắp Paris. Đi đâu tôi cũng được đón tiếp một cách vui vẻ và sốt sắng. Khi nào người ta cũng chờ đợi tôi. Một hôm, tôi phải giao bữa ăn nhẹ, gồm trứng cá muối, rượu sâm banh, gan ngỗng - một cuộc sống đích thực - đến quảng trường Ternes. Một phòng nhỏ trên tầng sáu. Tôi được một người đàn ông lịch sự, tóc điểm hoa râu, có lẽ bằng tuổi tôi bây giờ đón tiếp. Ông ta mặc thứ mà thời ấy người ta gọi là “áo vest trong”. Bộ đồ ăn được bày ra cho hai người. Người đàn ông mà tôi nhận ra là một nhà văn nổi tiếng ấy ngao ngán nhìn thức ăn tôi mang đến. Bỗng tôi để ý thấy ông ta có vẻ rất chán nản.

– Anh bạn ạ, ông ta nói, hãy luôn nhớ điều này: tất cả bọn đàn bà con gái đều là đĩ. Nhẽ ra ta phải biết điều đó. Ta đã viết bảy tiểu thuyết về họ.

Ông ta kinh hãi chăm chú nhìn trứng cá muối, rượu sâm banh và thịt gà nấu đông, ông ta thở dài.

– Anh có bồ chứ?

– Không, tôi trả lời. Tôi cháy túi mà.

Ông ta có vẻ đồng tình, xúc động.

– Anh còn rất trẻ, ông ta nói, nhưng anh có vẻ am hiểu phụ nữ đấy.

– Tôi biết một vài người gì đấy, tôi khiêm tốn nói với ông ta.

– Đĩ à? ông ta hỏi tôi, vẻ hy vọng.

Tôi thèm thường nhìn trứng cá muối. Món thịt gà nấu đông cũng không tồi.

– Ông đừng nói với tôi về phụ nữ nữa, tôi nói. Tôi quá khổ sở vì họ rồi.

Ông ta có vẻ thỏa mãn.

– Thế họ đã lừa anh à?

– Ôi! Chao ôi! tôi vừa nói vừa làm ra vẻ cam chịu.

– Dù sao thì anh vẫn còn trẻ và khá đẹp trai.

– Sư phụ ơi, tôi nói, cố gắng không nhìn vào món thịt gà. Tôi đã từng bị cấm sừng sư phụ ạ, bị mọc sừng một cách tệ hại. Hai người đàn bà tôi từng yêu thật lòng đã đá tôi để theo những ông năm mươi tuổi - tôi đang nói gì nhỉ? Năm mươi à? Một trong số hai ông này đã lục tuần rồi.

– Không phải thế chứ? ông ta nói, về khoái chí. Kể nghe xem nào. Này, ngồi xuống đây. Giải quyết những món ăn chết tiệt này đi. Sao cho chúng biến mất càng sớm càng tốt.

Tôi lao vào món trứng cá muối. Còn món gan ngỗng và thịt gà nấu đông tôi làm một loáng là hết. Tôi mà ăn là ăn ra trò. Tôi không tí mĩ tử mẫn, không do dự băn khoăn. Tôi ngồi vào bàn rồi chiến đấu! Thường thì tôi không thích món thịt gà, lúc nào nó cũng hơi quý quyết trừ phi được nấu với nấm mỡ gà và ngải thơm. Nhưng mà dù sao vẫn cứ ăn được. Tôi kể cho ông ta việc hai cô gái trẻ đẹp có chân tay xinh xắn, có đôi mắt khó quên đó đã bỏ rơi tôi như thế nào để theo đuổi những người đàn ông chín chắn, tóc điểm hoa râm, trong đó có một người là nhà văn khá nổi tiếng.

– Chắc chắn là phụ nữ thích những người đàn ông có kinh nghiệm hơn, vị chủ nhà giải thích cho tôi. Khi đi với một người đàn ông lỗi đời và đã thoát khỏi sự... ờ! nồn nóng của tuổi trẻ thì họ cảm thấy phần nào yên tâm.

Tôi vội vàng gạt đầu hướng ứng. Khi đó tôi đang ăn món bánh nướng nhỏ. Vị chủ nhà rót thêm một ít sâm banh cho tôi.

– Anh bạn trẻ ạ, anh phải kiên nhẫn một chút, ông ta độ lượng bảo tôi. Một ngày nào đấy, anh cũng sẽ trở nên chín chắn, khi ấy anh sẽ có cái gì đó để cho phụ nữ - cái mà họ cần nhất - quyền lực, khôn ngoan, một bàn tay bình tĩnh, tự tin. Tóm lại là sự chín chắn. Khi đó anh sẽ biết cách yêu họ và anh sẽ được họ yêu.

Tôi rót thêm rượu sâm banh. Không phải ngưng ngưng gì nữa. Không còn chiếc bánh nướng nào. Tôi đứng dậy. Ông ta lấy trong tủ sách ra một tác phẩm rồi đề tặng tôi. Ông ta đặt tay lên vai tôi.

– Đừng có thất vọng, anh bạn trẻ ạ, ông ta nói. Tuổi hai mươi là lứa tuổi đầy khó khăn. Nhưng không lâu đâu. Đó là thời điểm tồi tệ cần phải vượt qua. Khi bạn gái anh bỏ rơi anh để theo một người đàn ông chín chắn, hãy xem đó như là hứa hẹn tương lai. Một ngày kia, anh cũng sẽ trở thành một người đàn ông chín chắn.

“Mẹ kiếp”, tôi nghĩ bụng, lòng rất lo âu.

Bây giờ khi đã thành người đàn ông chín chắn, phản ứng của tôi vẫn như xưa.

Ông chủ nhà tiễn tôi ra tận cửa. Chúng tôi bắt tay nhau, nhìn vào mắt nhau rất lâu. Một chủ đề hay ho cho giải thưởng thành Rome: Khôn ngoan và Kinh nghiệm chìa tay cho Tuổi trẻ và Hảo huyền.

Tôi cặp cuốn sách vào nách. Nhưng tôi không cần đọc nó. Tôi đã biết trong cuốn sách này có những gì. Tôi thèm được cười to, được huýt gió, được nói chuyện với những người qua đường. Rượu sâm banh và tuổi hai mươi của tôi chấp cánh cho chiếc xe ba bánh. Thế giới này thuộc về tôi. Tôi đập khắp Paris hoa lệ đầy ánh sáng và những vì sao. Tôi huýt sáo, thả tay khỏi ghi đông rồi vung lên

trong không khí, ném những nụ hôn gió cho mấy phụ nữ đi xe hơi một mình. Tôi vượt đèn đỏ và một tay cầm phần nô thôi còi bắt tôi dừng lại.

- Này, gì thế? anh ta cầu nhàu.
- Có gì đâu, tôi vừa nói vừa cợt nhả. Đòi đẹp quá!
- Này, đi đi! anh ta nói, chịu nhường bước trước mặt hiệu đó, với cương vị là người Pháp chính hiệu.

Thời ấy tôi còn trẻ, trẻ hơn tôi tưởng. Mặc dù vậy, sự ngây thơ của tôi đã già cỗi và vỡ mộng. Đúng ra phải là vĩnh cửu: tôi thấy lại sự ngây thơ này ở từng thế hệ trẻ, từ thế hệ những “con chuột” Saint-Germain-des-Prés vào năm 1947 đến *beat generation* ở California mà tôi đã có dịp giao lưu, để thích thú nhận ra, ở những nơi khác và trên những gương mặt khác, vẻ nhăn nhó của tuổi hai mươi đời mình.

CHƯƠNG XXVI

THỜI ĐÓ, TÔI GẶP MỘT CÔ GÁI THỤY ĐIỂN dễ thương như mọi người khắp nơi vẫn hằng mơ tưởng từ khi thế giới hiến tặng Thụy Điển cho con người. Cô ấy tươi vui, xinh đẹp, thông minh và đặc biệt có giọng nói rất quyến rũ - tôi luôn nhạy cảm với giọng nói. Tôi không có khả năng thẩm âm nên giữa tôi và âm nhạc luôn tồn tại một điều hiểu lầm đáng buồn và cam phận. Nhưng tôi lại đặc biệt nhạy cảm với giọng nói của phụ nữ. Tôi không biết là do đâu. Có thể trong tai tôi có cái gì đó đặc biệt, một dây thần kinh nhảm chỗ cũng nên: thậm chí có lần tôi còn đến bác sĩ chuyên khoa xin khám màng nhĩ để xem có bệnh không nhưng ông bác sĩ này chẳng tìm thấy gì. Tóm lại là Brigitte có giọng, còn tôi thì có tai, và chúng tôi sinh ra là để hiểu nhau. Quả thế, chúng tôi rất hợp nhau. Nghe giọng cô là tôi cảm thấy hạnh phúc. Dù có vẻ đã già và hiểu biết, tôi vẫn ngây thơ cho rằng không gì có thể đạt đến sự hòa hợp hoàn hảo như thế. Chúng tôi tạo thành một điển hình về hạnh phúc đến nỗi mà láng giềng của chúng tôi, sinh viên từ khắp nơi và đủ mọi màu da, luôn mỉm cười khi gặp chúng tôi ở cầu thang mỗi sáng. Rồi tôi thấy Brigitte trở nên mơ mộng. Cô thường đi thăm một bà già người Thụy Điển sống ở Khách sạn Danh Nhân trên quảng trường Panthéon. Thỉnh thoảng cô ở lại rất muộn, cho đến một, hai giờ sáng.

Brigitte về nhà trong trạng thái mệt mỏi, thỉnh thoảng xoa má tôi rồi buồn bã thở dài.

Một mối nghi ngờ âm ỉ len lỏi vào lòng tôi: tôi cảm giác người ta giấu mình cái gì đó. Nhờ sớm sáng suốt nên không cần nhiều điều mới kích thích được mối nghi ngờ trong tôi: tôi tự hỏi phải chăng bà già Thụy Điển kia lâm bệnh và đang chết dần chết mòn trong phòng khách sạn. Phải chăng bà ấy chính là mẹ của bạn gái tôi, bà đến Paris để được các bác sĩ chuyên khoa nổi tiếng người Pháp chữa trị? Tâm hồn Brigitte cao cả lắm, cô rất yêu tôi, biết cách giấu tôi nỗi sầu muộn của chính mình, để những nhạy cảm nghệ thuật nơi tôi được yên ổn và tránh làm xáo trộn những cảm hứng văn chương trong tôi. Một hôm, vào khoảng một giờ sáng, nghĩ là Brigitte đang khóc bên giường của kẻ hấp hối nên tôi không thể chịu đựng nổi bèn đến trước Khách sạn Danh Nhân. Lúc ấy trời mưa. Khách sạn đóng cửa. Tôi ngồi phía dưới cổng Đại học Luật rồi lo âu nhìn mặt tiền khách sạn. Bỗng nhiên một cửa sổ ở tầng bốn sáng đèn rồi Brigitte xuất hiện ở ban công, đầu tóc rũ rượi. Cô mặc chiếc áo choàng đàn ông, đứng yên một lúc, mặt phơ ra mưa. Tôi hơi ngạc nhiên. Tôi không hiểu cô ấy đang làm gì ở đó, trong bộ áo choàng đàn ông và đầu tóc rũ rượi. Có thể cô ấy đã mắc mưa và chồng của bà già Thụy Điển cho cô mượn áo trong khi chờ quần áo của cô khô. Một thanh niên vận pyjama bỗng xuất hiện ở ban công rồi đứng chống khuỷu tay bên cạnh Brigitte. Lần này thì tôi thực sự bất ngờ. Tôi không biết là bà già Thụy Điển có con trai. Chính khi đó mặt đất như sụp dưới chân tôi, cả trường Luật như đổ ụp lên người tôi, địa ngục và những điều ghê tởm giăng xé trái tim tôi: gã trai ôm eo Brigitte, và niềm hy vọng cuối cùng của tôi - có thể cô sang phòng bên cạnh xin mực - cũng bỗng chốc tan thành mây khói. Kẻ vô lại ghì lấy Brigitte rồi hôn lên môi cô. Sau đó, hắn kéo cô vào trong, phòng bỗng tối hơn nhưng đèn chưa tắt hẳn: tên

tội phạm muốn vừa làm vừa nhìn. Tôi gào lên một tiếng kinh hoàng rồi lao về phía cửa khách sạn hông ngăn chặn một tội ác. Còn bốn tầng phải leo thế mà tôi nghĩ rằng mình có thể đến kịp, nếu thằng lưu manh không hoàn toàn là một tên súc vật và nếu hẳn ta còn biết đến phép lịch sự. Khôn nổi cửa khách sạn lại đóng nên tôi phải đập mạnh, nhấn chuông, la hét rồi vùng vẫy đủ cách, như thể làm mất bao thời gian quý báu, thời gian càng quý báu hơn khi mà ở trên kia, tình địch của tôi có lẽ không khó khăn vất vả như tôi. Trong cơn hoảng loạn, độ xui xẻo của tôi còn đạt đến đỉnh điểm khi tôi xác định sai cửa sổ, và khi ông gác cổng mở cửa cho tôi, tôi bay như con chim đại bàng từ tầng này lên tầng khác, tôi nhắm cửa phòng, và khi cánh cửa tôi vừa gõ mở ra, tôi nhảy xổ vào một anh thanh niên người nhỏ thó, anh ta kinh hãi đến nỗi suýt ngất xỉu trong tay tôi. Tôi chỉ cần liếc mắt một cái là hiểu ra đó không phải kiểu thanh niên chuyên đón tiếp phụ nữ trong phòng, mà ngược lại. Anh ta nhìn tôi bằng đôi mắt van lơn, nhưng tôi đâu giúp gì được anh ta, vì quá vội. Tôi lại chạy ra cầu thang tôi tắm, mất thời gian quý báu cho việc mò mẫm công tắc đèn. Khi ấy tôi tin chắc là đã muộn mất rồi. Thằng sát nhân của tôi không phải leo bốn tầng gác, không phải xô cửa gì cả mà ở ngay đó đến giờ này thì chắc hẳn đã xoa tay rồi. Bỗng nhiên, tôi buông xuôi bất lực. Cảm giác thất vọng ê chề xâm chiếm lấy tôi. Tôi ngồi bệt xuống cầu thang rồi lau mồ hôi và nước mưa trên trán. Tôi nghe tiếng lộp bộp dè dặt và một tráng niên duyên dáng ngồi xuống cạnh tôi rồi cầm lấy tay tôi. Tôi không còn sức lực nào rút tay lại. Anh ta bắt đầu an ủi tôi: theo những gì tôi còn nhớ thì anh ta dâng tặng tình bạn của mình cho tôi. Anh ta vỗ vỗ tay tôi và trấn an rằng người như tôi sẽ không khó khăn gì trong việc tìm ra một bóng hồng xứng đáng. Tôi nhìn anh ta vẻ không

quan tâm lắm: nhưng không, trước nay tôi đâu nghĩ đến chuyện đó. Phụ nữ là những con đĩ ghê tởm, nhưng mình còn ai khác để hướng về nữa đâu. Phụ nữ thường giữ thế độc quyền. Bỗng nhiên tôi tự thương mình. Không những tôi vừa phải chịu đựng điều lằng nhục ác độc nhất, mà cả thế giới này chỉ có mỗi một thằng đồng tính luyến ái đến an ủi rồi cầm tay tôi. Tôi nhìn anh ta bằng ánh mắt tối sầm rồi rời Khách sạn Danh Nhân về nhà. Tôi leo lên giường, lòng quyết tâm đăng lính lê dương vào ngày hôm sau.

Brigitte về vào khoảng hai giờ sáng khi tôi bắt đầu cảm thấy lo lắng: hay cô ta bị chuyện gì? Cô ta rụt rè gõ nhẹ vào cửa, tôi cao giọng nói rõ ràng, ngắn gọn cho cô ta biết tôi nghĩ về cô ta như thế nào. Trong khoảng nửa tiếng đồng hồ, cô ta cố làm tôi rủ lòng thương qua cánh cửa đóng. Sau đó là hồi lâu im lặng. Sợ cô ta quay lại Khách sạn Danh Nhân, tôi nhảy xuống giường rồi mở cửa. Tôi tát cho cô ta vài cái khá đau - ý tôi nói là làm cho tôi khá đau: trong đời, đánh phụ nữ là việc khó khăn nhất đối với tôi. Chắc tôi thiếu nam tính. Sau đó, tôi hỏi cô ta một câu, câu hỏi mà đến bây giờ tôi vẫn thấy ngu xuẩn nhất trong cuộc đời quán quân của mình, sau hai mươi lăm năm kiểm nghiệm:

– Sao em lại làm thế?

Câu trả lời của Brigitte thật hay ho. Thậm chí có thể nói là cảm động. Cô ta thực sự chứng tỏ sức mạnh nhân cách của tôi. Cô ta ngược đời mắt nhắm lệ nhìn tôi, lắc lắc những lọn tóc vàng rồi nói bằng nỗ lực chân thành và thông thiết:

– Anh ấy mới giống anh làm sao!

Tôi vẫn chưa hoàn hồn. Tôi đã chết đâu, chúng tôi đang ở chung với nhau, cô ta vẫn còn đầu áp tay gối với tôi, thế mà tối nào cô ta

cũng phải đi bộ dưới mưa một cây số để gặp một người, chỉ vì gã ta giống tôi. Cái này người ta gọi là có khả năng cuốn hút, hoặc cũng có thể là tôi không am hiểu lắm. Giờ tôi cảm thấy thoải mái hơn. Tôi đã phải cố gắng giữ mình khiêm tốn, không vỗ ngực ra oai. Ai muốn nói gì thì nói, nhưng dù sao tôi cũng đã tạo được ấn tượng rất mạnh đối với phụ nữ.

Từ đó, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về câu trả lời của Brigitte, và những kết luận hoàn toàn vô bổ mà tôi đưa ra dù sao cũng giúp tôi nhiều trong quan hệ với phụ nữ - và với những người đàn ông giống tôi.

Từ đó, tôi không bị phụ nữ lừa dối nữa - à mà tôi muốn nói là tôi đã không bao giờ đợi chờ dưới mưa nữa.

CHƯƠNG XXVII

GIỜ TÔI ĐÃ LÀ SINH VIÊN NĂM CUỐI TRƯỜNG LUẬT, và điều quan trọng hơn là tôi sắp kết thúc Lớp sĩ quan dự bị cao cấp, các buổi huấn luyện của Lớp đó diễn ra mỗi tuần hai lần ở một nơi có tên là Bò Sữa Đen, tại Montrouge. Một trong những truyện ngắn của tôi được dịch và xuất bản tại Mỹ, và khoản tiền kénch xù là một trăm năm mươi đô la mà tôi được trả đã cho phép tôi làm một chuyện chóng vánh sang Thụy Điển để đi tìm Brigitte, khi tôi gặp lại thì cô ta đã lấy chồng. Tôi cố dàn xếp với người chồng nhưng anh này rất nhẫn tâm. Cuối cùng, thấy tôi phiền hà quá, Brigitte đẩy tôi đến nhà mẹ cô ở trên một hòn đảo nhỏ, mãi tận phía Bắc quần đảo Stockholm, trong cảnh vật huyền thoại đặc trưng Thụy Điển và ở đó, tôi lang thang dưới những hàng thông trong khi kẻ bạc tình cùng chồng tiếp tục mỗi dan dứu đầy tội lỗi. Để trấn an tôi, mẹ Brigitte ép tôi phải tắm nước lạnh cóng một tiếng đồng hồ mỗi ngày dưới biển Baltic, còn bà thì khát khe cầm đồng hồ đứng trên bờ, trong khoảng thời gian đó, các bộ phận cơ thể tôi co lại, thân mình tôi như dần lìa xa chính tôi, tôi đứng ngâm mình trong nước, ừ ê, đau khổ. Một lần, khi đang nằm dài trên một tảng đá, chờ cho ánh nắng làm tan máu trong tĩnh mạch, tôi thấy một chiếc máy bay có hình chữ thập ngoặc bay ngang trời. Đó là lần đầu tiên tôi bắt gặp kẻ thù.

Tôi chỉ chú ý đến các sự kiện xảy ra ở châu Âu với đôi tai lơ đãng. Không phải vì tôi chỉ lo cho bản thân mà có lẽ vì vốn được nuôi nấng bởi bàn tay một phụ nữ, được ấp ủ bằng tình âu yếm của

phụ nữ, tôi không có khả năng hận thù sâu sắc, thế nên tôi thiếu cái cơ bản nhất để hiểu Hitler. Hơn nữa, sự im lặng của nước Pháp trước những mối đe dọa cuồng loạn, thay vì làm cho tôi lo lắng, với tôi lại có vẻ như là tín hiệu của một sức mạnh tiềm ẩn và sự tự tin. Tôi hoàn toàn tin tưởng vào quân đội Pháp và các vị tướng lĩnh đáng kính của nước mình. Ngay trước khi Bộ Tham mưu nước tôi dựng phòng tuyến ở biên giới thì mẹ tôi đã dựng quanh tôi một phòng tuyến Maginot bằng những vũng vàng yên ổn cùng những lạc quan kiên định mà không một nỗi ngờ vực hay lo lắng nào có thể chọc thủng. Vì thế, chẳng hạn, chỉ ở trường trung học Nice, tôi mới lần đầu tiên biết rằng người Pháp đã thất trận trước người Đức vào năm 1870: mẹ đâu có nói cho tôi hay. Tôi muốn nói thêm là, vì sống thoải mái nên tôi luôn khó lòng mà thực hiện nổi cái nỗ lực ngu ngốc phi thường rất cần thiết để thực sự tin vào chiến tranh và chấp nhận khả năng nó xảy ra ấy. Tôi biết mình có những lúc ngó ngàng nhưng tôi không leo lên tận những đỉnh vinh quang đó nơi việc chém giết có vẻ là một giải pháp có thể chấp nhận được. Tôi luôn xem cái chết như một hiện tượng đáng tiếc và việc bắt ai đó phải gánh lấy cái chết hoàn toàn đi ngược lại với bản chất của tôi: tôi buộc phải ép mình. Đúng là tôi đã từng giết người, để tuân theo thỏa ước đồng thuận và thiêng liêng của thời đại, nhưng nào tôi có hào hứng gì đâu, có cảm hứng thực sự gì đâu. Với tôi, dường như không một lý do nào là đủ chính đáng, mà con tim cũng chẳng thuận theo. Khi phải giết đồng loại của mình, tôi không được giống thi sĩ cho lắm. Tôi không biết thêm mắm thêm muối, không biết hát vang hành khúc hận thù thiêng liêng và tôi giết người không kiểu cách, tôi giết người một cách ngó ngàng, vì rằng nhất thiết phải như thế.

Tôi nghĩ cái sai này cũng là do tôi luôn cho mình là trung tâm vũ trụ. Quả thực, cái thói cứ coi mình là trung tâm của tôi đã đến mức tôi lập tức nhận ra chính mình ở tất cả những ai khổ đau và tôi đau với tất cả những vết thương của họ. Chuyện đó không chỉ xảy đến với loài người, mà cả với loài vật, thậm chí là cây cỏ nữa. Biết bao người có thể xem một cuộc đấu bò, nhìn con bò tốt bị thương, máu me đầy mình mà không mấy may xúc động. Tôi thì không. Tôi chính là con bò tốt. Tôi luôn cảm thấy hơi đau khi người ta chặt cây, khi người ta săn nai, thỏ hay voi. Tuy nhiên, nghĩ đến việc người ta giết gà thì tôi lại khá thờ ơ. Tôi không thể mừng tưng ra mình trong bộ dạng một con gà.

Ngay trước hiệp ước Munich, người ta nói rất nhiều về chiến tranh, và trong những bức thư mẹ gửi cho tôi khi tôi đang đi lưu đày tình cảm ở Björkö, giọng điệu của bà đã vang lên như chuông rồi. Trong một trong những bức thư ấy, được viết với nét bút cương quyết, với những con chữ to và nghiêng về phía trước như xông vào kẻ thù, mẹ chỉ thông báo cho tôi rằng “nước Pháp sẽ thắng vì nước Pháp là nước Pháp”, mãi đến bây giờ, tôi vẫn chưa thấy ai tiên đoán chính xác hơn thế sự thất bại năm 40 của nước Pháp, cũng chưa có ai miêu tả tốt hơn thế sự thiếu chuẩn bị của chúng ta khi ấy.

Tôi thường mày mò trong những câu hỏi “tại sao” và “như thế nào” về tình yêu kỳ lạ ấy của một phụ nữ Nga dành cho đất nước tôi. Chưa bao giờ tôi có được lời giải thích xác đáng. Hẳn là mẹ tôi ấn tượng với những tư tưởng, những giá trị và những quan điểm tư sản đã từng thịnh hành vào năm 1900 khi nước Pháp còn là nơi “tốt nhất có thể”. Có thể nguyên nhân còn là do mẹ đã bị chấn thương tinh thần hồi còn trẻ, qua hai lần đến Paris và, vốn là kẻ trọn đời rất

đổi độ lượng với nước Thụy Điển, tôi là kẻ cuối cùng trên đời ngạc nhiên trước chân thương tình thần của mẹ. Tôi luôn có xu hướng tìm kiếm một động lực sâu kín nào đó sau những nguyên nhân tuyệt vời, rình rập tiếng sáo nhẹ ru bỗng nhiên lạc giọng ngay giữa những bản giao hưởng náo động. Cuối cùng chỉ còn lời giải thích đơn giản nhất và có khả năng đúng nhất, đó là mẹ tôi yêu nước Pháp không vì lý do nào cả, y như khi người ta yêu thực sự. Dù sao thì người ta cũng có thể tưởng tượng ra cái lon thiếu úy Không Quân sắp tô điểm cho tay áo của tôi có ý nghĩa như thế nào trong một thế giới tâm lý như vậy. Tôi tích cực phấn đấu. Vất vả lắm tôi mới lấy được bằng cử nhân luật nhưng bù lại, tôi đã tốt nghiệp Lớp sĩ quan dự bị cao cấp bậc bốn cho vùng Paris.

Khi tình yêu tổ quốc của mẹ tôi đang trào dâng ngùn ngụt trong sự nghiệp quân nhân tương lai rạng rỡ sắp tới của tôi thì một biến cố bất ngờ xảy ra.

Quả thế, đó là giai đoạn xảy ra chuyện tôi ám sát hụt Hitler.

Báo chí không nhắc gì tới chuyện này. Tôi chẳng cứu được nước Pháp và thế giới, mà cũng mất luôn cả một cơ hội có lẽ sẽ chẳng lặp lại lần hai.

Vụ việc xảy đến năm 1938, khi tôi từ Thụy Điển trở về.

Sau khi từ bỏ mọi hy vọng lấy lại tài sản của mình, sau khi bị thất vọng và chán chường bởi chồng Brigitte, một kẻ không có chút gì gọi là lịch duyệt, sau khi ngỡ ngàng vì người ta thích kẻ khác hơn mình, sau tất cả những gì mẹ đã hứa với tôi và sau khi quyết tâm không bao giờ, sẽ không bao giờ làm gì cho một phụ nữ nữa, tôi trở lại Nice để liếm láp những vết thương của mình và ở lại nhà vài tuần ngay trước khi gia nhập Không Quân.

Tôi đi taxi của nhà ga, và ngay từ khúc quanh ở đại lộ Gambetta rẽ vào phố Dante, tôi đã thấy xa xa, trong khu vườn nhỏ trước khách sạn, bóng dáng một người khiến tôi mỉm cười như thường lệ, với cả tình âu yếm lẫn mỉa mai.

Trong khi ấy mẹ đón tôi với thái độ rất lạ. Quả là tôi cứ chờ cảnh nhỏ lệ hay ôm hôn thăm thiết, chờ những cú sịt mũi xúc động và thỏa mãn. Nhưng tôi đâu có ngờ những tiếng nức nở này, những cái nhìn tuyệt vọng giống cảnh biệt ly này - mẹ khóc một lúc rồi run rẩy trong vòng tay tôi, thỉnh thoảng lùi lại một chút để nhìn mặt tôi được rõ hơn, rồi lại lao vào lòng tôi và rung cảm lại trào dâng lần nữa. Tôi lo lắng hỏi thăm xem sức khỏe của mẹ có sao không, nhưng không, mẹ có vẻ khỏe mạnh bình thường, mà mọi việc cũng tiến triển bình thường nốt - đúng vậy, mọi việc đều tốt đẹp cả - nói đến đây, mẹ lại nước mắt giàn giụa và nức nở nghẹn ngào. Cuối cùng, mẹ cũng trấn tĩnh lại được, về bí ẩn, mẹ cầm tay tôi kéo vào nhà ăn lúc ấy vắng người; hai mẹ con ngồi vào cái bàn quen thuộc ở góc phòng, và ở đó, mẹ thông báo ngay kế hoạch mà bà đã vạch ra cho tôi. Đơn giản thôi: tôi phải đi Berlin ám sát Hitler để cứu nước Pháp, nhân thể cứu cả thế giới. Mẹ đã sớm thấy tất cả, kể cả việc cuối cùng tôi sẽ thoát nạn, bởi vì, giả dụ như tôi bị bắt - nhưng ở chỗ này, mẹ quá hiểu tôi nên biết thừa tôi có khả năng giết Hitler mà không bị bắt - tuy nhiên cứ giả dụ như tôi bị bắt thì rất rõ ràng, các cường quốc như Pháp, Anh, Mỹ sẽ ra tối hậu thư đòi trả tự do cho tôi.

Thú thật tôi có lưỡng lự một lúc. Tôi vừa phải chiến đấu trên nhiều mặt trận, từng làm mười nghề khác nhau, nghề nào cũng đáng ghét cả, và luôn hào phóng nỗ lực hết mình trên mặt giấy cũng như trong cuộc đời. Tôi chả hào hứng gì khi nghĩ đến chuyện

chạy ngay đến Berlin, dĩ nhiên là trong toa tàu hạng ba rồi, để giết Hitler trong điều kiện thời tiết nóng nực, với sự bức bối, mệt nhọc và những khâu chuẩn bị mà vụ ám sát có thể kéo theo. Tôi thêm được nghỉ ngơi chút ít bên bờ Địa Trung Hải - tôi chưa bao giờ chịu đựng được cảnh hai mẹ con tôi xa nhau. Trái lại, tôi những muốn giết kẻ độc tài đó vào đầu tháng Mười. Tôi ngao ngán nghĩ tới những đêm mất ngủ trên băng ghế cứng trong những toa tàu chật khách, chưa kể những giờ khắc buồn chán ngáp dài trên đường phố Berlin, chờ Hitler lộ dạng. Nói chung là tôi thiếu nhiệt tình. Nhưng mà đâu được thoái thác. Thế là tôi chuẩn bị. Tôi bắn súng ngắn rất giỏi, và dù hơi thiếu thực tế, quá trình luyện tập ở phòng tập của trung úy Sverdlovski vẫn giúp tôi tỏa sáng trong các dịp bắn súng hội chợ. Tôi xuống tầng hầm, lấy ra khẩu đã cất trong rương của gia đình rồi đi mua vé tàu. Tôi thấy khá hơn một chút khi nghe báo chí loan tin Hitler đang ở Berchtesgaden, bởi tôi thích được hít thở không khí rừng núi Alpes ở Bavière hơn không khí của một thành phố nắng nóng tháng Bảy. Tôi cũng xếp các bản thảo lại: dù mẹ rất lạc quan, tôi vẫn không hoàn toàn tin chắc mình sẽ còn sống trở về. Tôi viết vài bức thư, tra dầu khẩu súng lục tự động rồi mượn một người bạn cái áo vest rộng để có thể giấu khẩu súng một cách thoải mái. Tôi khá bức bối và dễ cáu bẳn, thêm vào đó, vì mùa hè năm ấy đặc biệt nóng nên sau nhiều tháng cách xa, tôi thấy Địa Trung Hải hấp dẫn hơn bao giờ hết, và, như vô tình, bãi biển “Grande Bleue” đầy những cô gái Thụy Điển thông minh, có học. Trong khoảng thời gian đó mẹ không rời tôi nửa bước. Ánh mắt đầy thán phục và tự hào của mẹ dõi theo tôi ở khắp mọi nơi. Tôi lấy vé, kinh ngạc vì đường sắt Đức giảm cho tôi ba mươi phần trăm tiền vé - họ tạo điều kiện đặc biệt cho những chuyến đi nghỉ mát. Trong vòng bốn

mười tám tiếng đồng hồ ngay trước khi lên đường, tôi cẩn thận hạn chế ăn dưa chuột muối để đề phòng mọi vấn đề về đường ruột, bất kỳ bất trắc gì như thế đều rất dễ bị mẹ tôi hiểu sai. Cuối cùng, hôm trước ngày trọng đại, tôi ra tắm lần cuối ở “Grande Bleue” và xúc động ngắm cô gái Thụy Điển cuối cùng của mình. Đúng lúc từ biển trở về thì tôi thấy diễn viên kịch vĩ đại của mình đang khụy xuống cái ghế bành trong phòng khách. Vừa thấy tôi, môi mẹ đã bĩu ra như một đứa trẻ, mẹ chấp tay lại và, trước khi tôi kịp phản ứng thì bà đã quỳ xuống, nước mắt giàn giụa:

– Mẹ xin con, đừng làm thế! Hãy thôi dự định anh hùng của con đi! Vì người mẹ già tội nghiệp của con, xin con hãy thôi đi - họ không có quyền đòi hỏi một đứa con trai độc nhất phải làm thế! Mẹ đã chiến đấu vất vả bao nhiêu để nuôi nấng con, để con thành người, vậy mà giờ thì... Ôi! Lạy Chúa tôi!

Đôi mắt bà mở lớn vì sợ hãi, gương mặt đầy xáo trộn, hai tay chấp lại.

Tôi không ngạc nhiên. Đã từ lâu tôi sống “theo điều kiện”. Tôi biết mẹ từ lâu rồi nên hoàn toàn hiểu mẹ. Tôi cầm lấy tay mẹ.

– Nhưng mà đã mua vé rồi, tôi nói với mẹ.

Gương mặt mẹ lộ rõ thái độ quyết tâm đến dũ tận, xua đi tất cả những dấu vết sợ hãi và thất vọng.

– Họ sẽ trả lại tiền cho con! mẹ tuyên bố, tay cầm lấy gậy.

Về điểm này thì tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì cả. Tôi đã không giết Hitler như vậy đó. Chỉ thiếu chút ít thôi, như các bạn thấy đây.

CHƯƠNG XXVIII

GIỜ THÌ CHỈ CÒN VÀI TUẦN NỮA THÔI là mẹ sẽ thấy tôi đeo lon thiếu úy và người ta có thể hình dung ra cả hai mẹ con tôi hội họp chờ cái ngày chúng tôi được vào quân ngũ như thế nào. Chúng tôi vội lắm: bệnh tiểu đường của mẹ càng ngày càng trầm trọng và, dù các bác sĩ đã cố kê đủ loại chế độ dinh dưỡng, lượng đường trong máu mẹ vẫn có lúc tăng cao hết sức nguy hiểm. Một lần nữa, mẹ bị hôn mê do insulin ngay tại chợ Buffa, và chỉ hồi tỉnh trên quây rau của ông Pantaleoni khi ông ấy nhanh tay đổ nước đường vào miệng mẹ. Cuộc chạy đua với thời gian của tôi bắt đầu trở nên tuyệt vọng, văn của tôi chịu ảnh hưởng rất rõ từ điều này. Với quyết tâm giống lên hồi chuông kỳ diệu nào đó khả dĩ khiến cả thế giới câm lặng vì thần phục, tôi ép giọng mình vượt quá khả năng; nhắm vào điều gì đó cao cả, tôi không tránh khỏi sự cay cú và thói kênh kiệu; nhón chân lên để khoe với tất cả mọi người tầm vóc của mình, tôi chỉ để lộ ra tham vọng của mình; quyết tâm chứng tỏ tài năng, tôi chỉ có thể tỏ ra bất tài. Khi bị dao kè cổ thì khó mà hát cho đúng. Trong chiến tranh, được mời nhận xét một trong những bản thảo của tôi khi người ta tưởng tôi đã chết, Roger Martin du Gard đã không sai khi cho tôi là một “chú cừ non phát khùng”. Chắc mẹ đoán ra tôi đang nỗ lực trong lo sợ nên làm mọi cách để giúp đỡ tôi. Trong khi tôi trau chuốt những câu văn của mình thì mẹ phải vật lộn với nhân viên, với các hãng du lịch, với đám hướng dẫn viên, đương đầu với những khách hàng đồng bóng; trong khi tôi đòi cảm hứng bộc lộ trong tôi bằng một chủ đề sâu sắc và độc

đáo nào đó khiến người ta ngất ngây thì mẹ lo âu canh chừng để không có gì đến quấy nhiễu cảm hứng sáng tạo của tôi. Tôi viết những dòng này mà không hề xấu hổ, không hề hối hận cũng không hề oán ghét bản thân: tôi chỉ làm mỗi việc là nghiêng mình trước ước mơ của mẹ, trước lẽ sống và lẽ đấu tranh duy nhất của mẹ. Mẹ muốn trở thành một nghệ sĩ vĩ đại còn tôi thì cố gắng hết mình. Vì vội làm cho mẹ yên tâm và chứng tỏ cho mẹ thấy giá trị của mình, nhưng trên hết, có lẽ là để tự trấn an và tìm cách thoát khỏi sự kinh hoàng đang chiếm lấy mình, thỉnh thoảng tôi xuống bếp, nơi tôi thường xuất hiện đúng lúc để chen ngang vào cuộc cãi cọ gay cấn giữa mẹ và bếp trưởng, rồi lập tức đọc cho mẹ nghe đoạn văn chưa ráo mực mà tôi tâm đắc. Mẹ nguôi giận ngay, về bề trên ra hiệu cho bếp trưởng im lặng và chú ý, rồi lắng nghe tôi đọc, vẻ rất vừa lòng. Đùi mẹ đã lở chỗ vết kim tiêm. Mỗi ngày hai lần, mẹ ngồi vào một góc, miệng ngậm thuốc lá, chân bắt chéo, cầm cái xi lanh insulin rồi chọc thẳng vào thịt da, miệng vẫn giao việc cho nhân viên. Như thường lệ, với nghị lực phi thường, mẹ lo cho việc kinh doanh được suôn sẻ, không bao giờ bỏ bê công việc, cố gắng học thêm tiếng Anh để có thể xoay xở dễ dàng hơn với những sở thích, lo âu vô căn cứ, ý ngông và tính khí bất thường của các vị khách từ bên kia biển Manche tới. Những cố gắng để tỏ ra dễ mến, niềm nở, luôn đồng tình với du khách đủ mọi hạng của mẹ trái ngược hoàn toàn với bản chất chẳng kiêng nể ai và bốc đồng trong bà, vì vậy càng khiến tình trạng căng thẳng của bà trở nên trầm trọng hơn. Mỗi ngày mẹ hút hết ba gói Gauloise. Đúng là mẹ không bao giờ hút hết một điếu thuốc, mới châm lửa bà đã dụi đi rồi châm ngay điếu khác. Mẹ đã cắt từ một tạp chí bức ảnh duyệt binh rồi đưa cho khách hàng, đặc biệt là các khách hàng nữ xem, cho họ

chiêm ngưỡng bộ quân phục đẹp đẽ mà vài tháng nữa tôi sẽ được mặc. Tôi khó mà xin được mẹ cho phép tôi giúp đỡ bà ở nhà hàng, phục vụ bàn ăn, đưa bữa điểm tâm lên các phòng như trước đây tôi đã từng làm: mẹ thấy những công việc đó không thích hợp với cương vị sĩ quan của tôi. Mẹ thường tự tay xách lấy va li của khách và cố đẩy tôi ra khi tôi định giúp mẹ. Mặc dù thế, với một niềm vui mới và đôi khi với nụ cười gần như hoan hỉ mỗi lần nhìn tôi, rõ ràng là mẹ có cảm giác đã chạm đến đích, rõ ràng là mẹ không thể tưởng tượng trong đời mình lại có một ngày nào đẹp hơn cái ngày mà tôi trở về Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts, trên người mặc bộ quân phục nổi tiếng.

Tôi nhập ngũ tại Salon-de-Provence vào ngày bốn tháng Mười một năm 1938. Tôi ngồi trên con tàu chở tân binh, có rất đông người thân và bạn bè tiễn thanh niên ra ga, nhưng chỉ có mẹ tôi là cầm lá cờ tam tài phát liên tục, thỉnh thoảng hô vang “Nước Pháp muôn năm!”, khiến một số người nhìn tôi vẻ chông đời hay nhạo báng. “Lớp lính” nhập ngũ lần đó bộc lộ rõ sự thiếu nhiệt tình và niềm tin sâu sắc, những sự kiện năm 40 hẳn lý giải được trọn vẹn điều ấy, họ như bị ép phải tham gia “cuộc chơi của những kẻ ngu xuẩn”. Tôi còn nhớ một anh tân binh, nổi cáu vì những biểu hiện yêu nước cực đoan và quân phiệt của mẹ tôi, những biểu hiện trái ngược với truyền thống chống chủ nghĩa quân phiệt tốt đẹp đang thịnh hành vào thời đó, đã càu nhàu:

– Cái mẹ ấy, rõ ràng mẹ ta không phải là người Pháp.

Vì bản thân cũng bức mình và phẫn nộ trước hành động bông bột tro trên của bà già cầm cờ tam tài nên tôi thấy vui mừng khi được lấy lời nhận xét này làm cớ để húc đầu vào gã đối diện một cái ra trò hòng cho mình được nhẹ lòng. Vụ xô xát lập tức lan ra,

đâu đâu cũng nghe những tiếng kêu “đồ phát xít”, “đồ phản bội”, “đả đảo quân đội” trong khi con tàu bắt đầu rung chuyển, lá cờ tam tài được phát lên phía trên bậc thềm một cách tuyệt vọng còn tôi thì tranh thủ ló ra cửa tàu và giơ tay chào, trước khi kiên quyết lại xông vào mớ nhón nháo trời cho mà nhờ đó tôi mới có thể thoát khỏi giờ phút chia tay.

Khi đã nhập ngũ những thanh niên có bằng tốt nghiệp Lớp sĩ quan dự bị cao cấp được đưa đến Trường Không quân Avord. Tôi được giữ lại Salon-de-Provence gần sáu tuần. Tôi có hỏi thì các sĩ quan và hạ sĩ quan chỉ nhún vai: chưa có chỉ thị nào liên quan đến tôi. Tôi viết hết đơn này đến đơn khác gửi lên cấp trên, đơn nào cũng bắt đầu bằng “Tôi viết đơn này kính xin...” như người ta đã bày cho tôi. Không có hồi đáp. Cuối cùng, một trung úy rất tốt bụng, trung úy Barbier, đã đề ý đến trường hợp của tôi và kháng nghị cùng với tôi. Tôi được dẫn đến Trường Không quân Avord, muộn một tháng trong khi khóa học chỉ kéo dài ba tháng rưỡi. Tôi không để việc phải bắt kịp khoảng thời gian chậm trễ này làm mình nản chí. Tôi đã ở đây, cuối cùng thì tôi cũng đã ở đây. Tôi bắt đầu học hành với tinh thần hăng say mà tôi cũng không ngờ mình có được, và, ngoài một vài khó khăn trong môn lý thuyết com pa, tôi đuổi kịp các bạn cùng lớp, không đặc biệt xuất sắc trong những môn học linh tinh ngoài các thao tác trên không như đúng tên gọi thực sự của nó và công tác chỉ huy trên mặt đất, ở lĩnh vực này, tôi bỗng phát hiện thấy ở mình toàn bộ quyền uy của mẹ trong mỗi cử chỉ, lời nói. Tôi mừng lắm. Tôi rất thích máy bay, nhất là máy bay của thời đã qua ấy, máy bay hồi đó còn dựa vào con người, cần đến con người chứ không có vẻ phi nhân cách như máy bay bây giờ khi người ta cảm thấy máy bay không người lái chỉ là vấn đề thời gian.

Tôi yêu mến hàng giờ dài chúng tôi trải qua trên sân tập trong bộ áo liền quần bằng da - xỏ được nó vào mình, người ta tưởng như đã trải qua tất cả những khó khăn cực nhọc trên đời -, lội bì bõm trong bùn Avord, mình mặc đồ da, đầu đội mũ cát, tay đeo găng, trán quàng kính, chúng tôi leo vào khoang những chiếc máy bay hiệu Potez-25 dừng mãi, nom chúng giống như những con ngựa Percheron, thơm mùi dầu ô liu mà đến giờ tôi hãy còn nhớ da diết. Các bạn hãy tưởng tượng cảnh một sĩ quan tập sự trườn nửa người ra khỏi khoang chiếc máy bay cúc cu đang bay với vận tốc một trăm hai mươi kilômét một giờ, hay đứng trước mũi máy bay, dùng tay hướng dẫn cho viên phi công đang điều khiển chiếc máy bay hai lớp cánh hiệu Léo-20, kiểu máy bay này có những cái cánh dài màu đen đập gió với tất cả sự duyên dáng của một con bộ rùa già nua, các bạn sẽ hiểu trước khi xảy ra sự kiện Messerschmidt-110 một năm và trận đánh Anh quốc mười tám tháng, mảnh bằng quan sát viên hàng không đã chuẩn bị cho chúng tôi một cách chu đáo và hiệu quả theo kiểu cuộc chiến tranh năm 1914, mà kết quả của cuộc chiến này thì các bạn đã biết.

Thời gian qua nhanh với những trò giải trí này, và cuối cùng, cũng sắp đến ngày trọng đại, cái ngày chúng tôi phải ra “giảng đường quân đội đồn trú”, nơi chúng tôi được trình trọng thông báo cấp bậc tốt nghiệp và vị trí bổ dụng.

Anh thợ may quân đội đã đi hết các phòng lính và quân phục của chúng tôi đã sẵn sàng. Để trang trải chi phí quân bị cho tôi, mẹ gửi cho tôi năm trăm quan mượn của ông Pantaleoni ở chợ Buffa. Gay go nhất đối với tôi vẫn là mũ cát kết. Mũ cát kết có thể được đặt với hai kiểu lưỡi trai: kiểu ngắn và kiểu dài. Tôi không tài nào quyết định nổi. Kiểu lưỡi trai dài thì giúp tôi nom có vẻ ác chiến

hơn, vẻ này rất độc, nhưng lưỡi trai ngắn lại hợp với tôi hơn. Tuy nhiên rốt cuộc tôi cũng chọn cho mình vẻ ác chiến. Sau hàng nghìn lần thử mất công tốn sức, tôi đã tự thiết kế cho mình một bộ ria mép rất được phi công thời ấy ưa chuộng cùng với đôi cánh mạ vàng trên ngực - suy cho cùng thì người ta có thể tìm thấy thứ đẹp hơn ở chợ, tôi không phủ nhận, nhưng tôi không hề thấy phật lòng chút nào, còn lâu mới thế.

Buổi tiếp quân đội đồn trú diễn ra trong bầu không khí rộn ràng vui vẻ với những dự đoán. Tên các đơn vị quân đội đồn trú được viết lên bảng đen - Paris, Marrakech, Meknès, Maison Blanche, Biskra... Theo xếp loại tốt nghiệp, học viên có thể lựa chọn. Lính nào tốt nghiệp loại giỏi thì chọn Maroc như thường lệ. Tôi khao khát xếp loại khá khảm một chút để có thể được bổ dụng về miền Nam, hòng được về Nice thường xuyên hết mức có thể mà ôm mẹ tôi ra mắt thiên hạ trên đại lộ Promenade des Anglais và ở chợ Buffa. Căn cứ không quân tại Faience có vẻ thích hợp với ý đồ của tôi nhất, và, khi học viên lần lượt đứng dậy bày tỏ nguyện vọng của họ, tôi lo lắng rình rập căn cứ không quân này trên bảng.

Tôi tràn trề hy vọng có được cấp bậc như mong muốn nên tin tưởng nghe anh đại úy đọc tên từng người.

Mười tên, năm mươi tên, bảy mươi lăm tên... Tất nhiên là tôi có nguy cơ vượt mất Faience rồi.

Chúng tôi gồm hai trăm chín mươi học viên tất cả.

Anh lính thứ tám mươi đã đớp mất Faience. Tôi lại chờ đợi. Một trăm hai mươi cái tên, một trăm năm mươi cái tên... vẫn không có gì. Những căn cứ quân sự lầy bùn và buồn chán ở miền Bắc lao về phía tôi với vận tốc đáng sợ. Thế này không được xuất sắc lắm,

nhưng dù sao tôi cũng không buộc phải thú nhận với mẹ cấp bậc tốt nghiệp của mình.

Hai trăm năm mươi, hai trăm sáu mươi cái tên... Một linh cảm ghê gớm bỗng làm tim tôi buốt giá. Giờ đây tôi hãy còn cảm thấy trên thái dương mình mồ hôi lạnh bắt đầu nhỏ thành giọt... Nhưng không, đó không phải ký ức: tôi vừa lấy tay chùi giọt mồ hôi ấy, sau hai mươi năm. Phản xạ Pavlov mà, tôi nghĩ thế. Mãi đến bây giờ, tôi vẫn không thể nhớ lại thời điểm tôi tẹt đó mà trên thái dương không rịn mồ hôi.

Trong số gần ba trăm học viên-quan sát viên, tôi là người duy nhất không được phong sĩ quan.

Thậm chí tôi còn không được phong trung sĩ, cũng chẳng được phong viên đội, trái với thông lệ và ngược với quy định, tôi chỉ được phong hạ sĩ.

Những giờ phút tiếp theo lễ phong cấp bậc cho lính đồn trú, tôi vật vã trong cơn ác mộng, trong cảm giác mịt mù ghê gớm. Tôi đứng ở cửa, bạn bè trong lớp vây quanh tôi, im lặng và ngao ngán, cố gắng hết sức tôi mới đứng vững được, mới giữ được gương mặt người, mới không khụy xuống. Thậm chí tôi còn nghĩ khi ấy mình mỉm cười.

Thông thường vì lý do kỷ luật thì chỉ huy mới bắt một học viên có bằng Sĩ quan dự bị cao cấp và đã kết thúc khóa tập huấn phải trả giá đắt như thế. Có hai học viên lái đã bị “đình chỉ” vì lý do này. Nhưng đó không thể là trường hợp của tôi: tôi không hề bị phê bình. Đúng là tôi đã bỏ mất phần đầu khóa tập huấn, nhưng đó là việc ngoài ý muốn của tôi, và lại chỉ huy lữ đoàn tôi, trung úy Jacquard, một cựu sinh viên Saint-Cyr* lạnh lùng nhưng tốt bụng,

đã nói với tôi, và sau này đã khẳng định bằng thư cho tôi, rằng dù các cấp chỉ huy gửi tôi đến Avord muộn, nhưng tôi vẫn hoàn toàn đủ điểm để được phong cấp bậc sĩ quan. Chuyện gì đã xảy ra? Chuyện gì đang xảy ra vậy? Tại sao người ta lại giữ tôi sáu tuần ở Salon-de- Provence, bất chấp cả quy định?

Tôi đứng đó, cổ họng thắt lại, hoàn toàn mất hồn trước bức tượng nhân sư lần này chỉ mang mặt người, tôi cố hiểu, cố tưởng tượng, cố diễn giải, trong khi bạn bè cùng khóa im lặng hay phần nộ chen nhau đến bắt tay tôi. Tôi mỉm cười; tôi vẫn trung thành với chính mình. Nhưng tôi chết mất. Tôi thấy gương mặt mẹ trước mặt mình, tôi thấy mẹ tôi đứng trên bậc thềm ga Nice đang hãnh diện phát lá cờ tam tài.

Vào ba giờ chiều, khi tôi đang nằm dài trên nệm, mắt chăm chăm nhìn trần nhà, thì trung sĩ Paille - hay Piaye? Paille? - đến gặp tôi. Tôi không quen biết gì anh ta. Trước đó tôi chưa bao giờ gặp anh ta. Anh ta không phải là nhân viên bay, thường ngồi trong phòng viết lách gì đấy. Anh ta đứng đó, trước giường tôi, tay thọc túi quần. Anh ta mặc một chiếc áo vest da. “Anh ta không được phép, tôi nghiêm khắc nghĩ bụng, áo vest da chỉ dành cho nhân viên bay?”

– Mà mày muốn biết vì sao mày bị đánh trượt không?

Tôi nhìn anh ta.

– Vì mày đã nhập quốc tịch. Mày mới nhập quốc tịch. Ba năm thì nhằm nhò gì. Vả lại, về lý thuyết, để được phục vụ trong phi hành đoàn thì bố mẹ phải là người Pháp hoặc đã nhập quốc tịch ít nhất mười năm rồi. Nhưng quy định này chưa bao giờ được áp dụng.

Tôi không nhớ đã nói với anh ta những gì. Có lẽ tôi đã nói “Tao là người Pháp” hay gần như thế, bởi anh ta bỗng nhiên nói với tôi, vẻ thương hại:

– Mày thật ngu ngốc.

Nhưng anh ta không bỏ đi mà tỏ ra tức tối và phẫn nộ. Có lẽ anh ta cũng giống tôi, không thể chịu đựng được bất công dưới bất kỳ hình thức nào.

– Cảm ơn nhé, tôi nói.

– Người ta giữ mày một tháng ở Salon để điều tra về mày. Sau đó họ đã bàn bạc với nhau để quyết định xem sẽ cho mày vào phục vụ trong phi hành đoàn hay vào bộ binh. Cuối cùng, ở Bộ Không quân người ta đồng ý nhưng ở đây người ta lại phản đối. Họ đã đánh giá mày theo điểm phẩm chất.

“Điểm phẩm chất” là điểm quyết định, không cần giải thích, độc lập với các kỳ thi, được cho theo độ tin cậy đối với học viên, không ai có quyền kêu ca.

– Thậm chí mày cũng không được chống cãi: đó là quy định.

Tôi vẫn nằm ngửa. Anh ta đứng đó một lúc nữa. Đó là một người không biết cách thể hiện sự cảm thông của mình.

– Mày đừng giận làm gì, anh ta bảo tôi.

Rồi nói thêm:

– Kiểu gì chúng cũng thua thôi.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe một người lính Pháp nói về quân đội Pháp như vậy: thế mà tôi cứ tưởng câu nói đó chỉ dành cho người Đức. Tôi thì tôi không cảm thấy hận thù hay hằn học, tôi chỉ buồn nôn, và để chống lại cơn buồn nôn, tôi cố nghĩ về Địa Trung

Hải và những cô gái đẹp ở đó, tôi nhắm mắt ẩn mình trong vòng tay họ, nơi ấy không gì có thể tác động đến tôi, mà tôi cũng không bị chối từ bất cứ điều gì. Xung quanh tôi, gian phòng tuy trống trải nhưng tôi vẫn có bạn đồng hành. Các ông thần thuở ấu thơ mà mẹ từng khó nhọc dứt ra khỏi tôi và bà tưởng như đã bỏ được chúng ở Ba Lan hay ở nước Nga xa xôi, nay bỗng sừng sững hiện ra trước mặt tôi, trên mảnh đất Pháp mà tôi những tưởng chúng không bao giờ bén mảng tới được, và giữa xúr sở của lý trí này, tôi lại nghe tiếng cười ngớ ngẩn của chúng vang lên. Trong cái vô đầu đón mình vừa phải hứng chịu, tôi dễ dàng nhận ra bàn tay của Totoche, thần ngu dốt, kẻ hãnh đã sớm biến Hitler thành chủ nhân của cả châu Âu, và mở cửa đất nước đón chào những cỗ xe tăng Đức sau khi đã thuyết phục Bộ Tham mưu của chúng ta rằng thuyết quân sự của vị đại tá de Gaulle nào đó chỉ là thứ lộn xộn không nuốt nổi. Đặc biệt tôi nhận ra Filoche, thần tiểu tư sản, biểu tượng của sự tầm thường, sự khinh bỉ và những định kiến, điều khiến tôi đau xé ruột gan là vị thần này dễ hợp với hoàn cảnh lại mặc bộ quân phục và đội mũ cát két có đính lon Không Quân của chúng ta. Bởi vì, như mọi khi, tôi không thể biết trong nhân loại những người nào là kẻ thù của mình. Một cách mơ hồ và khó lý giải, tôi cảm thấy mình là đồng minh và là người bảo vệ những kẻ này dù chúng đã đánh tôi từ phía sau lưng. Tôi hoàn toàn hiểu hoàn cảnh xã hội, chính trị và lịch sử đã khiến mình nếm mùi sỉ nhục, và, nếu tôi quyết tâm chống lại tất cả những độc tố này, thì đó là bởi tôi mong ngóng một chiến thắng cao cả hơn. Tôi không biết trong mình có yếu tố nguyên sơ, tà giáo nào đang ngủ yên hay không, nhưng mỗi khi bị khiêu khích tí chút thôi là tôi luôn hướng về phía ngoài, nắm tay siết lại; tôi nỗ lực tới đa để vẻ vang giữ vị trí của mình trong sự phản kháng già nua của chúng

ta; tôi thấy cuộc đời như một cuộc chạy tiếp sức lâu lắc trong đó mỗi người, trước khi ngã xuống, luôn phải mang theo thách thức làm người đi xa hơn; tôi không nhận ra bất kỳ đặc tính nào có thể gọi là cuối cùng trong những hạn chế về sinh học, về trí tuệ, về thể chất của chúng ta; hy vọng của tôi thì gần như vô hạn; tôi tin tưởng vào kết cục của cuộc đấu tranh đến mức máu đồng loại thỉnh thoảng bắt đầu ngân nga trong lòng tôi và với tôi tiếng âm âm của người anh em Đại dương dường như trào ra từ tĩnh mạch tôi; thế là tôi thấy vui sướng, thấy hy vọng trào lên và thấy tin chắc vào chiến thắng, đến nỗi mà, trên mảnh đất còn đầy kiếm gãy khiên vỡ, tôi như thấy mình vẫn đang ở buổi đầu của cuộc chiến đầu tiên. Có lẽ điều ấy xuất phát từ một sự ngơ ngẩn hay ngây thơ, sơ đẳng, sơ khai nhưng không thể cưỡng lại được, tôi giống mẹ tôi ở điểm này, tôi hoàn toàn nhận thức được điều đó, nó khiến tôi phát khùng nhưng không thể làm gì chống lại nó, nó khiến tôi khó mà thất vọng nổi. Có thể nói tôi không bao giờ thất vọng được và tôi buộc phải giả vờ. Một tia sáng của niềm tin và của sự lạc quan di truyền luôn âm ỉ trong lòng tôi, và để nó cháy bùng lên, chỉ cần bóng tối xung quanh tôi dày đặc hơn. Dù người ta ngu dốt một cách thể lương, dù bộ quân phục sĩ quan Pháp có thể làm tổ cho thói ti tiện và sự dốt nát, dù bàn tay con người, bàn tay người Pháp, người Đức, người Nga, người Mỹ, bỗng lộ ra bản thủ một cách kỳ lạ, thì dường như với tôi bắt công lại đến từ một nơi khác, và tôi thấy con người càng trở thành nạn nhân hơn khi họ chính là công cụ. Trong mớ nhốn nháo chính trị và quân sự đó, tôi luôn mơ được chung chiến hào với chính kẻ thù của mình. Vì vị kỷ mà tôi hoàn toàn không có khả năng lao vào những cuộc chiến huynh đệ tương tàn, tôi không thấy mình có thể tước được thắng lợi nào từ tay những

người về cơ bản đang cùng chung số phận với tôi. Tôi cũng không thể hoàn toàn là một con vật chính trị bởi vì tôi luôn nhận ra chính tôi trong số những kẻ thù của mình. Đó là một sự tàn phế thực thụ.

Tôi nằm dài ở đó, ưỡn căng mình trong tuổi trẻ, và mỉm cười, giờ tôi hãy còn nhớ là lúc ấy, một nhu cầu thể xác mạnh mẽ nào đó nhắc bỗng người tôi lên và trong hơn một tiếng đồng hồ, tôi chống lại tiếng gọi hoang sơ của máu mình.

Còn những vị đại úy đẹp mã và cú đâm của họ, tôi đã gặp lại họ năm năm sau đó, họ vẫn làm đại úy, nhưng không đẹp như trước nữa. Trên ngực họ không có tấm huân chương nào, họ nhìn vị đại úy đối diện đang tiếp họ trong phòng làm việc của anh ta với thái độ rất lạ. Khi đó tôi đã được thưởng Huân chương Giải phóng, Bắc đẩu Bội tinh hạng Kỵ sĩ và Huân chương Chiến tranh, tôi cần gì phải giấu giếm: tôi dễ đỏ mặt vì giận dữ hơn là vì khiêm nhường. Tôi nói chuyện với họ một lúc, gọi lại những kỷ niệm ở Avord - những kỷ niệm vô hại. Tôi không ác tâm gì với họ. Giờ thì họ đã chết và được chôn cất từ lâu rồi.

Thất bại của tôi tạo ra một hậu quả khác khá bất ngờ, đó là từ thời điểm ấy, tôi cảm thấy mình là người Pháp đích thực, như thể cây gậy thần phang vào trán đã khiến tôi thật sự bị đồng hóa.

Cuối cùng tôi cũng nghĩ rằng người Pháp không phải là một chủng tộc đặc biệt, họ cũng chẳng hơn gì tôi, họ cũng có thể ngu dốt và nực cười - tóm lại chúng tôi là anh em với nhau, không ai có thể chối cãi.

Cuối cùng tôi cũng ngộ ra rằng nước Pháp được tạo ra từ hàng nghìn gương mặt, có những gương mặt đẹp và những gương mặt xấu, thanh cao và góm ghiếc, tôi phải chọn gương mặt nào giống

với mình nhất. Tôi ép mình trở thành một con vật chính trị mà hoàn toàn không thành công. Tôi chọn lập trường, chọn những điều mà mình trung thành, tin tưởng, không để cớ tổ quốc khiến mình mù quáng nhưng tìm cách nhận ra gương mặt của người mang nó.

Nhưng vẫn còn mẹ tôi.

Tôi không quyết định được có nên báo cho mẹ biết thất bại của mình hay không. Tôi tự nhắc đi nhắc lại một cách vô ích là mẹ đã quen nhận những cú đá vào mặt, dù sao thì tôi cũng tìm cách nương chân đá mẹ như thế. Chúng tôi có tám ngày nghỉ trước khi trở lại đơn vị, thế là không quyết định mà tôi vẫn lên tàu. Khi đến Marseille, tôi muốn xuống tàu, đào ngũ, leo lên tàu chở hàng để nhập Lính lê dương, rồi biến đi mãi mãi. Cứ nghĩ đến gương mặt hao mòn, nhăn nheo, nghĩ đến đôi mắt tròn xoe ngược lên nhìn tôi, vẻ rưng rờ và khó hiểu, là tôi không thể chịu nổi. Tôi buồn nôn, may mà kịp lê người vào phòng vệ sinh. Từ Marseille đến Cannes, tôi nôn như chó. Chỉ đến khi cách cổng ga Nice mười phút tôi mới đột nhiên nảy ra một ý tưởng thật sự. Lúc này điều cần phải chữa ra bằng mọi giá là hình ảnh nước Pháp “tổ quốc của tất cả những điều công bằng và những gì đẹp đẽ “trong tâm trí mẹ tôi”. Tôi quyết tâm làm như thế, bằng bất cứ giá nào. Nước Pháp phải được nương tay - mẹ tôi không thể chịu nổi nỗi thất vọng đến mức ấy. Vì hiểu mẹ như tôi đã từng hiểu, tôi nghĩ ra một lời nói dối rất đơn giản, rất dễ chấp nhận, không những an ủi được mẹ mà còn làm cho niềm tin cao cả của mẹ đối với tôi thêm vững chắc.

Khi đến phố Dante, tôi thấy lá cờ tam tài pháp phới trên mặt trước vừa mới sơn lại của Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts. Dù thế, hôm đó không phải là ngày quốc khánh: chỉ cần liếc qua mặt tiền trông trơn của những ngôi nhà bên cạnh cũng đủ biết điều này.

Bỗng nhiên, tôi hiểu lá cờ ấy muốn nói điều gì: mẹ tôi đã treo cờ để mừng đứa con trai mới được thăng cấp bậc thiếu úy Không Quân về nhà.

Tôi bảo taxi dừng lại. Vừa trả tiền xong tôi đã lại phát ốm ngay. Tôi thở sâu, chân mềm nhũn cố đi nốt quãng đường còn lại.

Mẹ chờ tôi ở tiền sảnh khách sạn, sau cái quầy nhỏ cuối phòng.

Liếc qua bộ quân phục lính quen, với lon hạ sĩ đỏ chót mới vá vào vai áo, mẹ tôi há hốc miệng rồi nhìn tôi bằng ánh mắt thú tính câm lặng không hiểu gì, ánh mắt mà tôi chưa bao giờ chịu đựng nổi ở đàn ông, thú vật hay trẻ em... Tôi đội sụp chiếc mũ cát kết xuống mắt, ra vẻ cứng rắn, cười một cách bí ẩn rồi vừa mới ôm hôn mẹ tôi đã nói:

– Mẹ lại đây. Con có chuyện này kỳ lắm. Nhưng không nên để người ta nghe thấy.

Tôi kéo mẹ vào quán ăn của khách sạn, tới góc quen thuộc của chúng tôi.

– Con không được phong thiếu úy. Trên tổng số ba trăm người chỉ mình con không được phong. Biện pháp kỷ luật tạm thời...

Giương mặt đáng thương của mẹ chờ đợi, tin tưởng, sẵn sàng tin, sẵn sàng chấp thuận...

– Biện pháp kỷ luật. Con phải chờ sáu tháng. Mẹ thấy đấy...

Liếc mắt nhìn để xem mẹ có lắng nghe hay không.

– Con đã quyến rũ vợ của Chỉ huy Trường. Con đã không làm chủ được mình. Lính tùy tùng đã tố giác con. Ông chồng đòi trừng phạt...

Guơng mặt đảg thương lưỡg lự một chốg. Rồi bản nắg lắg mạn xura cũ và ký ức về Anna Karenine đã chiến thắg tất cả nhữg gì còn lại. Mẹ tôi mỉm cười, vẻ rất tò mò.

– Cô ta đẹp không?

– Mẹ không tưởng tượng được đâu, tôi chỉ nói với mẹ đơn giản thế. Con biết mình mạo hiểm như thế nào.

Nhưng con không hề ngần ngại.

– Con có ảnh cô ta không?

Không, tôi làm gì có ảnh.

– Cô ấy sẽ gửi ảnh cho con.

Mẹ nhìn tôi, chưa bao giờ mẹ hắnh diện như thế.

– Don Juan! mẹ kêu lên. Casanova! Mẹ đã bảo mà!

Tôi mỉm cười, khiêm tốn.

– Ông chồng lẽ ra có thể giết con đấy!

Tôi nhún vai.

– Cô ta yêu con thật à?

– Thật.

– Còn con?

– Ô! Mẹ biết đấy, tôi nói, vẻ tỉnh quái.

– Không nên thế, mẹ nói, không tỏ vẻ gì là nghiêm túc. Hãy hứa với mẹ là con sẽ viết thư cho cô ta đi.

– Ô! Con sẽ viết thư cho cô ấy.

Mẹ tôi suy nghĩ một lúc. Trong đầu bà nảy ra ý khác:

– Người duy nhất trong tổng số ba trăm người không được phong thiếu úy! mẹ nói, vẻ thán phục và hắnh diện vô bờ.

Mẹ chạy đi lấy trà, mứt, sandwich, bánh trái. Mẹ ngồi vào bàn và hít hà sảng khoái vô cùng.

– Kể hết cho mẹ nghe đi, bà ra lệnh cho tôi.

Mẹ tôi thích những câu chuyện thú vị. Tôi đã kể cho bà nghe rất nhiều.

CHƯƠNG XXIX

SAU KHI ĐÃ KHÉO LÉO THỰC HIỆN việc khẩn cấp hơn trước, tức là cứu nước Pháp khỏi sự sụp đổ kinh khủng trong mắt mẹ tôi, sau khi đã giải thích với mẹ về thất bại của tôi bằng sự tế nhị của một người thượng lưu, tôi phải đương đầu với thử thách tiếp theo, thử thách mà tôi chuẩn bị đương đầu tốt hơn nhiều.

Bốn tháng trước, lúc được gọi nhập ngũ, tôi được phiên chế ở Salon-de-Provence với cương vị học viên-sĩ quan, vì vậy mà tôi được xếp vào thành phần ưu tiên: hạ sĩ quan không có quyền hành gì đối với tôi, còn lính thì nhìn tôi với một sự kính nể nào đó. Giờ tôi gặp lại họ chỉ với cấp bậc hạ sĩ quèn.

Các bạn có thể tưởng tượng số phận tôi như thế nào, tôi phải nuốt những lời châm chọc, những công việc nặng nhọc, những trò ăn hiếp, những lời chế nhạo hay mỉa mai thâm độc. Đám hạ sĩ quan ở đại đội tôi không bao giờ gọi tôi bằng tên nào khác ngoài “trung úy hai dái”, hoặc, duyên dáng hơn, “trung úy chùi đít”. Đó là thời kỳ mà quân đội dần dần tự phân hủy trong tiện nghi và những thú vui rác rưởi, những thú rác rưởi này rốt cuộc cũng len lỏi vào tận tâm hồn một số kẻ sẽ bại trận năm 1940. Nhiệm vụ chính của tôi, trong những tuần sau khi tôi trở lại Salon, là thường xuyên kiểm tra hồ xí, nhưng thú thật là hồ xí đã mang lại cho tôi sự thay đổi dễ chịu vì được nhìn ngắm vài gương mặt thượng sĩ và trung sĩ xung quanh mình. So với những gì tôi cảm thấy mỗi lần về nhà với mẹ mà không có lon thiếu úy, thì mấy trò ăn hiếp và quấy nhiễu phải

hứng chịu chẳng nhằm nhò gì, thậm chí còn làm cho tôi thấy thoải mái. Hơn nữa tôi chỉ cần ra khỏi doanh trại là được ở miền quê Provence, một miền quê mang vẻ đẹp có chút tang thương, nơi những tảng đá lẫn vào đám cây bách gợi lên hình ảnh bầu trời đỏ nát đầy bí hiểm.

Tôi không phải là kẻ bất hạnh.

Tôi có thêm bạn thêm bè ở khu vực dân sự.

Tôi đến Baux, rồi ngồi hàng giờ trên vách đá ngắm nhìn biển cây ô liu.

Tôi tập bắn súng ngắn và tập lái khoảng năm mươi tiếng đồng hồ, bay trên dãy núi Alpilles, nhờ sự giúp đỡ thân tình của hai người bạn là trung sĩ Christ và trung sĩ Blaise. Cuối cùng cũng có ai đó, ở đâu đó, phát hiện tôi có bằng lái máy bay và thế là tôi được phong chức huấn luyện viên bắn súng trên không. Chiến tranh bắt quả tang tôi đang lăm lăm cầm súng máy chĩa lên trời. Tôi chưa bao giờ may mắn nghĩ rằng nước Pháp có thể bại trận trong cuộc chiến này. Cuộc đời mẹ tôi không thể kết thúc với sự thất bại như thế được. Niềm tin của tôi vào chiến thắng của quân đội Pháp được củng cố nhờ vào suy luận rất logic ấy nhiều hơn là nhờ vào hệ thống phòng tuyến Maginot và tất cả những bài diễn văn rất kêu của các vị chỉ huy đáng kính. Vị chỉ huy đáng kính của riêng tôi không thể bại trận, và tôi chắc chắn rằng số phận sẽ dành cho vị chỉ huy này sự chiến thắng như một điều hiển nhiên, sau khi vị tướng ấy đã chiến đấu biết bao nhiêu, đã cống hiến biết bao nhiêu và đã vô cùng anh dũng.

Mẹ đến Salon-de-Provence để từ biệt tôi, trên chiếc xe taxi hiệu Renault cũ rích mà tôi đã nói. Trên tay bà chất đầy thức ăn, giảm

bông, đồ hộp, mứt, thuốc lá, tất cả những gì mà một người lính thường mơ ước.

Mặc dù thế, những hộp này không phải dành cho tôi. Gương mặt mẹ tỏ ra rất mưu mẹo khi trao những hộp đó cho tôi rồi nói với tôi về bí mật:

– Dành cho các sĩ quan của con đây.

Tôi chung hứng. Tôi thấy ngay vẻ mặt mà đại úy Longevialle, đại úy Moulignat, đại úy Turben hẳn sẽ tỏ ra khi thấy một hạ sĩ vào phòng để thay mặt mẹ mình trao cho họ công phẩm gồm xúc xích, giăm bông, rượu cognac, mứt cốt lầy lòng họ. Không biết mẹ tôi có tưởng hình thức đứt lót này là bắt buộc trong quân đội Pháp như có thể là vậy trong quân đội khu trú tĩnh lẻ ở Nga thế kỷ trước hay không, nhưng tôi cảnh giác không lao vào giải thích hay chống đối. Bởi mẹ tôi hoàn toàn có khả năng xách “quà” và tự mình mang đến cho các đương sự, đem theo cả những câu trường thoai yêu nước, khiến chính Déroulède cũng phải đỏ mặt vì xấu hổ.

Khó khăn lắm tôi mới làm cho mẹ tôi, tình cảm dạt dào của bà và những hộp quà thoát khỏi sự tò mò của những tay lính trơn đang nằm ườn ra ở thềm quán cà phê, rồi tôi kéo mẹ về phía đường bay, giữa những chiếc máy bay. Mẹ chống gậy bước trên cỏ, nghiêm trang xem xét thiết bị hàng không của chúng tôi. Ba năm sau, tôi phải giúp một quý phu nhân khác đi kiểm tra các phi đoàn của chúng tôi ở sân bay Kent. Đó là nữ hoàng Anh Elizabeth và tôi phải nói rằng nữ hoàng của chúng ta còn lâu mới có được nét mặt của người sở hữu như mẹ tôi khi mẹ đi trước những chiếc máy bay hiệu Morane-315, trên sân bay Salon.

Sau khi kiểm tra tình trạng thiết bị bay của chúng tôi như vậy, mẹ cảm thấy hơi mệt, thế là hai mẹ con tôi ngồi xuống cỏ, bên cạnh đường bay. Mẹ châm một điếu thuốc, mặt tỏ ra đăm chiêu. Mẹ chau mày bận tâm nghĩ đến điều gì đó. Tôi chờ đợi. Mẹ thẳng thắn tâm sự với tôi những gì bà nghĩ trong lòng.

– Phải tấn công ngay, mẹ nói.

Có lẽ tôi tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, nên mẹ mới cụ thể hơn:

– Phải tiến thẳng tới Berlin.

Mẹ nói bằng tiếng Nga: *Nado iti na Bierlinn* với niềm tin sâu sắc và sự đoan chắc đầy cảm hứng.

Từ đó, tôi luôn cảm thấy tiếc là khi thiếu vắng tướng de Gaulle, việc chỉ huy quân đội Pháp lại không được giao cho mẹ tôi. Tôi tin rằng Bộ Tham mưu chuyên trách vụ đột phá phòng tuyến Sedan hẳn sẽ tìm thấy ở bà người để nói chuyện. Mẹ tôi rất có tinh thần tiên công và có năng khiếu hiếm thấy là có thể khắc sâu nghị lực và óc sáng kiến của mình vào tâm trí của chính những con người đó, những kẻ không được sở hữu mấy phẩm chất này. Các bạn hãy tin tôi khi tôi nói rằng mẹ tôi không phải kiểu phụ nữ ngồi im bất động sau hệ thống phòng tuyến Maginot, với cái sườn trái đã phô ra hoàn toàn.

Tôi hứa với mẹ là sẽ cố gắng hết mình. Mẹ có vẻ hài lòng, gương mặt mẹ lại trở nên mơ mộng.

– Tất cả những chiếc máy bay này đều mui trần, mẹ nhận xét. Mà hòng con thì rất nhạy cảm.

Tôi không thể ngăn mình cho mẹ biết là nếu tất cả những nguy cơ nảy sinh từ việc tôi phải đối đầu với không quân Đức chỉ là

viêm họng thì tôi thực sự may mắn. Mẹ mỉm cười vẻ che chở rồi mĩa mai nhìn tôi.

– Con sẽ không làm sao hết, bà điềm tĩnh nói.

Giương mặt mẹ bộc lộ vẻ tuyệt đối tin tưởng và đoan chắc. Như thể mẹ *biết*, như thể mẹ đã ký hiệp ước với số phận, và để đổi lấy cuộc đời lỡ bước của mẹ, người ta đảm bảo cho bà một số thứ, hứa với bà một số điều. Chính bản thân tôi cũng đoán chắc như thế, nhưng thông tin bí mật này khi xóa bỏ rủi ro lại tước đi của tôi cơ hội được dũng mãnh xông pha giữa chốn hiểm họa, có thể nói nó vô hiệu hóa bản thân tôi cũng như mọi mối hiểm nguy, tôi cảm thấy tức tối và phẫn nộ.

– Chưa đến một phần mười phi công có khả năng đi hết cuộc chiến này, tôi nói.

Mẹ nhìn tôi một lúc với vẻ khó hiểu hốt hoảng rồi môi bà bắt đầu run lên và bà khóc. Tôi nắm lấy tay mẹ. Ít khi tôi có cử chỉ này với bà: tôi chỉ có thể làm thế với đám phụ nữ khác.

– Con sẽ không sao nhé, mẹ tôi nói, lần này giọng bà như van lơn.

– Con sẽ không sao đâu mẹ ạ. Con hứa với mẹ như thế.

Mẹ lưỡng lự. Một cuộc chiến nội tâm diễn ra trong lòng mẹ và hiển hiện trên gương mặt bà. Rồi mẹ nhượng bộ.

– Có thể con sẽ bị thương ở chân, mẹ nói.

Mẹ cố gắng tự thu xếp với mình. Mặc dù vậy, dưới bầu trời tang thương của rừng bách và đá trắng này, khó mà không cảm thấy sự hiện diện của số phận xa xưa nhất của con người, một số phận không tham dự vào bi kịch của chính nó. Nhưng khi nhìn gương mặt đầy lo âu này, khi nghe người phụ nữ đáng thương này mặc cả

với thần linh, tôi càng khó mà tin rằng thần linh lại không biết rủ lòng thương như tài xế Rinaldi, không dễ thông cảm như những người bán tỏi và bánh hỏi ở chợ Buffa, không ít nhiều mang tính cách Địa Trung Hải. Đâu đó xung quanh chúng tôi, một bàn tay đôn hậu nào đấy có lẽ đang giữ cán cân, và sự đo lường cuối cùng chỉ có thể là công bằng, đúng đắn, thần linh không mang trái tim người mẹ ra để chơi trò gian lận. Cả vùng đất Provence bỗng nhiên hát lên quanh tôi bằng giọng ve sầu và không chút nghi ngờ, tôi nói:

– Mẹ đừng lo, mẹ ạ. Tất nhiên rồi. Con sẽ không sao đâu.

Run rủi thế nào mà lúc lại gần taxi, hai mẹ con tôi lại gặp chỉ huy sư đoàn Bay, đại úy Moulignat. Tôi chào ông ta, nói cho mẹ tôi biết đó là chỉ huy đơn vị tôi. Tôi mới bắt cần làm sao! Trong tích tắc, mẹ tôi mở cửa xe rồi lấy một miếng giăm bông, một chai rượu và hai cây xúc xích Ý, rồi không để tôi kịp phản ứng, bà đã bắt kịp ông đại úy, tặng cho ông ta những thức ăn đồ uống sang trọng đi kèm theo một vài lời thích hợp. Tôi ngỡ mình chết được vì xấu hổ. Tất nhiên là khi ấy tôi hoang tưởng quá, vì nếu người ta có thể chết được vì xấu hổ, nhân loại đã chẳng còn tồn tại từ lâu lắm rồi. Ông đại úy liếc mắt nhìn tôi vẻ ngạc nhiên, và tôi đáp lại bằng một vẻ mặt hùng hồn đến mức mà viên sĩ quan, một cựu sinh viên Saint-Cyr thực thụ, không còn ngần ngại nữa. Ông ta lịch sự cảm ơn mẹ tôi, và lúc mẹ tôi, sau khi nhìn tôi bằng ánh mắt nặng như chì, tiến về chiếc taxi thì ông ta đỡ mẹ tôi lên xe và chào bà. Mẹ tôi trịnh trọng cảm ơn, bằng một cái gật đầu vương giả rồi đắc thắng ngồi xuống; tôi chắc chắn là mẹ hít hà sáng khoái rất kêu, sau khi một lần nữa chúng tôi được mình thông hiểu cái phép lịch sự mà chính tôi, con trai bà, lại thỉnh thoảng định nghi ngờ. Chiếc taxi lăn bánh

và mẹ tôi thay đổi nét mặt; gương mặt mẹ bỗng như suy sụp; gương mặt đó dán vào cửa kính và quay lại nhìn tôi đầy vẻ lo âu, mẹ cố hét lên với tôi điều gì đó mà tôi không nghe được, và cuối cùng, vì không biết làm thế nào để từ xa tôi vẫn hiểu những gì bà muốn nói, mẹ tôi đành ra hiệu chữ thập cho tôi.

Ở đây tôi phải kể một tình tiết quan trọng trong đời mà tôi đã cố tình bỏ qua bằng cách ngây thơ đánh lừa chính bản thân mình. Từ khá lâu, tôi cố phớt lờ nó đi không thêm đã động gì đến, bởi nó vẫn còn khiến tôi rất đau lòng: chuyện xảy ra cách đây đã gần hai mươi năm rồi. Vài tháng trước khi chiến tranh nổ ra, tôi có yêu một cô gái trẻ người Hungary ở trọ tại Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts. Chúng tôi định lấy nhau. Ilona có mái tóc đen và đôi mắt màu xám to tròn, có thể tả ngắn gọn như thế. Cô ấy đi thăm gia đình ở Budapest, chiến tranh đã chia lìa chúng tôi, lại thêm một thất bại nữa, và chỉ thế thôi. Tôi biết mình không tuân theo quy tắc của thể loại khi không dành cho tình tiết này một vị trí xứng đáng, nhưng tình tiết này còn quá mới mẻ, và thậm chí để viết những dòng này, tôi đã phải tận dụng chứng viêm tai mà mình mắc phải lúc này đây khi đang nằm trong một phòng khách sạn ở Mexico, tận dụng một cơn đau kinh khủng, may mắn chỉ là cơn đau thể chất thuần túy, như liều thuốc gây mê để chạm được vào vết thương của mình.

CHƯƠNG XXX

SƯ ĐOÀN HUẤN LUYỆN CỦA TÔI được chuyển đến Bordeaux-Mérignac và mỗi ngày, tôi phải huấn luyện bay trên chiếc Potez-540 năm đến sáu tiếng đồng hồ. Tôi sớm được phong quân hàm trung sĩ, đồng lương cũng đủ tiêu, nước Pháp cầm cự tốt và tôi cùng quan điểm với đồng đội của mình, đó là phải tận hưởng cuộc sống và có những giây phút dễ chịu bởi chiến tranh sẽ không kéo dài mãi được. Tôi có một căn phòng ở thành phố và ba bộ pyjama bằng lụa mà tôi rất hãnh diện. Trong mắt tôi, ba bộ quần áo này là biểu hiện của cuộc sống xa xỉ và khiến tôi có cảm giác rằng sự nghiệp làm người thượng lưu của mình đang ngày càng tiến triển theo chiều hướng thuận lợi; một cô bạn cùng lớp ở Trường Luật đã cố tình ăn cắp ba bộ quần áo đó để tặng tôi, sau khi một cửa hàng lớn, nơi chồng chưa cưới của cô làm việc, bị hỏa hoạn. Quan hệ giữa tôi và Marguerite hoàn toàn trong sáng và vì thế, luân lý đã được tuân thủ triệt để. Những bộ pyjama đó hơi bị sém, mãi vẫn ám mùi cá hun khói, nhưng có phải cứ muốn cái gì là được cái ấy đâu. Thỉnh thoảng, tôi cũng tự tặng cho mình một hộp xì gà, thời gian đó tôi đã có thể hút thuốc mà không buồn nôn, điều này khiến tôi rất an lòng vì nó chứng tỏ rằng tôi thực sự đang trở nên dạn dày. Nói chung là cuộc đời tôi đang dần lộ diện. Dù thế, hồi ấy tôi đã bị một tai nạn máy bay khá nghiêm trọng, suýt nữa thì mất mũi, và giả sử mũi tôi có làm sao thì tôi khó mà tự an ủi mình được. Tất nhiên, đây là lỗi của những người Ba Lan. Quân đội Ba Lan thời kỳ đó không được lòng dân Pháp cho lắm: người ta hơi khinh họ bởi vì họ

từng bại trận. Họ đã thua liềng xiềng và thế là người ta không giấu giếm chuyện người ta nghĩ sao về họ. Hơn nữa, nạn gián điệp đang bắt đầu hoành hành, như ở tất cả các tổ chức xã hội bệnh hoạn, và mỗi lần có một người lính Ba Lan châm thuốc lá là người ta lập tức buộc tội anh ta đang trao đổi mật hiệu ánh sáng với kẻ thù. Vì rất giỏi tiếng Ba Lan nên tôi phải làm phiên dịch viên trong những chuyến bay có hai nhóm điều khiển, cốt để cho các phi hành đoàn Ba Lan làm quen với thiết bị bay của chúng tôi. Đứng giữa hai phi công, tôi dịch những lời khuyên và những mệnh lệnh của huấn luyện viên người Pháp. Kết quả của thứ công việc trên không độc đáo này không được như mong đợi. Khi hạ cánh, viên phi công người Ba Lan tiếp đất mất nhiều thời gian quá, thế là huấn luyện viên hoảng hốt hét lên với tôi:

– Mày nói với thằng ngốc này là nó sẽ bị hất ra ngoài đấy! Bảo nó dận ga lại đi!

Tôi dịch ngay. Tôi có thể khẳng định, lương tâm thanh thản, là mình không mất một giây khi nói:

– *Proszę dodac gazu bo za chwile zawalimy sie w drzewa na koncu lotniskai*

Khi tôi định thần lại thì máu đã chảy đầy mặt tôi rồi, đám y tá cúi xuống chúng tôi, và thượng sĩ nhất người Ba Lan, trong tình trạng thảm hại nhưng luôn luôn lịch sự, cố chống khuỷu tay ngồi dậy để xin lỗi viên phi công Pháp:

– *Za pozni mi pan przytlumaczyl!*

– Anh ấy nói... tôi áp ứng.

Viên chánh đội, cũng trong tình trạng sức khỏe nguy khôn, kịp thì thảo với chúng tôi:

– Mẹ kiếp! rồi ngắt xiu.

Tôi dịch một cách trung thành, sau đó, khi nhiệm vụ hoàn thành thì tôi buông xuôi. Mũi tôi bị đập, nhưng ở bệnh xá, những chấn thương bên trong được đánh giá là không nghiêm trọng lắm. Ở đây người ta đã nhầm. Tôi bị đau mũi suốt bốn năm trời và tôi đã phải giấu tình trạng của mình cùng những cơn đau nửa đầu khủng khiếp luôn hành hạ tôi không ngớt để tránh bị gạch tên khỏi danh sách nhân viên bay. Mãi đến năm 1944 mũi của tôi mới được làm lại hoàn toàn trong một bệnh viện thuộc Không lực Hoàng gia Anh. Nó không còn là tuyệt tác có một không hai như trước đây nữa, nhưng nom nó rất hợp, và tôi hoàn toàn tin tưởng rằng nó sẽ bền như nó phải bền.

Ngoài những giờ tôi bay với cương vị hoa tiêu, xạ thủ súng máy và phi công ném bom, đồng đội còn thường nhường cho tôi cầm lái trên không, nên mỗi ngày tôi được lái trung bình một tiếng. Song thật không may, những giờ phút quý báu đó lại chẳng được coi là chính thức, thậm chí còn không được ghi vào nhật ký bay của tôi. Thế là tôi lén lút ghi một cuốn nhật ký khác, thận trọng hợp pháp hóa từng trang bằng con dấu của sư đoàn, nhờ sự giúp đỡ ân cần của viên trưởng phòng. Tôi tin chắc là sau những tổn thất đầu tiên trong chiến tranh, quy định sẽ được nới lỏng, và những giờ bay trộm của tôi, khoảng trên dưới một trăm, sẽ cho phép tôi trở thành phi công chiến đấu.

Ngày bốn tháng Tư năm 1940, vài tuần trước khi nổ ra cuộc tiến công của quân Đức, khi tôi đang bình thản hút xì gà trên sân tập thì một anh lính chạy giầy chìa cho tôi một bức điện: “Mẹ ốm nặng, về ngay?”

Tôi đứng chôn chân tại đó, điều xì gà ngó ngẩn vẫn ở trên môi, khi ấy tôi mặc chiếc áo vest da, mũ cát kết đội sụp xuống mắt, vẻ đau khổ, tay bỏ túi quần, trong lúc cả trái đất bỗng trở thành một chốn không người. Giờ đây đó là điều tôi nhớ nhất: một cảm giác lạ lẫm, như thể những nơi chốn quen thuộc nhất, đất đai, nhà cửa và tất cả mọi niềm tin bỗng trở thành một hành tinh xa lạ bao quanh tôi, nơi trước đó tôi chưa bao giờ đặt chân đến. Cả hệ thống cân đo đong đếm của tôi bỗng đổ sụp. Tôi hão huyền tự nhủ là những mối tình đẹp để thường kết thúc tồi tệ, dù sao tôi cũng từng tin rằng mối tình của tôi rồi sẽ kết thúc tồi tệ, nhưng chỉ sau khi công bằng đã được lập lại. Việc mẹ tôi có thể qua đời trước khi tôi kịp xông lên bàn cân mà dựng lại cán cân, mà tái lập sự cân bằng và nhờ vậy mà chứng minh được một cách rõ ràng, một cách không thể bác bỏ, sự tôn nghiêm của thế giới, chứng tỏ được sự tồn tại của một ý đồ chân thật và bí mật trong lòng sự vật, việc đó đối với tôi chẳng khác nào sự phủ nhận phẩm cách khiêm nhường nhất, sơ đẳng nhất của con người, chẳng khác nào đưa ra lệnh cấm người ta thờ. Tôi không cần phải nhấn mạnh với độc giả của tôi rằng thái độ ấy chứng tỏ sự trẻ trung tốt độ thể nào. Giờ đây, tôi là một người có kinh nghiệm. Tôi không cần nói thêm nữa, ai cũng hiểu rồi.

Tôi phải mất bốn mươi tám giờ để về đến Nice trên một chuyến tàu chở quân nhân về phép. Tinh thần của con tàu màu xanh ghi này đang ở lúc sa sút nhất. Chính nước Anh đã kéo chúng tôi vào đó, chúng tôi phải chịu đựng đến cùng, Hitler là một gã không tồi như người ta tưởng, chưa có ai hiểu y và nhẽ ra nên nói chuyện với y, nhưng dù sao trên trời cũng có một điểm sáng: người ta đã sáng chế ra một loại thuốc mới, loại thuốc này có thể chữa khỏi bệnh lậu trong thời gian vài ngày.

Mặc dù vậy, tôi không hề tuyệt vọng. Thậm chí đến giờ tôi cũng không tuyệt vọng. Tôi chỉ làm bộ làm tịch thế thôi. Nỗ lực lớn lao nhất đời tôi luôn là làm thế nào để tuyệt vọng được hoàn toàn. Nhưng có được đâu. Khi nào trong tôi cũng có cái gì đó luôn tiếp tục mỉm cười.

Tôi đến Nice vào sáng tinh mơ và vội vàng về khách sạn Mermonts. Tôi leo lên tầng tám rồi gõ cửa. Mẹ tôi ở trong căn phòng nhỏ nhất của khách sạn: mẹ rất quan tâm đến quyền lợi của ông chủ. Tôi bước vào. Căn phòng bé xíu, hình tam giác, cái vẻ ngăn nắp và không có người ở của nó làm tôi vô cùng khiếp đảm. Tôi lao xuống tầng dưới, đánh thức người gác cổng và được biết là mẹ tôi đã được chở đến bệnh viện Saint-Antoine. Tôi nhảy lên một chiếc taxi. Về sau mấy cô y tá mới nói với tôi rằng lúc thấy tôi bước vào họ cứ ngỡ đang phải đối mặt với một cuộc tấn công có vũ trang.

Đầu mẹ tôi vùi sâu trong gối, gương mặt mẹ hốc hác, lo lắng và bối rối. Tôi ôm hôn mẹ rồi ngồi lên giường. Tôi vẫn khoác chiếc áo vest da còn chiếc mũ cát kết vẫn đội sụp xuống mắt: tôi cần cái vỏ bảo vệ này. Trong lần nghỉ phép ấy, có lúc tôi ngậm một mẩu thuốc lá suốt nhiều giờ liền: tôi cần thu mình lại quanh một cái gì đó. Trên chiếc bàn đặt ở đầu giường, nổi bật trong hộp tư trang màu tím là tấm huy chương bạc có khắc tên tôi, tấm huy chương tôi đã giành được ở giải vô địch bóng bàn năm 1932. Hai mẹ con tôi ngồi bên nhau một vài giờ mà không nói gì. Sau đó mẹ bảo tôi ra kéo ri đô. Tôi bèn ra kéo ri đô. Tôi lưỡng lự một lúc rồi ngược mắt nhìn trời để mẹ không phải yêu cầu tôi làm việc đó. Tôi đứng như vậy một lúc lâu, mắt ngược nhìn trời. Đây gần như là tất cả những gì tôi có thể làm cho mẹ. cả ba chúng tôi ở đó, không nói một lời nào.

Không cần quay về phía mẹ tôi mới biết bà đang khóc. Thậm chí tôi cũng không chắc có phải mẹ khóc vì tôi hay không. Rồi tôi lại ngồi lên chiếc ghế bành đối diện với giường. Tôi đã sống trên chiếc ghế này bốn mươi tám giờ. Gần như khi nào tôi cũng đội mũ, mặc áo vest và ngậm mẩu thuốc lá: tôi cần có bạn. Rồi mẹ hỏi tôi có tin gì về Ilona, cô gái người Hungary của tôi không. Tôi trả lời là không.

– Con cần có một người phụ nữ bên cạnh, mẹ nói chắc như đinh đóng cột.

Tôi nói với mẹ là đàn ông con trai đều thế cả.

– Con sẽ khó khăn hơn những người khác đây, mẹ nói.

Hai mẹ con tôi chơi bài lơ lửng một lúc. Mẹ vẫn hút thuốc nhiều như thế, nhưng mẹ bảo tôi là các bác sĩ không cấm bà nữa. Rõ ràng là không việc gì phải tiếp tục tự làm khổ mình. Mẹ vừa hút thuốc, vừa chăm chú nhìn tôi, tôi cảm giác rất rõ là bà đang lên kế hoạch. Nhưng tôi không thể biết mẹ trù tính những gì. Bởi vì tôi tin chắc rằng đó chính là lúc lần đầu tiên mẹ có được sáng kiến của mình. Tôi bắt gặp trong mắt mẹ một biểu hiện nào đó của mưu mẹo, tôi biết rõ là mẹ có ý gì đấy trong đầu, nhưng không tài nào đoán ra được mẹ có thể đi xa đến vậy, ngay cả khi tôi hiểu mẹ hơn ai hết. Tôi nói chuyện một lúc với ông bác sĩ: ông ta biết cách trấn an. Mẹ tôi còn có thể trụ được vài năm nữa. “Bệnh tiểu đường, anh biết đấy...”, ông ta nói với tôi, vẻ thông cảm. Ngày thứ ba, vào buổi tối, tôi đi ăn ở nhà hàng Masséna và gặp một anh chàng Hà Lan, anh này đi máy bay đến Nam Phi để “tránh cuộc xâm lăng mà người Đức đang chuẩn bị”. Dù tôi không khiêu khích gì, nhưng chắc là tin vào bộ quân phục phi công của tôi, anh ta hỏi tôi liệu có thể giới thiệu cho anh ta một cô nào đó không. Nghĩ lại về chuyện này thì

trong đời tôi số người từng đưa ra cho tôi lời thỉnh cầu tương tự không phải là không đáng lo. Thế mà tôi luôn nghĩ mình có vẻ cao nhã. Tôi nói với anh ta là tối nay tôi không được khỏe. Anh ta báo với tôi rằng tất cả tài sản của anh ta đã ở Nam Phi và chúng tôi sẽ đi ăn mừng sự kiện này ở nhà hàng “Mèo Đen”. Anh chàng Hà Lan là một người gan dạ; còn tôi, rượu luôn làm tôi ghê sợ, nhưng tôi biết tự kiềm chế mình. Thế là hai chúng tôi uống hết một chai whisky, rồi chuyển qua uống rượu cognac. Ngay sau đó trong quán, người ta đồn ầm lên rằng tôi là chiến binh “cự phách nhất nước Pháp”, thế là hai hay ba cựu chiến binh Thế chiến thứ nhất đi đến xin được vinh dự bắt tay tôi. Sung sướng vì được mọi người nhận ra, tôi cho chữ ký, bắt tay và chấp nhận hầu rượu mọi người. Anh chàng Hà Lan giới thiệu cho tôi cô nàng mà anh ta mới làm quen. Một lần nữa, tôi có thể đánh giá được uy tín của bộ quân phục phi công trước nhân dân lao động ở hậu phương. Con bé đề nghị giúp tôi kiếm sống trong suốt thời gian chiến tranh, bằng cách đi theo tôi từ đồn trú này đến đồn trú khác, nếu cần. Nó đảm bảo với tôi là có thể tiếp được hai mươi khách trong một ngày. Tôi cảm thấy mình suy sút và buộc tội nó muốn làm điều đó không phải vì tôi mà là vì Không Quân nói chung. Tôi nói với nó rằng nó quá viển vông tình yêu tổ quốc và rằng tôi muốn được yêu vì chính bản thân tôi chứ không phải vì bộ quân phục của tôi. Anh chàng Hà Lan mở rượu sâm banh ăn mừng và đề nghị cầu phúc cho quan hệ của chúng tôi bằng việc đặt viên đá đầu tiên, nói theo cách nào đó. Ông chủ quán đưa thực đơn ra xin tôi ký vào, tôi đang định chiều theo ý ông ta thì thấy một ánh mắt giễu cợt nhìn mình. Gã này không mặc áo vest da, không mang huy hiệu trên ngực nhưng dù sao gã ta cũng đeo

huân chương chiến tranh một sao, vào thời đó như thế đối với một lính bộ binh là được lắm rồi. Tôi trấn tĩnh một chút.

Anh chàng Hà Lan đã sẵn sàng lên giường với vợ chưa cưới của tôi, con bé này bắt tôi phải thề là hôm sau sẽ đến chờ nó ở quán Cintra. Một chiếc mũ cát kết có hình đôi cánh mạ vàng, một chiếc áo vest da, một vẻ mặt dữ dằn và thế là tương lai của bạn được bảo đảm. Tôi bị cơn đau nửa đầu giày vò kinh khủng, mũi tôi như nặng tới cả ký; tôi rời hộp đêm và lao vào bóng đêm, giữa hàng nghìn bó hoa muôn màu ở chợ.

Ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa, như tôi được biết sau này, ngày nào từ sáu giờ tối đến hai giờ sáng, cô bé đầy thiện ý ấy cũng chờ viên hạ sĩ quan phi công của mình ở quán rượu Cintra.

Mãi đến bây giờ, tôi vẫn còn có lúc tự hỏi phải chăng mình đã bỏ lỡ mối tình lớn nhất trong đời mà không hề hay biết.

Một vài ngày sau, tôi đọc thấy tên anh chàng Hà Lan tốt bụng trong số những nạn nhân của một thảm họa máy bay ở vùng Johannesburg, điều này chứng tỏ người ta không bao giờ cất giấu nỗi vốn liếng của mình một cách an toàn.

Kỳ nghỉ phép của tôi kết thúc. Tôi qua một đêm nữa trên ghế bành ở bệnh viện Saint-Antoine, và buổi sáng, khi tám ri đô vừa hé mở, tôi lại gần mẹ chào từ biệt.

Tôi không biết phải làm sao để tả được cuộc chia tay này. Chẳng có từ ngữ nào diễn đạt nổi. Nhưng tôi đã đương đầu một cách dũng cảm. Tôi còn nhớ rất rõ những điều mẹ bày dạy tôi trong cách cư xử với phụ nữ. Mẹ tôi đã sống hai mươi sáu năm trời không có đàn ông và có thể nói là mãi sẽ như thế, tôi muốn để lại cho mẹ hình ảnh của một người đàn ông hơn là hình ảnh của một thằng con trai.

– Tạm biệt mẹ.

Tôi vừa mỉm cười vừa hôn lên má mẹ. Cái giá của nụ cười này chỉ có mẹ mới biết được, và mẹ cũng cười.

– Khi nó quay lại thì hai con cưới nhau đi, mẹ nói. Nó rất xứng với con. Nó rất đẹp gái.

Hắn mẹ tôi đang tự hỏi là tôi sẽ như thế nào nếu không có một người đàn bà bên cạnh. Mẹ có lý: tôi chưa bao giờ quen sống cảnh đó.

– Con có ảnh của nó không?

– Đây ạ.

– Con có nghĩ là gia đình nó có tiền không?

– Con có biết gì đâu.

– Khi đi xem hòa nhạc của Bruno Walter, ở Cannes, nó không đi xe khách mà đi taxi. Gia đình nó chắc có nhiều tiền.

– Con không quan tâm đâu mẹ. Con không quan tâm.

– Trong nghề ngoại giao thì phải thường xuyên tiếp khách. Phải có người hầu, ăn mặc phải tươm tất. Bố mẹ nó phải hiểu điều đó.

Tôi cầm tay mẹ.

– Mẹ, tôi nói. Mẹ.

– Con cứ yên tâm, mẹ sẽ nói với bố mẹ nó cho, nói một cách tế nhị thôi.

– Mẹ, nào...

– Con không phải lo lắng cho mẹ. Mẹ là một con ngựa già: mẹ đã cầm cự được đến đây thì mẹ sẽ cầm cự thêm một thời gian nữa. Con bỏ mũ ra đi.

Tôi bỏ mũ ra. Mẹ đưa tay làm dấu chữ thập trên trán tôi.

– Blagoslavliayoutiebia. Mẹ cầu phúc cho con.

Mẹ tôi là người Do Thái. Nhưng điều đó không quan trọng. Phải biết diễn đạt rõ ràng. Bằng ngôn ngữ nào không quan trọng.

Tôi ra cửa. Hai mẹ con tôi mỉm cười nhìn nhau thêm một lúc nữa.

Giờ thì tôi cảm thấy hoàn toàn điềm tĩnh.

Có gì đó trong nghị lực của mẹ đã đi vào lòng tôi và ở đó mãi mãi. Đến tận bây giờ, ý chí và lòng dũng cảm của mẹ vẫn tiếp tục ám ảnh tôi và khiến cuộc sống của tôi trở nên rất khó khăn, không bao giờ cho phép tôi được tuyệt vọng.

PLAN III

CHƯƠNG XXXI

TÔI CHƯA BAO GIỜ MÃY MAY NGHĨ ĐẾN chuyện nước Pháp có thể bại trận. Tôi biết người Pháp chúng tôi đã thất trận một lần, vào năm 1870, nhưng thời ấy tôi chưa ra đời, và mẹ tôi cũng vậy. Nên đó là chuyện khác.

Ngày mười ba tháng Sáu năm 1940, khi mặt trận khắp nơi đổ vỡ, tôi trở về sau một chuyến hộ tống trên chiếc máy bay hiệu Bloch-210 và bị thương bởi một mảnh bom ở trên vùng đất Tours, giữa một trận ném bom. Vết thương nhẹ nên tôi để nguyên viên trái phá trong đùi: tôi đã hình dung ra được ngay sự hãnh diện của mẹ tôi lúc bà sờ nắn viên trái phá, trong lần tôi về phép đầu tiên. Tôi vẫn luôn giữ nó. Dù đúng là bây giờ tôi có thể cho người lấy nó ra.

Những chiến thắng sấm sét trong cuộc tiến công của quân đội Đức không tác động tới tôi là mấy. Chúng tôi đã từng chứng kiến điều đó hồi Thế chiến thứ nhất. Người Pháp chúng tôi nổi tiếng là luôn biết cách chiếm lại ưu thế vào thời điểm cuối cùng. Những cỗ xe tăng của Guderian xông qua lỗ hổng ở phòng tuyến Sedan khiến tôi thấy nực cười, tôi nghĩ đến việc Bộ Tham mưu của chúng tôi đang xoa tay ung dung chứng kiến kế hoạch bậc thầy của mình được thực hiện từng điểm một và những tên lính Đức đàn độn to béo bị mắc bẫy một lần nữa. Tôi nghĩ rằng thậm chí máu tôi cũng đang lưu chuyển một niềm tin như đinh đóng cột vào số phận tổ quốc, có lẽ tôi được kế thừa niềm tin này từ những tổ tiên người Do Thái và Tác ta của mình. Các chỉ huy quân sự của tôi ở Bordeaux-

Mérignac đã nhanh chóng nhận ra trong tôi những phẩm chất di truyền này như sự tôn trọng truyền thống và sự mù quáng, chính vì thế mà tôi được chỉ định tham gia một trong ba phi hành đoàn trinh thám phụ trách tuần tra phía trên các khu phố công nhân ở Bordeaux. Người ta bí mật giải thích cho chúng tôi rằng làm thế để bảo vệ thống chế Pétain và tướng Weygand, những người quyết tâm tiếp tục chiến đấu, trước đội quân thứ năm của cộng sản đang lăm le cướp chính quyền và ký kết với Hitler. Tôi không phải là nhân chứng duy nhất, và cũng không chỉ mình tôi bị lừa bằng lời bêu riếu xảo trá này: những lũ đoàn học viên-sĩ quan, trong đó có Christian Fouchet, giờ là đại sứ của chúng tôi tại Đan Mạch, đã được đặt ở các ngã ba, ngã tư thành phố để bảo vệ ông già uy nghiêm khỏi bàn tay của những kẻ cầu hòa hay những kẻ chủ trương ký hiệp ước với kẻ thù. Mặc dù thế, tôi vẫn tin chắc rằng sự khôn khéo này chẳng qua là hành động của đám thuộc hạ cấp dưới, và những người ấy đã hành động như vậy một cách bột phát, trong sự hứng khởi chính trị và tình yêu tổ quốc nhất thời. Thế là tôi lái máy bay bay tầm thấp tuần tra trên thành phố Bordeaux, cùng súng máy nạp đạn, sẵn sàng xông vào bất kỳ đám người tụ tập nào được báo. Tôi làm chuyện đó mà không hề lưỡng lự hay nghi ngờ về việc đội quân thứ năm, chúng tôi được cho là chịu trách nhiệm phá vỡ kế hoạch của đội quân này, đã thắng, cũng không hề nghi ngờ việc đội quân ấy không phải là một trong những đội quân thường đi nghênh ngang trên phố với cờ xí rợp trời mà nó len lỏi âm ỉ trong tâm hồn, ý chí và tinh thần. Tôi không tài nào tưởng tượng được rằng một vị tướng đứng đầu đội quân lâu đời nhất và vinh quang nhất thế giới lại bỗng nhiên lộ diện là một kẻ cầu hòa, một trái tim kém được tôi luyện, hoặc thậm chí là một kẻ ma mãnh sẵn sàng đặt

lòng căm thù, nỗi oán hận và đam mê chính trị của mình lên trước cả số phận dân tộc. Về mặt này, vụ Dreyfus không giúp gì tôi: trước hết, Esterhazy không thực sự là người Pháp, đó là một người đã được nhập quốc tịch, hơn nữa, mục đích sâu xa của sự kiện ấy là hạ thấp danh dự của một người Do Thái và ai cũng biết rằng, trong những trường hợp đó, người ta có thể sử dụng bất cứ phương tiện nào: các vị tướng có dính vào vụ Dreyfus cứ tưởng đã làm tốt mọi việc. Tóm lại, tôi giữ niềm tin của mình nguyên vẹn cho đến phút chót và rõ ràng là tới tận bây giờ tôi vẫn không thay đổi nhiều về mặt ấy: một thất bại như thất bại ở Điện Biên Phủ, những lời thóa mạ bên lề cuộc chiến Algérie khiến tôi ngạc nhiên vì rối loạn và khó hiểu. Cho nên, mỗi khi kẻ thù tiến thêm một bước, mỗi khi có thêm một mặt trận thất thủ là tôi lại mỉm cười tỉnh quái rồi chờ tình hình bất ngờ xoay chuyển, chờ chiến sự nhanh chóng bớt gay go, chờ tiếng “Và xem này!” đầy mĩa mai và hùng hồn của các chiến lược gia của chúng ta - những kẻ thích đấu kiếm có một không hai. Tôi là kẻ không có khả năng tuyệt vọng, sự bất lực mang tính di truyền này tồn tại trong tôi như một dị tật mà tôi không thể làm gì để chống lại, rốt cuộc nó lại có vẻ ngoài của sự ngu dốt bẩm sinh và may mắn nào đó, có thể sánh ngang sự ngu dốt xưa kia từng thúc đẩy loài bò sát không phôi bò ra khỏi đại dương gốc, rồi không những giúp loài bò sát này hít thở, mà một ngày kia còn biến chúng thành mối nghi ngờ đầu tiên của nhân loại, mối nghi ngờ mà ngay giờ đây ta còn thấy lợi bì bõm quanh ta. Tôi đã từng ngu và tôi vẫn luôn như thế - tôi giết ngu, sống ngu, hy vọng ngu, chiến thắng ngu. Tình hình chiến sự càng trở nên nghiêm trọng thì sự ngu dốt của tôi càng thăng hoa, đến mức chỉ còn thấy đó như một cơ hội đúng tầm chúng ta, và tôi mong chờ tinh hoa của tổ quốc bỗng

nhiên thể hiện trên một gương mặt thủ lĩnh nào đấy, theo như những truyền thống tốt đẹp nhất của chúng ta. Tôi luôn có chiều hướng bám vào từng câu từng chữ trong những câu chuyện thú vị mà con người tự kể về mình trong những thời khắc hừng khởi, và về khoản này, nước Pháp chưa bao giờ thiếu cảm hứng. Tài năng chói sáng của mẹ tôi, khi cần phải tin tưởng, phải tiếp tục tin tưởng và hy vọng, bỗng thức tỉnh trong tôi và thậm chí còn đạt đến những đỉnh điểm bất ngờ. Tôi lần lượt tin vào tất cả các thủ lĩnh của chúng ta, và ở ai tôi cũng nhận ra bóng dáng của cứu tinh. Rồi khi họ lần lượt biến mất trong cái hố sâu của trò hề hay sa lầy vào thất bại ê chề, tôi vẫn không hề cảm thấy thất vọng và không hề đánh mất niềm tin nơi họ; tôi chỉ đơn giản chuyển sang vị tướng khác mà thôi. Tôi luôn mặc cả đến cùng, luôn là kẻ bị lừa và mãi mãi là kẻ đi mua, và mỗi khi một vĩ nhân nào đó sụp đổ thì tôi chuyển sang vĩ nhân khác với niềm tin nhân đôi. Vì thế, tôi lần lượt tin vào tướng Gamelin, tướng Georges, tướng Weygand - tôi còn nhớ mình đã hết sức xúc động khi đọc bài báo của hãng thông tấn nào đó miêu tả đôi ủng da thuộc màu vàng hung và chiếc quần chèn bằng da của vị tướng đang nắm quyền chỉ huy tối cao này lúc ông ta đi xuống bậc thang đại bản doanh - tôi tin vào tướng Huntziger, tướng Blanchard, tướng Mittelhauser, tướng Noguès, đô đốc Darlan, và tin vào thống chế Pétain - tôi cần phải nói như vậy. Thế là lẽ tất nhiên tôi tin cả tướng de Gaulle, người có thói quen để ngón tay út trên đường chỉ quần và luôn đưa tay chào theo kiểu quân đội. Các bạn có thể tưởng tượng tôi nhẹ nhõm thế nào khi sự ngu dốt bẩm sinh và tình trạng không đủ khả năng thất vọng của tôi bỗng nhiên gặp được người đáng mặt, và khi mà từ dưới đáy sâu vực thẳm, đúng như tôi chờ đợi, cuối cùng cũng nhô lên một gương mặt thủ

lĩnh khác người, vị thủ lĩnh này không những làm chủ được các sự kiện mà còn mang một cái tên rất quen thuộc. Mỗi lần đứng trước de Gaulle, tôi lại thấy mẹ tôi không hề lừa dối tôi và dù sao bà cũng biết bà đang nói về cái gì.

Thế là tôi quyết định sang Anh cùng ba đồng đội khác trên chiếc máy bay hiệu Den-55, một loại máy bay hoàn toàn mới mà không ai trong chúng tôi đã từng lái trước đó.

Sân bay Bordeaux-Mérignac những ngày mười lăm, mười sáu và mười bảy tháng Sáu năm 1940 chắc chắn là một trong những nơi lạ nhất trước đây tôi chưa bao giờ có dịp lai vãng.

Từ mọi vùng trời, vô số máy bay liên tục hạ cánh xuống đường băng và đậu kín sân bay. Những chiếc máy bay mà tôi không biết là loại gì, cũng không biết sử dụng như thế nào, đổ xuống bãi cỏ những hành khách không kém phần lạ lẫm, trong số đó có vài người có vẻ như chỉ đơn giản và thuần túy là gặp phương tiện giao thông nào trước tiên thì leo lên thế thôi.

Sân bay đã trở thành nơi triển lãm tất cả những nguyên mẫu của Không Quân từ hai mươi năm nay: trước khi chết, hàng không Pháp nhìn lại quá khứ của mình. Các phi hành đoàn đôi khi còn lạ hơn cả các phi cơ. Tôi thấy một viên phi công hạm đội từ khoang lái của một chiếc máy bay tiêm kích đi ra, tay bồng một bé gái đang thiêm thiếp ngủ, ngực đeo một trong những tấm huân chương chiến đấu đẹp nhất mà người ta có thể chiêm ngưỡng trên ngực một chiến binh. Tôi thấy một trung sĩ phi công đưa năm người chắc hẳn là những khách trọ đáng yêu của một “nhà chứa” tỉnh lẻ từ chiếc máy bay hiệu Goéland xuống. Tôi thấy, trong một chiếc máy bay hiệu Simoun, một trung sĩ có mái tóc bạc phơ và một phụ nữ mặc quần dài cùng hai con chó, một con mèo, một con chim hoàng yến, một

con vệt, những tấm thảm cuộn tròn và một bức tranh của Hubert Robert dựng vào thành. Tôi thấy một gia đình đáng yêu, bố, mẹ, hai đứa con gái, va li xách tay, đang mặc cả với một viên phi công về giá tiền sang Tây Ban Nha, pater familias, chủ gia đình, vốn là người đã được tặng thưởng Huân chương Bắc đẩu Bội tinh hạng kỵ sĩ. Nhất là tôi đã thấy và tôi sẽ thấy suốt đời gương mặt của các viên phi công lái những chiếc Dewoitine-520 và những chiếc Morane-406 trở về từ những trận chiến cuối cùng, cánh các phi cơ này bị đạn bắn thủng lỗ chỗ, một trong những viên phi công đó giật huân chương chiến đấu ra và ném xuống đất. Tôi thấy khoảng ba mươi vị tướng đứng chờ, chờ, chờ mãi quanh tháp canh. Tôi thấy những viên phi công trẻ tuổi tự ý chiếm lấy những chiếc Bloch-151, bay lên trời cao mà không mang theo đạn dược, không có hy vọng nào khác ngoài hy vọng được lao mình vào những chiếc máy bay ném bom của kẻ thù, những chiếc máy bay mà còi báo động liên hồi báo sự xuất hiện nhưng chẳng bao giờ thấy đến. Và tôi luôn thấy hệ động vật kỳ lạ trên không đang cố chạy trốn cảnh trời sập và, trong đó, những chiếc Bloch-210, những chiếc quan tài bay nổi tiếng, lại như đang được tiếp đón niềm nở.

Nhưng tôi tin điều khiến mình nhớ nhất, với tình bằng hữu sâu sắc, vẫn là những chiếc máy bay hiệu Potez-25 yêu quý và những viên phi công nhiều tuổi, chưa bao giờ chúng tôi thấy họ xấp lại gần mà không ngân nga câu hát rất thịnh hành vào thời đó: “Ông ơi, ông, ông quên ngựa mất rồi.” Những con người đứng tuổi ấy trạc bốn mươi, năm mươi, tất cả đều là quân nhân dự bị, một số là cựu chiến binh Thế chiến thứ nhất, họ bị giữ lại trong suốt cuộc chiến tranh với cương vị “nhân viên mặt đất”, đầu bếp, ký lục, trưởng văn phòng, bắt chấp những tấm huy hiệu phi công mà họ

hãnh diện trưng ra trên ngực, cho dù người ta hứa đi hứa lại mà không bao giờ giữ lời là sẽ cho họ luyện bay. Giờ thì họ đang gõ gạc lại. Họ gồm khoảng hai mươi người khỏe mạnh, trạc tứ tuần, và tận dụng lúc khắp nơi tình hình đang tồi tệ, họ đã đảm đương mọi việc. Trung dụng tất cả những chiếc máy bay hiệu Potez-25 đang rảnh, thờ ơ trước mọi dấu hiệu thất bại ngày càng nhiều xung quanh mình, họ bắt tay vào luyện tập, tích lũy các giờ bay và bình thân thay nhau lượn vòng quanh đường băng, như những hành khách thỏa thích nghịch nước tạo thành những vòng tròn đồng tâm giữa một cuộc đắm tàu, lòng lạc quan vô bờ bến, họ tin chắc mình sẽ đến kịp “những trận đánh đầu tiên” đúng như họ nói, hết sức khinh khi những gì đã xảy ra trước lúc họ lao vào cuộc chiến. Đến nỗi mà giữa trận Dunkerque trên không kỳ lạ này, trong không khí của ngày tận thế, phía trên những vị tướng đang hoang mang, bối rối, lẫn vào hệ động vật trên không hỗn tạp nhất thế giới, những chiếc Potez-25 của các “phi công thế hệ đầu” vẫn tiếp tục say sưa gặm rú, hạ cánh rồi lại cất cánh, và từ các khoang lái, vẻ mặt vui sướng, đầy quyết tâm của những chiến binh tham gia cuộc chiến ấy cả trong giờ đầu lẫn phút cuối đáp lại những lời chào thân thiện của chúng tôi. Họ là nước Pháp, xứ sở của rượu vang và của cơn thịnh nộ rực ánh mặt trời, một nước Pháp mọc lên, lớn nhanh và hồi sinh từng mùa, bất chấp những gì xảy ra. Trong số họ có những chủ quán cơm tòi, có những anh công nhân, có những bác hàng thịt, có những nhà bảo hiểm, những kẻ vô gia cư và những tên buôn lậu, thậm chí còn có một cha xứ nữa. Nhưng tất cả họ đều có một điểm chung như chúng ta đã biết.

Ngày nước Pháp thất thủ, tôi ngồi dựa lưng vào tường nhà để máy bay, ngắm nhìn chiếc Den-55 đang nổ máy, chiếc máy bay này

sẽ chở chúng tôi sang Anh. Tôi nghĩ đến sáu bộ pyjama bằng lụa tơ tằm mà tôi đã bỏ lại trong phòng ở Bordeaux, một mát mát kinh khủng nếu nghĩ đến việc phải thêm vào đó việc mất nước Pháp và mất mẹ tôi, người mà rất có thể tôi không bao giờ gặp lại nữa. Ba đồng đội, cũng trung sĩ như tôi, ngồi bên cạnh tôi, ánh mắt lạnh lùng, khẩu súng nạp đạn giắt ở thắt lưng - chúng tôi đang ở rất xa chiến trường, nhưng chúng tôi còn trẻ, thất bại đã khiến chúng tôi hoang mang về nam tính của mình, thế nên những khẩu súng trần trụi và đầy vẻ hăm dọa là cách duy nhất để thể hiện những gì chúng tôi cảm thấy: Chúng phần nào giúp chúng tôi bắt kịp tấn bi kịch đang diễn ra xung quanh, giúp chúng tôi ngụy trang và bù đắp cho cảm giác bất lực, rối loạn, vô dụng của mình. Không ai trong chúng tôi còn chiến đấu, và de Gaches, bằng giọng mỉa mai, đã diễn đạt rất trúng ý muốn đáng thương của chúng tôi, ý muốn thoát khỏi mọi ràng buộc, ý muốn trốn mình trong thái độ và ý muốn đứng cách xa thất bại:

– Điều này giống như kiểu người ta ngăn không cho Corneille và Racine cầm bút để sau đó nói rằng nước Pháp không có nhà thơ viết bi kịch.

Dù tôi cố gắng hết mình để chỉ nghĩ đến việc mất mấy bộ pyjama bằng lụa tơ tằm nhưng gương mặt mẹ tôi thỉnh thoảng vẫn hiện ra trước mắt tôi giữa những ánh sáng khác của tháng Sáu không mây này. Tôi có nghiến răng cũng bằng thừa, có giương cằm ra và đặt tay lên súng cũng vô ích, mắt tôi bỗng chốc nhòa lệ, và tôi nhìn nhanh vàng dương trước mắt để đánh lừa đồng đội. Anh bạn Mặt Đẹp của tôi cũng có vấn đề về tinh thần, anh đã kể cho chúng tôi nghe: anh vốn là một tay ma cô còn “ái phi” của anh ở nhà tại Bordeaux. Anh có cảm giác mình không phải với nàng khi một

mình ra đi như thế này. Tôi cố động viên tinh thần anh bằng cách giải thích rằng lòng trung thành với tổ quốc phải được đặt trên bất cứ lý do nào khác, và tôi cũng thế, tôi đã để lại đằng sau những gì quý giá nhất. Tôi cũng nêu thí dụ của anh bạn Jean Pierre, anh này không ngần ngại bỏ lại vợ và ba đứa con mình để tiếp tục chiến đấu. Thế là Mặt Đẹp nói một câu thật tuyệt vời, câu nói có khả năng trả tất cả chúng tôi về đúng vị trí của mình, và đến bây giờ, mỗi lần nghĩ đến câu nói này, tôi vẫn còn thấy mình vô cùng thấp kém:

– Ủ, anh nói, nhưng các anh không phải là tuồng trộm cắp, cho nên các anh không bị ép buộc.

De Gaches phải lái máy bay. Anh đã tích lũy được ba trăm giờ bay: cả một gia tài. Với bộ ria mép gọn gàng, bộ quân phục mác Lanvin, dáng vẻ thanh nhã, anh xuất thân từ một gia đình dòng dõi, và có thể nói là anh coi việc chúng tôi quyết định đào ngũ để tiếp tục chiến đấu là sự hiến thân của giai cấp tư sản Pháp theo đạo Thiên Chúa.

Như các bạn thấy, ngoài ý chí không thừa nhận mình là kẻ chiến bại, giữa chúng tôi không có gì chung cả. Nhưng từ tất cả những chuyện ngăn cách chúng tôi, chúng tôi khai thác được điều gì đó như là sự thăng hoa và một niềm tin còn lớn lao hơn nữa vào mối liên hệ duy nhất gắn kết chúng tôi. Không biết trong chúng tôi có kẻ sát nhân hay không, nhưng chúng tôi thấy bằng chứng của tính thiêng liêng, mẫu mực, trên tất cả mọi lý do khác, trong sứ mạng mà chúng tôi được giao phó, bằng chứng của cả tình bằng hữu sâu sắc.

De Gaches lên chiếc máy bay hiệu Den để nghe anh thợ máy hướng dẫn lần cuối cùng cách vận hành chiếc máy bay mà anh mù

tật. Chúng tôi phải bay thử một vòng để làm quen với các thiết bị, sau đó chúng tôi hạ cánh, thả anh thợ máy xuống sân bay rồi lại cất cánh hướng sang nước Anh. De Gaches chỉ máy bay ra hiệu, chúng tôi bắt đầu cài đai dù. Mặt Đẹp và Jean Pierre lên trước tiên: tôi vương cái đai. Khi đã đặt một chân lên cầu thang thì tôi thấy một bóng người đạp xe đạp lao đến, vừa đạp hết tốc lực vừa vẫy tay ra hiệu. Tôi chờ.

– Trung sĩ, có người muốn gặp anh ở tháp canh. Anh có điện thoại. Gấp lắm.

Tôi sững người ra. Ngay giữa lúc tình hình suy sụp, trong khi mà đường sá, đường dây điện báo, hệ thống truyền thông tất cả đều đang ở lúc hỗn loạn nhất, trong khi mà các tướng lĩnh không biết tin gì về các đội quân của mình và trong khi mà tình trạng vô tổ chức lan tràn khắp nơi sau khi xe tăng Đức và quân Luftwaffe tràn tới, thì giọng mẹ tôi lại có thể tìm được đường đến với tôi, tôi thấy tất cả điều này gần giống như một hiện tượng siêu nhiên. Bởi vì không nghi ngờ gì nữa: đúng là mẹ tôi gọi điện cho tôi. Vào thời điểm phòng tuyến Sedan bị chọc thủng, và sau này, khi những chiếc mô tô đầu tiên của quân Đức lui tới các lâu đài sông Loire, nhờ một anh bạn trung sĩ điện báo ở tháp canh, đến lượt mình tôi đã cố gắng gửi cho mẹ một lời nhắn nhủ trấn an, nhắc lại với mẹ nào là Joffre, Pétain, Foch và tất cả những cái tên thiêng liêng khác mà mẹ từng nhắc đi nhắc lại cho tôi không biết bao nhiêu lần trong những thời khắc khó khăn của chúng tôi, khi tình hình tài chính khiến tôi vô cùng lo lắng hoặc khi mẹ bị hạ đường huyết. Nhưng hồi ấy, có tồn tại một thứ giống như kiểu quy định trong viễn thông và người ta còn tuân theo quân lệnh, nên tôi không thể gặp mẹ.

Tôi hét lên bảo de Gaches cứ bay thử đi rồi quay lại đón tôi ở trước nhà để máy bay; sau đó tôi mượn xe đạp của anh hạ sĩ và đạp thật nhanh.

Khi tôi chỉ còn cách tháp canh vài mét thì chiếc Den lao vào đường băng. Tôi xuống xe, và trước khi đi vào, tôi lơ đãng liếc mắt về phía chiếc máy bay. Chiếc Den đã bay cách mặt đất khoảng hai mươi mét. Bỗng nhiên, nó có vẻ như lơ lửng bất động trên không trong một khoảnh khắc, lưỡng lự, rồi lồng lên, nghiêng hẳn về một bên, bổ nhào xuống và nổ tung trên mặt đất. Trong phút chốc, tôi nhìn cái cột khói đen sì mà sau này, tôi đã phải thấy không biết bao nhiêu lần phía trên những chiếc máy bay rơi. Lúc đó tôi cảm nhận được vết bỏng đầu tiên của nỗi cô đơn bất chợt và trọn vẹn, sau này, hơn một trăm đồng đội của tôi đã ngã xuống và khắc sâu nỗi cô đơn ấy trong tâm khảm tôi, đến nỗi để tôi lại trên đời với cái thiếu vắng của riêng mình. Dần dà, trong bốn năm ở phi đội, đối với tôi, sự trống vắng đã trở thành thứ gì đó cho đến nay vẫn ám ảnh tôi nhất. Tất cả mọi nỗ lực tìm bạn bè mới suốt từ hồi chiến tranh chỉ khiến tôi cảm nhận sâu sắc hơn sự trống vắng vẫn tồn tại bên tôi ấy. Đôi khi tôi quên gương mặt họ, nụ cười và giọng nói của họ đã rời xa, nhưng thậm chí những gì tôi quên về họ lại làm sự trống vắng này trở nên thân thiện hơn. Bầu trời, Đại dương, bờ biển Big Sur hoang vu đến tận chân trời: để lang thang trên trái đất này, tôi thường chọn những nơi có đủ chỗ cho những ai không còn nữa. Tôi luôn tìm cách lấp đầy khoảng trống ấy bằng thú vật, chim muông, và mỗi lần một con hải cẩu từ trên mỏm đá lao xuống rồi bơi vào bờ, hoặc mỗi lần những con cóc và nhạn biển siết chặt vòng vây quanh tôi, nhu cầu kết bạn của tôi lại có thêm một hy

vọng nực cười và bất khả, tôi không thể ngăn mình nở một nụ cười và chìa tay ra.

Tôi rẽ một lối đi giữa khoảng hai mươi hay ba mươi vị tướng đang xoay vòng như diệp quanh tháp canh, rồi bước vào Tổng đài.

Tổng đài điện thoại Mérignac, vào thời ấy, cùng với Tổng đài của chính thành phố Bordeaux, là hơi thở đầu tiên của đất nước. Bordeaux từng là nơi phát đi các thông điệp của Churchill, người đã nhanh chóng tìm cách ngăn cản đình chiến, là nơi phát đi thông điệp của tướng lĩnh, những người đang cố sức định hướng trong tình cảnh thất bại tràn lan, là nơi phát đi thông điệp của các nhà báo và các vị đại sứ trên toàn thế giới, những người đi theo một chính phủ đang co vùi rứt cổ. Giờ đây, tất cả dường như đã kết thúc, các đường dây trở nên yên tĩnh một cách kỳ lạ, và trên khắp lãnh thổ, trong một quân đội bị chia năm xẻ bảy, vì quyền ra quyết định ở các đơn vị bị bao vây đã hạ xuống cấp đại đội, đôi khi là cấp phân đội, nên không nhất thiết phải ra lệnh nữa, dù những cú co giật cuối cùng của cơn hấp hối vẫn đang diễn ra trong tinh thần anh dũng thâm lặng và bi kịch của một số người, trong những trận đánh vài giờ hay vài phút ở thế một chống lại một trăm, những trận đánh không thể theo dõi trên bản đồ tác chiến, cũng không được ghi chép trong bất kỳ bản báo cáo nào.

Tôi gặp anh bạn trung sĩ Dufour đang ngồi trong Tổng đài nơi anh trực suốt từ hai mươi tư tiếng đồng hồ nay, mặt anh ướm đầm mồ hôi, những giọt mồ hôi tháng Sáu chảy ra từ lỗ chân lông của chính tổ quốc. Với cái trán bướng bỉnh, mẫu thuốc lá đã tắt trên môi, mặt mọc ra một sợi lông đặc biệt ghê gớm và sắc nhọn, tôi tin rằng, anh cũng mang vẻ ngạo mạn và ranh mãnh như thế khi bị rơi

vào ổ phục kích, ba năm sau đó, và gục xuống dưới súng đạn của kẻ thù.

Mười ngày trước đây, khi tôi cố xin anh cho tôi được nói chuyện với mẹ tôi, anh trả lời với vẻ nhản nhó hung hãn rằng “chưa phải lúc và tình hình không cho thấy là phải viện đến một giải pháp quá đáng như thế”. Giờ đích thân anh gọi tôi tới và động thái đơn giản này nói nhiều về thể cuộc hơn cả mọi lời đồn về hiệp ước đình chiến. Anh nhìn tôi, lúc ấy anh ăn mặc lôi thôi lếch thếch, quần không cài cúc, sự phẫn nộ, khinh bỉ và ương bướng lồ lộ ngay ở cửa quần để mở, với vàng trán thẳng có ba nếp nhăn hằn ngang - và mười lăm năm sau, tôi đã mượn những đường nét khó quên này, khi tìm kiếm một gương mặt cho nhân vật Morel trong tiểu thuyết Cội rễ bầu trời, một kẻ không biết thất vọng là gì. Anh nhìn tôi, ổng nghe vẫn ở bên tai. Hình như anh đang nghe nhạc, trông có vẻ rất say sưa. Tôi chờ, trong khi anh nhìn tôi, và trong đôi mắt đỏ ngầu vì thiếu ngủ vẫn còn đủ chỗ cho một niềm vui nhỏ nhoi nào đó. Tôi tự hỏi anh đang chộp được cuộc nói chuyện nào. Phải chăng là cuộc nói chuyện của tổng tư lệnh với các đơn vị tiên tiêu? Nhưng tôi sớm được tỏ tường.

– Brossard đi chiến đấu ở Anh, anh bảo tôi. Tôi đã sắp xếp cho hẳn ta tạm biệt vợ. Cậu không thay đổi ý định chứ?

Tôi lắc đầu. Anh ra hiệu đồng tình và thế là tôi được biết rằng nhiều giờ nay, trung sĩ Dufour đã chặn tất cả các đường dây điện thoại để cho phép một số người, trong số những người không chịu thua mà tiếp tục đi chiến đấu, được thốt lên tiếng kêu cuối cùng đầy yêu thương và can đảm với những người mà chắc hẳn họ phải rời xa mãi mãi.

Tôi không hề hận thù những người chấp nhận bại trận, chấp nhận hiệp ước đình chiến năm 40. Tôi hiểu rõ những người từ chối theo de Gaulle. Họ quá thích ở trong những căn nhà đầy đủ đồ đạc của mình, họ gọi đó là thân phận con người. Họ đã học và rao giảng “sự khôn ngoan”, bông cúc cam tảo độc mà nếp sống đổ dần vào hòng chúng ta, với hương vị ngọt ngào của sự nhún nhường, từ bỏ và chấp nhận. Những kẻ có học, những kẻ suy tư, mơ mộng, tể nhị, uyên bác, đa nghi, dòng dõi, học hành bài bản, say sưa cổ học, những kẻ đó, trong sâu thẳm lòng mình, một cách âm thầm, họ luôn biết con người là một cảm dỗ bất khả, thế nên họ đã đón nhận chiến thắng của Hitler như một lẽ tất nhiên. Rõ ràng phụ thuộc về mặt sinh học và siêu hình, nên rất đổi tự nhiên, họ chấp nhận gia hạn về xã hội và chính trị. Thậm chí tôi có thể khẳng định rõ hơn mà không hề có ý làm nhục bất cứ ai: họ có lý, chỉ điều đó thôi hẳn cũng đủ cảnh báo cho họ. Họ có lý, theo nghĩa khéo léo, cẩn trọng, theo nghĩa khước từ phiêu lưu, khôn ngoan thoát cảnh khó khăn, theo cái nghĩa đã tránh cho Jesus phải chết trên cây thánh giá, tránh cho Van Gogh phải cầm bút vẽ, tránh cho nhân vật Morel của tôi phải bảo vệ những con voi của mình, tránh cho người Pháp bị bắn, theo cái nghĩa quy tụ các nhà thờ và viện bảo tàng, các đế chế và nền văn minh trong cùng một thứ hư vô mà không cho chúng ra đời.

Và tất nhiên họ không bị níu giữ bởi ý nghĩ ngây thơ của mẹ tôi về nước Pháp. Họ không phải bảo vệ câu chuyện thời thơ ấu trong tâm trí của một bà già. Tôi không thể giận những người nhìn nhận nước Pháp bằng cái nhìn tĩnh tâm hơn, thận trọng hơn, họ nhìn nhận như thế là vì họ không sinh ra bên bờ thảo nguyên nước Nga

rộng lớn, máu của họ không được trộn lẫn giữa máu Do Thái, Cô dắc và Tác ta.

Một lúc sau, tôi nghe giọng nói của mẹ trên điện thoại. Giờ đây tôi không tài nào diễn tả được những gì hai mẹ con tôi đã nói với nhau. Đó là một chuỗi những tiếng kêu gào, những từ ngữ, những tiếng nức nở, nó không phải thứ ngôn ngữ có cấu âm. Từ ấy trở đi, tôi luôn có cảm giác mình hiểu tiếng thú vật. Trong những đêm châu Phi, mỗi lần nghe thấy tiếng thú, lòng tôi lại quặn thắt khi nhận ra trong đó tiếng của nỗi đau, của sự khiếp sợ, của sự đau xé ruột gan, và sau cuộc nói chuyện điện thoại ấy, khi ở tất cả các cánh rừng trên thế giới, tôi luôn nhận ra tiếng của con cái bị mất đứa con yêu quý của mình.

Câu nói rõ ràng duy nhất, kỳ cục, được vay mượn từ vốn từ khiêm tốn nhất của ông nói thoại, là câu nói cuối cùng. Khi hai mẹ con đã im lặng, sự im lặng kéo dài, thậm chí không còn tiếng rè rè của điện thoại nữa, sự im lặng dường như muốn nuốt chửng cả đất nước, thì bỗng tôi nghe thấy một giọng nói kỳ cục nức nở từ xa xôi:

– Chúng ta sẽ đánh bại chúng!

Tiếng kêu ngớ ngẩn cuối cùng thể hiện lòng dũng cảm sơ đẳng nhất, ngây thơ nhất của con người đã đi vào tim tôi và ở đó mãi mãi - nó là trái tim tôi. Giờ tôi biết tiếng kêu ấy sẽ sống mãi trong lòng tôi và một ngày nào đó con người sẽ giành được một chiến thắng lớn lao hơn tất cả những chiến thắng mà họ từng mơ ước cho đến lúc này.

Tôi còn ở đó thêm một giây nữa, mũ cát kết đội sụp xuống mặt, áo vest da vẫn khoác trên người, cô đơn như hàng triệu triệu con người đã từng cô đơn và sẽ mãi cô đơn trước số phận chung của họ.

Trung sĩ Dufour nhìn tôi qua phía trên mầu thuốc lá, trong mắt anh vẫn có niềm vui nho nhỏ ấy, mỗi khi thấy niềm vui nhỏ nhoi này trong mắt đồng loại tôi đều như thấy sự đảm bảo cho sự tồn tại mãi mãi.

Sau đó tôi lo đi tìm một phi đoàn khác và một chiếc máy bay khác.

Tôi lang thang nhiều giờ liền trên sân bay, đi từ máy bay này sang máy bay khác, từ phi đoàn này sang phi đoàn khác.

Tôi đã cố xúi nhiều phi công bỏ đi nhưng họ tiếp đón tôi rất dỗi lạnh nhạt, đúng khi đó tôi chợt nhớ ra chiếc máy bay bốn động cơ mang hiệu Farman màu đen mới đáp sân hôm trước, tôi thấy chiếc máy bay này đủ lớn để có thể đưa tôi sang Anh. Đó chắc hẳn là chiếc máy bay to nhất mà tôi được thấy cho tới lúc bấy giờ. Hình như không có ai trong cỗ máy khổng lồ này cả. Đơn giản là do phản xạ hiếu kỳ, tôi trèo lên thang và thò đầu vào phía trong xem chiếc máy bay ấy như thế nào.

Một vị tướng hai sao đang vừa viết gì đó trên cái bàn xếp vừa hút tẩu thuốc. Một khẩu súng lục to bụi được đặt trong tầm tay, trên một tờ giấy. Vị tướng này nom mặt còn trẻ, tóc xám húi cua, và khi tôi đột ngột xuất hiện trong máy bay, ông lơ đãng nhìn tôi rồi lại nhìn tờ giấy, sau đó tiếp tục viết. Phản xạ đầu tiên của tôi là chào ông, nhưng ông không trả lời.

Tôi hơi ngạc nhiên liếc nhìn khẩu súng rồi bỗng hiểu chuyện gì đang xảy ra. Vị tướng bại trận đang viết lời tuyệt mệnh trước khi tự sát. Thú thật tôi cảm thấy xúc động và biết ơn sâu sắc. Dường như khi có những vị tướng dám hành động như thế trước thất bại thì chúng ta có quyền hy vọng tất cả. Đó là một hình ảnh lớn lao, đó là

óc bị kịch, những thứ mà vào thời đó, ở tuổi tôi, tôi rất dễ nhạy cảm.

Thế là tôi chào thêm một lần nữa rồi lặng lẽ rút lui, bước vài bước trên đường băng, lòng vẫn chờ phát súng cứu danh dự. Sau khoảng mười lăm phút, tôi bắt đầu nôn nóng và quay lại chiếc Farman, thò đầu vào một lần nữa.

Vị tướng vẫn đang viết. Bàn tay thanh mảnh chạy trên giấy. Tôi để ý thấy hai hay ba phong bì gì đó đã dán tem đặt bên khẩu súng, ông lại liếc nhìn tôi, tôi lại chào ông rồi kính cẩn lui ra. Tôi có nhu cầu tin tưởng ai đó, và vị tướng này, với gương mặt quý tộc còn trẻ của mình, khiến cho tôi cảm thấy tin tưởng: thế là tôi kiên nhẫn chờ gần máy bay để ông động viên khích lệ tinh thần tôi. Vì không có gì xảy ra nên tôi quyết định ghé qua phân đội bay để xem dự định đáp xuống Bồ Đào Nha trước khi sang Anh của sư đoàn đến đâu rồi. Sau nửa tiếng tôi quay lại và leo lên cầu thang: vị tướng đó vẫn đang viết. Những tờ giấy kín đặc những dòng chữ đều đặn đã chất đống dưới khẩu súng đặt ngay trong tầm tay. Bỗng tôi hiểu ra là vị tướng trung hậu này không phải có ý định nào đó cao cả và xứng đáng với một người anh hùng trong bi kịch Hy Lạp, ông chỉ viết thư và dùng súng làm cái chặn giấy thôi. Xem ra ông ấy và tôi không sống chung một thế giới. Bực tức và thất vọng vô cùng, tôi rời xa chiếc Farman, đầu cúi gằm. Sau đó tôi gặp lại vị tướng này, ông bình thân đi về phòng ăn sĩ quan, khẩu súng để trong bao, tay cầm chiếc khăn, trên gương mặt bình thân của ông lộ rõ vẻ vừa hoàn thành một nhiệm vụ.

Ánh nắng mênh mang soi rọi hệ động vật khí sinh dị dạng trên sân bay. Những người Senegal mình mang vũ khí được bố trí xung quanh các máy bay để đề phòng các hành động phá hoại có thể xảy

ra, họ ngắm nhìn những hình hài kỳ lạ và đôi khi gây chút lo ngại từ trên trời bay xuống. Tôi nhớ nhất một chiếc Bréguet sệ bụng, phía sau thân của nó có một cái xà, nom như cái chân gỗ, bất lịch sự và thô thiển như một số vật thờ châu Phi. Tại phân đội Potez, các ông lão của những năm 1914-1918, những kẻ bất bại và lòng đầy hận thù, tiếp tục thay nhau lái máy bay, luyện tập cho một điều kỳ diệu nào đó; họ chăm chỉ găm rú trên trời xanh, và khi hạ cánh, họ cho tôi thấy hy vọng vững chắc của họ, hy vọng mình đã sẵn sàng khi thời cơ đến.

Tôi còn nhớ một người trong số họ, từ khoang của chiếc Potez chui ra, đó là hình ảnh hoàn hảo của chàng kỵ sĩ trên không vào thời của Reichthoffen và của Guynemer, áo com lê, tất lụa chít trên đầu, quần cụt kiểu kỵ binh, trong tiếng cánh quạt vù vù, ông nói to cho tôi nghe, vừa nói vừa thở sau khi từ khoang lái xuống, đối với một người có cân nặng như ông thì màn tiếp đất đó quả là một trò nhào lộn:

– Nhóc! Đừng lo! Có bọn tao đây!

Ông cương quyết đẩy hai người bạn đã giúp ông bước xuống ra rồi đi về hướng những chai bia đang chờ mình trên bãi cỏ. Hai người bạn, một người vận áo varơ kaki, huân chương đeo lưng lẳng, đầu đội mũ cát, chân đi ủng, còn người kia, mũ bê rê đội đầu, kính đeo trên trán, mặc áo vest Saumur, bấp chân quần dải vải bông, vỗ lưng tôi thân mật rồi trấn an tôi:

– Chúng ta sẽ đánh bại chúng!

Rõ ràng họ đang sống những khoảnh khắc đẹp nhất trong đời. Họ vừa khiến người ta xúc động lại vừa khiến người ta buồn cười, và mặc dù vậy, với những dải vải bông, những cái tất lụa quần đầu

và bộ mặt phi ra nhưng đầy vẻ kiên quyết, khi từ máy bay đi xuống, họ đã gọi lại khá rõ những giờ phút vinh quang, và rồi, chỉ vào lúc đó, tôi mới thấy cần có một người cha hơn bao giờ hết. Cả nước Pháp đều có cảm giác ấy và việc cả nước Pháp đồng loạt đi theo vị thống chế già không có lý do nào khác. Thế là tôi cố gắng trở thành người có ích, tôi giúp họ bước lên buồng lái, tôi đẩy cánh quạt, chạy ra căng tin lấy thêm bia. Họ kể cho tôi nghe về trận sông Marne kỳ diệu, vừa kể vừa nháy mắt vẻ thông thạo, họ kể về Guynemer, về Joffre, về Foch, về Verdun, tóm lại, họ nói về mẹ tôi, và đó là tất cả những gì tôi cần. Đặc biệt, một người trong số họ, chân mang ghệt, đầu đội mũ cát, đeo kính, khoác dây đeo gươm bằng da và đeo đủ loại huy chương - không hiểu sao ông làm tôi nghĩ đến những câu từ bất hủ trong một bài hát học sinh quen thuộc: “Khi một cậu bé lái mô tô, tưởng lỗ... là cái lỗ ấy, chạy đi báo cho Bộ Tham mưu, rằng tướng kia đã chết không còn” - cuối cùng thốt lên bằng thứ giọng đủ át cả tiếng vù vù của cánh quạt máy bay:

– Mẹ kiếp, rồi sẽ biết tay ông!

Sau đó, tôi đẩy ông leo lên chiếc Potez, ông hạ kính xuống mắt, nắm lấy tay lái rồi lao đi. Có thể tôi hơi vô lý, nhưng tôi tin rằng những phi công đầu tiên đáng mến này đặc biệt đang trả thù bộ chỉ huy Pháp vì đã không cho họ bay, và tất cả những “rồi sẽ biết tay ông” ít nhất cũng hướng về cả bộ chỉ huy lẫn quân Đức.

Vào đầu giờ chiều, khi tôi quay lại văn phòng sư đoàn để xem có tin tức gì không, thì một đồng đội đến nói với tôi là một phụ nữ trẻ xin gặp tôi ở chòi canh gác. Trong tôi có một nỗi sợ đầy mê tín là phải rời sân bay, tôi cứ nghĩ rằng cả sư đoàn sẽ bay sang Anh ngay khi mình quay lưng lại, nhưng một phụ nữ trẻ là một phụ nữ

trẻ, thế là trí tưởng tượng của tôi cháy bùng như mọi khi, tôi đến chòi canh gác ngay, ở đó, tôi khá thất vọng khi thấy một cô gái rất tầm thường, vai và eo mảnh khảnh nhưng bắp chân và hông lại rắn chắc, trên gương mặt và trong đôi mắt đỏ ngầu vì khóc lộ ra một nỗi buồn vô hạn và cả thái độ quyết tâm bướng bỉnh, bản năng, thái độ này được thể hiện ngay qua cách siết chặt quai chiếc va li ở tay bằng sức mạnh phi thường. Cô ta nói với tôi cô ta tên là Annick và là bạn của Trung sĩ Clement, còn gọi là Mặt Đẹp, người thường nói chuyện với cô về tôi như người bạn “nhà ngoại giao và nhà văn” của anh. Tôi gặp cô ta lần đầu, nhưng Mặt Đẹp cũng đã từng nói với tôi về cô ta, bằng những lời lẽ ngợi khen. Mặt Đẹp cũng có hai hay ba cô nàng gì đó “ở nhà”, tuy nhiên Annick mới chính là ái phi của anh, anh đã để cô lại Bordeaux sau khi được phiên chế tới Mérignac. Mặt Đẹp chưa bao giờ giấu giếm mình là một chàng trai hư hỏng, và, vào lúc quân Đức tấn công, anh đang bị người ta điều tra kỷ luật về vấn đề này, thậm chí người ta còn dọa gạch tên anh ra khỏi danh sách nữa. Anh và tôi sống khá hòa thuận với nhau, có lẽ chính bởi giữa chúng tôi không có điểm chung, và những gì ngăn cách chúng tôi lại trở thành một sợi dây liên hệ, thông qua sự tương phản. Tôi phải thừa nhận rằng sự ghê tởm mà cái “nghề” tồi tệ của anh gợi cho tôi lại đi kèm với nét quyến rũ nào đó và thậm chí là sự đồ kị nữa, bởi tôi thấy dường như anh có khả năng vô cảm, thờ ơ và cứng rắn rất cao, những phẩm chất không thể thiếu đối với người nào muốn gắn bó với cuộc sống, trong khi tôi, tiếc thay, lại không có được. Anh hay khen ngợi đức tính nghiêm túc và tận tụy của Annick, người phụ nữ mà tôi nghĩ anh rất yêu. Vậy là tôi hết sức tò mò nhìn cô gái. Cô ta thuộc loại gái quê tầm thường vốn quen chịu thương chịu khó, nhưng dưới bờ trán ương bướng, có

thêm cái gì đó trong đôi mắt trong, cái gì đó vượt qua cả bản chất và hành động của chúng ta. Tôi thấy thích cô ta ngay, đơn giản là bởi, trong lúc thần kinh tôi đang căng thẳng, sự hiện diện nào của phụ nữ cũng làm tôi cảm thấy yên tâm và vững tin hơn. Đúng thế, cô ta ngắt lời tôi, khi tôi bắt đầu nói về tai nạn, đúng thế, cô ta biết Clement đã tử nạn sáng nay. Anh đã nói đi nói lại với cô nhiều lần là anh sẽ sang Anh để tiếp tục chiến đấu. Cô định gặp lại anh sau, bằng cách đi qua Tây Ban Nha. Giờ Clement không còn nữa, nhưng dù gì thì gì, cô cũng muốn sang Anh. Cô sẽ không làm việc cho người Đức. Cô muốn ra đi cùng những ai tiếp tục chiến đấu. Cô biết mình sẽ có ích ở Anh, và như thế, ít nhất lương tâm cô sẽ yên ổn sau khi đã nỗ lực hết mình. Tôi có thể giúp gì được cho cô ư? Cô nhìn tôi với vẻ khấn nài cam nín của một con chó, tay siết chặt quai chiếc va li nhỏ vẻ kiên quyết, trên bờ trán bừng bừng lửa xõa mớ tóc màu xám hung, trông cô có vẻ thiết tha làm tốt mọi việc và thực sự quyết tâm vượt qua mọi trở ngại. Không thể không thấy đây là một tấm lòng thuần khiết và cao thượng mà không vết nhơ vô nghĩa và phù du nào của cơ thể có thể làm lu mờ. Ở cô, hơn cả sự chung thủy với ký ức về bạn tôi, tôi tin đó là một sự tận tụy bản năng với cái gì đó hơn cả bản chất và hành động của chúng ta, và không gì có thể làm biến chất hoặc vấy bẩn. Trong sự buông thả và tuyệt vọng tràn lan, vẫn tồn tại một hình ảnh kiên định và quyết tâm làm tốt mọi thứ, hình ảnh ấy khiến tôi rất dễ xúc động. Đối với tôi, người chưa bao giờ chấp nhận soi xét tiêu chí về cái xấu và cái tốt trong hành vi tình dục của con người, người luôn đặt phẩm cách con người phía trên chỗ thắt lưng, ở chỗ trái tim, khối óc và tâm hồn, nơi luôn là chỗ của những suy đồi ô nhục nhất của chúng ta, thì cô bé người Bretagne này dường như có vẻ có bản năng hiểu

được cái gì quan trọng và cái gì không quan trọng hơn tất cả những người ra sức bảo vệ các truyền thống đạo đức. Chắc cô đọc được trong mắt tôi dấu hiệu của sự cảm thông vì cô đã cố gắng hơn nữa để thuyết phục tôi, như thể tôi cần phải được thuyết phục. Ở Anh, quân nhân Pháp sẽ cảm thấy rất cô đơn, cần phải giúp họ, còn cô, cô không ngại công việc, hẳn Clement đã nói với tôi điều này. Cô chờ một lúc, lo lắng không biết liệu Mặt Đẹp có tỏ lòng yêu mến cô như thể không hay anh đã không nghĩ đến điều ấy. Có, tôi vội trấn an cô, anh đã ca ngợi cô rất nhiều. Cô đỏ mặt vì vui sướng. Vậy là công việc thì cô quen rồi, cô là một người khỏe mạnh và tôi có thể đưa cô sang Anh bằng máy bay của mình, và vì tôi là bạn của Clement nên cô sẽ làm việc cho tôi, một phi công cần có người hậu thuẫn, dưới mặt đất, ai cũng biết như thế. Tôi cảm ơn cô và nói với cô là tôi đã có người rồi. Tôi cũng giải thích cho cô rằng việc tìm ra máy bay sang Anh gần như là điều không thể, tôi vừa trải qua kinh nghiệm đó, và một thường dân, một phụ nữ không nên mơ tưởng điều này. Nhưng đây là một cô gái không dễ thất vọng. Vì tôi cố gắng thoái thác bằng vài ba câu nói tầm phào rằng ở Pháp hay ở Anh thì cô cũng có thể là người có ích thôi, rằng ở đây người ta cũng cần những người như cô, cô mỉm cười hiền từ để chứng tỏ cho tôi thấy là cô không giận tôi, rồi cô lẳng lặng xách va li đi về phía sân bay. Mười lăm phút sau, tôi thoáng thấy cô ở các phi đoàn Potez-63, tranh luận về rất quả quyết, rồi tôi không thấy cô nữa. Tôi không biết cô đã ra sao. Hy vọng cô vẫn còn sống, cô đã có thể sang Anh và làm một người có ích, rồi cô đã về Pháp và sinh được nhiều con. Chúng ta cần những chàng trai cô gái có trái tim được tôi luyện như trái tim cô.

Vào cuối buổi chiều, có tin đồn là căn cứ Mérignac sắp thiếu xăng, thế là các phi đoàn không chịu rời máy bay nữa, hoặc vì sợ mất lượt tiếp tế, hoặc vì sợ bị “hút” xăng, hoặc đơn giản vì sợ bị ăn cắp máy bay bởi một kẻ lang thang như tôi chẳng hạn, kẻ đang tìm cách thoát đi. Họ chờ lệnh, chờ chỉ thị, chờ được nói rõ về tình hình, họ tham khảo nhau, họ lưỡng lự, hỏi nhau nên quyết định như thế nào, hoặc không hỏi nhau gì hết mà chỉ chờ vậy thôi. Phần lớn trong số họ chắc hẳn chiến tranh sẽ tiếp tục ở Bắc Phi. Một số người hoang mang đến nỗi chỉ hỏi về ý định của họ thôi cũng đủ khiến họ phát khùng lên rồi. Đề nghị sang Anh của tôi luôn được đón nhận một cách rất lạnh nhạt. Thời đó, người Anh không được lòng người cho lắm. Họ đã lôi kéo chúng tôi vào cuộc chiến. Giờ họ lại tham chiến và đẩy chúng tôi vào tình cảnh rắc rối. Các hạ sĩ quan phụ trách ba chiếc Potez-63 mà tôi đã lỡ mồm chèo kéo đứng vây quanh tôi với những bộ mặt đầy hận thù, họ nói đến việc bắt tôi vì tôi có ý định đào ngũ. May thay, người có cấp bậc cao nhất, một thượng sĩ nhất, đã tỏ ra độ lượng và nhân văn hơn nhiều đối với tôi. Trong khi hai hạ sĩ quan giữ chặt tôi, ông ta chỉ đâm vào mặt tôi cho đến khi mũi, môi và mặt tôi bê bết máu. Sau đó, bọn họ đổ cả chai bia lên đầu tôi rồi thả tôi ra. Tôi vẫn đeo súng bên hông và cảm thấy sử dụng nó là rất lớn, đó là một trong những cảm giác lớn nhất mà tôi phải đối mặt trong đời. Nhưng bắt đầu cuộc chiến của mình bằng cách giết người Pháp là một việc hồ đồ; thế nên tôi bỏ đi, vừa đi vừa chùi máu và bia trên mặt, lúc đó tôi tuyệt vọng như một kẻ không thể tự an ủi mình, và lại, tôi luôn cảm thấy khó khăn khi giết người Pháp, và theo tôi biết, tôi chưa giết người Pháp nào cả; tôi sợ đất nước tôi không bao giờ có thể trông cậy vào tôi trong một cuộc nội chiến, và tôi luôn từ chối thẳng thừng việc chỉ huy

một đội hành quyết, điều này chắc là vì mặc cảm khó hiểu nào đó của một kẻ nhập quốc tịch.

Từ ngày bị tai nạn khi làm thông ngôn trên máy bay, tôi chịu đựng rất kém những cú đánh vào mũi, thế nên tôi cảm thấy đau kinh khủng trong nhiều ngày liền. Mặc dù thế, tôi sẽ là kẻ vô ơn nếu không chịu công nhận rằng cơn đau thuần túy thể xác này có lẽ là một sự cứu rỗi đáng kể cho tôi, vì nó xóa nhòa chút ít và giúp tôi quên đi một nỗi đau khác, nỗi đau thực sự và hơn thế lại là một nỗi đau khó mà chịu đựng nổi nhất, nó giúp tôi ít cảm thấy sự suy sụp của nước Pháp hơn, nghĩ ít hơn về việc có thể tôi sẽ không gặp lại mẹ trong nhiều năm nữa. Đầu tôi như muốn nổ tung, tôi không ngớt tay lau máu trên mũi trên môi mình và luôn cảm thấy buồn nôn và nôn liên tục. Nói tóm lại tôi ở tình trạng như thế với tôi, vào thời điểm ấy, Hitler sắp chiến thắng đến nơi rồi. Tuy nhiên tôi vẫn tiếp tục lê người đi từ máy bay này sang máy bay khác để tìm một phi đoàn.

Một trong những phi công mà tôi cố gắng thuyết phục đã để lại trong tôi một kỷ niệm không thể phai nhòa. Anh ta là chủ nhân chiếc Amyot-372 vừa mới tiếp đất. Tôi nói “chủ nhân”, bởi vì anh ta ngồi trên bãi cỏ, bên cạnh máy bay của mình, nom như một ông chủ trang trại đa nghi đang trông con bò sữa của mình. Trước mặt anh ta, trên một tờ báo có đặt rất nhiều bánh mì kẹp nhân và anh ta đang ăn ngấu ăn nghiến hết cái này sang cái khác, về hình thức, anh ta hơi giống Saint-Exupéry, với khuôn mặt và đường nét tròn tròn cùng vóc người to lớn - nhưng sự giống nhau chỉ dừng lại ở đó thôi. Anh ta tỏ vẻ nghi hoặc, cảnh giác, bao súng đã mở cúc, chắc hẳn anh ta tin rằng sân bay Mérignac đầy những kẻ lái buôn gian xảo quyết chí ăn cắp bò của mình, về điều này anh ta không nhầm. Tôi

nói thẳng với anh ta là tôi đang đi tìm một phi đoàn và một máy bay để sang Anh tiếp tục chiến đấu, tôi hết lời ca ngợi với anh ta sự vĩ đại và lòng dũng cảm của đất nước này bằng giọng điệu rất hào hùng.

Anh ta cứ để tôi nói và tiếp tục ăn, vừa ăn vừa nhìn cái mặt sung phù của tôi cùng cái khăn mùi soa nhuộm máu mà tôi đang đắp trên mũi. Tôi đọc cho anh ta một bài diễn văn khá kêu - yêu nước, đầy cảm xúc và cảm hứng - cho dù lúc đó tôi buồn nôn kinh khủng - tôi đứng không vững còn đầu thì chất đầy sạn đá vỡ - tuy nhiên tôi cố hết sức, và cứ nhìn vào vẻ mặt sáng khoái của khán giả thì biết, sự tương phản giữa bộ dạng tẻ nhạt và những lời lẽ đầy cảm hứng của tôi có lẽ khiến người ta cảm thấy vui thích. Dù sao thì anh phi công to béo đó cũng cứ để tôi nói một cách từ tốn. Đầu tiên, tôi phải nịnh anh ta đã - đó hẳn là kiểu người thích cảm thấy mình quan trọng - và rồi, việc tôi đặt tay lên ngực bay bổng trong tình yêu tổ quốc chắc là không làm anh ta phật ý mà còn giúp anh ta tiêu hóa tốt hơn. Thỉnh thoảng tôi ngừng nói, chờ đợi phản ứng của anh ta - nhưng vì anh ta không nói gì mà chỉ tiếp tục lấy một chiếc bánh mì kẹp nhân khác, nên tôi tiếp tục bài ứng khẩu trữ tình của mình, một khúc ca thực sự mà nếu Déroulède nghe thấy cũng không phải không tâm đắc. Có một lúc, khi tôi nói đến đoạn đại loại như “chết cho tổ quốc là số phận đẹp nhất, khát khao đáng trọng nhất”, anh ta phác một cử chỉ rất khó nhận thấy, biểu lộ sự đồng tình, rồi anh ta ngừng nhai, chăm chú lấy móng tay cố gỡ một miếng giăm bông giắt răng. Lúc tôi ngừng một lát để lấy hơi, anh ta nhìn tôi hình như có vẻ hơi trách móc và chờ đợi, đó rõ ràng là người quyết tâm giúp tôi nỗ lực hết mình. Khi cuối cùng tôi không ca nữa, không còn lời nào nữa - và tôi im lặng, khi thấy xong xuôi cả rồi và không còn gì

có thể khai thác được từ tôi, anh ta quay mặt đi, lấy một chiếc bánh mì kẹp nhân khác rồi ngược mắt lên trời xem có gì hay ho không. Anh ta không cất nổi lấy một lời. Tôi không bao giờ biết liệu anh ta là một người Normandie vô cùng thận trọng hay một kẻ thô lỗ đáng sợ không hề có chút xúc cảm nào, một kẻ hoàn toàn ngu dốt hay là một người rất kiên quyết, một người biết chính xác mình sẽ làm gì nhưng không chịu thổ lộ quyết định của mình cho ai khác, một kẻ hoàn toàn bị thời cuộc làm cho rối trí, không thể có phản ứng nào khác ngoài việc đánh chén, hay một anh nông dân to béo không còn gì trên đời ngoài con bò sữa và quyết chí ở bên con vật này đến cùng, bất chấp bão táp, phong ba. Đôi mắt hay háy của anh ta nhìn tôi không chút cảm xúc trong khi tôi đặt tay lên ngực ca ngợi vẻ đẹp của mẹ tổ quốc, ca ngợi ý chí tiếp tục chiến đấu kiên cường của chúng tôi, ca ngợi danh dự, lòng dũng cảm và ngày mai vinh quang. Nói về bò thì anh ta quả là một người vĩ đại. Mỗi khi đọc được ở đâu đó và biết là có con bò nào đấy đã đoạt giải nhất ở đại hội nông dân, tôi thường nghĩ đến anh ta. Tôi bỏ đi khi anh ta chuẩn bị ăn chiếc bánh mì kẹp nhân cuối cùng.

Chính tôi cũng không ăn gì từ hôm trước đó. Ở nhà ăn hạ sĩ quan, từ khi quân đội tan rã đến nay, chế độ ăn uống được quan tâm một cách đặc biệt. Chúng tôi được ăn những món ăn Pháp thực sự, xứng đáng với truyền thống ẩm thực tuyệt vời của chúng tôi, người ta muốn kích lệ tinh thần và làm dịu những nghi ngờ của chúng tôi bằng cách gợi nhắc chúng tôi những giá trị bền lâu ấy. Nhưng tôi không dám rời sân bay, sợ bỏ lỡ cơ hội xuất phát nào đó. Tôi rất khát và đặc biệt biết ơn một phi đoàn Potez-63 ngồi trên nền xi măng, dưới bóng một cánh máy bay, đã cho tôi một ly rượu vang đỏ. Có thể vì hơi phê phê nên tôi đã thả mình theo một trong những

bài diễn văn đầy cảm hứng. Tôi nói về nước Anh, con tàu sân bay của chiến thắng, tôi gọi nhắc đến Guynemer, Jeanne d'Arc và Bayard, tôi khoa chân múa tay, tôi đặt tay lên ngực, tôi giờ cao nắm đấm, tôi mang một vẻ đầy cảm hứng. Tôi thực sự tin là chính giọng nói của mẹ tôi đã xâm chiếm giọng nói của tôi, bởi vì, càng nói, bản thân tôi lại càng ngạc nhiên về số lượng sáo ngữ đáng kinh ngạc mà mình đã sử dụng, về những điều tôi có thể phát ngôn mà không hề cảm thấy ngượng ngịu, tôi có phần nộ trước sự khiếm nhã của mình cũng vô ích thôi, do một hiện tượng kỳ lạ mà tôi không hề kiểm soát được và có lẽ một phần là vì mệt nhọc và say rượu, nhưng đặc biệt là vì tính cách và ý chí của mẹ tôi bao giờ cũng mạnh mẽ hơn tôi, tôi tiếp tục nói và nói nhiều hơn, nói bằng điệu bộ cử chỉ và nói bằng cả tấm lòng. Thậm chí tôi còn tin là lúc đó giọng mình thay đổi, một giọng Nga đặc sệt được cất lên rõ mồn một trong khi mẹ tôi nói về “tổ quốc bất diệt” và về việc hy sinh đời mình cho “nước Pháp, nước Pháp, mãi mãi là nước Pháp” trước một nhóm hạ sĩ quan tỏ ra đặc biệt quan tâm. Thỉnh thoảng, khi tôi yếu sức, họ đẩy chai rượu về phía tôi và thế là tôi lại lao vào một trường thoai mới, đến nỗi mà mẹ tôi, lợi dụng trạng thái của tôi, đã thực sự thể hiện hết mình, qua những cảnh tượng gọi cảm hứng nhất trong vốn tiết mục yêu nước của bà. Cuối cùng, ba hạ sĩ quan tỏ ra thương hại tôi và cho tôi ăn trứng luộc, bánh mì cùng xúc xích, điều đó giúp tôi phần nào tỉnh rượu, giúp tôi lấy lại sức, buộc người phụ nữ Nga đang hưng phấn tự cho phép mình dạy chúng tôi những bài học về tình yêu tổ quốc phải im lặng và trả bà về chỗ của mình. Ba hạ sĩ quan tiếp tục cho tôi ăn mặn khô nhưng từ chối sang Anh, theo họ, Bắc Phi, dưới sự chỉ huy của tướng Noguès, sẽ tiếp tục cuộc chiến và họ muốn sang Maroc ngay khi máy bay được tiếp

nhiên liệu, họ quyết tâm làm được điều đó, dù phải nổ súng chiếm xe chở xăng dầu.

Rất nhiều cuộc ẩu đả đã xảy ra quanh xe chở xăng dầu nên chiếc xe này chỉ di chuyển với sự canh gác của những người Senegal cầm súng gắn lưới lê ngồi trên két xăng.

Máu đông bịt kín mũi khiến tôi rất khó thở. Tôi chỉ có một ước muốn: nằm nghỉ trên bãi cỏ và cứ nằm ngửa trên đó mà không cử động. Mặc dù vậy, sức sống của mẹ tôi, ý chí phi thường của bà đã đẩy tôi tiến lên phía trước, và trên thực tế, người đi lang thang từ máy bay này sang máy bay khác không phải là tôi, mà là một người phụ nữ già nua đầy quyết tâm, mặc quần áo màu xám, tay chống gậy, miệng ngậm điếu thuốc Gauloise, quyết chí sang Anh để tiếp tục chiến đấu.

CHƯƠNG XXXIII

TUY NHIÊN CUỐI CÙNG TÔI CŨNG CHẤP NHẬN ý kiến của mọi người, theo đó Bắc Phi sẽ tiếp tục có chiến tranh, và vì sư đoàn rút cuộc đã được lệnh đi Meknès, tôi rời Mérignac lúc năm giờ chiều, và đến Salanque, bên bờ Địa Trung Hải, vào lúc đêm xuống, kịp biết là có lệnh cấm tất cả máy bay ở trên sân bay cất cánh. Một chính quyền mới kiểm soát bầu trời châu Phi được mấy tiếng đồng hồ rồi, và tất cả các mệnh lệnh trước đó coi như không có. Tôi đủ hiểu mẹ để biết bà sẽ không ngần ngại để cho tôi bơi qua biển Địa Trung Hải; thế là ngay lập tức, tôi thỏa thuận với một thượng sĩ trong sư đoàn, và không cần chờ lệnh cũng như phản lệnh mới của các vị chỉ huy đáng kính, chúng tôi bay về hướng Algérie ngay sáng sớm.

Chiếc Potez của chúng tôi chạy bằng động cơ Pétrel nên không đủ khả năng bay một mạch đến Alger mà không có bình chứa bổ sung. Nó có nguy cơ ngừng bay khoảng bốn mươi phút trước khi đến bờ biển châu Phi.

Dù sao chúng tôi vẫn bay. Tôi biết rõ mình sẽ không sao cả vì một sức mạnh yêu thương lớn lao luôn dõi theo tôi, và cũng vì sở thích đối với kiệt tác, cách tiếp cận cuộc sống một cách bản năng của tôi như thể cuộc sống là một tác phẩm nghệ thuật đang trong quá trình sáng tác mà logic giấu kín nhưng bất di bất dịch rút cuộc sẽ mãi mãi là logic của cái đẹp, luôn thúc đẩy tôi sắp xếp tương lai của mình trong trí tưởng tượng theo một sự tương ứng tuyệt đối

giữa tông màu và kích thước, giữa vùng tối và ánh sáng, như thể toàn bộ số phận con người bắt nguồn từ một cảm hứng cổ điển và mang màu sắc Địa Trung Hải phi thường nào đó, chú trọng trước tiên vào tính cân bằng và hài hòa. Lối nhìn nhận sự vật như vậy, bằng cách biến công lý thành một kiểu đòi hỏi về thẩm mỹ, đã khiến cho tôi nghĩ rằng mình không thể tổn thương chừng nào mà mẹ còn sống - tôi vốn là kết thúc có hậu của mẹ tôi - và cách nhìn nhận đó cũng bảo đảm cho tôi được về nhà trong khải hoàn ca. Còn thượng sĩ Delavault, dù có thể còn lâu mới tưởng tượng ra được đời sống được thiên phú kiểu gắn kết bí ẩn và tuyệt vời của một tác phẩm nghệ thuật này, anh ta cũng không ngần ngại bay trên đầu sóng ngọn gió với những động cơ quá yếu, với câu nói “rồi sẽ biết tay ông” điềm tĩnh, không cần sự cứu rỗi nào của văn chương, chỉ cần hai cái lớp để trong khoang máy bay để khi cần chúng tôi có thể làm phao cứu sinh.

May thay, sáng hôm đó trời nổi gió, và để an toàn hơn, mẹ tôi có lẽ cũng thôi góp ít nhiều, chúng tôi hạ cánh xuống sân bay Maison-Blanche, tại Alger, trong thùng chứa còn đủ xăng để thoải mái bay thêm mười phút nữa.

Sau đó chúng tôi tiếp tục bay về phía Meknès nơi Trường Không quân tạm thời sơ tán và nơi chúng tôi đến kịp để được biết là không những chính quyền Bắc Phi đã chấp nhận đình chiến, mà sau khi “những kẻ đào ngũ” bay những chuyến đầu tiên đến hạ cánh tại Gibraltar, đã có lệnh phá hỏng tất cả máy bay.

Mẹ tôi bức tức vô cùng. Bà không để tôi yên phút nào hết. Bà phẫn nộ, la hét, phản đối. Tôi không tài nào trấn an mẹ tôi được. Bà hùng hực lửa trong từng tiểu cầu máu của tôi, bà phẫn nộ và nổi loạn trong từng nhịp đập trái tim tôi, khiến tôi thao thức suốt đêm,

quá rồi tôi, buộc tôi phải làm cái gì đó. Tôi đưa mắt nhìn chỗ khác tránh gương mặt mẹ để thôi phải chứng kiến cái cách biểu hiện thái độ không chịu cảm thông đầy công phần này trước một hiện tượng hoàn toàn mới mẻ với bà, bởi đó là sự chấp nhận thất bại, như thể con người là cái gì đó có thể chiến bại. Tôi cố van xin mẹ hãy làm chủ mình, hãy để cho tôi thở, hãy kiên nhẫn, hãy tin tưởng tôi cũng vô ích, tôi thấy rõ rằng mẹ thậm chí còn không thèm nghe tôi nữa. Không phải vì khoảng cách giữa chúng tôi, tất nhiên rồi, bởi trong những giờ phút kinh khủng này, mẹ không rời xa tôi dù chỉ một chốc. Nhưng mẹ công phần, mẹ bị tổn thương sâu sắc bởi Bắc Phi không chịu nghe theo tiếng gọi của bà.

Tướng de Gaulle kêu gọi tiếp tục chiến đấu vào ngày mười tám tháng Sáu năm 1940. Không muốn làm cho công việc của các sử gia phức tạp thêm mà tôi chỉ mong nói rõ là mẹ tôi kêu gọi tiếp tục chiến đấu vào khoảng ngày mười lăm hay mười sáu tháng Sáu gì đó - ít nhất là hai ngày trước lời kêu gọi của tướng de Gaulle. Rất nhiều bằng chứng chứng tỏ điều này và đến nay vẫn có thể thu thập được ở chợ Buffa.

Hắn phải có đến hai mươi người đã thuật lại cho tôi một cảnh tượng khiến tất cả hốt hoảng, cái cảnh tượng mà nhờ trời tôi không phải chứng kiến, nhưng nó luôn khiến tôi đỏ mặt tía tai vì xấu hổ mỗi lần nghĩ đến, ở đó, mẹ tôi, đứng trên một chiếc ghế dựa trước quầy rau của ông Pantaleoni, tay hươu gậy kêu gọi mọi người không chấp nhận đình chiến và tiếp tục chiến đấu tại Anh bên cạnh con trai bà, vốn là một nhà văn nổi tiếng, người đang giảng cho kẻ thù những đòn chí mạng. Tội nghiệp mẹ tôi. Tôi luôn rơm rớm nước mắt mỗi khi nghĩ rằng người mẹ khốn khổ của tôi kết thúc bài trường thoại của mình bằng cách mở túi ra khoe mọi người xung

quanh một trang tuần báo trong đó có đăng một truyện ngắn của tôi. Chắc là có những kẻ cười mẹ tôi. Tôi không giận họ. Tôi chỉ giận mình vì thiếu tài năng, thiếu anh dũng, vì chỉ biết làm chính bản thân mình. Tôi không muốn dâng tặng mẹ những thứ đó.

Việc phá hỏng máy bay trên các sân bay Bắc Phi làm chúng tôi ngao ngán vô cùng. Mẹ tôi la hét, phản đối, quay sang đổ tội cho tôi, cho sự mềm yếu của tôi, phần nộ vì tôi ở lại theo cách đó, nằm vật trên giường gấp thay vì phản ứng kịch liệt, thay vì, chẳng hạn, đi gặp tướng Noguès để bằng vài lời thấu đáo nói cho ông ta biết tôi nghĩ về điều đó như thế nào. Tôi cố giải thích với mẹ rằng vị tướng ấy thậm chí sẽ không thèm tiếp tôi đâu, nhưng tôi đã thấy mẹ thủ cái gậy đi lên cầu thang Tòa Công sứ, và tôi biết rõ có lẽ mẹ đã tìm ra cách để được người ta nghe mình. Tôi cảm thấy mình không xứng đáng.

Chưa bao giờ sự hiện diện của mẹ tôi lại thực hơn, lại hữu hình hơn với tôi như trong những giờ phút dài đằng đặc lang thang không biết đi đâu về đâu qua khu Ả rập ở Meknès, giữa đám người Ả rập làm tôi bối ngỡ vô cùng bởi màu sắc, âm thanh, mùi vị của họ, như trong những giờ phút cố quên đi, dù chỉ trong chốc lát, dưới làn sóng ngoại lai bất chợt ủa vào tôi này, tiếng nói của dòng máu tôi đang liên tục kêu gọi tôi chiến đấu với một sự khoa trương không chịu đựng nổi, sự khoa trương mỗi lúc mỗi phình ra bởi những sáo ngữ quen thuộc nhất trong vốn tiết mục yêu nước cực đoan. Mẹ lợi dụng lúc tôi đang mệt mỏi tinh thần cực độ và ủ rũ vô cùng để choán lấy mọi chỗ; sự hỗn loạn sâu sắc của tôi, nhu cầu được thương yêu bảo vệ của tôi, do quá quen với sự che chở của mẹ, thói quen vốn để tôi lại với khát vọng mơ hồ được cảm thấy một tình thương yêu thiên phú đầy nữ tính nào đó đang dõi theo

mình, tất cả những điều ấy khiến tôi hoàn toàn bị cuốn theo hình ảnh của mẹ tôi, hình ảnh bà không rời tôi dù chỉ một lúc; tôi tin rằng chính trong suốt những giờ phút lang thang lâu lắc đó, trong sự cô đơn giữa một đám đông lạ hoắc và sặc sỡ, những điều mạnh mẽ nhất trong con người mẹ tôi đã hoàn toàn thắng thế trước những yếu đuối và thiếu quyết đoán còn lại trong tôi, rằng hơi thở của mẹ đã chiếm lấy tôi và thay thế hơi thở của tôi, rằng mẹ đã thực sự trở thành tôi, bằng toàn bộ tính cách mạnh mẽ, bằng những tính khí thất thường, bằng sự thiếu chừng mực, bằng tính hung hãn, bằng các kiểu thái độ, bằng sở thích bi kịch của mẹ, tất cả những nét đặc sắc trong tính cách cực đoan này rốt cuộc cũng biến tôi thành một người chẳng quản phiêu lưu mạo hiểm, trong giai đoạn sau, bên cạnh các đồng đội và những vị chỉ huy của mình.

Thú thật là khi ấy tôi đã cố trốn thoát sự hiện diện uy quyền của mẹ tôi, tôi cố chạy trốn vào thế giới lúc nhúc và ô hợp của khu Ả rập; tôi lang thang trong chợ; tôi mãi mê ngắm da thuộc và kim loại được gia công bằng một thứ nghệ thuật còn mới lạ với tôi, tôi cúi xuống hàng nghìn đồ vật, dưới cái nhìn chăm chăm và xa vời của các chủ quán ngồi khoanh chân trên quây, đầu và vai dựa vào tường, ống điều kẻ miệng, trong mùi hương và mùi bạc hà; tôi đi qua khu đèn đỏ, lúc ấy tôi không thể ngờ là cuộc phiêu lưu đê hèn nhất trong đời đang chờ mình ở đó; tôi ngồi ở thêm quán cà phê Ả rập và vừa hút xì gà vừa uống chè xanh để chống lại tình trạng tinh thần suy sụp thông qua cảm giác khỏe khoắn về mặt thể chất theo như thói quen cổ lỗ sĩ của mình; trong khi ấy, tôi đi đâu là mẹ tôi theo đó, và giọng nói của bà ngân vang trong tôi với sự mỉa mai cay độc. Thế đấy, du lịch đây đó một chút thì thoải mái chứ? Phải chăng là để thay đổi cách suy nghĩ? Trong khi mà nước Pháp của tổ

tiên tôi đang nằm chết gí, đang bị giăng xé giữa một bên là kẻ thù độc ác và một bên là chính phủ gồm những kẻ cúi đầu? Thế đấy! Nếu con trai bà vào tuổi trưởng thành mà lại như vậy thì nhẽ ra nó nên ở lại Wilno, cần gì phải sang Pháp, thực sự trong tôi không có những gì cần thiết để làm một người Pháp.

Tôi đứng dậy và rảo bước vào một khu phố nhỏ, đi giữa những người phụ nữ che mạng, những kẻ ăn mày, những người bán hàng, những con lừa, những quân nhân, và nói thực, trong sự thay đổi liên tục của cảm giác, hình dạng và màu sắc, tôi khiêm tốn thú nhận là một vài lần gì đấy, tôi đã có thể gieo được niềm tin của mình.

Đúng vào lúc đó, tôi trải qua chuyện tình có thể nói là ngắn nhất mọi thời đại.

Vào uống trong một quán bar ở khu phố châu Âu, tôi gặp cô gái phục vụ tóc vàng và chỉ sau hai phút tôi đã tâm sự với cô một cách tự nhiên, cô tỏ ra rất xúc động trước bản serenade đầy nhiệt huyết của tôi. Mắt cô bắt đầu nhìn khắp gương mặt tôi, ngắm từng đường nét với một sự âu yếm và quan tâm khiến tôi có cảm giác bỗng nhiên nhú mầm để cuối cùng cũng trở thành một người đàn ông toàn diện. Trong khi mắt cô nhìn từ tai xuống môi tôi để rồi mộng mơ nhìn lên chân tóc tôi, ngực tôi như nở ra, tim tôi tăng phần dũng mãnh, cơ bắp tôi căng phồng như sau mười năm luyện tập và cả trái đất trở thành một cái bệ. Khi tôi cho cô biết ý định sang Anh của tôi, cô tháo khỏi cổ mình sợi dây chuyền có treo cây thánh giá nhỏ bằng vàng và chìa cho tôi. Bỗng nhiên, không thể cưỡng lại được, tôi thềm được bỏ rơi mẹ tôi, nước Pháp, nước Anh và tất cả hành trang tinh thần mà tôi đang vác nặng trên vai, để được ở bên cạnh người duy nhất hiểu rõ tôi như thế này. Cô gái phục vụ ấy là người Ba Lan đến từ nước Nga qua dãy Pamir và Iran, tôi đeo dây chuyền

vào cổ rồi hỏi cưới ý trung nhân của mình. Khi đó chúng tôi đã quen nhau được mười phút. Cô chấp nhận. Cô cho tôi hay là chồng và anh trai cô đã bị giết chết trong chiến dịch Ba Lan và cô sống một mình từ đó, ngoài những lúc bắt buộc phải ngủ với người ta để có tiền nuôi thân và để xin được giấy tờ. Mặt cô lộ vẻ đau khổ và thống thiết, điều này khiến tôi càng cảm giác như mình đang giúp đỡ và bảo vệ cô, trong khi trái lại, chính tôi mới là người đang tìm cách bám lấy cái phao nữ tính đầu tiên trôi dạt trên con đường của mình. Để đối diện với cuộc sống, tôi luôn cần sự trợ lực của một nữ tính nào đó vừa dễ bị tổn thương vừa tận tụy, có phần nhu mì và biết ơn, cho tôi cảm giác cho trong khi mình nhận, cho tôi cảm giác đỡ trong khi mình dựa. Tôi tự hỏi cái nhu cầu kỳ lạ này xuất phát từ đâu. Thu mình trong áo da, bắt chấp cả nóng nắng oi bức, mũ cát kết đội sụp mặt, vẻ tự tin và che chở rất đàn ông, tôi gieo người vào tay cô. Thế giới đang sụp đổ xung quanh khiến chúng tôi lao vào nhau với vận tốc chóng mặt, ngang bằng vận tốc của cuộc sụp đổ kia.

Lúc ấy là hai giờ chiều, giờ nghỉ trưa, thời điểm rất thiêng liêng ở châu Phi, quán bar vắng người. Chúng tôi lên phòng của cô rồi trong nửa tiếng đồng hồ, chúng tôi ôm riết lấy nhau, chưa bao giờ có cảnh hai người đang chết đuối lại cố gắng hơn để làm chỗ dựa cho nhau. Chúng tôi quyết định lấy nhau ngay lập tức và sau đó sẽ cùng nhau sang Anh. Tôi có hẹn lúc ba giờ rưỡi với một đồng đội, anh ta đã đi gặp ông Lãnh sự Anh ở Casa để xin ông ra tay giúp đỡ. Tôi rời quán bar lúc ba giờ để đi gặp đồng đội của mình và nói với anh là chúng tôi sẽ có ba người thay vì hai như dự kiến ban đầu. Khi tôi quay lại quán bar lúc bốn giờ rưỡi, khách khứa ở đó đã đông rồi và vợ chưa cưới của tôi rất bận rộn. Tôi không biết chuyện

gì đã xảy ra trong lúc tôi đi vắng - hẳn cô đã gặp ai đó - nhưng tôi nhận ra là giữa chúng tôi tất cả đã kết thúc. Có lẽ cô không chịu đựng nổi cảnh chia ly. Cô đang nói chuyện với một trung úy kỵ binh đẹp trai: tôi nghĩ anh ta đã bước vào đời cô trong khi cô đang chờ đợi tôi. Đó là lỗi của tôi: không bao giờ được rời người phụ nữ mình yêu, cô đơn thường xâm chiếm họ, khiến họ nghi ngờ và chán nản, và thế là xong. Có lẽ cô đã mất niềm tin ở tôi, cứ tưởng tôi không quay lại nữa, và cô quyết định làm lại cuộc đời. Tôi rất đau khổ, nhưng tôi không thể giận cô được. Tôi la cà ở đó một lúc nữa, trước cốc bia của mình, dù sao vẫn thất vọng kinh khủng, vì tôi những tưởng đã giải quyết hết các vấn đề của mình. Cô gái Ba Lan này thật sự xinh đẹp, nom như một cô gái bị bỏ rơi, không nơi nương tựa, vẻ bề ngoài đó tạo cho tôi rất nhiều cảm hứng, cử chỉ vén những lọn tóc vàng để chúng khỏi che mặt của cô cho đến giờ vẫn khiến tôi xúc động mỗi lần nghĩ tới. Tôi vốn là người rất dễ gần bó. Tôi quan sát hai người một lúc để xem có đúng là không còn hy vọng nữa không. Nhưng không còn hy vọng. Tôi nói với cô vài lời bằng tiếng Ba Lan để cố chạm vào sợi dây yêu nước của cô, nhưng cô ngắt lời tôi và cho tôi hay rằng cô sẽ lấy anh trung úy vốn là dân di cư đó, và sẽ đến sinh sống ở Bắc Phi, rằng cô quá chán chiến tranh rồi, vả lại, chiến tranh đã kết thúc, thống chế Pétain đã cứu nước Pháp và sẽ sắp xếp mọi chuyện đâu vào đấy. Cô còn nói thêm là người Anh đã phản bội chúng tôi. Tôi buồn bã liếc mắt nhìn anh trung úy kỵ binh, thời ấy trung úy kỵ binh có mặt ở khắp nơi với chiếc áo khoác màu đỏ, rồi tôi buông xuôi. Cô bé tội nghiệp cố bám lấy bất cứ cái gì có vẻ bề ngoài vững chắc trong trận đắm tàu, cho nên tôi không thể giận cô. Tôi thanh toán chai bia rồi bỏ

vào đĩa tiền boia cùng chiếc dây chuyền nhỏ có cây thánh giá bằng vàng. Người ta có thể hào hiệp, hoặc không.

Nhà bố mẹ anh bạn tôi ở Fez, thế là chúng tôi đến đó bằng xe khách. Cô em gái của anh ra mở cửa và tôi thấy, trước mặt mình, một cái phao cứu sinh khiến tôi quên ngay cái phao mình để tuốt mất cách đó không lâu ở Meknès. Simone là một trong những cô gái Pháp ở Bắc Phi, làn da ngăm ngăm, cổ tay cổ chân xinh xắn và đôi mắt đa tình của họ là những đặc trưng đáng yêu và được nhiều người biết đến. Cô rất vui tính, có học thức, luôn khích lệ anh trai mình và tôi tiếp tục chiến đấu và thỉnh thoảng nhìn tôi với một vẻ nghiêm trang khiến tôi xáo động. Trong đôi mắt cô, một lần nữa, tôi cảm thấy mình là một người toàn diện, thẳng thắn, vững vàng, thế nên tôi quyết định cầu hôn cô ngay. Cô nhận lời không ngần ngại và chúng tôi hôn nhau trước ánh mắt xúc động của bố mẹ cô, chúng tôi thỏa thuận với nhau là cô sẽ đến Anh với tôi ngay khi có cơ hội đầu tiên. Sáu tuần sau, tại London, anh trai cô trao cho tôi một lá thư trong đó Simone cho tôi biết là cô đã lấy một kiến trúc sư trẻ tuổi ở Casa, đối với tôi đó là một cú trời đánh, bởi vì không những tôi cứ tưởng đã tìm được ở cô người bạn đời của mình, mà còn vì tôi đã hoàn toàn quên cô, và do vậy lá thư đó đối với tôi là một tiết lộ kếp rất đau buồn về chính bản thân tôi.

Những cố gắng của chúng tôi trong việc thuyết phục ông Lãnh sự Anh cấp cho chúng tôi giấy tờ giả không có kết quả, thế là tôi quyết định chiếm một chiếc máy bay hiệu Morane-315 tại sân bay Meknès và sẽ hạ cánh xuống Gibraltar, vấn đề là phải tìm được một chiếc máy bay không hỏng hoặc tìm cho ra một thợ máy có thiện ý; thế là tôi bắt đầu lang thang trên sân bay, mắt nhìn chăm chăm từng thợ máy một hòng đọc được những gì trong lòng anh ta. Tôi lại bắt

chuyện với một người, vẻ mặt tươi tỉnh và cái mũi hếch của anh ta khiến tôi khá tin tưởng, đúng lúc đó tôi thấy một chiếc Simoun hạ cánh xuống sân bay và dừng lại cách chỗ tôi đứng hai mươi bước. Một trung úy phi công ra khỏi máy bay và tiến về phía nhà để máy bay. Đó là cái nháy mắt đồng lõa và thân thiện của ông trời dành cho ý định của tôi và không đời nào tôi bỏ qua cơ hội này. Tôi toát mồ hôi lạnh, lo sợ đến thắt cả ruột: tôi không hề chắc mình có thể cho cất cánh và lái một chiếc Simoun. Trong những giờ tập lén lút, tôi chưa bao giờ vượt qua chiếc Morane và chiếc Potez-540. Nhưng tôi không thể trốn tránh: đã có người giữ tôi lại rồi. Tôi cảm thấy mẹ đang nhìn tôi với vẻ hãnh diện và khâm phục. Bỗng tôi tự hỏi là trong hoàn cảnh thất trận và bị chiếm đóng, ở Pháp có thiếu insulin không. Nếu ba ngày mà không tiêm insulin thì chắc mẹ tôi không qua khỏi. Có thể tôi sẽ thu xếp với hội Chữ thập Đỏ ở London để gửi insulin cho mẹ qua ngả Thụy Sĩ.

Tôi bước tới chiếc Simoun, trèo lên và ngồi vào buồng lái. Hình như không ai trông thấy tôi cả.

Tôi đã nhầm. Gần như khắp nơi, trong từng nhà để máy bay, hiển binh cảnh sát Không quân đã được chỉ huy bố trí để ngăn các cuộc “đào ngũ” trên không, đã có nhiều vụ như thế xảy ra với sự đồng lõa của một vài thợ máy. Cũng sáng hôm đó, một chiếc Morane-230 và một chiếc Goéland đã hạ cánh xuống trường đua ngựa Gibraltar. Tôi mới ngồi lên ghế đã thấy hai hiển binh chạy ra khỏi nhà để máy bay và lao về phía mình - một người trong số họ đang rút súng khỏi bao. Họ đã ở cách tôi ba mươi mét mà cánh quạt vẫn chưa quay. Tôi thử lần cuối cùng nhưng vô vọng, rồi nhảy khỏi máy bay. Khoảng mười anh lính đã ra khỏi nhà để máy bay và chăm chú nhìn tôi. Họ không hề có động tĩnh gì để chặn tôi lại,

trong khi tôi chuồn như chạch trước đội quân đó, nhưng họ tha hồ có thời gian mà ngắm nghía mặt tôi. Do cực kỳ ngu ngốc, đặc biệt là do tác động của không khí “chiến thắng hay là chết” mà từ nhiều ngày nay tôi chìm đắm ở trong, khi nhảy từ chiếc Simoun xuống tôi đã rút súng ra, vừa cầm súng vừa chạy bạt mạng, không cần phải nói, hành động này sẽ không có lợi cho tình thế của tôi trước tòa án binh. Nhưng tôi đã quyết định là sẽ không có tòa án binh gì hết. Trong trạng thái tinh thần lúc ấy, thành thực mà nói tôi không tin mình sẽ bị bắt sống. Và vì bắn súng rất giỏi, nên tôi vẫn còn rùng mình khi nghĩ đến chuyện sẽ xảy ra nếu tôi không trốn thoát. Tuy nhiên tôi làm được như vậy không mấy khó khăn. Cuối cùng tôi đã cất súng và cho dù người ta huýt còi inh ỏi sau lưng, tôi vẫn chạy chậm lại và bình tĩnh ra khỏi trại bằng lối qua trạm gác. Trước mặt tôi là một con đường, và tôi mới ra được năm mươi mét thì một chiếc xe buýt xuất hiện. Tôi ra hiệu, kiên quyết chặn ngang đường nó đi và thế là chiếc xe dừng lại. Tôi lên xe và ngồi cạnh hai người phụ nữ đeo mạng cùng một anh đánh giày mặc áo choàng trắng. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Trong tình thế nguy khốn nhưng tôi không mảy may lo lắng. Trái lại, một cảm giác hưng phấn thực sự đang xâm chiếm lấy tôi. Cuối cùng tôi cũng đã đoạn tuyệt hoàn toàn với tình trạng đình chiến, cuối cùng tôi cũng đã trở thành một người không chịu khuất phục, một con người cứng rắn, một con người đích thực và một kẻ xăm mình, chiến tranh vừa tiếp tục, không có chuyện lùi bước nữa. Tôi cảm thấy trên mặt mình ánh mắt ngưỡng mộ của mẹ tôi và không thể ngăn mình mỉm cười với vẻ hơi trịch thượng, thậm chí là cười ra tiếng. Chúa thứ lỗi cho tôi, đến giờ tôi hãy còn tin là mình đã nói với mẹ một câu gì đó hơi kiêu căng, đại loại như “mẹ hãy đợi đây, mọi việc chỉ mới bắt đầu thôi, rồi mẹ sẽ

thấy”. Ngồi trong chiếc xe buýt bản thủ, giữa những con mụ đeo mạng và những gã mặc áo choàng buanu trắng, tôi khoanh tay lại và rút cuộc cũng cảm thấy mình đứng tầm với những gì người khác trông chờ ở mình. Tôi châm một điếu xì gà để đẩy tinh thần bất khuất của mình đến cùng - người ta cầm hút thuốc trong xe buýt - và hai mẹ con tôi ở đó một lúc, vừa hút thuốc vừa lặng lẽ chúc tụng nhau. Tôi không hề biết mình sẽ làm gì, nhưng nom tôi dữ tợn đến mức mà khi thoáng thấy mình trong gương chiếu hậu, tôi phát sợ tới nỗi làm rơi cả điếu xì gà khỏi miệng.

Tôi chỉ tiếc đứt ruột là đã để chiếc áo vest da ở chỗ trú quân, không có nó tôi cảm thấy khá đơn độc. Tôi khó mà chịu nổi nỗi cô đơn nên đã gắn bó sâu sắc với chiếc áo da của mình. Như tôi đã nói, tôi là người rất dễ gắn bó. Đó là điểm tối duy nhất trên bức tranh. Tôi cố bám lấy điếu xì gà, nhưng xì gà thì cũng chỉ cháy được một lúc mà điếu xì gà của tôi lại có vẻ như cháy cực nhanh trong không khí khô nóng của châu Phi, và chẳng mấy chốc sẽ để tôi ở lại một mình.

Tôi vừa hút xì gà vừa lên kế hoạch. Các đội tuần tra quân đội chắc chắn sẽ lùng sục khắp thành phố để tìm ra tôi, như vậy bằng mọi giá tôi phải tránh những nơi mà bộ quân phục của mình hơi nổi trội trên phong nền bản xứ. Tôi nghĩ cách tốt nhất là trốn vài ngày rồi sau đó đi Casa và tìm cách lên một chiếc tàu thủy nào đấy sắp khởi hành. Người ta bảo quân đội Ba Lan đang sơ tán qua Anh với sự đồng ý của chính phủ và tàu thủy Anh đến đón họ ở các cảng. Trước tiên, tôi phải để người ta quên tôi đi chút đã. Tôi quyết định bốn mươi tám tiếng đồng hồ đầu tiên mình sẽ ở lại bousbir, khu đèn đỏ, ở đó, lạc giữa làn sóng đông nghịt những quân nhân đủ mọi thành phần tới để thư giãn, tôi có nhiều cơ may không bị ai nhận ra.

Mẹ tôi hơi lo lắng về sự lựa chọn nơi trốn của tôi, nhưng tôi trấn an mẹ ngay. Thế là tôi xuống xe buýt ở khu phố Ả rập rồi đi về phía khu đèn đỏ.

CHƯƠNG XXXIII

THỜI ẤY Ở KHU BOUSBIR CỦA MEKNÈS, một thành phố thực sự có thành quách vây quanh, có không biết bao nhiêu nghìn gái điểm, được phân bố trong khoảng vài trăm “nhà chứa”. Lính gác có trang bị vũ khí được bố trí ở cửa và canh sát tuần tra đi khắp các con hẻm của “thành phố”, nhưng họ quá bận ngăn cản những cuộc ẩu đả giữa lính tráng thuộc các binh chủng khác nhau nên không có thời giờ để lo đến mấy kẻ “đi lẻ” như tôi.

Khu bousbir sau hiệp ước đình chiến hết sức sôi động với một hoạt động vừa nhộn nhịp lại vừa rất đổi nghèo nàn. Nhu cầu sinh lý của lính vào thời bình đã rất lớn, vào thời chiến lại càng lớn hơn nữa, và sự bại trận đã khiến nhu cầu ấy tăng lên tột đỉnh. Lính tráng tràn ngập các con hẻm len lỏi giữa các ngôi nhà - mỗi tuần có hai ngày được dành riêng cho dân thường nhưng tôi may mắn đến vào ngày lạnh - và mũ kê pi trắng của lính lê dương, khăn dài màu kaki của lính mộ, áo choàng đỏ của kỵ binh, túp len của thủy thủ, mũ màu hồng điều của người Senegal, quần đũng rộng của lính cười lạc đà, quân hiệu hình đại bàng của phi công, khăn màu be của người An Nam, những bộ mặt da vàng, da đen, da trắng, cả Đế chế đều đang ở đó, trong tiếng ồn ào đình tai phát ra từ những chiếc máy nghe nhạc và đổ qua các cửa sổ mà đến giờ đặc biệt tôi vẫn nhớ giọng của Rina Ketty đang bảo đảm là “em sẽ chờ, em sẽ luôn chờ, chờ ngày, chờ đêm, người yêu ơi”, trong khi quân đội bị tước đoạt mất chiến thắng, tước đoạt mất những trận đánh của mình trút bỏ sức mạnh đàn ông vốn không được sử dụng, lên cơ thể những cô

gái người Berbère, người da đen, Do Thái, Arménie, Hy Lạp, Ba Lan, những cô gái da trắng, da đen, da vàng với các cú giạt nảy buộc đám “má mì” lo xa phải cấm dùng giường mà chỉ cho trải nệm xuống đất để tránh thất thiệt và các phí tổn do hồng hóc. Hoi permanganat, xà phòng đen và một loại thuốc mỡ hôi thối được làm từ calomen bốc ra từ các trung tâm phòng bệnh có hình chữ thập đỏ bên ngoài, trong khi đó, các y tá người Senegal mặc bờ lu trắng sử dụng thuốc liều cao để chống lại sự đe dọa của khuẩn xoắn, lậu cầu, hiểm họa này, nếu không có hệ thống phòng tuyến Maginot y tế đó, có nguy cơ khiến cho quân đội liệt giường sau khi đã ném hai lần thất bại. Ấu đả thường xảy ra giữa lính tráng của các binh chủng, đặc biệt là giữa lính lê dương, kỵ binh và lính mộ vì vấn đề ngôi thứ, nhưng nhìn chung, bất cứ ai cũng đều là kẻ đến sau cả, với khoản tiền từ một trăm xu, thêm mười xu tiền khăn, đến mười hai và hai mươi quan trong những nhà thổ sang trọng, nơi các cô gái được mặc quần áo thay vì phải trần truồng đứng chờ ở cầu thang. Thỉnh thoảng, có một cô gái, gần như lên cơn cuồng loạn vì phục vụ quá sức hoặc vì dùng cần sa, vừa gào thét vừa lao ra phố và phô mình trần truồng giữa thanh thiên bạch nhật, hiến binh đi tuần trông thấy lập tức ngăn lại ngay vì sợ ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục. Chính trong chỗ hay ho và hợp lý này mà tôi tìm nơi ẩn náu, trong nhà thổ của má mì Zoubida, vì, một cách đầy khôn ngoan, tôi cho rằng cảnh tận thế ấy sẽ bảo đảm an toàn cho tôi trước sự lung lục của quân cảnh hơn bất cứ chỗ nướng nấu nào khác, kể từ khi các nhà thờ mất đi đặc tính làm chốn nướng nấu mà ngày xưa người ta dành cho chúng. Tôi cố chịu đựng ở đó một ngày hai đêm trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Đúng là tôi bị rơi vào một tình thế không thể ghê sợ hơn đối với một người hùng hực những tình cảm cao thượng và những dự tính anh dũng, thêm vào đó lại dưới ánh mắt ngao ngán của một người mẹ mà tình cảm và dự tính còn cao thượng hơn. Thường thì khu bousbir đóng cửa lúc hai giờ sáng, cửa sắt các ngôi nhà khóa chặt, các cô gái được cho đi nghỉ, ngoài vài cuộc “ăn nằm” lén lút, được châm chước nhưng trên thực tế lại bị các quy định quân sự cấm: với điều kiện các vị khách này có giấy phép ra ngoài buổi đêm hợp lệ, cảnh sát sẽ dàn xếp với các “má mì” và đồng ý nhắm mắt làm ngơ nếu họ chi ra một khoản tiền hợp lý. Má Zoubida giải thích cho tôi điều đó vào lúc mười hai giờ trưa khuya, một giờ trước khi cơ sở của bà đóng cửa. Các bạn có thể hiểu tôi đã phải giằng co như thế nào. Cho đến lúc ấy, tôi vẫn thận trọng quyết định không “chơi”. Tôi muốn sang Anh trong tình trạng khỏe mạnh, và không sẵn sàng mạo hiểm sức khỏe của mình ở nơi bắn thủ này. Tôi là lính được bảy năm rồi, tôi đã thấy nhiều, làm nhiều, và những người phiêu lưu và vội vã như chúng tôi có thể mất mạng bất cứ lúc nào, thực tế cho thấy chín phần mười là như vậy, nên chúng tôi tìm cách kết bạn với các cô gái trẻ thuộc dòng dõi cao sang không chỉ để quên đi những gì đang rình rập mình. Mặc dù vậy, bỏ qua mọi lý do khác, kể cả lý do nhỏ nhất cũng không phải là việc các cô “khách trọ” đảm đang không làm cho tôi hứng thú mấy, sự thận trọng tôi thiếu mách bảo tôi không nên lao vào những nơi có nhiều người qua lại thế này. Thực sự tôi không muốn trình diện trước Thủ lĩnh nước Pháp, đất nước đang thời chinh chiến, trong tình trạng có nhiều nguy cơ làm ông phải nhíu mày. Thế nhưng, nếu không “chơi” thì tôi chỉ có một giải pháp thay thế: bị đuổi và bị quân cảnh kiểm tra giấy tờ, vào giờ này quân cảnh vẫn còn tuần tra trên những

con phố nhỏ gần như vắng người. Trong trường hợp của tôi, điều này có nghĩa là bị bắt và phải ra tòa án binh. Vì thế không những tôi phải “chơi” mà còn phải “ngủ trộm” để có thể rơi vào diện được hưởng sự dàn xếp của má Zoubida với cảnh sát. Và không chỉ có thế, bởi vì nếu tôi muốn trốn trong nhà thổ và chờ cho những rắc rối mà mình đã để lại sau khi cầm súng hấp tấp chạy trốn lắng xuống, tôi phải tỏ ra thật sự hào hứng và chăm chỉ, để không bị nghi ngờ và để mình chứng cho sự có mặt liên tục của mình tại nơi đây trong thời gian một ngày hai đêm. Thế nhưng, khó mà cảm thấy kém hứng thú hơn tôi trong hoàn cảnh đó. Thực sự đầu óc tôi cứ để đâu đâu. Sợ hãi, bức dọc, phẫn nộ, sự nôn nóng muốn được vươn lên ngang tầm với bi kịch của nước Pháp, hàng nghìn câu hỏi đầy lo sợ mà tôi tự đặt cho mình, tất cả những điều đó khiến tôi nhập vai kẻ phóng đảng cực kỳ dở. Ít nhất tôi có thể nói là tôi không có lòng dạ nào. Các bạn có thể dễ dàng đoán được mẹ tôi và tôi nhìn nhau ngao ngán ra sao. Tôi phác một cử chỉ cam chịu để nói với mẹ rằng tôi không còn lựa chọn nào khác và rằng, một lần nữa, nhưng một cách rất bất ngờ, tôi quyết tâm nỗ lực hết mình rồi muốn ra sao thì ra. Sau đó, tôi dừng cảm lao đầu xuống sóng biển dữ dội. Những vị thần thuở ấu thơ chắc cười chết đi được khi nhìn thấy tôi. Tôi trông thấy họ, những kẻ sành sỏi đó đang ôm bụng cười, bụng ưỡn ra phía trước, mắt nhắm nghiền vì cười ngặt nghẽo, tay cầm cái roi của người dạy thú, áo giáp lưới sắt và mũ cát nhọn sáng loáng trong ánh sáng mờ ảo trên bầu trời thấp hèn của họ, thỉnh thoảng ra vẻ châm chọc chỉ kẻ học nghề lý tưởng chủ nghĩa ra đi chinh phục những đỉnh cao thuần khiết và giờ đây đang hoàn tất việc chiếm lĩnh thế giới, tay ôm lấy cái gì đó chẳng có chút liên hệ nào, dù là xa nhất, với những chiến lợi phẩm cao cả mà anh ta khát

khao. Chưa bao giờ quyết tâm giữ lời hứa và quyết tâm một ngày nào đó trở về nhà đầu đội vòng nguyệt quế để hiến dâng mẹ tôi những năm tháng cuối đời tràn trề hạnh phúc của tôi nhận được câu trả lời trớ trêu, mỉa mai hơn câu trả lời nhận được giữa những giờ phút đắm chìm liên miên trong vũng bùn này.

Hai mươi năm đã qua đi và con người của tôi bây giờ, vốn bị tuổi trẻ bỏ rơi từ lâu, nhớ lại với ít vẻ trịnh trọng hơn nhưng với thái độ mỉa mai hơn, con người của tôi lúc ấy vốn rất nghiêm túc và tràn đầy niềm tin. Chúng tôi đã nói với nhau tất cả nhưng tôi cảm thấy chúng tôi không hiểu nhau mấy. Có đúng đó là tôi không, thằng bé run rẩy và tràn ngập say mê, quá ngây thơ chung thủy với một truyện kể ấu thơ và toàn tâm toàn ý hướng về khả năng làm chủ số phận một cách kỳ diệu nào đấy? Mẹ đã kể cho tôi nghe quá nhiều những câu chuyện thú vị, và lại bà lại kể quá hay và trong những giờ phút bập bẹ của buổi bình minh ấy, khi mỗi làn da thô thịt của đứa trẻ thơ thấm đẫm mãi mãi những dấu ấn mình nhận được, hai mẹ con tôi đã hứa với nhau quá nhiều và tôi cảm thấy mình phải giữ lời. Với một nhu cầu trỗi dậy như thế ở trong lòng, tất cả như đang trở thành vực thẳm và sự sa sút. Giờ đây, khi sự sa sút đã thực sự hoàn tất, tôi biết tài năng của mẹ từ lâu đã thúc đẩy tôi tiếp cận cuộc sống như một chất liệu nghệ thuật và tôi từng thiết tha đến tan nát cõi lòng được nhào nặn chất liệu ấy quanh một người yêu dấu theo một quy tắc vàng nào đó. Sở thích tuyệt phẩm, sở thích làm chủ và lòng yêu cái đẹp thúc đẩy tôi nôn nóng lao vào một thứ bột nặn dị hình mà không ý chí nào của con người có thể diễn khôi được, nhưng ngược lại, thứ bột ấy mang một quyền năng xảo trá, đó là nhào nặn các bạn theo ý của nó một cách khó nhận biết; khi bạn toan để lại dấu ấn của mình trên thứ bột ấy thì nó sẽ áp

đặt cho bạn một hình hài bi thảm, thô lỗ, vô nghĩa hoặc kỳ cục hơn một chút, cho đến khi bạn khoanh tay nằm dài bên đại dương chẳng hạn, trong nỗi cô đơn thảng hoặc bị phá tan bởi tiếng hải cầu và tiếng mòng biển kêu, giữa hàng nghìn con chim biển bất động mà hình ảnh được phản chiếu trong tấm gương cát ướt. Thay vì tung hứng năm, sáu hay bảy quả bóng theo khả năng của mình như những nghệ sĩ danh tiếng, tôi khôn cùng khao khát được trải nghiệm một cái gì đó mà cùng lắm thì chỉ được hát lên mà thôi. Cuộc chạy đua của tôi là một cuộc lang thang kiếm tìm cái gì đó, nghệ thuật của nó khiến tôi khao khát nhưng đời sống của nó lại không thể mang đến cho tôi sự thanh thản. Đã từ lâu, tôi không bị cảm hứng của mình lừa dối nữa, và nếu như tôi vẫn luôn ước mơ biến cả thế giới thành một khu vườn hạnh phúc, thì giờ tôi biết là ước mơ ấy không xuất phát từ tình yêu con người hay tình yêu vườn tược. Và quả vậy, sở thích đối với nghệ thuật sống và nghệ thuật đã sống vẫn luôn đọng lại trên môi tôi, nhưng đó chủ yếu tựa như một nụ cười mà thôi: chắc hẳn đó sẽ là sáng tạo văn học cuối cùng của đời tôi, nếu như vào khoảnh khắc đó, tôi vẫn còn chút ít tài năng.

Thỉnh thoảng, tôi chiêm một điều gì và nhìn chăm chăm lên trần mà không hiểu nổi, tôi tự hỏi tại sao mình lại làm như thế, thay vì cùng chiếc máy bay của mình vẽ lên bầu trời ngập tràn vinh quang những đường lượn anh hùng. Những đường lượn mà tôi đã buộc phải vẽ không có gì anh hùng cả, và loại vinh quang mà tôi đã lập được ở nhà thổ sau cuộc thử sức của mình không thuộc những vinh quang khả dĩ cho bạn được vào yên nghỉ tại điện Panthéon sau khi bạn qua đời. Đúng thế, chắc là các vị thần đang vui cười hơn hở. Khía cạnh giáo hóa và mô phạm của họ có lẽ đã phát huy tác

dụng. Một chân đặt trên lưng tôi, hẳn họ đang khoái trá nghiêng mình xuống bàn tay con người vốn vẫn chìa về phía ngọn lửa cao siêu và toan đánh cắp nó khỏi họ, nhưng họ đã bắt bàn tay ấy phải khép lại trước nắm bùn hèn mọn nhất trần gian. Một tiếng cười dung tục thỉnh thoảng vang lên bên tai tôi và tôi không biết liệu đó là các vị thần đang vui cười thỏa thích hay đó là tiếng cười của đám lính trong căn phòng tập thể. Nhưng tôi không quan tâm. Tôi vẫn chưa thua cuộc.

CHƯƠNG XXXIV

ƠN TRỜI, TÔI ĐÃ MAY MẮN thoát khỏi cảnh khổ sai nhờ gặp một đồng đội, khi ấy anh đang chờ trong phòng khám sức khỏe định kỳ bên cạnh nhà thổ. Anh cho tôi hay rằng tình hình của tôi không còn nguy hiểm nghiêm trọng nữa, rằng Trung tá Hamel, chỉ huy sư đoàn, không những đã từ chối báo cáo sự mất tích của tôi mà còn bất chấp tất cả mà khẳng khẳng quả quyết rằng tôi không thể có ý đồ ăn cắp máy bay vì lý do tuyệt vời là tôi chưa bao giờ tới Bắc Phi trên bất kỳ chiếc máy bay nào do ông quản lý. Nhờ sự làm chứng đó, ở đây tôi xin tỏ lòng biết ơn với người Pháp này, ngay lập tức tôi không còn bị xem là một kẻ đào ngũ, mẹ tôi không phải lo lắng và quân cảnh không còn truy lùng tôi nữa. Tuy nhiên, tình hình mới dù có thuận lợi vẫn không cho phép tôi tái xuất hiện và buộc tôi phải sống trong lén lút. Vì không xu dính túi, những gì có tôi đã đưa hết cho má Zoubida cả rồi, nên tôi mượn anh bạn tôi ít tiền để mua vé xe khách đi đến Casa, nơi tôi định lên một chiếc tàu thủy nào đó sắp khởi hành.

Tuy nhiên tôi không thể cam chịu rời Meknès mà không lén lút đi thăm căn cứ không quân. Các bạn chắc đã nhận ra là tôi không dễ gì mà chia lìa được với những điều thân thuộc với mình, và tôi khó chịu đựng nỗi ý nghĩ đã để lại chiếc áo da của mình tại châu Phi. Chưa bao giờ tôi cần chiếc áo này như lúc đó. Nó là chiếc vỏ bọc thân thương và đầy chở che, là cái mai đem lại cho tôi cảm giác an toàn và vững chãi, và vừa giúp tôi ra vẻ hơi hăm dọa, kiên quyết, thậm chí hơi nguy hiểm đối với những ai dám chạm nhẹ vào

nó, nó vừa giúp tôi đi lại mà không bị ai để ý. Tuy nhiên, có lẽ không bao giờ tôi thấy lại nó nữa. Đến chỗ trú quân, trong căn phòng mình đã từng ở, tôi chỉ thấy một cái đinh trơ trọi: chiếc áo đã không cánh mà bay.

Tôi ngồi xuống giường rồi òa lên khóc. Tôi không biết mình đã khóc như thế trong bao lâu, mắt nhìn chiếc đinh trống trơn. Giờ thì người ta đã thực sự tước của tôi tất cả rồi.

Cuối cùng tôi ngủ thiếp đi, thể chất cũng như tinh thần kiệt quệ đến nỗi tôi ngủ suốt mười sáu tiếng đồng hồ, rồi thức dậy trong cùng tư thế với tư thế đã ngã xuống giường, chiếc mũ cát kết đội sụp mặt. Tôi tắm nước lạnh rồi ra khỏi trại tìm xe khách đi Casa. Một điều bất ngờ dễ chịu đang chờ tôi trên đường: đúng thế, tôi gặp một người bán rong đang bán dưa chuột muối, cùng với các món ngon khác, trong những cái thau. Cuối cùng cũng có một bằng chứng cho thấy sức mạnh tình yêu, vốn thường dõi theo tôi, vẫn chưa từ bỏ tôi. Tôi ngồi trên sườn dốc và ngón nửa chục dưa chuột cho buổi điếm tâm. Tôi cảm thấy khỏe hơn. Tôi ngồi một lúc trong nắng, khi thì muốn tiếp tục thưởng thức dưa chuột, khi thì nghĩ rằng trong tình cảnh bi kịch mà nước Pháp đang phải chịu đựng thì phải biết chứng tỏ mình khắc kỷ và đạm bạc. Tôi cảm thấy hơi khó khăn khi phải chia tay với người bán rong và những cái thau, thậm chí, trong những suy nghĩ mông lung của mình, tôi còn tự hỏi không biết ông ta có cô con gái nào mà tôi có thể lấy làm vợ không. Tôi dễ dàng tưởng tượng ra mình là một người bán dưa chuột muối bên một người bạn đời dễ thương và tận tụy cùng một ông nhạc chăm chỉ và biết ơn. Tôi lưỡng lự và cô đơn đến nỗi suýt để lỡ chuyến xe khách đi Casa. Dù sao tôi cũng đã bất ngờ hứng khởi vẫy chiếc xe dừng lại, và mang theo khá nhiều dưa chuột muối bọc

trong một tờ báo, tôi nhảy lên xe ca, ôm chặt vào lòng những người bạn trung thành đó. Hiếu kỳ như đứa trẻ thơ có thể tiếp tục sống trong một người lớn.

Tôi đáp xuống quảng trường nước Pháp ở Casablanca, nơi gần như ngay lập tức tôi gặp hai học viên Trường Không quân, hai chuẩn úy tên là Forsans và Daligot, họ cũng như tôi đang tìm cách trốn sang Anh. Chúng tôi quyết định họp nhau lại rồi sau đó lang thang một ngày trong thành phố. Lối vào cảng có hiện binh canh gác còn trên phố không có lấy một bộ quân phục Ba Lan nào: chuyến tàu cuối cùng của quân đội Anh chắc là đã xuất phát từ lâu. Vào lúc mười một giờ đêm, chúng tôi thất vọng đứng dưới đèn đường. Người tôi lả đi. Tôi tự nhủ mình đã thực sự làm những gì có thể, có ai bắt mình phải làm những việc không thể bao giờ đâu. Tôi cũng cảm thấy có sai sót đâu đó. Thuyết định mệnh từ thảo nguyên Á châu bao la rộng lớn thức dậy trong tôi, thì thầm với tôi những lời thâm độc. Hoặc là có một số phận và nó muốn chơi thế nào thì chơi, hoặc là không có gì hết, và thế thì có nằm yên trong một góc cũng vậy thôi. Nếu có một sức mạnh bình tâm và công bằng đang thực sự dõi theo tôi thì nó chỉ việc biểu lộ chứ có sao đâu. Mẹ vẫn luôn nói với tôi về chiến thắng và vòng nguyệt quế mà tôi sắp đạt được; tóm lại là mẹ đã hứa với tôi một số điều: giờ thì đến lượt bà tự xoay xở lấy.

Tôi không biết mẹ đã xoay xở như thế nào, nhưng bỗng nhiên tôi thấy một hạ sĩ tốt bụng người Ba Lan không biết từ đâu đi về phía mình. Chúng tôi ôm chầm lấy anh ta: đó là lần đầu tiên tôi ôm hôn một hạ sĩ. Anh cho chúng tôi hay chiếc tàu chở hàng mang tên Oakrest của Anh chở một đội quân Ba Lan từ Bắc Phi sẽ nhổ neo vào lúc nửa đêm. Anh nói thêm là mình vào đất liền để mua một số

thực phẩm cải thiện. Ít nhất là anh tin như vậy: tôi thì tôi biết sức mạnh nào đã thúc đẩy anh xuống tàu và đưa đường chỉ lối cho anh đến tận cột đèn đường lúc ấy đang rọi sáng nổi u sầu của chúng tôi. Rõ ràng, cái khí chất nghệ thuật vốn thường khiến mẹ tôi, và đôi khi bằng một cách quá bi thương, luôn mong muốn kiến tạo tương lai của chúng tôi theo những quy chuẩn của dòng văn học mang tính cảm hóa đang tiếp tục được bộc lộ trong tôi cũng theo cách đó, và vì tôi chưa đến nổi vỡ mộng mà quy phục trước nghệ thuật, nên tôi bướng bỉnh phỏng đoán quanh mình, thậm chí là trong cuộc sống, một cảm hứng sáng tạo nào đó chăm chăm sắp xếp số phận chúng tôi theo hướng tốt lành.

Như vậy là anh hạ sĩ xuất hiện rất đúng lúc. Forsans mượn của anh chiếc áo varơ, Daligot thì mượn anh chiếc mũ cát kết; còn tôi, tôi chỉ việc cởi áo vest ra và giọng lạnh lạnh ra lệnh cho những người bạn đồng hành của mình bằng tiếng Ba Lan, chúng tôi đi qua hàng hiến binh đang canh gác cửa lưới sắt ở cảng và cầu tàu mà không gặp chút khó khăn nào, rồi chúng tôi lên tàu, phải nói là với sự giúp đỡ của hai sĩ quan người Ba Lan, tôi giải thích cho họ tình hình của chúng tôi bằng một vài từ ngữ xúc động thích hợp qua thứ ngôn ngữ tuyệt đẹp của Mickiewicz:

– Nhiệm vụ liên lạc đặc biệt. Winston Churchill. Đại úy Nhà Đỏ, Phòng Nhì.

Chúng tôi qua một đêm yên tĩnh trên biển, trong hầm than, được những giấc mơ vinh quang phi thường ru ngủ. Thật không may, tôi bị đánh thức bởi một tiếng kèn hiệu như thể tôi sắp vào thành phố Berlin trên một con ngựa trắng.

Tinh thần lúc ấy khá tốt và thậm chí còn dễ dàng mang về câu kỳ hoa mỹ nữa là khác: các đồng minh người Anh trung thành đang

mở rộng vòng tay chào đón chúng tôi; cùng giương cao những thanh kiếm và những nắm đấm về phía các vị thần thù địch, những kẻ vốn tưởng mình có thể biến con người thành một thân phận của kẻ thua cuộc, chúng tôi sẽ vĩnh viễn khắc lên bộ mặt xa hoa bạo ngược của họ vết sẹo phẩm cách của chúng tôi theo kiểu những người bảo vệ danh tiếng cổ xưa nhất.

Chúng tôi đến Gibraltar đúng lúc để được xem hải quân Anh trở về sau khi cao ngạo đánh đắm những đơn vị hải quân tinh nhuệ nhất của chúng tôi ở Mers-el-Kébir. Các bạn có thể tưởng tượng tin này có ý nghĩa với chúng tôi như thế nào: niềm hy vọng cuối cùng của chúng tôi đã đáp lại chúng tôi bằng một cú hèn hạ.

Trong không khí trong lành và rục rờ mà Tây Ban Nha tiếp đón châu Phi, tôi chỉ cần ngước mắt lên là đủ để thấy trên đầu mình cái khối khổng lồ của Totoche, vị thần ngu dốt: đứng trong vũng tàu, hai chân giăng ra, trong làn nước trong xanh ngập gần đến mắt cá, đầu ngửa ra sau, Totoche ôm bụng, choán lấy cả bầu trời và cười vang - vị thần này đã đội chiếc mũ đô đốc Anh để hợp với hoàn cảnh.

Sau đó tôi nhớ đến mẹ tôi. Tôi tưởng tượng mẹ xuống đường và đi đập vỡ kính Tòa lãnh sự Anh tại Nice ở đại lộ Victor Hugo. Cái mũ đội lệch trên mái tóc bạc phơ, điều thuốc ngậm trên môi, cây gậy lăm lăm trong tay, mẹ tôi kêu gọi người qua đường cùng tham gia thể hiện sự phản nộ.

Trong hoàn cảnh đó, vì không thể chấp nhận ở lại lâu hơn trên một con tàu Anh, và để ý thấy trong vũng tàu một chiếc tàu hộ tống có lá cờ tam tài pháp phối, tôi cởi quần áo và đâm đầu xuống nước.

Tôi rất rối hoang mang, không biết nên quyết định thế nào và nhờ cậy vào ai, tôi lao về phía lá cờ tổ quốc theo bản năng. Lúc đang bơi ý nghĩ tự sát lần đầu tiên xuất hiện trong tâm trí tôi. Nhưng tôi không phải là một người nhu mì và má trái của tôi không chìa ra cho bất cứ ai cả. Thế là tôi quyết định kéo theo mình tay đờ đốc người Anh vừa hoàn thành việc tàn sát ở Mers-el-Kébir sang thế giới bên kia. Cách đơn giản nhất là xin được tiếp kiến hãn ta ở Gibraltar rồi dùng súng nã vào những tấm huân chương mà hãn ta đeo trên ngực sau một vài lời khen ngợi. Sau đó tôi sẽ vui vẻ để người ta bắn mình: đội hành quyết tồn tại không phải để làm tôi phật ý. Tôi thấy đội này rất hợp với kiểu đẹp của tôi.

Vì phải bơi hai cây số và nhờ làn nước mát lạnh nên tôi bình tâm lại ít nhiều. Suy cho cùng, tôi đâu phải đi chiến đấu vì nước Anh. Cú đáp trả hèn hạ của nước Anh dành cho chúng tôi thật khó mà tha thứ được, nhưng ít ra nó cũng chứng tỏ nước Anh quyết tâm tiếp tục chiến đấu. Tôi quyết định không thay đổi kế hoạch và phải sang Anh, bắt chập người Anh. Tuy nhiên tôi đã cách tàu Pháp hai trăm mét, và tôi cần thở chút ít trước khi tiếp tục bơi hai cây số quay trở lại.

Thế là tôi khạc nhổ vào không khí - giờ tôi vẫn đang bơi giữa đây - và sau khi đã thoát khỏi đờ đốc Anh, Huân tước Mers-el-Kébir, tôi tiếp tục bơi về phía con tàu hộ tống. Tôi bơi đến cầu thang và leo lên boong tàu. Một trung sĩ phi công đang ngồi trên boong gọt khoai. Anh ta nhìn tôi trần truồng từ dưới biển leo lên mà không hề biểu lộ chút ngạc nhiên nào. Khi đã chứng kiến nước Pháp bại trận và nước Anh đánh đắm chiến hạm của đồng minh thì không gì có thể khiến bạn ngạc nhiên được nữa.

– Ổn chứ? anh ta lịch sự hỏi tôi.

Tôi kể cho anh ta biết hoàn cảnh của tôi và đến lượt mình, tôi được biết là con tàu hộ tống này sang Anh, chở mười hai trung sĩ phi công đi gặp tướng de Gaulle. Chúng tôi đồng tình lên án thái độ của hải quân Anh và cũng nhất trí kết luận là người Anh sẽ tiếp tục chiến đấu và sẽ không chịu ký hiệp ước đình chiến với quân Đức, suy cho cùng, đây là điều duy nhất đáng kể.

Trung sĩ Canepa - Trung tá Canepa - Huân chương Giải phóng, Huân chương Bắc đẩu Bội tinh hạng ba, mười hai lần được tuyên dương, mười tám năm sau đã ngã xuống trên chiến trường tại Algérie, sau khi đã chiến đấu không mệt mỏi trên khắp mọi mặt trận nơi nước Pháp từng đổ máu - vậy là Trung sĩ Canepa đề nghị tôi ở lại để khỏi phải đi tàu dưới cờ của người Anh, anh cũng khẳng định anh càng vui mừng về sự có mặt của tôi hơn vì có thêm một tân binh để làm công việc mệt nhọc là gọt khoai. Tôi suy nghĩ, với vẻ trịnh trọng thích hợp, về yếu tố mới mẻ và bất ngờ này, rồi quyết định, dù phần nộ với người Anh thế nào chăng nữa, tôi cũng vẫn thích vượt biển dưới lá cờ của họ hơn là phải làm những công việc nội trợ, vốn trái ngược với con người đầy cảm hứng như tôi. Thế là tôi thân mật ra hiệu chào anh rồi lại lao xuống sóng biển.

Đi từ Gibraltar đến Glasgow mất mười bảy ngày và tôi để ý thấy tàu còn chở những kẻ “đào ngũ” người Pháp khác. Chúng tôi làm quen với nhau. Có Chatoux, sau này bị bắn trên biển Bắc; có Gentil, người đã ngã xuống cùng chiếc máy bay Hurricane của mình trong một trận đánh một chọi mười; có Loustreau, ngã xuống ở Crète; có anh em nhà Langer trong đó đứa em là phi công của tôi trước khi bị sét đánh chết giữa lúc đang bay trên bầu trời châu Phi còn người anh vẫn sống; có Mylski Latour, người đã đổi tên thành Latour Prendsgarde, và hình như đã rơi xuống trong chiếc máy bay

Beaufighter của mình ở ngoài khơi Na Uy; có Rabinovitch người Marseille, thường gọi là Olive, chết khi đang luyện tập; có Charnac, người đã ôm bom nhảy xuống Ruhr; có Stone, một con người điềm tĩnh và đến giờ vẫn lái máy bay; còn có nhiều người khác, có những cái tên giả, phía ra để bảo vệ gia đình của họ tại Pháp, hoặc đơn giản để khép quá khứ lại, nhưng trong số tất cả những anh lính trốn nghĩa vụ có mặt trên tàu Oakrest, đặc biệt có một người, tên của người này sẽ luôn trả lời tất cả những câu hỏi, tất cả những nghi ngờ và tất cả những thất vọng trong lòng tôi.

Anh ấy tên là Bouquillard, ba mươi lăm tuổi, hơn tuổi chúng tôi rất nhiều. Người hơi nhỏ, dáng hơi còng, đầu luôn đội mũ bê rê, đôi mắt nâu, khuôn mặt dài dài vẻ thân thiện, sự điềm tĩnh và nhẹ nhàng của anh ẩn chứa một ngọn lửa, một trong những ngọn lửa thỉnh thoảng vẫn biến nước Pháp thành nơi rạn rờ nhất thế giới.

Anh trở thành con “át chủ bài” người Pháp đầu tiên trong trận Anh quốc, trước khi ngã xuống sau sáu lần lập công, và hai mươi phi công đã đứng trong phòng tác chiến ngược mắt lên cái hòng đen ngòm của loa phóng thanh mà nghe anh hát điệp khúc vĩ đại của người Pháp cho đến khi tiếng nổ cuối cùng vang lên, và khi tôi đang nguệch ngoạc những dòng này, trước đại dương với thứ tiếng ồn ào át hết không biết bao nhiêu tiếng gọi khác, bao nhiêu thách thức khác, thì tiếng hát tự phát ra từ miệng tôi, thế là tôi cố làm hồi sinh một quá khứ, một giọng hát, một người bạn, thế là anh sống lại, đứng dậy và mỉm cười bên cạnh tôi, tôi cần toàn bộ sự hiu quạnh ở Big Sur để dành chỗ cho anh.

Không có đường phố nào ở Paris mang tên anh, nhưng đối với tôi, tất cả các đường phố trên khắp nước Pháp đều mang tên anh.

CHƯƠNG XXXV

TẠI GLASGOW, CHÚNG TÔI ĐƯỢC TIẾP ĐÓN trong tiếng kèn túi của một trung đoàn Xcôtlen diễu hành trước mặt chúng tôi trong bộ lễ phục màu hồng điều. Mẹ tôi rất thích duyệt binh, nhưng chúng tôi vẫn chưa hết ghê sợ Mers-el-Kébir, và quay lưng lại với bè kèn trống đang thao diễn trên những lối đi trong công viên nơi chúng tôi trú quân, tất cả các phi công Pháp lặng lẽ trở về trại, trong khi những người Xcôtlen tử tế, tự ái và mặt đỏ tía tai hơn bao giờ hết, tiếp tục thổi lên những âm điệu lôi cuốn vang vọng khắp các lối đi vắng người với vẻ bướng bỉnh kiểu Anh. Trong số năm mươi phi công có mặt lúc ấy, chỉ có ba người còn sống sót sau chiến tranh. Suốt những tháng ngày ác liệt tiếp đó, phân tán trên bầu trời nước Anh, nước Pháp, nước Nga, châu Phi, họ bắn hạ hơn một trăm năm mươi máy bay kẻ thù trước khi đến lượt mình gục ngã. Mouchotte, năm chiến công, Castelain, chín chiến công, Marquis, mười hai chiến công, Léon, mười chiến công, Poznanski, năm chiến công, Daligot... cần gì phải thăm những cái tên không có nghĩa với ai này chứ? Cũng đâu cần, bởi họ chưa bao giờ thực sự rời xa tôi. Tất cả những gì còn sống trong tôi đều thuộc về họ. Dường như đôi khi, bản thân tôi vẫn tiếp tục sống chỉ vì phép lịch sự, và sở dĩ tôi còn để trái tim mình đập, thì chỉ là vì tôi luôn yêu thú vật.

Ít lâu sau khi tôi đến Glasgow, mẹ đã ngăn tôi làm một việc ngớ ngẩn khó lòng cứu vãn, một việc mà nếu làm thì tôi sẽ phải mang vết nhơ và hối hận suốt đời. Các bạn hỡi còn nhớ khi tốt nghiệp

Trường Không quân Avord, tôi đã bị tước lon thiếu úy trong hoàn cảnh nào. Vết thương mà sự bất công ấy gây ra vẫn còn rớm máu và khiến tôi đau lòng. Thế nhưng giờ đây không có gì dễ dàng hơn việc tôi tự chữa chạy vết thương ấy cho mình. Tôi chỉ việc may cho mình một cái lon thiếu úy trên tay áo và thế là xong. Suy cho cùng, tôi có quyền làm điều đó, lon thiếu úy của tôi chỉ bị những tên đầu cẳng nguy tín cưỡng đoạt mà thôi. Sao tôi lại không tự trả công bằng cho mình được chứ?

Nhưng dĩ nhiên, mẹ tôi xen vào ngay. Không phải vì tôi đã hỏi ý kiến bà, còn lâu mới là thế. Thậm chí tôi còn làm tất cả những gì có thể để mẹ không hay biết dự định nho nhỏ của tôi, để đẩy mẹ ra xa khỏi đầu óc tôi. Vô ích: trong nháy mắt, mẹ đến bên tôi, tay cầm cây gậy, nói với tôi những lời lẽ xúc phạm cực độ. Đó không phải cách mẹ nuôi dạy tôi, đó không phải điều mẹ mong chờ nơi tôi. Không bao giờ, sẽ không bao giờ mẹ để tôi về nhà nếu tôi hành động như vậy. Mẹ sẽ chết vì xấu hổ và sầu muộn mất. Tôi cố len lén trốn mẹ trong những đường phố ở Glasgow cũng bằng thừa, bà đuổi theo tôi khắp nơi, giờ gậy dọa tôi, và tôi thấy rõ gương mặt bà khi thì van xin, khi thì phẫn nộ, khi thì nhăn nhó vẻ không hiểu, cái vẻ tôi biết rất rõ. Mẹ vẫn luôn mặc chiếc áo khoác màu xám, đội chiếc mũ màu xám tím và đeo vòng ngọc ở cổ. Ở phụ nữ, cổ là nơi già nhanh nhất.

Tôi vẫn là trung sĩ.

Ở Olympia Hall, tại London, nơi tập trung của những người lính tình nguyện Pháp đầu tiên, các cô gái trẻ và các quý bà thuộc giới thượng lưu Anh đến chuyện phiếm đôi ba lời với chúng tôi. Trong số đó, có một cô gái tóc vàng quynh rũ mặc quân phục đã chơi với tôi không biết bao nhiêu ván cờ. Cô ấy có vẻ quyết tâm động viên

tinh thần những người lính tình nguyện Pháp nhỏ bé tội nghiệp và thế là chúng tôi dành hết thời gian để chơi cờ. Cô chơi rất tuyệt, lần nào cũng cho tôi thua liểng xiểng và sau đó mời tôi chơi ván khác ngay. Sau mười bảy ngày đi tàu, thì việc dành hết thời gian để chơi cờ với một cô gái rất xinh đẹp, trong khi đang khao khát chiến đấu, là một trong những mối bận tâm khiến người ta bức tức nhất mà tôi được biết. Cuối cùng, tôi đành né tránh cô gái ấy, đứng từ xa mà ngắm cô so tài với một trung sĩ bộ binh, anh này rốt cuộc cũng trở nên buồn bã và chán nản như tôi. Cô gái ngồi đó, tóc vàng và dễ thương, và, với vẻ mặt hơi quái, cô dàn những quân cờ trên bàn. Một cô gái kỳ quặc. Tôi chưa bao giờ thấy cô gái nào xuất thân từ một gia đình gia giáo lại làm nhiều hơn thế để khiến tinh thần quân đội suy sụp như vậy.

Thời ấy tôi không hề biết tiếng Anh nên gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp xúc với người bản xứ; may mà thỉnh thoảng tôi biết cách ra hiệu. Người Anh rất ít khi ra hiệu, nhưng chúng ta có thể làm cho họ hiểu được khá rõ chúng ta cần gì ở họ. Ở khía cạnh này, việc không biết ngoại ngữ thậm chí còn có thể đơn giản hóa các mối quan hệ, chỉ giữ lại những gì cơ bản và tránh những lời mào đầu vô bổ cùng những thể thức phiền toái.

Tại Olympia Hall, tôi kết bạn với một người mà ở đây tôi sẽ gọi là Lucien, người, sau nhiều ngày đêm tân hôn đầy sóng gió, đã bắt ngờ nã đạn vào tim mình. Trong vòng ba ngày bốn đêm, anh đã kịp yêu si mê một cô gái chào khách ở quán Wellington, hộp đêm nơi dân Không lực Hoàng gia Anh thường lui tới, kịp bị cô gái ấy lừa để đổi sang cặp với một khách hàng khác và do vậy mà anh cũng kịp sàu muộn đến nỗi chỉ còn cái chết là giải pháp duy nhất với anh. Trên thực tế, phần lớn chúng tôi đã rời nước Pháp, rời gia đình

mình trong những tình huống lạ thường và vội vã tới mức phản ứng thần kinh thường chỉ bật phát sau nhiều tuần và đôi khi theo cách hoàn toàn bất ngờ. Thế là một số người tìm cách bầu vịu vào cái phao đầu tiên mà họ thấy, và trong trường hợp của bạn tôi, vì cái phao đã ngay lập tức tuột khỏi tầm tay, hay nói đúng hơn là đã qua tay người khác, nên anh hoàn toàn đổ sụp dưới sức nặng của nhiều thất vọng cộng lại. Còn tôi, tôi bám riết lấy một cái phao để vượt qua mọi thử thách, đúng ra là một cái phao từ xa, nhưng với cảm giác hoàn toàn an tâm bởi suy cho cùng, một người mẹ không mấy khi chịu buông rời con mình. Tuy nhiên hồi ấy, có khi tôi vẫn uống hết một chai whisky mỗi đêm, ở những nơi chúng tôi phải sống trong nồm nóng và bất mãn. Chúng tôi phần nộ vì người ta chậm chạp trong việc giao máy bay cho chúng tôi và cho chúng tôi đi chiến đấu. Tôi thường đi với Lignon, de Mézillis, Béguin, Perrier, Barberon, Roquère, Melville Lynch. Lignon bị mất một chân ở châu Phi, vẫn tiếp tục bay với cái chân giả rồi bị bắn hạ trong chiếc Mosquito, tại Anh. Béguin hy sinh tại Anh sau khi lập tám chiến công trên chiến trường Nga. De Mezillis để lại cánh tay trái ở Tibesti, Không lực Hoàng gia Anh làm cho anh một cánh tay giả và sau đó anh bị giết trong chiếc Spitfire tại Anh. Pigeaud bị hạ ở Libye; bị bỏng nặng, anh đi bộ năm mươi cây số băng qua sa mạc và chết khi tới phòng tuyến của chúng tôi. Roquère bị trúng ngư lôi ở ngoài khơi Freetown và bị cá mập ngấu nghiến trước mặt vợ mình. Astier de Villatte, Saint Péreuse, Barberon, Perrier, Langer, Ezanno Kẻ Tuyết Vời, một gã liều lĩnh điển hình, Melville Lynch vẫn còn sống. Thịnh thoảng chúng tôi có gặp nhau. Hiếm khi thôi: tất cả những gì chúng tôi cần nói với nhau đã bị tiêu diệt.

Không lực Hoàng gia Anh mượn tôi đi vài chuyến đêm trên vùng trời Wellington và Blenheim, vì thế nên đài B.B.C mới trình trọng thông báo từ tháng Bảy năm 1940 rằng “không quân Pháp đã xuất phát từ căn cứ Anh đi đánh bom nước Đức”. “Không quân Pháp” là một đồng đội tên Morel và chính tôi. Thông cáo của đài B.B.C đã khiến mẹ tôi phấn khởi không gì tả xiết. Bởi vì, trong tâm trí, bà không bao giờ mảy may nghi ngờ ý nghĩa của câu “không quân Pháp xuất phát từ căn cứ Anh”. Đó là tôi. Sau đây, tôi được biết là suốt nhiều ngày liền, mẹ tôi đi khắp chợ Buffa với gương mặt rạng rỡ để loan báo tin vui: cuối cùng tôi cũng làm chủ được tình hình.

Tiếp đó tôi được phái đi Saint Athan và chính trong thời gian nghỉ phép tại London cùng Lucien, Lucien bỗng gọi điện thoại đến khách sạn gặp tôi, nói cho tôi biết là tất cả mọi việc đều ổn và tinh thần rất cao, rồi anh gác máy và đi tự sát. Khi đó, tôi giận anh rất nhiều, nhưng tôi không bao giờ giận lâu, và khi được giao nhiệm vụ cùng hai hạ sĩ đưa quan tài anh ra nghĩa địa quân sự chật hẹp ở P., tôi không còn nghĩ đến điều ấy nữa.

Tại Reading, đường sắt vừa bị bom địch phá hỏng và chúng tôi phải chờ nhiều giờ liền. Tôi gửi quan tài lại theo hướng dẫn, sau khi lấy giấy biên nhận, chúng tôi đi dạo một vòng trong thành phố.” Thành phố Reading chẳng có gì hay ho cả, và để chống lại bầu không khí khiến tinh thần suy sút ấy, chúng tôi buộc phải uống rượu nhiều hơn thường lệ một chút, đến nỗi mà khi quay lại nhà ga, chúng tôi không khiêng được quan tài. Tôi phải gọi hai phu khuân vác, giao cho họ giấy biên nhận và thuê họ đưa quan tài lên toa hành lý. Đến nơi, trong cảnh tối om và chỉ có ba phút để thu hồi thi thể bạn mình, chúng tôi lao lên toa hành lý và vừa kịp giằng lấy cái

quan tài trong khi tàu đã bắt đầu khởi hành. Sau cuộc hành trình kéo dài một giờ nữa trên xe tải, rốt cuộc chúng tôi mới có thể đặt được gánh nặng của mình xuống trạm gác nghĩa trang, bỏ nó ở đấy qua đêm, với lá quốc kỳ dành cho nghi lễ. Sáng hôm sau, khi đến trạm gác, chúng tôi thấy một trung sĩ người Anh ngơ ngác tròn mắt nhìn chúng tôi. Khi trái lá cờ tam tài lên quan tài, anh ta nhận ra trên lá cờ ấy có khẩu hiệu quảng cáo một loại bia cực kỳ nổi tiếng bằng chữ đen: Guinness is good for you. Tôi không biết liệu tác giả của việc này có phải là mấy gã phu khuân vác bị vụ ném bom làm cho căng thẳng thần kinh hay là chính chúng tôi, trong bóng đêm mù mịt, nhưng ít nhất có một điều đã rõ: có ai đó, ở đâu đó, đã nhâm hòm. Tất nhiên chúng tôi rất chán nản, càng chán nản hơn khi cha tuyên úy đang đợi, cũng như sáu người lính xếp hàng bên huyệt đang chờ bắn loạt súng danh dự. Cuối cùng, để tránh nguy cơ phải đối diện với lời kết tội hời hợt mà các đồng minh Anh chỉ chăm chăm dành cho những người Pháp vùng Tự do, chúng tôi bèn quyết định rằng đã quá muộn để lùi bước và rằng vấn đề này liên quan đến uy tín của bộ quân phục. Tôi nhìn chăm chăm vào mặt viên trung sĩ người Anh, anh này gật đầu ra ý hoàn toàn hiểu, rồi nhanh tay trái lá cờ lên hòm, chúng tôi khiêng hòm ra nghĩa địa và tiến hành hạ huyệt. Cha tuyên úy nói vài câu, chúng tôi đứng nghiêm chào, loạt đạn danh dự được bắn lên bầu trời xanh, tôi giận điên tiết cái kẻ hèn nhát này, kẻ đã nhượng bộ trước kẻ thù, kẻ đã thiếu tình bằng hữu và đã trốn tránh con đường gian nan vất vả mà chúng tôi đang đi, đến nỗi hai bàn tay tôi siết lại thành nắm đấm, tôi buột miệng chửi thề trong khi cổ họng thất lại.

Chúng tôi không bao giờ biết cái hòm kia, cái hòm đúng, đã ra sao. Đôi khi, đủ loại giả thiết thú vị lại nảy sinh trong tâm trí tôi.

CHƯƠNG XXXVI

CUỐI CÙNG TÔI ĐƯỢC PHẢI ĐI HUẤN LUYỆN ở Andover, cùng phi đội ném bom đang chuẩn bị sang châu Phi dưới sự chỉ huy của Astier de Villatte. Lúc bấy giờ trên đầu chúng tôi đang diễn ra những trận đánh lịch sử, ở đó tuổi trẻ Anh lấy sự anh dũng tươi vui ra để đương đầu với kẻ thù khát máu và thay đổi số phận của toàn thế giới. Họ gồm một vài người. Trong số họ có những người Pháp: Bouquillard, Mouchotte, Blaise... Tôi không thuộc số đó. Tôi lang thang trong miền quê rực nắng, mắt ngược lên trời. Thỉnh thoảng, một thanh niên Anh cho chiếc Hurricane bị đạn bắn lỗ chỗ hạ cánh xuống sân bay, đổ xăng, nạp thêm bom đạn rồi tiếp tục bay đi chiến đấu. Tất cả họ đều quàng quanh cổ những chiếc khăn đủ màu sắc, tôi cũng vậy, cũng quàng một chiếc. Đó là đóng góp duy nhất của tôi cho trận Anh quốc. Tôi cố không nghĩ đến mẹ mình và những gì đã hứa với bà. Tôi dành cho nước Anh một tình cảm quý mến mà không ai trong số những người từng có vinh dự đặt chân lên mảnh đất ấy vào tháng Bảy năm 1940 lại có thể phủ nhận.

Huấn luyện xong, chúng tôi được nghỉ phép bốn ngày tại London trước khi lên đường sang châu Phi. Ở đây xảy ra một tình tiết ngớ ngẩn chưa từng có, ngay cả trong cuộc đời quán quân của tôi.

Vào ngày nghỉ phép thứ hai, trong một cuộc đánh bom đặc biệt dữ dội, tôi gặp một nữ thi sĩ trẻ tuổi người Chelsea ở quán Wellington, nơi gặp gỡ của tất cả các phi công Đồng minh. Nữ thi

sĩ này khiến tôi thất vọng vô cùng, cô ta huyền thuyên không dứt và chỉ huyền thuyên về TS. Eliot, Ezra Pound và trên hết là Auden, cô ta ngược đôi mắt xanh rất đẹp nhìn tôi, đôi mắt hoàn toàn ánh lên sự ngu xuẩn. Tôi không thể chịu được nữa và căm ghét cô ta hết mức. Thỉnh thoảng, tôi âu yếm hôn lên môi cô để làm cô ngừng nói, nhưng vì cái mũi hồng của tôi vẫn luôn bị ngạt nên sau một phút tôi buộc phải rời môi cô để thở - và thế là cô tiếp tục nói về E. Cummings và Walt Whitman. Tôi tự hỏi liệu mình có nên giả vờ động kinh không, tôi thường làm thế trong những tình huống tương tự, nhưng tôi đang mặc quân phục nên làm vậy không tiện; thế nên tôi bằng lòng với việc nhẹ nhàng lấy tay vuốt ve bờ môi cô, cố ngăn không cho con suối ngôn từ tuôn chảy, trong khi mà, bằng ánh mắt gợi cảm, tôi mời mọc cô đắm sâu vào sự im lặng dịu êm và mơ mộng, vào ngôn ngữ tâm hồn thuần túy. Nhưng chẳng làm gì được. Cô giữ yên tay tôi trong tay cô rồi tiếp tục luận bàn về chủ nghĩa tượng trưng của Joyce. Bỗng tôi hiểu ra rằng cả quãng thời gian vừa rồi của tôi là cả quãng thời gian văn chương. Cuộc nói chuyện chán ngắt và trí tuệ ngớ ngẩn là những thứ mà tôi chưa bao giờ chịu đựng nổi và tôi bắt đầu cảm thấy mồ hôi chảy trên trán mình, trong khi đó, tôi kinh ngạc nhìn chằm chằm cái cơ thắt miệng không ngừng mở ra rồi khép lại, mở ra rồi khép lại kia, tôi lao vào bộ phận này một lần nữa với năng lượng của sự tuyệt vọng, tìm cách làm cho nó bất động bằng những nụ hôn nhưng vô ích. Thế nên tôi nhẹ hết cả người khi thấy một sĩ quan phi công đẹp mã người Ba Lan, thuộc quân đội của tướng Anders, lại gần bàn chúng tôi, cúi xuống trước cô gái trẻ và mời cô khiêu vũ. Cho dù quy tắc hiện hành cấm mời một cô gái đã có bạn như vậy, tôi vẫn biết ơn mỉm cười với anh ta rồi ngồi sụp xuống ghế băng, uống liền hai ly rượu

và tuyệt vọng ra hiệu cho cô gái phục vụ, quyết định thanh toán tiền để sau đó lặng lẽ trốn vào bóng đêm. Tôi đang hoa chân múa tay như một người chết đuối để gọi cô gái phục vụ thì con bé Ezra Pound quay lại bàn và ngay tức thì nói với tôi về E. Cummings và về tạp chí Horizon với ông tổng biên tập mà cô hâm mộ vô bờ bến. Lịch sự như thường lệ, lần này tôi đổ sụp xuống bàn, hai tay ôm lấy đầu, bịt tai quyết không nghe cô ta nói lời nào nữa. Đúng lúc đó, viên sĩ quan Ba Lan thứ hai xuất hiện. Tôi mỉm cười với anh ta về mồi mọ: với một chút may mắn, con bé Ezra Pound có lẽ sẽ tìm thấy ở anh ta những chủ đề chuyện trò khác ngoài văn chương và nhờ vậy tôi sẽ thoát. Nhưng không phải thế! Cô ta vừa ra đi đã quay trở lại. Khi tôi đứng dậy để đón chào cô ta với sự ga lăng cổ lỗ sĩ của đàn ông Pháp, thì viên sĩ quan Ba Lan thứ ba xuất hiện. Đột nhiên tôi nhận ra mọi người đang nhìn mình. Tôi cũng nhận ra rằng đó là một hành động hoàn toàn có chủ tâm, rằng rõ ràng ba sĩ quan người Ba Lan có ý định và thái độ hạ nhục tôi, làm tôi bị tổn thương. Thậm chí chúng không để cho bạn gái tôi có thời gian ngồi xuống nữa, mà thay nhau ôm lấy cô, vừa ôm vừa nhìn tôi về phía mai và khinh bỉ. Như tôi đã nói, quán Wellington đầy lính Đồng minh, người Anh, người Canada, người Na Uy, người Hà Lan, người Séc, người Ba Lan, người Úc, và người ta bắt đầu cười tôi, và càng cười hơn khi những nụ hôn âu yếm của tôi không phải không ai thấy: người ta lấy mắt cô gái của tôi mà tôi lại không biết cách tự vệ. Máu tôi sôi lên: đây là vấn đề liên quan đến uy tín của bộ quân phục. Thế là tôi rơi vào tình cảnh phi lý phải đánh nhau để giữ một cô gái mà tôi muốn thoát khỏi từ mấy tiếng đồng hồ rồi. Nhưng tôi không được quyền lựa chọn. Tình cảnh đó có thể hoàn toàn ngu xuẩn nhưng tôi không được quyền trốn tránh. Thế là tôi

đứng dậy, mỉm cười, và sau khi cao giọng nói bằng tiếng Anh vài câu cương quyết mà người ta đang chờ ở tôi, tôi bắt đầu bằng việc ném ly whisky của mình vào mặt viên trung úy thứ nhất, một cái và bằng mu bàn tay vào mặt viên trung úy thứ hai, sau đó tôi ngồi xuống, danh dự nguyên vẹn và mẹ nhìn tôi vẻ hãnh diện, hài lòng. Tôi tưởng thế là xong. Nhảm! Anh chàng Ba Lan thứ ba, người không bị tôi làm gì vì tôi không đủ tay, cho là mình bị sỉ nhục. Trong khi người ta cố can tách chúng tôi thì anh ta phun ra nhiều câu chửi thề nhằm vào không quân Pháp và to giọng tố cáo cách mà nước Pháp từng cư xử với không quân Ba Lan anh hùng. Tôi thấy thông cảm với anh ta trong chốc lát. Suy cho cùng, phần nào tôi cũng là người Ba Lan, nếu không phải vì huyết thống thì ít nhất cũng là vì những năm tháng tôi từng sống ở đất nước anh ta - thậm chí tôi đã mang hộ chiếu Ba Lan trong một thời gian. Tôi suýt bắt tay anh ta, nhưng thay vào đó, vì tuân thủ quy tắc danh dự và vì không thể vùng vẫy nổi đôi cánh tay đang trong tình trạng bất động bởi bị một người Úc và một người Na Uy giữ chặt, tôi lao đầu vào mặt anh ta húc một cú tuyệt hảo. Bởi rút cuộc, tôi là ai mà lại chống đối các quy tắc danh dự truyền thống của người Ba Lan chứ? Anh ta có vẻ thỏa mãn rồi khuyu xuống. Tôi tưởng thế là xong. Nhảm! Hai người bạn của anh ta bảo tôi theo họ ra ngoài. Tôi vui vẻ nhận lời - tôi tưởng mình đã thoát khỏi con bé Ezra Pound. Lại nhảm! Con bé, theo một thứ bản năng chắc chắn nào đấy, cảm thấy mình đang thực sự trải qua một “kinh nghiệm sống” nên kiên quyết ôm lấy tay tôi. Cả năm người ra ngoài, trong màn đêm tăm tối. Địch đánh bom rất ác liệt. Xe cứu thương chạy qua với những tiếng chuông nhẹ nhàng, ngao ngán.

– Được rồi, bây giờ thì sao nào? tôi hỏi.

– Đâu súng! một trong ba viên trung úy nói.

– Chẳng làm gì được đâu, tôi nói với họ. Không còn khán giả nữa. Khắp nơi lại tối om thế này. Cũng chẳng có cử tọa. Không cần phải điệu bộ làm gì. Hiểu chưa, mấy thằng oắt con?

– Bọn Pháp là một lũ hèn mọn, một trung úy Ba Lan khác nói.

– Được thôi, thì đâu súng, tôi nói.

Tôi định đề nghị họ giải quyết vụ này ở Hyde Park.

Trong tiếng nổ của pháo phòng không vốn khiến cả công viên dựng tóc gáy, những tiếng súng nhỏ của chúng tôi sẽ chẳng bị ai nghe thấy và chúng tôi có thể để xác chết ở đó, trong bóng đêm mà không phải lo lắng gì. Tôi kiên quyết không để mình bị kỷ luật vì những tên Ba Lan say rượu. Mặt khác, trong bóng tối, tôi có thể ngắm không tốt, dù những năm qua có hơi chệnh mảng việc bắn súng lục, nhưng tôi chưa hoàn toàn quên hẳn những bài học của Trung úy Sverdlovski, nên tôi chắc chắn có thể đem lại vinh dự cho cái bia của mình trong một nơi đàng hoàng.

– Đâu súng ở đâu? tôi hỏi.

Tôi cảnh giác không nói với họ bằng tiếng Ba Lan. Bởi điều ấy có nguy cơ gây hiểu lầm. Họ khát khao trả đũa nước Pháp thông qua cá nhân tôi nên tôi sẽ không gây khó khăn tâm lý cho họ làm gì cả.

– Đâu súng ở đâu? tôi hỏi.

Họ tham khảo nhau.

– Tại khách sạn Regent's Park, cuối cùng họ quyết định.

– Trên mái à?

– Không, trong phòng khách sạn. Đâu súng lục cách năm mét.

Tôi tự nhủ rằng trong các khách sạn hạng sang ở London, thường thì người ta không để con gái lên phòng cùng bốn người đàn ông, nên tôi thấy đây là cơ hội ngàn vàng để thoát khỏi con bé Ezra Pound. Cô ta níu tay tôi: đấu súng lục cách năm mét à - có vẻ văn chương đấy! Cô ta kêu meo meo đầy kích động như một con mèo cái.

Chúng tôi lên taxi, sau khi đã thảo luận rất lâu và lịch sự để biết ai là người lên đầu tiên, rồi đến Câu lạc bộ Không lực Hoàng gia Anh, nơi mấy anh lính Ba Lan xuống lấy súng công vụ. Tôi thì tôi chỉ có khẩu 635 mà tôi luôn giắt trong người. Tiếp đó chúng tôi tới Regent. Vì con bé Ezra Pound năn nỉ xin lên, chúng tôi phải góp tiền và thuê một căn hộ có phòng khách. Trước khi lên, một trung úy Ba Lan chìa một ngón tay ra.

– Người làm chứng! anh ta nói.

Tôi nhìn quanh nhìn quất cố tìm một bộ quân phục Pháp. Không có ai. Sảnh khách sạn lúc ấy có rất nhiều dân thường, phần lớn mặc pyjama, họ không dám ở lại phòng trong lúc diễn ra các vụ ném bom, họ đứng bên lò sưởi, co ro trong chiếc khăn quàng cổ và bộ đồ ngủ, trong khi bom làm rung chuyển những bức tường. Một đại úy người Anh đeo kính một mắt đang điền một tờ phiếu ở quầy lễ tân. Tôi đi về phía ông ta.

– Thưa ông, tôi nói. Tôi đang chuẩn bị đấu súng, ở phòng 520, tầng sáu. ông có thể đến làm chứng cho tôi được không ạ?

Ông ta mỉm cười, vẻ mệt mỏi.

– Ba cái tên người Pháp này! ông ta nói. Cảm ơn. Nhưng tôi có phải là một kẻ tò mò đâu.

– Thưa ông, tôi nói. Không phải như ông nghĩ đâu. Đấu súng thực sự đây. Cách năm mét, bằng súng lục, với ba người Ba Lan yêu nước. Bản thân tôi phần nào cũng là một nhà yêu nước người Ba Lan, và vì đây là vấn đề liên quan đến danh dự của cả nước Pháp, tôi không được quyền lẩn tránh. Ông hiểu chứ?

– Hoàn toàn hiểu, ông ta nói. Thế giới đầy những nhà yêu nước người Ba Lan. Không may là còn có những nhà yêu nước người Đức, Pháp hay Anh. Chiến tranh cũng từ đó mà ra cả. Cũng không may là tôi không thể giúp gì anh được, anh ạ. Anh có thấy cô gái trẻ ngồi đằng kia không?

Cô gái đó ngồi trên một chiếc ghế dài, tóc vàng và này nọ, đúng cái mà một quân nhân nghỉ phép đang cần. Ông đại úy chỉnh kính một mắt rồi thở dài.

– Tôi phải mất năm tiếng để thuyết phục cô ta đây. Tôi đã phải khiêu vũ trong vòng ba tiếng, tiêu tốn rất nhiều tiền, thể hiện bản thân, van nài, thì thầm âu yếm trong taxi và cuối cùng cô ta cũng đồng ý. Giờ tôi không thể đi giải thích với cô ta là tôi phải làm chứng cho một cuộc đấu súng trước khi lên phòng, vả lại, tôi đâu còn ở tuổi hai mươi, bây giờ là hai giờ sáng, tôi đã phải đấu tranh năm tiếng đồng hồ để thuyết phục cô ta, và tôi mệt lử rồi. Tôi không còn ham muốn gì nữa, nhưng tôi cũng thế, phần nào tôi cũng là một nhà yêu nước người Ba Lan nên không có quyền lẩn tránh. Tôi run lên khi nghĩ đến kết cục của điều đó. Tóm lại, thưa anh, anh chịu khó đi tìm một nhân chứng khác: chính tôi cũng đang sắp sửa đấu súng đây. Hãy hỏi người gác cổng xem sao.

Tôi lại liếc mắt nhìn quanh. Trong số những người ngồi trên ghế dài ở giữa sảnh, có một ông mặc đồ pyjama, áo khoác, đi giày păng

túp, đội mũ, quàng khăn, vẻ mặt buồn rầu, hai tay chấp lại, mắt ngược lên trời mỗi khi một quả bom nổ hơi quá gần nào đó có vẻ như sắp rơi xuống người ông. Đêm ấy, chúng tôi phải gánh chịu một trận bom ra trò. Các bức tường rung lên. Cửa sổ bật ra. Đồ vật rơi tứ tung. Tôi chăm chú nhìn ông ta. Theo bản năng, tôi biết nhận ra những người mà chỉ riêng việc trông thấy một bộ quân phục thôi cũng gây ra trong họ nỗi sợ hãi vừa sâu sắc vừa kính cẩn. Họ không từ chối người có quyền cái gì cả. Đi thẳng tới chỗ ông ta, tôi cắt nghĩa cho ông ta hiểu rằng vì những lý do cấp bách, ông ta phải có mặt làm chứng cho một cuộc đấu súng trên tầng sáu khách sạn. Ông ta nhìn tôi vẻ sợ sệt và van xin, nhưng trước bề ngoài dữ tợn và có đeo quân hàm của tôi, ông ta thở dài đứng dậy. Ông ta còn tìm ra một câu nói lấy lệ:

– Tôi rất vui khi được đóng góp vào nỗ lực chiến đấu của các đồng minh, ông ta nói.

Chúng tôi đi thang bộ lên phòng: trong lúc có báo động thì thang máy không hoạt động. Ở các thềm nghỉ, đám cây cối thiếu sức sống rung lên trong bình. Con bé Ezra Pound, treo người dưới cánh tay tôi, đang bị giầy vò bởi một sự kích động văn chương tởm lợm và ngược đôi mắt uơn ướn nhìn tôi thăm thẳm:

– Anh sắp giết người! Em cảm thấy anh sắp giết người!

Nhân chứng của tôi dựa lưng vào tường mỗi lần bom rít. Ba gã Ba Lan kia vốn bài Do Thái nên xem việc lựa chọn nhân chứng của tôi như một sự sỉ nhục nữa. Tuy nhiên, con người trung hậu đó tiếp tục leo lên cầu thang như đang xuống địa ngục, mắt nhắm nghiền, miệng thì thầm cầu nguyện. Các tầng trên hoàn toàn vắng người, khách đã bỏ đi cả rồi, vì thế tôi nói với các nhà yêu nước người Ba Lan rằng hành lang có vẻ là nơi lý tưởng cho cuộc gặp gỡ. Tôi cũng

yêu cầu tăng khoảng cách thêm mười bước nữa. Họ nhất trí và bắt đầu đo. Tôi không muốn bị xây xước tí nào trong vụ này, và cũng không muốn giết đối thủ của mình hoặc làm hấn bị thương quá nặng để mình khỏi bị phiền toái. Một xác chết trong khách sạn thể nào cũng bị người ta để ý, còn một người bị thương nặng thì không thể tự mình bước xuống cầu thang. Mặt khác, thừa biết danh dự của người Ba Lan - honorpolski - tôi yêu cầu được bảo đảm là mình không phải lần lượt đánh nhau với từng nhà yêu nước, nếu người đầu tiên bị loại khỏi cuộc đấu. Tôi xin được nói thêm một lời ở đây: trong suốt thời gian diễn ra sự cố này, mẹ tôi không hề tỏ ý phản đối. Hấn mẹ rất sung sướng khi cảm thấy rằng cuối cùng tôi cũng làm một cái gì đó cho nước Pháp. Và cuộc đấu súng cách mười mét hoàn toàn thuộc thẩm quyền của mẹ tôi. Bà biết rõ cả Pouchkine và Lermontov đều đã chết trong một cuộc độ súng, không phải ngẫu nhiên mà từ khi tôi lên tám, bà đã dẫn tôi đến nhà Trung úy Sverdlovski.

Tôi chuẩn bị. Tôi xin thú thực là khi ấy tôi không hoàn toàn bình tĩnh, một mặt là vì con bé Ezra Pound làm tôi mất tập trung, mặt khác là bởi tôi sợ có quả bom nào đó rơi quá gần lúc tôi sắp bắn, làm tôi rung tay và gây hậu quả đáng tiếc cho mục tiêu của tôi.

Cuối cùng, chúng tôi vào vị trí trong hành lang, tôi cố ngấm, nhưng điều kiện không được lý tưởng cho lắm, những tiếng nổ và tiếng rít cứ nối tiếp vang lên quanh chúng tôi, và khi người phụ trách cuộc đấu súng, một trong mấy gã Ba Lan, tạm dừng một lúc yên ắng và ra hiệu thì tôi bắn trúng đầu thủ theo cách hơi nghiêm trọng một chút còn tôi không việc gì cả. Chúng tôi đặt anh ta nằm thoải mái trong căn hộ mà chúng tôi đã thuê, còn con bé Ezra Pound ngay lập tức ứng biến làm y tá và bà xoa trong khi chờ ai

khác giỏi hơn, vả lại kể ra thì anh ta cũng chỉ bị bắn trúng vai thôi. Sau đó là khoảnh khắc chiến thắng của tôi. Tôi chào các đối thủ, họ cũng chào lại bằng cách rập gót chân theo kiểu lính Thổ, tiếp đến, huy động hết vốn tiếng Ba Lan của mình, với giọng Vacsava đặc sệt nhất, to rõ nhất, tôi nói với họ những gì mình nghĩ về họ. Về ngu dốt lan ra trên gương mặt họ khi một tràng chữ thề bằng ngôn ngữ quê hương giàu đẹp của người Ba Lan bắt đầu trút xuống đầu họ, đó là một trong những khoảnh khắc đẹp nhất trong đời làm nhà yêu nước Ba Lan của tôi, nó bù đắp hậu hĩ cho nỗi tức giận vô bờ mà bọn họ đã gây ra cho tôi. Nhưng tôi vẫn chưa hết gập bất ngờ trong tối hôm đó. Nhân chứng của tôi, người đã biến mất khi chúng tôi bắn nhau trong một căn phòng không người, giờ đi theo tôi ở cầu thang, vẻ mặt rạng rỡ. Dường như ông ta đã quên hết sợ hãi và bom đạn. Với nụ cười toe toét trên gương mặt khiến tôi sợ nó lan ra cả tai, ông ta rút túi bốn tờ tiền mệnh giá năm bảng Anh rồi cố gi vào tay tôi. Khi tôi trịnh trọng đẩy món quà đó ra, ông ta chỉ tay về phía căn hộ nơi ba người Ba Lan kia còn ở lại, rồi nói bằng một thứ tiếng Pháp rất tồi:

– Bọn chúng đều bài Do Thái cả! Bản thân tôi là người Ba Lan, tôi biết chúng mà! Cầm lấy! Cầm lấy!

– Thưa ông, tôi nói bằng tiếng Ba Lan vì ông ta cứ cố bỏ tiền vào túi tôi, thưa ông, danh dự làm người Ba Lan của tôi, moj honorpolski, không cho phép tôi nhận số tiền này. Ba Lan muôn năm, đó vốn là đồng minh lâu đời của đất nước tôi.

Tôi thấy miệng ông ta há hốc, đôi mắt ông ta biểu lộ một sự khó hiểu ghê gớm mà tôi mong được thấy trong mắt của con người biết bao, rồi để ông ta lại đó với những tờ bạc giấy, tôi lao xuống cầu

thang, vừa đi vừa huýt gió, bước bốn bậc một và biến vào bóng đêm.

Ngay sáng hôm sau, một chiếc xe cảnh sát đến bắt tôi ở Odiham, và sau một quãng thời gian khá khó chịu ở Scotland Yard, tôi được trả lại cho các nhà chức trách Pháp, tại Bộ Tham mưu của đô đốc Muselier, người chỉ huy chiến hạm d'Angassac đã thẩm vấn tôi một cách thân mật. Chúng tôi đã thỏa thuận với nhau là viên trung úy Ba Lan kia sẽ giả vờ say rượu và đồng đội sẽ dìu anh ta ra khỏi khách sạn, nhưng con bé Ezra Pound không thể cưỡng lại ý muốn gọi xe cứu thương, nên tôi mới rơi vào tình thế khó khăn. May mà thời ấy, nhân viên bay được huấn luyện bài bản rất hiếm ở nước Pháp vùng Tự do, nên người ta cần tôi, may hơn nữa là sư đoàn của tôi sắp đi sang vùng trời khác, nhưng tôi nghĩ khi đó mẹ tôi có lẽ cũng đã xoay sở phần nào ở hậu trường nên tôi mới chỉ bị khiển trách sau vụ này, mà khiển trách thì có làm gãy chân ai bao giờ đâu, và thế là vài ngày sau, tôi lên đường sang châu Phi trong tâm trạng vô cùng vui vẻ.

CHƯƠNG XXXVIII

TRÊN CON TÀU ARUNDEL CASTLET, có khoảng một trăm thanh nữ người Anh con nhà dòng dõi, họ tình nguyện gia nhập đội nữ dẫn đường, và mười lăm ngày đi đường trong bóng tối khắc nghiệt đã mang lại cho chúng tôi một ấn tượng lớn lao. Giờ tôi vẫn còn tự hỏi vì sao tàu lại không bốc cháy.

Một buổi tối, tôi lên boong và khi đang chống tay lên thành tàu ngắm lẫn tàu phát lân quang thì tôi nghe ai đó rón rén lại gần và nắm lấy tay mình. Đôi mắt đã quen với bóng tối của tôi vừa kịp nhận ra hình dáng của anh thượng sĩ nhất phụ trách kỷ luật thì anh ta đã đưa tay tôi lên hôn tới tấp. Có vẻ như anh ta có hẹn ở chỗ tôi đứng với một cô gái dẫn đường xinh đẹp nào đó, nhưng ra khỏi phòng khách sáng đèn rồi bất ngờ vào trong bóng tối khiến anh ta trở thành nạn nhân của một sự nhầm lẫn hoàn toàn có thể tha thứ. Tôi độ lượng để anh ta hôn thêm một chốc nữa - thật lạ khi nhìn một thượng sĩ nhất phụ trách kỷ luật hành động - nhưng lúc anh ta hôn tới nách tôi thì tôi cảm thấy dù sao cũng đã đến lúc cho anh ta biết, và tôi nói với anh ta bằng chất giọng trầm hay nhất:

– Tôi hoàn toàn không phải là người anh nghĩ đâu.

Anh ta gào lên một tiếng như con thú bị thương và bắt đầu khạc nhổ, hành động này tôi thấy không được duyên dáng cho lắm. Suốt nhiều ngày tiếp theo, mỗi lần bắt gặp tôi trên boong là anh ta lại đỏ mặt tía tai, trong khi tôi dành cho anh ta những nụ cười tử tế nhất. Cuộc sống thời ấy rất trẻ trung, và dù bây giờ phần lớn chúng tôi đã

chết cả rồi - Roque ngã xuống ở Ai Cập, La Maisonneuve mất tích ngoài biển, Castelain chết ở Nga, Crouzet hy sinh ở Gabon, Goumenc ở Crète, Canepa ngã xuống ở Algérie, Maltcharski chết ở Libye, Delaroche ngã xuống ở El Facher cùng Flury Hérard và Coguen, Saint Péreuse vẫn còn sống nhưng thiếu mất một chân, Sandré ngã xuống ở châu Phi, Grasset ngã xuống ở Tobrouk, Perbost hy sinh ở Libye, Clariond mất tích trên sa mạc - dù bây giờ đã chết gần hết, chúng tôi vẫn vui vẻ và thường thấy lại mình thật sống động trong ánh mắt các bạn trẻ xung quanh. Cuộc sống vốn trẻ trung. Khi già đi, cuộc sống trở thành độ dài, trở thành kết thúc, trở thành lời chào vĩnh biệt. Cuộc sống đã lấy hết mọi thứ của các bạn, không còn gì để cho các bạn nữa. Tôi thường đến những nơi có nhiều bạn trẻ lại vãng cổ tìm lại những gì mình đã mất. Thỉnh thoảng, tôi nhận ra gương mặt của một đồng đội hy sinh lúc hai mươi tuổi. Thông thường, những cử chỉ, nụ cười, ánh mắt đều giống nhau. Có cái gì đó luôn luôn tồn tại. Thế là có khi tôi gần như - gần như - tin rằng trong tôi vẫn còn cái gì đó là tôi cách đây hai mươi năm, rằng tôi chưa hoàn toàn biến mất. Thế là tôi đứng thẳng người hơn một chút, cầm lấy kiếm tập và mạnh mẽ bước vào vườn, tôi nhìn lên trời rồi đấu kiếm. Cũng thỉnh thoảng, tôi lên đồi tung hứng với ba, bốn quả bóng, để chứng tỏ với họ là tôi chưa mất tay, và họ còn phải đếm cùng tôi. Với họ? Họ ư? Tôi biết không ai nhìn tôi cả, nhưng tôi cần phải tự chứng tỏ là mình còn có thể ngây thơ. Sự thực là tôi từng thua, nhưng tôi chỉ thua thôi và người ta đã không bày dạy cho tôi gì cả. Khôn ngoan cũng không và cam chịu cũng không. Tôi phơi mình dưới ánh nắng trên bờ cát Big Sur và cảm thấy trong người sự trẻ trung cùng lòng dũng cảm của tất cả những ai sẽ đến sau tôi, tôi tự tin chờ họ, mắt vẫn dõi theo những

con hải cẩu và hàng trăm con cá voi mùa này đang bơi qua, vừa bơi vừa phun nước, rồi tôi lắng nghe đại dương; tôi nhắm mắt lại, mỉm cười và biết rằng tất cả chúng tôi đang ở đây, sẵn sàng làm lại từ đầu.

Mẹ tôi đến, cùng tôi đi lên boong tàu gần như vào mỗi buổi tối, hai mẹ con tôi chống khuỷu tay lên thành tàu, ngắm nhìn lần tàu trắng xóa, nơi từ đó cả màn đêm lẫn sao trời cùng nhô lên. Đêm có một cách lộ ra từ lần tàu phát lân quang để lên trời và nổ tung thành những nhánh sao, những nhánh sao đó khiến chúng tôi có thể cúi nhìn sóng biển cho đến khi xuất hiện những tia sáng đầu tiên của bình minh; gần đến châu Phi, bình minh bỗng chốc cuốn đại dương đi mất, và đột nhiên, bầu trời sáng rực, trong khi tim tôi vẫn đập theo nhịp của đêm và mắt tôi vẫn tin vào bóng tối. Nhưng tôi là một ông già thích sống dưới sao trời, và với đêm, tôi có thể tâm sự một cách dễ dàng nhất. Mẹ tôi vẫn hút thuốc nhiều như thế, và nhiều lần, khi hai mẹ con tôi chống khuỷu tay lên bờ đêm, tôi suýt nhắc mẹ là có lệnh tắt đèn và không được hút thuốc trên boong vì sợ tàu ngầm. Rồi tôi nhếch mép mỉm cười về sự ngây thơ của mình, bởi lẽ ra tôi phải biết là chừng nào mẹ ở bên cạnh tôi như thế thì có tàu ngầm hay không cũng chẳng chuyện gì xảy đến với chúng tôi được.

– Con không viết gì từ nhiều tháng nay, mẹ nói với tôi, về trách móc.

– Đang chiến tranh, phải không nào?

– Đó không phải lý do. Phải viết chứ.

Mẹ thở dài.

– Mẹ từng luôn mơ ước trở thành một nghệ sĩ lớn.

Tim tôi thất lại.

– Mẹ đừng lo, mẹ ạ, tôi nói với mẹ. Mẹ sẽ là một nghệ sĩ lớn, mẹ sẽ nổi tiếng. Con sẽ thu xếp.

Mẹ im lặng một lúc. Tôi gần như thấy hình dáng của mẹ, bóng mái tóc bạc trắng của mẹ, và đốm lửa cháy đỏ trên điều Gauchoise của mẹ. Tôi tạo ra bóng hình mẹ xung quanh mình với tất cả tình yêu và lòng chung thủy mà tôi có.

– Con biết không, mẹ phải thú nhận một điều. Mẹ đã không nói thật với con.

– Nói thật gì ạ?

– Mẹ đã không thực sự là một nghệ sĩ lớn, một nghệ sĩ bi kịch. Không hoàn toàn đúng. Mẹ đã đóng kịch, đúng thế. Nhưng chưa bao giờ mẹ đi xa hơn.

– Con biết, tôi nhẹ nhàng nói với mẹ. Mẹ sẽ là một nghệ sĩ lớn, con hứa với mẹ như vậy. Các tác phẩm của mẹ sẽ được dịch sang mọi thứ tiếng trên thế giới.

– Nhưng con có chịu viết đâu, mẹ buồn rầu bảo tôi. Nếu con không làm gì thì làm sao điều đó có thể trở thành sự thật được?

Tôi bắt tay vào viết. Trên boong một con tàu vào thời chiến, hay trong một ca bin chật hẹp ở chung với hai đồng đội khác, thật khó mà viết được một tác phẩm dài hơi, thế là tôi quyết định viết bốn hay năm truyện ngắn gì đó, mỗi truyện sẽ tán dương lòng dũng cảm của con người trong cuộc đấu tranh chống lại bất công và áp bức. Khi các truyện ngắn viết xong, tôi sẽ gộp chúng vào một câu chuyện lớn, giống kiểu tranh tường miêu tả cuộc kháng chiến và tinh thần bất khuất của chúng tôi, bằng cách để cho một trong các nhân vật trong tiểu thuyết kể lại những câu chuyện này, theo

phương pháp kể chuyện phiêu lưu lâu đời của người Tây Ban Nha. Thế nên, giả dụ như tôi chết trước khi hoàn thành toàn bộ cuốn sách, thì ít nhất tôi cũng sẽ để lại vài truyện ngắn, tất cả đều bám vào chủ đề cuộc sống của chính tôi, và mẹ tôi sẽ thấy là, giống như bà, tôi đã nỗ lực hết mình. Chính bằng cách ấy mà truyện ngắn đầu tiên trong tiểu thuyết *Giáo dục châu Âu* của tôi đã được viết trên một con tàu, con tàu chở chúng tôi đi chiến đấu ở vùng trời châu Phi. Tôi đọc ngay truyện ngắn đó cho mẹ nghe, trên boong tàu, khi bình minh thì thắm những tiếng đầu tiên. Mẹ có vẻ hài lòng.

– Tolstoi! mẹ nói với tôi, thật đơn giản. Gorki!

Và rồi, vì lịch sự với đất nước tôi, mẹ nói thêm:

– Prosper Mérimée!

Trong những đêm này, mẹ nói chuyện về cõi mở và tự tin hơn những đêm trước đó. Có thể là bởi mẹ cho rằng tôi không còn trẻ con nữa. Có thể đơn giản là bởi biển và trời giúp con người ta dễ trút bầu tâm sự hơn, và có vẻ không có gì để lại dấu vết xung quanh chúng tôi, ngoài làn tàu trắng xóa mà bản thân nó cũng phù du trong tịch lặng. Cũng có thể là bởi tôi lên đường chiến đấu vì mẹ nên mẹ muốn mang lại sức mạnh mới cho cánh tay này, cánh tay mà thậm chí bà còn chưa kịp dựa vào. Cúi xuống nhìn sóng biển, hai tay tôi vốc đầy quá khứ: những mẫu câu đã từng trao nhau, những lời nói đã nghìn lần được nghe, những thái độ và cử chỉ còn đọng lại trong mắt, những chủ đề cơ bản xuyên suốt cuộc đời mẹ như những sợi ánh sáng mà chính tay bà đã dệt lên và không bao giờ ngừng bầu vịu vào.

– Nước Pháp là cái gì đó đẹp nhất trần gian, mẹ nói với nụ cười ngây thơ quen thuộc. Chính vì thế mà mẹ muốn con trở thành một

người Pháp.

– Bây giờ thì xong rồi, phải không mẹ?

Mẹ im lặng. Rồi khe khẽ thở dài.

– Con phải chiến đấu nhiều vào, mẹ nói.

– Con đã bị thương ở chân, tôi nhắc lại. Đây ạ, mẹ có thể sờ vào.

Tôi giờ cái chân có mảnh chì trong đùi ra. Tôi luôn không cho người ta lấy mảnh chì này khỏi chân. Mẹ tôi rất thích nó.

– Dù sao thì con cũng phải cẩn thận, mẹ yêu cầu tôi.

– Con sẽ cẩn thận.

Thông thường, trong những lần ra trận trước khi đổ bộ, giữa lúc những mảnh vỡ và sức ép của chất nổ tạo nên một tràng âm thanh dồn dập ngoài vỏ máy bay, tôi nhớ đến câu nói của mẹ “phải cẩn thận”, thế là tôi không thể không mỉm cười trong chốc lát.

– Con đã làm gì với cái cử nhân luật của mình rồi?

– Mẹ muốn nói là tấm bằng ấy à?

– Đúng thế, con không làm mất chứ?

– Không, nó ở đâu đó trong va li của con.

Tôi biết rõ khi ấy mẹ nghĩ gì trong đầu. Biển đang say nồng xung quanh chúng tôi và con tàu đang đi theo những tiếng thở dài của biển. Người ta nghe thấy tiếng nổ đùng đục của động cơ. Thú thật là lúc ấy, tôi hơi sợ mẹ sẽ bước vào thế giới ngoại giao, theo bà, tấm bằng cử nhân luật danh giá một ngày nào đó sẽ mở cửa cho tôi đi vào thế giới này. Tính đến giờ đã mười năm, tháng nào mẹ tôi cũng cẩn thận đánh bóng bộ dụng cụ nhà bếp hoàng gia cổ, phòng khi tôi cần để “tiếp khách”. Thời ấy tôi không biết nhiều về các

ngài đại sứ, về các bà đại sứ lại càng không, thế nên tôi tưởng tượng các bà đại sứ giống như hóa thân của sự tế nhị, của phép lịch sự, của sự kín đáo và chừng chặc. Nhờ mười lăm năm kinh nghiệm, giờ tôi đã quay lại với một quan niệm nhân văn hơn về mọi chuyện. Nhưng thời đó, tôi suy nghĩ về nghề ngoại giao có chút phóng đại. Do vậy không phải tôi không e sợ, tôi tự hỏi liệu có phải mẹ cũng sẽ ít nhiều gây phiền hà cho công việc của tôi hay không. Lạy Chúa, chưa bao giờ tôi cao giọng nói cho mẹ nghe những nghi ngờ của mình, nhưng mẹ đã học được cách đọc thái độ im lặng của tôi.

- Đừng lo, mẹ trấn an tôi. Mẹ biết tiếp khách mà.
- Mẹ nghe này, không phải thế đâu...
- Nếu con xấu hổ về mẹ thì con chỉ việc nói ra.
- Mẹ, con xin mẹ...
- Nhưng cần phải có nhiều tiền. Cha của Ilona phải cho nó một món hồi môn thật xứng... Con đâu phải người thường. Mẹ sẽ đi gặp ông ta. Mẹ sẽ nói chuyện với ông ta. Mẹ biết con yêu Ilona, nhưng cần phải tỉnh táo. Mẹ sẽ nói với ông ta: “Đây là những gì chúng tôi có, đây là những gì chúng tôi cho. Còn ông, ông cho chúng tôi những gì?”

Tôi lấy tay ôm đầu. Tôi mỉm cười, nhưng nước mắt giàn giụa trên má.

- Đúng thế mẹ ạ, đúng thế. Sẽ như thế nhé. Sẽ như thế nhé. Con sẽ làm những gì mẹ muốn. Con sẽ là ngài Đại sứ. Con sẽ là nhà thơ lớn. Con sẽ là Guynemer. Nhưng mẹ hãy cho con thêm thời gian. Mẹ hãy tự bảo trọng nhé. Đi khám thường xuyên mẹ nhé.
- Mẹ là một con ngựa già. Mẹ đã đi được đến đây rồi thì mẹ sẽ còn đi xa hơn.

– Con đã thu xếp để người ta gửi insulin cho mẹ qua Thụy Sĩ. Loại insulin tốt nhất đấy. Một cô gái trên tàu đã hứa với con là sẽ lo việc này.

Mary Boyd đã hứa với tôi là sẽ lo việc ấy và mặc dù kể từ đó, tôi không bao giờ gặp lại cô nữa nhưng trong nhiều năm trời, cho đến một năm sau chiến tranh, insulin vẫn tiếp tục băng qua Thụy Sĩ và đến Khách sạn Nhà nghỉ Mermonts. Từ đó, tôi đã không thể gặp lại Mary Boyd để cảm ơn cô. Hy vọng cô còn sống. Hy vọng cô đọc được những dòng chữ này.

Tôi lau mặt rồi thở dài thườn thượt. Không có gì trống vắng hơn boong tàu bên cạnh tôi. Bình minh đã ở đó, với những con cá bay. Và đột nhiên, tôi nghe thấy rõ ràng đến khó tin sự im lặng cất tiếng bên tai mình:

– Nhanh lên. Nhanh lên.

Tôi ở lại trên boong thêm một lát, cố gắng trấn tĩnh, hoặc có thể đang tìm đối thủ. Nhưng đối thủ không lộ diện. Chỉ có quân Đức. Tôi cảm thấy sự trống rỗng trong nắm đấm của mình, và trên đầu tôi, tất cả những gì gọi là bất tận, vĩnh cửu, không thể chạm tới đang bao quanh vũ đài hàng tỉ nụ cười, hàng tỉ nụ cười thờ ơ với cuộc chiến đấu lâu đời nhất của chúng tôi.

CHƯƠNG XXXVIII

TÔI NHẬN ĐƯỢC NHỮNG LÁ THƯ ĐẦU TIÊN của mẹ ít lâu sau khi sang đến Anh. Mẹ bí mật gửi chúng qua Thụy Sĩ, từ Thụy Sĩ một người bạn của mẹ đều đặn gửi lại cho tôi. Không có lá thư nào được đề ngày tháng. Cho đến ngày tôi trở lại Nice, ba năm sáu tháng sau, cho đến hôm trước ngày tôi trở về nhà, những lá thư không đề ngày tháng, những lá thư phi thời gian ấy có lẽ đã trung thành theo tôi khắp nơi mọi chốn. Cứ như vậy, suốt thời gian ba năm rưỡi, tôi được nâng đỡ nhờ một hơi thở và một ý chí mạnh mẽ hơn cả hơi thở của tôi, và sợi dây rốn này truyền sang máu tôi sự gan dạ của một trái tim được tôi luyện hơn cả trái tim đang duy trì sự sống của tôi. Trong những lá thư đó, có một âm điệu trữ tình cứ càng lúc càng mạnh thêm, và hình như mẹ đã yên tâm là tôi đang thể hiện khả năng bất khả chiến bại của con người với một sự khéo léo kỳ diệu, tôi còn giỏi hơn cả Rastelli, nghệ sĩ tung hứng, còn tuyệt hơn cả Tilden, vận động viên quần vợt và dũng cảm hơn cả Guynemer. Thực ra, những kỳ tích của tôi chưa được cụ thể hóa, nhưng tôi cố gắng hết mình để luôn giữ được phong độ. Ngày nào tôi cũng dành ra nửa tiếng tập thể hình, nửa tiếng chạy bộ và mười lăm phút cử tạ. Tôi tiếp tục tung hứng với sáu quả bóng và không phải không mong mỗi bắt được quả thứ bảy. Tôi cũng tiếp tục viết tiểu thuyết *Giáo dục châu Âu* và đã hoàn thành bốn truyện ngắn hẳn sẽ được gộp vào toàn bộ câu chuyện. Tôi tin chắc rằng, trong văn chương cũng như trong cuộc sống, chúng ta có thể uốn thế giới theo cảm hứng và tái tạo nó theo thiên hướng đích thực của mình,

đó là thiên hướng của một tác phẩm có bố cục chặt chẽ và có tư duy sâu sắc. Tôi tin vào cái đẹp, do đó cũng tin vào công lý. Tài năng của mẹ mang lại cho tôi khát khao được dâng tặng bà một kiệt tác của nghệ thuật và của cuộc sống, kiệt tác mà bà từng mong ước cho tôi biết bao, mà bà từng tin tưởng và dày công vun đắp biết bao. Tôi không thể chấp nhận được việc mẹ tôi bị từ chối thành quả công bằng này bởi dường như với tôi, không có chuyện cuộc sống lại bỏ lỡ điểm nhấn nghệ thuật ấy. Sự ngây thơ và trí tưởng tượng của mẹ, niềm tin của mẹ vào điều kỳ diệu, niềm tin đã cho mẹ nhận thấy ở một đứa bé lạc giữa một tỉnh miền Đông Ba Lan hình ảnh tương lai của một nhà văn Pháp lỗi lạc và một vị Đại sứ Pháp, tất cả những điều đó vẫn tiếp tục sống trong tôi với toàn bộ sức mạnh của những câu chuyện đẹp từng được kể một cách hấp dẫn. Đến giờ tôi hãy còn coi cuộc sống là một thể loại văn học.

Trong những bức thư của mình, mẹ miêu tả các kỳ tích của tôi, thú thật là khi đọc tôi cũng cảm thấy phần nào thích thú. “Đứa con đầy tự hào và thân yêu của mẹ, mẹ tôi viết. Mọi người và mẹ đã đọc, với sự thán phục và lòng biết ơn sâu sắc, những câu chuyện về các chiến công anh hùng của con trên báo chí. Trên bầu trời Cologne, Bremen, Hambourg, đôi cánh đang rộng của con đã gieo sự khiếp sợ vào lòng kẻ thù. Tôi biết rõ mẹ và tôi rất hiểu những gì bà muốn nói. Đối với mẹ, mỗi lần máy bay của Không lực Hoàng gia Anh đánh bom trúng mục tiêu là mỗi lần tôi đang ở trên máy bay. Mẹ nhận ra giọng nói của tôi trong từng quả bom. Tôi có mặt trên mọi mặt trận và làm cho kẻ thù phải run sợ. Tôi vừa ở đội tiêm kích vừa ở đội đánh bom, và mỗi lần một máy bay Đức bị không quân Anh bắn hạ, mẹ lại cho rằng đó dĩ nhiên là chiến công của tôi. Những lối đi trong chợ Buffa hẳn luôn vang lên những lời bàn tán

về các kỳ tích của tôi. Tóm lại là mẹ rất hiểu tôi. Mẹ biết rõ tôi là người đã từng đoạt giải vô địch bóng bàn Nice vào năm 1932.

“Con trai đáng yêu của mẹ, cả thành phố Nice tự hào về con. Mẹ đã đến gặp các thầy cô giáo trung học của con và báo cho họ biết. Đài phát thanh London đưa tin về hỏa lực và những đám lửa mà con ném xuống nước Đức, nhưng họ không nêu tên con là hợp lý. Vì như thế mẹ có thể sẽ bị phiền nhiễu? Trong tâm trí của bà già ở Khách sạn Nhà nghỉ Mermonts, tên tôi có trong từng thông cáo chiến trường, trong từng tiếng hét tức giận của Hitler. Ngồi trong căn phòng chật hẹp của mình, mẹ nghe đài B.B.C đài phát thanh này chỉ nói với mẹ về tôi, và tôi gần như trông thấy nụ cười ngây ngất của bà. Mẹ không hề ngạc nhiên. Đó hoàn toàn là những gì bà trông chờ ở tôi. Bà luôn biết thế. Bà đã từng bày tỏ điều này. Bà luôn biết tôi là ai.

Chỉ chán một điều là trong suốt thời gian đó, tôi không có dịp giáp mặt kẻ thù. Ngay những chuyến bay đầu tiên của tôi tại châu Phi, người ta đã cho tôi thấy rõ là họ không để tôi giữ lời hứa của mình, thế là đất trời xung quanh tôi lại trở thành cái sân quần vợt ở Công viên Hoàng Gia, nơi một chàng hề trẻ tuổi cuống cuống vừa nhảy theo điệu gigue kỳ cục vừa chạy theo những quả bóng không thể chạm vợt tới, dưới cái nhìn hoan hỉ của khán giả.

Tại Kano, Nigeria, máy bay của chúng tôi mắc bão cát, đụng vào một cái cây và bị hạ đo ván, đâm xuống đất tạo thành một cái hố sâu chừng một mét; chúng tôi ngây dại chui ra nhưng người không việc gì trước cơn phẫn nộ vô bờ của nhân viên Không lực Hoàng gia Anh, bởi phụ tùng máy bay thời ấy rất quý hiếm, quý hơn cả mạng sống của những tay người Pháp vụng về.

Ngày hôm sau, lên một chiếc máy bay khác cùng một phi công khác, tôi bị lộn nhào lần nữa vì chiếc Blenheim của chúng tôi đang chuẩn bị cất cánh bỗng lộn nhào và bốc cháy, trong khi chúng tôi nhảy ra, người gần như sém lửa.

Thời bấy giờ, phi hành đoàn thì nhiều còn máy bay thì ít. Chờ dài cổ ở Maïdaguri trong tình trạng hoàn toàn nhàn rỗi, chỉ bị cắt ngang bởi những lần cưỡi ngựa phi nước đại rất lâu băng qua truông trắng vắng người, tôi xin và được bay hộ tống vài chuyến trên con đường hàng không rộng lớn mang tên Côte d'Or - Nigeria - Tchad -Soudan - Ai Cập. Máy bay tập trung ở Takoradi, nơi người ta tiến hành lắp ráp, rồi sau đó bay qua khắp châu Phi để đến Libye chiến đấu.

Tôi chỉ có cơ hội bay hộ tống một lần duy nhất, hơn nữa chiếc Blenheim của tôi không bao giờ tới được Cairo. Nó bị rơi bẹp gí trong một trảng bụi ở phía bắc Lagos. Tôi ở trên máy bay với tư cách hành khách để làm quen với đường bay. Anh phi công người New Zealand và người hoa tiêu chết ngay tại chỗ. Tôi chẳng hề xây xước gì nhưng lại thấy không ổn chút nào. Có cái gì đó thật kinh khủng khi nhìn một cái đầu bẹp gí, một khuôn mặt lõm sâu và bị chọc thủng lỗ chỗ cùng cảnh ruồi nhặng đột nhiên bâu kín quanh mình giữa chốn rừng rậm. Bạn như thấy con người to lớn một cách kỳ dị khi phải lấy tay đào cho ai đó một nơi yên nghỉ. Ruồi muỗi mau chóng bâu đầy đến và trên mình chúng, màu lơ, màu ve cùng màu đỏ lấp lánh dưới ánh mặt trời, cảnh ấy cũng mang vẻ gì đấy khá kinh hãi.

Sau vài giờ quen dần với tiếng vù vù của ruồi nhặng, thần kinh tôi bắt đầu bớt căng thẳng. Khi những chiếc máy bay đi tìm chúng tôi bay vòng vòng quanh tôi, tôi hoa chân múa tay để đuổi chúng

đi, nhằm tưởng tiếng vù vù của chúng là tiếng những con côn trùng đang cố đậu lên môi và trán mình.

Tôi thấy mẹ. Mẹ nghiêng đầu, mắt hé mở. Mẹ lấy tay ôm ngực. Tôi đã từng thấy hình ảnh này cách đó nhiều năm rồi, lúc mà mẹ trở chứng hôn mê do thiếu insulin lần đầu tiên. Mặt mẹ xám ngắt. Có lẽ mẹ đã phải cố gắng phi thường, nhưng bà không đủ sức để cứu hết tất cả những đứa con trai trên thế giới. Bà chỉ có thể cứu được con trai mình.

– Mẹ ơi, tôi ngược mắt lên nói với mẹ. Mẹ ơi.

Mẹ nhìn tôi:

– Con đã hứa với mẹ là sẽ cẩn thận mà, mẹ nói.

– Có phải con lái đầu.

Dù sao, tinh thần chiến đấu của tôi vẫn bỗng chốc bộc phát. Trong số thực phẩm trên máy bay, có một túi cam xanh châu Phi. Tôi vào khoang người ngồi lấy ra. Giờ tôi vẫn còn thấy mình đứng bên chiếc máy bay bị hỏng, tung hứng với năm quả cam, bắt chấp nước mắt tuôn rơi thỉnh thoảng làm mờ tầm nhìn. Mỗi khi nổi kinh hoảng dâng lên nghẹn họng, tôi lại lấy cam ra tung hứng. Đó không chỉ đơn thuần là việc làm chủ tình hình. Đó còn là vấn đề phong cách và một sự thách thức. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm để tôn xưng phẩm cách của mình, là sự vượt trội của con người trước tất cả mọi việc xảy đến với anh ta.

Tôi ở đó suốt ba mươi tám tiếng đồng hồ. Người ta tìm thấy tôi trong khoang người ngồi, nóc máy bay đóng kín, trong cái nóng như thiếu như đốt, bất tỉnh, gần như bị sấy khô, nhưng không con ruồi nào đậu lên người.

Mọi việc cứ như thế trong suốt thời gian tôi ở châu Phi. Mỗi lần tôi bay lên, bầu trời lại hắt tôi xuống với tiếng động kinh hãi, và khi rơi xuống trong náo động, dường như tôi có nghe thấy một tiếng cười ngớ ngẩn nhạo báng. Tôi bị hạ đo ván một cách đều đặn đáng kinh ngạc: ngồi bên bộ khung máy bay lộn ngược, trong túi áo có bức thư mới nhất của mẹ, ở đó bà nói về những kỳ tích của tôi với niềm tin tuyệt đối, tôi cúi gằm mặt, thở dài, rồi đứng dậy và cố hết sức mình thêm một lần nữa.

Tôi không nghĩ là trong năm năm chiến tranh với một nửa thời gian có mặt ở phi đội, chỉ bị ngắt quãng bởi những lần nằm viện, tôi lại hoàn thành hơn bốn hay năm chuyến đi chiến đấu gì đó mà giờ tôi có thể nhớ lại với cảm giác mơ hồ rằng mình đã là một đứa con biết nghe lời. Tháng ngày trôi qua trong sự đơn điệu của những chuyến bay quen mòn hoặc giống với giao thông công cộng hơn là một huyền thoại huy hoàng. Cùng một số đồng đội khác, tôi bị phái tới Quân lực Viễn chinh Hoa Kỳ tại Bangui để bảo vệ bầu trời của một vùng đất vốn chỉ bị ruồi muỗi đe dọa, chúng tôi nhanh chóng trở nên phần nộ đến nỗi lái máy bay đi ném bom thạch cao xuống dinh Thống đốc, với hy vọng kín đáo làm cho các cấp chỉ huy cảm thấy sự nôn nóng của chúng tôi. Vậy mà thậm chí chúng tôi còn không bị phạt. Thế là chúng tôi cố gắng trở thành những kẻ không ai muốn dung nạp bằng cách tổ chức diễu hành cho các công dân da màu trên những đường phố của thị trấn, họ vừa diễu hành vừa giương cao biểu ngữ: “Công dân Bangui nói: Phi công ra chiến trường!” Sự căng thẳng thần kinh của chúng tôi tìm cách được giải tỏa qua các trò chơi vốn chỉ đem lại những kết cục bi thương. Những trò nhào lộn điên rồ trên một chiếc máy bay cũ kỹ và việc tìm kiếm hiểm nguy quá đà đã cướp đi mạng sống của nhiều người

trong chúng tôi. Tôi đã cùng một đồng đội bay là là trên mặt đất rồi lao vào một đàn voi, ở Congo Bĩ, chiếc máy bay của chúng tôi va mạnh vào một con voi, giết chết nó ngay lập tức và viên phi công cũng bỏ mạng. Từ trong chiếc Luciole vỡ vụn chui ra, tôi bị một nhân viên lâm nghiệp lấy báng súng đánh gần chết, và những lời phần nộ của ông: “Các anh không có quyền đối xử với cuộc sống như thế” đã đọng lại rất lâu trong ký ức tôi. Tôi vinh dự được cầm súng mười lăm ngày, trong thời gian này tôi khai hoang khu vườn nhà, nơi sáng nào cỏ cũng mọc lại còn nhanh hơn cả râu trên má tôi, sau đó tôi trở lại Bangui và chờ dài cổ cho đến khi rút cuộc, Astier de Villatte cũng có cử chỉ thân thiện là trả lại tôi vị trí trong phi đội, lúc ấy phi đội chúng tôi đang chiến đấu ở mặt trận Abyssinie.

Ở đây tôi muốn nói rõ: tôi đã không làm gì cả. Không gì cả, nhất là khi nghĩ đến niềm tin cùng hy vọng của bà mẹ già đang mong ngóng tôi. Tôi đã giẫy giụa. Tôi đã không thực sự chiến đấu.

Một vài khoảnh khắc mà tôi nghĩ mình từng trải qua đã hoàn toàn thoát khỏi ký ức của tôi. Một đồng đội, tên là Perrier, người mà tôi không hề nghi ngờ chút nào, kể cho tôi nghe, rất lâu sau chiến tranh, rằng một lần về muộn, trong ngôi nhà gỗ nơi anh ở chung với tôi tại Fort- Lamy, anh đã trông thấy tôi ngồi trong màn và gí nòng súng lục vào thái dương, anh đã kịp thời nhảy bổ vào tôi để làm phát đạn đổi hướng. Hình như tôi đã giải thích cho anh sở dĩ tôi hành động như vậy là vì tôi cảm thấy tuyệt vọng khi phải bỏ lại Pháp người mẹ già ốm yếu và nghèo khổ để rồi chết thối một cách vô dụng ở một nơi cách xa chiến trường, mãi tận vùng Bắc Phi hẻo lánh. Tôi không nhớ tình tiết đáng xấu hổ này nữa, nó không giống với bản chất của tôi chút nào, bởi vì, trong những cơn tuyệt vọng

điên cuồng nhưng cũng chỉ thoáng qua nhất thời, tôi thường quay ra chống lại ngoại cảnh chứ không phải chống lại chính mình, và thú thật là còn lâu tôi mới tự cắt tai như Van Gogh, đúng ra là tôi mơ tưởng đến đôi tai của những người khác hơn, vào những khoảnh khắc êm ái của đời mình. Tuy nhiên tôi phải nói thêm rằng những tháng ngày trước tháng Chín năm 1941 đã ở lại trong tâm trí tôi một cách khá mơ hồ, căn bệnh thương hàn tai ác mà tôi mắc hồi ấy đã khiến người ta phải làm lễ xức dầu lần cuối cho tôi, xóa nhòa một số tình tiết khỏi ký ức của tôi và khiến các bác sĩ tuyên bố rằng dù có sống sót thì tôi cũng sẽ mãi mãi mất trí.

Thế là tôi trở lại phi đội của mình ở Soudan, nhưng khi đó chiến dịch Éthiopie đang sắp sửa kết thúc; đi từ sân bay Gordon's Tree tại Khartoum, người ta không gặp máy bay tiêm kích của Ý nữa, và vài đám khói cuộn cuộn bốc lên từ các ụ pháo phòng không mà người ta thoáng thấy ở chân trời nom tựa như những hơi thở cuối cùng của kẻ bại trận. Người ta trở về cùng bóng chiều tà để lang thang trong hai hộp đêm nơi người Anh “giam giữ” hai nhóm vũ nữ người Hungary bị bắt ở Ai Cập do nước họ tham chiến chống lại quân Đồng minh, và vào buổi bình minh, người ta lại đi dạo mà không sợ bóng dáng kẻ thù. Tôi đã không đóng góp được gì. Các bạn có thể tưởng tượng tôi bất mãn và xấu hổ như thế nào khi đọc những lá thư trong đó mẹ hát cho tôi nghe niềm tin và sự thán phục của bà. Không những không đạt được những điều mẹ trông đợi, tôi còn hạ thấp mình cặp kè cùng những cô gái khốn khổ với những gương mặt xinh xắn gầy đi trông thấy dưới cái nắng gay gắt của đất nước Soudan vào tháng Năm. Tôi luôn cảm thấy mình bất lực kinh khủng và cố gắng hết sức để thay đổi, để tự chứng tỏ mình chưa hoàn toàn đánh mất nam tính.

CHƯƠNG XXXIX

HOÀ VÀO SỰ CHÁN NẢN CỦA TÔI là con ám ảnh và vết cấn của một khoảnh khắc hạnh phúc mà tôi vừa trải qua. Nếu như tôi chưa nói đến điều ấy thì đó là bởi vì tôi thiếu tài năng. Mỗi lần ngẩng đầu và cầm cuốn sổ lên, tôi lại thấy chất giọng yếu ớt và khả năng nghèo nàn của mình như một câu chửi thề nhắm vào tất cả những gì tôi cố nói, tất cả những gì tôi từng yêu. Có thể một ngày nào đó, một nhà văn lớn sẽ tìm thấy trong tất cả những gì tôi đã sống qua cảm hứng đúng tầm với mình và vì thế, việc tôi viết ra những dòng này không phải là một việc vô ích.

Tại Bangui, tôi ở trong một căn nhà gỗ nhỏ mát hút giữa những lùm chuối, dưới chân một quả đồi nơi mà đêm nào cũng thê, vàng trắng treo lơ lửng như một con chim cú phát sáng. Tôi tới, tôi đến ngồi bên thềm một hội quán ven sông, đối diện với đất nước Congo, ranh giới của đất nước này bắt đầu ở bên kia bờ; và tôi nghe đĩa nhạc duy nhất người ta mở tại đó: Remember our forgotten men*.

Một hôm tôi gặp nàng đang bước đi trên đường, hai bầu vú để trần, đầu đội một giỏ hoa quả.

Toàn bộ vẻ lộng lẫy của cơ thể người thiếu nữ đang ở độ thanh xuân mềm mại, toàn bộ vẻ đẹp của cuộc sống, của niềm hy vọng, của nụ cười, và một dáng đi như không bao giờ có chuyện gì có thể xảy đến. Louison mười sáu tuổi và mỗi lần nhìn bầu ngực của nàng trái tim tôi đập nhanh bất thường, đôi khi tôi lại có cảm giác đã

nắm bắt được tất cả, đã hoàn thành tất cả. Tôi đến gặp bố mẹ nàng và chúng tôi tổ chức đám cưới theo nghi lễ bộ lạc nàng; người làm chứng cho tôi là vị hoàng thân người Áo Stahremberg, những thăng trầm trong một cuộc sống đầy biến động đã biến anh thành trung úy phi công trong phi đội của tôi. Louison đến ở với tôi. Trong đời mình, tôi chưa bao giờ cảm thấy một niềm vui lớn hơn, niềm vui được lắng nghe và được nhìn ngắm. Nàng không biết dù chỉ một từ tiếng Pháp còn tôi thì không hiểu gì những điều nàng nói, có điều cuộc sống vẫn rất tươi đẹp, rất hạnh phúc và không tì vết. Đó là một giọng nói có khả năng làm cho bạn mãi mãi thờ ơ với tất cả các loại nhạc khác. Tôi không rời được mắt khỏi nàng. Những đường nét thanh tú, đôi cổ tay mong manh lạ thường, đôi mắt tươi vui, mái tóc dịu dàng - nhưng ở đây tôi còn có thể nói được gì nữa để không bóp méo kỷ niệm của mình cũng như sự hoàn hảo mà tôi biết rất rõ? Và rồi, tôi nhận ra nàng có ho đôi ba tiếng, tôi lo lắng, cứ nghĩ rằng bệnh lao phổi đã ở trong cơ thể xinh đẹp ấy, xinh đẹp đến nỗi khó mà được yên thân, thế là tôi đưa nàng đến khám tại nhà bác sĩ thiếu tá Vignes, chuyện ho hắng không vấn đề gì, nhưng Louison có một vết gì đấy khác thường ở tay làm ông bác sĩ để ý. Tối hôm đó, ông đến gặp tôi ở căn nhà gỗ. Ông có vẻ buồn bực. Ai cũng biết tôi đang sống hạnh phúc. Điều ấy rõ như ban ngày. Ông nói nàng bị bệnh hủi và tôi phải sống cách ly với nàng. Ông nói điều đó không được tự tin cho lắm. Tôi phủ nhận một lúc lâu. Tôi phủ nhận, đơn giản và thuần túy là phủ nhận. Tôi không thể tin vào một tội ác tày trời như vậy. Tôi trải qua một đêm kinh khủng cùng Louison, nhìn nàng ngủ trong tay mình, gương mặt nàng vẫn rạng rỡ tươi vui ngay cả trong giấc ngủ. Thậm chí giờ đây tôi còn không biết là tôi yêu nàng hay chỉ đơn giản là không thể rời mắt khỏi nàng. Tôi ôm

Louison trong tay lâu hết mức. Vignes không nói gì với tôi, không trách cứ gì tôi. Ông chỉ nhún vai khi tôi chửi thề, báng bổ, dọa dẫm. Louison bắt đầu được điều trị, nhưng tối nào nàng cũng quay về ngủ bên cạnh tôi. Tôi chưa bao giờ ôm vào lòng một cái gì mà thấy âu yếm hơn và đau khổ hơn thế. Tôi chỉ chấp nhận rời xa nàng sau khi người ta giải thích cho tôi kèm theo một bài báo làm chứng - mà tôi không tin - rằng ở Leopoldville, người ta vừa thử nghiệm một liệu pháp mới chống lại khuẩn Hansen và đã đạt được những kết quả chắc chắn trong việc ổn định và thậm chí là chữa khỏi căn bệnh. Tôi đưa Louison lên một chiếc “cánh bay” nổi tiếng do thượng sĩ Soubabère lái, chiếc máy bay này đi lại giữa Brazzaville và Bangui. Nàng rời xa tôi, còn tôi đứng lại trên sân bay, không còn gì để bầu víu, tay tôi siết lại thành nắm đấm, có cảm giác như không chỉ nước Pháp mà cả thế giới đều đang bị quân thù chiếm đóng.

Cứ nửa tháng, Hirlemann lại lái một chiếc Blenheim đi liên lạc quân sự với Brazza, chúng tôi đã thỏa thuận là trong chuyến tới tôi sẽ đi theo, cả người tôi như trống rỗng: tôi cảm thấy sự thiếu vắng Louison trong từng tế bào da mình. Hai tay tôi dường như vô dụng.

Trong lúc tôi đang chờ ở Bangui thì chiếc máy bay của Hirlemann bị mất một cánh quạt khi bay trên vùng trời Congo rồi rơi xuống một cánh rừng ngập nước. Hirlemann, Béquart, Crouzet tử nạn ngay tại chỗ. Anh thợ máy, Courtiaud, bị gãy một chân; chỉ có Grasset, chịu trách nhiệm vô tuyến, là bình an vô sự. Để người ta phát hiện ra mình, Grasset nẩy ra sáng kiến bắn súng máy nửa tiếng một lần. Mỗi lần như thế, dân làng thuộc một bộ tộc gần đó, những người đã thấy máy bay rơi xuống và chạy đến ứng cứu, lại hoảng sợ chạy mất dạng. Họ phải ở lại đó ba ngày và Courtiaud,

chết gí một chỗ vì vết thương quá nặng, suýt phát điên khi ngày đêm phải chống chọi với những con kiến lửa cứ tìm cách bâu vào vết thương của anh. Tôi đã đi với Hirlemann và Béquart nhiều lần; may thay, một cơn sốt rét trời cho đã giúp tôi quên đi tất cả mọi thứ trong vòng một tuần.

Thế là chuyến đi Brazzaville của tôi bị dời lại sang tháng sau đó, chờ Soubabère về. Nhưng Soubabère cũng mất tích trong một cánh rừng Congo cùng chiếc “cánh bay” kỳ lạ mà anh là người duy nhất biết lái cùng anh bạn người Mỹ Jim Mollison. Tôi nhận được lệnh gia nhập phi đội ở mặt trận Abyssinie. Lúc đó tôi không biết rằng những trận đánh với quân Ý có thể nói là đã kết thúc và tôi sẽ chẳng được ích lợi gì cả. Tôi theo lệnh. Không bao giờ tôi gặp lại Louison nữa. Tôi được đồng đội báo tin về nàng vài ba lần gì đấy. Nàng được chăm sóc rất tốt. Nàng còn có hy vọng. Nàng hỏi khi nào tôi quay trở lại. Nàng rất vui tươi. Và rồi im hơi lặng tiếng. Tôi viết thư, thỉnh cầu lên cấp trên, gửi một vài bức điện khá sỗ sàng. Không có tin gì cả. Các quan chức quân đội im lặng như băng. Tôi la hét, phản đối: giọng nói dễ thương nhất trần đời đang gọi tôi từ một trại hủi buồn bã nào đó ở châu Phi. Tôi được cử sang Libye. Tôi cũng được yêu cầu khám sức khỏe để xem có bị bệnh hủi hay không. Tôi không bị. Nhưng không ổn. Tôi chưa bao giờ hình dung được người ta lại có thể bị ám ảnh bởi một giọng nói, bởi một cái cổ, bởi đôi bờ vai và đôi bàn tay như thế. Tôi muốn nói nàng có đôi mắt khi nhìn vào ta thấy cuộc sống thật dễ chịu, dễ chịu đến nỗi từ đấy, tôi không còn biết đi đâu, về đâu nữa.

CHƯƠNG XI

NHỮNG LÁ THƯ CỦA MẸ TÔI ngày càng ngắn gọn hơn, đó là những lá thư viết vội bằng bút chì, mỗi lần tôi nhận được tới bốn, năm lá. Mẹ tôi vẫn khỏe. Bà không thiếu insulin. “Con trai vinh quang của mẹ, mẹ rất tự hào về con... Nước Pháp muôn năm!” Tôi thường ngồi trên tầng thượng quán “Royal”, từ đây người ta có thể thấy dòng sông Nil cùng những ảo ảnh khiến cả thành phố như bồng bềnh giữa hàng nghìn hồ nước sáng rực, tôi ngồi đó, tập thư trên tay, giữa những cô gái phục vụ người Hungary, những phi công người Canada, Nam Phi, Úc, họ chen chúc nhau trên sàn nhảy và xung quanh quầy bar, cố thuyết phục một cô gái xinh đẹp nào đó chiều lòng mình đêm ấy - tất cả bọn họ đều trả tiền, chỉ có người Pháp là không trả, điều này chứng tỏ ngay cả sau khi bại trận, nước Pháp vẫn giữ được nguyên vẹn uy tín của mình. Tôi đọc đi đọc lại những dòng chữ âu yếm và đầy tin tưởng, trong khi con bé Ariana, bạn tâm giao của một trong những thượng sĩ nhất gan dạ nhất của chúng tôi, thỉnh thoảng lại tới ngồi bên bàn tôi giữa hai điệu nhảy và tò mò nhìn tôi.

– Cô ấy yêu anh à? cô ta hỏi tôi.

Tôi gật đầu thừa nhận không lưỡng lự, không khiên nhường giả tạo.

– Thế còn anh?

Như thường lệ, tôi chơi trò ra vẻ ta đây.

–Ồ, em biết đấy, tôi trả lời, đối với anh, phụ nữ thì một mắt mười còn...

– Anh không sợ cô ấy lừa dối anh khi anh đi vắng à?

–Ồ không, em thấy đấy, tôi trả lời.

– Ngay cả khi tình trạng đó kéo dài nhiều năm trời?

– Ngay cả khi tình trạng đó kéo dài nhiều năm trời.

– Nhưng suy cho cùng, chắc anh không nghĩ là một người phụ nữ bình thường có thể ở một mình nhiều năm trời mà không có đàn ông, chỉ vì muốn làm đẹp lòng anh thôi đấy chứ?

– Anh nghĩ là như thế, tôi nói, em cứ hình dung đi. Anh đã tận mắt chứng kiến. Anh từng biết một phụ nữ ở một mình nhiều năm trời mà không có đàn ông, chỉ để làm đẹp lòng một người nào đó.

Thế là chúng tôi lên Libye để tham gia chiến dịch chống Rommel lần thứ hai, và ngay những ngày đầu tiên, sáu lính Pháp cũng chín lính Anh đã chết trong tai nạn thảm thương nhất chúng tôi từng biết. Sáng hôm đó, gió *khamzin* thổi mạnh, dưới sự chỉ huy của Saint-Péreuse, khi đang cất cánh ngược chiều gió thì các phi công cùng ba chiếc Blenheim của chúng tôi bỗng thấy nhô ra từ trong lốc cát ba chiếc Blenheim của người Anh bị nhằm hướng theo chiều gió lao về phía mình. Trên mấy chiếc máy bay có chở ba nghìn ký bom và hai đội bay đã đạt tốc độ cất cánh, cái thời điểm không thể điều khiển được trong điều kiện sân bay và bão cát đó. Chỉ có Saint-Péreuse cùng Bimont ở đài quan sát thoát khỏi vụ va chạm. Tất cả những người còn lại đều tan thành tro bụi. Người ta thấy bầy chó chạy lảng quăng hàng giờ với những mẫu thịt ngậm trong mõm.

May mà hôm đó tôi không có mặt trên máy bay. Vào lúc vụ nổ xảy ra, tôi đang được làm lễ xức dầu cuối cùng ở Bệnh viện Quân y Damas.

Tôi bị thương hàn và chảy máu dạ dày, các bác sĩ chăm sóc tôi, đại úy Guyon và thiếu tá Vignes, cho rằng tôi chỉ có một phần nghìn cơ hội tai qua nạn khỏi. Tôi đã được truyền máu năm lần nhưng các cơn xuất huyết vẫn tiếp tục, thế nên các đồng đội của tôi thay nhau cho tôi máu. Xơ Felicienne, một tu sĩ trẻ người Arménie, dòng thánh Saint-Joseph Tiểu Hiện, giờ đang sống trong một tu viện gần Bethléem, đã chăm sóc tôi hết sức sự tận tụy, đúng theo giáo lý Cơ đốc. Tôi bị mê sảng mười lăm ngày nhưng mất hơn sáu tuần mới hoàn toàn hồi phục lý trí: tôi đã giữ rất lâu một lá thư thỉnh cầu mà trước đó tôi từng gửi cho tướng de Gaulle thông qua cấp chỉ đạo trực tiếp, trong thư tôi phản đối một sai lầm hành chính, tôi nói, khiến tôi không được xếp vào danh sách những người còn sống, hậu quả của việc này là, tôi nhấn mạnh, các anh em trong đơn vị và các hạ sĩ quan không chào tôi nữa, như thể tôi không tồn tại. Phải nói rằng tôi vừa được thăng cấp thiếu úy, và, sau cuộc phiêu lưu của tôi tại Avord, tôi rất thiết tha với cái lon thiếu úy của mình và với những biểu hiện tôn trọng mà người ngoài phải dành cho tôi.

Cuối cùng, các bác sĩ cho rằng tôi chỉ sống được vài giờ nữa và các đồng đội thuộc căn cứ không quân Damas được giao nhiệm vụ làm đội danh dự trước thi thể tôi tại nhà thờ riêng của bệnh viện, trong khi anh y tá người Senegal đưa quan tài vào phòng ở của tôi. Tỉnh lại trong chốc lát, điều thường xảy ra sau một cơn xuất huyết vốn hay kéo theo tình trạng giảm sút bởi cơn xuất huyết ấy đã hút mất máu trong tôi, tôi nhận ra cái hòm dưới chân giường, vì cho rằng đó là một cái bẫy mồi nào đây, tôi bỏ trốn ngay lập tức; tôi lấy

sức đứng dậy và lê đôi chân gầy như hai que diêm vào vườn, nơi một thanh niên bị thương hàn đang lại sức ngồi sưởi nắng; khi thấy một bóng ma trần truồng loạng choạng đi về phía mình, đầu chỉ đội mỗi cái mũ cát kết sĩ quan, anh chàng khốn khổ hét toáng lên rồi ba chân bốn cẳng chạy về phía trạm gác: ngay tối hôm đó, bệnh anh ta tái phát. Trong cơn mê sảng của mình, tôi đã đội chiếc mũ cát kết thiếu úy với cái lon mới tinh vừa được nhận mà không chịu bỏ ra, điều này có lẽ chứng tỏ là cú sốc của tôi ba năm trước đó, khi bị làm nhục ở Avord, nghiêm trọng hơn tôi vẫn tưởng. Những tiếng rên hấp hối của tôi hoàn toàn giống với tiếng của một chiếc xìfông rỗng bị nghẹt. Còn anh bạn Bimont thân yêu, chạy từ Libye đến thăm tôi, sau này đã nói với tôi rằng anh thấy cách bám riết của tôi hơi gây sốc, thậm chí là sốc sảng. Tôi năn nỉ hơi nhiều. Tôi hoàn toàn thiếu lịch sự và thiện ý. Như người ta vẫn nói thì tôi làm đủ trò để đạt được điều mình muốn. Tôi khiến người ta chán ngấy, gần giống như một kẻ hà tiện khi nào cũng chỉ bầu vùi vào tiền. Và với nụ cười mỉm châm chọc rất hợp với mình, nụ cười mà anh vẫn luôn giữ dù năm tháng trôi đi, ở miền châu Phi xích đạo này, anh bảo tôi:

– Mà y có vẻ vẫn thiết tha với cuộc sống đây.

Người ta làm lễ xức dầu cuối cùng cho tôi đã được một tuần rồi, công nhận là lẽ ra tôi không nên gây nhiều khó khăn đến thế. Nhưng tôi là một người chơi tồi. Tôi từ chối nhận mình là kẻ thất bại. Tôi không thuộc về tôi nữa. Tôi phải giữ lời hứa của mình, phải về nhà trong vinh quang sau một trăm lần chiến thắng, phải viết Chiến tranh và hòa bình, phải trở thành đại sứ nước Pháp, tóm lại là phải làm cho tài năng của mẹ tôi bộc lộ. Trên tất cả, tôi không chấp nhận nhường bước trước cái gì đó bất thập toàn. Một nghệ sĩ đích thực không được để thua trước chất liệu của mình, anh ta phải

tìm cách áp đặt cảm hứng của mình cho nguyên liệu thô, cố mang lại cho khối nhão một hình dạng, một ý nghĩa, một nét biểu cảm. Tôi không chấp nhận để cuộc đời mẹ tôi kết thúc một cách ngớ ngẩn ở khoa lây bệnh viện Damas. Tất cả nhu cầu nghệ thuật của tôi, lòng yêu mến cái đẹp trong tôi, cũng có nghĩa là lòng yêu mến công lý, đã ngăn cấm tôi từ bỏ tác phẩm có thực của mình trước khi thấy nó thành khuôn thành hình, trước khi soi rọi thế giới xung quanh, dù chỉ trong phút chốc, bằng ý nghĩa thân tình và xúc động nào đó. Tôi sẽ không ký vào văn tự mà các vị thần đưa cho tôi, một văn tự vô nghĩa, phi tồn tại và phi lý. Tôi không thể không đạt đến mức độ tài năng ấy.

Mặc dù thế, cảm dỗ từ bỏ tất cả vẫn thật kinh khủng. Người tôi đầy những vết thương mung mủ, những cái kim truyền từng giọt từng giọt huyết thanh được chọc vào tĩnh mạch của tôi trong nhiều giờ liền và khiến tôi cứ tưởng mình đang cuộn tròn trong những sợi dây thép gai, lưỡi tôi bị một vết loét xẻ dọc, hàm trái của tôi, vốn đã rạn khi tôi gặp tai nạn tại Mérignac, nay bị nhiễm khuẩn và một miếng xương của nó đã long ra và xuyên qua lợi, không ai dám đụng vào vì sợ chảy máu, máu vẫn chảy từ người tôi ra và tôi bị sốt cao đến nỗi người ta lấy ga ướp lạnh đắp cho tôi, thân nhiệt tôi bằng nhiệt độ của tấm ga đó sau vài phút - hơn nữa, các bác sĩ để ý thấy tôi bị sán dây nặng trong quãng thời gian này, từng mét sán từ ruột tôi bắt đầu chui ra. Nhiều năm sau khi tôi khỏi bệnh, mỗi lần tôi gặp lại một thầy thuốc nào đó từng chữa bệnh cho tôi, họ lại vừa nói vừa nhìn tôi vẫn với vẻ hoài nghi như hồi ấy:

– Anh sẽ không bao giờ biết anh từ chỗ nào trở về đâu.

Có thể như vậy lắm, nhưng các vị thần đã quên cắt dây rốn. Ghen tị với bất cứ bàn tay người nào tìm cách mang lại cho số phận

một hình thức và một ý nghĩa, họ ra sức hành hạ tôi đến nỗi mà cơ thể tôi chỉ còn là một vết thương rớm máu, nhưng họ không hiểu gì về mối tình của tôi cả. Họ đã quên cắt dây rốn và thế là tôi sống sót. Ý chí, sức sống và lòng dũng cảm của mẹ vẫn tiếp tục được truyền qua người tôi và nuôi dưỡng tôi.

Tia lửa cuộc sống đang cháy bùng bùng lên thành ngọn lửa thiêng của sự tức giận khi tôi thấy cha xú vào phòng để làm lễ xức dầu cuối cùng cho tôi.

Khi tôi thấy vị cha xú râu ria rậm rịt, mặc bộ đồ màu trắng tím, tiến về phía mình với bước chân vững chãi, cây thánh giá giờ ra phía trước, khi tôi hiểu ông ta đang định làm gì tôi, tôi cứ ngỡ mình thấy quỷ Satan hiện hình. Trước sự kinh ngạc của bà xơ tốt bụng đang đỡ người tôi, tôi nói bằng một giọng to, rõ ràng dù lúc ấy tôi chỉ như một con gà nước:

– Chẳng làm được gì đâu - không gì đâu.

Sau đó, tôi biến mất vài phút và khi trở lại được, tất cả đã đâu vào đấy rồi. Nhưng tôi không bị khuất phục. Tôi tuyệt đối quyết tâm trở về Nice, đến chợ Buffa trong bộ quân phục sĩ quan, ngực đính đầy huy chương và tay ôm lấy mẹ. Sau đó, hai mẹ con tôi có thể đi dạo một vòng ở đại lộ Promenade des Anglais trong tiếng vỗ tay tán thưởng. “Hãy đón chào người phụ nữ Pháp vĩ đại của Khách sạn Nhà nghỉ Mermonts, bà từ chiến trường trở về, mười lăm lần được nêu gương, đã lập rất nhiều vinh quang trong các chiến dịch không quân, con trai bà có thể tự hào về bà!” Những ông già ngả mũ về kính cẩn, họ hát La Marseillaise, có ai đó thì thầm: “Hai mẹ con họ vẫn dính với nhau qua dây rốn” và quả là tôi thấy rõ cái ống cao su dài từ tĩnh mạch của mình chui ra còn tôi thì mỉm cười đắc thắng. Đây đúng là nghệ thuật! Đây đúng là lời hứa đã được thực

hiện! Thế mà người ta muốn tôi khước từ sứ mạng của mình với cái cơ là các bác sĩ đã cho rằng bệnh tôi vô phương cứu chữa, rằng lễ xức dầu cuối cùng đã hoàn tất, rằng các đồng đội đeo găng tay trắng đã chuẩn bị làm lễ cho tôi tại nơi cất giữ quan tài?Ồ, việc này thì không bao giờ nhé! Sống vẫn hơn - như các bạn biết, tôi không bao giờ lùi bước trước bất cứ sự cùng cực nào.

Tôi không chết. Tôi bình phục. Bình phục không nhanh đâu. Sốt giảm rồi hết nhưng tôi vẫn tiếp tục mê sảng. Và lại, sự mê sảng của tôi chỉ được thể hiện qua việc tôi nói lắp: lưỡi tôi gần như bị vết loét cắt đứt. Sau đó, tôi bị viêm tĩnh mạch và người ta lo ngại cho cái chân của tôi. Phía dưới bên trái mắt tôi bị liệt vĩnh viễn, đúng chỗ hàm bị nhiễm khuẩn, cho nên bây giờ mắt tôi có vẻ không cân xứng rất thú vị. Tôi bị mụn nước và bị viêm cơ tim dai dẳng, tôi không còn nhận ra ai, không thể nói chuyện, nhưng dây rốn vẫn hoạt động bình thường. Và về cơ bản, tôi chưa thực sự bị lãnh quả: khi lý trí hồi phục hoàn toàn và tôi đã có thể nói, nói đót dễ sợ, tôi tìm cách hỏi người ta xem lúc nào mình có thể trở lại chiến trường.

Mấy ông bác sĩ cười. Với tôi, chiến tranh đã kết thúc. Không ai dám chắc rằng tôi sẽ đi lại được bình thường, tim tôi có thể bị thương tổn suốt đời, còn về giấc mơ lên máy bay chiến đấu của tôi - họ chỉ nhún vai và cười hiền.

Ba tháng sau, tôi lại lên chiếc Blenheim của mình, vây đánh tàu ngầm của địch trên bầu trời phía Đông Địa Trung Hải, cùng với de Thuisy, anh hy sinh vài tháng sau tại Anh, trên chiếc Mosquito.

Ở đây tôi phải bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với Ahmed, một tài xế taxi vô danh tiểu tốt người Ai Cập, người đã chấp nhận một khoản tiền nhỏ mọn là năm bảng Anh để khoác bộ quân phục thay tôi đi khám sức khỏe ở Bệnh viện Không lực Hoàng gia Anh tại

Cairo. Anh không được đẹp trai, không có vẻ nóng bỏng cho lắm, nhưng anh qua được lần khám đó và thế là chúng tôi đi ăn kem ở ngoài thêm quán Gropi để chúc mừng nhau.

Tôi chỉ còn mỗi việc là đối mặt với các bác sĩ thuộc căn cứ Damas, thiếu tá Fitucci và đại úy Bercault. Ở những nơi này thì không có chuyện gian lận. Họ biết rõ tôi là ai. Người ta đã thấy tôi làm việc trên giường bệnh viện, có thể nói như thế. Người ta cũng thừa biết là tôi thỉnh thoảng vẫn rơi vào tình trạng thiếu não và đôi khi chẳng bị khiêu khích chút nào cũng ngắt xiu. Tóm lại, người ta yêu cầu tôi chấp nhận đi nghỉ một tháng ở Thung Lũng Các Vua, tại Louksor trước khi nghĩ đến chuyện trở lại phi đoàn. Thế là tôi đi thăm lăng tẩm của các vị vua Ai Cập và thật sự đắm đuối với quang cảnh sông Nil, tôi đi ngược về xuôi trên dòng sông này hai lần. Đến tận bây giờ, trong mắt tôi đó hãy còn là quang cảnh đẹp nhất thế giới. Đó là nơi mà tâm hồn được thanh thoi. Tâm hồn tôi thực sự cần điều ấy. Tôi đứng hàng giờ trên ban công của Winter Palace để ngắm những con thuyền felukkas đi qua. Tôi lại tiếp tục viết sách. Tôi viết cho mẹ vài lá thư để bù lại ba tháng im hơi lặng tiếng. Tuy nhiên, trong những bức thư mà tôi nhận được không hề có dấu hiệu của sự lo lắng. Mẹ không ngạc nhiên trước sự im lặng kéo dài của tôi. Thậm chí tôi thấy thái độ đó hơi lạ. Lá thư mới nhất đã rời thành phố Nice, trong khi mà, ít nhất từ ba tháng nay, có lẽ mẹ không nhận được tin tức của tôi. Nhưng mẹ có vẻ không nhận ra điều gì. Hẳn bà nghĩ sở dĩ có chuyện ấy là do thư từ liên lạc giữa hai mẹ con tôi đã phải đi qua những con đường vòng vèo. Và lại, mẹ biết rõ là tôi sẽ luôn chiến thắng tất cả mọi khó khăn. Tuy vậy, trong những lá thư của mẹ lúc này có len lỏi một nỗi buồn nào đấy. Lần đầu tiên, tôi nhận ra trong đó tồn tại một giọng điệu khang

khác, một điều gì đấy không cất thành lời, khiến ta mủi lòng và bồi rối kỳ lạ. “Con trai bé bỏng của mẹ. Mẹ xin con đừng suy nghĩ gì về mẹ, đừng lo lắng gì cho mẹ, mẹ xin con hãy là một người dũng cảm. Con hãy nhớ rằng con không cần mẹ nữa, rằng bây giờ con đã là một người đàn ông, không còn là con trẻ, rằng bây giờ con có thể tự đứng vững trên đôi chân mình. Con yêu của mẹ, con hãy nhanh chóng lấy vợ, bởi con sẽ luôn cần một người phụ nữ bên cạnh. Có lẽ đó là cái dở mà mẹ đã gây ra cho con. Nhưng đặc biệt con phải cố viết cho nhanh một cuốn sách thật hay, bởi vì nhờ cuốn sách này con sẽ nguôi ngoai tất cả một cách dễ dàng hơn. Con đã luôn là một nghệ sĩ. Đừng suy nghĩ quá nhiều về mẹ. Mẹ vẫn khỏe. Cụ bác sĩ Rosanoff rất hài lòng về mẹ. Cụ gửi đến con những tình cảm thân thiết. Con trai bé bỏng của mẹ, phải dũng cảm lên. Mẹ của con.” Tôi đọc đi đọc lại lá thư này hàng trăm lần, trên ban công, phía trên dòng sông Nil lững lờ trôi. Giọng điệu lá thư gần như mang vẻ tuyệt vọng, trong đó có một sự trịnh trọng và một sự ý tứ hoàn toàn mới lạ, và lần đầu tiên, mẹ tôi không nói về nước Pháp. Tim tôi thất lại. Có cái gì đó không ổn, có cái gì đó không được nói ra trong lá thư này. Và cũng có một sự khích lệ lòng dũng cảm hơi lạ, sự khích lệ ngày càng trở đi trở lại nhiều hơn. Thậm chí chúng còn khiến tôi hơi nổi cáu nữa: dù sao thì mẹ cũng phải biết rõ là tôi không bao giờ sợ gì chứ. Cuối cùng, điều quan trọng là mẹ vẫn còn sống, và mỗi ngày mới bắt đầu, hy vọng của tôi, hy vọng thành đạt đúng lúc, lại càng tràn trề hơn.

CHƯƠNG XII

TÔI TRỞ LẠI PHI ĐỘI và nhẹ nhàng đi tiêm kích tàu ngầm Ý ngoài khơi Palestine. Đó là một công việc thư thái nên lần nào đi tôi cũng mang theo các món ăn ngoài trời. Chúng tôi tấn công một chiếc tàu ngầm vừa ngoi lên mặt nước ở ngoài khơi đảo Chypre nhưng bị trượt. Bom chúng tôi rơi quá xa so với mục tiêu.

Từ ngày hôm đó, tôi có thể nói là mình biết hối hận.

Rất nhiều phim ảnh và tiểu thuyết đã nói về chủ đề này, chủ đề về kẻ hiếu chiến bị ám ảnh bởi những gì mình phạm phải. Tôi không phải ngoại lệ. Đến tận bây giờ, vẫn có khi tôi vừa tỉnh dậy vừa la hét, người đầm đìa mồ hôi lạnh: tôi mơ mình vừa bắn trượt tàu ngầm một lần nữa. Luôn luôn là cơn ác mộng đó: tôi đánh trượt mục tiêu, không nhấn chìm được một hạm đội gồm hai mươi người, hơn nữa lại là một hạm đội Ý - mặc dầu vậy, tôi rất yêu người Ý và đất nước Ý. Điều đơn giản nhưng tàn nhẫn là nỗi lo âu và sự hối hận hàng đêm của tôi nằm ở chỗ *tôi chưa giết người*, điều này khiến một người vốn có bản chất tốt đẹp cực kỳ khó chịu, tôi xin kính cẩn xin lỗi tất cả những ai cảm thấy phật ý vì lời thú nhận của tôi. Tôi cảm thấy được an ủi phần nào khi cố tự nhủ mình là một kẻ xấu xa, còn những người khác, những người tốt, những người tốt thật sự, không như thế, điều này khích lệ tinh thần tôi đôi chút, bởi trên tất cả, tôi có nhu cầu đặt niềm tin vào con người.

Tôi đã viết xong một nửa cuốn *Giáo dục châu Âu* và dành tất cả thời gian rỗi để viết. Khi phi đội chúng tôi được chuyển sang Anh,

vào tháng Tám năm 1943, tôi mới trở nên vội vã: người ta đổ bộ đến nơi rồi còn tôi thì không thể về nhà với hai bàn tay trắng. Tôi đã mừng tượng ra niềm vui và niềm tự hào của mẹ khi bà thấy tên mình được in lên bìa sách. Hẳn mẹ sẽ bằng lòng với vinh quang trong lĩnh vực văn chương nếu không được vinh quang của Guynemer. Ít nhất là những tham vọng nghệ thuật của mẹ cuối cùng cũng sắp được thực hiện.

Điều kiện sáng tác văn chương ở căn cứ không quân Hartford Bridge không được tốt. Thời tiết rất lạnh. Tôi viết vào ban đêm, trong một túp lều mái tôn mũi mà tôi chia sẻ với ba đồng đội khác; tôi mặc chiếc áo vest phi công và đi ủng lót lông thú, ngồi trên giường và viết một mạch cho đến bình minh; tay tôi cóng lại; hơi thở của tôi để lại một làn hơi trong không khí buốt giá; tôi không hề gặp khó khăn gì trong việc tái hiện không khí của những vùng đồng bằng tuyết phủ ở Ba Lan, vốn được lấy làm khung cảnh cho tiểu thuyết của tôi. Khoảng ba, bốn giờ sáng, tôi đặt bút xuống và đạp xe đi uống trà ở phòng ăn sĩ quan; sau đó tôi lên máy bay, tiếp tục đi chiến đấu giữa lúc sáng sớm âm u, chống lại những mục tiêu được phòng thủ rất vững chắc. Gần như lần nào cũng thế, cứ trở về là lại thiếu mất một đồng đội; một lần, khi đi lên Charleroi, chúng tôi bị mất liền một lúc bảy chiếc máy bay khi băng qua sườn núi. Trong những điều kiện như vậy, khó mà sáng tác văn chương được. Đúng là tôi không viết văn: đối với tôi, tất cả những công việc ấy đều thuộc cùng một cuộc chiến, cùng một tác phẩm. Đêm đến, khi các đồng đội đã đi ngủ, tôi lại bắt tay vào viết. Tôi chỉ ở trong lều một mình một lần duy nhất, đó là khi phi đoàn của Petit bị bắn hạ.

Xung quanh tôi, bầu trời mỗi lúc mỗi trở nên tối hơn.

Schlozing, Béguin, Mouchotte, Maridor, Gouby và Max Guedj, người đã trở thành huyền thoại, đều lần lượt hy sinh, rồi đến những người cuối cùng ra đi, de Thuisy, Martell, Colcanap, de Maismont, Mahé, và rốt cuộc cũng tới ngày mà trong số tất cả những người tôi từng quen biết ở Anh, chỉ còn lại Barberon, anh em nhà Langer, Stone và Perrier. Chúng tôi thường im lặng nhìn nhau.

Tôi viết xong *Giáo dục châu Âu*, gửi bản thảo cho Moura Boudberg, bạn gái của Gorki và của H.G. Wells, sau đó không nghe người ta nói về nó nữa. Một buổi sáng, từ một trận chiến đặc biệt sôi động trở về - hồi ấy chúng tôi thường cho máy bay bay là cách mặt đất mười mét và hôm đó ba đồng đội đã hy sinh - tôi nhận được bức điện của một nhà xuất bản Anh, bức điện cho tôi biết là nhà xuất bản này có ý định dịch tiểu thuyết của tôi và xuất bản trong thời gian sớm nhất. Tôi cất mũ cát, cởi găng tay ra và cứ đứng hồi lâu nhìn bức điện trong bộ đồ phi công. Tôi đã chào đời.

Tôi vội vã đánh điện báo cho mẹ tôi tin đó qua đường Thụy Sĩ. Tôi nôn nóng chờ phản ứng của mẹ. Tôi có cảm giác cuối cùng cũng đã làm được điều gì đấy cho bà, và tôi biết bà sẽ vui như thế nào khi lần giở những trang sách mà bà là tác giả. Những khát vọng nghệ thuật dai dẳng của mẹ tôi cuối cùng cũng bắt đầu được thực hiện, và ai mà biết được, thêm một chút may mắn mẹ tôi có thể trở nên nổi tiếng. Mẹ khởi đầu muộn: giờ mẹ đã sáu mươi mốt tuổi rồi. Tôi chưa trở thành người hùng, chưa phải là ngài đại sứ Pháp, thậm chí bí thư đại sứ cũng chưa, nhưng dẫu sao tôi cũng đã bắt đầu giữ lời hứa của mình, bắt đầu mang lại ý nghĩa cho những cuộc chiến đấu của mẹ, cho sự hy sinh của mẹ, và tôi thấy cuốn sách mình viết có trọng lượng khi được đặt lên bàn cân, dù nó nhẹ tênh và mỏng mảnh đến mấy. Rồi tôi chờ đợi. Tôi đọc đi đọc lại những lá thư của

mẹ, tìm một câu nói nào đó liên quan đến chiến thắng đầu đời của tôi. Nhưng hình như mẹ không biết. Cuối cùng tôi nghĩ mình đã hiểu ra ý nghĩa của sự trách cứ thâm lặng này, cũng như thái độ rõ ràng từ chối nói về cuốn sách của tôi. Trong khi nước Pháp đang bị chiếm đóng, điều mẹ mong chờ ở tôi là những chiến công chứ không phải văn chương.

Dù sao thì cũng không phải lỗi tại tôi nếu cuộc chiến của tôi không được xuất sắc. Tôi luôn nỗ lực hết mình. Ngày nào tôi cũng theo hên bay lên trời và máy bay của tôi luôn trở về trong tình trạng lỗ chỗ đạn. Tôi không tiêm kích mà đánh bom, và nghề của chúng tôi không được ly kỳ cho lắm. Chúng tôi thả bom xuống mục tiêu rồi bay về, hoặc không bay về. Thậm chí tôi còn tự hỏi mẹ tôi có biết chuyện chiếc tàu ngầm bị đánh trượt ở ngoài khơi Palestine hay không, và mẹ có giận tôi một chút hay không.

Cuốn *Giáo dục châu Âu* được xuất bản tại Anh khiến tôi trở nên gần như nổi tiếng. Mỗi lần đi chiến đấu về, tôi lại cắt được thêm những bài báo mới nói về mình, và các hãng thông tấn cho phóng viên đến chụp ảnh tôi khi tôi từ máy bay xuống. Tôi tạo dáng thật chuẩn, chú ý ngược mắt lên, tay cầm mũ cát, người mặc quần áo phi công - hơi tiếc là tôi không còn bộ quân phục Tcherkesse cũ vốn rất hợp với tôi nữa. Nhưng tôi tin chắc mẹ sẽ rất thích những bức ảnh hết sức giống nhau này nên sưu tầm cẩn thận cho mẹ. Tôi được bà Eden, phu nhân công sứ Anh, mời dùng trà và tôi luôn lưu ý không chìa ngón út khi cầm tách.

Tôi cũng nằm hàng giờ trên sân bay, kê đầu lên dùi, cố chống lại sự bất mãn muôn thuở của mình, chống lại sự rạo rực phần nộ trong máu mình, chống lại nhu cầu được tái sinh, được chiến thắng, được vượt qua, được ra khỏi nơi ấy. Đến tận bây giờ, tôi vẫn không biết

mình muốn nói gì qua hai chữ “nơi ấy”. Có lẽ đó là hoàn cảnh con người. Dù sao, tôi cũng không muốn có ai bị bỏ rơi nữa.

... Đôi khi tôi ngẩng đầu lên và thân thiện nhìn người anh em đại dương: đại dương giả vờ mê mông, nhưng tôi biết ở đâu nó cũng đụng chạm giới hạn của chính mình, và hẳn là vì thế nên mới tồn tại tất cả những náo động, âm ỉ này.

Tôi còn chiến đấu khoảng mười lăm lần nữa, nhưng chẳng có gì xảy ra.

Tuy nhiên, một hôm, chúng tôi trải qua một cuộc xuất kích hơi sóng gió hơn thường lệ. Cách mục tiêu vài phút, khi đang bay lượn giữa những làn trái phá, trong tai nghe của tôi vang lên tiếng kêu của anh phi công Arnaud Langer. Tiếp đó là một khoảnh khắc im lặng, rồi anh cất giọng nói lạnh lùng:

– Tôi bị trúng mắt. Tôi mù mất rồi.

Trên chiếc Boston, chỗ ngồi của phi công được ngăn cách với chỗ dành cho hoa tiêu và người bắn súng máy bằng mấy tấm vỏ sắt, thế nên trên không chúng tôi không thể giúp gì nhau. Và đúng vào lúc mà Arnaud cho tôi biết anh bị thương ở mắt, tôi cảm thấy đau xé ở bụng. Trong khoảnh khắc một giây, máu bê bết quần dài và chảy đầy tay tôi. May thay, chúng tôi vừa được phát mũ cát thép để bảo vệ đầu. Các phi đội Anh và Mỹ thường dùng mũ cát để che đầu còn các phi đội Pháp thì đồng loạt dùng mũ cát để che chắn bộ phận cơ thể mà họ thấy quý hơn cả. Tôi nhanh tay nhấc mũ lên và yên tâm là cái trọng yếu ấy bình an vô sự. Tôi nhẹ người đến nỗi không còn cảm thấy lo lắng gì về tình thế nghiêm trọng của chúng tôi. Trong cuộc sống, tôi luôn có được chút khả năng nào đó trong việc nhận biết cái gì quan trọng và cái gì không. Thở dài nhẹ nhõm

xong, tôi điềm lại tình hình. Bauden, người bắn súng máy, không bị gì, nhưng phi công thì bị mù; chúng tôi vẫn còn nguyên đội hình với tôi là hoa tiêu, nghĩa là trách nhiệm đánh bom của cả đội được đặt lên vai tôi. Chúng tôi chỉ còn cách mục tiêu vài phút và tôi thấy đơn giản nhất là tiếp tục bay thẳng, thả hết bom xuống mục tiêu rồi sau đó xem xét tình hình, nếu còn có tình hình. Chúng tôi đã làm như vậy, nhưng không vì thế mà không bị bắn trúng thêm hai lần nữa. Lần này, lưng tôi bị lãnh quả, và khi tôi nói lưng thì đó là cách nói lịch sự. Dù sao tôi vẫn có thể thả bom xuống mục tiêu trong tâm trạng thỏa mãn như một người đang làm việc tốt.

Chúng tôi tiếp tục bay thẳng một lúc nữa rồi bắt đầu tìm cách hướng dẫn Arnaud bằng miệng, tách ra khỏi đội hình mà quyền chỉ huy đã được chuyển sang cho phi đoàn của Allegret. Tôi mất máu khá nhiều và cứ nhìn chiếc quần bê bết máu là lại buồn nôn. Một trong các động cơ không hoạt động nữa. Anh phi công cố lôi từng mảnh đạn ra khỏi mắt. Bằng cách dùng các ngón tay nâng mí mắt lên, anh thấy được đường nét của bàn tay mình, điều này chứng tỏ dây thần kinh thị giác không việc gì. Chúng tôi đã quyết định nhảy dù ngay khi máy bay cắt ngang bờ biển Anh, nhưng Arnaud cho rằng mũ trượt ở chỗ anh đã bị pháo đạn phá hỏng và không mở được. Không thể để phi công mù ở lại một mình trên máy bay; thế là chúng tôi quyết định ở lại cùng anh và cố hạ cánh bằng cách hướng dẫn anh bằng miệng. Những nỗ lực của chúng tôi không được hiệu quả lắm, và chúng tôi hạ cánh hụt những hai lần. Tôi còn nhớ là lần thứ ba, khi mặt đất như đang nhảy múa xung quanh chúng tôi và khi tôi đang ở trong buồng thủy tinh, tức đầu máy bay, với cảm giác của quả trứng sắp bị đập vỡ để lên chảo, thì tôi nghe thấy giọng Arnaud, bỗng trở thành giọng con trẻ, kêu lên trong tai

nghe “Chúa ơi! Hãy bảo vệ con!”, tôi buồn và khá phật ý khi anh chỉ cầu nguyện cho chính mình mà quên bạn quên bè. Tôi cũng nhớ là vào lúc máy bay suýt đâm sầm xuống đất mình đã mỉm cười - và nụ cười này ắt hẳn là một trong những sáng tác văn học từng được ấp ủ lâu nhất của tôi. Tôi nêu sáng tác này ra với hy vọng nó sẽ được đưa vào các tác phẩm hoàn chỉnh của mình.

Tôi nghĩ đó là lần đầu tiên trong lịch sử của Không lực Hoàng gia Anh, một phi công bị mù ba phần tư đã cho máy bay hạ cánh an toàn. Báo cáo của Không lực Hoàng gia Anh chỉ nói là “trong lúc hạ cánh, viên phi công đã lấy một tay nâng được mí mắt lên, bắt chập những mảnh đạn lõm nhô trong đó”. Nhờ kỳ tích này mà Arnaud Langer được tặng ngay Huy chương Distinguished Flying Cross của Anh. về sau mắt anh bình phục hoàn toàn; đúng là mí mắt anh bị những mảnh đạn đâm lỗ chỗ vào nhãn cầu, nhưng dây thần kinh thị giác thì vẫn còn nguyên vẹn. Sau chiến tranh, anh trở thành phi công Vận tải Hàng không. Tháng Sáu năm 1955, lúc anh đang chuẩn bị hạ cánh xuống sân bay tại Fort-Lamy, vài giây trước khi cơn lốc nhiệt đới tràn vào thành phố, thì các nhân chứng trông thấy từ trên những đám mây, sét bắn ra như một nắm đấm đánh vào buồng lái. Arnaud Langer chết ngay tại chỗ. Phải có cú đánh hèn hạ đó của số phận mới khiến được anh thôi điều khiển máy bay.

Tôi được đưa đi bệnh viện, bệnh án miêu tả vết thương của tôi như một “vết thương xuyên thủng bụng dưới”. Nhưng không có thứ gì quan trọng bị chạm tới và vết thương nhanh chóng thành sẹo. Tuy nhiên, điều đáng buồn hơn nhiều là qua các lần khám khác nhau người ta nhận thấy rằng các bộ phận trong cơ thể tôi không được mỹ mãn cho lắm, vì thế, ông bác sĩ trưởng khoa viết báo cáo yêu cầu gạch tên tôi khỏi danh sách nhân viên bay. Giữa lúc ấy, tôi

xuất viện, và nhờ tình bằng hữu của mọi người mà tôi sớm được đi chiến đấu thêm vài lần nữa.

Đây đúng là lúc xảy ra sự kiện tuyệt vời nhất đời tôi mà mãi đến giờ tôi vẫn không hoàn toàn tin là có thật.

Vài ngày trước đó, đài B.B.C mời tôi và Arnaud Langer đến phỏng vấn rất lâu về chuyến bay ấy của chúng tôi. Tôi biết rõ các nhu cầu tuyên truyền, cơn khát của thính giả Pháp lúc nào cũng nóng lòng muốn biết tin tức các phi công của mình nên không để tâm đến điều đó lắm. Tuy nhiên, tôi khá ngạc nhiên khi ngày hôm sau tờ Evening Standard đăng một bài báo nói về “kỳ tích” của chúng tôi.

Sau đó tôi trở lại căn cứ Hartford Bridge. Tôi đang ở phòng ăn sĩ quan thì một anh lính chạy giấy trao cho tôi một bức điện. Tôi liếc mắt nhìn chữ ký: Charles de Gaulle.

Tôi vừa được nhận Huân chương Giải phóng.

Không biết liệu còn ai hiểu chiếc huy hiệu màu xanh đen này có ý nghĩa với chúng tôi như thế nào không. Gần như chỉ những đồng đội anh dũng nhất của chúng tôi đã hy sinh nơi chiến trận mới được nhận nó. Giờ đây, tôi không biết liệu số người được tặng dù còn sống hay đã chết có vượt quá con số sáu trăm hay không. Tôi thường nhận ra mà không hề ngạc nhiên rằng qua những điều người ta hỏi tôi, hiếm người biết Huân chương Giải phóng là gì và ý nghĩa của nó ra sao. Tốt nhất là như thế. Trong khi tất cả, gần như tất cả đã bị lãng quên hay bị tổn hại, thì tốt hơn hết cứ để sự thiếu hiểu biết gìn giữ và che chở kỷ niệm, lòng trung thành và tình bằng hữu.

Một trạng thái ngây đại xâm chiếm lấy tôi. Tôi đi đi lại lại, siết chặt những bàn tay đang chìa về phía mình, gần như cố gắng phân bua, bào chữa, bởi vì họ, những đồng đội của tôi, biết rõ là tôi không xứng đáng được nhận một vinh dự như vậy.

Nhưng tôi chỉ gặp những bàn tay thân thiện và những gương mặt rạng rỡ niềm vui.

Đến bây giờ, tôi vẫn còn thiết tha được giải thích việc đó. Thành thực mà nói, tôi không thấy gì trong những nỗ lực nghèo nàn của mình có thể minh chứng được cho một sự vinh danh như thế. Những gì tôi đã có thể làm, đã cố sức làm, đã định làm đều hoàn toàn nực cười, vô giá trị và vô nghĩa so với tất cả những gì mẹ mong đợi ở tôi, với tất cả những gì mẹ bày dạy cho tôi và kể cho tôi về đất nước của mình.

Vài tháng sau, đích thân tướng de Gaulle đính Huân chương Giải phóng lên ngực tôi ở ngay dưới Khải Hoàn Môn.

Tôi vội vàng, các bạn biết mà, tôi vội vàng đánh điện sang Thụy Sĩ để mẹ tôi biết tin, ít nhất là thông qua sự ám chỉ kín đáo nào đó. Để chắc ăn hơn, tôi viết thư cho một nhân viên làm việc ở Đại sứ quán Anh tại Bồ Đào Nha, nhờ anh chuyển thư của tôi đến Nice ngay khi có cơ hội. Cuối cùng thì tôi cũng có thể về nhà trong thế ngẩng cao đầu: cuốn sách của tôi đã mang lại cho mẹ phần nào sự vinh quang nghệ thuật mà bà hằng mơ ước, và tôi sắp có thể trao cho bà những danh hiệu cao quý nhất trong quân đội Pháp mà bà hoàn toàn xứng đáng có được.

Quân Đồng minh vừa đổ bộ, chiến tranh sắp kết thúc, và trong những lá thư gửi đến cho tôi từ thành phố Nice, tôi cảm thấy có cái gì đó như một niềm vui và sự thanh thản, như thể cuối cùng mẹ

cũng biết mình đã chạm tới đích. Thậm chí còn có cái gì đó như một sự dí dỏm nhẹ nhàng mà tôi không hiểu rõ lắm. “Con trai yêu quý của mẹ, mẹ con ta đã xa nhau nhiều năm rồi, mẹ hy vọng giờ con đã có thói quen không thấy mẹ, bởi suy cho cùng, mẹ không thể tồn tại mãi mãi. Con hãy nhớ là mẹ chưa bao giờ nghi ngờ con. Mẹ hy vọng khi về nhà và khi đã hiểu tất cả, con sẽ tha thứ cho mẹ. Mẹ không thể làm khác được.” Mẹ tôi đã có thể làm gì chứ? Tôi phải tha thứ cho mẹ điều gì chứ? Bỗng trong đầu tôi nảy ra suy nghĩ ngớ ngẩn là mẹ tái hôn, nhưng ở tuổi sáu mươi một thì điều đó quả là khó. Tôi cảm thấy đằng sau tất cả những điều này tồn tại một sự mỉa mai nhẹ nhàng, và tôi gần như có thể trông thấy vẻ mặt hơi tội lỗi của mẹ tôi như những lần bà lao vào thực hiện các hành động kỳ quặc. Mẹ đã làm tôi lo lắng biết bao! Trong hầu hết các lá thư của mẹ, có chút gì đó bối rối và tôi cảm thấy rất rõ là bà đã làm điều gì đấy quá đáng. Nhưng điều gì mới được? “Tất cả những gì mẹ đã làm, mẹ đều làm vì con cần mẹ. Con không nên giận mẹ. Mẹ vẫn khỏe. Mẹ chờ con.” Tôi vò đầu bứt tóc nhưng vô ích.

CHƯƠNG XIII

BÂY GIỜ TÔI ĐÃ RẤT GẦN VỚI LỜI NÓI CUỐI, và càng tiến gần đến kết cục câu chuyện, tôi càng cảm thấy muốn vút cuốn sổ đi và húc đầu xuống cát. Những lời nói cuối vẫn luôn như thế và người ta muốn ít nhất cũng phải có quyền để cho giọng mình thoát khỏi đội hợp xướng của những kẻ thất bại. Nhưng tôi chỉ còn nói thêm vài câu nữa thôi và đã làm là làm đến cùng.

Paris sắp được giải phóng, tôi sẽ dàn xếp với B.C.RA* để được nhảy dù xuống vùng Alpes - Maritimes và thực hiện nhiệm vụ liên lạc với quân kháng chiến.

Tôi sợ không tới kịp lúc, sợ kinh khủng.

Càng sợ hơn khi một sự kiện chưa từng xảy ra lại vừa xảy ra trong đời tôi và thực sự bất ngờ hoàn tất chặng đường kỳ lạ mà tôi đã đi qua kể từ khi xa nhà. Bộ Ngoại giao gửi công văn gợi ý tôi nộp hồ sơ xin làm bí thư đại sứ. Thế nhưng tôi đâu biết ai ở Bộ Ngoại giao hay ở bất cứ cơ quan hành chính dân sự nào: tôi hoàn toàn không biết dù chỉ là một thường dân. Tôi chưa bao giờ cho bất cứ ai biết những tham vọng mà trước đây mẹ gửi gắm nơi tôi. Cuốn *Giáo dục châu Âu* đã có chút ít tiếng tăm ở Anh và ở vùng nước Pháp Tự do, nhưng điều đó không đủ để giải thích cho lời đề nghị bất ngờ này, lời đề nghị bước chân vào lĩnh vực ngoại giao mà không cần thi cử gì, “Vì có công lớn trong công cuộc Giải phóng”. Tôi nhìn công văn hồi lâu, lòng không mấy tin tưởng, lật ngược lật xuôi đủ các hướng. Công văn này không được thảo bằng thứ ngôn

từ vô nhân xung, vốn là đặc trưng của thư từ hành chính; ngược lại, người ta có thể thấy ở đó một sự thông cảm, thậm chí là một sự thân tình làm tôi bối rối sâu sắc: tôi có cảm giác mới lạ, cảm giác được người ta biết đến, hay nói chính xác hơn là được người ta tưởng tượng ra. Lúc ấy, tôi như đang trải qua một trong những khoảnh khắc khi thật khó để có thể không thoáng cảm thấy mình được ý trời nâng đỡ, bởi ông trời lo cho lẽ phải và sự minh bạch, như thể một Địa Trung Hải thanh bình nào đó đã dỗi theo bờ bên xưa cũ của con người trên những bàn cân, để tâm tới sự phân định rạch ròi giữa bóng tối và ánh sáng, giữa sự hy sinh và niềm vui sướng, số phận của mẹ tôi đang thay chiều đổi hướng. Tuy nhiên, trong những mối rung cảm đậm màu xanh da trời nhất của tôi, rốt cuộc thế nào cũng bị lẫn vào một hạt muối trần gian, hạt muối có đôi chút vị đắng của kinh nghiệm và của sự thận trọng, điều này thúc đẩy tôi nhìn nhận những điều kỳ diệu với đôi mắt sắc sảo, và sau tấm mặt nạ của Chúa Trời, tôi không khó khăn gì nhận ra một nụ cười hơi tội lỗi rất đời quen thuộc với mình. Mẹ tôi vẫn tiếp tục làm những việc rò rỉ. Theo thói quen, bà lại khuấy động hậu trường, gõ cửa khắp nơi, giật dây, hết lời ca ngợi tôi ở chỗ nào thích hợp, nói tóm lại, bà lại can thiệp. Có lẽ đó cũng là lý do tại sao có một chút bối rối và hơi tội lỗi trong những bức thư mới nhất của bà và khiến tôi gần như có cảm giác là bà đang xin lỗi tôi: mẹ tôi đã đẩy tôi tiến về phía trước một lần nữa, và bà biết rõ rằng lẽ ra bà không nên làm thế, không nên đòi hỏi gì hết.

Cuộc đổ bộ ở miền Nam khiến dự định nhảy dù của tôi bất thành. Ngay lập tức, tôi nhận được một công lệnh khẩn và gây xôn xao từ tướng Corniglion-Molinier, và với sự giúp đỡ của người Mỹ - công văn này, theo cách nói rất khéo léo của đích thân tướng

quân, có đề như sau: “Nhiệm vụ thu hồi khăn” - tôi được chở từ xe jeep này qua xe jeep khác cho đến Toulon; từ đó trở đi thì phức tạp hơn một chút. Tuy nhiên, công lệnh bất khả kháng ấy cho phép tôi có thể đi qua bất cứ đường nào, tôi còn nhớ nhận xét của Corniglion-Molinier khi ông ký công lệnh cho tôi với vẻ tử tế hơi cay độc vốn có, và khi tôi cảm ơn ông:

– Nhưng nhiệm vụ của anh rất quan trọng đối với chúng ta. Chiến thắng thì quan trọng lắm...

Và đến không khí quanh tôi cũng say sưa chiến thắng. Bầu trời như gần hơn, thân thiện hơn, mỗi cây ô liu là một tín hiệu của tình bằng hữu và Địa Trung Hải vượt qua những rừng thông núi bách, những hàng rào dây thép gai, những khẩu đại bác cùng những chiếc xe tăng bị lật nhào để đến với tôi như một bà vú nuôi mới tìm lại được. Tôi nhờ người báo trước với mẹ là tôi sắp về bằng mười lời nhắn khác nhau, mẹ có thể nhận được những lời nhắn này cùng một lúc và từ mọi phía chỉ vài giờ sau khi quân Đồng minh đổ bộ xuống Nice. Thậm chí B.C.RA còn chuyển một tin nhắn bằng mật mã cho du kích tám ngày trước đó. Đại úy Vanurien, người đã nhảy dù xuống đây hai tuần trước khi quân Đồng minh đổ bộ, chắc đã liên lạc ngay với mẹ tôi để nói cho bà hay tôi đang về. Các đồng đội người Anh thuộc mạng lưới Buckmaster đã hứa với tôi là sẽ trông nom mẹ tôi trong các trận đánh. Tôi có nhiều bạn bè và họ hiểu. Họ biết rõ vấn đề không chỉ liên quan đến mẹ tôi, cũng không chỉ liên quan đến tôi, mà còn liên quan đến mối thâm giao đầy tình người giữa chúng tôi, đến những tháng ngày kề vai sát cánh đầy tình huynh đệ trong việc đeo đuổi một tác phẩm của công bằng và lẽ phải chung giữa chúng tôi. Lòng tôi tràn ngập một sự trẻ trung, một niềm tin, một sự biết ơn, biển xanh cổ xưa, nhân chứng trung thành

nhất của chúng tôi, có lẽ biết rất rõ những tín hiệu đó, từ khi một trong những đứa con của Người lần đầu tiên chiến thắng trở về. Tám huân chương Giải phóng màu xanh đen đeo trên ngực, phía trên huân chương Bắc đẩu Bội tinh, huân chương Chiến tranh và năm hay sáu huy chương khác mà tôi nhớ mãi, lon đại úy trên ngực vai, mũ đội sụp xuống tận mắt, vẻ cứng rắn hơn bao giờ hết do một bên mặt bị liệt, cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Pháp và tiếng Anh để trong túi dệt cùng rất nhiều bài báo đã được cắt ra, còn trong túi áo là tờ công văn mở rộng cánh cửa sự nghiệp ngoại giao cho tôi, cùng với một ít chì dẹt trong người để đủ nặng, say sưa trong hy vọng, sức trẻ, niềm tin và Địa Trung Hải, đứng, cuối cùng cũng được đứng trong ánh sáng, đứng trên một bờ bến đã được ban phúc lành, trên bờ bến đó, không có nỗi đau nào, sự hy sinh nào, tình yêu nào bị quăng vào gió, trên bờ bến đó, mọi thứ đều quan trọng, đều gắn kết, đều có ý nghĩa, mọi thứ đều được tư duy và được hoàn tất theo một nghệ thuật mỹ mãn, tôi trở về nhà sau khi đã chứng minh xong thanh danh của thế giới, sau khi đã đem lại một hình hài và một ý nghĩa cho số phận của người mình yêu thương.

Các lính thủy đánh bộ da đen, ngồi trên đá, nụ cười hả hê và tươi rói đến nỗi nom họ như được thắp sáng từ bên trong, như thể ánh sáng phát ra từ trái tim họ, gương súng máy lên trời khi chúng tôi đi qua, và nụ cười thân thiện của họ chứa đựng tất cả niềm vui và hạnh phúc của những lời hứa đã được thực hiện:

– Victory, man, victory!

Chiến thắng, anh ơi, chiến thắng! Cuối cùng chúng tôi cũng lấy lại được quyền làm chủ thế giới và mỗi chiếc xe tăng lật nhào lại trông như bộ xương của một vị thần bại trận. Những anh lính mộ ngồi xôm, gương mặt sắc cạnh và vàng vàng dưới cái khăn dài,

đang nấu cả con bò bằng củi; giữa những cây nho đỏ ngả, một cái đuôi máy bay dựng lên như một thanh kiếm gãy, và thỉnh thoảng người ta thấy trong đám cây ô liu, dưới tán những cây bách, dưới những pháo đài con bằng xi măng tồi tàn, một khẩu đại bác bị hỏng treo lơ lửng với con mắt đần độn và tròn xoe của kẻ bại trận.

Đứng trên xe jeep, trong khung cảnh nơi những đám cây ô liu, cây nho, cây cam tưởng như đang từ tứ phía chạy ủa lại đón chào tôi, những con tàu lật, những cây cầu sập, những hàng rào dây thép gai cong queo xoắn quện vào nhau ở mỗi chỗ ngoặt nom như những nỗi hận thù đã chết bị ánh sáng cuốn đi, chỉ khi lên đến ụ nổi Var tôi mới thôi nhìn thấy những bàn tay và những gương mặt, tôi mới thôi tìm cách đoán nhận hàng nghìn góc ngách quen thuộc, tôi mới ngừng đáp lại những cử chỉ vui mừng của phụ nữ và trẻ con bên đường, tôi đứng đó, dán mình vào kính chắn gió, vươn cả người về phía thành phố đang tiến lại gần, về phía khu phố, về phía ngôi nhà, về phía bóng người với vòng tay rộng mở chắc hẳn đang chờ tôi dưới lá cờ chiến thắng.

#

Tôi sẽ phải ngừng câu chuyện tại đây. Tôi không viết để ném một bóng tối lớn hơn lên trái đất. Tôi phải trả giá khi viết tiếp, thế nên tôi sẽ nói nhanh thôi, nói nhanh vài câu này để cho tất cả kết thúc và để tôi lại có thể hạ đầu xuống bãi cát, bên bờ đại dương, trong sự cô đơn của Big Sur nơi tôi đã cố trốn tránh lời hứa kết thúc câu chuyện này nhưng vô ích.

Tại Khách sạn-Nhà nghỉ Mermonts, nơi tôi cho chiếc xe jeep dừng lại, không có ai ra đón tôi cả. Ở đó người ta có loáng thoáng nghe nói về mẹ tôi nhưng không ai biết bà. Bạn bè tôi đã ly tán mỗi

người mỗi nơi. Tôi phải mất nhiều giờ để biết sự thật. Mẹ tôi đã mất cách đó ba năm rưỡi, vài tháng sau khi tôi sang Anh.

Nhưng mẹ biết rõ là tôi không thể đứng vững nếu không cảm nhận được sự nâng đỡ của bà nên mẹ đã thận trọng.

Những ngày cuối cùng trước khi mất, mẹ tôi đã viết gần hai trăm năm mươi lá thư và gửi sang Thụy Sĩ cho bạn của mình. Tôi không biết - tôi nhận thư của mẹ rất thường xuyên - có lẽ đó là điều mẹ vẫn trù tính một cách đầy thương yêu, khi tôi nhận ra biểu hiện mưu mẹo ấy trong mắt bà, tại bệnh viện Saint-Antoine, nơi tôi từng đến gặp mẹ lần cuối cùng.

Thế nên tôi mới tiếp tục nhận được từ mẹ sức mạnh và lòng can đảm mà tôi cần để kiên trì nhẫn nại, trong khi mẹ qua đời đã hơn ba năm rồi.

Dây rôn vẫn tiếp tục hoạt động.

#

Hết rồi. Bờ biển Big Sur trông vắng hàng trăm cây số, nhưng thỉnh thoảng khi ngẩng đầu lên, tôi lại thấy mấy chú hải cẩu trên một mỏm đá trước mặt và hàng nghìn chim cốc, mòng biển cùng bò nông trên một mỏm đá khác, và cũng thỉnh thoảng, tôi thấy tia nước phun lên từ những con cá voi đang bơi ngoài khơi, và lúc tôi nằm bất động vài giờ trên cát như vậy, một con kền kền bay lượn chậm chậm trên đầu tôi.

Giờ thì cú ngã của tôi đã xảy ra được nhiều năm rồi, tôi thấy dường như chính tại nơi này, chính tại những mỏm đá ở bờ biển Big Sur, này, tôi đã ngã xuống và suốt bao lâu nay, tôi vẫn lắng nghe và tìm cách hiểu tiếng thì thầm của đại dương.

Thành thực mà nói, tôi chưa thua cuộc.

Tóc tôi giờ đã điểm hoa râu nhưng khó mà che đậy nổi con người tôi, và tôi chưa thực sự già, cho dù bây giờ tôi phải tiến lại gần thời điểm mình lên tám. Tôi đặc biệt không muốn người ta tưởng tôi quá coi trọng điều đó, tôi từ chối đem lại cho cú ngã của mình một ý nghĩa mang tính toàn cầu, và nếu một ngọn lửa nào đấy tuột khỏi tay tôi, tôi sẽ nở nụ cười hy vọng và mong mỏi, lòng nghĩ đến tất cả những bàn tay đã sẵn sàng đón nhận nó, và nghĩ đến tất cả những sức mạnh giấu kín, tiềm ẩn, chớm nở, tương lai, những sức mạnh chưa được dùng tới bao giờ. Tôi không rút ra bài học nào, không rút ra sự nhẫn nại nào từ kết cục của chính mình, tôi chỉ khước từ chính bản thân và đó không phải tai họa gì to lớn.

Có thể tôi thiếu tình bạn. Có thể không được phép chỉ yêu một người duy nhất như thế, dù người đó là mẹ mình.

Sai lầm của tôi là đã tin vào những chiến thắng cá nhân. Giờ đây, khi không còn tồn tại nữa, tôi đã được trả lại tất cả. Mọi người, mọi dân tộc, mọi đội quân đã trở thành đồng minh của tôi, tôi không thể chiều theo sự chia rẽ nội bộ của họ, tôi vẫn hướng ngoại, ở đường chân trời, như một người lính gác bị bỏ quên. Tôi tiếp tục nhận ra mình trong số tất cả những sinh vật bị xử tệ và tôi hoàn toàn trở nên bất lực trong những cuộc chiến huynh đệ tương tàn.

Nhưng phần còn lại, các bạn hãy chăm chú ngắm nhìn bầu trời sau khi tôi chết: các bạn sẽ thấy, bên cạnh sao Orion, chòm Thất Tinh hay chòm Đại Hùng, xuất hiện một chòm sao mới: chòm sao chó Roquet hình người đang ngoạm hai hàm răng của mình vào một cái mũi trời nào đó.

Cũng có lúc tôi sung sướng nữa là đăng khác, như ở đây, vào tối hôm nay, được nằm dài trên bờ biển Big Sur, trong bóng hoàng hôn

xám xịt và mờ ảo, khi tiếng hải cầu xa xa vọng đến bên tôi từ những mỏm đá và tôi chỉ cần ngẩng đầu lên một chút là có thể trông thấy đại dương. Tôi chăm chú nghe đại dương và luôn có cảm giác rằng mình sắp hiểu những gì đại dương đang tìm cách giải bày, rằng mình sắp phá vỡ mặt mã và rằng tiếng thầm thì dai dẳng, khôn nguôi của những con sóng dồi đang gần như gằng hét sức tìm cách nói với mình điều gì đó, giải thích cho mình nghe điều gì đó.

Cũng đôi khi, tôi ngừng lắng nghe và chỉ nằm đó để thở. Đó là một sự nghỉ ngơi trọn vẹn. Thực sự tôi đã cố hết mình, đã làm tất cả những gì có thể.

Tay trái tôi siết chặt tám huy chương bằng bạc mà tôi đạt được tại giải vô địch bóng bàn thành phố Nice năm 1932.

Tôi còn thường cởi áo vest ra rồi bỗng lao lên thăm, cúi gập người, vươn dậy rồi lại cúi gập người, vặn vẹo và cuộn tròn, cơ thể tôi vẫn vững chãi lắm, nhưng tôi không thể thoát khỏi bản thân mình, không thể đẩy lùi những bức tường của chính mình. Thường thì người ta nghĩ tôi chỉ đang tập thể dục một chút thôi, một tờ tuần báo lớn của Mỹ đã cho đăng ảnh tôi đang tập thể dục trên hai trang liền, như một tấm gương cần noi theo.

Tôi không phải không xứng đáng, tôi đã giữ lời hứa và tôi vẫn tiếp tục. Tôi đã phụng sự nước Pháp hết mình, bởi đó là những gì mẹ để lại cho tôi, ngoài một bức ảnh căn cước nhỏ. Tôi cũng viết sách, tôi đã làm nghề ngoại giao và ăn mặc theo kiểu London, như đã hứa, dù tôi kinh hãi kiểu may mặc của người Anh. Thậm chí tôi còn đóng góp nhiều công lớn cho nhân loại. Chẳng hạn, có một lần, tại Los Angeles, nơi thời đó tôi là Tổng Lãnh sự Pháp, điều này tất nhiên buộc tôi phải tuân thủ một số nghĩa vụ, một buổi sáng nọ, khi bước vào phòng khách, tôi thấy một con chim ruồi đã tự tin ở đó dù

biết đây là nhà của tôi, nhưng một cơn gió mạnh làm sập cửa đã nhốt nó suốt đêm trong bốn bức tường. Nó đậu trên một chiếc gối dựa, trông nó nhỏ nhoi và bàng hoàng vì không hiểu gì, có thể nó đang tuyệt vọng và mất dần lòng dũng cảm, nó đang khóc bằng cái giọng u sầu nhất mà tôi chưa bao giờ nghe thấy, vì người ta có bao giờ nghe thấy giọng của nó đâu. Tôi mở cửa sổ và nó bay ra, còn tôi hiếm khi thấy mình hạnh phúc hơn khoảnh khắc đó, và tôi tin mình đã không sống vô ích. Một lần khác, tại châu Phi, tôi đã kịp đá cho anh thợ săn một cái khi anh ta ngắm bắn một con linh dương đang đứng yên giữa đường. Có nhiều trường hợp tương tự khác, nhưng tôi không muốn ra vẻ khoe khoang về những gì mình đã làm được trên thế gian. Tôi chỉ kể ra để chứng tỏ mình đã thực sự cố gắng hết sức như từng nói. Tôi chưa bao giờ trở thành một người vô liêm sỉ, hay bị quan yếm thế, trái lại, tôi thường xuyên có những khoảnh khắc hy vọng và mong mỗi trọng đại. Năm 1951, ở vùng sa mạc New Mexico, khi tôi đang ngồi trên một mô đá dung nham, hai con thần lằn bé bỏng trắng muốt trèo lên người tôi. Chúng lục lọi người tôi tứ phía với vẻ hoàn toàn tự tin, không hề tỏ ra chút gì gọi là sợ hãi, một trong hai con, sau khi lặng lẽ tỉ hai chi trước lên mặt tôi, đã thò mõm vào tai tôi và cứ như vậy một lúc lâu. Các bạn có thể tưởng tượng tôi ngồi chờ ở đó với niềm hy vọng dâng trào như thế nào, với sự mong mỏi cuồng nhiệt như thế nào. Nhưng nó không nói gì hết, hoặc tôi không nghe thấy gì. Dầu sao cũng thật lạ khi nghĩ rằng con người hoàn toàn hiện hình, hoàn toàn được bạn bè trông thấy. Tôi cũng không muốn người ta tưởng tôi đang chờ một lời nhắn hay một lời giải thích nào đó: không phải như vậy. và lại, tôi không tin vào sự hóa kiếp, cũng không tin vào bất cứ suy nghĩ ngây thơ nào đại loại như thế. Nhưng thú thật tôi không thể

cưỡng lại việc hy vọng một điều gì đó, dù chỉ trong phút chốc. Tôi vốn hay đau ốm, sau chiến tranh, vì không thể giẫm lên một con kiến hay nhìn thấy một con bọ da trong nước, nên rất cuộc, tôi đã viết một cuốn sách dày cộp để kêu gọi con người nâng niu thiên nhiên bằng chính đôi tay mình. Tôi không biết mình thực sự thấy gì trong mắt thú vật, nhưng qua ánh mắt chúng, ta có thể đọc thấy một kiểu chất vấn câm lặng, một kiểu thái độ không hiểu, một kiểu câu hỏi, điều nhắc tôi nhớ lại một thứ gì đó và khiến tôi vô cùng xúc động. Tuy nhiên, nhà tôi không có thú vật, vì tôi là một người dễ gần bó và, tóm lại, tôi thích gần bó hơn cả với đại dương, vốn không chết sớm bao giờ. Bạn bè tôi cho rằng đôi khi tôi có một thói quen kỳ lạ, đó là dừng bước trên phố, ngược mắt nhìn mặt trời và cứ nhìn như thế một lúc lâu, ra vẻ kiêu căng, như thể tôi đang tìm cách quyến rũ ai đó.

Thế đấy. Sắp phải rời xa bờ biển, nơi tôi nằm nghe biển khơi đã rất lâu rồi. Tôi nay, ở Big Sur, sẽ có sương mù nhẹ, trời sẽ se lạnh, còn tôi, tôi chưa bao giờ học cách nhen lửa để tự sưởi ấm mình. Tôi sẽ cố nán lại đó một lúc nữa, để lắng nghe, bởi vì tôi luôn có cảm giác mình sắp hiểu những gì đại dương muốn nói. Tôi nhắm mắt lại, mỉm cười và lắng nghe... Tôi vẫn còn giữ những thói quen lạ lùng đó. Bờ biển càng hoang sơ tôi càng thấy nó đông đúc. Những chú hải cầu đã lặng im trên những mỏm đá, và tôi ở đó, mắt nhắm lại, miệng mỉm cười, tôi tưởng tượng một chú hải cầu nhẹ nhàng đi về phía mình còn mình thì bỗng cảm thấy một chiếc mồm thân thương cào vào má hay vai... Tôi đã từng sống.